

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG TẬP 26/3

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 26/3

No. 1536-1541

SỐ 1536/20

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DỊ MÔN TÚC

*Tác giả: Tôn giả Xá Lợi Tử.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 14

Phẩm 6: NĂM PHÁP, phần 4

* **Năm căn:** 1. Tín căn. 2. Tinh tấn căn. 3. Niệm căn. 4. Định căn. 5. Tuệ căn. Tương của năm căn này như trước đã nói rộng.

*

* **Năm lực:** 1. Tín lực. 2. Tinh tấn lực. 3. Niệm lực. 4. Định lực. 5. Tuệ lực.

1. Thế nào là tín lực?

Đáp: Túc ở chỗ Đức Như Lai tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín, sinh căn, an trụ. Không bị các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên Ma Phạm, hay các thế gian khác dẫn dụ chiếm đoạt. Đó gọi là tín lực.

2. Thế nào là tinh tấn lực?

Đáp: Túc đối với mình, khi sinh các pháp bất thiện vì nhằm đoạn trừ vĩnh viễn, nên sinh khởi mong muốn, cố gắng, thúc đẩy, cho đến nói rộng về bốn chánh đoạn. Đó gọi là tinh tấn lực.

3. Thế nào là niệm lực?

Đáp: Tức đối với nội thân an trụ, tuân tự quán về thân, cho đến nói rộng về bốn thứ niệm trụ. Đó gọi là niệm lực.

4. Thế nào là định lực?

Đáp: Tức lìa bỏ các pháp bất thiện dục ác, cho đến nói rộng về bốn tĩnh lực. Đó gọi là định lực.

5. Thế nào là tuệ lực?

Đáp: Tức hiểu biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng tới hành khổ diệt Thánh đế. Đó gọi là tuệ lực.

Vì sao gọi là lực? Vì nhân nơi lực như thế, dựa nơi lực như thế, trụ vào lực như thế, nên có thể đoạn trừ, có thể loại bỏ, có thể phá trừ tất cả các thứ kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, nên gọi là lực.

*

*** Năm Bất hoàn:** *Những gì là năm?* 1. Bồ-đặc-già-la Trung bát Niết-bàn. 2. Bồ-đặc-già-la Sinh bát Niết-bàn. 3. Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn. 4. Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn. 5. Bồ-đặc-già-la Thượng lưu. Đó gọi là năm Bất hoàn.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la Trung bát Niết-bàn?

Đáp: Có các Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) ở nơi hiện pháp, đã đoạn dứt năm kiết thuận phần dưới, chưa đoạn dứt năm kiết thuận phần trên, nên còn tạo tác tăng trưởng, dấy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó, sau khi thân hoại mạng chung, trung hữu của người ấy khởi sinh nơi cõi trời thuộc Sắc giới, đã khởi xong liền được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà Bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Trung bát Niết-bàn.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la Trung bát Niết-bàn? Do Bồ-đặc-già-la này có căn trí rất mạnh mẽ, các kiết thì mỏng yếu, đã vượt khỏi cõi Dục, nhưng chưa đến cõi Sắc. Ở trong khoảng giữa đó liền được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Trung bát Niết-bàn.

2. Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh bát Niết-bàn?

Đáp: Có các Bồ-đặc-già-la ở nơi hiện pháp, đối với năm kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng năm kiết thuận phần trên thì chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên còn tạo tác tăng trưởng, dấy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó, sau khi thân hoại mạng chung, trung hữu của người ấy khởi sinh nơi cõi trời thuộc Sắc giới, đã sinh vào Sắc giới rồi không bao lâu liền đạt được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh bát Niết-bàn.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh bát Niết-bàn? Do Bồ-đặc-già-la này vừa sinh chưa bao lâu liền đạt được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh bát Niết-bàn.

Lại nữa, có chỗ nói: Do Bồ-đặc-già-la như thế vừa sinh chưa bao lâu liền đạt được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại, sau đây đã sống cho đến hết thọ mạng mới nhập Niết-bàn vô dư, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Sinh Bát Niết-bàn.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn?

Đáp: Có các Bồ-đặc-già-la ở nơi hiện pháp, đối với năm kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng năm kiết thuận phần trên thì chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên còn tạo tác tăng trưởng, dấy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó, sau khi thân hoại mạng chung, trung hữu của người ấy khởi sinh nơi

cõi trời thuộc Sắc giới, sinh đến Sắc giới, sinh rồi thời gian sau nương vào đạo hữu hành, do có siêng năng hành trì, có siêng năng tác ý, tu tập không dứt đạo gia hạnh, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn? Do Bồ-đặc-già-la này dựa vào đạo hữu hành, do có siêng năng hành trì, có siêng năng tác ý, tu tập không dừng đạo gia hạnh, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn.

Lại nữa, có chỗ nói: Do Bồ-đặc-già-la này nương vào định duyên nơi hữu vi, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Hữu hành bát Niết-bàn.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn?

Đáp: Có các Bồ-đặc-già-la ở nơi hiện pháp, đối với năm kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng năm kiết thuận phần trên thì chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, nên còn tạo tác tăng trưởng, dấy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó, sau khi thân hoại mạng chung, trung hữu của người ấy khởi sinh nơi cõi trời thuộc Sắc giới, sinh đến Sắc giới, sinh rồi thời gian sau nương vào đạo vô hành, do hành không siêng gắng và tác ý *vô cần*, tu tập đạo gia hạnh chỉ tức, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn vô dư y. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn? Do Bồ-đặc-già-la này nương vào đạo vô hành, do hành *vô cần* cùng tác ý *vô cần*, tu đạo gia hạnh chỉ tức, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn.

Lại nữa, có chỗ nói: Do Bồ-đặc-già-la này dựa vào định, duyên nơi vô vi, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn vô dư y, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Vô hành bát Niết-bàn.

5. Thế nào là Bồ-đặc-già-la Thượng lưu?

Đáp: Có các Bồ-đặc-già-la ở nơi hiện pháp, đối với năm kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhưng năm kiết thuận phần trên thì chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, cho đến hiện tu xen tạp loại tĩnh lự thứ tư của thế tục, cho đến khi sắp mạng chung thì thoái xuống ba tĩnh lự, chỉ trụ vào tĩnh lự thứ nhất mà mất. Do đó nên tạo tác tăng trưởng, đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy sinh khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Phạm chúng thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập nơi tĩnh lự thứ hai của thế tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy sinh khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Quang âm thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập nơi tĩnh lự thứ ba của thế tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Biến tịnh thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập nơi tĩnh lự thứ tư của thế tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Quảng quả thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập tu xen tạp phẩm hạ nơi tĩnh lự thứ tư của thế tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Vô phiền thuộc Sắc giới. Sinh rồi,

thời gian sau hiện nhập tu xen tạp phẩm trung nơi tĩnh lự thứ tư của thể tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Vô nhiệt thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập tu xen tạp phẩm thượng nơi tĩnh lự thứ tư của thể tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Thiện hiện thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập tu xen tạp phẩm thượng thắng nơi tĩnh lự thứ tư của thể tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Thiện kiến thuộc Sắc giới. Sinh rồi, thời gian sau hiện nhập tu xen tạp phẩm thượng thượng hoàn toàn đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư của thể tục, cho đến khi mạng chung đã tạo tác thêm nhiều, nên đẩy khởi các nghiệp dị thực và nghiệp sinh dị thực.

Sau khi qua đời, trung hữu của người ấy hiện khởi nơi cõi trời thuộc Sắc giới, được sinh lên trời Sắc cứu cánh. Sinh rồi, thời gian sau mới được lực của đạo vô lậu như thế, tiến đến việc đoạn dứt hết các kiết còn lại mà bát Niết-bàn vô dư y. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la Thượng lưu.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la Thượng lưu? Có hai thứ lưu (Dòng chảy) sinh tử: Đó là nghiệp sinh tử và phiền não. Người này đối với hai thứ lưu ấy đều chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, do nhân duyên đó nên phải đi trên con đường ấy, lưu chuyển theo dòng chảy của sinh tử và phiền não ấy, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Thượng lưu.

Lại nữa, có nơi nói: Do loại hữu tình bất hoàn này dần dần thắng tiến càng về sau chứng được định, nên có thể lãnh nhận, theo đây lãnh nhận các định vĩnh viễn không còn thoái chuyển, nên gọi là Bồ-đặc-già-la Thượng lưu.

Lại nữa, thượng lưu lược nêu có hai thứ, đó là: a. Hành cõi Sắc. b. Hành cõi Vô sắc. *Hành cõi Sắc*: Tức xem trời Sắc cứu cánh là xứ cao tốt nhất. *Hành cõi Vô sắc*: Tức xem xứ Phi tướng phi phi tướng là xứ cao tốt nhất.

*

* **Năm trời Tịnh Cư**: *Những gì là năm?* 1. Trời Vô Phiền. 2. Trời Vô Nhiệt. 3. Trời Thiện Hiện. 4. Trời Thiện Kiến. 5. Trời Sắc Cứu Cánh. Đó gọi là năm trời Tịnh cư.

1. Thế nào là trời Vô phiền?

Đáp: Nghĩa là hữu tình nơi trời Vô phiền đều là một loại, là bạn bè cùng chung đồng phần, do nương dựa, sự việc, nơi chốn đạt được đều đồng. Lại, nếu sinh vào trời Vô phiền thì các uẩn sắc, thọ, tướng, hành, thức hiện có đều là vô phú vô ký. Đó gọi là trời Vô phiền.

Lại nữa, do trời Vô phiền đối với khổ thấy là khổ, đối với tập thấy là tập, đối với diệt thấy là diệt, đối với đạo thấy là đạo, nên gọi là trời Vô phiền.

Lại nữa, vì trời Vô phiền thân tâm không bị phiền nhiễu, do thân tâm không bị phiền nhiễu nên lãnh nhận các thọ vô lậu vi diệu, hoàn toàn tịch tĩnh, tịch tĩnh khắp, nên gọi là trời Vô phiền.

Lại nữa, đây là danh hiệu, là dị ngữ, là tăng ngữ, là các tướng cùng tướng đã được thiết lập để nêu bày, nên gọi là trời Vô phiền.

2. Thế nào là trời Vô nhiệt?

Đáp: Nghĩa là hữu tình nơi trời Vô nhiệt đều là một loại, là bạn bè cùng chung đồng phần, do nương dựa, sự việc, nơi chốn đạt được

đều đồng. Lại, nếu sinh vào trời Vô nhiệt thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là vô phú vô ký. Đó gọi là trời Vô nhiệt.

Lại nữa, do trời Vô nhiệt đối với khổ thấy là khổ, đối với tập, diệt, đạo đều thấy là tập, diệt, đạo, nên gọi là trời Vô nhiệt.

Lại nữa, do trời Vô nhiệt thân tâm không bị nhiệt nảo, do thân tâm không bị nhiệt nảo nên lãnh nhận các thọ vô lậu vi diệu, hoàn toàn tịch tĩnh, tịch tĩnh khắp, nên gọi là trời Vô nhiệt.

Lại nữa, đây là danh hiệu, là dị ngữ, là tăng ngữ, là các tướng cùng tướng đã được thiết lập để nêu bày, nên gọi là trời Vô nhiệt.

3. Thế nào là trời Thiện hiện?

Đáp: Nghĩa là hữu tình nơi trời Thiện hiện đều là một loại, là bạn bè cùng chúng đồng phần, do nương dựa, sự việc, nơi chốn đạt được đều đồng. Lại, nếu sinh vào trời Thiện hiện thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là vô phú vô ký. Đó gọi là trời Thiện hiện.

Lại nữa, do trời Thiện hiện đối với khổ thấy là khổ, đối với tập, diệt, đạo đều thấy là tập, diệt, đạo, nên gọi là trời Thiện hiện.

Lại nữa, do chư Thiên nơi trời Thiện hiện có hình sắc vi diệu, oai nghiêm thanh tịnh, mọi người đều ưa thích nhìn ngắm, hơn hẳn chư Thiên nơi hai trời Vô phiền, Vô nhiệt, nên gọi là trời Thiện hiện.

Lại nữa, đây là danh hiệu, là dị ngữ, là tăng ngữ, là các tướng cùng tướng đã được thiết lập để nêu bày, nên gọi là trời Thiện hiện.

4. Thế nào là trời Thiện kiến?

Đáp: Nghĩa là hữu tình nơi trời Thiện kiến đều là một loại, là bạn bè cùng chúng đồng phần, do nương dựa, sự việc, nơi chốn đạt được đều đồng. Lại, nếu sinh vào trời Thiện kiến thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là vô phú vô ký. Đó gọi là trời Thiện kiến.

Lại nữa, do trời Thiện kiến đối với khổ thấy là khổ, đối với tập, diệt, đạo đều thấy là tập, diệt, đạo, nên gọi là trời Thiện kiến.

Lại nữa, do chư Thiên nơi trời Thiện kiến có hình sắc càng trở nên vi diệu, càng oai nghiêm thanh tịnh, mọi người càng ưa thích nhìn ngắm, hơn hẳn chư Thiên nơi các trời Vô phiền, Vô nhiệt và Thiện hiện, nên gọi là trời Thiện kiến.

Lại nữa, đây là danh hiệu, là dị ngữ, là tăng ngữ, là các tướng cùng tướng đã được thiết lập để nêu bày, đó gọi là trời Thiện kiến.

5. Thế nào là trời Sắc cứu cánh?

Đáp: Nghĩa là hữu tình nơi trời Sắc cứu cánh đều là một loại, là bạn bè cùng chung đồng phần, do nương dựa, sự việc, nơi chốn đạt được đều đồng. Lại, nếu sinh vào trời Sắc cứu cánh thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có đều là vô phú vô ký. Đó gọi là trời Sắc cứu cánh.

Lại nữa, do trời Sắc cứu cánh đối với khổ thấy là khổ, đối với tập, diệt, đạo đều thấy là tập, diệt, đạo, nên gọi là trời Sắc cứu cánh.

Lại nữa, do trời Sắc cứu cánh tự Thế đạt được, đối với nẻo sinh sắc là tối thắng, bậc nhất, nên gọi là trời Sắc cứu cánh.

Lại nữa, cõi này cũng gọi là trời Ngại cứu cánh. Ngại nghĩa là thân bị ngăn ngại. Đây là xứ thân bị ngăn ngại rất ráo nhất, nên gọi là trời Ngại cứu cánh.

Lại nữa, đây là danh hiệu, là dị ngữ, là tăng ngữ, là các tướng cùng tướng đã được thiết lập để nêu bày, nên gọi là trời Sắc cứu cánh, hoặc là trời Ngại cứu cánh.

*

* *Năm cảnh giới xuất ly:* 1. Cụ thọ nên biết! Có các chúng Thánh đệ tử đa văn gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén, như khi

nghĩ về các dục, tức thì đối với các dục, tâm không hướng nhập, không tin ưa, không an trụ, không thắng giải, luôn lui giữ, không vươn tới, luôn trụ trong sự từ bỏ, chán ghét, khinh chê, điều phục, chống đối. Như các sợi gân hay lông chim khi bị đốt cháy thì co rút lại. Như vậy, chúng Thánh đệ tử đa văn gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén, nếu nghĩ về các dục, tức thì đối với các dục, tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng. Nhưng nếu nghĩ về nẻo xuất ly, tức thì đối với nẻo xuất ly, thâm tâm hướng nhập, tin ưa, an trụ, có thắng giải, không lui giữ mà luôn vươn rộng, tâm không chán ghét tự nhiên hiện hành, tâm được an lạc, dễ dàng tu tập, khéo tu tập. Đối với các duyên của dục đã khởi sinh các lậu gây tổn hại bức não đều được giải thoát. Các vị ấy, từ đây đẩy khởi giải thoát lia trói buộc, nên không còn tiếp nhận những nhân duyên nơi các thọ. Như thế gọi là đối với dục đã xuất ly.

2, 3, 4. Đối với giận – không giận, đối với hại – không hại, đối với sắc – vô sắc, nên biết cũng như thế.

5. Cụ thọ nên biết! Có các chúng Thánh đệ tử đa văn gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén, như khi nghĩ về hữu thân, tức thì đối với hữu thân, tâm không hướng nhập, không tin ưa, không an trụ, không thắng giải, luôn lui giữ, không vươn tới, luôn trụ trong sự từ bỏ, chán ghét, khinh chê, điều phục, chống đối. Như các sợi gân hay lông chim khi bị đốt cháy thì co rút lại. Như vậy, chúng Thánh đệ tử đa văn gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén, nếu nghĩ về hữu thân, tức thì đối với hữu thân tâm không hướng nhập, cho đến nói rộng. Nhưng nếu nghĩ về hữu thân diệt để được Niết-bàn, tức thì đối với điều ấy, thâm tâm hướng nhập, tin ưa, an trụ, có thắng giải, không lui giữ mà luôn vươn rộng, tâm không chán ghét tự nhiên hiện hành, tâm được an lạc, dễ dàng tu tập, khéo tu tập. Đối với các duyên của hữu thân đã khởi sinh các lậu gây tổn hại bức não đều được giải thoát. Các vị ấy từ đây đẩy khởi giải thoát lia trói buộc, nên không còn tiếp

nhận những nhân duyên nơi các thọ. Như thế gọi là đối với hữu thân đã xuất ly.

Đó gọi là năm cảnh giới xuất ly.

Ở đây:

Nói các hữu: Nghĩa là tên họ như thế, chủng loại như thế, ăn uống như thế, thọ nhận khổ vui như thế, sống lâu như thế, biên vực của thọ mạng như thế, nên gọi là các hữu.

Đa văn: Nghĩa là được nghe nhiều chánh pháp. Nhiều chánh pháp tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tụng thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bồn sự, Bồn sinh, Phương quảng, Hy pháp, Nghị luận v.v... Nghe lãnh hội các pháp đó nên gọi là đa văn.

Thánh đệ tử: Thánh đây nghĩa là chư Phật, đệ tử của Phật gọi là đệ tử Thánh. Những người đã quy y Phật, Pháp, Tăng, tất cả đều được gọi là đệ tử của Thánh.

Hàng đệ tử Phật gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén: Thế nào là rộng khắp, sắc bén? Đó là viên mãn thuộc thượng phẩm, nên gọi là rộng khắp, sắc bén. *Thế nào là kiến thức?* Như nương vào nẻo xuất ly, xa lìa đã sinh khởi pháp thiện, đối với các pháp cần lựa chọn nên lựa chọn thật kỹ lưỡng v.v..., nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là kiến thức.

Như khi nghĩ về các dục: Thế nào là các dục? Dục cũng gọi là các dục, cõi Dục cũng gọi là các dục, năm cảnh dục lạc nổi bật cũng gọi là các dục. Nay trong nghĩa này ý nói năm cảnh dục lạc nổi bật gọi là các dục. Do đây nên nói như khi nghĩ về các dục.

Tức thì đối với các dục, tâm không hướng nhập, không tin ưa, không an trụ, không thảng giải: Nghĩa là các đệ tử Thánh, đối với cảnh dục nổi bật đã được tán dương, tác ý cùng hành, thì khi tư duy xét kỹ, họ đều không khởi tâm thuận theo, tin thuận theo, ý muốn

thuận theo, thắng giải thuận theo, đã và sẽ thắng giải. Do đây nên nói: Tức thì đối với các dục, tâm không hướng nhập v.v..., cho đến không thắng giải.

Luôn lui giữ, không vươn tới: Nghĩa là các đệ tử Thánh, nơi các dục nổi bật, tâm không vui trụ, không tùy thuận, không hướng tới, không đi vào, nên gọi là luôn lui giữ, không vươn tới.

Luôn trụ trong sự từ bỏ, chán ghét, khinh chê v.v...: Nghĩa là các đệ tử Thánh, nơi các dục nổi bật, khi tư duy xét kỹ đã luôn trụ trong sự từ bỏ, chán ghét, khinh chê, điều phục, chống đối.

Nếu nghĩ về nẻo xuất ly: Thế nào là xuất ly? Xuất ly cũng gọi là xuất ly, cảnh giới xuất ly cũng gọi là xuất ly, căn thiện của cõi Sắc cũng gọi là xuất ly, tinh lự thứ nhất cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói tinh lự thứ nhất gọi là xuất ly. Do đó nên nói nếu nghĩ về nẻo xuất ly.

Tức thì đối với nẻo xuất ly, thâm tâm hướng nhập, tin ưa, an trụ, có thắng giải: Nghĩa là các đệ tử Phật đối với nẻo xuất ly này do thắng giải, tác ý cùng hành, tư duy kỹ liền sinh tâm tùy thuận, tin tưởng tùy thuận, ước muốn tùy thuận, thắng giải tùy thuận, đã và sẽ thắng giải. Do đây nên nói tức thì đối với nẻo xuất ly, thâm tâm hướng nhập, tin ưa, an trụ, có thắng giải.

Không lui giữ mà luôn vươn rộng: Nghĩa là các đệ tử Phật đối với nẻo xuất ly ấy, do khen ngợi khi tác ý cùng hành suy tư kỹ, tâm vui thích an trụ, thuận hướng, đi vào, nên nói là không lui giữ mà luôn vươn rộng.

Tâm không chán ghét tự nhiên hiện hành: Nghĩa là các đệ tử Phật, đối với nẻo xuất ly này, do khen ngợi cùng hành khi tác ý tư duy kỹ, không phải như đối với các dục, tâm không thích trụ, lại chán ghét, khinh chê, điều phục, chống đối. Do đây nên nói tâm không chán ghét tự nhiên hiện hành.

Tâm được an lạc: Nghĩa là các đệ tử Phật, ngay lúc ấy tâm họ được an lạc, không cực nhọc, hao tổn, nên thành tựu pháp không mỏi mệt, do đó gọi là tâm được an lạc.

Đễ dàng tu tập: Nghĩa là các đệ tử Phật, ngay lúc ấy thường xuyên tu tập, luôn luôn tác ý, tu tập tương ưng, nên gọi là dễ dàng tu tập.

Khéo tu tập: Nghĩa là các đệ tử Phật, ngay lúc ấy vì có đủ các thứ nhân, môn, lý và hành nên cần trọng tu tập, kiên trụ tu tập, cung kính tu tập, tác ý tu tập, nên gọi là khéo tu tập.

Đối với các duyên của dục đã khởi sinh các lậu gây tổn hại bức não đều được giải thoát. Các vị ấy từ đây dứt khởi giải thoát lìa trói buộc: Nghĩa là các đệ tử Phật, do nhân duyên ấy nên ở trước các dục tâm được giải thoát, từ đây dứt khởi giải thoát lìa trói buộc.

Không còn tiếp nhận những nhân duyên nơi các thọ: Nghĩa là đối với các lậu nếu chưa được đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, tức sẽ nhận lấy các khổ não. Nếu đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, thì không còn tiếp nhận các khổ thọ. Thế nên nói không còn tiếp nhận những nhân duyên nơi các thọ.

Như thế gọi là đối với dục đã xuất ly: Nay ở trong đây, thế nào gọi là xuất ly? Đoạn dứt hoàn toàn các dục cũng gọi là xuất ly, vượt qua các dục cũng gọi là xuất ly, lìa bỏ trần tục cũng gọi là xuất ly, căn thiện nơi cõi Sắc cũng gọi là xuất ly, tĩnh lự thứ nhất cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói tĩnh lự thứ nhất gọi là xuất ly.

2. *Đối với giận dữ, không giận dữ: Thế nào là giận dữ?* Giận dữ cũng gọi là giận dữ, cảnh giới giận dữ cũng gọi là giận dữ. Nay trong nghĩa này ý nói cảnh giới giận dữ gọi là giận dữ. *Thế nào là không giận dữ?* Không giận dữ cũng gọi là không giận dữ, cảnh giới không giận dữ cũng gọi là không giận dữ, định tâm Từ cũng gọi là không giận dữ. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Từ gọi là không giận dữ.

3. *Đối với hại, không hại: Thế nào là hại?* Hại cũng gọi là hại, cảnh giới hại cũng gọi là hại. Nay trong nghĩa này ý nói cảnh giới hại gọi là hại. *Thế nào là không hại?* Không hại cũng gọi là không hại, cảnh giới không hại cũng gọi là không hại, định tâm Bi cũng gọi là không hại. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Bi gọi là không hại.

4. *Đối với sắc, vô sắc: Thế nào là sắc?* Sắc cũng gọi là sắc, cõi Sắc cũng gọi là sắc, bốn tinh lự cũng gọi là sắc. Nay trong nghĩa này ý nói bốn tinh lự gọi là sắc. *Thế nào là vô sắc?* Vô sắc cũng gọi là vô sắc, cõi Vô sắc cũng gọi là vô sắc, bốn xứ vô sắc cũng gọi là vô sắc. Nay trong nghĩa này ý nói bốn xứ vô sắc gọi là vô sắc.

5. *Có các chúng Thánh đệ tử đa văn gồm đủ kiến thức rộng khắp, sắc bén:* Như trước đã nói.

Như khi nghĩ về hữu thân: Hữu thân cũng gọi là hữu thân, năm thủ uẩn cũng gọi là hữu thân. Nay trong nghĩa này ý nói năm thủ uẩn gọi là hữu thân.

Tức thì đối với hữu thân, tâm không hướng nhập v.v...: Như trước đã nói về dục.

Nếu nghĩ về hữu thân diệt: Hữu thân diệt cũng gọi là diệt, trạch diệt cũng gọi là diệt. Nay trong nghĩa này ý nói trạch diệt gọi là diệt, không phải thứ khác.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 15

Phẩm 7: SÁU PHÁP, phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với *sáu pháp* đã tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết, khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, tạo lợi ích cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là *sáu pháp*? Trong đây có 2 Tụng nêu tổng quát:

**

1. Tụng nêu tổng quát thứ nhất:

*Một: Sáu pháp có mười
Là thức, xúc, nội, ngoại
Cùng thọ, tưởng, tư, ái
Thoái, không thoái đều sáu.*

Gồm có: Sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, sáu pháp thuận thoái chuyển, sáu pháp thuận không thoái chuyển.

*

* **Sáu nội xứ:** 1. Nội xứ của mắt. 2. Nội xứ của tai. 3. Nội xứ của mũi. 4. Nội xứ của lưỡi. 5. Nội xứ của thân. 6. Nội xứ của ý.

Hỏi: Thế nào là Nội xứ của mắt?

Đáp: Như mắt đối với sắc, hoặc đã thấy, hoặc đang thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc các thứ đồng phần, đó gọi là Nội xứ của mắt.

Nội xứ của *Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý* theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu ngoại xứ:** 1. Ngoại xứ của sắc. 2. Ngoại xứ của thanh. 3. Ngoại xứ của hương. 4. Ngoại xứ của vị. 5. Ngoại xứ của xúc. 6. Ngoại xứ của pháp.

Hỏi: Thế nào là Ngoại xứ của sắc?

Đáp: Như sắc được mắt, hoặc đã nhìn thấy, hoặc đang nhìn thấy, hoặc sẽ nhìn thấy, hoặc các thứ đồng phần, đó gọi là Ngoại xứ của sắc.

Ngoại xứ của *Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp* theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu thức thân:** 1. Nhãn thức thân. 2. Nhĩ thức thân. 3. Tỷ thức thân. 4. Thiệt thức thân. 5. Thân thức thân. 6. Ý thức thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn thức thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Đối với mắt đã nhận biết về sắc với các tánh phân biệt rõ, tánh phân biệt hết sức rõ, tánh phân biệt rõ về sắc. Đó gọi là Nhãn thức thân.

Các thứ thức thân như *Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý* theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu xúc thân:** 1. Nhãn xúc thân. 2. Nhĩ xúc thân. 3. Tỷ xúc thân. 4. Thiệt xúc thân. 5. Thân xúc thân. 6. Ý xúc thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xúc thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên có xúc. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Đối với mắt đã nhận biết về sắc với các xúc cùng xúc, cùng tánh của xúc, đã xúc, sẽ xúc. Đó gọi là Nhãn xúc thân.

Các thứ xúc thân như *Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý* theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu thọ thân:** 1. Nhãn xúc sinh thọ thân. 2. Nhĩ xúc sinh thọ thân. 3. Tỷ xúc sinh thọ thân. 4. Thiệt xúc sinh thọ thân. 5. Thân xúc sinh thọ thân. 6. Ý xúc sinh thọ thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xúc sinh thọ thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên có thọ. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nhãn xúc làm nhân, nhãn xúc cùng khởi, là chủng loại nhãn xúc, nhãn xúc đã sinh, nhãn xúc đã khởi tác ý tương ưng. Nơi mắt đã nhận biết sắc có các thọ cùng thọ, hiện tiền cùng thọ, đã thọ, sẽ thọ. Đó gọi là Nhãn xúc sinh thọ thân.

Các thứ thọ thân do *Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý* xúc sinh theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu tưởng thân:** 1. Nhãn xúc sinh tưởng thân. 2. Nhĩ xúc sinh tưởng thân. 3. Tỷ xúc sinh tưởng thân. 4. Thiệt xúc sinh tưởng thân. 5. Thân xúc sinh tưởng thân. 6. Ý xúc sinh tưởng thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xúc sinh tưởng thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên có tưởng. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nhãn xúc làm nhân, nhãn xúc cùng khởi, là chủng loại nhãn xúc, nhãn xúc đã sinh, nhãn xúc đã khởi tác ý tương ưng. Nơi mắt đã nhận biết sắc có các tướng cùng tướng, hiện tiền cùng tướng, đã tướng, sẽ tướng. Đó gọi là Nhãn xúc sinh tưởng thân.

Các thứ tưởng thân do *Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý* xúc sinh theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu tư thân:** 1. Nhãn xúc sinh tư thân. 2. Nhĩ xúc sinh tư thân. 3. Tỷ xúc sinh tư thân. 4. Thiệt xúc sinh tư thân. 5. Thân xúc sinh tư thân. 6. Ý xúc sinh tư thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xúc sinh tư thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên có tư. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nhãn xúc làm nhân, nhãn xúc cùng khởi, là chủng loại nhãn xúc, nhãn xúc đã sinh, nhãn xúc đã khởi tác ý tương ưng. Nơi mắt đã nhận biết sắc có các tư cùng tư, hiện tiền cùng tư, đã tư, sẽ tư, tạo nghiệp của tâm ý. Đó gọi là Nhãn xúc sinh tư thân.

Các thứ tư thân do *Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý* xúc sinh theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Sáu ái thân:** 1. Nhãn xúc sinh ái thân. 2. Nhĩ xúc sinh ái thân. 3. Tỷ xúc sinh ái thân. 4. Thiệt xúc sinh ái thân. 5. Thân xúc sinh ái thân. 6. Ý xúc sinh ái thân.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xúc sinh ái thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên có thọ. Thọ làm duyên nên có ái. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nơi mắt đã nhận biết sắc có các thứ tham cùng tham, nắm giữ, cất giấu, phòng hộ, đắm chấp, yêu thích. Đó gọi là Nhãn xúc sinh ái thân.

Các thứ ái thân do *Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân, Ý* xúc sinh theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

*** Sáu pháp thuận thoái chuyển:** 1. Trụ nơi không cung kính Phật. 2. Trụ nơi không cung kính Pháp. 3. Trụ nơi không cung kính Tăng. 4. Trụ nơi không cung kính việc học. 5. Đầy đủ lời nói ác. 6. Gặp gỡ bạn ác.

1. Trụ nơi không cung kính Phật: Thế nào là tánh không cung kính đối với Phật?

Đáp: Nghĩa là các tánh không cung kính đối với Phật, Thế Tôn, tánh không bình đẳng cung kính, tánh không cùng tự tại, tánh không bình đẳng cùng tự tại. Đó gọi là tánh không cung kính đối với Phật.

2. Trụ nơi không cung kính Pháp: Cũng như thế.

3. Trụ nơi không cung kính Tăng: Cũng như thế.

4. Trụ nơi không cung kính việc học: Cũng như thế.

5. Đầy đủ lời nói ác: Thế nào là tánh của lời nói ác?

Đáp: Như trước đã nói về lời nói thô ác.

6. Gặp gỡ bạn ác: Thế nào là tánh của bạn ác?

Đáp: Như trước đã nói về bạn ác.

*

*** Sáu pháp thuận không thoái chuyển:** 1. Trụ nơi có cung kính Phật. 2. Trụ nơi có cung kính Pháp. 3. Trụ nơi có cung kính Tăng. 4. Trụ nơi có cung kính sự học. 5. Đầy đủ lời nói thiện. 6. Gặp gỡ bạn lành.

1. *Trụ nơi có cung kính Phật:* Thế nào là tánh có cung kính đối với Phật?

Đáp: Nghĩa là các tánh cung kính đối với Phật, Thế Tôn, tánh có cung kính, tánh có cùng với tự tại, tánh có lo sợ tùy tự tại chuyển. Đó gọi là tánh có cung kính đối với Phật.

2. *Trụ nơi có cung kính Pháp:* Cũng như vậy.

3. *Trụ nơi có cung kính Tăng:* Cũng như vậy.

4. *Trụ nơi có cung kính sự học:* Cũng như vậy.

5. *Đầy đủ lời nói thiện:* Thế nào là tánh của lời nói thiện?

Đáp: Như trước đã nói về lời nói thiện.

6. *Gặp gỡ bạn lành:* Thế nào là tánh của bạn lành?

Đáp: Bạn lành nghĩa là Phật và đệ tử của Phật, nói rộng cho đến các hành xa lìa si, hành điều phục si. Đó gọi là tánh của bạn lành. Nếu đối với bạn lành như thế, các hành tập cận cùng hành tập cận thân cận, cùng thân cận, cung kính phụng sự. Đây gọi là gặp gỡ bạn lành.

**

2. Tụng nêu tổng quát thứ hai:

Hai: Sáu pháp: Mười bốn

Là hỷ ưu xả hằng

Giới xuất căn hỷ thông

Minh niệm thượng quán loại.

Gồm có: Sáu hành vui gần, sáu hành lo gần, sáu hành xả gần, sáu thứ luôn trụ, sáu giới, sáu cảnh giới xuất ly, sáu pháp là gốc tranh

cãi, sáu pháp đáng vui mừng, sáu thông, sáu tướng thuận phân minh, sáu tùy niệm, sáu pháp vô thượng, sáu pháp quán đối, sáu loại sinh.

*

*** Sáu hành vui gần (Hỷ cận hành):** 1. Mắt thấy sắc thuận xứ vui, hành sắc gần. 2. Tai nghe tiếng thuận xứ vui, hành tiếng gần. 3. Mũi ngửi mùi thuận xứ vui, hành mũi gần. 4. Lưỡi nếm vị thuận xứ vui, hành vị gần. 5. Thân biết xúc thuận xứ vui, hành xúc gần. 6. Ý hiểu pháp thuận xứ vui, hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận xứ vui, hành sắc gần: Nghĩa là khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc hoàn toàn là đáng yêu thích, đáng vui mừng, vừa ý. Do thuận nơi xứ vui, nên tác ý tư duy. Nếu đối với sắc ấy, do thuận với xứ vui nên tác ý tư duy sinh ra hỷ thọ. Đó gọi là mắt thấy sắc thuận xứ vui, hành sắc gần.

Các thứ hành vui gần của *Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý* cũng như thế.

*

*** Sáu hành lo gần (Ưu cận hành):** 1. Mắt thấy sắc thuận xứ lo, hành sắc gần. 2. Tai nghe tiếng thuận xứ lo, hành tiếng gần. 3. Mũi ngửi mùi thuận xứ lo, hành mũi gần. 4. Lưỡi nếm vị thuận xứ lo, hành vị gần. 5. Thân biết xúc thuận xứ lo, hành xúc gần. 6. Ý hiểu pháp thuận xứ lo, hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận xứ lo, hành sắc gần: Nghĩa là khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc hoàn toàn là không đáng yêu thích, không đáng vui mừng, không vừa ý. Do thuận nơi xứ lo, nên tác ý tư duy. Nếu đối với sắc ấy, do thuận nơi xứ lo nên tác ý tư duy sinh ra ưu thọ. Đó gọi là mắt thấy sắc thuận xứ lo, hành sắc gần.

Các thứ hành lo gần của *Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý* cũng như thế.

*

*** Sáu hành xả gần (Xả cận hành):** 1. Mắt thấy sắc thuận xứ xả, hành sắc gần. 2. Tai nghe tiếng thuận xứ xả, hành tiếng gần. 3. Mũi ngửi mùi thuận xứ xả, hành mùi gần. 4. Lưỡi nếm vị thuận xứ xả, hành vị gần. 5. Thân biết xúc thuận xứ xả, hành xúc gần. 6. Ý hiểu pháp thuận xứ xả, hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận xứ xả, hành sắc gần: Nghĩa là khi mắt thấy sắc rồi, đối với sắc không có việc đáng hay không đáng yêu thích, vui mừng, vừa ý. Do thuận nơi xứ xả, nên tác ý tư duy. Nếu đối với sắc ấy, do thuận nơi xứ xả nên tác ý tư duy sinh ra xả thọ. Đó gọi là mắt thấy sắc thuận xứ xả, hành sắc gần.

Các thứ hành xả gần của *Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý* cũng như thế.

*

*** Sáu thứ luôn trụ:** 1. Mắt thấy sắc không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả. 2. Tai nghe tiếng không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả. 3. Mũi ngửi mùi không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả. 4. Lưỡi nếm vị không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả. 5. Thân biết xúc không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả. 6. Ý hiểu pháp không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả.

Mắt thấy sắc không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả: Nghĩa là khi mắt thấy sắc, đối với việc đáng yêu thích, đáng vui mừng, đáng vừa ý thì không đáng yêu thích, không đáng vui mừng, không đáng vừa ý. Hoặc là chỗ nương dựa, hoặc là đấng vô gián, hoặc là đối tượng duyên, hoặc là nơi chôn, hoặc là sắc tăng thượng, do thuận nơi xứ xả nên tác ý tư duy. Nếu đối với sắc ấy do thuận nơi xứ xả nên tác ý tư duy sinh ra diệu xả. Đó gọi là mắt thấy sắc không vui không lo, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ nơi xả.

Các thứ luôn an trụ của *Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý* cũng như thế.

Trong đây, thế nào gọi là xả? Nói xả tức chỉ cho tâm có tánh bình đẳng, tâm có tánh ngay thẳng, tâm có tánh không kinh sợ, tự nhiên an trụ.

Lại nữa, có chỗ nói: Sáu thức tương ưng duyên nơi các cảnh của sắc thanh hương vị xúc pháp, nên có xả thọ gọi là xả. Nay trong nghĩa này nên biết ý nói tâm có tánh bình đẳng, tâm có tánh ngay thẳng, tâm có tánh không kinh sợ, tự nhiên an trụ, hành xả, gọi là xả.

*

*** Sáu giới:** 1. Giới đất. 2. Giới nước. 3. Giới lửa. 4. Giới gió. 5. Giới hư không. 6. Giới thức. Phân biệt về sáu thứ giới này, như nơi Luận Pháp Uẩn đã nói.

*

*** Sáu cảnh giới xuất ly:** Cụ thọ nên biết! *Những gì là sáu?*

1. *Như có Bí-sô nói:* Đối với định tâm Từ, tôi tuy đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, nhưng tâm tôi vẫn còn bị giận dữ buộc trói. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đối với định tâm Từ đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, không xú nào là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị giận dữ trói buộc, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là định tâm Từ tất có công năng xuất ly tất cả mọi sự trói buộc của giận dữ.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn sự trói buộc của giận dữ cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi sự trói buộc của giận dữ cũng gọi là xuất ly. Các định tâm Từ cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Từ gọi là xuất ly.

2. *Lại có Bí-sô nói:* Đối với định tâm Bi, tôi tuy đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, nhưng tâm tôi vẫn còn bị não hại buộc trói. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đối với định tâm Bi đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, không xú nào

là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị não hại trói buộc, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là định tâm Bi tất có công năng xuất ly tất cả mọi sự trói buộc của não hại.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn sự trói buộc của não hại cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi sự trói buộc của não hại cũng gọi là xuất ly. Các định tâm Bi cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Bi gọi là xuất ly.

3. *Lại có Bí-sô nói:* Đối với định tâm Hỷ, tôi tuy đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, nhưng tâm tôi vẫn còn bị không an lạc buộc trói. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đối với định tâm Hỷ đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, không xứ nào là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị không an lạc trói buộc, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là định tâm Hỷ tất có công năng xuất ly tất cả mọi sự trói buộc của không an lạc.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn sự không an lạc cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi sự không an lạc cũng gọi là xuất ly. Các định tâm Hỷ cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Hỷ gọi là xuất ly.

4. *Lại có Bí-sô nói:* Đối với định tâm Xả, tôi tuy đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, nhưng tâm tôi vẫn còn bị dục, tham, sân trói buộc. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đối với định tâm Xả đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, không xứ nào là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị dục tham sân trói buộc, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là định tâm Xả tất có công năng xuất ly tất cả mọi sự trói buộc của dục, tham, sân.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn các thứ dục, tham, sân cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi các thứ dục, tham, sân cũng gọi là xuất ly. Các định tâm Xả cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói định tâm Xả gọi là xuất ly.

5. *Lại có Bí-sô nói:* Đối với định Tâm vô tướng, tôi tuy đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, nhưng tâm tôi vẫn còn bị thức tùy tướng trói buộc. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đối với định Tâm vô tướng đã hành tập, đã tu, đã hành tác nhiều, không xú nào là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị thức tùy tướng trói buộc, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là định Tâm vô tướng tất có công năng xuất ly tất cả thức tùy tướng.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly. Được định Tâm vô tướng cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói định Tâm vô tướng gọi là xuất ly.

6. *Lại có Bí-sô nói:* Tôi tuy đã xa lìa ngã mạn, không quán thấy có ngã, ngã sở, nhưng tâm tôi vẫn còn bị mũi tên nghi ngờ, do dự trói buộc làm tổn hại. Nên nói với vị ấy: Chớ nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu có Bí-sô đã xa lìa ngã mạn, không quán thấy có ngã, ngã sở, không xú nào là không dung nạp nhưng tâm vẫn còn bị mũi tên nghi ngờ, do dự trói buộc làm tổn hại, thì không hề có điều ấy. Nghĩa là đã xa lìa ngã mạn, không còn quán thấy có ngã, ngã sở, tất có công năng xuất ly hết thảy các mũi tên nghi ngờ, do dự.

Ở đây, thế nào gọi là xuất ly? Dứt trừ hoàn toàn ngã mạn cũng gọi là xuất ly. Vượt khỏi ngã mạn cũng gọi là xuất ly. Nay trong nghĩa này ý nói vượt khỏi các mạn gọi là xuất ly.

*

** Sáu pháp là gốc tranh cãi:* Cụ thọ nên biết! *Những gì là sáu?*

Có một loại hữu tình có phần có hận. Nếu có phần có hận như thế, nên đối với bậc Đại sư không thể cung kính, cúng dường tôn trọng, khen ngợi, do vậy tức không thể thấy pháp. Nếu không thấy pháp tức không lưu tâm đến Sa-môn. Nếu không lưu tâm đến Sa-môn liền dấy khởi niềm chấp khinh chê tranh cãi. Do khởi niềm

chấp khinh chê tranh cãi làm chỗ dựa, nên khiến nhiều chúng sinh không nghĩa không lợi thọ các khổ não. Vì thế có thể dẫn phát vô lượng hàng trời, người không nghĩa không lợi phải chịu các sự khổ não. Gốc tranh cãi như thế, chư vị nếu đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ, tức nên tụ tập hòa hợp siêng năng tinh tấn tìm cầu các phương tiện để đoạn trừ, không được phóng dật. Chư vị nên khiến gốc tranh cãi như thế được đoạn trừ trọn vẹn, như trước đây chưa khởi gốc tranh cãi. Chư vị nếu đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài thấy đều đã đoạn trừ tức nên phát khởi chánh niệm chánh tri, tâm siêng năng tinh tấn mạnh mẽ để gìn giữ, khiến nơi đời vị lai vĩnh viễn không còn sinh khởi. Đó là chánh đoạn, là khéo đoạn trừ gốc tranh cãi.

Như có phần hận, thì nếu có che giấu, nã hại, hoặc có ganh ty, keo kiệt, hoặc có dối trá, dua nịnh, hoặc có tà kiến, đảo kiến, nói rộng cũng như thế.

Lại có một loại hữu tình chấp giữ kiến giải của mình, khởi chấp cứng chắc, rất khó khuyên dạy, từ bỏ. Nếu đã cố chấp như thế, nên đối với bậc Đại sư không thể cung kính, cúng dường tôn trọng, khen ngợi, do vậy tức không thể thấy pháp. Nếu không thấy pháp tức không lưu tâm đến Sa-môn. Nếu không lưu tâm đến Sa-môn liền dứt khởi nhiệm chấp khinh chê tranh cãi. Do khởi nhiệm chấp khinh chê tranh cãi làm chỗ dựa, nên khiến nhiều chúng sinh không nghĩa không lợi thọ các khổ não. Vì thế có thể dẫn phát vô lượng hàng trời, người không nghĩa không lợi phải chịu các sự khổ não. Gốc tranh cãi như thế, chư vị nếu đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ, tức nên tụ tập hòa hợp siêng năng tinh tấn tìm cầu các phương tiện để đoạn trừ, không được phóng dật. Chư vị nên khiến gốc tranh cãi như thế được đoạn trừ trọn vẹn, như trước đây chưa khởi gốc tranh cãi. Chư vị nếu đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài thấy đều đã đoạn trừ tức nên phát khởi chánh niệm chánh tri,

tâm siêng năng tinh tấn mạnh mẽ để gìn giữ, khiến nơi đời vị lai vĩnh viễn không còn sinh khởi. Đó là chánh đoạn, là khéo đoạn trừ gốc tranh cãi.

Có phẫn, có hận, hoặc có che giấu, não hại, hoặc có ganh tỵ, keo kiệt, hoặc có dối trá, dua nịnh, tất cả đều như trước đã nói.

Có tà kiến, đảo kiến: Thế nào là tà kiến? Tức là các kiến giải hiện có, cho là không có bồ thí, không có cúng tế, không có yêu thích v.v..., nói rộng cho đến không có tự nhận biết: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đó gọi là tà kiến.

Thế nào là đảo kiến? Tức là chỗ thấy biết điên đảo của tà kiến.

Chấp giữ kiến giải của mình, khởi chấp cứng chắc, rất khó khuyên dạy, từ bỏ: Thế nào là chấp giữ kiến giải của mình? Tức như chấp ngã và thế gian thường còn, chỉ điều ấy là đúng thực, các điều khác đều là ngu tối, sai lầm, nói rộng cho đến chấp: Như Lai sau khi diệt độ không phải có cũng không phải không phải có, chỉ điều này là đúng thực, các điều khác đều ngu tối, sai lầm. Đó gọi là chấp giữ kiến giải của mình.

Thế nào là khởi chấp cứng chắc? Tức do chấp giữ kiến giải của mình, thế nên khởi chấp cứng chắc.

Thế nào là rất khó khuyên dạy, từ bỏ? Tức do đối với kiến giải của mình đầy khởi sự yêu thích, cùng yêu thích, hiện tiền yêu thích. Thế nên rất khó khuyên dạy khiến chán lìa, giải thoát.

*

*** Sáu pháp đáng vui mừng: Những gì là sáu?**

1. Như có Bí-sô, ở chỗ bậc Đại sư cùng các vị có trí đồng phạm hạnh khởi nghiệp thân từ bi, đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ nhất. Do

pháp này nên có thể phát sinh các sự đáng yêu mến, đáng tôn trọng, đáng vừa ý, có thể dẫn đến mọi sự đáng yêu mến, tôn trọng, vừa ý, nên thấu nhận được sự hoan hỷ hoàn toàn không trái nghịch, không tranh cãi.

2. Lại có Bí-sô, ở chỗ bậc Đại sư cùng các vị có trí đồng phạm hạnh khởi nghiệp ngữ từ bi, đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ hai. Do pháp này nên có thể phát sinh các sự đáng yêu mến v.v..., nói rộng cho đến hoàn toàn không tranh cãi.

3. Lại có Bí-sô, ở chỗ bậc Đại sư cùng các vị có trí đồng phạm hạnh khởi nghiệp ý từ bi, đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ ba. Do pháp này nên có thể phát sinh các sự đáng yêu mến v.v..., nói rộng cho đến hoàn toàn không tranh cãi.

4. Lại có Bí-sô, do pháp nên đạt được lợi dưỡng như pháp, ít nhất là các thức ăn uống nhận được trong bát khi hành khát thực. Nơi các thức lợi dưỡng này Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau thọ dụng không hề cất giấu riêng. Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ tư. Do pháp này nên có thể phát sinh các sự đáng yêu mến v.v..., nói rộng cho đến hoàn toàn không tranh cãi.

5. Lại có Bí-sô, các giới hiện có không thiếu sót, không lẫn lộn xen tạp, ứng cúng, không chấp trước, là thiện rốt ráo, khéo nhận giữ, nên được các vị có trí khen ngợi, không chê trách. Đối với các giới như thế Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau thọ trì không hề ẩn giấu. Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ năm. Do pháp này nên có thể phát sinh các sự đáng yêu mến v.v..., nói rộng cho đến hoàn toàn không tranh cãi.

6. Lại có Bí-sô, những kiến giải hiện có là nẻo xuất ly của bậc Thánh đều có thể khéo thông đạt, nếu thực hiện được pháp ấy thì có thể chính thức dứt hết các khổ. Đối với kiến giải như thế Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau tu học không hề ẩn giấu. Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ sáu. Do pháp này nên có thể

phát sinh các sự đáng yêu mến, đáng tôn trọng, đáng vừa ý, có thể dẫn đến mọi sự đáng yêu mến, tôn trọng, vừa ý, nên thấu nhận được sự hoan hỷ hoàn toàn không trái nghịch, không tranh cãi.

Ở đây:

1. *Ở chỗ bậc Đại sư:* Thế nào là Đại sư? Đại sư là chỉ cho tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Cùng các vị có trí đồng phạm hạnh: Thế nào là các vị có trí đồng phạm hạnh? Tức là các Tôn giả như Giải Kiều Trần Na v.v... cho đến nói rộng.

Khởi nghiệp thân từ bi: Thế nào là nghiệp thân từ bi? Tức hưng khởi các nghiệp thân hiện có cùng hành thương xót các hữu tình. Trong đây ý nói gọi là nghiệp thân từ bi tức ở chỗ bậc Đại sư cùng những vị có trí đồng phạm hạnh thì nghiệp thân từ bi ấy hòa hợp hiện tiền. Do đó nên nói ở chỗ bậc Đại sư cùng các vị có trí đồng phạm hạnh khởi nghiệp thân từ bi.

Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ nhất: Tức pháp như thế là có thể tùy thuận rất đáng yêu thích, nuôi lớn thân tướng đoan nghiêm, ứng cúng, luôn thuận hợp, gồm đủ tư lương. Thế nên gọi là pháp đáng vui mừng.

Có thể phát sinh các sự đáng yêu mến v.v...: Tức do pháp này nên có thể phát sinh các sự việc đáng yêu mến. Cũng do pháp này nên có thể phát sinh các sự việc đáng tôn trọng, đáng vừa ý.

Có thể dẫn đến mọi sự đáng yêu mến, tôn trọng, vừa ý, nên thấu nhận được sự hoan hỷ hoàn toàn không trái nghịch, không tranh cãi: Tức do pháp này nên có thể dẫn đến các sự việc đáng yêu mến, tôn trọng, vừa ý, vui lòng, để thấu nhận được sự hoan hỷ hoàn toàn không trái nghịch, tranh cãi. Ở đây, *thấu nhận:* Nghĩa là khiến hòa hợp. *Nói hoàn toàn:* Tức hướng đến một cảnh một vị hiện tiền.

2, 3. *Như nghiệp thân từ bi, thì các nghiệp ngữ, nghiệp ý từ bi nên biết cũng như thế.*

4. *Do pháp nên đạt được lợi dưỡng như pháp:* Thế nào là do pháp nên đạt được các lợi dưỡng như pháp? Nếu các lợi dưỡng không do dối gạt mà được, không do giả trá mà được, không do hiện tượng mà được, không do kích động mà được, không do dùng lợi cầu lợi mà được, nhưng khi thọ dụng không sinh trường tội, đó gọi là do pháp nên đạt được lợi dưỡng như pháp.

Ít nhất là các thức ăn uống nhận được trong bát: Tức thấp nhất là các thức ăn uống dưới đáy bát hãy còn cùng nhau thọ dụng, huống chi là các thứ tài sản vật dụng khác v.v...

Nơi các thứ lợi dưỡng này Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau thọ dụng, không hề cất giấu riêng: Tức là các lợi dưỡng do pháp nên thân nhận được đúng pháp, đó là: Đối với các thứ lợi dưỡng này. Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni, Chánh học, Cần sách nam (Sa-di), Cần sách nữ (Sa-di-ni), Cận sự nam (Ưu-bà-tắc), Cận sự nữ (Ưu-bà-di), đó gọi là các vị có trí đồng phạm hạnh. Do pháp nên có được các lợi dưỡng như pháp nên cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau thọ dụng, không nên cất giấu để dùng riêng.

Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ tư: Như trước đã nói rộng.

5. *Các giới hiện có:* Thế nào gọi là các giới hiện có? Tức là có nghiệp thân, nghiệp ngữ vô lậu và thọ mạng thanh tịnh, tất cả đều gọi là các giới hiện có.

Không thiếu sót, không lẫn lộn xen tạp: Nghĩa là các giới này luôn tùy hành, luôn tùy chuyển, bình đẳng cùng hành, bình đẳng cùng chuyển, nên gọi là không thiếu sót, không lẫn lộn xen tạp.

Nói ứng cúng: Nghĩa là nếu các hữu tình còn tham sân si gọi là cấp sử. Nếu các hữu tình đã lìa tham sân si gọi là ứng cúng, đáng

được thọ nhận nơi hàng *Cấp sử* dùng các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men v.v... thường cúng dường.

Không chấp trước: Nghĩa là các đệ tử Phật đối với giới không dấy khởi chấp trước.

Là thiện rất ráo: Nghĩa là đối với các giới này khéo giữ khéo hộ hết sức rất ráo.

Khéo nhận giữ: Nghĩa là đối với các giới này luôn ân cần, tôn trọng, cung kính, thọ nhận đầy đủ.

Các vị có trí khen ngợi, không chê trách: Nghĩa là chư Phật và các đệ tử Phật gọi là bậc có trí, các bậc trí này đều cùng khen ngợi, không hề chê trách.

Đối với các giới như thế Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau thọ trì không hề ẩn giấu: Thế nào gọi là đối với các giới như thế? Nghĩa là giới bình đẳng. Giới bình đẳng nghĩa là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong tám Thánh đạo, gọi là giới bình đẳng.

Cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh: Tức là các Tôn giả như Giải Kiền Trần Na v.v...

Cùng nhau thọ trì không hề ẩn giấu: Nghĩa là đối với giới này cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh, cùng một nghĩa lợi, cùng một nỗ lực hướng đến, đây kia đều giống nhau.

Đó gọi là pháp đáng vui mừng thứ năm: Như trước đã nói rộng.

6. *Những kiến giải hiện có*: Thế nào gọi là những kiến giải hiện có? Nếu dựa vào sự xuất ly, xa lìa đã sinh ra các pháp thiện, đối với các pháp tướng cần lựa chọn nên lựa chọn hết sức kỹ lưỡng v.v..., cho đến nói rộng. Như thế gọi là những kiến giải hiện có.

Là nỗ xuất ly của bậc Thánh: Như trước đã nói rộng.

Đối với kiến giải như thế Bí-sô đã cùng với các vị có trí đồng phạm hạnh cùng nhau tu học, không hề ẩn giấu: Thế nào gọi là đối với kiến giải như thế? Nghĩa là kiến giải bình đẳng. Kiến giải bình đẳng tức là chánh kiến trong tám Thánh đạo.

Phần còn lại: Như trước đã nói.

Như thế cũng gọi là Sáu pháp hòa kính.

*

*** Sáu thông:** 1. Thần cảnh trí chứng thông. 2. Thiên nhĩ trí chứng thông. 3. Tha tâm trí chứng thông. 4. Túc trụ trí chứng thông. 5. Tử sinh trí chứng thông. 6. Lậu tận trí chứng thông.

1. Thế nào là Thần cảnh trí chứng thông?

Đáp: Nghĩa là lãnh nhận thị hiện vô số thần cảnh v.v... cho đến nói rộng. Đó gọi là Thần cảnh trí chứng thông.

Ở đây, thế nào gọi là thông? Là diệu trí hiện có đối với các thần cảnh.

2. Thế nào là Thiên nhĩ trí chứng thông?

Đáp: Do thiên nhĩ nghe được vô số âm thanh. Nghĩa là âm thanh của loài người, âm thanh của hàng phi nhân, âm thanh xa, gần v.v...

Ở đây, thế nào gọi là thông? Là diệu trí hiện có đối với cảnh giới của thiên nhĩ.

3. Thế nào là Tha tâm trí chứng thông?

Đáp: Nghĩa là đối với hữu tình khác, tâm tầm tứ của Bồ-đặc-già-la đều nhận biết đúng như thật. Tức là có tâm tham thì nhận biết đúng là có tâm tham. Đã lìa tâm tham thì nhận biết đúng là đã lìa tâm tham. Như thế, có tâm sân, lìa tâm sân, có tâm si, lìa tâm si, tâm tóm gọn, tâm phân tán, tâm hạ thấp, tâm nêu cao, tâm trạo cử, tâm không

trạo cử, tâm tịch tĩnh, tâm không tịch tĩnh, tâm định, tâm không định, tâm tu, tâm không tu, tâm giải thoát, tâm không giải thoát v.v... đều nhận biết đúng như thật. Đó gọi là Tha tâm trí chứng thông.

Ở đây, thế nào gọi là thông? Là diệu trí hiện có đối với tha tâm v.v...

4. Thế nào là Túc trụ trí chứng thông?

Đáp: Nghĩa là theo đây có thể nhớ nghĩ về vô lượng các sự việc đã sống của đời trước nơi quá khứ, hoặc một đời v.v..., cho đến nói rộng.

Ở đây, thế nào gọi là thông? Là diệu trí hiện có đối với các sự sống nơi đời trước.

5. Thế nào là Tử sinh trí chứng thông?

Đáp: Như đã nói rộng nơi Minh.

6. Thế nào là Lưu tận trí chứng thông?

Đáp: Cũng như đã nói rộng nơi Minh.

HẾT - QUYỂN 15

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 16

Phẩm 7: SÁU PHÁP, phần 2

*** Sáu tướng thuận phần minh:** 1. Tướng vô thường. 2. Tướng vô thường khổ. 3. Tướng khổ vô ngã. 4. Tướng chán bỏ ăn uống. 5. Tướng tất cả thế gian không thể an vui. 6. Tướng về chết.

Ở đây, năm tướng như đã nói trong phần Tướng giải thoát thành thực.

Hỏi: Thế nào là Tướng tất cả thế gian không thể an vui?

Đáp: Thế gian nghĩa là năm thủ uẩn, tức sắc thủ uẩn cho đến thức thủ uẩn. Như có các Bí-sô, đối với năm thủ uẩn do có xét lường cùng hành tác ý tư duy xác đáng, do có sợ hãi cùng hành tác ý tư duy đúng đắn, do không thể vui thích cùng hành tác ý tư duy xác đáng, do không thể vui mừng cùng hành tác ý tư duy đúng đắn, các Bí-sô kia đối với năm thủ uẩn, lúc tư duy như thế, các tướng cùng tướng, hiện tiền cùng tướng, đã tướng, sẽ tướng. Đó gọi là Tướng tất cả thế gian không thể an vui.

Hỏi: Vì sao gọi là Tướng thuận phần minh?

Đáp: Minh tức có ba thứ: 1. Vô học tức trụ trí chứng minh. 2. Vô học tử sinh trí chứng minh. 3. Vô học lậu tận trí chứng minh. Do sáu tướng trước khiến ba minh này chưa sinh thì sinh, đã sinh thì tăng trưởng rộng lớn, nên gọi là Tướng thuận phần minh.

* **Sáu tùy niệm:** 1. Tùy niệm Phật. 2. Tùy niệm Pháp. 3. Tùy niệm Tăng. 4. Tùy niệm giới. 5. Tùy niệm xả. 6. Tùy niệm thiên.

1. Thế nào là tùy niệm Phật?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh ở chỗ Đức Thế Tôn, do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chư Phật, như Đức Thế Tôn này là Như Lai A-la-hán, nói rộng cho đến là Phật, Bạc-già-phạm. Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chư Phật, do kiến văn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng, các niệm tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, là tánh niệm, tánh tùy niệm, tánh biệt niệm, tánh không quên, tánh không quên pháp, tánh ghi rõ tâm sáng. Đó gọi là tùy niệm Phật.

2. Thế nào là tùy niệm Pháp?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp, tức là chánh pháp do Phật đã khéo nêu giảng, cho đến bậc trí đã nội chứng v.v... Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp, do kiến văn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tùy niệm Pháp.

3. Thế nào là tùy niệm Tăng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chư Tăng, đó là những đệ tử Phật đầy đủ các hành diệu v.v..., nói rộng cho đến là phước điền vô thượng ở thế gian, nên được cúng dường. Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chư Tăng, do kiến văn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tùy niệm Tăng.

4. Thế nào là tùy niệm giới?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến tự giới, nghĩa là giới này

thanh tịnh, không hề thiếu sót v.v..., nói rộng cho đến các vị có trí luôn khen ngợi, không quở trách. Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến tự giới, do kiến vẫn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tùy niệm giới.

5. Thế nào là tùy niệm xả?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chỗ đã xả bỏ của mình, nghĩa là như bảo: Tôi hiện nay đã khéo đạt được không còn tham đắm của cải, lợi dưỡng. Đối với mọi cầu nhiễm của keo kiệt luôn trôi buộc mọi người, tôi đã có thể lìa bỏ, tâm tôi không còn vương chấp, mà mở rộng tay để bố thí những tiền của hiện có, xả bỏ tài sản, tâm không chút luyến tiếc, phân chia ban cho khắp, không thiên vị phe nhóm. Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chỗ đã xả bỏ của mình, do kiến vẫn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng v.v..., nói rộng như trước. Đó gọi là tùy niệm xả.

6. Thế nào là tùy niệm thiên?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến các trời, như trời Tứ Đại vương chúng, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đô-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại. Hoặc có người thành tựu tín giới không điên đảo, đạt được tuệ văn xả, sau khi qua đời được sinh lên các trời ấy. Ta cũng thành tựu được tín giới không điên đảo, đã đạt được tuệ văn xả thiện, vì sao lại không được sinh lên các trời ấy? Hoặc các đệ tử Thánh do tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến các trời, do kiến vẫn làm căn bản, cùng với chứng trí tương ưng, các niệm tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, là tánh niệm, tánh tùy niệm, tánh biệt niệm, tánh không quên, tánh không quên pháp, tánh ghi nhớ tâm sáng. Đó gọi là tùy niệm thiên.

*** Sáu pháp vô thượng:** 1. Thấy vô thượng. 2. Nghe vô thượng. 3. Lợi vô thượng. 4. Học vô thượng. 5. Hành vô thượng. 6. Niệm vô thượng.

1. Thế nào là thấy vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la đi đến quán xem các thứ xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, quan chủ kho báu, quan chủ binh báu của Chuyển luân Thánh vương, hoặc lại đi đến quán xem các Sa-môn, Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy có thấy biết không phải là không thấy biết, nhưng đó là cái thấy của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là cái thấy của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, đi đến thăm viếng quán xem Như Lai hoặc các đệ tử Phật, Ta bảo loại người ấy là thấy vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích, có thể tự đạt được an lạc, cũng có thể khiến tự thân luôn được sống yên ổn, vượt khỏi các tai nạn sầu lo, diệt trừ hết các thứ khổ não, có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là thấy vô thượng.

2. Thế nào là nghe vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la đi đến nghe các thứ tiếng của voi, ngựa, tiếng xe chạy, tiếng bước chân đi, tiếng tù và, tiếng trống lớn bé, tiếng kêu gọi, tiếng ca múa, tiếng âm nhạc đàn hát, hoặc lại đi đến nghe các Sa-môn, Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến, giảng nói các pháp tà, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy có nghe biết không phải là không nghe biết, nhưng đó là cái nghe của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là cái nghe của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, đi đến thăm viếng nghe Như Lai hoặc các đệ tử Phật giảng nói chánh pháp, Ta bảo loại người ấy là nghe vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích v.v..., nói rộng cho đến

có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là nghe vô thượng.

3. Thế nào là lợi vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la, hoặc có được vợ con, hoặc có nhiều ngọc báu, tiền bạc hay lúa thóc, hoặc có nhiều bạn thân, hoặc đối với các Sa-môn, Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến, đạt được sự tin ưa sâu xa, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy gọi là được lợi không phải là không được lợi, nhưng đó là cái lợi của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là cái lợi của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, có thể đối với Như Lai và các đệ tử Phật đạt được sự tin ưa sâu xa, Ta bảo loại người ấy có được lợi vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích v.v..., nói rộng cho đến có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là lợi vô thượng.

4. Thế nào là học vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la, hoặc học cỡi voi, cỡi ngựa, cỡi xe, hoặc học giương cung, phóng tên, hoặc học cầm móc sắt, hoặc cầm dây, cầm thẻ bài, hoặc học lên xe xuống xe, hoặc học chạy nhanh hay nhảy xa, nhảy cao, hoặc học về thư số, tính toán, in ấn v.v..., hoặc học với các Sa-môn, Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến, giảng nói các Học xứ, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy có cầu học không phải là không cầu học, nhưng đó là cái học của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là cái học của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, có thể học các Học xứ của Như Lai và các đệ tử Phật đã giảng nói, Ta bảo loại người ấy là học vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích v.v..., nói rộng cho đến có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là học vô thượng.

5. Thế nào là hành vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la, hoặc làm việc điều phục, luyện voi, luyện ngựa, hoặc làm việc luyện người, luyện trâu bò, hoặc làm các việc như thờ lửa, hoặc thờ mặt trăng, thờ mặt trời, thờ thuốc, thờ ngọc báu, thờ tinh tú, thờ cung điện v.v..., hoặc đi đến chỗ các Sa-môn, Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến xin thọ trì hành theo, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy có hành tác không phải là không hành tác, nhưng đó là việc hành tác của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là hành tác của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, có thể hành trì những việc làm của Như Lai và các đệ tử Phật đã làm, Ta bảo loại người ấy là hành vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích v.v..., nói rộng cho đến có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là hành vô thượng.

6. Thế nào là niệm vô thượng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la, hoặc nhớ nghĩ vợ con hay tiền của, lúa thóc, hoặc nhớ nghĩ bạn thân, hoặc nhớ nghĩ các Sa-môn hay Bà-la-môn đã phát khởi tà kiến, hành tà kiến và pháp tà của họ, Như Lai bảo loại Bồ-đặc-già-la đó, tuy có nhớ nghĩ không phải là không nhớ nghĩ, nhưng đó là sự nhớ nghĩ của hàng phàm phu bản tánh thấp kém, không phải là sự nhớ nghĩ của bậc Hiền Thánh. Hoặc có những người tu hành gieo trồng tín ái thanh tịnh, có thể nhớ nghĩ đến Như Lai và các đệ tử Phật, Ta bảo loại người ấy là niệm vô thượng, vì có thể tự tạo lợi ích, có thể tự đạt được an lạc, cũng có thể khiến tự thân luôn được sống an ổn, vượt khỏi các tai nạn sầu lo, diệt trừ hết các thứ khổ não, có thể nhanh chóng chứng đắc các pháp yếu như lý. Đó gọi là niệm vô thượng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu được lìa, tương ưng
An ổn, thấy vô thượng
Nghe, lợi, học, hành, niệm
Tất đạt đến không lo.*

*

* **Sáu pháp quán đối:** 1. Quán đối sắc. 2. Quán đối thanh. 3. Quán đối hương. 4. Quán đối vị. 5. Quán đối xúc. 6. Quán đối pháp.

1. Thế nào là quán đối sắc?

Đáp: Nếu sắc hữu lậu, có thủ, đối với các sắc ấy nơi các thời, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc có dục, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc tùy theo mỗi mỗi thứ tâm sở, tùy phiền não đúng lúc sinh ra, đó gọi là quán đối sắc.

2, 3, 4, 5. Các thứ quán đối thanh, hương, vị, xúc: Cũng như thế.

6. Thế nào là quán đối pháp?

Đáp: Nếu pháp hữu lậu, có thủ, đối với các pháp ấy nơi các thời, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc có dục, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc tùy theo mỗi mỗi thứ tâm sở, tùy phiền não đúng lúc sinh ra, đó gọi là quán đối pháp.

*

* **Sáu loại sinh:** *Những gì là sáu?* 1. Loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp đen. 2. Loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp trắng. 3. Loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng. 4. Loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp trắng. 5. Loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp đen. 6. Loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng. *Đó gọi là sáu loại sinh.*

Ở đây:

1. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp đen?

Đáp: Như có một loại hữu tình, sinh vào nhà bản tiện, như là nhà Chiên-đồ-la v.v..., nói rộng cho đến như các nhà nghèo thiếu ăn, thiếu mặc. Người này sinh vào chốn ấy, dung mạo xấu xí, không ai thích nhìn, nhiều người cùng chê trách khinh thị, phần nhiều đều phải làm thuê cho kẻ khác để kiếm sống, nên gọi là đen. Từ loại đen như thế, họ lại tạo ra các hành ác nơi thân, ngữ, ý. Do nhân duyên hành ba thứ hành ác ấy, nên sau khi qua đời, bị đọa vào các nẻo ác, sinh trong địa ngục chịu nhiều khổ não cùng cực. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp đen.

2. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp trắng?

Đáp: Như có một loại hữu tình, sinh vào nhà bản tiện, như là nhà Chiên-đồ-la v.v..., nói rộng cho đến như các nhà nghèo thiếu ăn, thiếu mặc. Người này sinh vào chốn ấy, dung mạo xấu xí, không ai thích nhìn, nhiều người cùng chê trách khinh thị, phần nhiều đều phải làm thuê cho kẻ khác để kiếm sống, nên gọi là đen. Từ loại đen như thế, họ lại tạo ra các hành diệu nơi thân, ngữ, ý. Do nhân duyên hành ba thứ hành thiện ấy, nên sau khi qua đời, được sinh vào các nẻo thiện, ở trong các trời thọ hưởng diệu lạc. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp trắng.

3. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng?

Đáp: Như có một loại hữu tình sinh vào nhà bản tiện, như là nhà Chiên-đồ-la v.v..., nói rộng cho đến như các nhà nghèo thiếu ăn, thiếu mặc. Người này sinh vào chốn ấy, dung mạo xấu xí, không ai thích nhìn, nhiều người cùng chê trách khinh thị, phần nhiều đều phải làm thuê cho kẻ khác để kiếm sống, nên gọi là đen. Từ loại đen như thế, người này nghe nói có Đức Như Lai vì các chúng giảng

nói các pháp Tỳ-nại-da đã chứng đắc như thật liền đi đến lắng nghe, lãnh hội. Nghe xong sinh tâm tin tưởng thanh tịnh, do thành tựu tâm như vậy nên khởi suy nghĩ: Đời sống tại gia luôn bị bức bách khác nào chốn lao ngục có nhiều thứ cấu uế. Cuộc sống xuất gia thì rộng lớn cũng như hư không, tất cả pháp thiện nhân đầy được sinh trưởng. Lại khởi suy niệm: Tham vương đời sống tại gia hãy còn không thể luôn tu pháp thiện thế gian, huống hồ là cả đời có thể tinh tấn tu học thuần nhất viên mãn phạm hạnh thanh bạch. Vì thế ta nên cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, chánh tín xuất gia, siêng tu phạm hạnh. Đã suy nghĩ kỹ rồi, sau đây từ bỏ gia đình, người thân, cạo sạch râu tóc, mình mặc cà sa, tâm tin chân chánh, hành trì cuộc sống xuất gia, thọ giữ tịnh giới, tinh tấn giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, phép tắc hành tác luôn đầy đủ, đối với một lỗi nhỏ cũng khởi sợ hãi lớn, thọ học các Học xứ không hề hủy phạm. Dựa nơi giới uẩn ấy, lần lượt siêng năng, cho đến chứng đắc tĩnh lự thứ tư. Do tâm định nên nói rộng cho đến các lậu dứt hết, chứng được tâm tuệ giải thoát vô lậu, nói rộng cho đến không còn thọ thân sau. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh đen sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng.

4. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp trắng?

Đáp: Như có một loại hữu tình sinh vào nhà giàu sang, như các tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Hoặc sinh vào một gia đình giàu sang khác, nhiều tiền của, châu báu, kho tàng đầy ắp. Người này sinh vào chốn ấy, dung mạo đẹp đẽ, uy nghiêm, ai cũng thích ngắm nhìn, nhiều người cùng khen ngợi, nên gọi là trắng. Từ loại trắng như thế, họ lại tạo ra các hành diệu nơi thân ngữ ý. Do nhân duyên hành ba thứ hành thiện ấy, nên sau khi qua đời, được sinh vào các nẻo thiện, ở trong các trời thọ hưởng diệu lạc. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp trắng.

5. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp đen?

Đáp: Như có một loại hữu tình sinh vào nhà giàu sang, như các tộc họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v..., nói rộng như trước. Người này sinh vào chốn ấy, dung mạo đẹp đẽ, uy nghiêm, ai cũng thích ngắm nhìn, nhiều người cùng khen ngợi, nên gọi là trắng. Từ loại trắng như thế, họ lại tạo ra các hành ác nơi thân ngữ ý. Do nhân duyên hành ba thứ hành ác ấy, nên sau khi qua đời, bị đọa vào các nẻo ác, sinh trong địa ngục chịu nhiều khổ não cùng cực. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp đen.

6. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng?

Đáp: Như có một loại hữu tình sinh vào nhà giàu sang, như các tộc học lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v..., nói rộng như trước. Từ loại trắng như thế, người này nghe nói có Đức Như Lai vì các chúng giảng nói các pháp Tỳ-nại-da đã chứng đắc như thật liền đi đến lắng nghe, lãnh hội. Nghe xong sinh tâm tin tưởng thanh tịnh, do thành tựu được tâm như vậy nên khởi suy nghĩ: Đời sống tại gia luôn bị bức bách khác nào chốn lao ngục có nhiều thứ cấu uế. Cuộc sống xuất gia thì rộng lớn cũng như hư không, tất cả pháp thiện nhân đầy được sinh trưởng. Lại khởi suy niệm: Tham vương đời sống tại gia hãy còn không thể luôn tu pháp thiện thế gian, hưởng hồ là cả đời tinh tấn tu học thuần nhất viên mãn phạm hạnh thanh bạch. Vì thế ta nên cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục, chánh tín xuất gia, siêng tu phạm hạnh. Đã suy nghĩ kỹ rồi, sau đây từ bỏ gia đình, người thân, cạo sạch râu tóc, mình mặc cà sa, tâm tin chân chánh, hành trì cuộc sống xuất gia, thọ giữ tịnh giới, tinh tấn giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, phép tắc hành tác luôn đầy đủ, đối với một lỗi nhỏ cũng khởi sợ hãi lớn, thọ học các Học xứ không hề hủy phạm. Dựa nơi giới uẩn ấy, tu tập luật nghi căn bản, đủ niệm chánh tri, diệt hết mọi thứ ngăn che, chứng đắc bốn thứ tĩnh lự. Do đó dần dần nói rộng cho đến các lậu dứt hết, đạt

được tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ở trong hiện pháp tự chứng thông tuệ, hiểu biết đầy đủ: Nèo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la sinh trắng sinh khởi pháp Niết-bàn không đen không trắng.

Phẩm 8: BẢY PHÁP, phần 1

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Các Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với *bảy pháp* đã tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, tạo lợi ích cho vô lượng hữu tình. Nên thương xót các chúng trời, người nơi thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là *bảy pháp*? *Tụng nêu tổng quát*:

Chi, số, cụ, tài, lực

Diệu, phi diệu đều hai

Thức trụ cùng tùy miên

Sự dứt tranh đều bảy.

Gồm có: Bảy giác chi, bảy loại Bồ-đặc-già-la, bảy định cụ, bảy tài, bảy lực, bảy pháp không tốt, bảy pháp tốt, lại có bảy pháp không tốt, lại có bảy pháp tốt, bảy thức trụ, bảy tùy miên, bảy sự không lầm lỗi, bảy pháp ngăn dứt tranh cãi.

*

* *Bảy giác chi*: 1. Niệm giác chi. 2. Trạch pháp giác chi. 3. Tinh tấn giác chi. 4. Hỷ giác chi. 5. Khinh an giác chi. 6. Định giác chi. 7. Xả giác chi.

1. Thế nào là Niệm giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với các niệm tùy niệm v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh luôn sáng suốt ghi nhớ. Đó gọi là Niệm giác chi.

2. Thế nào là Trạch pháp giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với pháp cần lựa chọn nên lựa chọn thật kỹ lưỡng v.v..., nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Trạch pháp giác chi.

3. Thế nào là Tinh tấn giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với các thứ siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng hết sức. Đó gọi là Tinh tấn giác chi.

4. Thế nào là Hỷ giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với tâm vui vẻ, rất vui vẻ, luôn vui tánh của vui, thuộc loại vui, vừa ý, thích ý, hoan hỷ, tánh hoan hỷ. Đó gọi là Hỷ giác chi.

5. Thế nào là Khinh an giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với thân khinh an, tâm khinh an, tánh khinh an, loại khinh an. Đó gọi là Khinh an giác chi.

6. Thế nào là Định giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với tâm trụ cùng trụ v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là Định giác chi.

7. Thế nào là Xả giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập tư duy về tập, đối với diệt tư duy về diệt, đối với đạo tư duy về đạo vô lậu, tác ý tương ưng với tánh tâm bình đẳng, tánh tâm ngay thẳng, tánh tâm không thức biết, luôn trụ nơi tịch tĩnh. Đó gọi là Xả giác chi.

*

*** Bảy loại Bồ-đặc-già-la:** 1. Bồ-đặc-già-la tùy tín hành. 2. Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành. 3. Bồ-đặc-già-la tín thắng giải. 4. Bồ-đặc-già-la kiến chí. 5. Bồ-đặc-già-la thân chứng. 6. Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát. 7. Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

1. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành?

Đáp: Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) tùy tín hành này trước đây khi ở phần vị phàm phu bầm tánh có nhiều tin tưởng, yêu mến, thanh tịnh, thắng giải, thương xót, nhưng lại có ít về tư duy, lường xét, quan sát, lựa chọn, suy tìm. Người ấy do có nhiều tin tưởng, yêu mến, thanh tịnh, thắng giải, thương xót nên được gặp Đức Như Lai hoặc hàng đệ tử Phật giảng nói chánh pháp, dạy khuyên, truyền trao, dùng vô lượng pháp môn phân biệt chỉ bày: Khổ nêu đúng là khổ, tập nêu đúng là tập, diệt nêu đúng là diệt, đạo nêu đúng là đạo. Người ấy suy nghĩ: Hay thay! Những điều giảng nói đều đúng thật, không hư vọng, khổ tập diệt đạo đúng thật là khổ tập diệt đạo. Ta nay nên ân cần quan sát các hành là vô thường, hành hữu lậu là khổ, tất cả các pháp là không, vô ngã. Nghĩ như thế rồi, càng siêng năng quan sát

các pháp vừa nói, nên về sau tu tập đạt được pháp Thế đệ nhất, từ đó luôn không gián đoạn, sinh khởi trí khổ pháp nhãn tương ưng với Thánh đạo, quan sát các hành ở cõi Dục là vô thường, khổ, không, vô ngã v.v..., tùy theo mỗi thứ đều hiện tiền, cho đến khi chưa khởi trí đạo loại hiện tiền. Bây giờ gọi là tùy tín hành. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành.

2. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành?

Đáp: Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành này trước đây khi ở phần vị phàm phu bảm tánh có nhiều tư duy, lường xét, quan sát, lựa chọn, suy tìm, nhưng lại có ít về tin tưởng, yêu mến, thanh tịnh, thắng giải, thương xót. Người ấy do có nhiều tư duy, lường xét, quan sát, lựa chọn, suy tìm nên được gặp Đức Như Lai hoặc hàng đệ tử Phật giảng nói chánh pháp, dạy khuyên, truyền trao, dùng vô lượng pháp môn phân biệt chỉ bày: Khổ nêu đúng là khổ, tập nêu đúng là tập, diệt nêu đúng là diệt, đạo nêu đúng là đạo. Người ấy suy nghĩ: Hay thay! Những điều giảng nói đều đúng thật, không hư vọng, khổ tập diệt đạo đúng thật là khổ tập diệt đạo. Ta nay nên ân cần quan sát các hành là vô thường, hành hữu lậu là khổ, tất cả các pháp là không, vô ngã. Nghĩ như thế rồi, càng siêng năng quan sát các pháp vừa nói, nên về sau tu tập đạt được pháp Thế đệ nhất, từ đó luôn không gián đoạn, sinh khởi trí khổ pháp nhãn tương ưng với Thánh đạo, quan sát các hành ở cõi Dục là vô thường, khổ, không, vô ngã v.v..., tùy theo mỗi thứ đều hiện tiền, cho đến khi chưa khởi trí đạo loại hiện tiền. Bây giờ gọi là tùy pháp hành. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành.

3. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tín thắng giải?

Đáp: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành đã được trí đạo loại, nên xả bỏ tánh tùy tín hành, nhập vào số loại của tín thắng giải. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tín thắng giải.

4. Thế nào là Bồ-đặc-già-la kiến chí?

Đáp: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành đã được trí đạo loại, nên xả bỏ tánh tùy pháp hành, nhập vào số loại của kiến chí. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la kiến chí.

5. Thế nào là Bồ-đặc-già-la thân chứng?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la tuy đối với tám giải thoát thân đã chứng đắc an trụ đầy đủ, nhưng chưa dùng tuệ để dứt trừ hết các lậu. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la thân chứng.

6. Thế nào là Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la tuy đối với tám giải thoát thân chưa chứng đắc an trụ đầy đủ, nhưng đã dùng tuệ để dứt trừ hết các lậu. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát.

7. Thế nào là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la đối với tám giải thoát thân đã chứng đắc an trụ đầy đủ, lại dùng tuệ để dứt trừ hết các lậu. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát? Có hai phần chứng: a. Phần chứng phiền não. b. Phần chứng giải thoát, nên gọi là câu phân. Cả hai phần chứng ấy, Bồ-đặc-già-la này tâm đều được giải thoát, giải thoát tột cùng, giải thoát vĩnh viễn. Vì vậy gọi là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

*

* **Bảy định cụ:** 1. Chánh kiến. 2. Chánh tư duy. 3. Chánh ngữ. 4. Chánh nghiệp. 5. Chánh mạng. 6. Chánh cần. 7. Chánh niệm.

Bảy thứ như thế tức là bảy chi đạo. Nên như tướng ấy mỗi mỗi đều được nói riêng, đó gọi là định cụ.

Hỏi: Vì sao gọi là định cụ?

Đáp: Định nghĩa là chánh định, do bảy chi đạo vây quanh hỗ trợ khiến định tăng thịnh, gồm đủ uy lực lớn, vận hành tự tại, viên mãn rốt ráo, nên gọi là định cụ.

*

*** Bảy tài (Tài sản):** 1. Tín tài. 2. Giới tài. 3. Tàm tài. 4. Quý tài. 5. Văn tài. 6. Xả tài. 7. Tuệ tài.

1. Thế nào là Tín tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật ở chỗ Đức Như Lai tu hành gieo trồng tịnh tín, sinh căn, an trụ, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên ma, Phạm, hay các thế gian khác dẫn dụ chiếm đoạt. Đó gọi là Tín tài.

2. Thế nào là Giới tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật lìa bỏ việc đoạn dứt sinh mạng, lìa bỏ không cho mà lấy, lìa bỏ dâm dục tà hạnh, lìa bỏ nói dối, lìa bỏ uống các thứ rượu. Đó gọi là Giới tài.

3. Thế nào là Tàm tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Người có đủ tàm (Hổ) đối với các pháp ác bất thiện đáng xấu hổ, vì có những thứ tạp nhiễm khiến có thể chiêu cảm thân đời sau nhận chịu quả dị thực vô cùng khổ sở, lại có thể dẫn đến các pháp sinh, già, chết ở đời sau, luôn sinh tâm xấu hổ sâu xa. Đó gọi là Tàm tài.

4. Thế nào là Quý tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Những người trụ nơi quý (Thẹn) đối với các pháp ác bất thiện đáng hổ thẹn, vì có những thứ tạp nhiễm khiến có thể chiêu cảm thân đời sau nhận chịu quả dị thực vô cùng khổ sở, lại có thể dẫn đến các pháp sinh, già, chết ở đời sau, luôn sinh tâm hổ thẹn sâu xa. Đó gọi là Quý tài.

5. Thế nào là Văn tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật đa văn luôn lắng nghe, thọ trì, tích tập. Nghĩa là các pháp yếu vô thượng do Đức Phật giảng nói đầu giữa sau đều thiện, văn nghĩa xảo diệu thuần nhất viên mãn, phạm hạnh trong trắng. Người ấy đối với các pháp yếu vô thượng như thế đã đa văn đầy đủ, có thể giữ lấy ngữ nghĩa khéo thông suốt tinh tường, tâm không tán loạn, nên mọi kiến giải đều thấu đáo. Đó gọi là Văn tài.

6. Thế nào là Xả tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật đối với số đông luôn bị các thứ cấu uế của keo kiệt trói buộc, đã có thể lìa bỏ, tuy ở tại gia đình nhưng tâm không tham chấp, lại có thể hành Huệ thí, bố thí rộng khắp, luôn ưa thích việc xả thí và cúng tế, tuệ xả đầy đủ, phân chia bình đẳng. Đó gọi là Xả tài.

7. Thế nào là Tuệ tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật có thể nhận biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế. Đó gọi là Tuệ tài.

Ở đây, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thiện nam hoặc thiện nữ
Đủ, tín, giới, tà, quý
Văn, xả, tuệ tài ấy
Nên biết thật giàu sang.
Ta bảo Đại sĩ kia
Nhất định qua một đời
Thường sinh trong trời, người
Thọ giàu sang diệu lạc.*

* **Bảy lực:** 1. Tín lực. 2. Tinh tấn lực. 3. Tàm lực. 4. Quý lực. 5. Niệm lực. 6. Định lực. 7. Tuệ lực.

1. Thế nào là tín lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật ở chỗ Đức Như Lai tu hành gieo trồng tịnh tín v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là tín lực.

2. Thế nào là tinh tấn lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Vì khiến cho các pháp ác bất thiện đã sinh được đoạn trừ, nên dấy khởi mong muốn v.v..., cho đến nói rộng về bốn thứ chánh thắng. Đó gọi là tinh tấn lực.

3. Thế nào là tàm lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Người có đủ đức tàm (hổ) đối với các pháp ác bất thiện đáng xấu hổ v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là tàm lực.

4. Thế nào là quý lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Người trụ nơi đức quý (thẹn) đối với các pháp ác bất thiện đáng hổ thẹn v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là quý lực.

5. Thế nào là niệm lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Đối với nội thân này trụ nơi tuần tự quán thân v.v..., cho đến nói rộng về bốn thứ niệm trụ. Đó gọi là niệm lực.

6. Thế nào là định lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Là pháp bất thiện dục ác, có tâm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất, nói rộng cho đến an trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư. Đó gọi là định lực.

7. Thế nào là tuệ lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Có các đệ tử Phật có thể nhận biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là tuệ lực.

Ở đây, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu có các Bí-sô
Đủ tín, cần, tà, quý
Cùng niệm, định, tuệ lực
Mau dứt hết các khổ.*

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 17

Phẩm 8: BẢY PHÁP, phần 2

* *Bảy pháp không tốt*: 1. Không tin. 2. Không hổ. 3. Không thẹn. 4. Biếng nhác. 5. Mất niệm. 6. Không định. 7. Tuệ ác.

1. Thế nào là không tin?

Đáp: Nghĩa là các thứ không tin, tánh không tin, tánh hiện tiền không tin, không tùy thuận, không ấn định chấp nhận, đã không vui nhận, sẽ không vui nhận, hiện không vui nhận, tâm không thanh tịnh. Đó gọi là không tin.

2. Thế nào là không hổ?

Đáp: Nghĩa là các thứ không biết xấu hổ, cho đến nói rộng. Đó gọi là không hổ.

3. Thế nào là không thẹn?

Đáp: Nghĩa là các thứ không biết hổ thẹn, cho đến nói rộng. Đó gọi là không thẹn.

4. Thế nào là biếng nhác?

Đáp: Nghĩa là tánh của các thứ tinh tấn thấp, tinh tấn kém, chán tinh tấn, sợ tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm biếng nhác, tánh biếng nhác, tâm không dũng mãnh, tánh không dũng mãnh. Đó gọi là biếng nhác.

5. Thế nào là mất niệm?

Đáp: Nghĩa là tánh của các thứ không niệm, hư niệm, mất niệm, niệm ở ngoài tâm. Đó gọi là mất niệm.

6. Thế nào là không định?

Đáp: Nghĩa là tánh của tâm tán loạn. Thế nào là tánh của tâm tán loạn? Tức là các tánh của tâm phân tán, tâm loạn động, tâm nhiễu loạn, tâm trôi nổi, tâm không chuyên nơi một cảnh, tâm không an trụ. Đó gọi là tánh của tâm tán loạn.

7. Thế nào là tuệ ác?

Đáp: Nghĩa là đối với những pháp được lựa chọn không như lý chấp cho là như lý. Đối với những pháp được lựa chọn như lý thì chấp cho là không như lý. Đó gọi là tuệ ác.

Bảy thứ như thế gọi là pháp không tốt. Do nhân duyên nào bảy thứ ấy gọi là pháp không tốt? Không tốt tức không phải là bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của hạng ấy nên gọi là pháp không tốt. Nghĩa là các pháp này không phải là biên vực có thể đạt, có thể được của bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của hạng sĩ ấy đã có, hiện có, nên nói bảy thứ ấy là pháp không tốt.

*

* **Bảy pháp tốt:** 1. Tin. 2. Hổ. 3. Thẹn. 4. Tinh tấn. 5. Niệm. 6. Định. 7. Tuệ.

1. Thế nào là tin?

Đáp: Nghĩa là các thứ tin, tánh tin, tánh hiện tiền tin, tùy thuận, ấn định chấp nhận, đã vui nhận, hiện vui nhận, sẽ vui nhận, tâm thanh tịnh. Đó gọi là tin.

2. Thế nào là hổ?

Đáp: Nghĩa là các thứ xấu hổ, tánh xấu hổ, cho đến nói rộng. Đó gọi là hổ.

3. Thế nào là thẹn?

Đáp: Nghĩa là các thứ hổ thẹn, tánh hổ thẹn, cho đến nói rộng. Đó gọi là thẹn.

4. Thế nào là tinh tấn?

Đáp: Nghĩa là tánh của các thứ không phải tinh tấn thấp kém, cho đến nói rộng. Đó gọi là tinh tấn.

5. Thế nào là niệm?

Đáp: Nghĩa là các niệm, tùy niệm v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh luôn sáng suốt ghi nhớ. Đó gọi là niệm.

6. Thế nào là định?

Đáp: Nghĩa là các thứ tâm trụ v.v..., nói rộng cho đến tâm tánh một cảnh. Đó gọi là định.

7. Thế nào là tuệ?

Đáp: Nghĩa là đối với các pháp được lựa chọn như lý, biết rõ là như lý. Đối với các pháp được lựa chọn không như lý, biết rõ là không như lý. Đó gọi là tuệ.

Bảy thứ như thế gọi là pháp tốt. Do nhân duyên nào bảy thứ ấy gọi là pháp tốt? Tốt nghĩa là bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của bậc ấy nên gọi là pháp tốt. Nghĩa là các pháp này chính là biên vực có thể đạt, có thể được của bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của bậc ấy đã có, hiện có, nên nói bảy thứ ấy là pháp tốt.

*

*** Lại có bảy pháp không tốt:** 1. Không biết pháp. 2. Không biết nghĩa. 3. Không biết thời. 4. Không biết lượng. 5. Không tự biết. 6. Không biết về chúng. 7. Không biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém.

1. Thế nào là không biết pháp?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về giáo pháp của Như Lai. Tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Tụng thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Pháp hy hữu, Luận nghị v.v... Đó gọi là không biết pháp.

2. Thế nào là không biết nghĩa?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về ngữ nghĩa của các thứ giáo pháp kia. Tức là ngữ như thế như thế, có nghĩa như thế như thế. Đó gọi là không biết nghĩa.

3. Thế nào là không biết thời?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về đúng thời, không đúng thời. Tức là thời này nên tu tướng chỉ, thời này nên tu tướng cử, thời này nên tu tướng xả v.v... Đó gọi là không biết thời.

4. Thế nào là không biết lượng?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về các thứ phần lượng. Tức là các phần lượng hiện có như các thức ăn uống, nếm nhai v.v..., hoặc các việc đi đứng, nằm ngồi, hoặc các việc thức ngủ, nói năng, im lặng, hoặc khi giải trừ phiền muộn v.v... Đó gọi là không biết lượng.

5. Thế nào là không tự biết?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về tự mình đức nhiều, ít. Tức là tự mình hiện có hoặc tín hoặc giới, hoặc văn hoặc xả, hoặc tuệ hoặc giáo, hoặc chứng hoặc niệm, hoặc về tộc họ, hoặc về biện tài. Đó gọi là không tự biết.

6. Thế nào là không biết về chúng?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về các chúng hội có hơn kém. Tức nhận biết đây là chúng Sát-đế-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng

Trường giả, chúng Cư sĩ, đây là chúng Sa-môn, chúng ngoại đạo v.v... Ở trong các chúng ấy, ta nên đi đứng nằm ngồi như thế, nói năng như thế, im lặng như thế v.v... Đó gọi là không biết về chúng.

7. Thế nào là không biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém?

Đáp: Nghĩa là không nhận biết rõ về các Bồ-đặc-già-la có đức hạnh hơn kém. Tức là các Bồ-đặc-già-la như thế như thế, có đức hạnh hoặc hơn hoặc kém như thế như thế. Đó gọi là không biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém.

Bảy thứ như thế gọi là pháp không tốt. Do nhân duyên nào bảy thứ ấy gọi là pháp không tốt? Không tốt tức không phải là bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của hạng ấy nên gọi là pháp không tốt. Nghĩa là các pháp này không phải là biên vực có thể đạt, có thể được của bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của hạng sĩ ấy đã có, hiện có, nên nói bảy thứ ấy là pháp không tốt.

*

** Lại có bảy pháp tốt:* 1. Biết pháp. 2. Biết nghĩa. 3. Biết thời. 4. Biết lượng. 5. Tự biết. 6. Biết về chúng. 7. Biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém.

1. Thế nào là biết pháp?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về giáo pháp của Như Lai. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Pháp hy hữu, Luận nghị v.v... Đó gọi là biết pháp.

2. Thế nào là biết nghĩa?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về ngữ nghĩa của các thứ giáo pháp kia. Tức là ngữ như thế như thế, có nghĩa như thế như thế. Đó gọi là biết nghĩa.

3. Thế nào là biết thời?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về đúng thời, không đúng thời. Tức là thời này nên tu tướng chỉ, thời này nên tu tướng cử, thời này nên tu tướng xả v.v... Đó gọi là biết thời.

4. Thế nào là biết lượng?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về vô số phần lượng. Tức là các phần lượng hiện có như các thức ăn uống, nếm nhai v.v..., hoặc các việc đi đứng, nằm ngồi, hoặc các việc thức ngủ, nói năng, im lặng, hoặc khi giải trừ phiền muộn v.v... Đó gọi là biết lượng.

5. Thế nào là tự biết?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về đức của mình nhiều, ít. Tức là tự mình hiện có hoặc tín hoặc giới, hoặc văn hoặc xả, hoặc tuệ hoặc giáo, hoặc chứng hoặc niệm, hoặc về tộc họ, hoặc về biện tài. Đó gọi là tự biết.

6. Thế nào là biết về chúng?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về các chúng hội có hơn kém. Tức nhận biết đây là chúng Sát-đế-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Cư sĩ, đây là chúng Sa-môn, chúng ngoại đạo v.v... Ở trong các chúng ấy, ta nên đi đứng nằm ngồi như thế, nói năng như thế, im lặng như thế v.v... Đó gọi là biết về chúng.

7. Thế nào là biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém?

Đáp: Nghĩa là nhận biết rõ đúng về Bồ-đặc-già-la có đức hạnh hơn kém. Tức là Bồ-đặc-già-la như thế như thế, có đức hạnh hoặc hơn hoặc kém như thế như thế. Đó gọi là biết về Bồ-đặc-già-la có hơn có kém.

Bảy thứ như thế gọi là pháp tốt. Do nhân duyên nào bảy thứ ấy gọi là pháp tốt? Tốt nghĩa là bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của bậc ấy nên

gọi là pháp tốt. Nghĩa là các pháp này chính là biên vực có thể đạt, có thể được của bậc Thiện sĩ. Đây là pháp của bậc ấy đã có, hiện có, nên nói bảy thứ ấy là pháp tốt.

*

*** Bảy thức trụ: Những gì là bảy?**

1. Như có hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, nhiều thứ tướng, như loài người và một phần nẻo trời. Đó gọi là Thức trụ thứ nhất.

2. Lại có hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, một thứ tướng, như trời Phạm chúng, kiếp sơ khởi trụ. Đó gọi là Thức trụ thứ hai.

3. Lại có hữu tình có sắc, có một thứ thân, nhiều thứ tướng, như trời Quang Âm. Đó gọi là Thức trụ thứ ba.

4. Lại có hữu tình có sắc, có một thứ thân, một thứ tướng, như trời Biến tịnh. Đó gọi là Thức trụ thứ tư.

5. Lại có hữu tình không sắc, vượt quá tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối, không tư duy về các thứ tướng, nhập nơi không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như trời Không vô biên xứ. Đó gọi là Thức trụ thứ năm.

6. Lại có hữu tình không sắc, vượt quá tất cả xứ không vô biên, nhập nơi thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như trời Thức vô biên xứ. Đó gọi là Thức trụ thứ sáu.

7. Lại có hữu tình không sắc, vượt quá tất cả xứ thức vô biên, nhập nơi vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như trời Vô sở hữu xứ. Đó gọi là Thức trụ thứ bảy.

Như thế gọi là bảy Thức trụ.

Ở đây:

1. *Có sắc:* Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày có sắc: Thân có sắc, có xứ có sắc, có giới có sắc, có uẩn có sắc, nên gọi là có sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn. Tuy các hữu tình là không thể đạt được, không thể thủ đắc, không thật có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới, xứ để giả lập hữu tình, có các tướng cùng tướng được thiết lập để nêu bày chuyển đổi. Đó là hữu tình, người, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Nhiều thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có nhiều thứ thân hiển sắc, nhiều thứ tướng, nhiều thứ hình, không phải một thứ hiển sắc, không phải một thứ tướng, không phải một thứ hình, nên gọi là nhiều thứ thân.

Nhiều thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy có tướng vui, tướng khổ, tướng không khổ không vui, nên gọi là nhiều thứ tướng.

Như loài người và một phần nẻo trời: Tức chỉ rõ chung về loài người và các trời thuộc Dục giới, nên gọi là như loài người và một phần nẻo trời.

Đó gọi là thứ nhất: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ nhất.

Thức trụ: Thế nào gọi là thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tướng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

2. *Có sắc*: Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày có sắc: Thân có sắc, có xứ có sắc, có giới có sắc, có uẩn có sắc, nên gọi là có sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn. Tuy các hữu tình là không thể đạt được, không thể thủ đắc, không thật có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới, xứ để giả lập hữu tình, có các tướng cùng tướng được thiết lập để nêu bày chuyển đổi. Đó là hữu tình, người, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Nhiều thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có nhiều thứ thân hiển sắc, nhiều thứ tướng, nhiều thứ hình, không phải một thứ hiển sắc, không phải một thứ tướng, không phải một thứ hình, nên gọi là nhiều thứ thân.

Một thứ tướng: Nghĩa là các hữu tình ấy có thời, có phần. Khi kiếp sống của thế giới này sắp hoại, phần nhiều họ đều sinh lên trong chúng đồng phần nơi trời Quang âm, ở đây có đầy đủ tâm ý và thân sắc, các căn không thiếu giảm, các chi phần viên mãn, hình tướng hiển bày thanh tịnh, vui mừng vì sự ăn uống, thọ mạng lâu dài, có thời có phần. Nơi thế gian ấy khi kiếp sống mới thành hình, ở trong khoảng không trung phía dưới có cung điện trống không bỗng nhiên hiện ra. Lúc này, có một hữu tình do thọ mạng đã hết, nghiệp đã dứt, phước đã tận, là người đầu tiên từ nơi chúng đồng phần của trời Quang âm chết đi, sinh xuống ở tại cung điện trống không của xứ Phạm thế, chỉ mỗi một mình, không có những kẻ hầu, nhưng thọ mạng lâu dài. Hữu tình này sống ở đây trải qua thời gian rất lâu, bỗng nhiên sinh khởi ái dục và không vui, nên suy nghĩ: Làm sao để khiến các hữu tình khác sinh nơi đồng phần của ta làm bạn với ta! Trong lúc hữu tình này đang tâm nguyện ấy thì có một số hữu tình khác cũng do thọ mạng đã tận, nghiệp đã dứt, phước đã hết, nên lại từ chúng đồng phần của trời Quang âm chết đi, sinh xuống Phạm cung cùng làm bạn với hữu tình trước. Bây giờ, hữu tình sinh trước suy niệm: Ta trước đây chỉ mỗi một mình, thọ mạng hết sức lâu dài, bỗng nhiên sinh ái dục và không vui, nên suy nghĩ làm sao để khiến các hữu tình khác sinh nơi đồng phần của ta làm bạn với ta. Trong lúc ta tâm nguyện như thế thì các hữu tình này liền sinh vào nơi đây, cùng ta làm bạn, thỏa mãn ý nguyện của ta. Vì thế nên biết loại hữu tình này là do ta hóa ra. Ta đối với loài ấy cùng các thế gian khác là kẻ tự tại, là kẻ tạo ra, hóa ra, sinh ra, khởi lên, đích thực là Tổ phụ. Khi đó, các hữu tình kia cũng suy nghĩ:

Chúng ta đã từng thấy ông ấy sống một mình ở đây trải qua thời gian vô cùng lâu dài bỗng nhiên phát sinh ái dục và không vui, nên khởi tâm nguyện mong có các hữu tình khác sinh nơi đồng phần của ta cùng làm bạn với ta. Lúc ông ấy dậy khởi tâm nguyện như vậy, thì chúng ta liền sinh vào cõi đó cùng chung số phần để cùng làm bạn với ông ấy. Do đây, chúng ta chính là do ông ấy hóa ra. Đối với hữu tình và các vật nơi thế gian, ông ấy là bậc tự tại, là bậc tạo tác, biến hóa, sinh khởi, đích thực là Tổ phụ v.v... Nên gọi là một thứ tướng.

Như trời Phạm chúng: Tức trong nghĩa này là hiển bày chung về các hữu tình sinh nơi trời Phạm chúng v.v..., có nhiều thứ thân nhưng chỉ có một thứ tướng.

Kiếp sơ khởi trụ: Nghĩa là khi kiếp mới sinh thành.

Đó gọi là thứ hai: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ hai.

Thức trụ: Thế nào gọi là thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

3. *Có sắc:* Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày có sắc: Thân có sắc, có xứ có sắc, có giới có sắc, có uẩn có sắc, nên gọi là có sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn. Tuy các hữu tình là không thể đạt được, không thể thủ đắc, không thật có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới, xứ để giả lập hữu tình, có các tướng cùng tướng được thiết lập để nêu bày chuyển đổi. Đó là hữu tình, người, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Một thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có một thứ thân hiển sắc, một thứ tướng, một thứ hình, không có nhiều thứ hiển sắc, không có nhiều thứ tướng, không có nhiều thứ hình, nên gọi là một thứ thân.

Nhiều thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy có tướng vui, tướng không khổ không vui, nên gọi là nhiều thứ tướng.

Như trời Quang âm: Tức chỉ rõ chung cho các trời như trời Quang âm.

Đó gọi là thứ ba: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ ba.

Thức trụ: Thế nào gọi là Thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tướng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

4. *Có sắc:* Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày có sắc: Thân có sắc, có xứ có sắc, có giới có sắc, có uẩn có sắc, nên gọi là có sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn. Tuy các hữu tình là không thể đạt được, không thể thủ đắc, không thật có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới, xứ để giả lập hữu tình, có các tướng cùng tướng được thiết lập để nêu bày chuyển đổi. Đó là hữu tình, người, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Một thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có một thứ thân hiển sắc, một thứ tướng, một thứ hình, không có nhiều thứ hiển sắc, không có nhiều thứ tướng, không có nhiều thứ hình, nên gọi là một thứ thân.

Một thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy chỉ có tướng vui, nên gọi là một thứ tướng.

Như trời Biến tịnh: Tức chỉ rõ chung cho các trời như trời Biến tịnh.

Đó gọi là thứ tư: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ tư.

Thức trụ: Thế nào gọi là Thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tướng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

5. *Không sắc*: Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày không sắc: Thân không có sắc, xứ, giới, uẩn đều không có sắc, nên gọi là không sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn. Tuy các hữu tình là không thể đạt được, không thể thủ đắc, không thật có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới xứ để giả lập hữu tình, có các tướng cùng tướng được thiết lập để nêu bày chuyển đổi. Đó là hữu tình, người, ý sinh, nho đồng, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Vượt quá tất cả tướng sắc: Nghĩa là vượt quá tất cả tướng tương ưng với nhãn thức thân.

Diệt tướng có đối: Nghĩa là diệt các tướng tương ưng với bốn thức thân.

Không tư duy về các thứ tướng: Nghĩa là không có năm thức thân dẫn đến tương ưng với ý thức, duyên nơi sắc v.v... tạo vô số chướng ngại cho tướng định.

Nhập nơi không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như trời Không vô biên xứ: Nghĩa là hiển bày chung về trời Không vô biên xứ.

Đó gọi là thứ năm: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ năm.

Thức trụ: Thế nào gọi là Thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tướng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

6. *Không sắc*: Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày không sắc: Thân không có sắc, xứ, giới, uẩn đều không có sắc, nên gọi là không sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn, nói rộng như trước.

Vượt quá tất cả xứ không vô biên, nhập nơi thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như trời Thức vô biên xứ: Nghĩa là hiển bày chung về trời Thức vô biên xứ.

Đó gọi là thứ sáu: Tức là thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ sáu.

Thức trụ: Thế nào gọi là Thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

7. *Không sắc:* Nghĩa là hữu tình ấy đã nêu bày không sắc: Thân không có sắc, xứ, giới, uẩn đều không có sắc, nên gọi là không sắc.

Hữu tình: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hẳn, nói rộng như trước.

Vượt quá tất cả xứ thức vô biên, nhập nơi vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như trời Vô sở hữu xứ: Nghĩa là hiển bày chung về trời Vô sở hữu xứ.

Đó gọi là thứ bảy: Tức là thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ bảy.

Thức trụ: Thế nào gọi là Thức trụ? Tức ở đây là sự hệ thuộc gồm các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiện có, nên gọi chung là Thức trụ.

*

* **Bảy tùy miên:** 1. Tùy miên dục tham. 2. Tùy miên sân. 3. Tùy miên hữu tham. 4. Tùy miên mạn. 5. Tùy miên vô minh. 6. Tùy miên kiến. 7. Tùy miên nghi.

1. *Thế nào là tùy miên dục tham?*

Đáp: Nếu đối với các dục có các thứ tham cùng tham v.v... cho đến nói rộng. Đó gọi là tùy miên dục tham.

2. *Thế nào là tùy miên sân?*

Đáp: Nếu đối với các hữu tình muốn gây tổn hại v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là tùy miên sân.

3. *Thế nào là tùy miên hữu tham?*

Đáp: Nếu đối với sắc, không sắc, có các thứ tham cùng tham v.v... cho đến nói rộng. Đó gọi là tùy miên hữu tham.

4. *Thế nào là tùy miên mạn?*

Đáp: Là các thứ mạn nương dựa, nắm giữ v.v..., cho đến nói rộng. Đó gọi là tùy miên mạn.

5. *Thế nào là tùy miên vô minh?*

Đáp: Là đối với ba cõi đều không có trí. Đó gọi là tùy miên vô minh.

6. *Thế nào là tùy miên kiến?*

Đáp: Là năm thứ kiến, đó gọi là tùy miên kiến. Năm kiến là: Hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ. Năm kiến như thế gọi là tùy miên kiến.

7. *Thế nào là tùy miên nghi?*

Đáp: Là đối với các đế có do dự. Đó gọi là tùy miên nghi.

*

*** *Bảy sự không làm lỗi:* Những gì là bảy?**

1. Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật ở chỗ Đức Như Lai tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín, sinh căn, an trụ, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm, hay thế gian khác dẫn dụ chiếm đoạt. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ nhất.

2. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật luôn an trụ nơi tịnh giới, siêng năng tinh tấn giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, các phép tắc hành trì

đều luôn đầy đủ, đối với các tội rất nhỏ đều khởi lo sợ lớn. Thọ học các Học xứ thường không hủy phạm. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ hai.

3. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật luôn gần gũi với các Thiện hữu, khéo kết làm bạn cùng khéo giao tiếp. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ ba.

4. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật thường vui thích ở nơi chốn thanh vắng, gồm đủ hai thứ xa lìa là thân xa lìa và tâm xa lìa. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ tư.

5. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật luôn an trụ nơi siêng năng tinh tấn, có uy thế, có chuyên cần, có dũng mãnh kiên trụ, đối với các pháp thiện luôn không bỏ nẻo hành tác. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ năm.

6. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật luôn an trụ nơi chốn đủ niệm, thành tựu tối thắng các thứ *thường úy* nơi chi niệm, những việc làm và lời nói lâu xa đều có thể nhớ nghĩ. Đó gọi là sự không làm lỗi thứ sáu.

7. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật luôn an trụ nơi chốn đủ tuệ, thành tựu các thứ tuệ, như tuệ thế gian có sinh diệt, Thánh tuệ, Xuất tuệ, tuệ khéo thông đạt, tuệ do các vị ấy tạo tác, chánh tuệ dứt hết khổ v.v... Đó gọi là sự không làm lỗi thứ bảy.

Bảy thứ vừa nêu như thế gọi là bảy sự không làm lỗi.

Ở đây:

1. Ở chỗ Đức Như Lai tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín: Thế nào là Như Lai? Như Lai là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là tịnh tín? Nghĩa là dựa vào nẻo xuất ly, xa lìa đã sinh các pháp thiện, các thứ tin tưởng, tánh tin tưởng, nói rộng cho đến tánh tâm thanh tịnh, nên gọi là tịnh tín. Tức tịnh tín này ở chỗ Đức Như Lai đã, đang hay sẽ tu tập gieo trồng, thế nên nói như trên.

Đó gọi là thứ nhất: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Là có thể hiển bày sự thanh tịnh do đã đoạn dứt vĩnh viễn các làm lỗi.

2. An trụ nơi tịnh giới: Thế nào là tịnh giới? Nghĩa là các nghiệp đã tạo tác. Tức là thân hành luật nghi, ngữ hành luật nghi và đời sống thanh tịnh. Đó gọi là tịnh giới. *Nói an trụ:* Nghĩa là thành tựu tịnh giới, tu hành các thắng hạnh, tiến đến chỗ khế hợp, nên gọi là an trụ.

Siêng năng tinh tấn giữ gìn Luật nghi Biệt giải thoát: Thế nào là Biệt giải thoát? Nghĩa là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nói rộng cho đến Đức Phật, Bạc-già-phạm, đã tự mình thấy biết, vì các vị Bí-sô, cứ mỗi nửa tháng thường tuyên thuyết các Khế kinh biệt giải thoát. Đó gọi là Biệt giải thoát.

Do nhân duyên nào nói các pháp ấy là Biệt giải thoát? Tức các pháp thiện tối thắng do đây làm cửa vào, vì đây là pháp đứng đầu, đây là duyên thứ nhất, biệt hành biệt trụ, do đó nên lập tên là Biệt giải thoát.

Siêng năng tinh tấn giữ gìn luật nghi này: Nghĩa là đối với pháp Biệt giải thoát như thế luôn tùy hành tùy chuyển. Do đây nên nói như vậy.

Các phép tắc hành trì đều luôn đầy đủ: Nghĩa là các chúng Bí-sô có năm thứ không phải là phép tắc và năm chốn không nên đi đến. *Năm thứ không phải là phép tắc:* a. Tội Tha thắng (Ba-la-di). b. Tội Chúng dư. c. Tội Đọa chữ. d. Tội Biệt thú. đ. Tội Ác tác (Đột-cát-la). *Năm chốn không nên đi đến:* a. Cung vua. b. Nhà làm ác. c. Nhà dâm nữ. d. Nhà có âm nhạc. đ. Quán rượu. Các đệ tử Phật đối với năm thứ không phải là phép tắc, năm chốn không nên đi đến đã được nêu rõ ấy luôn vui thích xa lìa, từ bỏ, không bao giờ làm. Còn đối với các phép tắc chính đáng, các chốn hành đúng đắn thì luôn thành tựu đầy đủ.

Đối với các tội rất nhỏ đều khởi lo sợ lớn: Nghĩa là đối với tội rất nhỏ, khởi tưởng hết sức sợ hãi để tránh, do đây nên nói như thế.

Thọ học các Học xứ (giới) thường không hủy phạm: Nghĩa là các đệ tử Phật không nên suy niệm: Ta đối với Học xứ như thế như thế nên siêng năng tu học. Ta đối với Học xứ như thế như thế không siêng năng tu học. Các đệ tử Phật nên thường suy nghĩ: Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nói rộng cho đến Phật, Bạc-già-phạm đã tự biết tự thấy phạm tất cả Học xứ đã được chế lập, Ta đều thọ học, luôn không hủy phạm.

Đó gọi là thứ hai: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Là có thể hiển bày sự thanh tịnh do đã đoạn dứt vĩnh viễn các lầm lỗi.

3. *Gần gũi với các Thiện hữu:* Thế nào là Thiện hữu? Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cùng các đệ tử Phật đều gọi là Thiện hữu. Lại nữa, nếu có hữu tình đủ giới, đủ đức, cho đến nói rộng, nên gọi là Thiện hữu. Đối với các Thiện hữu ấy luôn gần gũi, cùng gần gũi, thân cận hết mực, tùy thuận phụng sự, cung kính cúng dường. Thế nên nói là gần gũi với các Thiện hữu.

Thế nào gọi là khéo kết làm bạn? Tức là đối với các thứ đoạn sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, hoặc uống các thứ rượu v.v... đều có thể xa lìa, dứt trừ, từ bỏ, chán ghét, hoàn toàn dứt trừ, nên gọi là thiện. Cùng với những người thiện ấy kết làm bạn bè, tùy thuận hướng đến chỗ thân tâm không hai, thế nên gọi là khéo kết làm bạn.

Thế nào gọi là cùng khéo giao tiếp? Tức là đối với người đủ tín, đủ giới, đủ văn, đủ xả, đủ tuệ, nên tùy chuyển tùy thuận, không chống trái, thế nên gọi là cùng khéo giao tiếp. Lại nữa, nếu đối với người đầy đủ pháp thiện, xuất ly, xa lìa, luôn tùy chuyển tùy thuận gần bó không chống trái, thế nên gọi là cùng khéo giao tiếp. Lại nữa,

nêu đối với người đầy đủ pháp thiện, xuất ly, xa lìa, hoàn toàn ưa thích, mong muốn, vui mừng, yêu mến, đều đồng như thế, thế nên gọi là cùng khéo giao tiếp.

Đó gọi là thứ ba: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Là có thể hiển bày sự thanh tịnh do đã đoạn dứt vĩnh viễn các làm lỗi.

4. *Vui thích ở nơi chốn thanh vắng:* Thế nào gọi là vui thích ở nơi thanh vắng? Các nơi chốn xa xôi không có nhà cửa đều gọi là thanh vắng. Nếu ở nơi đó, luôn vui vẻ, mến thích, không sinh ưu tư, tâm không chán sợ, thế nên gọi là vui thích ở nơi chốn thanh vắng.

Gồm đủ hai thứ xa lìa là thân xa lìa và tâm xa lìa: Nghĩa là ở nơi chốn thanh vắng, có thể siêng năng tu học, nội tâm luôn lặng dừng, không lìa tĩnh lự, thành tựu diệu quán, ở nơi hoàn toàn vắng vẻ không có nhà cửa siêng tu tự nghĩa.

Có thể siêng năng tu học, nội tâm luôn lặng dừng: Nghĩa là ở nơi chốn ấy, có thể siêng năng tinh tấn tu học bốn thứ tĩnh lự của thế gian.

Chẳng lìa tĩnh lự: Nghĩa là nơi thế gian, bốn thứ tĩnh lự luôn siêng suy tư, không cho là thấp kém, không khiếp sợ, không dứt bỏ.

Thành tựu diệu quán: Nghĩa là đối với bốn thứ tĩnh lự của thế gian, luôn tương ưng với trí tuệ vi diệu, thành tựu đầy đủ.

Hoàn toàn vắng vẻ không có nhà cửa: Nghĩa là ở nơi chốn vắng vẻ xa cách nhà cửa, do sức lựa chọn tốt nên luôn vui vẻ mến thích, không sinh sầu lo, tâm không chán sợ, thân tâm tăng trưởng cùng các pháp thiện, thế nên nói là hoàn toàn vắng vẻ không có nhà cửa.

Siêng tu tự nghĩa: Nghĩa là các ái đã dứt trừ hết, đạt được Niết-bàn tịch diệt, gọi là nghĩa tối thượng, cũng gọi là tự nghĩa. Đối với nghĩa như thế siêng năng tu học, cầu mau chóng chứng đắc, thế nên nói là siêng tu tự nghĩa.

Đó gọi là thứ tư: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Tức có thể chỉ rõ sự thanh tịnh nơi Tăng ngữ.

5. *An trụ nơi siêng năng tinh tấn:* Thế nào là tinh tấn? Nghĩa là đối với nẻo xuất ly, xa lìa, đã sinh ra pháp thiện, luôn siêng năng dững mãnh, thế dụng luôn nỗ lực, tâm được thúc đẩy liên tục, không gì có thể ngăn cản được, đó gọi là tinh tấn. Do người ấy thành tựu tinh tấn như thế, nên đối với sự tu tập, có thể hành tác các thắng hạnh, tiến đến chứng nhập. Do đây gọi là siêng năng tinh tấn.

Có uy thế: Là người ấy tinh tấn viên mãn thuộc phẩm thượng, nên gọi là có uy thế.

Có chuyên cần: Là chỉ rõ tinh tấn bền chắc, nên gọi là có chuyên cần.

Có dững mãnh kiên trụ: Là do đã thành tựu sức tinh tấn nên dững mãnh quyết định, kiên trụ, mạnh mẽ, nhanh nhẹn mà giữ lấy. Các thứ được giữ lấy đó đều là pháp thiện, không phải ác, nên tùy theo chỗ giữ lấy tương giữ gìn không bỏ. Thế nên nói là có dững mãnh kiên trụ.

Đối với các pháp thiện thường không bỏ nẻo hành tác: Nghĩa là đối với các pháp thiện không xả bỏ sự siêng năng dững mãnh, tinh tấn vượt bậc không hề gián đoạn.

Đó gọi là thứ năm: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Tức như trước đã nói rộng.

6. *An trụ nơi chón đủ niệm:* Thế nào là niệm? Nếu dựa vào nẻo xuất ly, xa lìa đã sinh các pháp thiện, hiện có các niệm tùy niệm v.v..., cho đến nói rộng, đó gọi là niệm.

Thành tựu tối thắng các thứ thường ủy nơi chi niệm: Nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là *thường ủy*, niệm này là một trong tám chi đó, tức là chi chánh niệm.

Những việc làm và lời nói lâu xa đều có thể nhớ nghĩ: Nghĩa là do niệm này nên các việc từng hành tác không hề quên mất, mà khiến tâm ghi nhớ rõ.

Đó gọi là thứ sáu: Tức như trước đã nói.

Sự việc không làm lỗi: Tức như trước đã nói rộng.

7. *An trụ nơi chốn đủ tuệ:* Thế nào gọi là tuệ? Nếu dựa vào nẻo xuất ly, nẻo xa lìa đã sinh các pháp thiện, đối với các pháp tướng có thể lựa chọn nên lựa chọn thật kỹ lưỡng v.v..., nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là tuệ. *Nói an trụ:* Là do đã thành tựu tuệ như thế, nên đối với các pháp tướng có thể hành tác các thắng hạnh thù thắng, tiến đến chứng nhập.

Thành tựu tuệ thế gian có sinh diệt: Thế nào gọi là thế gian? Nghĩa là năm thủ uẩn, đó là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Kẻ ấy do đã thành tựu tuệ như thế, nên có thể nhận biết đúng như thật năm thủ uẩn này sinh khởi và biến hoại, do đó nên nói là thành tựu tuệ thế gian có sinh diệt.

Nói Thánh tuệ: Có hai thứ Thánh: Một là thiện nên gọi là Thánh. Hai là vô lậu nên gọi là Thánh. Tuệ này do có đủ hai thứ Thánh đó, nên gọi là Thánh tuệ.

Xuất tuệ: Là do đã thành tựu tuệ như thế, nên có thể xuất ly cõi Dục cùng có thể xuất ly cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên gọi là Xuất tuệ.

Tuệ khéo thông đạt: Là do thành tựu tuệ như vậy, nên đối với các Đế khổ, tập, diệt, đạo và do các tướng khổ tập diệt đạo nên có thể thông đạt, khéo thông đạt, đều thông đạt riêng biệt từng thứ, nên gọi là tuệ khéo thông đạt.

Tuệ do các vị ấy tạo tác: Là do người ấy đã tu học đạo vô gián nên có được thắng tuệ. Ở đây gọi là tuệ do kẻ ấy hành tác.

Chánh tuệ dứt hết khổ: Thế nào là chánh? Đó là nhân, là môn, là lý sâu xa, là hành tướng, nên gọi là chánh. Tuệ diệt hết khổ: Năm thủ uẩn gọi là khổ. Do tuệ này có thể diệt hết năm thủ uẩn, cùng diệt hết, diệt hết khắp, chứng đắc sự diệt hết vĩnh viễn, nên gọi là tuệ diệt hết khổ.

Đó gọi là thứ bảy: Tức như trước đã nói.

Sự việc không lỗi lầm: Là như trước đã nêu.

Trong đây Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đủ tín, giới, thiện hữu
Ở chốn vắng tinh tấn
Thành tựu niệm, chánh tri
Gọi bảy sự không lỗi.*

*

* ***Bảy pháp ngăn dứt tranh cãi***: 1. Tỳ-nại-da hiện tiền. 2. Tỳ-nại-da nhớ nghĩ. 3. Tỳ-nại-da bất si. 4. Tỳ-nại-da cầu tự tánh. 5. Tỳ-nại-da giữ lấy lời nói của nhiều người. 6. Tỳ-nại-da giữ lấy lời mình nói. 7. Tỳ-nại-da như cỏ che phủ mặt đất. Như thế gọi là bảy pháp ngăn dứt tranh cãi.

Hỏi: Vì sao gọi bảy thứ ấy là pháp ngăn dứt tranh cãi?

Đáp: Tranh cãi nghĩa là đây kia cùng tranh chấp, kiện tụng, chống trái. Do bảy pháp này theo một thứ hiện tiền có thể khiến chỗ dấy khởi tranh cãi đó dừng lại, dứt trừ. Do nhân duyên ấy nên gọi là pháp ngăn dứt tranh cãi.

HẾT - QUYỂN 17

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 18

Phẩm 9: TÁM PHÁP, phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với *tám pháp* tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi ích cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là *tám pháp*? *Tụng nêu tổng quát*:

Các chi đạo thủ thí

Lười biếng, tinh tấn, phước

Chúng, thế pháp, giải thoát

Thắng xứ đều tám thứ.

Gồm có: Tám chi đạo, tám loại Bồ-đặc-già-la, tám thứ bố thí, tám sự lười biếng, tám sự tinh tấn, tám phước sinh, tám thứ chúng, tám pháp thế gian, tám giải thoát, tám thắng xứ.

* **Tám chi đạo:** 1. Chánh kiến. 2. Chánh tư duy. 3. Chánh ngữ. 4. Chánh nghiệp. 5. Chánh mạng. 6. Chánh cần (tinh tấn). 7. Chánh niệm. 8. Chánh định. Tám chi đạo này như trước đã nói rộng.

*

* **Tám loại Bồ-đặc-già-la:** 1. Chứng hưởng quả Dự lưu. 2. Chứng quả Dự lưu. 3. Chứng hưởng quả Nhất lai. 4. Chứng quả Nhất lai. 5. Chứng hưởng quả Bất hoàn. 6. Chứng quả Bất hoàn. 7. Chứng hưởng quả A-la-hán. 8. Chứng quả A-la-hán. Tám loại Bồ-đặc-già-la như thế, như nơi Luận Pháp Uẩn đã nói rộng về tướng của chúng.

*

* **Tám thứ bố thí:** 1. Bố thí theo người đến xin. 2. Bố thí vì sợ hãi. 3. Bố thí vì báo ân. 4. Bố thí cầu báo đáp. 5. Bố thí vì quen theo trước. 6. Bố thí vì cầu danh. 7. Bố thí vì mong cầu được sinh lên nẻo trời. 8. Bố thí vì tâm trang nghiêm, vì tâm giúp đỡ, vì hỗ trợ cho Du-già, vì đạt được thông tuệ, vì nghĩa lý Bồ-đề, Niết-bàn vô thượng.

1. *Thế nào là bố thí theo người đến xin?*

Đáp: Như có một loại hữu tình bố thí những người lân cận, bố thí những người gần gũi, thân tình, bố thí những kẻ đang đến xin. Nghĩa là những người ấy nghĩ: Vì sao có người đang tới xin mà không bố thí? Đó gọi là bố thí theo người đến xin.

2. *Thế nào là bố thí vì sợ hãi?*

Đáp: Như có một loại hữu tình vì sợ hãi nên bố thí, do sợ hãi bị trói buộc nên hành bố thí, ban ân. Họ tự nghĩ: Nếu không hành bố thí tức sẽ bị sự tổn như thế như thế. Đó gọi là bố thí vì sợ hãi.

3. *Thế nào là bố thí vì báo ân?*

Đáp: Như có một loại hữu tình suy nghĩ: Người kia đã từng thí cho ta các vật như thế như thế. Nay ta cũng nên thí lại người ấy

những vật như thế như thế. Há đã mang ơn mà không báo đáp. Đó gọi là bố thí vì báo ân.

4. Thế nào là bố thí cầu báo đáp?

Đáp: Như có một loại hữu tình suy nghĩ: Ta nay nếu bố thí cho người kia các vật như thế như thế, thì người kia cũng sẽ bố thí lại cho ta các vật như thế như thế. Tức mong người khác báo đáp lại mà hành tuệ thí. Đó gọi là bố thí cầu báo đáp.

5. Thế nào là bố thí vì quen theo trước?

Đáp: Như có một loại hữu tình suy nghĩ: Ông bà ta thường hành bố thí, nhà ta cả đời hành bố thí không dứt. Ta nay sinh nơi gia đình có tín, có thí, nhà ta xưa nay thường ưa thích bố thí, nếu nay ta không bố thí sẽ làm mất danh dự của tộc họ. Vì giữ gìn nề nếp của tộc họ nên hành bố thí. Đó gọi là bố thí vì quen theo trước.

6. Thế nào là bố thí vì cầu danh?

Đáp: Như có một loại hữu tình, vì muốn có được danh tiếng tốt đẹp, được xưng tụng khắp nơi chốn xa gần nên hành bố thí. Đó gọi là bố thí vì cầu danh.

7. Thế nào là bố thí vì mong cầu được sinh lên nẻo trời?

Đáp: Như có một loại hữu tình, vì mong cầu quả dị thực tốt đẹp là được sinh lên nẻo trời nên hành bố thí. Nghĩa là khi ta qua đời sẽ được sinh lên các trời, do nay bố thí nên sẽ thọ nhận diệu lạc nơi nẻo trời. Đó gọi là bố thí vì mong cầu được sinh lên nẻo trời.

8. Thế nào là bố thí vì tâm trang nghiêm, vì tâm giúp đỡ, vì hỗ trợ cho Du-già, vì đạt được thông tuệ, vì nghĩa lý Bồ-đề, Niết-bàn vô thượng?

Đáp: Như có một loại hữu tình khởi suy niệm: Tâm ta trong suốt đêm dài sinh tử luôn bị tham sân si cấu nhiễm. Tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm. Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh. Nếu

hành tuệ thí liền phát khởi vui vẻ, vì vui vẻ nên sinh tâm mừng, tâm vui mừng nên thân khinh an, thân khinh an nên thọ nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết đúng như thật, thấy biết đúng như thật nên sinh chán bỏ, vì chán bỏ nên có thể xa lìa, vì xa lìa nên đạt được giải thoát, do giải thoát nên chứng đắc Niết-bàn. Như thế bố thí dần dần làm tăng trưởng các pháp thắng diệu, lần lượt chứng đắc nghĩa vi diệu tối thượng là Bồ-đề, Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nơi các tướng viên mãn
 Đã lìa bỏ xan tham
 Thí ngay thẳng đúng lúc
 Tất đạt được quả lớn.
 Bậc trí khéo tịnh tâm
 Thí, cúng tế đáng kính
 Do vì tâm thanh tịnh
 Nên chứng được niềm vui.
 Tức từ tâm vui này
 Phát sinh hỷ thù thắng
 Do tâm hỷ như thế
 Nên thân khởi khinh an.
 Từ thân khinh an này
 Bậc trí tâm thọ lạc
 Do tâm thọ nhận lạc
 Tâm định một cảnh chuyển.
 Nương định thắng như thế
 Tâm tịnh không nhiễm đục
 Điều thuận có kham nhận
 Nên thấy biết như thật.
 Do thấy biết như thật
 Liền chán ghét nơi thân*

Đã chán ghét nơi thân
 Bạc trí hay là đúng.
 Do có thể xa lìa
 Giải thoát tham sân si
 Người trí tự nên biết
 Phạm hạnh lập, sinh hết.
 Lợi ích lớn như thế
 Nên biết do bỏ thí
 Nếu duyên tu hành này
 Tất chúng đắc thường lạc.

*

*** Tám sự lười biếng: Những gì là tám?**

1. *Chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô sống nương dựa nơi các thành ấp hoặc thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành lần lượt khát thực. Lúc hành khát thực, người ấy suy nghĩ: Mong sao có được nhiều thức ăn uống ngon. Nếu không đạt được như ý tâm bèn khởi niệm: Nay ta ăn uống quá ít, thân lực suy yếu, nên không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực sắp hết. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đầy các pháp cầu đạt đến, cầu chúng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ nhất.

2. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô sống nương dựa nơi các thành ấp hoặc thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành lần lượt khát thực. Lúc hành khát thực, người ấy suy nghĩ: Mong sao có được nhiều thức ăn uống ngon. Nếu đạt được như ý tâm bèn khởi niệm: Nay ta ăn uống quá nhiều, thân thể no đủ, trở nên nặng nề, không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực sắp hết. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đầy các pháp cầu đạt đến, cầu chúng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ hai.

3. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô suốt ngày bận rộn với các công việc trông coi, quán xuyên, tâm bèn khởi niệm: Cả ngày ta đã trông coi bao nhiêu công việc, thân sức rất mỏi mệt, nên đêm đến tất không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực sắp hết. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đây các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ ba.

4. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô mong đến ngày mai sẽ nhận làm các việc, tâm bèn khởi niệm: Ngày mai ta phải làm nhiều công việc, nên hôm nay không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây để dưỡng thân sức cho công việc ngày mai. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đây các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ tư.

5. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô ban ngày phải đi lại trên đường lớn, tâm bèn khởi niệm: Cả ngày ta bận rộn với việc đi đường, thân thể mệt nhọc, nay đêm đến tất không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực sắp hết. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đây các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ năm.

6. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô hẹn đến ngày mai là lên đường đi đây đó, tâm bèn khởi niệm: Sáng mai là ta phải lên đường rồi, tức không thể tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây để dưỡng sức cho thân. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đây các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ sáu.

7. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô đang bị bệnh khổ vây ngặt, nên suy nghĩ: Ta nay đang bị bệnh bức bách, thân sức

suy yếu, tất không thể đảm nhận việc tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực sắp hết. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng tinh tấn, do đấy các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ bảy.

8. *Lại nữa, chur vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô bị bệnh khổ hành hạ tuy đã khỏi nhưng chưa được lâu, nên suy nghĩ: Ta bị bệnh khổ hành hạ tuy đã khỏi nhưng chưa được lâu, thân sức còn gầy yếu, tất không thể đảm nhận việc tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Vậy ta nên nằm yên ở đây vì sức lực chưa hồi phục. Nghĩ như thế rồi nên không còn siêng năng siêng năng, do đấy các pháp cầu đạt đến, cầu chứng đắc đều chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự lười biếng thứ tám.

Tám thứ như thế gọi là sự lười biếng.

Hỏi: Vì sao tám thứ này gọi là sự lười biếng?

Đáp: Lười biếng tức là biếng nhác, trễ nải. Do chúng nên tám thứ này chưa sinh thì sinh, đã sinh rồi thì càng tăng trưởng rộng lớn. Vì nhân duyên ấy nên gọi là sự lười biếng.

*

*** *Tám sự tinh tấn:* Những gì là tám?**

1. *Chur vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô sống nương dựa nơi các thành ấp hoặc thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành lần lượt khát thực. Lúc hành khát thực, vị ấy suy nghĩ: Mong sao hôm nay có được nhiều thức ăn uống ngon. Nếu không đạt được như ý, lại suy nghĩ: Nay ta ăn uống tuy ít nhưng thân vẫn nhẹ nhàng nhanh nhẹn, có thể kham nhận việc tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Nghĩ như thế rồi liền càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ nhất.

2. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô sống nương dựa nơi các thành ấp hoặc thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành lần lượt khát thực. Lúc hành khát thực, vị ấy suy nghĩ: Mong sao hôm nay có được nhiều thức ăn uống ngon. Nếu đạt được như ý, lại suy nghĩ: Nay ta đã ăn uống được nhiều, thân sức càng khỏe, có thể kham nhận việc tiến tu các hạnh thù thắng phải tu tập. Nghĩ như thế rồi liền càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ hai.

3. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô ban ngày bận rộn với các công việc trông coi, quán xuyên, vị ấy suy nghĩ: Suốt ngày ta đã làm nhiều công việc, không có thời gian rảnh để tu học Thánh giáo của bậc Đại sư. Nay nơi đêm ta phải cố gắng hết sức để bù lại thời gian đã mất trước đây. Nghĩ như thế rồi càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ ba.

4. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô hẹn đến ngày mai sẽ làm các công việc, vị ấy suy nghĩ: Đến ngày mai ta sẽ phải làm nhiều công việc đâu còn thời gian rảnh để tu học Thánh giáo của bậc Đại sư. Nay nơi đêm về ta phải hết sức chuyên cần tinh tấn để bù lại thời gian sắp mất. Nghĩ như thế rồi nên càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ tư.

5. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô ban ngày phải đi lại nơi đường, vị ấy suy nghĩ: Ta suốt ngày đã bận đi đường xa, không có thời gian rảnh để tu học Thánh giáo của bậc Đại sư. Nay nơi đêm ta phải hết sức cố gắng để bù lại thời gian đã mất trước đây. Nghĩ như thế rồi nên càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ năm.

6. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô hẹn đến ngày mai sẽ phải lên đường đi đây đó, vị ấy suy nghĩ: Ngày mai ta phải lên

đường rồi, đâu có thời gian rảnh để tu học Thánh giáo của bậc Đại sư. Nay nơi đây ta cần cố gắng hết sức để bù cho những thời gian sắp mất. Nghĩ như thế rồi nên càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ sáu.

7. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô đang bị bệnh khổ hành hạ, vị ấy suy nghĩ: Ta đã bị các bệnh khổ bức bách, nếu bệnh càng nặng mà phải mạng chung thì đối với các giáo pháp truyền dạy của bậc Đại sư ta không đạt được gì. Nghĩ như thế rồi nên càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ bảy.

8. *Lại nữa, chư vị nên biết!* Như có một loại Bí-sô bị bệnh khổ bức bách tuy đã khỏi nhưng chưa được bao lâu, vị ấy suy nghĩ: Ta bị bệnh khổ hành hạ, tuy đã khỏi bệnh nhưng chưa lâu, nếu như bệnh ấy tái phát, rủi ro phải qua đời thì các pháp truyền dạy của bậc Đại sư ta không đạt được gì. Nghĩ như thế rồi nên càng tinh tấn vượt bậc, cầu đạt đến, chứng đắc các pháp chưa đạt được, chưa chứng được. Đó gọi là sự tinh tấn thứ tám.

Tám thứ như thế gọi là sự tinh tấn.

Hỏi: Vì sao tám thứ ấy gọi là sự tinh tấn?

Đáp: Tinh tấn là cố gắng hết sức để làm việc. Do chúng nên tám việc chưa sinh thì sinh, đã sinh rồi thì càng tăng trưởng rộng lớn. Do nhân duyên ấy nên gọi là sự tinh tấn.

*

* **Tám phước sinh:** *Những gì là tám?* Đó là: Bí-sô nên biết! Như có một loại hữu tình bố thí cho các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, những kẻ nghèo khổ, bậc đạo hạnh tu khổ hạnh, kẻ ăn xin, các thứ như y phục, thức ăn uống, các loại hương hoa, nhà cửa, phòng ốc, tọa cụ, giường nằm, đèn đuốc và các thứ cần dùng khác v.v... Lại thấy có

những người giàu sang nên suy nghĩ: Do bố thí này đã tích tập các căn thiện, nguyện cho đời sau tôi sẽ được như loại người giàu sang kia. Người ấy do nơi tâm đó, hoặc tập hoặc tu, hoặc hành tác nhiều, trước tuy ưa thích những thứ huyền ảo xen tạp thấp kém, về sau thì vui cầu sự tịch tĩnh thanh diệu. Nhân đây sau khi mạng chung, người ấy sinh trở lại làm người thuộc loại giàu sang, tự tại an lạc, nhưng luôn đầy đủ giới hạnh, tâm nguyện thanh tịnh, đây là do thân nơi đời trước giới pháp thanh tịnh. Đó gọi là phước sinh thứ nhất.

Như nguyện sinh làm người thuộc loại giàu sang, như thế nguyện sinh nơi các trời Tứ Thiên vương chúng, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm chúng, nên biết cũng như thế. Nhưng trời Phạm chúng có sai biệt nên nói là lia dục.

Ở đây:

Đó gọi là thứ nhất cho đến thứ tám: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là từ thứ nhất cho đến thứ tám.

Nói phước sinh: Vì sao nói đó gọi là phước sinh? Vì thân nhận quả của phước được sinh nơi xứ ấy, nên gọi là phước sinh.

*

*** Tám thứ chúng:** 1. Chúng Sát-đế-lợi. 2. Chúng Bà-la-môn. 3. Chúng Trưởng giả. 4. Chúng Sa-môn. 5. Chúng trời Tứ Thiên vương chúng. 6. Chúng trời Ba Mươi Ba. 7. Chúng Thiên ma. 8. Chúng Phạm thiên.

Hỏi: Thế nào là chúng Sát-đế-lợi?

Đáp: Nghĩa là hiển bày các sắc, các uẩn, các bộ của chúng ấy. Đó gọi là chúng Sát-đế-lợi.

Cho đến chúng Phạm thiên: Nói rộng cũng như thế.

*

* **Tám pháp thế gian:** 1. Được. 2. Không được. 3. Hủy (Chê bai). 4. Dự (Khen). 5. Xung (Ca tụng). 6. Cơ (Quở trách). 7. Khổ. 8. Lạc (Vui).

1. Thế nào gọi là được?

Đáp: Nếu đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, ngọ cụ, thuốc men, các vật dụng cần thiết khác đều có được, riêng được, đã được, sẽ được. Đó gọi là được.

2. Thế nào gọi là không được?

Đáp: Nếu đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, ngọ cụ, thuốc men, các vật dụng cần thiết khác đều không được, không riêng được, đã không được, sẽ không được. Đó gọi là không được.

3. Thế nào gọi là hủy (Chê bai)?

Đáp: Nghĩa là có các thứ ẩn giấu không hiện tiền, không khen ngợi, đề cao, cùng không tán dương, lại nói: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v... của người ấy đều không đầy đủ. Đó gọi là hủy (Chê bai).

4. Thế nào gọi là dự (Khen)?

Đáp: Nghĩa là có các thứ ẩn giấu không hiện tiền, nhưng được khen ngợi, đề cao, tán dương, nói: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v... của người ấy đều đầy đủ. Đó gọi là dự (khen).

5. Thế nào gọi là xung (Ca tụng)?

Đáp: Nghĩa là có các thứ không ẩn giấu, đang hiện tiền, không bị quở trách, chê bai, hủy nhục, lại được khen ngợi, đề cao, tán dương, nói: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v... của ông thầy đều viên mãn. Đó gọi là xung.

6. Thế nào gọi là cơ (Quở trách)?

Đáp: Nghĩa là có các thứ không ẩn giấu, đang hiện tiền, nhưng bị quở trách, chê bai, hủy nhục, không khen ngợi, không đề cao, tán dương, nói: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v... của ông thầy đều không đầy đủ. Đó gọi là cơ.

7. Thế nào gọi là khổ?

Đáp: Nghĩa là thuận với khổ thọ, tiếp xúc, đã tiếp xúc, sinh thân, tâm khổ, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là khổ.

8. Thế nào gọi là vui?

Đáp: Nghĩa là thuận với lạc thọ, tiếp xúc, đã tiếp xúc, sinh thân, tâm vui, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là vui.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Được, không được, chê, khen
Ca tụng, trách, vui, khổ
Vô thường, ý sinh dục
Pháp biến hoại, khó giữ.
Người trí biết như thật
Hiện thấy ngăn sinh tử
Nơi pháp ái, không ái
Tâm không sinh mừng giận.
Tuy gặp đủ thuận, nghịch
Có thể hàng phục, diệt
Nơi tất cả giải thoát
Đến tận cùng bờ kia.*

*

* **Tám giải thoát:** Những gì là tám?

1. Như có sắc quán các sắc, là giải thoát thứ nhất.

2. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, là giải thoát thứ hai.

3. Tĩnh giải thoát, thân tác chứng, trụ đầy đủ, là giải thoát thứ ba.

4. Vượt quá tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối, không tư duy về các thứ tướng, nhập nơi vô biên không, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, là giải thoát thứ tư.

5. Vượt quá tất cả xứ không vô biên, nhập nơi vô biên thức, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, là giải thoát thứ năm.

6. Vượt quá tất cả xứ thức vô biên, nhập nơi vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, là giải thoát thứ sáu.

7. Vượt quá tất cả xứ vô sở hữu, nhập nơi phi tướng, trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi phi tướng, là giải thoát thứ bảy.

8. Vượt quá tất cả xứ phi tướng phi phi tướng, nhập nơi tướng thọ diệt, thân tác chứng, trụ đầy đủ, là giải thoát thứ tám.

Như thế gọi là tám thứ giải thoát.

Ở đây:

1. *Như có sắc quán các sắc:* Nghĩa là Hành giả đối với bên trong đều có tướng về sắc riêng, nhưng chưa xa lìa, chưa xa lìa riêng, chưa điều phục, chưa điều phục riêng, chưa diệt mất, chưa phá bỏ v.v... Hành giả tuy chưa như thế nhưng do sức của thắng giải nên quán các thứ sắc bên ngoài, hoặc tạo sự bầm xanh của thân chết, hoặc tạo máu mủ nhầy nhựa, thân chết đó hoặc rã nát, hoặc tan lìa, hoặc bị mổ ăn, hoặc đổi màu đỏ, hoặc xương lớn hay xương vụn. Đó gọi là như có sắc quán các sắc.

Là thứ nhất: Tức trong các định lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ nhất.

Giải thoát: Là trong định này gồm đủ các thứ sắc, thọ, tướng, hành, thức thiện hiện có, đó gọi là giải thoát.

2. *Bên trong không có tướng sắc quán các sắc bên ngoài*: Nghĩa là Hành giả đối với bên trong đều có tướng về sắc riêng, đã xa lìa, đã xa lìa riêng, đã điều phục, đã điều phục riêng, đã diệt mất, đã phá bỏ. Hành giả do có được như thế, cùng do sức của thắng giải nên quán các sắc bên ngoài, nói rộng như trên. Đó gọi là bên trong không có tướng sắc quán các sắc bên ngoài.

Là thứ hai: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Là trong định này gồm đủ các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có, đó gọi là giải thoát.

3. *Tịnh giải thoát, thân tác chứng, trụ đầy đủ*: Thế nào là gia hạnh của tịnh giải thoát này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập định của tịnh giải thoát? *Đáp*: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán nên giữ lấy tướng của cây xanh, như đọt non xanh, cành xanh, lá xanh, hoa xanh, quả xanh, hoặc giữ lấy tướng áo xanh, tướng các vật trang sức xanh, hoặc giữ lấy tướng màu xanh của vô số vật khác. Khi đã giữ lấy các tướng màu xanh như thế rồi, do sức của thắng giải nên tư duy tưởng nhớ, quan sát, an lập, tin hiểu sắc đó là tướng màu xanh ấy. Do sức của thắng giải đạt được như vậy, nên tâm liền tán động, chạy theo các tướng không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về sắc này là xanh, không phải là màu khác, tức chưa thể trụ tâm nhập nơi định của tịnh giải thoát. Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng một màu xanh như thế đã buộc niệm tư duy, cho tướng này là màu xanh không phải là không xanh. Luôn tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng xanh ấy, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu vào một xứ. Nhân gia hạnh này nên nhập nơi định của tịnh giải thoát, lại siêng năng tinh tấn thường xuyên hành tập gia hạnh ấy, cùng tiến tu phương tiện của định, nhân đầy tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp một hướng buộc niệm nơi một cảnh, tư duy sắc này nhất định là tướng xanh. Do tâm đã an trụ như thế, nên tư duy về

tướng xanh ấy là không hai, không chuyên, nên có thể chứng nhập nơi định của tịnh giải thoát.

Như quán tướng màu xanh, thì quán tướng màu vàng, màu đỏ, màu trắng theo chỗ ứng hợp cũng lại như vậy.

Là thứ ba: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa như trước đã nói rộng.

4. *Vượt quá tất cả tướng sắc: Thế nào là tướng sắc? Đáp:* Nghĩa là nhãn thức tương ưng với tánh của các tướng cùng tướng, tánh của hiện tướng, đã tướng, sẽ tướng, đó gọi là tướng sắc. Lại nữa, có chỗ nói: Năm thức thân tương ưng với các tướng, cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng sắc. Nay trong nghĩa này thì nhãn thức thân tương ưng với các tướng cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng sắc. Khi nhập vào định này, đối với các tướng về sắc kia đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng, thế nên nói là vượt quá tất cả các tướng sắc.

Diệt tướng có đối: Thế nào là tướng có đối? Đáp: Bốn thức thân tương ưng với các tướng cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng có đối. Lại nữa, có chỗ nói: Năm thức thân tương ưng với các tướng cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng có đối. Lại nữa, có nơi nói: Sự giận dữ tương ưng với các tướng cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng có đối. Nay trong nghĩa này thì bốn thức thân tương ưng với các tướng, cùng tướng, cho đến nói rộng, đó gọi là tướng có đối. Khi nhập nơi định này, đối với tướng có đối đó đã được đoạn dứt, đã nhận biết khắp, đã xa lìa, đã xa lìa riêng, đã điều phục, đã điều phục riêng, đã diệt mất, đã phá trừ. Thế nên nói là diệt tướng có đối.

Không tư duy về các thứ tướng: Thế nào là các thứ tướng? Đáp: Tức do có sự che lấp, trói buộc, nên các tướng sắc nhiễm ô hiện có, các tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc hiện có, hoặc

các tướng bất thiện hiện có, hoặc các tướng thiện có đã dẫn đến chỗ phi lý, đều có thể gây chướng cho định. Tất cả như thế gọi là các thứ tướng. Lúc nhập nơi định này, đối với các thứ tướng ấy không dẫn phát, không tùy dẫn phát, không cùng dẫn phát, không tư duy, không đã, sẽ tư duy. Do vậy nên nói: Không tư duy về các thứ tướng.

Nhập nơi vô biên không, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên: Thế nào là gia hạnh thuộc giải thoát của xứ không vô biên này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập nơi định giải thoát của xứ không vô biên? *Đáp:* Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán, trước hết nên tư duy về tính lự thứ tư là chướng của khổ thô, sau đó mới tư duy về xứ không vô biên là tính diệu ly. Hành giả do đã tư duy như thế, nên tâm liền tán động, chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh nối tiếp để tư duy về xứ không vô biên. Do tâm luôn tán động nên chưa thể trụ tâm nhập nơi định giải thoát của xứ không vô biên. Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên chuyên buộc niệm tư duy về tướng của xứ không vô biên. Luôn tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng ấy, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu vào một xứ. Nhân gia hạnh này nên nhập nơi định giải thoát của xứ không vô biên, lại siêng năng tinh tấn thường xuyên hành tập gia hạnh ấy, cùng tiến tu phương tiện của định, nhân đây tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp một hướng buộc niệm nơi một cảnh, tư duy về xứ không vô biên như thế là không hai, không chuyển, nên có thể chứng nhập nơi định giải thoát của xứ không vô biên.

Là thứ tư: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa như trước đã nói rộng.

5. *Vượt quá tất cả xứ không vô biên: Thế nào là vượt quá tất cả xứ không vô biên?* *Đáp:* Lúc sắp sửa nhập vào xứ thức vô biên, đối với tất cả tướng của xứ không vô biên đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng, thế nên nói là vượt quá tất cả xứ không vô biên.

Nhập nơi vô biên thức, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên: Thế nào là gia hạnh thuộc giải thoát của xứ thức vô biên này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập nơi định giải thoát của xứ thức vô biên? Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán, trước hết nên tư duy về xứ không vô biên là chướng của khổ thô, sau đó mới tư duy về xứ thức vô biên là tĩnh diệu ly. Hành giả do đã tư duy như thế, nên tâm liền tán động, chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh nối tiếp để tư duy về xứ thức vô biên. Do tâm luôn tán động nên chưa thể trụ tâm nhập nơi định giải thoát của xứ thức vô biên. Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên chuyên buộc niệm tư duy về tướng của xứ thức vô biên. Luôn tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng ấy, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu nơi một xứ. Nhân gia hạnh này nên nhập nơi định giải thoát của xứ thức vô biên, lại siêng năng tinh tấn thường xuyên hành tập gia hạnh ấy, cùng tiến tu phương tiện của định, nhân đầy tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp một hướng buộc niệm nơi một cảnh, tư duy về xứ thức vô biên như thế là không hai, không chuyển, nên có thể chứng nhập nơi định giải thoát của xứ thức vô biên.

Là thứ năm: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa như trước đã nói rộng.

6. Vượt quá tất cả xứ thức vô biên: Thế nào là vượt tất cả xứ thức vô biên? Đáp: Lúc sắp sửa nhập vào xứ vô sở hữu, đối với tất cả tướng của xứ thức vô biên đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng, thế nên gọi là vượt quá tất cả xứ thức vô biên.

Nhập nơi vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu: Thế nào là gia hạnh thuộc giải thoát của xứ vô sở hữu này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập định giải thoát của xứ vô sở hữu? Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán, trước hết nên tư duy về xứ thức vô biên là chướng của khổ thô, sau đó mới tư duy về xứ vô sở hữu là tĩnh diệu ly. Hành giả do đã tư duy như thế, nên tâm liền tán

động, chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh nối tiếp để tư duy về xứ vô sở hữu. Do tâm luôn tán động nên chưa thể trụ tâm nhập nơi định giải thoát của xứ vô sở hữu. Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên chuyên buộc niệm tư duy về tướng của xứ vô sở hữu. Luôn tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng ấy, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu nơi một xứ. Nhân gia hạnh này nên nhập nơi định giải thoát của xứ vô sở hữu, lại siêng năng tinh tấn thường xuyên hành tập gia hạnh ấy, cùng tiến tu phương tiện của định, nhân đây tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp một hướng buộc niệm nơi một cảnh, tư duy về xứ vô sở hữu như thế là không hai, không chuyển, nên có thể chứng nhập nơi định giải thoát của xứ vô sở hữu.

Là thứ sáu: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa như trước đã nói rộng.

7. *Vượt quá tất cả xứ vô sở hữu: Thế nào là vượt quá tất cả xứ vô sở hữu?* *Đáp:* Lúc sắp sửa nhập vào xứ phi tướng phi phi tướng, đối với tất cả tướng của xứ vô sở hữu đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tốt cùng, thế nên gọi là vượt quá tất cả xứ vô sở hữu.

Nhập nơi phi tướng phi phi tướng, trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi phi tướng: Thế nào là gia hạnh thuộc giải thoát của xứ phi tướng phi phi tướng này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập định giải thoát của xứ phi tướng phi phi tướng? *Đáp:* Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán, trước hết nên tư duy về xứ vô sở hữu là chướng của khổ thô, sau đó mới tư duy về xứ phi tướng phi phi tướng là tĩnh diệu ly. Hành giả do đã tư duy như thế, nên tâm liền tán động, chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh nối tiếp để tư duy về xứ phi tướng phi phi tướng. Do tâm luôn tán động nên chưa thể trụ tâm nhập nơi định giải thoát của xứ phi tướng phi phi tướng. Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên chuyên buộc niệm tư duy về tướng của xứ phi tướng phi phi tướng.

Luôn tinh tấn dũng mãnh tư duy về tướng ấy, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu nơi một xứ. Nhân gia hạnh này nên nhập nơi định giải thoát của xứ phi tướng phi phi tướng, lại siêng năng tinh tấn thường xuyên hành tập gia hạnh ấy, cùng tiến tu phương tiện của định, nhân đầy tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp một hướng buộc niệm nơi một cảnh, tư duy về xứ phi tướng phi phi tướng như thế là không hai, không chuyển, nên có thể chứng nhập nơi định giải thoát của xứ phi tướng phi phi tướng.

Là thứ bảy: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa như trước đã nói rộng.

8. *Vượt quá tất cả xứ phi tướng phi phi tướng: Thế nào là vượt quá tất cả xứ phi tướng phi phi tướng? Đáp:* Lúc sắp nhập nơi tướng thọ diệt giải thoát, đối với tất cả tướng của xứ phi tướng phi phi tướng đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng, thế nên gọi là vượt quá tất cả xứ phi tướng phi phi tướng.

Nhập nơi tướng thọ diệt, thân tác chứng, trụ đầy đủ: Thế nào là gia hạnh của tướng thọ diệt giải thoát này? Người tu hành quán do phương tiện nào để nhập nơi định giải thoát của tướng thọ diệt? Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán, đối với tất cả hành không mong tạo tác, không muốn suy tư, nhận biết, và khi nhập định chỉ suy nghĩ: Làm thế nào để khiến các thọ tướng chưa sinh tạm thời không sinh, các thọ tướng đã sinh tạm thời dứt diệt. Vì người ấy đã hành nguyện như thế, nên tùy theo tâm nguyện có lúc đã có thể khiến những thọ tướng chưa sinh tạm thời không sinh, những thọ tướng đã sinh tạm thời dứt diệt. Ngang với đây gọi là nhập định giải thoát của tướng thọ diệt.

Là thứ tám: Tức như đã nói về thứ nhất.

Giải thoát: Nghĩa là trong định này, các giải thoát là giải thoát dị biệt, giải thoát rất dị biệt, đã giải thoát, sẽ giải thoát, đó gọi là giải

thoát. Lại nữa, nếu tướng pháp vi tế làm nhân, tướng vi tế làm đấng vô gián, do nghĩa của tướng là không hòa hợp không phải là nghĩa không thành tựu, đó gọi là giải thoát.

Trong đây nói định giải thoát của tướng thọ diệt: *Thế nào là tướng thọ diệt? Thế nào là giải thoát của tướng thọ diệt? Thế nào là định giải thoát của tướng thọ diệt để nói là định giải thoát của tướng thọ diệt?* Đáp: *Tướng thọ diệt*: Nghĩa là tướng và thọ diệt mất, hoàn toàn vắng lặng. Đó gọi là tướng thọ diệt. *Giải thoát của tướng thọ diệt*: Nghĩa là các giải thoát của tướng thọ diệt, giải thoát dị biệt, giải thoát rất dị biệt, đã giải thoát, sẽ giải thoát. Đó gọi là giải thoát của tướng thọ diệt. *Định giải thoát của tướng thọ diệt*: Nghĩa là tướng thọ diệt và giải thoát của tướng thọ diệt không ẩn giấu, mất đi, mà hiện tiền tự tại, thân đã chứng đắc. Đó gọi là định giải thoát của tướng thọ diệt.

HẾT - QUYỂN 18

LUẬN A TỲ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 19

Phẩm 9: TÁM PHÁP, phần 2

** Tám thắng xứ: Những gì là tám?*

1. Bên trong có tướng sắc, quán ít sắc bên ngoài, các thứ sắc ấy hoặc đẹp hoặc xấu, đều thấy biết thù thắng, có tướng như thế gọi là thắng xứ thứ nhất.

2. Bên trong có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, các thứ sắc ấy hoặc đẹp hoặc xấu, đều thấy biết thù thắng, có tướng như thế gọi là thắng xứ thứ hai.

3. Bên trong không có tướng sắc, quán ít sắc bên ngoài, các thứ sắc ấy hoặc đẹp hoặc xấu, đều thấy biết thù thắng, có tướng như thế gọi là thắng xứ thứ ba.

4. Bên trong không có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài, các thứ sắc ấy hoặc đẹp hoặc xấu, đều thấy biết thù thắng, có tướng như thế gọi là thắng xứ thứ tư.

5. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu xanh, hiện rõ với ánh sáng xanh, cũng như hoa Ô-mạc-ca, hoặc như áo xanh được nhuộm rất kỹ của xứ Bà-la-ni-tư. Nơi các sắc như vậy đều thấy biết thù thắng, cùng có tướng như thế, gọi là thắng xứ thứ năm.

6. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu vàng, hiện rõ với ánh sáng vàng, cũng như hoa Yết-ni-ca, hoặc như áo vàng được nhuộm rất kỹ của xứ Bà-la-ni-tu. Nơi các sắc như vậy đều thấy biết thù thắng, cùng có tướng như thế, gọi là thắng xứ thứ sáu.

7. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc có màu đỏ, hiện rõ với ánh sáng đỏ, cũng như hoa Bàn-đậu-thời-phước-ca, hoặc như áo đỏ được nhuộm rất kỹ của xứ Bà-la-ni-tu. Đối với các sắc như vậy đều thấy biết thù thắng, cùng có tướng như thế, gọi là thắng xứ thứ bảy.

8. Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc có màu trắng, hiện rõ với ánh sáng trắng, cũng như sắc Ô-sa-tu-tinh, hoặc như áo rất trắng sạch của xứ Bà-la-ni-tu. Đối với các sắc như vậy đều thấy biết thù thắng, cùng có tướng như thế, gọi là thắng xứ thứ tám.

Như thế gọi là tám thắng xứ.

Ở đây:

1. *Bên trong có tướng sắc:* Nghĩa là người ấy đối với bên trong đều có tướng về sắc riêng chưa xa lìa, chưa xa lìa riêng, chưa điều phục, chưa điều phục riêng, chưa diệt mất, chưa phá bỏ, do như thế nên gọi là bên trong có tướng sắc.

Quán ít sắc bên ngoài: Nghĩa là lượng sắc được quán là rất nhỏ, vi tế không nhiều, nên gọi là ít.

Hoặc đẹp: Nghĩa là các sắc được quán đã khéo hiện bày rực rỡ đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nên gọi là đẹp.

Hoặc xấu: Nghĩa là các sắc được quán chưa khéo hiện bày rực rỡ đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nên gọi là xấu.

Đối với các sắc ấy đều thấy biết thù thắng: Nghĩa là các thứ sắc được quán đã hàng phục dục tham, đã đoạn trừ dục tham,

đã vượt khỏi dục tham. Đối với chúng người ấy đã thấy biết thù thắng, tức đã được hàng phục, được tự tại, hoàn toàn không sợ hãi. Cũng như một người sang trọng hay con của người ấy, do thấy biết thù thắng nên đã dẫn các nô bộc theo hầu, vì đã hàng phục, đã được tự tại, không còn sợ hãi. Các sư Du Già cũng lại như thế: Nơi các thứ sắc được quán xét đã hàng phục dục tham, đã đoạn trừ dục tham, đã vượt khỏi dục tham. Đối với chúng người ấy đều đã thấy biết thù thắng, đã được hàng phục, đạt tự tại, không còn sợ hãi.

Có tướng như thế: Tức tướng như thật đang hiện tiền.

Thứ nhất: Nghĩa là trong các định lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ nhất.

Thắng xứ: Nghĩa là trong định này, các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là thắng xứ.

2. *Bên trong có tướng sắc, quán nhiều sắc bên ngoài v.v...:* Nghĩa là số lượng sắc được quán xét rất rộng lớn, không có giới hạn, nên gọi là nhiều.

Phần còn lại: Như trước đã nói.

3, 4. *Bên trong không có tướng sắc:* Nghĩa là Hành giả đối với bên trong đều có tướng về sắc riêng đã xa lìa, đã xa lìa riêng, đã điều phục, đã điều phục riêng, đã diệt mất, đã phá bỏ. Do người ấy đã hành tác như thế, nên gọi là bên trong không có tướng sắc.

Quán nhiều ít các sắc bên ngoài: Như trước đã nói.

5. *Bên trong không có tướng sắc, quán các sắc bên ngoài, hoặc màu xanh:* Nghĩa là hiển bày chung về màu xanh, nhóm xanh, các thứ xanh v.v... hiện có, nên nói là hoặc màu xanh.

Màu xanh hiển bày: Tức màu xanh này là hiển sắc, không phải là hình tướng, nên gọi là màu xanh hiển bày.

Màu xanh hiện ra: Tức màu xanh này là cảnh giới nơi đối tượng hành tác của nhãn thức, cũng là cảnh giới nơi đối tượng hành tác của ý thức, nên gọi là màu xanh hiện ra.

Ánh sáng xanh: Tức màu xanh này có thể hiện ra, có thể phát ra các thứ ánh sáng, nên gọi là ánh sáng xanh.

Phần còn lại: Như trước đã nói.

6, 7, 8. Như nói về hoặc màu xanh, hoặc các màu vàng, đỏ, trắng cũng như thế.

Phẩm 10: CHÍN PHÁP

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Bí-sô nên biết! Đức Phật đối với **chín pháp** đã tự khéo thông đạt, hiện Đẳng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi ích cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là chín pháp? Ở đây lược có hai thứ chín pháp, đó là chín kiết và chín chón cư ngụ của hữu tình.

*

* **Chín kiết:** 1. Kiết ái. 2. Kiết giận dữ. 3. Kiết mạn. 4. Kiết vô minh. 5. Kiết kiến. 6. Kiết thủ. 7. Kiết nghi. 8. Kiết ganh ghét. 9. Kiết keo kiệt.

1. *Thế nào là kiết ái?*

Đáp: Tham của ba cõi, đó gọi là kiết ái.

2. Thế nào là kiết giận dữ?

Đáp: Đối với các hữu tình muốn gây tổn hại, tâm luôn ôm giữ sự tàn hại muốn gây nhiễu loạn cho mọi người. Đã giận, đang giận, sẽ giận, ưa gieo họa hay các thứ tai họa trầm trọng cho người khác, ý luôn phẫn hận, hành tác trái ngược, tàn bạo đối với các hữu tình. Đã từng gây tai họa, hiện đang gây tai họa và sẽ gây tai họa. Đó gọi là kiết giận dữ.

3. Thế nào là kiết mạn?

Đáp: Mạn có bảy thứ gọi là kiết mạn: a. Mạn. b. Quá mạn. c. Mạn quá mạn. d. Ngã mạn. đ. Tăng thượng mạn. e. Ty mạn. f. Tà mạn. Bảy thứ mạn này hợp lại gọi là kiết mạn.

4. Thế nào là kiết vô minh?

Đáp: Ở trong ba cõi không trí, đó gọi là kiết vô minh.

5. Thế nào là kiết kiến?

Đáp: Có ba thứ kiến: a. Tát-ca-da-kiến (Thân kiến). b. Biên chấp kiến. c. Tà kiến. Ba thứ kiến như thế hợp làm kiết kiến.

6. Thế nào là kiết thủ?

Đáp: Có hai thứ thủ gọi là kiết thủ: a. Kiến thủ. b. Giới cấm thủ. Hai thứ thủ như thế hợp làm kiết thủ.

7. Thế nào là kiết nghi?

Đáp: Đối với các đế còn do dự, đó gọi là kiết nghi.

8. Thế nào là kiết ganh ghét?

Đáp: Tâm không chấp nhận, đó gọi là kiết ganh ghét.

9. Thế nào là kiết keo kiệt?

Đáp: Tâm có tiếc lẩn, đó gọi là kiết keo kiệt.

*** *Chín chốn cư ngụ của hữu tình: Những gì là chín?***

1. Hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, nhiều thứ tướng, như loài người và một phần nẻo trời. Đó là chốn cư ngụ thứ nhất của hữu tình.

2. Hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, một thứ tướng, như trời Phạm chúng, kiếp sơ khởi vị. Đó là chốn cư ngụ thứ hai của hữu tình.

3. Hữu tình có sắc, có một thứ thân, nhiều thứ tướng, như trời Quang âm. Đó là chốn cư ngụ thứ ba của hữu tình.

4. Hữu tình có sắc, có một thứ thân, một thứ tướng, như trời Biến tịnh. Đó là chốn cư ngụ thứ tư của hữu tình.

5. Hữu tình có sắc, không có tướng, không có tướng riêng biệt, như trời Vô tướng. Đó là chốn cư ngụ thứ năm của hữu tình.

6. Hữu tình không có sắc, vượt khỏi tất cả tướng sắc, diệt hết tướng có đối, không tư duy về các thứ tướng, nhập nơi vô biên không, trụ đầy đủ nơi xứ không vô biên, như trời Không vô biên xứ. Đó là chốn cư ngụ thứ sáu của hữu tình.

7. Hữu tình không có sắc, vượt khỏi tất cả xứ không vô biên, nhập nơi vô biên thức, trụ đầy đủ nơi xứ thức vô biên, như trời Thức vô biên xứ. Đó là chốn cư ngụ thứ bảy của hữu tình.

8. Hữu tình không có sắc, vượt khỏi tất cả xứ thức vô biên, nhập nơi vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ vô sở hữu, như trời Vô sở hữu xứ. Đó là chốn cư ngụ thứ tám của hữu tình.

9. Hữu tình không có sắc, vượt khỏi tất cả xứ vô sở hữu, nhập nơi phi tướng phi phi tướng, trụ đầy đủ nơi xứ phi tướng phi phi tướng, như trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chốn cư ngụ thứ chín của hữu tình.

Như thế gọi là chín chốn cư ngụ của hữu tình.

Ở đây:

1. *Có sắc*: Nghĩa là hữu tình ấy có sắc đã được thiết lập: Thân có sắc và các thứ xứ, giới, uẩn đều có sắc, nên gọi là có sắc.

Hữu tình: Tức như trước đã nói rộng.

Nhiều thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có nhiều thứ thân hiển sắc, nhiều thứ tướng, nhiều thứ hình, không phải một thứ hiển sắc, không phải một thứ tướng, không phải một thứ hình, nên gọi là nhiều thứ thân.

Nhiều thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy có tướng vui, tướng khổ, tướng không khổ không vui, nên gọi là nhiều thứ tướng.

Như loài người và một phần nẻo trời: Tức hiển bày chung cho nẻo người và các trời thuộc Dục giới, nên gọi là như loài người và một phần nẻo trời.

Đó là thứ nhất: Tức là lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ nhất.

Chốn cư ngụ của hữu tình: Nghĩa là các nơi chốn cư ngụ, an trụ, nương dựa, ưa thích sinh vào của các hữu tình. Tức hiển bày chung trong ấy các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu hiện có gọi là chốn cư ngụ của hữu tình.

2. *Hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, một thứ tướng*: Nghĩa như trước đã nói.

Như trời Phạm chúng: Tức nghĩa ở đây là hiển bày chung về các hữu tình sinh nơi trời Phạm chúng, có nhiều thứ thân nhưng chỉ có một thứ tướng.

Kiếp sơ khởi vị: Tức là kiếp đầu tiên lúc sinh.

Đó là thứ hai: Nghĩa như trước đã nói.

3. *Hữu tình có sắc*: Cũng như trước đã nói.

Một thứ thân: Nghĩa là hữu tình ấy có một thứ thân hiển sắc, một thứ tướng, một thứ hình, không có nhiều thứ hiển sắc,

không có nhiều thứ tướng, không có nhiều thứ hình, nên gọi là một thứ thân.

Nhiều thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy có tướng vui và tướng không khổ không vui, nên gọi là có nhiều thứ tướng.

Các phần còn lại: Như trước đã nói.

4. *Hữu tình có sắc, có một thứ thân:* Như trước đã nói.

Một thứ tướng: Nghĩa là hữu tình ấy chỉ có một thứ tướng vui, nên gọi là một thứ tướng.

Các phần còn lại: Như trước đã nói.

5. *Hữu tình có sắc:* Cũng như trước đã nói.

Không có tướng: Nghĩa là hiển bày chung về loài không có tướng.

Không có tướng riêng biệt: Nghĩa là hiển bày riêng về loài không có tướng. Ở đây, xem tướng là đứng đầu, làm rõ không có tất cả tâm, tâm sở pháp.

Như hữu tình nơi trời Vô tướng: Nghĩa là hiển bày riêng về trời Vô tướng và Hữu tướng.

Đó là thứ năm: Như trước đã nói.

6, 7, 8, 9. *Không có sắc:* Nghĩa là hữu tình không có sắc ấy đã xác lập: Thân không sắc, các thứ xứ, giới, uẩn đều không có sắc, nên gọi là không có sắc.

Hữu tình: Như trước đã nói.

Vượt khỏi tất cả tướng sắc: Như trong tám giải thoát đã nói rộng. Nhưng ở đây chỉ lấy các thứ uẩn thọ tướng hành thức hữu lậu là chốn cư ngụ của hữu tình.

Các phần còn lại: Như trước đã nói.

Phẩm 11: MƯỜI PHÁP, phần 1

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại nói với đại chúng: Bí-sô nên biết! Đức Phật đối với *mười pháp* đã tự khéo thông đạt, hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập, để sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi ích cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Những gì là mười pháp? Ở đây lược có hai thứ mười pháp: Là mười biến xứ và mười pháp vô học.

*

** Mười biến xứ: Những gì là mười?*

1. Bí-sô nên biết! Đất (Địa) hiện bày khắp một tướng, như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bên bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ nhất.

2. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Nước (Thủy) hiện bày khắp một tướng, như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bên bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ hai.

3. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Lửa (Hỏa) hiện bày khắp một tướng, như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bên bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ ba.

4. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Gió (Phong) hiện bày khắp một tướng, như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bên bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ tư.

5. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Màu xanh hiện bày khắp một tướng, như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bên bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ năm.

6. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Màu vàng hiện bày khắp một tướng, như thể trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ sáu.

7. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Màu đỏ hiện bày khắp một tướng, như thể trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ bảy.

8. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Màu trắng hiện bày khắp một tướng, như thể trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ tám.

9. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Khoảng không hiện bày khắp một tướng, như thể trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ chín.

10. Lại nữa, Bí-sô nên biết! Thức hiện bày khắp một tướng, như thể trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ, giới hạn, đó là Biến xứ thứ mười.

Như thế gọi là mười Biến xứ.

Ở đây:

1. Thế nào là gia hạnh của định Địa biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định của Địa biến xứ?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với đại địa này, ở khắp nơi chón, hoặc cao hoặc thấp, hoặc gai góc, lùm bụi, hoặc hiểm trở, hoặc như bản v.v..., các xứ như thế đều không tư duy. Đối với đại địa này ở khắp nơi chón, bằng phẳng, hiện bày rõ như trong bàn tay, có đủ các khu vườn rừng sạch đẹp, là xứ đáng yêu thích. Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng của đất ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là đất,

không phải là thứ khác. Do tâm vẫn tán động, nên chưa thể chứng nhập định của Địa biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên nơi một tướng của đất buộc niệm tư duy, cho đây là đất, không phải là nước v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế, nên có thể nhập định của địa, rồi tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy nhất định là tướng đất. Do tâm an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy nhất định là tướng đất, là không hai, không chuyển, nên có thể nhập định của địa, nhưng chưa thể nhập định của Địa biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định của Địa biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định Địa biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định của Địa biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào sự nhập định của địa như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, dần dần được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về đất ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, các nơi đều là đất, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là đất. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định của Địa biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng của đất hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là đất hiện bày khắp, không phải là nước v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định của Địa biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ,

trụ gần, nối tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là đất. Do tâm an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là đất, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập vào định của Địa biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ nhất: Tức trong các định lần lượt thuận theo thứ lớp nối tiếp theo thứ tự là thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

2. *Thế nào là gia hạnh của định Thủy biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định của Thủy biến xứ?*

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy tướng của đại thủy tuôn chảy. Hoặc giữ lấy tướng của nước nơi suối, hay nước trong ao hồ, nơi vũng lớn. Hoặc giữ lấy tướng nước nơi các sông lớn: Sông Căng-già, sông Diêm-mẫu-na, sông Thiết lập bà, sông A-thị-la-phiệt-đề, sông Mạc-hê, cho đến hoặc giữ lấy tướng nước ở các biển lớn Đông Tây Nam Bắc, hoặc bốn biển lớn, hoặc thủy luân lớn v.v... Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng của nước ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là nước, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định của Thủy biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định của Thủy biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định Thủy biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định của Thủy biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào sự nhập định của thủy như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, dần dần được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về nước ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là nước, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là nước. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định của Thủy biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng nước hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là nước hiện bày khắp, không phải là đất v.v... Lại tinh tấn dũng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nối tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định của Thủy biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nối tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là nước, là không hai, không chuyên, từ đây mới nhập vào định của Thủy biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bên, giới hạn: Là bờ bên khó lường xét.

Là thứ hai: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

3. Thế nào là gia hạnh của định Hỏa biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định của Hỏa biến xứ?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy tướng lửa của vàng mặt trời thanh tịnh. Hoặc giữ lấy tướng lửa nơi ánh sáng của thuốc diệp. Hoặc giữ lấy tướng lửa nơi ánh sáng của thần ngọc. Hoặc giữ lấy tướng lửa nơi cung điện của tinh tú. Hoặc giữ lấy tướng lửa nơi đồng lửa to đang cháy dữ. Hoặc giữ lấy tướng lửa đang đốt cháy cả thôn xóm, thành ấp lớn. Hoặc giữ lấy tướng lửa đang đốt cháy cả đồng cỏ lớn. Hoặc giữ lấy tướng lửa nơi mười xe tải gỗ bị cháy. Hai mươi xe tải gỗ bị cháy. Ba mươi xe tải gỗ bị cháy. Bốn mươi xe tải gỗ, năm mươi xe, một trăm xe, một ngàn xe, một trăm ngàn xe, hoặc vô lượng trăm xe, hoặc vô lượng ngàn xe, hoặc vô lượng trăm ngàn xe. Người ấy thấy tướng của các ánh lửa như thế, đầu tiên cháy bùng lên, càng bùng lên dữ dội, rồi cháy lan khắp nơi, sau đó thì chỉ toàn là lửa sáng. Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng của lửa ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là lửa, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định của Hỏa biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định của Hỏa biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định Hỏa biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định của Hỏa biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào sự nhập định của hỏa như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, dần dần được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về lửa ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là lửa, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm

vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là lửa. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định của Hỏa biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng lửa hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là lửa hiện bày khắp, không phải là nước v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định của Hỏa biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là lửa, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định của Hỏa biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ ba: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

4. *Thế nào là gia hạnh của định Phong biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định của Phong biến xứ?*

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy tướng gió hiện có nơi phương Đông. Hoặc giữ lấy tướng gió hiện có nơi các phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Hoặc giữ lấy tướng gió có bụi bặm, hoặc giữ lấy tướng gió không bụi rậm. Hoặc giữ lấy tướng gió của các thứ gió: Phệ-thấp-ma, Phệ-lam-bà, gió nhẹ, gió lớn. Hoặc giữ lấy vô lượng tướng gió.

Hoặc giữ lấy tướng phong luân lớn. Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng của gió ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là gió, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định của Phong biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định của Phong biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định Phong biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định của Phong biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào sự nhập định của gió như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, dần dần được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về gió ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là gió, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là gió. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định của Phong biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng gió hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là gió hiện bày khắp, không phải là lửa v.v... Lại tinh tấn dũng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định của Phong biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là gió, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định của Phong biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ tư: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biển xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biển xứ.

HẾT - QUYỂN 19

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 20

Phẩm 11: MƯỜI PHÁP, phần 2

5. Thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu xanh? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định biến xứ màu xanh?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy màu xanh nơi cây, hoặc giữ lấy màu xanh nơi lá, hoa, quả. Hoặc giữ lấy màu xanh nơi áo, hoặc giữ lấy vô số màu xanh nơi các thứ vật dụng trang sức. Hoặc giữ lấy màu xanh nơi mây, nơi nước. Hoặc giữ lấy màu xanh nơi tất cả các vật khác v.v... Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng màu xanh ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là màu xanh, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định biến xứ màu xanh.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định biến xứ màu xanh, vậy thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu xanh? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định biến xứ màu xanh?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định về màu xanh như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về màu xanh ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là màu xanh, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là màu xanh. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định biến xứ màu xanh.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng màu xanh hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là màu xanh hiện bày khắp, không phải là màu vàng v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định biến xứ màu xanh, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là màu xanh, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định biến xứ màu xanh.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ năm: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

6. *Thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu vàng? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định biến xứ màu vàng?*

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy màu vàng nơi cây, hoặc màu vàng nơi lá, hoa, quả.

Hoặc giữ lấy màu vàng nơi áo, hoặc giữ lấy vô số màu vàng nơi các thứ vật dụng trang sức. Hoặc giữ lấy màu vàng nơi mây, nơi nước. Hoặc giữ lấy màu vàng nơi tất cả các vật khác v.v... Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng màu vàng ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là màu vàng, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định biến xứ màu vàng.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định biến xứ màu vàng, vậy thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu vàng? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định biến xứ màu vàng?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định về màu vàng như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về màu vàng ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là màu vàng, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là màu vàng. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định biến xứ màu vàng.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng màu vàng hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là màu vàng hiện bày khắp, không phải là màu xanh v.v... Lại tinh tấn dũng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định biến xứ màu vàng, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là màu vàng, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định biến xứ màu vàng.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ sáu: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

7. Thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu đỏ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định biến xứ màu đỏ?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy màu đỏ nơi cây, hoặc giữ lấy màu đỏ nơi lá, hoa, quả. Hoặc giữ lấy màu đỏ nơi áo, hoặc giữ lấy vô số màu đỏ nơi các thứ vật dụng trang sức. Hoặc giữ lấy màu đỏ nơi mây, nơi nước. Hoặc giữ lấy màu đỏ nơi tất cả các vật khác v.v... Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng màu đỏ ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là màu đỏ, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phân nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định biến xứ màu đỏ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định biến xứ màu đỏ, vậy thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu đỏ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định biến xứ màu đỏ?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định về màu đỏ như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về màu đỏ ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là màu

đỏ, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là màu đỏ. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định biến xứ màu đỏ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng màu đỏ hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là màu đỏ hiện bày khắp, không phải là màu vàng v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể chứng nhập định biến xứ màu đỏ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là màu đỏ, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định biến xứ màu đỏ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ bảy: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

8. Thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu trắng? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định biến xứ màu trắng?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thể giới này, hoặc giữ lấy màu trắng nơi cây, hoặc giữ lấy màu trắng nơi lá, hoa, quả. Hoặc giữ lấy màu trắng nơi áo, hoặc giữ lấy vô số màu trắng nơi các thứ vật dụng trang sức. Hoặc giữ lấy màu trắng nơi mây, nơi nước. Hoặc giữ lấy màu trắng nơi tất cả các vật khác v.v...

Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng màu trắng ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là màu trắng, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định biến xứ màu trắng.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định biến xứ màu trắng, vậy thế nào là gia hạnh của định biến xứ màu trắng? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định biến xứ màu trắng?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định về màu trắng như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về màu trắng ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là màu trắng, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là màu trắng. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định biến xứ màu trắng.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng màu trắng hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là màu trắng hiện bày khắp, không phải là màu đỏ v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể chứng nhập định biến xứ màu trắng, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là màu trắng, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định biến xứ màu trắng.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ tám: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

9. Thế nào là gia hạnh của định không biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định không biến xứ?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán đối với thế giới này, hoặc giữ lấy khoảng không trên nhà cửa, hoặc các khoảng không trên đất, trên cây, trên núi non, trên sông, nơi các hang động v.v... Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng không ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là tướng không, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định không biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định không biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định không biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định không biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định không biến xứ như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về tướng không ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là khoảng không, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là khoảng không. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định không biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng không hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là không gian hiện bày khắp, không phải là thức v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định của không biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là khoảng không, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định không biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ chín: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định không vô biên xứ này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

10. Thế nào là gia hạnh của định thức biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào để có thể chứng nhập định thức biến xứ?

Đáp: Người bắt đầu tu tập, khi mới tu quán ở trong thân này, hoặc giữ lấy tướng nhãn thức thanh tịnh, hoặc giữ lấy tướng nhĩ thức thanh tịnh, cho đến hoặc giữ lấy tướng ý thức thanh tịnh. Nơi các thứ như thế, theo đây giữ lấy một tướng, dùng sức của thắng giải buộc niệm tư duy, nhờ nơi tướng để quan sát, an lập, tin hiểu là tướng thức ấy. Hành giả do sức của thắng giải đã hành tác như thế, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy là thức, không phải là thứ khác. Nói rộng như nơi phần nói về Địa biến xứ ở trước, cho đến chưa thể nhập định của Thức biến xứ.

Hỏi: Nếu ở đây chưa thể nhập định thức biến xứ, vậy thế nào là gia hạnh của định thức biến xứ? Người tu hành quán do phương tiện nào mới có thể chứng nhập định thức biến xứ?

Đáp: Tức là dựa vào việc nhập định về thức như trước, khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục, hướng tới, lần lượt được nhu hòa, nhu hòa cùng khắp. Khi hoàn toàn được định rồi, lại tưởng về tướng thức ấy dần dần rộng lớn, lan khắp Đông Tây Nam Bắc, các nơi đều là thức, nên tâm liền tán động chạy theo các tướng, không thể hoàn toàn buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh đó khắp nơi đều là thức. Do tâm của người ấy đã tán động v.v... như thế, nên chưa thể chứng nhập định thức biến xứ.

Nhằm thâm giữ tâm tán động đang trôi nổi ấy, nên đối với tướng thức hiện bày khắp, luôn buộc niệm tư duy về tướng ấy là thức hiện bày khắp, không phải là khoảng không v.v... Lại tinh tấn dừng mãnh tư duy về tướng đó, cho đến khi khiến tâm nổi tiếp trụ lâu vào một xứ. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập định thức biến xứ, lại tiến tu hành tác phương tiện của định ấy, nhân đó tâm liền an trụ, cùng trụ, trụ gần, nổi tiếp buộc niệm vào một cảnh, tư duy về cảnh ấy khắp nơi đều là thức, là không hai, không chuyển, từ đây mới nhập định Thức biến xứ.

Nói trên dưới: Là các phương trên dưới.

Các phía: Là các hướng Đông Tây Nam Bắc v.v...

Không hai: Là không có xen tạp gián đoạn.

Không bờ bến, giới hạn: Là bờ bến khó lường xét.

Là thứ mười: Tức như đã nói về thứ nhất.

Biến xứ: Tức trong định Thức vô biên xứ này, các thứ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện hiện có đều gọi là Biến xứ.

*** Mười pháp vô học: Những gì là mười?** 1. Chánh kiến vô học. 2. Chánh tư duy vô học. 3. Chánh ngữ vô học. 4. Chánh nghiệp vô học. 5. Chánh mạng vô học. 6. Chánh cần vô học. 7. Chánh niệm vô học. 8. Chánh định vô học. 9. Chánh giải thoát vô học. 10. Chánh trí vô học.

1. Thế nào là chánh kiến vô học?

Đáp: Tức là tuệ vô học hoàn toàn không thuộc về tận trí và vô sinh trí. Đó gọi là chánh kiến vô học.

2. Thế nào là chánh tư duy vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập diệt đạo tư duy về tập diệt đạo. Tác ý vô học tương ưng với tư duy hiện có, cùng tư duy, tư duy gần, tìm cầu, cùng tìm cầu, tìm cầu gần, suy tầm, cùng suy tầm, suy tầm gần, khiến tâm đối với pháp thô động mà chuyển. Đó gọi là chánh tư duy vô học.

3. Thế nào là chánh ngữ vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập diệt đạo tư duy về tập diệt đạo. Tác ý vô học tương ưng với lực lựa chọn, diệt trừ bốn hành ác của ngữ nơi tà mạng. Đối với các hành ác của ngữ khác, chúng đắc vô học xa lìa, xa lìa vượt bậc, xa lìa gần, xa lìa tận cùng. Đối với luật nghi tịch tĩnh không tác không tạo, từ bỏ phòng hộ, không hành không phạm. Đối với các quy ước, luật lệ về thuyền bè, cầu cống, đê điều, bờ đập, tường vách, hào rãnh v.v... đều không vượt qua, tánh không vượt qua, không trái vượt, tánh không trái vượt, hành nghiệp ngữ vô biểu. Đó gọi là chánh ngữ vô học.

4. Thế nào là chánh nghiệp vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập diệt đạo tư duy về tập diệt đạo. Tác ý vô học tương ưng với lực lựa chọn, diệt trừ ba hành ác của thân nơi tà mạng. Đối với các hành ác của thân khác, chúng đắc vô học xa lìa, xa lìa vượt bậc, xa lìa gần,

xa lìa tận cùng. Đối với luật nghi tịch tĩnh không tác không tạo, từ bỏ phòng hộ, không hành không phạm. Đối với các quy ước, luật lệ về thuyền bè, cầu cống, đê điều, bờ đập, tường vách, hào rãnh v.v... đều không vượt qua, tánh không vượt qua, không trái vượt, tánh không trái vượt, hành nghiệp thân vô biểu. Đó gọi là chánh nghiệp vô học.

5. Thế nào là chánh mạng vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tư duy về khổ, đối với tập diệt đạo tư duy về tập diệt đạo. Tác ý vô học tương ưng với lực lựa chọn. Đối với hành ác của thân ngữ hương đến tà mạng đã tạo nên, hành vô học đều xa lìa, xa lìa vượt bậc, xa lìa gần, xa lìa tận cùng. Đối với luật nghi tịch tĩnh không tác không tạo, từ bỏ phòng hộ, không hành không phạm. Đối với các quy ước, luật lệ về thuyền bè, cầu cống, đê điều, bờ đập, tường vách, hào rãnh v.v... đều không vượt qua, tánh không vượt qua, không trái vượt, tánh không trái vượt, hành nghiệp thân ngữ vô biểu. Đó gọi là chánh mạng vô học.

6. Thế nào là chánh cần vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tập diệt đạo tư duy về khổ tập diệt đạo, tác ý vô học tương ưng với siêng năng tinh tấn hiện có, dũng mãnh vượt bậc, tâm ý cố gắng không ngừng, khó có thể ngăn cản. Đó gọi là chánh cần vô học.

7. Thế nào là chánh niệm vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tập diệt đạo tư duy về khổ tập diệt đạo, tác ý vô học tương ưng với niệm hiện có, tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không mất pháp, tánh ghi tâm sáng. Đó gọi là chánh niệm vô học.

8. Thế nào là chánh định vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tập diệt đạo tư duy về khổ tập diệt đạo, tác ý vô học tương ưng với tâm hiện có, tâm luôn trụ, cùng

trụ, trụ gần, an trụ, không tán không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh. Đó gọi là chánh định vô học.

9. Thế nào là chánh giải thoát vô học?

Đáp: Các đệ tử Phật, đối với khổ tập diệt đạo tư duy về khổ tập diệt đạo, tác ý vô học tương ưng với tâm thắng giải hiện có, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là chánh giải thoát vô học.

10. Thế nào là chánh trí vô học?

Đáp: Tức là tận trí và vô sinh trí. Đó gọi là chánh trí vô học.

*

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử nói với chúng Bí-sô: Cụ thọ nên biết! Đức Phật đối với **một pháp** cho đến **mười pháp** hiện Đăng giác rồi, vì các đệ tử tuyên thuyết khai thị. Tôi cùng với đại chúng đều cùng hòa hợp, tự thân đối nơi Đức Thế Tôn đã kết tập xong. Các chúng Bí-sô đều nên thọ trì, vì người khác diễn nói khiến được lưu hành rộng khắp. Sau khi Đức Phật diệt độ chớ nên có tranh cãi, chống đối. Nên khiến cho pháp luật thuận theo phạm hạnh được trụ lâu, đem lại lợi lạc cho vô lượng hữu tình. Lại thương xót các chúng trời, người ở thế gian, khiến họ đạt được nghĩa lợi an lạc thù thắng.

Phẩm 12: KHEN, KHUYÊN

Lúc này, Đức Thế Tôn biết Tôn giả Xá-lợi-tử vì chúng Bí-sô thuyết giảng pháp vừa xong, nên Ngài từ nơi chỗ nằm đứng dậy, thân tâm điều thuận, sửa lại y phục cho ngay ngắn, rồi ngồi kiết già, tán thán Tôn giả Xá-lợi-tử: Lành thay! Lành thay! Tôn giả nay đã khéo có thể ở nơi giảng đường này, cùng với chúng Bí-sô hòa hợp kết tập pháp môn Tăng nhất do Như Lai đã giảng nói. Từ nay Tôn giả có thể

vì các đại chúng thường nên diễn nói pháp môn như thế, vì các pháp ấy có thể khiến cho các hàng trời, người trong đêm dài sinh tử, chúng nhập, đạt được nghĩa lợi an lạc.

Đức Thế Tôn lại nói với chúng Bí-sô: Các Bí-sô đều nên thọ trì đọc tụng pháp môn Tập Dị do Tôn giả Xá-lợi-tử giảng nói, vì pháp môn như thế có thể dẫn đến điều thiện lớn, nghĩa lớn, pháp lớn, phạm hạnh thanh bạch, lại chúng đắc thông tuệ, Bồ-đề Niết-bàn. Các thiện nam tịnh tín xuất gia thọ trì đọc tụng pháp môn như thế, không lâu nhất định sẽ hoàn thành mọi sự việc tu tập.

Khi ấy, Đức Bạc-già-phạm nói lời khuyên bảo như thế rồi, các chúng Bí-sô đều hết sức vui mừng, cùng đánh lễ nơi chân Phật, tin thọ phụng hành.

HẾT - QUYỂN 20

SỐ 1537/12
LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TÚC

*Tác giả: Tôn giả Đại Mục Kiền Liên.
 Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Kệ quy kính:

*Đảnh lễ Phật, Pháp, Tăng
 Báu chân tịnh vô giá
 Nay tập các pháp uẩn
 Thí khắp mọi quần sinh.*

*A-tỳ-đạt-ma như biển cả
 Núi cao, đất rộng, hư không lớn
 Gồm đủ vô biên của Thánh pháp
 Nay con gắng sức lược hiển bày.*

Tụng nêu tổng quát về 21 Phẩm:

*Học, Chi, Tịnh, Quả, Hành, Thánh chủng
 Chánh thắng, Túc, Niệm, Đế, Tĩnh lự
 Vô lượng, Vô sắc, Định, Giác chi
 Tap, Căn, Xứ, Uẩn, Giới, Duyên khởi.*

Phẩm 1: HỌC XỨ

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa - Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô:

–Các hữu tình đối với ***năm thứ tội oán sợ hãi***, không tịch tĩnh, tức những kẻ ấy nơi đời hiện tại bị các bậc Hiền Thánh đồng quở trách, gọi là kẻ phạm giới tự tổn hại mình. Do tạo tội nên bị chê ghét, sinh nhiều phi phước, thân hoại mạng chung bị đọa nơi nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục. *Những gì là năm?*

1. Sát sinh: Duyên nơi sát sinh, sinh tội oán sợ hãi, không lia sát sinh. Đó gọi là thứ nhất.

2. Không cho mà lấy: Duyên nơi trộm cướp, sinh tội oán sợ hãi, không lia trộm cướp. Đó gọi là thứ hai.

3. Dục tà hạnh: Duyên nơi tà hạnh, sinh tội oán sợ hãi, không lia tà hạnh. Đó gọi là thứ ba.

4. Nói hư dối: Duyên nơi hư dối, sinh tội oán sợ hãi, không lia hư dối. Đó gọi là thứ tư.

5. Uống các thứ rượu nơi xứ phóng dật: Duyên nơi uống các vị rượu nơi xứ phóng dật, sinh tội oán sợ hãi, không lia uống rượu nơi xứ phóng dật. Đó gọi là thứ năm.

Đối với ***năm thứ tội oán sợ hãi*** như thế, không tịch tĩnh, tức những kẻ ấy nơi đời hiện tại bị các bậc Hiền Thánh đồng quở trách, gọi là kẻ phạm giới tự tổn hại mình. Do tạo tội nên bị chê ghét, sinh nhiều phi phước, thân hoại mạng chung bị đọa nơi nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục.

–Các hữu tình đối với ***năm thứ tội oán sợ hãi***, có thể đạt được tịch tĩnh, tức những người ấy nơi đời hiện tại được các bậc Hiền

Thánh đồng khen ngợi, gọi là người giữ giới tự bảo vệ mình. Do không tạo tội nên không bị chê ghét, sinh nhiều thắng phước, thân hoại mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời. *Những gì là năm?*

1. Lìa sát sinh: Lìa duyên sát sinh, diệt tội oán sợ hãi, có thể lìa sát sinh. Đó gọi là thứ nhất.

2. Lìa không cho mà lấy: Lìa duyên trộm cướp, diệt tội oán sợ hãi, có thể lìa bỏ trộm cướp. Đó gọi là thứ hai.

3. Lìa dục tà hạnh: Lìa duyên tà hạnh, diệt tội oán sợ hãi, có thể lìa tà hạnh. Đó gọi là thứ ba.

4. Lìa nói hư dối: Lìa duyên hư dối, diệt tội oán sợ hãi, có thể lìa hư dối. Đó gọi là thứ tư.

5. Lìa uống các thứ rượu nơi xứ phóng dật: Lìa duyên uống các thứ rượu nơi xứ phóng dật, diệt tội oán sợ hãi, có thể lìa uống rượu nơi xứ phóng dật. Đó gọi là thứ năm.

Đối với năm thứ tội oán sợ hãi như thế, có thể đạt được tịch tĩnh, tức những người ấy nơi đời hiện tại được các bậc Hiền Thánh đồng khen ngợi, gọi là người giữ giới tự bảo vệ mình. Do không tạo tội nên không bị chê ghét, sinh nhiều thắng phước, thân hoại mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhằm thâm tóm các nghĩa vừa nêu, nên nói tụng:

Các hành giết, trộm, dâm

Hư dối, mê các rượu

Năm tội oán sợ buộc

Hiền Thánh đều chê trách.

Gọi phạm giới tự hại

Có tội, không được phước

*Chết đọa nẻo hiểm ác
 Sinh trong các địa ngục.
 Là bỏ giết, trộm, dâm
 Hư dối, mê các rượu
 Thoát năm tội oán sợ
 Hiền Thánh đều khen ngợi.
 Gọi giữ giới tự phòng
 Không tội, cảm thắng phước
 Chết lên nẻo an lành
 Sinh trong các cõi trời.*

**

Thế nào gọi là Ô-ba-sách-ca?

Đáp: Nghĩa là những người nam bạch y, tại gia, nam căn thành tựu quy y Phật Pháp Tăng, khởi tâm ân cần thanh tịnh, nói lời thành thật, chắc chắn, tự xưng: Con là Ô-ba-sách-ca cúi xin bậc tôn kính nhớ nghĩ từ bi hộ niệm. Như thế đều gọi là Ô-ba-sách-ca.

Hỏi: Ở đây, vì sao gọi là có thể học một phần?

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca quy y Phật Pháp Tăng, nói lời thành thật rồi, nhưng chỉ lia sát sinh, chưa thể lia bốn thứ kia. Như thế gọi là có thể học một phần.

Hỏi: Lại nữa, thế nào gọi là có thể học ít phần?

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca quy y Phật Pháp Tăng, nói lời thành thật rồi, có thể lia bỏ sát sinh và trộm cắp, chưa lia bỏ được ba thứ kia. Như thế gọi là có thể học ít phần.

Hỏi: Lại nữa, thế nào gọi là có thể học nhiều phần?

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca quy y Phật Pháp Tăng, nói lời thành thật rồi, có thể lia sát sinh, trộm cắp, tà dâm, không lia hai thứ còn lại. Như thế gọi là có thể học nhiều phần.

Hỏi: Lại nữa, thế nào gọi là có thể học đủ phần?

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca quy y Phật Pháp Tăng, nói lời thành thật rồi, có thể lia đủ năm thứ. Như thế gọi là có thể học đủ phần.

*

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu năm pháp chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha. *Những gì là năm pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình lia bỏ sát sinh, cho đến lia bỏ uống rượu nơi xứ phóng dật, nhưng không thể khuyên người khác khiến lia bỏ sát sinh cho đến uống rượu nơi xứ phóng dật. Như thế gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu năm pháp chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha.

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu mười pháp có thể tự lợi, lợi tha, nhưng không thể tạo lợi ích rộng khắp. *Những gì là mười pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình lia bỏ sát sinh, cho đến lia bỏ uống rượu nơi xứ phóng dật, cũng có thể khuyên người khác khiến lia bỏ sát sinh cho đến uống rượu nơi xứ phóng dật, và khi thấy những người khác có thể lia bỏ sát sinh v.v... thì không hoan hỷ, vui thích, khích lệ. Như thế gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu mười pháp có thể tự lợi, lợi tha, nhưng không tạo lợi ích rộng khắp.

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu mười lăm pháp có thể tự lợi, lợi tha, cũng có thể tạo lợi ích rộng khắp. *Những gì là mười lăm pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình lia bỏ sát sinh, cho đến uống rượu nơi xứ phóng dật, cũng có thể khuyên người khác khiến lia bỏ sát sinh cho đến uống rượu nơi xứ phóng dật, và khi thấy những người khác lia bỏ sát sinh v.v... thì hoan hỷ, vui thích, khích lệ. Như thế gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu mười lăm pháp có thể tự lợi, lợi tha, cũng có thể tạo lợi ích rộng khắp.

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu tám pháp chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha. *Những gì là tám pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình có đủ tịnh tín, nhưng không thể khuyên người khác khiến có đủ tịnh tín. Tự mình có đủ tịnh giới, nhưng không thể khuyên người khác khiến có đủ tịnh giới. Tự mình có đủ tuệ xả, nhưng không thể khuyên người khác khiến có đủ tuệ xả. Tự mình có thể siêng vui, thường đi đến chôn Già lam lễ bái các chúng Bí-sô có đức, nhưng không thể khuyên người khác làm được như thế. Tự mình có thể chí thành lắng nghe chánh pháp, nhưng không thể khuyên người khác khiến họ làm được như thế. Tự mình nghe pháp rồi, có thể giữ nhớ không quên, nhưng không thể khuyên người khác khiến họ làm được như vậy. Tự mình nhận giữ pháp rồi, lại có thể suy tư xét chọn nghĩa lý, nhưng không thể khuyên người khác khiến họ làm được như vậy. Tự mình suy xét lựa chọn pháp rồi, lại vì để chúng đắc nghĩa pháp, nên có thể chánh cần tu pháp hành tùy pháp, trở nên hòa kính, hành hạnh tùy pháp, nhưng không thể khuyên người khác khiến họ hành tác các việc như vậy. Như vậy gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu tám pháp chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha.

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu mười sáu pháp có thể tự lợi, lợi tha, nhưng không thể tạo lợi ích rộng khắp. *Những gì là mười sáu pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình có đủ tịnh tín, cũng có thể khuyên người khác khiến có đủ tịnh tín v.v... nói rộng cho đến tự mình và cũng có thể khuyên người khác khiến chánh cần tu pháp hành tùy pháp, trở nên hòa kính, hành hạnh tùy pháp, nhưng không thể thấy người khác có đủ tịnh tín v.v... mà hoan hỷ, vui thích, khích lệ. Như vậy gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu mười sáu pháp có thể tự lợi, lợi tha, nhưng không thể tạo lợi ích rộng khắp.

Hỏi: Ô-ba-sách-ca thành tựu hai mươi bốn pháp có thể tự lợi, lợi tha, cũng có thể tạo lợi ích rộng khắp. *Những gì là hai mươi bốn pháp?*

Đáp: Nghĩa là như trước đã nói về Ô-ba-sách-ca tự mình có đủ tịnh tín, cũng có thể khuyên người khác khiến có đủ tịnh tín v.v..., nói rộng cho đến tự mình và cũng có thể khuyên người khác khiến chánh cần tu pháp hành tùy pháp, trở nên hòa kính, hành hạnh tùy pháp, cũng có thể thấy người khác có đủ tịnh tín v.v... mà hoan hỷ, vui thích, khích lệ. Như vậy gọi là Ô-ba-sách-ca thành tựu hai mươi bốn pháp có thể tự lợi, lợi tha, cũng có thể tạo lợi ích rộng khắp.

*

Hỏi: Có các hữu tình gây tạo mười pháp, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục. *Những gì là mười pháp?*

Đáp: Gồm có: 1. Sát sinh. 2. Không cho mà lấy. 3. Dâm dục tà hạnh. 4. Nói hư dối. 5. Nói lời ly gián. 6. Nói lời thô ác. 7. Nói lời uế tạp. 8. Tham dục. 9. Giận dữ. 10. Tà kiến. Nếu hữu tình gây tạo mười pháp như thế, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có các hữu tình thành tựu mười pháp, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời. *Những gì là mười pháp?*

Đáp: Gồm có: 1. Lìa sát sinh. 2. Lìa không cho mà lấy. 3. Lìa dâm dục tà hạnh. 4. Lìa nói hư dối. 5. Lìa nói lời ly gián. 6. Lìa nói lời thô ác. 7. Lìa nói lời uế tạp. 8. Không tham dục. 9. Không giận dữ. 10. Chánh kiến. Nếu hữu tình thành tựu mười pháp như thế, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời.

Hỏi: Có các hữu tình gây tạo hai mươi pháp, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục. *Những gì là hai mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình sát sinh cũng khuyên người khác khiến sát sinh v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi tà kiến cũng lại khuyên người khác khiến khởi tà kiến. Nếu hữu tình gây tạo hai mươi pháp như thế, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có các hữu tình thành tựu hai mươi pháp, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời. *Những gì là hai mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình lia sát sinh cũng có thể khuyên người khác khiến lia sát sinh v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi chánh kiến cũng có thể khuyên người khác khiến khởi chánh kiến. Nếu hữu tình thành tựu hai mươi pháp như thế, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời.

Hỏi: Có các hữu tình gây tạo ba mươi pháp, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục. *Những gì là ba mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình không lia sát sinh, khuyên người khác khiến sát sinh, thấy người khác không lia sát sinh thì vui mừng, khích lệ v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi tà kiến, cũng lại khuyên người khác khiến khởi tà kiến, cùng thấy người khác khởi tà kiến thì vui mừng, khích lệ. Nếu hữu tình gây tạo ba mươi pháp như thế, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có các hữu tình thành tựu ba mươi pháp, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời. *Những gì là ba mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình lia sát sinh, khuyên người khác khiến lia sát sinh, thấy người khác lia sát sinh thì vui mừng, khích lệ v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi chánh kiến, cũng lại khuyên người khác khiến khởi chánh kiến, cùng thấy người khác khởi chánh kiến thì vui mừng, khích lệ. Nếu hữu tình thành tựu ba mươi pháp như thế, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời.

Hỏi: Có các hữu tình gây tạo bốn mươi pháp, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục. *Những gì là bốn mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình không lia sát sinh, khuyên người khác khiến sát sinh, thấy người khác không lia sát sinh thì vui mừng, khích lệ, lại tán dương khen ngợi việc sát sinh v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi tà kiến, cũng lại khuyên người khác khiến khởi tà kiến, cùng thấy người khác khởi tà kiến thì vui mừng, khích lệ, lại tán dương khen ngợi việc khởi tà kiến. Nếu hữu tình gây tạo bốn mươi pháp như thế, sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo hiểm ác, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có các hữu tình thành tựu bốn mươi pháp, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời. *Những gì là bốn mươi pháp?*

Đáp: Nghĩa là tự mình lia sát sinh, khuyên người khác khiến lia sát sinh, thấy người khác lia sát sinh thì vui mừng, khích lệ, lại tán dương khen ngợi việc lia sát sinh v.v..., nói rộng cho đến tự mình khởi chánh kiến, cũng lại khuyên người khác khiến khởi chánh kiến, cùng thấy người khác khởi chánh kiến thì vui mừng, khích lệ, lại tán dương khen ngợi việc khởi chánh kiến. Nếu hữu tình thành tựu bốn mươi pháp như thế, sau khi mạng chung được lên nẻo an lành, sinh trong cõi trời.

**

Các Ô-ba-sách-ca có 5 Học xứ: Những gì là năm?

1. Cho đến mạng chung, luôn xa lia sát sinh.
2. Cho đến mạng chung, luôn xa lia không cho mà lấy.
3. Cho đến mạng chung, luôn xa lia dục tà hạnh.
4. Cho đến mạng chung, luôn xa lia nói lời hư dối.

5. Cho đến mạng chung, luôn xa lìa uống rượu nơi xứ phóng dật.

Đó gọi là năm Học xứ của Ô-ba-sách-ca.

*

1. Học xứ thứ nhất: Thế nào gọi là kẻ có thể sát sinh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có việc sát sinh, nghĩa là kẻ bạo ác, bàn tay vấy máu, ham thích việc sát hại, đối với các hữu tình, chúng sinh, thẳng loại không biết xấu hổ, không hề thương xót, dưới đến loài Quán-đà, Tỳ-tất-lạc-ca đều không lìa sát hại, như thế gọi là kẻ có thể sát sinh”.

Ở đây:

Những gì gọi là có việc sát sinh? Nghĩa là đối với việc sát sinh không hề chán sợ sâu xa, không xa không lìa, thích sống trong đó, gây tạo đủ các thứ giết hại, như thế gọi là có việc sát sinh.

Thế nào gọi là bạo ác? Nghĩa là gom chứa đủ các vật dụng sát hại như cung tên, đao gậy v.v... Đó gọi là bạo ác.

Thế nào gọi là bàn tay vấy máu? Nghĩa là những kẻ giết mổ dê, gà, heo, bắt chim, bắt cá, thợ săn, đầu nhóm trộm cướp, kẻ làm nem chả, kẻ yếm long mạch, cai ngục, nấu thịt chó, kẻ giăng lưới, đặt bẫy v.v... Đó gọi là bàn tay vấy máu. *Vì sao các thứ ấy gọi là bàn tay vấy máu?* Vì những kẻ kẻ trên tuy có tắm rửa nhiều lần, thoa dầu thơm, mặc quần áo sạch đẹp, đầu đội mũ, cài hoa trên tóc, thân mang nhiều đồ trang sức, nhưng vẫn gọi là bàn tay vấy máu. Vì sao? Vì những kẻ ấy đối với các việc ác không hề chán sợ sâu xa, không xa không lìa, khiến máu của các hữu tình đã sinh khởi cùng sinh khởi, tích tập, đều phải đổ ra. Thế nên gọi là bàn tay vấy máu.

Thế nào gọi là ham thích sát hại? Nghĩa là đối với chúng sinh có hại không phải là sát, có hại cũng là sát. *Có hại không phải là sát:*

Là dùng vô số các vật dụng sát hại như cung tên đao gậy để bức nã chúng sinh, nhưng chưa hoàn toàn đoạn mạng. Như thế gọi là có hại không phải là sát. *Có hại cũng là sát*: Là dùng vô số các thứ vật dụng sát hại như cung tên đao gậy để bức nã chúng sinh, rồi cũng giết chết luôn. Như thế gọi là có hại cũng là sát. Đối với việc sát hại ưa thích, chấp trước, như vậy gọi là ham thích sát hại.

Thế nào gọi là đối với các hữu tình, chúng sinh, thắng loại không biết xấu hổ, không hề thương xót? Nên biện giải về chúng sinh thắng loại có sai biệt. Nghĩa là các phàm phu gọi là chúng sinh, còn đệ tử Phật gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình có tham sân si gọi là chúng sinh. Nếu các hữu tình đã lìa tham sân si gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình có ái, có thủ, gọi là chúng sinh. Nếu các hữu tình lìa ái, lìa thủ, gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình có thuận không trái gọi là chúng sinh. Nếu các hữu tình không thuận có trái gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình không thông tuệ, có vô minh, gọi là chúng sinh. Nếu các hữu tình có thông tuệ, có minh, gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình chưa lìa dục tham gọi là chúng sinh. Nếu các hữu tình đã lìa dục tham gọi là thắng loại. Lại, các hữu tình chưa lìa dục tham, không phải là đệ tử Phật, gọi là chúng sinh. Các hữu tình đã lìa dục tham, là đệ tử Phật, gọi là thắng loại.

Nay trong nghĩa này, nếu các phàm phu gọi là chúng sinh, đệ tử của Đức Thế Tôn gọi là thắng loại. Vì sao? Vì *Thắng* nghĩa là Niết-bàn, người kia có thể đạt được, thành tựu xúc chứng, nên gọi là thắng loại. Như có tụng nêu:

*Tùy thuận khắp thế gian
Hiển bày khắp thôn ấp
Muốn cầu nơi thắng ngã
Không chỗ chứng, nương dựa.*

Nên trong nghĩa ấy, nếu các phàm phu gọi là chúng sinh, đệ tử của Đức Thế Tôn gọi là thắng loại. Đối với các hữu tình, chúng

sinh thắng loại ấy nên xấu hổ, nên thương xót. Nhưng ở đây không hổ không thẹn, không thương không xót v.v... Như thế gọi là đối với các hữu tình, chúng sinh, thắng loại không biết xấu hổ, không hề thương xót.

Thế nào gọi là dưới đến loài Quán-đa, Tỷ-tát-lạc-ca đều không lia sát hại? Nói Quán-đa nghĩa là các loài côn trùng bé nhỏ như muỗi, mòng, ve v.v... Còn Tỷ-tát-lạc-ca là loài kiến.

Dưới đến các loài chúng sinh rất bé nhỏ đều khởi tâm ác muốn giết hại, thế nên gọi là *kẻ có thể sát sinh*. Tức ở trong đây: Thế nào là sinh? Thế nào là sát sinh? Thế nào là xa lia sát sinh, để nói: Cho đến mạng chung luôn xa lia sát sinh, là Học xứ thứ nhất của Ô-ba-sách-ca?

Nói là sinh: Nghĩa là các chúng sinh có tướng chúng sinh, hoặc các hữu tình có tướng hữu tình, hoặc các mạng sống có tướng mạng sống, hoặc các thứ nuôi dưỡng có tướng nuôi dưỡng, hoặc Bồ-đặc-già-la có tướng Bồ-đặc-già-la. Đó gọi là sinh.

Sát sinh: Nghĩa là đối với chúng sinh khởi tướng chúng sinh, đối với các hữu tình khởi tướng hữu tình, đối với các mạng sống khởi tướng mạng sống, đối với các thứ nuôi dưỡng khởi tướng nuôi dưỡng, đối với Bồ-đặc-già-la khởi tướng Bồ-đặc-già-la. Lại khởi các thứ tâm ác, tâm bất thiện, tâm gây tổn hại, tâm sát hại nơi hiện tiền. Dựa vào nghiệp như thế, gia hạnh như thế, tư duy như thế, thúc đẩy như thế, hăng hái như thế, để sát hại chúng sinh, cố ý đoạn dứt mạng sống. Do các sự việc như vậy nên gọi là sát sinh.

Như trước đã nói, các Ô-ba-sách-ca đối với việc sát sinh có thể khéo suy xét, lựa chọn, chán ghét, xa lia, dừng dứt, gìn giữ, không tạo, không làm, không hành, không phạm, từ bỏ, ngăn lấp, không chống, không nghịch, không trái, không vượt. Như vậy gọi là xa lia sát sinh. Thế nên nói: *Cho đến mạng chung luôn xa lia sát sinh, là Học xứ thứ nhất của Ô-ba-sách-ca.*

2. Học xứ thứ hai: Thế nào gọi là không cho mà lấy?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có việc không cho mà lấy, nghĩa là hoặc ở trong thành ấp, hoặc ở nơi A-luyện-nhã, có tâm trộm cướp lấy các thứ vật không cho, không lia trộm cướp, như thế gọi là không cho mà lấy”.

Ở đây:

Những gì gọi là có việc không cho mà lấy? Nghĩa là đối với việc không cho mà lấy không hề chán sợ sâu xa, không xa không lia, luôn sống trong đó, gây tạo đủ các thứ trộm cướp, như thế gọi là có việc không cho mà lấy.

Thế nào gọi là hoặc ở trong thành ấp? Nghĩa là thành chung quanh có tường rào bao kín.

Thế nào gọi là hoặc ở nơi A-luyện-nhã? Nghĩa là chung quanh không có thành quách với tường rào bao kín.

Thế nào gọi là không cho? Nghĩa là người khác thù giữ không từ bỏ, không bố thí, không ban cho.

Thế nào gọi là vật? Nghĩa là những tiền bạc của cải, các thứ vật dụng trong cuộc sống do người khác thù giữ cố ý hay vô tình, tức ở đây gọi là các vật không cho.

Thế nào gọi là có tâm trộm cướp mà lấy, không lia trộm cướp? Nghĩa là như đã nói về những vật không cho, giữ tâm trộm cướp mà lấy, không chán, không xa lia. Như thế gọi là có tâm trộm cướp mà lấy, không lia trộm cướp.

Như thế gọi là không cho mà lấy: Tức ở trong đây: Thế nào là không cho? Thế nào là không cho mà lấy? Thế nào là lia không cho mà lấy, để nói: Cho đến mạng chung luôn lia bỏ không cho mà lấy, là Học xứ thứ hai của Ô-ba-sách-ca?

Nói không cho: Nghĩa là người khác thâm giữ cố ý hay không cố ý những tiền bạc của cải, các thứ vật dụng cần cho cuộc sống, không từ bỏ, không hề ban cho, bố thí. Đó gọi là không cho.

Không cho mà lấy: Nghĩa là đối với các thứ tiền của, vật dụng của người khác đang thâm giữ có ý giữ lấy không cho, nhưng lại khởi tâm ác, tâm bất thiện, tâm trộm cướp, chiếm đoạt, tâm giữ lấy, trộm lấy luôn hiện tiền. Dựa vào các nghiệp như thế, gia hạnh như thế, suy nghĩ như thế, thúc đẩy mạnh mẽ như thế, đường đi như thế v.v..., đối với tiền bạc, vật dụng của người khác đang thâm giữ mà cố ý, tham đắm, chiếm đoạt, trộm cướp đem chúng đi chỗ khác. Đó gọi là không cho mà lấy.

Như trước đã nói, các Ô-ba-sách-ca đối với việc không cho mà lấy có thể khéo suy xét, lựa chọn, chán ghét, xa lìa, dùng dút, giữ gìn, không tạo, không làm, không hành, không phạm, từ bỏ, ngăn lấp, không chống, không nghịch, không trái, không vượt. Như vậy gọi là lìa bỏ không cho mà lấy. Thế nên nói: *Cho đến mạng chung luôn lìa bỏ việc không cho mà lấy, là Học xứ thứ hai của Ô-ba-sách-ca.*

*

3. Học xứ thứ ba: Thế nào gọi là dục tà hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có dục tà hạnh, nghĩa là đối với con gái và vợ của kẻ khác đã được người khác thâm giữ, tức là chúng được giữ gìn do cha mẹ, anh em, chị em, cô cậu, thân quyến, tộc họ, có ngăn cấm, có trừng phạt, hoặc có đủ ngăn cấm trừng phạt, việc thấp như trao ném hoa, tóc để làm tin, đối với các loại như thế v.v... đã dấy khởi phiền não dục, mời gọi dụ dỗ, cưỡng bức người ấy hành tác tà hạnh, không lìa bỏ tà hạnh, như thế gọi là dục tà hạnh”.

Ở đây:

Những gì gọi là có đức tà hạnh? Nghĩa là đối với đức tà hạnh, không chán sợ sâu xa, không xa không lia, luôn sống trong đó, gây tạo đủ các thứ đức tà hạnh, như thế gọi là có đức tà hạnh.

Con gái và vợ của kẻ khác: Nghĩa là có bảy loại vợ: 1. Vợ do trao nước. 2. Vợ do tiền của hàng hóa. 3. Vợ do quân lính cướp. 4. Vợ do ý ưa thích. 5. Vợ do y phục, thức ăn uống. 6. Vợ cùng sinh sống. 7. Vợ trong chốc lát.

Vợ do trao nước: Là cha mẹ cô gái trao nước cho người nam cưới cô gái về làm vợ, về làm chủ gia đình.

Vợ do tiền của hàng hóa: Là các người nam dùng ít hay nhiều tiền bạc, của cải đem đổi lấy cô gái về làm vợ.

Vợ do quân lính cướp: Là có nhiều nam tử nhân đi đánh nước khác, cướp lấy các cô gái ở nước kia đem về làm vợ mình. Hoặc là vua nước này nhân đánh phá nước khác, cướp lấy những vật mình ưa thích, các thứ khác thì bỏ lại, hoặc các nam nhi dùng sức mạnh bắt các cô gái đem về làm vợ v.v...

Vợ do ý ưa thích: Là có những cô gái, đối với gia đình chàng trai, tin yêu ưa thích, nguyện về làm vợ.

Vợ do y phục, thức ăn uống: Là có những cô gái, đối với gia đình chàng trai, vì việc ăn uống, y phục nên xin đến làm vợ.

Vợ cùng sinh sống: Là có những cô gái đến nhà chàng trai, nói với chàng trai: Tôi xin đem thân này phò thác cho chàng. Chàng và thiếp hiện có đều là không hai, nương nhau cùng sống cho đến trọn đời, con cháu đông vui khi qua đời có người nhang khói, cúng giỗ v.v...

Vợ trong chốc lát: Là có những cô gái ưa thích chàng trai tạm thời làm vợ.

Trong việc đã được người khác thấu giỡ: Con gái do người mẹ bảo hộ: Là có cô gái người cha hoặc bị cuồng loạn, hoặc đang bị sầu khổ bức bách, hoặc đã xuất gia, hoặc đã đi xa hay lẩn trốn, hoặc đã chết, người mẹ một mình ở lại nuôi nấng, săn sóc con, khuyên bảo con: Khi muốn làm gì, phải cho mẹ biết trước, rồi sau mới làm. Đó gọi là do mẹ bảo hộ.

Con gái do người cha bảo hộ: Là cô gái này có mẹ bị cuồng, hoặc tâm trí rối loạn, nói rộng cho đến hoặc đã qua đời, người cha một mình nuôi nấng chăm sóc con v.v..., cũng nói những lời khuyên dạy như thế v.v... Đó gọi là do người cha bảo hộ.

Do anh em bảo hộ: Là có những cô gái, cha mẹ hoặc điên cuồng, loạn, nói rộng cho đến hoặc đều qua đời, anh em đã nuôi nấng, chăm nom, che chở, riêng dặn dò: Khi muốn làm gì, phải cho các anh biết trước, rồi sau mới làm. Đó gọi là do anh em bảo hộ.

Do chị em bảo hộ: Là có những cô gái, cha mẹ hoặc điên cuồng, hoặc loạn trí, nói rộng cho đến hoặc đều qua đời, chị em đã nuôi dưỡng chăm sóc che chở, cũng khuyên bảo như trước. Đó gọi là do chị em bảo hộ.

Do cô cậu bảo hộ: Là có cô gái, chồng bị điên cuồng, loạn trí hay đã qua đời, nên đến nương nhờ nơi nhà của cô, cậu. Cô cậu khuyên cháu chớ quá sầu não, nên an tâm, tất cả mọi thứ ăn mặc đều chu cấp đầy đủ, xem cháu không khác con ruột, cũng dặn dò: Muốn làm gì hãy cho cô cậu biết trước, rồi sau mới làm. Đó gọi là do cô cậu bảo hộ.

Do thân quyến bảo hộ: Là có cô gái, trừ mẹ và người chồng, những người thân khác trong dòng họ đều gọi là thân quyến. Cô gái này được các thân quyến ấy chăm sóc che chở, nên gọi là do thân quyến bảo hộ.

Do tộc họ bảo hộ: Là có cô gái trừ cha và anh, những người thân khác cùng họ gọi là tông tộc. Cô gái này được bà con trong tộc họ trông nom chăm sóc, nên gọi là do tộc họ bảo hộ.

Có ngăn cấm: Nghĩa là có cô gái thân ở chốn thấp hèn, tuy không bà con thân thuộc nhưng có người chủ ngăn cản, nên gọi là có ngăn cấm.

Có trừng phạt: Nghĩa là có cô gái tự mình không còn quyền thuộc, lại không phải là dâm nữ, nếu có việc bị cưỡng bức làm nhục, người chủ (bảo hộ) biết được, hoặc giết chết hay cột trói giam nhốt, hoặc đuổi đi hay lấy hết tiền bạc của cải, nên gọi là có hình phạt.

Có đủ ngăn cấm, trừng phạt: Nghĩa là có cô gái tự không có thân thuộc, lại không phải là hạng thấp hèn, nương nhờ nơi kẻ khác để sống, nếu được kẻ ấy ngăn cản, nếu có sự cưỡng bức làm nhục ở chỗ nương nhờ, liền bị thêm nhiều hình phạt, nên gọi là có đủ ngăn cấm trừng phạt. Lại, như trên đã nói, tất cả các cô gái theo chỗ nương nhờ đều có ngăn cấm và trừng phạt. Vì sao? Do các người nữ, pháp luật đã quy định có sự ràng buộc ngăn cấm, nếu ai làm việc trái lẽ, trái pháp, liền bị giết chết, hay cột trói giam cầm, hoặc lấy hết tiền bạc của cải, hoặc bị xô đuổi làm nhục v.v... Tất cả đều gọi là có đủ ngăn cấm trừng phạt.

Thế nào gọi là việc thấp như trao ném hoa, tóc để làm tin? Nghĩa là có cô gái đã nhận của các nam tử hoa hoặc lợn tóc, hoặc các chuỗi ngọc, hoặc hương xoa, hương bột, hoặc một vật gì khác để làm tin.

Thế nào gọi là đối với các loại như thế v.v...? Nghĩa là các nam tử, các kẻ thuộc bán trạch ca, các người tu phạm hạnh. *Thế nào là người tu phạm hạnh?* Là các Bí-sô-ni, các Chánh học (Thức-xoa-ma-na), Cần sách nữ (Sa-di-ni), và những Ô-ba-tur-ca (Ưu-bà-di), những người nữ ngoại đạo xuất gia, dưới đến những người nữ tại gia

tu khổ hạnh. Tức là có các nam tử tự ý muốn trả tự do cho vợ mình, nên bảo: “Này bạn hiền! Từ nay cô được tự tại tu các phạm hạnh”. Cô này nghe lời như thế nên thọ trì giáo pháp, tu khổ hạnh không hề biếng trễ.

Những gì gọi là đã dấy khởi phiền não dục, nói rộng cho đến không lia bỏ các tà hạnh? Nghĩa là khởi tâm dục tham nơi cõi Dục hiện tiền. Đối với các việc không nên làm, mời gọi dụ dỗ, cưỡng ép cùng làm tà hạnh không nhằm chán, xa lia.

Như thế gọi là dục tà hạnh: Tức ở trong đây: Thế nào là dục? Thế nào là dục tà hạnh? Thế nào là lia bỏ dục tà hạnh, để nói: Cho đến mạng chung luôn lia bỏ dục tà hạnh, là Học xứ thứ ba của Ô-ba-sách-ca?

Nói là dục: Nghĩa là tham dâm, hoặc là cảnh của tham dâm.

Dục tà hạnh: Nghĩa là như trên đã nói, những việc không nên làm mà liền làm việc tà hạnh. Ngay như vợ mình, không phải phần, không hợp lẽ, không đúng nơi đúng lúc, cũng đều gọi là dục tà hạnh.

Như trước đã nói, các Ô-ba-sách-ca đối với dục tà hạnh có thể khéo suy xét, lựa chọn, chán ghét, xa lia, dừng dứt, gìn giữ, không tạo, không làm, không hành, không phạm, từ bỏ, ngăn lấp, không chống, không nghịch, không trái, không vượt. Như vậy gọi là lia bỏ dục tà hạnh. Thế nên nói: *Cho đến mạng chung luôn lia bỏ dục tà hạnh, là Học xứ thứ ba của Ô-ba-sách-ca.*

*

4. Học xứ thứ tư: Thế nào gọi là nói lời hư dối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có việc nói lời hư dối, hoặc đối với sự việc công bằng chánh trực, hoặc đối với đại chúng, hoặc đối với nhà vua, hoặc đối với người nắm giữ pháp luật, hoặc đối với thân tộc v.v..., khi có việc cùng kiểm tra xét hỏi: Này anh kia! Anh biết thì

nên nói, không biết thì chớ nói, thấy thì nên nói, không thấy thì đừng nói. Người ấy được hỏi xong, không biết nói biết, biết nói không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy. Người ấy nói như thế hoặc vì mình, hoặc vì người khác, hoặc vì danh lợi, nên cố đem những việc thấy biết đúng để nói lời hư dối, cũng không lìa hư dối. Như thế gọi là nói lời hư dối”.

Ở đây:

Những gì gọi là có việc nói lời hư dối? Nghĩa là đối với việc nói hư dối, không chán sợ sâu xa, không hề xa lìa, luôn sống trong đó, gây tạo đủ các thứ nói dối, như thế gọi là có việc nói lời hư dối.

Thế nào gọi là hoặc đối với sự việc công bằng chánh trực? Công bằng chánh trực có ba loại: 1. Công bằng chánh trực ở thôn xóm. 2. Công bằng chánh trực ở thành thị. 3. Công bằng chánh trực của quốc gia. Các vị công bằng chánh trực đó cùng tụ tập hiện tiền, đồng thời tra xét hỏi han.

Thế nào gọi là hoặc đối với đại chúng? Đại chúng có bốn loại: 1. Chúng Sát-đế-lợi. 2. Chúng Bà-la-môn. 3. Chúng Cư sĩ. 4. Chúng Sa-môn. Các đại chúng ấy tụ tập hiện tiền đồng thời tra xét hỏi han.

Thế nào gọi là hoặc đối với nhà vua? Nghĩa là các bậc quốc vương, các quan tể tướng, phụ chính hành xử việc công, hoặc tụ tập hiện tiền cùng xét hỏi.

Thế nào gọi là hoặc đối với người nắm giữ pháp luật? Nghĩa là người này thông tỏ về luật pháp, cứng rắn, ngay thẳng trong việc xét đoán, nắm giữ lý pháp tụ tập hiện tiền đồng lúc xét hỏi.

Thế nào gọi là hoặc đối với thân tộc? Nghĩa là các vị thân tộc tụ tập hiện tiền đồng lúc cùng xét hỏi.

Thế nào gọi là cùng kiểm tra xét hỏi? Nghĩa là hoặc muốn có chứng cứ, hoặc xét hỏi chính người đó, đại chúng tụ tập đồng đủ

cùng kiểm tra xét hỏi: “Này anh kia! Nay đối trước mọi người, nên trình bày thành thật đầy đủ các sự việc. Đối với các sự việc ấy, nếu thấy nghe hiểu biết thì nên nói rõ, nêu đúng, còn như không thấy nghe thì chớ nên đặt điều nói năng sai lạc”. Như thế gọi là cùng kiểm tra xét hỏi.

Thế nào gọi là không biết nói biết? Nghĩa là do nhĩ thức đã từng thọ nhận, biết rõ, gọi là đã nghe. Nhĩ thức của người này không từng thọ nhận, biết rõ, nhưng lại ẩn giấu ý tưởng ấy, cảm thấy thích thú, nên nói: “Tôi đã nghe”. Như vậy gọi là không biết nói biết.

Thế nào gọi là biết nói không biết? Nghĩa là do nhĩ thức đã từng thọ nhận, biết rõ, gọi là đã nghe. Nhĩ thức của người này đã từng thọ nhận, biết rõ, nhưng lại ẩn giấu ý tưởng ấy, cảm thấy thích thú, nên nói: “Tôi không nghe”. Như vậy gọi là biết nói không biết.

Thế nào gọi là không thấy nói thấy? Nghĩa là do nhãn thức đã từng thọ nhận, biết rõ, gọi là đã thấy. Nhãn thức của người này không từng thọ nhận, biết rõ, nhưng lại ẩn giấu ý tưởng ấy, cảm thấy thích thú, nên nói: “Tôi đã thấy”. Như vậy gọi là không thấy nói thấy.

Thế nào gọi là thấy nói không thấy? Nghĩa là do nhãn thức đã từng thọ nhận, biết rõ, gọi là đã thấy. Nhãn thức của người này đã từng thọ nhận, biết rõ, nhưng lại ẩn giấu ý tưởng ấy, cảm thấy thích thú, nên nói: “Tôi không thấy”. Như vậy gọi là thấy nói không thấy.

Thế nào gọi là hoặc vì mình? Nghĩa là có một loại hữu tình, thân hành trộm cướp, bị vua v.v... bắt được hỏi: Nhà ngươi là giặc cướp chăng? Người này khi nghe hỏi, tự nghĩ: Nếu ta nói thật tức bị nhà vua v.v... hoặc giết hại, hoặc bị trói giam, hoặc bị đuổi đi, hoặc bị đoạt hết gia sản, tiền bạc. Vậy ta nay nên cố tình che giấu sự thật, cho nên tuy nhận biết đúng nhưng phải nói hư dối. Nghĩ xong, liền tâu vua: Thật sự con không hề làm việc không cho mà lấy. Như vậy gọi là vì mình nên nói hư dối.

Thế nào gọi là hoạc vì người khác? Nghĩa là có một loại hữu tình biết rõ bạn mình thân hành trộm cướp, bị vua v.v... kêu lên làm chứng, hỏi: Nhà ngươi biết người này hành trộm cướp chẳng? Người ấy nghe hỏi liền nghĩ: Nếu trả lời thật thì bạn ta tức bị nhà vua v.v... hoặc giết hại, hoặc trói giam, hoặc bị đui đi, hoặc thu lấy hết gia sản, tiền bạc. Vậy ta nay phải che giấu việc ấy, cho nên tuy nhận biết đúng nhưng phải nói hư dối. Nghĩ thế nên tâu vua: Con biết rõ bạn con nhất định không hề làm việc không cho mà lấy. Như vậy gọi là vì người khác nên nói hư dối.

Thế nào gọi là hoạc vì danh lợi? Nghĩa là có một loại hữu tình có nhiều ham muốn, có nhiều suy nghĩ, có nhiều ước nguyện, khởi tư duy: “Ta nay nên bày đặt phương tiện hư dối như thế để lừa người khác, tất sẽ đạt được nhiều thứ vừa ý về sắc thanh hương vị xúc v.v...”. Nghĩ xong, liền dùng mọi cách để tìm kiếm lợi lộc, cho nên tuy nhận biết đúng nhưng đều nói hư dối. Như vậy gọi là vì danh lợi nên nói hư dối.

Thế nào gọi là cố đem những việc thấy biết đúng để nói lời hư dối? Nghĩa là tự ẩn giấu ý tưởng nhận thấy vui thích, nên tuy suy nghĩ sáng rõ, nhưng lại thường xuyên nói năng nêu bày các sự việc trái với ý tưởng kia. Như vậy gọi là cố đem những việc thấy biết đúng để nói lời hư dối.

Như thế gọi là nói lời hư dối: Tức ở trong đây: Thế nào là hư dối? Thế nào là nói lời hư dối? Thế nào là lìa bỏ lời nói hư dối, để nói: Cho đến mạng chung, luôn lìa bỏ nói lời hư dối, là Học xứ thứ tư của Ô-ba-sách-ca?

Nói lời hư dối: Sự việc không thật gọi là hư. Tưởng không thật gọi là dối. Đó gọi là hư dối.

Nói lời hư dối: Do tham sân si nên đem sự việc trái với ý nghĩ của mình nói cho người khác khiến họ hiểu lầm, đó gọi là nói lời hư dối.

Như trước đã nói, các Ô-ba-sách-ca đối với việc nói lời hư dối đã khéo suy xét, lựa chọn, chán ghét, xa lìa, dùng dứt, gìn giữ, không làm, không tạo, không hành, không phạm, từ bỏ, ngăn lấp, không chống, không nghịch, không trái, không vượt. Như vậy gọi là lìa bỏ nói lời hư dối. Thế nên nói: *Cho đến mạng chung lìa bỏ nói lời hư dối, là Học xứ thứ tư của Ô-ba-sách-ca.*

*

5. Học xứ thứ năm: Thế nào là các thứ rượu?

Đáp: Thế nào là uống các thứ rượu? Thế nào là xứ phóng dật? Thế nào là lìa bỏ việc uống rượu ở xứ phóng dật, để nói: Cho đến mạng chung, luôn lìa bỏ việc uống rượu, là Học xứ thứ năm của Ô-ba-sách-ca?

Ở đây:

Các thứ rượu: Tức như rượu Tốt-la, rượu Mê-lê-da, rượu Mạt-đà. *Rượu Tốt-la:* Là dùng gạo, mì v.v... chung nấu đúng pháp hòa với nước men rượu bỏ các thứ cây thuốc vào ngâm, ủ lại tạo thành một thứ rượu có đủ màu sắc hương vị, uống vào sẽ say men, gọi là rượu Tốt-la. *Rượu Mê-lê-da:* Là nước cất của các thứ rễ, củ, cộng, lá, hoa, quả v.v... không cần phải hòa với nước men rượu để ủ, vẫn tạo thành một thứ rượu có đủ màu sắc hương vị, uống vào cũng say, gọi là rượu Mê-lê-da. *Rượu Mạt-đà:* Là rượu Bồ đào. Các thứ rượu Tốt-la, rượu Mê-lê-da khi uống vào khiến say, cũng gọi chung là Mạt-đà.

Uống các thứ rượu: Nghĩa là uống, nhắm nháp, thưởng thức các thứ rượu nói trên, gọi là uống các thứ rượu.

Xứ phóng dật: Nghĩa là uống các thứ rượu nói trên rồi, có thể khiến tâm sinh ra kiêu ngạo, say sưa, cuồng loạn, không còn biết tôn ti, các lỗi lầm nặng, các nghiệp ác đều nhân đầy đầy khởi. Chỗ dựa của phóng dật gọi là xứ phóng dật.

Như trước đã nói, các Ô-ba-sách-ca đối với việc uống các thứ rượu đã có thể khéo suy xét, lựa chọn, chán ghét, xa lìa, dừng dứt, gìn giữ, không làm, không tạo, không hành, không phạm, từ bỏ, ngăn lấp, không chống, không nghịch, không trái, không vượt. Như vậy gọi là lìa uống các thứ rượu nơi xứ phóng dật. Thế nên nói: *Cho đến mạng chung, luôn lìa bỏ uống các thứ rượu nơi xứ phóng dật, là Học xứ thứ năm của Ô-ba-sách-ca.*

**

Năm thứ như thế: Thế nào là học, thế nào là xứ, để nói là Học xứ?

Đáp: Học: Nghĩa là đối với năm xứ, điều nào chưa đầy đủ thì làm cho đầy đủ, luôn siêng năng kiên trì chân chánh tu tập gia hạnh v.v..., nên gọi là học. Xứ: Nghĩa là lìa bỏ sát sinh v.v..., là chỗ dựa của học, nên gọi là xứ. Lại, lìa bỏ sát hại v.v... tức gọi là học, cũng tức gọi là xứ, nên gọi là Học xứ (Các giới phải tu học).

Hỏi: Tất cả Ô-ba-sách-ca đều quy y Phật Pháp Tăng chăng?

Đáp: Trừ các Ô-ba-sách-ca thế tục hết thấy đều quy y Tam bảo Phật Pháp Tăng. Có những hữu tình quy y Tam bảo Phật Pháp Tăng nhưng không phải là Ô-ba-sách-ca, đó là Bí-sô, Bí-sô-ni, Chánh học (Thức-xoa-ma-na), Cần sách nam, Cần sách nữ, Ô-ba-tu-ca v.v...

Hỏi: Tất cả Ô-ba-sách-ca đều là đệ tử của Đức Thế Tôn chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có những hữu tình là Ô-ba-sách-ca nhưng không phải là đệ tử của Đức Thế Tôn: Tức là các Ô-ba-sách-ca chưa được kiến đế, đối với quả vị lai chưa có thể hiện quán.

2. Có những đệ tử của Đức Thế Tôn nhưng không phải là Ô-ba-sách-ca: Tức là những Bí-sô, Bí-sô-ni, Chánh học, Cần sách nam,

Cần sách nữ, Ô-ba-tur-ca v.v... đã được kiến đế, đối với quả vị lai đã có thể hiện quán.

3. Có những hữu tình là Ô-ba-sách-ca cũng là đệ tử của Đức Thế Tôn: Tức là những Ô-ba-sách-ca đã được kiến đế, đối với quả vị lai đã có thể hiện quán.

4. Có những hữu tình không phải là Ô-ba-sách-ca cũng không phải là đệ tử của Đức Thế Tôn: Tức là những Bí-sô, Bí-sô-ni, Chánh học, Cần sách nam, Cần sách nữ, Ô-ba-tur-ca v.v... chưa được kiến đế, đối với quả vị lai chưa có thể hiện quán, cùng những phạm phu khác chưa được kiến đế.

Hỏi: Tất cả đều thuộc về Tăng bảo đều được Tăng hòa kính chăng?

Đáp: Nên nêu ra bốn trường hợp:

1. Có loại thuộc về Tăng bảo nhưng không được Tăng hòa kính: Nghĩa là những Chánh học, Cần sách nam, Cần sách nữ, Ô-ba-sách-ca v.v... đã được kiến đế, đối với quả vị lai đã có thể hiện quán.

2. Có loại được Tăng hòa kính nhưng không thuộc về Tăng bảo: Nghĩa là những Bí-sô, Bí-sô-ni chưa được kiến đế, đối với quả vị lai chưa có thể hiện quán.

3. Có loại thuộc về Tăng bảo cũng được Tăng hòa kính: Nghĩa là những Bí-sô, Bí-sô-ni đã được kiến đế, đối với quả vị lai đã có thể hiện quán.

4. Có loại không thuộc về Tăng bảo cũng không được Tăng hòa kính: Nghĩa là những Chánh học, Cần sách nam, Cần sách nữ, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tur-ca chưa được kiến đế, đối với quả vị lai chưa có thể hiện quán, cùng các phạm phu khác chưa được kiến đế.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 2

Phẩm 2: CHI DỰ LƯU

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 thứ pháp, nếu chánh cần tu tập thì người ấy gọi là đã làm được nhiều việc. *Những gì là bốn?*

1. Gắn gũi bậc Thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Tác ý như lý.
4. Pháp tùy pháp hành.

Chư vị Bí-sô nên học như vậy: Ta nên gắn gũi cúng dường bậc Thiện sĩ, cung kính nhất tâm, lắng nghe chánh pháp, quan sát như lý diệu nghĩa sâu xa, tinh tấn tu hành, pháp tùy pháp hành.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn thâm tóm các nghĩa vừa nêu, nên nói tụng:

*Lành thay! Gặp Thiện sĩ
Hay đoạn nghi, thêm tuệ
Khiến ngu thành người trí
Bậc tuệ nên gắn gũi*

*Bậc Thiện sĩ nên gần
 Khi thân cận bậc ấy
 Khiến nghi dứt, tuệ tăng
 Kẻ ngu thành người trí.*

*

1. Gần gũi bậc Thiện sĩ:

Hỏi: Thế nào gọi là Thiện sĩ?

Đáp: Thiện sĩ (Thiện tri thức) nghĩa là Đức Phật và các đệ tử của Ngài. Đó gọi là *Thiện sĩ*.

Lại, những Bồ-đặc-già-la đủ giới, đủ đức, lia các lỗi lầm cấu uế, thành tựu các pháp thiện, có thể nối tiếp ngôi vị của Thầy, thành tựu các thắng đức, luôn biết xấu hổ, hối lỗi, khéo giữ gìn, ham học hỏi, đầy đủ các thứ thấy biết, ưa tư duy lựa chọn, thích nêu tính, suy lường, tánh vui quan sát, thông minh hiểu rõ, tuệ dứt truy cầu, có các loại tuệ, lia diệt mọi hướng đến tham sân si, hành điều thuận hướng đến điều thuận, trụ tịch tĩnh hướng tịch tĩnh, sống giải thoát hướng đến giải thoát, vượt qua hướng đến vượt qua, diệu giác hướng tới diệu giác, Niết-bàn hướng tới Niết-bàn, thích điều thuận các đế, lia kiên mạn phóng dật, vui với nhẫn nhục, nhu hòa, chất trực, lời nói và kiến giải là một. Chuyên tụ điều phục, chuyên tụ tịch tĩnh, chuyên tụ Niết-bàn, vì để nuôi sống thân, nên đi đến khắp đất nước, kinh đô, thành thị, thôn xóm, cầu có được các vật dụng như y phục, thức ăn uống. Chất trực đủ, điều thuận đầy đủ. Chất trực và điều thuận đủ, nhẫn nhục đủ, nhu hòa đầy đủ. Nhẫn nhục và nhu hòa đủ, cúng dường đủ, cung kính đầy đủ. Cúng dường và cung kính đủ, chánh hạnh đủ, giữ căn môn đầy đủ. Chánh hạnh và giữ căn môn đủ, phép tắc đủ, hành tác đầy đủ. Phép tắc và hành tác đủ. Tín, giới cùng văn, xả, tuệ, tự đủ tịnh tín, cũng có thể khuyến giúp, an lập hữu tình đồng đủ tịnh tín. Tự đủ giới cùng văn, xả, tuệ, cũng có thể

khuyên giúp, an lập hữu tình cùng đủ giới và văn, xả, tuệ. Đó gọi là *bậc Thiện sĩ*.

Do đâu gọi là bậc Thiện sĩ? Đã nói về Thiện sĩ, là lia pháp bất thiện thành tựu các pháp thiện, thành tựu đầy đủ bốn niệm trụ (Bốn niệm xứ), bốn chánh tấn (Bốn chánh cần), bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo, nên gọi là *bậc Thiện sĩ*.

Đối với bậc Thiện sĩ như vừa nêu, nếu có thể gần gũi phụng sự, cung kính cúng dường như thế, gọi là *Gần gũi bậc Thiện sĩ*.

*

2. Thế nào gọi là Lắng nghe chánh pháp?

Đáp: Nghĩa là đã gần gũi cúng dường các bậc Thiện sĩ, những nơi chốn chưa hiển bày đều được hiển bày đúng đắn. Những điều chưa nghe, chưa tỏ ngộ đều được nghe ngộ đúng đắn. Dùng tuệ thông đạt các văn nghĩa thâm diệu. Dùng mọi phương tiện vì các người ấy tuyên thuyết, nêu bày an lập, khai thị. Dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày: Khổ tập diệt đạo đúng thật là khổ tập diệt đạo.

Thế nào gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ Khổ đúng thật là khổ? Nghĩa là chính thức khai thị: Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ghét bỏ mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà phải biệt ly là khổ, cầu không được là khổ, lược nói tất cả năm thủ uẩn là khổ. Như có tụng nêu:

*Các uẩn khởi là khổ
Sinh và xuất cũng khổ
Sinh rồi có già khổ
Bệnh khổ cùng chết khổ.
Phiền não sinh là khổ
Sinh rồi trụ cũng khổ
Không thông sáng luôn khổ*

*Không điều phục, chết khổ
 Hữu tình không trí: khổ
 Tăng yết trá tư khổ
 Kẻ ngu sinh tử khổ
 Nhiều kiếp trôi nổi khổ.*

Những thứ như thế gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ: *Khổ đúng thật là khổ.*

Thế nào gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ Tập đúng thật là tập? Nghĩa là chính thức khai thị: Sau ái có ái, vui thích cùng hành ái, người người vui thích ái. Ái là gốc nhân của các khổ trong ba đời. Đường đi do đầu mỗi có thể gây tạo các duyên, khởi tập cùng khởi, có thể khởi tập cùng khởi. Trong hiện pháp các khổ hủy hoại thân, các khổ sau do đây sinh ra. Như tụng nói:

*Nhân ái, bỏ lương y
 Gốc ung nhọt dây quán
 Chưa điều phục tất cả
 Luôn chiêu cảm các khổ.
 Như cây gốc chưa nhỏ
 Tuy chặt rồi lại sinh
 Chưa nhỏ tùy miên ái
 Luôn chiêu cảm các khổ.
 Như tên độc nơi thân
 Tổn hoại cả sắc, lực
 Chúng sinh trong có ái
 Tổn hoại các căn thiện.*

Những thứ như thế gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ: *Tập đúng thật là tập.*

Thế nào gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ Diệt đúng thật là diệt? Nghĩa là chính thức khai thị: Như trên đã nói: Sau

ái có ái, vui thích cùng hành ái, người người vui thích ái v.v... Các ái như thế đã diệt trừ hoàn toàn, không còn sót. Từ bỏ, làm biến đổi, lìa hết nhiễm diệt, tịch tĩnh vĩnh viễn. Đó gọi là nhà cửa, cũng gọi là bến bãi, cũng gọi là cứu giúp, cũng gọi là quy y, cũng gọi là nơi chốn hướng đến, cũng gọi là không lo, cũng gọi là không bệnh, cũng gọi là không động, cũng gọi là không mất, cũng gọi là không thiêu đốt, cũng gọi là không nóng, cũng gọi là an ổn, cũng gọi là an nhiên, cũng gọi là sự thiện, cũng gọi là an lành, cũng gọi là Niết-bàn v.v... Như có tụng nêu:

*Quả Sa-môn rốt ráo
 Điều phục được khen ngợi
 Ngã mạn diệt trừ hết
 Chứng đắc nẻo cam lồ.
 Quy trụ nơi nhà cửa
 Phật khen cung điện đẹp
 An nhiên diệt vô biên
 Bờ giác thường an ổn.
 Chỗ dựa hết, khổ diệt
 Hoàn toàn thoát hang sâu
 Thắng nghĩa chỉ ứng cúng
 Trí hành tập Thánh vui.
 Không còn già bệnh chết
 Không sầu lo khổ não
 Nhỏ khó thấy vô biên
 Diệt để không đồng loại.*

Những thứ như thế gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ: *Diệt đúng thật là diệt.*

Thế nào gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ Đạo đúng thật là đạo? Nghĩa là chính thức khai thị: Con đường này, hành này, đối với các khổ trong ba đời có thể đoạn, có thể bỏ, có thể loại

trừ, có thể dứt hết, có thể lia nhiễm, có thể diệt, có thể tịch tĩnh, có thể khiến hoàn toàn vắng lặng. Con đường đó là thế nào? Là tám chi Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như có tụng nêu:

*Một nẻo uy dũng ấy
 Như dấu chim trời xanh
 Định Mâu-ni đã hành
 Vì chúng luôn tuyên thuyết.
 Thương xót nói một nẻo
 Kiến đạo dứt biên sinh
 Đạo này nơi dòng thác
 Ba đời đều vượt qua.
 Hay điều tịnh rớt ráo
 Dứt được dòng sinh tử
 Hay thông đạt nhiều cõi
 Khéo mở đạo mắt sáng.
 Như sông Hằng chảy xiết
 Nhanh hướng đến biển cả
 Chỉ bày đạo tuệ rộng
 Mau chứng đắc Niết-bàn.
 Thương xót hết thầy chúng
 Chuyển pháp luân chưa nghe
 Dạy dẫn chúng trời, người
 Kính lạy vượt biển hữu.*

Những thứ như thế gọi là dùng vô lượng môn chính thức chỉ bày rõ: *Đạo đúng thật là đạo.*

Nếu đối với chánh pháp đã được giảng nói ấy, vui thích lắng nghe, vui thích thọ trì, vui thích cứu cánh, vui thích hiểu rõ, vui thích quan sát, vui thích tầm tư, vui thích suy cứu, vui thích thông đạt, vui thích thắng giải, vui thích chứng đắc, vui thích tác chứng. Vì nghe pháp

nên vượt qua đoạn đường hiểm khó, băng qua nẻo đường giáp ranh để du hành trên con đường rộng bằng phẳng, đều không e ngại khó khăn. Vì thọ trì nên thường dùng nhĩ căn, đối với pháp âm được nêu giảng phát khởi nhĩ thức thù thắng. Như vậy gọi là *Lắng nghe chánh pháp*.

*

3. Thế nào gọi là Tác ý như lý?

Đáp: Nghĩa là từ nơi bậc Thiện sĩ được nghe chánh pháp, nội tâm vui mừng, hoan hỷ tột bậc: Kỳ diệu thay! Kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn đã có thể giảng nói chánh pháp thâm diệu như thế! Đức Phật nêu giảng về Khổ, Tập, Diệt, Đạo đúng là Khổ, Tập, Diệt, Đạo chân thật. Người ấy do nội tâm vui mừng, hoan hỷ tột bậc như vậy, nên tâm được thâm giữ, tùy thâm giữ, cùng thâm giữ, tác ý phát ý, quán xét đúng đắn, kỹ lưỡng về câu nghĩa sâu diệu. Như vậy gọi là *Tác ý như lý*.

*

4. Thế nào gọi là Pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nghĩa là người ấy liên tục tác ý như lý, quán xét đúng, kỹ về câu nghĩa sâu diệu rồi, liền khởi xuất ly, xa lìa, sinh ra năm pháp thắng thiện, là: Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Người ấy đối với nội tâm phát khởi nẻo xuất ly, xa lìa đã sinh ra năm pháp thắng thiện, tu tập kiên trụ, tu tập không gián đoạn, gia hạnh tăng thượng. Như vậy gọi là *Pháp tùy pháp hành*.

*

Tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành liền được hướng nhập chánh tánh ly sinh. Sở dĩ được nhập chánh tánh ly sinh là do tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành. Sở dĩ có thể tu tập pháp tùy pháp hành là do quán như lý về diệu nghĩa vô cùng sâu xa. Sở dĩ có thể quán về diệu nghĩa vô cùng sâu xa là do có thể cung kính lắng nghe chánh pháp. Sở dĩ lại có thể lắng nghe chánh pháp là do có thể gần gũi, cúng dường các

bậc Thiện sĩ. Nếu có thể thân cận cúng dường bậc Thiện sĩ, liền được nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp rồi liền có thể quán xét như lý về nghĩa lý thâm diệu. Quán xét như lý về nghĩa thâm diệu rồi tức có thể tiến tu pháp tùy pháp hành. Đã tinh tấn tu pháp tùy pháp hành liền được hướng nhập chánh tánh ly sinh. Như trên đỉnh núi cao, khi trời mưa tầm tã, đầu tiên là các khe, lạch đầy nước. Các khe, lạch đầy nước thì đến các suối nhỏ mới đầy, các suối nhỏ đầy nước thì đến các suối lớn đầy nước, sau đó mới đến các dòng sông nhỏ đầy nước, tiếp theo là các con sông lớn đầy nước đổ về biển cả, dần dần mới đầy v.v... Biển cả Thánh đạo cũng lại như thế. Trước hết cần phải gần gũi, cúng dường các bậc Thiện sĩ, mới được nghe chánh pháp, nghe chánh pháp rồi mới quán như lý về diệu nghĩa sâu xa. Quán xét như lý về nghĩa thâm diệu rồi tức có thể tiến tu pháp tùy pháp hành. Tinh tấn tu tập pháp tùy pháp hành được viên mãn mới được hướng nhập chánh tánh ly sinh. Đã hướng nhập chánh tánh ly sinh liền được gọi là đã sinh tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến v.v... như trước đã nói. Bốn thứ như thế gọi là *Chi Dự Lưu*.

Do bốn thứ ấy nên đối với dòng Thánh đạo có thể thâm nhận, có thể đạt được, có thể đi đến tùy thuận đi đến, có thể hoàn thành, có thể viên mãn, có thể xúc chứng, có thể tác chứng, nên gọi là *Chi Dự Lưu*.

Lại, bốn thứ ấy, đối với nghĩa cầu đạt được, do tu tập, tu tập nhiều, nên có thể thâm nhận, đạt được, đi đến, tùy đi đến, hoàn thành, viên mãn, xúc chứng, tác chứng, nên gọi là *Chi Dự Lưu*.

Lại, bốn thứ ấy, đối với dòng Thánh đạo có thể tùy thuận, có thể tăng trưởng, có thể tô điểm, có thể làm sáng rõ, có thể là chôn thường an lạc, hỗ trợ về tư lương, nên gọi là *Chi Dự Lưu*.

Lại, bốn thứ ấy, do nói về tăng ngữ, do tướng cùng tướng được thiết lập để nói là chi Dự lưu, thế nên gọi là *Chi Dự Lưu*.

Phẩm 3: CHỨNG TỊNH, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Nếu các hữu tình đối với lời giảng dạy của Bí-sô sinh tâm tin tưởng, lắng nghe, thọ nhận, có thể phụng hành, thì các vị nên thương xót, dùng phương tiện để khuyên bảo, khuyến khích an lập khiến trụ nơi 4 Chứng tịnh. *Những gì là bốn?*

1. Phật chứng tịnh.
2. Pháp chánh tịnh.
3. Tăng chứng tịnh.
4. Giới được bậc Thánh yêu mến.

Vì sao? Vì có các giới đất, nước, lửa, gió, là bốn đại chủng thân nhận có thể cải đổi. Nhưng nếu thành tựu 4 Chứng tịnh ấy thì các đệ tử Phật tất không bị cải đổi biến đổi. Do đây các đệ tử Phật đa văn, nếu thành tựu 4 Chứng tịnh như thế, lại bị đọa vào địa ngục, bàng sinh, cõi quỷ thì không hề có điều này. Do vậy, nếu có hữu tình đối với ngôn giáo của các Bí-sô, tâm tin tưởng lắng nghe nhận lãnh và có thể phụng hành, thì các vị nên thương xót, dùng phương tiện để khuyến khích, hỗ trợ an lập khiến họ trụ vào 4 Chứng tịnh.

*

1. Thế nào là Phật chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Các đệ tử Thánh *này*, do tương như thế theo đây nhớ nghĩ đến chư Phật. Nghĩa là Đức Thế Tôn *đây* là bậc Như Lai, A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật - Bạc Già Phạm”.

Ở đây:

Nói: *Này, đây*: Nghĩa là cõi Dục này, hoặc thế giới này, châu Thiệm-bộ này.

Lại, nói *này*: Nghĩa là thân này duy trì cùng duy trì, có thân cùng có thân, tích tụ để có được tự thể.

Lại, nói *này*: Nghĩa là sinh xứ này. Phật và các đệ tử, các vị tiên Mâu-ni, là các bậc thông tuệ, các bậc khéo điều phục, các bậc khéo điều thuận.

Lại, nói *này, đây*: Nghĩa là giáo pháp được trao truyền chỉ dạy khuyên bảo này là ở trong pháp *thiện thuyết*, thế nên gọi là này, đây.

Đệ tử Thánh: Thánh nghĩa là Phật Pháp Tăng, quy y Phật Pháp Tăng nên gọi là đệ tử của bậc Thánh.

Do tướng như thế theo đấy nhớ nghĩ đến chư Phật: Nghĩa là do tướng ấy, môn ấy, lý ấy, ở chỗ chư Phật, khởi niệm tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, không mất pháp tánh, tánh ghi tâm sáng, vì vậy gọi là do tướng như thế theo đấy nhớ nghĩ đến chư Phật.

Nói: *Nghĩa là*: Tức là tướng như thế, trạng như thế, chủng như thế, loại như thế, nên nói nghĩa là.

Đây: Nghĩa là giới như thế, pháp như thế, tuệ như thế, thông như thế, giải thoát như thế, trụ nhiều như thế, nên gọi là đây, này.

Đức Thế Tôn: Như phần sau sẽ giải thích.

Như Lai: Như Đức Thế Tôn nói: Từ đêm Bồ-tát chứng đắc quả vị Chánh đẳng Bồ đề vô thượng v.v... cho đến đêm Phật nhập cõi Niết-bàn vô dư y, trong khoảng thời gian đó, những điều được giảng nói, ban bố, nêu bày, diễn giải v.v... tất cả đều là Như, không có hư vọng, không có biến dời đổi khác, đúng thật như lý, không có điên

đảo, đều dùng chánh tuệ như thật như thế, thấy biết rồi mới nói, mới nêu giảng, nên gọi là Như Lai.

A-la-hán: Lược có hai thứ tánh A-la-hán, là hữu vi và vô vi.

Thế nào là tánh A-la-hán hữu vi? Là quả chứng đắc cùng những thứ chứng đắc, là căn, lực vô học, giới vô học, căn thiện vô học, mười pháp vô học và các pháp vô học của chủng loại ấy, đó gọi là tánh A-la-hán hữu vi.

Thế nào là tánh A-la-hán vô vi? Là tham sân si cùng tất cả các phiền não thấy đều đoạn trừ vĩnh viễn, vượt lên trên tất cả cõi, dứt hết mọi đường, ba thứ lửa hoàn toàn vắng lặng, các khát ái đều hết, kiêu mạn phóng dật đều lìa mọi trụ xứ giam hãm đều phá bỏ, vượt khỏi bốn dòng thác, cứu cánh vô thượng, tịch tĩnh vô thượng, ái tận vô thượng, diệt độ và Niết-bàn, đó gọi là tánh A-la-hán vô vi. Như Lai đã thành tựu đầy đủ viên mãn tánh A-la-hán hữu vi và vô vi như đã nói như thế, nên gọi là A-la-hán.

Lại, tham sân si và các phiền não khác thấy đều nên đoạn trừ. Như Lai đối với điều đó đều đã đoạn dứt hoàn toàn, đã nhận biết khắp. Như cây Đa la đã bị chặt đứt gốc rễ và bẻ ngọn, không còn sót gì, ở đây, nơi vị lai đều được pháp vĩnh viễn không sinh nữa, nên gọi là A-la-hán.

Lại, ba thứ hành ác của thân ngữ ý đều nên trừ dứt vĩnh viễn. Như Lai đối với việc đó đều đã đoạn dứt hoàn toàn, đã nhận biết khắp, cho đến nói rộng, nên gọi là A-la-hán.

Lại, Phật quá khứ đều đã xa lìa các pháp ác, bất thiện, cùng những tạp nhiễm hiện có, đối với các quả dị thực khổ sẽ thiêu đốt hậu hữu, chư Phật đều được pháp hoàn toàn không sinh nơi vị lai, Phật nay cũng như thế, nên gọi là A-la-hán.

Lại, Phật - Thế Tôn đã thành tựu các công đức an lành tối thắng, là bậc xứng đáng thọ nhận vô số sự cúng dường về y phục, thức ăn

uống, tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men thượng diệu và mọi thứ vật dụng khác, nên gọi là A-la-hán. Như có tụng nói:

*Thế gian nên thọ dụng
Vô số vật thượng diệu
Như Lai đều nên nhận
Nên gọi là A-la-hán.*

Bậc Chánh Đẳng Giác: Như Đức Thế Tôn nói: Các pháp hiện có, tất cả chánh tánh, tất cả mọi thấy biết, hiểu rõ của Như Lai đều thấu suốt đúng đắn, rõ ràng hơn hết, nên gọi là bậc Chánh Đẳng Giác.

Lại, các thứ pháp, nghĩa là bốn niệm trụ, bốn chánh thắng, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám Thánh đạo chi, tất cả mọi thấy biết, hiểu rõ của Như Lai về chúng đều thấu suốt đúng đắn, rõ ràng hơn hết, nên gọi là Chánh Đẳng Giác.

Lại, đối với tất cả khổ tập diệt đạo, đều có thể hành đạo hiện quán, có thể chứng đắc các đạo quả như quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, có thể chứng đắc: Thần cảnh trí tác chứng thông, Thiên nhĩ trí tác chứng thông, Tha tâm trí tác chứng thông, Túc trụ tùy niệm trí tác chứng thông, Tử sinh trí tác chứng thông, Lộ tận trí tác chứng thông. Có thể diệt hết mọi nẻo cầu nhiễm của tham sân si, mạn, kiêu. Như Lai đối với tất cả đều *Chánh đẳng giác*, chí thành, kiên trụ, tác ý cẩn trọng, do nhân, do môn, do lý, do tướng, đều là *Chánh đẳng giác*, nên gọi là bậc Chánh Đẳng Giác.

Minh Hạnh Viên Mãn: Những gì là Minh? Nghĩa là Đức Phật hiện có ba thứ Minh vô học: 1. Minh vô học Túc trụ tùy niệm trí tác chứng. 2. Minh vô học Tử sinh trí tác chứng. 3. Minh vô học Lộ tận trí tác chứng. Đó gọi là Minh.

Những gì là Hạnh? Nghĩa là Đức Phật hiện có các thứ thân luật nghi vô học, ngữ luật nghi vô học, và mạng thanh tịnh học. Đó gọi là Hạnh.

Lại, Đức Phật hiện có các oai nghi thượng diệu, tới lui nhìn xem, co duỗi cúi ngẩng, khi mặc Tăng-già-chi, đắp y mang bát v.v..., tất cả đều nghiêm chỉnh, đó gọi là Hạnh. Hạnh này với Minh nêu trước, gọi chung là Minh hạnh. Như Lai đã thành tựu đầy đủ, viên mãn minh hạnh như thế, hoàn toàn trắng sạch, hoàn toàn vi diệu, hoàn toàn vô tội. Thế nên gọi là Minh Hạnh Viên Mãn.

Thiện Thệ: Nghĩa là Đức Phật đã thành tựu pháp diệu, dẫn đến sự an ổn cực lạc không hề khó khăn, nên gọi là Thiện Thệ.

Lại, tham sân si và các phiền não khác, sinh ra vô số ngăn ngại, khó khăn đối với các pháp hướng đến, Như Lai đối với điều đó đều đã đoạn dứt hoàn toàn, đã nhận biết khắp. Như cây Đa la đã bị chặt đứt mọi gốc rễ và bẻ ngọn, không còn sót gì. Ở đây, nơi đời vị lai đều được pháp vĩnh viễn không sinh, nên gọi là Thiện Thệ.

Lại, như chư Phật - Thế Tôn thời quá khứ đều nương vào đạo như thật không hư vọng, hướng đến nẻo xuất thế gian, đạt công đức thù thắng vi diệu, một lần đến đến vĩnh viễn, không còn thoái lui. Nay Phật cũng như thế, nên gọi là Thiện Thệ.

Thế Gian Giải: Năm thủ uẩn gọi là thế gian. Như Lai đối với các điều ấy đều đã thấy biết, hiểu rõ, đều “Chánh đẳng giác”, nên gọi là Thế Gian Giải.

Lại, năm nẻo gọi là thế gian. Như Lai đối với các điều ấy đều đã thấy biết, hiểu rõ, đều “Chánh đẳng giác”, nên gọi là Thế Gian Giải.

Lại, nói sáu xứ cũng gọi là thế gian. Như Lai đối với các điều ấy đều đã thấy biết, hiểu rõ, đều “Chánh đẳng giác”, nên gọi là Thế Gian Giải.

Lại, nói các xứ thuộc về ba cõi gọi là thế gian. Từ đó mà sinh, từ đó mà khởi, từ đó mà xuất. Nhân đây mà sinh, nhân đây mà khởi, nhân đây mà xuất. Như Lai đối với các điều ấy đều đã thấy biết, hiểu rõ, đều “Chánh đẳng giác”, nên gọi là Thế Gian Giải.

Vô Thượng Trượng Phu: Như Đức Thế Tôn nói: Các hữu tình hiện có hoặc không có chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, không phải tướng, không phải không tướng v.v..., trong số đó, Như Lai được tôn xưng là bậc tối thắng, tối tôn, tối thượng, vô thượng, bậc nhất, thế nên gọi là Vô Thượng Trượng Phu.

Điều Ngự Sĩ: Nghĩa là Phật - Thế Tôn đã lược dùng ba thứ sự điều ngự thiện xảo để điều phục hết thảy hữu tình được hóa độ: 1. Đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp nhu hòa. 2. Đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp thô dữ. 3. Đối với một loại hữu tình đã dùng cả pháp nhu hòa và thô dữ.

Thế nào là Như Lai đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp nhu hòa để điều phục? Nghĩa là Đức Như Lai đã vì những người ấy giảng nói: Đây là hành diệm của thân, hành diệm của thân này đã chiêu cảm dị thực. Đây là hành diệm của ngữ, hành diệm của ngữ này đã chiêu cảm dị thực. Đây là hành diệm của ý, hành diệm của ý này đã chiêu cảm dị thực. Đây là trời, là người, là nẻo thiện, là đời vui, là Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp nhu hòa để điều phục.

Thế nào là Như Lai đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp thô dữ để điều phục? Nghĩa là Đức Như Lai đã giảng nói với họ: Đây là hành ác của thân, hành ác của thân này đã chiêu cảm dị thực. Đây là hành ác của ngữ, hành ác của ngữ này đã chiêu cảm dị thực. Đây là hành ác của ý, hành ác của ý này đã chiêu cảm dị thực. Đây là địa ngục, là bàng sinh, là cõi quỷ, đây là hiểm nạn, là nẻo ác, là đọa lạc. Đó gọi là Như Lai đối với một loại hữu tình chỉ dùng toàn pháp thô dữ để điều phục.

Thế nào là Như Lai đối với một loại hữu tình đã dùng cả pháp nhu hòa và thô dữ để điều phục? Nghĩa là có nhiều lúc vì họ giảng nói: Đây là hành diệm của thân, của ngữ, của ý. Hành diệm của thân,

của ngữ, của ý đã chiêu cảm dị thực. Hoặc có nhiều lúc lại giảng nói: Đây là hành ác của thân, của ngữ, của ý. Hành ác của thân, của ngữ, của ý đã chiêu cảm dị thực. Có lúc nói về trời, người, nẻo thiện, đời vui, Niết-bàn. Hoặc có lúc lại nói về địa ngục, bàng sinh, cõi quỷ, các hiểm nạn, nẻo ác, đọa lạc. Đó gọi là Như Lai đối với một loại hữu tình đã dùng cả pháp nhu hòa và thô dữ để điều phục.

Đức Như Lai đối với các hữu tình đã dùng ba thứ sự điều ngự thiện xảo ấy để điều phục như thế, ngăn dứt như thế, tịch tĩnh như thế, để khiến họ hoàn toàn dứt bỏ tất cả phiền não như tham sân si v.v..., dứt bỏ rốt ráo. Đã khiến dứt bỏ hoàn toàn, rốt ráo tất cả phiền não như tham sân si v.v... như thế là khiến vĩnh viễn được điều phục, khiến vĩnh viễn được ngăn dứt, khiến vĩnh viễn được tịch tĩnh, đạt điều ngự trên hết, đạt điều ngự thù thắng, đạt trong mát tối thắng, trừ bỏ hoàn toàn tâm ý quanh co uế tạp, khéo dứt mọi cấu trược của mạn, phú (che giấu), siểm (dua nịnh). Thế nên Như Lai gọi là Điều Ngự Sĩ.

Thiên Nhân Sư: Như Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan-đà: Ta không những chỉ là Thầy của bốn chúng: Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tur-ca mà đối với các chúng nhân thiên như chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... Ta là thầy, là bậc thầy thù thắng, bậc thầy tùy thuận, là bậc mô phạm, là bậc mô phạm hơn hẳn, là bậc mô phạm tùy thuận, vì họ luôn hướng dẫn đi đường. Thế nên Như Lai gọi là Thiên Nhân Sư.

Gọi là Phật: Nghĩa là Đức Như Lai có trí kiến vô học, trí tuệ giác ngộ tỏa sáng, soi chiếu hiện quán rồi có thể phát khởi đầy đủ và được thành tựu, nên gọi là Phật.

Như có một vị Đại Bà-la-môn đến chỗ Phật dùng kệ để khen ngợi và hỏi Phật:

*Lễ Đạo sư thế gian
Bậc Giác ngộ tối thượng*

*Duyên gì cả mẹ cha
Tôn kính gọi Phật-đà?*

Đức Thế Tôn thương xót vị Bà-la-môn ấy, nên cũng dùng kệ bảo:

*Bà-la-môn nên biết!
Ta như Phật khứ, lai
Thành tựu tướng bậc giác
Nên Ta gọi Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết
Ta quán hành ba cõi
Đều có pháp sinh diệt
Nên Ta gọi Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết
Ta nơi nên biết đoạn
Việc tu chứng đã xong
Nên Ta gọi Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết
Ta đối tất cả cảnh
Đủ Nhất thiết trí, kiến
Nên Ta gọi Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết
Ta nơi vô lượng kiếp
Tu các hạnh thuần tịnh
Trải vô lượng sinh tử.
Nay với thân sau cùng
Lìa tên độc phiền não
Chứng đắc giác vô thượng
Nên Ta gọi Phật-đà.*

Bạc-già-phạm: Nghĩa là có pháp thiện gọi là Bạc-già-phạm. Thành tựu các pháp thiện vô thượng, hoặc tu tập các pháp thiện, đã tu tập các pháp thiện vô thượng, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Lại, Phật Thế Tôn tu tập viên mãn thân giới tâm tuệ, thành tựu đại bi vô hạn vô lượng, thành tựu vô lượng pháp nên gọi là Bạc-già-phạm.

Lại, Phật Thế Tôn có đầy đủ oai đức lớn, có thể đi có thể đến, có thể thành có thể hoại, có thể tự tại chuyển, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Lại, Phật Thế Tôn đã phá trừ vĩnh viễn tất cả pháp ác bất thiện như tham sân si v.v..., đã vĩnh viễn phá trừ tất cả tạp nhiễm nơi quả dị thực khổ thiêu đốt hữu sau, đã vĩnh viễn phá trừ mọi sinh già bệnh chết nơi vị lai, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Như có kệ nói:

*Trừ hết tham sân si
Các pháp ác bất thiện
Đủ pháp thắng vô lậu
Nên gọi Bạc-già-phạm.*

Lại, Đức Phật Thế Tôn đối với các pháp chưa được nghe, có thể tự thông tỏ, đạt được giác ngộ tối thượng, thành tựu trí hiện pháp, trí không chướng ngại, khéo hiểu rõ về vị lai, tu tập quả phạm hạnh, vì các đệ tử phân biệt giải nói, thiết lập pháp hội lớn, thí khắp hữu tình, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Như có tụng nêu:

*Như Lai lập pháp hội
Thương khắp kẻ lạc loài
Thiên nhân sư như thế
Kính lay: Vượt biển hữu.*

Lại, Đức Phật Thế Tôn vì các đệ tử tùy nghi giảng nói pháp, đều khiến họ hoan hỷ cung kính tin nhận, như giáo pháp tu hành, danh xưng truyền khắp các phương, xứ, ai cũng nghe biết, tán thán kính lễ, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Nếu các đệ tử Phật dùng các tướng như thế, theo đây nhớ nghĩ đến chư Phật, do kiến văn làm căn bản, chứng trí tương ưng với các thứ tin, tánh tin, tánh tin hiện tiền, tùy thuận, thừa nhận, ái mộ, tánh ái mộ, tâm lặng, tâm tịnh. Đó gọi là *Phật chứng tịnh*. Nếu có thể đối với các pháp ấy khuyến khích, thúc đẩy, an lập, nên biết đó gọi là dùng các phương tiện khuyến khích, an lập, khiến trụ vào *Phật chứng tịnh*.

*

2. Thế nào gọi là *Pháp chứng tịnh*?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Các đệ tử Thánh này, do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp. Nghĩa là chánh pháp của Phật đã khéo giảng nói, hiện thấy, không nhiệt não, đúng thời, dẫn dắt, quán gần, bậc trí được nội chứng”.

Ở đây:

Nói: *Đây, này:* Tức như đã nói rộng nơi phần Phật chứng tịnh ở trước.

Các đệ tử Thánh: Thánh tức là Phật, Pháp, Tăng, quy y nơi Phật, Pháp, Tăng nên gọi là các đệ tử Thánh.

Do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp: Nghĩa là do tướng này, môn này, lý này, đối với chánh pháp khởi niệm tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không mất pháp, tánh ghi tâm sáng. Đó gọi là do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp.

Khéo giảng nói: Nghĩa là những điều Phật giảng nói về khổ đúng thật là khổ, về tập, diệt, đạo đúng thật là tập, diệt, đạo, nên gọi là khéo giảng nói. Nếu Đức Phật, Thế Tôn không phải khổ nói là khổ, không phải tập, diệt, đạo nói là tập, diệt, đạo thì không phải là khéo giảng nói. Vì Đức Phật, Thế Tôn đối với khổ nói là khổ, đối với tập,

diệt, đạo nói là tập, diệt, đạo, nên chánh pháp của Phật gọi là khéo giảng nói.

Hiện thấy: Nghĩa là tu tập đúng đắn giáo pháp khổ, tập, diệt, đạo do Đức Thế Tôn giảng nói, lúc hành hiện quán ở trong hiện pháp tức chứng nhập khổ, tập, diệt, đạo, nên gọi là hiện thấy. Nếu tu tập các pháp khổ tập diệt đạo do Đức Thế Tôn giảng nói, lúc hành hiện quán không ở trong hiện pháp để chứng nhập khổ tập diệt đạo thì không phải là hiện thấy. Do chính tu tập các pháp khổ tập diệt đạo do Đức Thế Tôn giảng nói, lúc hành hiện quán đã ở trong hiện pháp, chứng nhập khổ tập diệt đạo, nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy.

Lại, chính lúc tu tập các pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, khi có thể đoạn trừ các phiền não do thấy khổ, thấy tập, thấy diệt, thấy đạo đoạn trừ, cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ, tức ở trong hiện pháp liền đoạn trừ hết thấy tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, nên gọi là hiện thấy. Nếu không ở trong hiện pháp hành tác như thế thì không gọi là hiện thấy. Chính vì luôn ở trong hiện pháp hành tác và chứng nhập như thế, nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy.

Lại, chính lúc tu tập các pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, khi có thể chứng đắc việc diệt hết các thứ tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, tức ở trong hiện pháp liền chứng được việc diệt hết các thứ tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, nên gọi là hiện thấy. Nếu không ở trong hiện pháp hành tác như thế thì không gọi là hiện thấy. Do luôn ở trong hiện pháp hành tác và chứng nhập như thế, nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy.

Không nhiệt não: Nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là không nhiệt não. Vì sao? Vì nóng bức (nhiệt) là phiền não, nhưng trong tám chi Thánh đạo, tất cả phiền não đều không thể được, không thể gần được, không có, không cùng có, nên chánh pháp của Phật gọi là không nhiệt não.

Đúng thời: Nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là đúng thời. Vì sao? Vì chính lúc tu tập giáo pháp khổ tập diệt đạo do Đức Thế Tôn giảng nói và khi hành hiện quán, liền hội nhập nơi khổ tập diệt đạo để hiện quán, nên gọi là đúng thời. Nếu chính lúc tu tập giáo pháp khổ tập diệt đạo do Đức Thế Tôn giảng nói và hành hiện quán, sau đó mới hội nhập nơi khổ tập diệt đạo để hiện quán, thì không gọi là đúng thời. Do luôn tu tập hành tác đúng thứ lớp như thế, nên chánh pháp của Phật gọi là đúng thời.

Lại, chính lúc tu tập giáo pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, khi có thể đoạn trừ các tùy miên do thấy bốn Đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, liền đoạn trừ hết tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ cùng do tu đạo đoạn trừ, nên gọi là đúng thời. Nếu không tu tập hành tác đoạn trừ đúng như thế thì không gọi là đúng thời. Chính do luôn hành tác đoạn trừ các tùy miên đúng như thế, nên chánh pháp của Phật gọi là đúng thời.

Lại, chính lúc tu tập giáo pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, khi có thể chứng đắc việc diệt trừ các tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, liền chứng đắc việc diệt hết các tùy miên do thấy bốn đế đoạn trừ, cùng do tu đạo đoạn trừ, nên gọi là đúng thời. Nếu không tu tập, hành tác, đoạn trừ, chứng đắc đúng như thế, thì không gọi là đúng thời. Chính do luôn tu tập, hành tác, đoạn trừ, chứng đắc đúng như thế, nên chánh pháp của Phật gọi là đúng thời.

Dẫn dắt: Nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là dẫn dắt. Vì sao? Vì nếu tu tập, tu tập nhiều tám chi Thánh đạo, đối với khổ tập diệt đạo lúc hành hiện quán, tức có thể hướng dẫn, dắt dìu, có thể tùy thuận, theo đuổi gắn bó, nên chánh pháp của Phật gọi là dẫn dắt.

Quán gần: Nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là quán gần. Vì sao? Vì nếu tu tập, tu tập nhiều tám chi Thánh đạo, tức có thể đối với khổ tập diệt đạo thấy biết đúng như thật về khổ tập diệt đạo, nên chánh pháp của Phật gọi là quán gần.

Bậc trí được nội chứng: Phật và đệ tử Phật được gọi là bậc trí, là người trí. Đối với khổ tập diệt đạo do Đức Thế Tôn giảng nói, người trí tự nơi nội tâm thấy biết, hiểu rõ, giác ngộ đúng đắn rộng khắp là khổ tập diệt đạo, nên chánh pháp của Phật gọi là bậc trí được nội chứng.

Nếu các đệ tử Phật dùng tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp, do kiến văn làm căn bản, chứng trí tương ứng với các niềm tin, tánh tin, tánh tin hiện tiền, tùy thuận, thừa nhận, ái mộ, tánh ái mộ, tâm chứng, tâm tịnh. Đó gọi là *Pháp chứng tịnh*. Nếu có thể đối với các pháp ấy khuyến khích thúc đẩy an lập, nên biết đó gọi là dùng các phương tiện để chỉ bảo khuyến khích an lập khiến được trụ nơi *Pháp chứng tịnh*.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 3

Phẩm 3: CHỨNG TỊNH, phần 2

3. Thế nào gọi là Tăng chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Các đệ tử Thánh này, do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến Tăng. Nghĩa là đệ tử Phật có đầy đủ hành diệu, hành chất trực, hành như lý, hành pháp tùy pháp, hành hòa kính, hành thuận pháp. Đối với Tăng ở đây, có: hướng Dự lưu, quả Dự lưu, hướng Nhất lai, quả Nhất lai, hướng Bất hoàn, quả Bất hoàn, hướng A-la-hán, quả A-la-hán. Như thế gồm chung có Bồ-đặc-già-la đắc bốn hướng, bốn quả. Chúng đệ tử Phật có giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ, là bậc đáng thỉnh mời, đáng quy phục, nên cung kính, là phước điền vô thượng, là bậc Ứng cúng của thế gian”.

Ở đây:

Nói: Đây, đây: Tức như đã nói rộng nơi phần Phật chứng tịnh ở trước.

Các đệ tử Thánh: Phật Pháp Tăng gọi là Thánh, đã quy y Phật Pháp Tăng nên gọi là các đệ tử Thánh.

Do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến Tăng: Nghĩa là do tướng này, môn này, lý này, ở chỗ chư Tăng khởi niệm tùy niệm,

chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không mất pháp, tánh ghi tâm sáng, vì vậy gọi là do tướng như thể theo đây nhớ nghĩ đến Tăng.

Nói: Hành diệu: Nghĩa là Đức Thế Tôn nói có bốn thứ hành: 1. Hành khổ trì thông. 2. Hành khổ tốc thông. 3. Hành lạc trì thông. 4. Hành lạc tốc thông. Chúng đệ tử Phật ở trong các hành đó hành trì nên gọi là hành diệu. Lại, Đức Thế Tôn nói có bốn thứ hành: 1. Hành không an ôn. 2. Hành an ôn. 3. Hành điều phục. 4. Hành tịch tĩnh. Chúng đệ tử Phật chỉ hành trì ba hành sau nên gọi là hành diệu.

Hành chất trực: Tức tám chi Thánh đạo gọi là chất trực. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo không tà vạy, không quanh co, không xa xôi, nhưng là ngay thẳng, đúng thật, bằng phẳng, một hướng. Chúng đệ tử Phật hành trì các hành đó nên gọi là hành chất trực.

Hành như lý: Tức tám chi Thánh đạo gọi là như lý. Chúng đệ tử Phật ở trong ấy hành trì nên gọi là hành như lý.

Lại, Đức Thế Tôn nói bốn niệm trụ, bốn chánh thắng, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, và chánh định cùng các *tư, cụ* gọi là đúng lý. Như Đức Thế Tôn nói: Đạo nhất hướng này khiến các hữu tình đều được thanh tịnh, vượt mọi ưu sầu, diệt hết khổ não, chứng pháp như lý. Nghĩa là Thánh chánh định cùng các *tư, cụ*, là bảy Thánh đạo chi gọi là *tư, cụ* của Thánh chánh định. Những gì là bảy? Tức là chánh kiến v.v... cho đến chánh niệm. Do Thánh chánh định nhân nơi bảy đạo chi này dẫn dắt, tu trị mới được thành tựu đầy đủ, nên gọi là *tư cụ* của Thánh chánh định. Chúng đệ tử Phật ở trong các việc ấy hành trì nên gọi là hành như lý.

Hành pháp tùy pháp: Tức Niết-bàn gọi là pháp, tám chi Thánh đạo gọi là tùy pháp. Chúng đệ tử Phật ở trong ấy hành hóa nên gọi là hành pháp tùy pháp.

Lại, biệt giải thoát gọi là pháp, luật nghi biệt giải thoát gọi là tùy pháp. Chúng đệ tử Phật ở trong các pháp ấy hành trì nên gọi là hành pháp tùy pháp.

Lại, thân luật nghi, ngữ luật nghi và mạng thanh tịnh gọi là pháp, thọ trì các pháp ấy gọi là tùy pháp. Chúng đệ tử Phật ở trong các pháp ấy hành trì nên gọi là hành pháp tùy pháp.

Hành hòa kính: Tức chúng đệ tử Phật cùng một giới, một môn, một lời nói, một biệt giải thoát, đồng giới, đồng học, đồng nói, đồng biệt giải thoát. Học xứ nên học của Bí-sô thọ trăm tuổi giới, Bí-sô mới thọ cũng nên học. Học xứ nên học của Bí-sô mới thọ giới, Bí-sô thọ trăm tuổi giới cũng đồng học. Như các Học xứ, các Học pháp cũng như vậy. Chúng đệ tử Phật có thể ở trong ấy, tánh một giới, tánh một học, tánh một lời nói, tánh một biệt giải thoát, tánh đồng giới, tánh đồng học, tánh đồng nói, tánh đồng biệt giải thoát, nên gọi là hành hòa kính.

Lại, chúng đệ tử Phật hỗ tương, cung kính cùng nhường nhịn nhau. Đối với bậc Trưởng túc, lúc nào cũng tôn trọng, đứng dậy đón tiếp, chấp tay an ủi, thăm hỏi, lễ bái, biểu hiện tướng hòa kính. Chúng đệ tử Phật luôn hành như thế nên gọi là hành hòa kính.

Hạnh thuận pháp: Tức tám chi Thánh đạo gọi là thuận pháp. Chúng đệ tử Phật ở trong ấy tùy thuận du hóa, hành trì, nên gọi là hành thuận pháp.

Tăng ở đây: Nghĩa là chúng đệ tử Phật. Đây tức hiển bày về nghĩa tóm lược của *Tụ* (Tập hợp), *Uẩn* (Tích tụ), *Bộ* (Bộ phận).

Hương Dự lưu: Tức người tu tập đã được đạo vô gián, có thể chứng quả Dự lưu. Nghĩa là nơi đạo vô gián để chứng quả Dự lưu, người này đối với tham dục, giận dữ ở cõi Dục, do đạo thế gian, trước chưa thể đoạn dứt nhiều phần về phẩm loại, đối với bốn Thánh đế, trước chưa hiện quán nay đã tu tập hiện quán, nên gọi là hương Dự lưu.

Quả Dự lưu: Nghĩa là ở trong hiện pháp, đối với ba thứ kiết đã đoạn dứt hoàn toàn và nhận biết khắp, đó là hữu thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Người này trụ trong sự đoạn trừ ấy, chưa thể tiến đến cầu chứng quả Nhất lai, nên gọi là quả Dự lưu.

Hương Nhất lai: Tức đã được đạo vô gián, có thể chứng quả Nhất lai. Nghĩa là nơi đạo vô gián để chứng quả Nhất lai, người này đối với tham dục, giận dữ ở cõi Dục, do đạo thế gian, hoặc trước đã đoạn dứt nhiều phần về phẩm loại, đối với bốn Thánh đế, trước chưa hiện quán nay đã tu tập hiện quán, hoặc đã trụ vào quả Dự lưu, có thể tiến đến cầu chứng quả Nhất lai, nên gọi là hương Nhất lai.

Quả Nhất lai: Nghĩa là ở trong hiện pháp, đối với ba thứ kiết đã đoạn dứt hoàn toàn và nhận biết khắp cùng đoạn trừ nhiều phần nơi tham dục, giận dữ. Người này trụ trong sự đoạn trừ ấy, chưa thể tiến đến cầu chứng quả Bất hoàn, nên gọi là quả Nhất lai.

Hương Bất hoàn: Tức đã được đạo vô gián, có thể chứng quả Bất hoàn. Nghĩa là nơi đạo vô gián để chứng quả Bất hoàn, người này đối với tham dục, giận dữ ở cõi Dục, do đạo thế gian, hoặc trước đã đoạn dứt hẳn, đối với bốn Thánh đế, trước chưa hiện quán nay đã tu tập hiện quán, hoặc đã trụ vào quả Nhất lai, có thể tiến đến cầu chứng quả Bất hoàn, nên gọi là hương Bất hoàn.

Quả Bất hoàn: Nghĩa là ở trong hiện pháp, đối với năm thứ kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt hoàn toàn cùng nhận biết khắp, đó là hữu thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, giận dữ. Người này trụ trong sự đoạn trừ ấy, chưa thể tiến đến cầu chứng quả A-la-hán, nên gọi là quả Bất hoàn.

Hương A-la-hán: Tức đã được đạo vô gián, có thể chứng quả A-la-hán. Nghĩa là nơi đạo vô gián để chứng quả A-la-hán tối thượng, người này đã trụ vào quả Bất hoàn, có thể tiến đến cầu chứng quả A-la-hán, nên gọi là hương A-la-hán.

Quả A-la-hán: Nghĩa là ở trong hiện pháp, tất cả các phiền não như tham sân si v.v... đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên gọi là quả A-la-hán.

Nói bốn đôi Bồ-đặc-già-la: Nghĩa là Hướng Dự lưu, quả Dự lưu là đôi thứ nhất. Hướng Nhất lai và quả Nhất lai là đôi thứ hai. Hướng Bất hoàn và quả Bất hoàn là đôi thứ ba. Hướng A-la-hán và quả A-la-hán là đôi thứ tư.

Nói tám thứ Bồ-đặc-già-la riêng lẻ: Nghĩa là hiển bày, an lập các Bồ-đặc-già-la như hướng Dự lưu v.v... làm tám thứ đều riêng biệt.

Chúng đệ tử Phật: Nghĩa là nêu bày chỉ rõ về chúng đệ tử Phật có đủ công đức thù thắng.

Giới đầy đủ: Nghĩa là các vị Tăng hữu học, vô học đã thành tựu đầy đủ các giới học và vô học.

Định đầy đủ: Nghĩa là các vị Tăng hữu học, vô học đã thành tựu đầy đủ các định học và vô học.

Tuệ đầy đủ: Nghĩa là các vị Tăng hữu học, vô học đã thành tựu đầy đủ các tuệ học và vô học.

Giải thoát đầy đủ: Nghĩa là các vị Tăng hữu học, vô học đã thành tựu đầy đủ các giải thoát học và vô học.

Giải thoát tri kiến đầy đủ: Nghĩa là các vị Tăng hữu học, vô học đã thành tựu đầy đủ các giải thoát tri kiến học và vô học.

Bậc đáng thỉnh mời: Nghĩa là nên dâng tặng, nên cúng dường, nên cúng tế, thế nên gọi là bậc đáng thỉnh mời.

Đáng quy phục: Nghĩa là đã dâng tặng, khéo dâng tặng, đã cúng dường, khéo cúng dường, đã cúng tế, khéo cúng tế, tạo công sức ít, quả lợi lớn, nên gọi là đáng quy phục.

Nên cung kính: Nghĩa là hoặc quen biết, hoặc không quen biết, đều nên đứng dậy trân trọng đón tiếp, cúi mình chấp tay, đánh lễ nơi chân các vị Thánh Tăng, tán thán thăm hỏi: Mọi việc hành đạo đều được an lạc chăng? Đó gọi là nên cung kính.

Vô thượng: Như Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Trong tất cả chúng bộ loại hòa hợp thì chúng đệ tử Phật là hơn hết, là bậc nhất, là tối tôn, tối thắng, tối thượng, vô thượng, nên gọi là vô thượng.

Phước điền: Như Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan-đà: Ta chưa hề thấy trong chúng trời người có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nào đáng được thọ nhận các sự dâng thí, khéo dâng thí, đã cúng dường, khéo cúng dường, đã cúng tế, khéo cúng tế như hàng Tăng chúng của Ta. Tôn giả A-nan nên biết! Nếu đối với các Tăng chúng của Ta đã dâng thí, khéo dâng thí, đã cúng dường, khéo cúng dường, đã cúng tế, khéo cúng tế, thì công sức tuy ít, nhưng nhận được quả lợi lớn. Lại như Thiên đế đến đỉnh núi Linh Thứu dùng kệ vi diệu tán thán, hỏi han:

*Lễ bậc hay biện thuyết
 Các pháp đến bờ kia
 Vượt tất cả sợ hãi
 Đại Kiều Đáp Ma tôn.
 Có vô lượng chúng sinh
 Ưa phước, tu bố thí
 Thường khởi tín chí thành
 Tu các phước hữu y.
 Nguyên Phật rủ lòng thương
 Nói phước điền chân thắng
 Khiến vô lượng chúng sinh
 Thí ít được quả lớn.*

Đức Thế Tôn vì thương xót các chúng sinh nên cũng dùng kệ đặc biệt bảo Thiên đế:

Nếu vô lượng chúng sinh
Ưa phước, tu bố thí
Luôn khởi tín chí thành
Tu các phước hữu y.
Nay Ta vì chư vị
Nói phước điền chân thắng
Khiến vô lượng chúng sinh
Thí ít được quả lớn.
Nếu hành bốn hướng Thánh
Cùng trụ bốn quả Thánh
Là Tăng nên cúng dường
Đủ giới, định, tuệ báu.
Ruộng Tăng chân thắng này
Công đức rất rộng lớn
Hay thâm nhuần vô lượng
Cũng như bốn biển cả.
Đệ tử thắng thiện Phật
Đã khởi pháp sáng tỏ
Đáng nhận cúng dường quý
Thọ cúng kính thù thắng.
Nơi ít Tăng hành thí
Tức thí tất cả Tăng
Tất sẽ được quả lớn
Nhất thiết trí khen ngợi.
Trong các loại phước điền
Ruộng Tăng là thắng diệu
Chư Phật đều khen ngợi
Thí được phước cao tột.
Đối chúng đệ tử Phật
Thí ít đạt quả lớn
Nên những hàng thông tuệ

Nên cúng dường chúng Tăng.
 Thánh chúng trì pháp diệu
 Đủ Minh hạnh, Đẳng trì
 Nên đối với Tăng bảo
 Hành thí là tối thượng.
 Dùng ba thứ tâm tịnh
 Thí Tăng thức ăn, mặc
 Tất được báo thù thắng
 Thành Thiện sĩ trời người.
 Định ở trong đời sinh
 Là tên độc, phiền não
 Vượt qua các nẻo ác
 Thọ thắng lạc trời người.
 Tự gom tiền, vật báu
 Tự tay hành bố thí
 Vì lợi mình và người
 Tất đạt được quả lớn.
 Có những vị thông tuệ
 Tâm tịnh tín hành thí
 Sẽ sinh cõi an vui
 Thọ diệu lạc, thông sáng.

Do nêu bày như thế nên gọi là phước điền.

Bạc Ứng cúng của thế gian: Nghĩa là các đệ tử Thánh, có thể làm thanh tịnh thế gian, nên là pháp khí ứng cúng. Đã hành ứng cúng, là đạo thanh tịnh, nên thành tựu ứng cúng, là ba nghiệp thanh tịnh, thế nên gọi là bậc Ứng cúng của thế gian.

Nếu các đệ tử Thánh, do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến Tăng già, do kiến văn làm căn bản, chứng trí tương ưng với các niềm tin, tánh tin, tánh tin hiện tiền, tùy thuận, thừa nhận, ái mộ, tánh ái mộ, tâm chứng, tâm tịnh. Đó gọi là *Tăng chứng tịnh*. Nếu có thể đối

với các pháp ấy khuyến khích, an lập, nên biết đó gọi là dùng các phương tiện để khuyến khích an lập, khiến trụ trong *Tăng chứng tịnh*.

*

4. Thế nào gọi là Giới được bậc Thánh yêu mến?

Đáp: Nghĩa là thân luật nghi, ngữ luật và mạng thanh tịnh vô lậu, đó gọi là *Giới được bậc Thánh yêu mến*.

Vì sao gọi là Giới được bậc Thánh yêu mến? Tức chư Phật và các đệ tử Phật gọi là Thánh. Vì chư vị ấy đối với giới kia luôn ái mộ, vui mừng, thuận nhận không hề trái nghịch, thế nên gọi là *Giới được bậc Thánh yêu mến*.

Nếu có thể đối với các pháp ấy khuyến khích, an lập, nên biết đó gọi là dùng các phương tiện để khuyến khích, an lập, khiến trụ nơi *Giới được bậc Thánh yêu mến*.

Phẩm 4: QUẢ SA MÔN

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bì-sô: Có 4 quả Sa-môn. *Những gì là bốn?*

1. Quả Dự lưu.
2. Quả Nhất lai.
3. Quả Bất hoàn.
4. Quả A-la-hán.

Đó gọi là bốn quả Sa-môn.

*

1. Thế nào gọi là quả Dự lưu?

Đáp: Quả Dự lưu lược có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Quả Dự lưu hữu vi: Nghĩa là chứng đắc quả ấy cùng đạt được những gì nơi quả ấy, là căn lực hữu học, Thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học, cùng chủng loại nơi các pháp hữu học kia. Đó gọi là quả Dự lưu hữu vi.

Quả Dự lưu vô vi: Nghĩa là ở trong quả ấy ba thứ kiết đã được đoạn dứt hoàn toàn cùng chủng loại nơi pháp kiết kia đã đoạn dứt vĩnh viễn. Tức là tám mươi tám thứ tùy miên đã được đoạn trừ hoàn toàn, cùng chủng loại nơi pháp kiết đã đoạn trừ vĩnh viễn. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

*

2. Thế nào gọi là quả Nhất lai?

Đáp: Quả Nhất lai lược có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Quả Nhất lai hữu vi: Nghĩa là chứng đắc quả ấy cùng đạt được những gì nơi quả ấy, là căn lực hữu học, Thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học, cùng chủng loại nơi các pháp hữu học kia. Đó gọi là quả Nhất lai hữu vi.

Quả Nhất lai vô vi: Nghĩa là ở trong quả ấy đã đoạn dứt hoàn toàn ba thứ kiết cùng chủng loại nơi pháp kiết kia đã đoạn dứt vĩnh viễn. Tức là tám mươi tám thứ tùy miên đã đoạn trừ hoàn toàn cùng chủng loại nơi pháp kiết đã đoạn trừ vĩnh viễn, cũng như phần lớn các tham sân si, phần lớn chủng loại nơi pháp kiết đều đã đoạn dứt hẳn. Đó gọi là quả Nhất lai vô vi.

*

3. Thế nào gọi là quả Bất hoàn?

Đáp: Quả Bất hoàn lược có hai thứ: hữu vi và vô vi.

Quả Bất hoàn hữu vi: Nghĩa là chứng đắc quả ấy cùng đạt được những gì nơi quả ấy, là căn lực hữu học, Thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học, cùng chủng loại nơi các pháp hữu học kia. Đó gọi là quả Bất hoàn hữu vi.

Quả Bất hoàn vô vi: Nghĩa là ở đây năm kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt hoàn toàn cùng chủng loại nơi pháp kiết kia đã đoạn dứt vĩnh viễn. Tức là chín mươi hai thứ tùy miên đã đoạn trừ hoàn toàn cùng chủng loại nơi pháp kiết đã đoạn trừ vĩnh viễn. Đó gọi là quả Bất hoàn vô vi.

*

4. Thế nào gọi là quả A-la-hán?

Đáp: Quả A-la-hán lược có hai thứ: hữu vi và vô vi.

Quả A-la-hán hữu vi: Nghĩa là chứng đắc quả ấy cùng đạt được những gì nơi quả ấy, là căn lực vô học, Thi la vô học, pháp thiện vô học, mười pháp vô học, cùng chủng loại nơi các pháp vô học kia. Đó gọi là quả A-la-hán hữu vi.

Quả A-la-hán vô vi: Nghĩa là ở đây tất cả các phiền não như tham sân si v.v... đều đã đoạn trừ hoàn toàn, vượt khỏi tất cả nẻo, đoạn trừ tất cả đường, ba thứ lửa đều tịch tĩnh, vượt qua bốn dòng thác, các thứ kiêu mạn, phóng dật đều xa lìa, mọi khát ái đều dứt hẳn, các nơi chốn giam hãm đều bị phá trừ hết, rốt ráo vô thượng, tịch tĩnh vô thượng, ái tận vô thượng, lìa bỏ, diệt độ, Niết-bàn. Đó gọi là quả A-la-hán vô vi.

Phẩm 5: THÔNG HÀNH

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ nơi khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 thứ Thông hành. *Những gì là bốn?*

1. Khổ trì thông hành.
2. Khổ tức thông hành.
3. Lạc trì thông hành.
4. Lạc tức thông hành.

Đó gọi là bốn Thông hành.

*

1. Thế nào gọi là Khổ trì thông hành?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có các Bí-sô do năm thủ uẩn nên đã bị nhiều hủy nhục, tổn hại. Các vị ấy nhân nơi năm thứ thủ uẩn như thế, nên bị bức bách trói buộc như phải mang một gánh nặng, cho đến mạng chung vẫn luôn bị đeo đuổi. Do đấy nên đối với năm thủ uẩn như vậy phải sinh tâm chán khinh sâu xa, luôn chê trách, chống cự”.

Ở đây:

Gọi là khổ: Tức do đấy các Bí-sô kia liền khởi năm căn như tín v.v... nhưng rất mờ, độn, yếu, kém. Năm căn như thế, do mờ, do độn, do yếu, do kém, nên đã làm chậm lại việc chứng đắc quả lậu tận vô thượng.

Nói là trì (chậm chạp): Nghĩa là không gấp, không mau, không nhanh, không dễ, không chóng chứng đắc.

Nói vô thượng: Như Thế Tôn nói: Ở trong các pháp hữu vi, vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần yếu bậc nhất, là tối tôn, tối thắng, tối thượng, vô thượng. Đối với các pháp vô thượng, có thể đạt được theo đây đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận: Lậu tức là ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đối với ba thứ lậu ấy có thể dứt hết, cùng dứt hết, dứt hết khắp, dứt hết vĩnh viễn, diệt hết, hết hoàn toàn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hành: Nghĩa là hành này tức siêu vượt, dũng mãnh, tinh tấn, thúc đẩy, sinh khởi mong muốn tốt bậc. Đối với bốn Thánh đế tu hành hiện quán. Đối với các quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán tu hành tác chứng. Đối với những cấu uế của tham sân si kiêu mạn v.v... đều tu hành đoạn trừ vĩnh viễn. Do rất mực cung kính, an trụ, ân cần, trân trọng tư duy, thâm giữ khắp các tâm sở rồi, do nhân, do môn, do lý, do tướng, nên tu hành thông đạt, thế nên gọi là *Khổ trì thông hành*.

Lại, hành như thế, đối với nghĩa mong cầu, do tu tập, tu tập nhiều, nên có thể đạt được theo đây đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, thế nên gọi là *Khổ trì thông hành*.

Lại, hành như thế, do ngữ tăng ngữ, do tướng cùng tướng, thiết lập để nói là khổ trì thông hành, vì thế gọi là *Khổ trì thông hành*.

*

2. Thế nào gọi là Khổ tốc thông hành?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có các Bí-sô do năm thủ uẩn nên đã bị nhiều hủy nhục, tổn hại. Các vị ấy nhân nơi năm thứ thủ uẩn như thế, nên bị bức bách trời buộc như phải mang một gánh nặng, cho đến mạng chung vẫn luôn bị đeo đuổi. Do đây nên đối với năm thủ uẩn như vậy phải sinh tâm chán khinh sâu xa, luôn chê trách, chống cự”.

Ở đây:

Gọi là khổ: Tức do đây liền khởi năm căn như tín v.v... rất sáng, lanh, mạnh, thịnh. Năm căn như thế, do sáng, do lanh, do mạnh, do thịnh, nên có thể nhanh chóng dứt lậu tận vô thượng.

Nói là tốc (nhanh chóng): Nghĩa là có thể gấp, có thể mau, có thể nhanh, có thể dễ, có thể chóng chóng đắc.

Nói vô thượng: Như Thế Tôn nói: Ở trong các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần yếu bậc nhất, là tối tôn, tối thắng, tối thượng, vô thượng. Đối với các pháp vô thượng, có thể đạt được theo đây đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận: Lậu tức là ba thứ lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đối với ba thứ lậu ấy, có thể dứt hết, cùng dứt hết, dứt hết khắp, dứt hết vĩnh viễn, diệt hết, hết hoàn toàn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hành: Tức như đã nói rộng nơi phần Khổ tri thông hành ở trước, cho đến thế nên gọi là *Khổ tốc thông hành*.

Lại, hành như thế, do ngữ tăng ngữ, do tướng cùng tướng, thiết lập để nói là khổ tốc thông hành, vì thế gọi là *Khổ tốc thông hành*.

*

3. Thế nào gọi là Lạc tri thông hành?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có các Bí-sô đã lìa pháp dục ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nơi tĩnh lự thứ nhất an trụ đầy đủ. Tâm tứ đều dứt, bên trong cùng tâm tịnh một hướng, không tâm không tứ định sinh hỷ lạc. Nơi tĩnh lự thứ hai an trụ đầy đủ, lìa hỷ trụ nơi xả, chánh niệm chánh tri, thân thọ lạc như Phật đã nói, đủ niệm, xả, trụ vào an lạc. Nơi tĩnh lự thứ ba an trụ đầy đủ, đoạn dứt vui khổ, các sự mừng lo trước đây đều mất, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh. Nơi tĩnh lự thứ tư an trụ đầy đủ. Bây giờ, người ấy không tư duy về tự hại, không tư duy về hại người khác, không tư duy về hại cả hai, nhưng có thể tư duy về tự lợi, có thể tư duy về lợi tha, có thể tạo lợi cho nhiều đời, có thể tạo an lạc cho nhiều đời, có thể thương xót thế gian, có thể tạo nghĩa lợi an lạc cho chúng trời, người, không có các thứ tổn hại”.

Ở đây:

Gọi là lạc (vui): Tức do đầy liền khởi năm căn như tín v.v... nhưng rất mờ, độn, suy, kém. Năm căn như thế, do mờ, do độn, do suy, do kém, nên có thể làm chậm lại việc chứng đắc lậu tận vô thượng.

Nói là trì (chậm chạp): Nghĩa là không gấp, không mau, không nhanh, không dễ, không chóng chứng đắc.

Nói vô thượng: Như trước đã nói rộng. Đối với các pháp vô thượng, có thể đạt được tùy đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận: Lậu tức là ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Như trước đã nêu rõ.

Nói thông hành: Nghĩa là hành này tức siêu vượt, dũng mãnh, tinh tấn, thúc đẩy, sinh khởi mong muốn tột bậc. Đối với bốn Thánh đế tu hành hiện quán. Đối với các quả Bất hoàn, A-la-hán tu hành tác chứng. Đối với các thứ Thần cảnh trí tác chứng thông, Thiên nhĩ trí tác chứng thông, Tâm sai biệt trí tác chứng thông, Túc trụ tùy niệm trí tác chứng thông, Tử sinh trí tác chứng thông, Lậu tận trí tác chứng thông đều tu hành tác chứng. Đối với những câu uest của tham sân si kiêu mạn v.v... đều tu hành đoạn dứt vĩnh viễn. Do rất mực cung kính, an trụ, trân trọng tư duy, nên thâm giữ khắp các thứ tâm sở rồi, do nhân, do môn, do lý, do tướng, nên tu hành thông đạt, thế nên gọi là *Lạc trì thông hành*.

Lại, hành như thế, đối với nghĩa mong cầu, do tu tập, tu tập nhiều, nên có thể đạt được theo đầy đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, thế nên gọi là *Lạc trì thông hành*.

Lại, hành như thế, do ngữ tăng ngữ, do tướng cùng tướng, thiết lập để nói là lạc trì thông hành, vì thế gọi là *Lạc trì thông hành*.

4. Thế nào gọi là Lạc tốc thông hành?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Có các Bí-sô đã lìa pháp dục ác bất thiện v.v..., nói rộng cho đến đối với tính lự thứ tư đã an trụ đầy đủ. Bây giờ, người ấy không tư duy về tự hại, không tư duy về hại người khác, không tư duy về hại cả hai, nhưng có thể tư duy về tự lợi, có thể tư duy về lợi tha, có thể tạo lợi cho nhiều đời, có thể tạo an lạc cho nhiều đời, có thể thương xót thế gian, có thể tạo nghĩa lợi an lạc cho các chúng trời, người, không có các thứ tổn hại”.

Ở đây:

Gọi là lạc (vui): Tức do đầy liền khởi năm căn như tín v.v... rất sáng, lanh, mạnh, thịnh. Năm căn như thế, do sáng, do lanh, do mạnh, do thịnh, nên có thể mau chóng chứng đắc lậu tận vô thượng.

Nói là tốc (nhANH chóng): Nghĩa là có thể gấp, có thể mau, có thể nhanh, có thể dễ, có thể chóng chứng đắc.

Nói vô thượng: Như trước đã nói. Đối với các pháp vô thượng có thể đạt được theo đầy đạt được, có thể tiếp xúc cùng tiếp xúc, có thể chứng tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận: Lậu tức là ba thứ lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, như trước đã nói.

Nói thông hành: Nghĩa là như trước đã nói nơi phần Lạc trì thông hành, cho đến: Lại, hành như thế, do ngữ tăng ngữ, do tướng cùng tướng được thiết lập để nói là lạc tốc thông hành, vì thế gọi là Lạc tốc thông hành.

Trong đây, nếu đối với Khổ trì thông hành tu tập, tu tập nhiều, tức có thể khiến Khổ tốc thông hành mau chóng đạt được viên mãn. Nếu đối với Lạc trì thông hành tu tập, tu tập nhiều, tức có thể khiến Lạc tốc thông hành mau chóng đạt được viên mãn. Lại, nếu đối với Khổ trì thông hành tu tập, tu tập nhiều, tức có thể khiến Lạc trì thông

hành mau chóng đạt được viên mãn. Nếu đối với Khổ tức thông hành tu tập, tu tập nhiều, thì có thể khiến Lạc tức thông hành mau chóng đạt được viên mãn.

Phẩm 6: THÁNH CHỨNG

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 Thánh chứng là tối thắng, là chúng tánh, là đáng ưa thích, hiện không ứ tập, từng không ứ tập, sẽ không ứ tập. Các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hay chúng Thiên, Ma, Phạm, hoặc cõi thế gian khác, không thể dùng pháp để hủy báng. *Những gì là bốn?*

1. Hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta, tùy thuận có được y phục liền sinh hỷ tức (Tri tức), khen ngợi hỷ tức, không vì nhân duyên cầu tìm y phục khiến cho thế gian sinh luận bàn chê trách. Nếu cầu tìm không được thì trọn không buồn bực than thở, ngóng cổ trông mong, vượt ngục phiền muộn. Nếu cầu tìm có được, như pháp thọ dụng, không sinh nhiễm vương, tham đắm, rồi tàng trữ tích chứa. Khi thọ dụng có thể thấy rõ các lỗi lầm tai họa, luôn chánh tri về nẻo xuất ly. Người ấy do tùy thuận có được y phục liền sinh hỷ tức, nên trọn không tự đề cao khinh miệt kẻ khác, nhưng có thể siêng năng tự khích lệ, buộc giữ niệm chánh tri. Đó gọi là an trụ nơi Thánh chứng cố tích.

2. Đệ tử như thế tùy thuận có được các thức ăn uống liền sinh hỷ tức, nói rộng như trước.

3. Đệ tử như thế tùy thuận có được ngoại cụ liền sinh hỷ tức, nói rộng như trước.

4. Đệ tử như thế đối với việc đoạn dứt ái lạc, siêng năng tinh tấn tùy học. Đối với việc đoạn dứt ái lạc, vui thích tu tập, cũng siêng năng tinh tấn tùy học. Người ấy do đoạn tu ái lạc như thế, nên trọn không tự đề cao khinh miệt kẻ khác, nhưng có thể siêng năng tự khích lệ, buộc giữ niệm chánh tri. Đó gọi là an trụ nơi Thánh chủng cố tích.

Các đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta, thành tựu 4 Thánh chủng như thế, nếu dựa vào các phương Đông Tây Nam Bắc để trụ, nhiều kẻ không ưa thích ngụ ở đấy, nhưng chư vị đệ tử kia thì ưa thích cư ngụ. Đối với điều ưa thích không ưa thích, chư vị ấy đều có thể cùng nhận.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nhằm thu tóm các nghĩa trước đây, nên nói kệ:

*Dũng không ưa ở đấy
 Người kia ưa ở đấy
 Ở trong thích, không thích
 Người dũng đều cùng nhận.
 Đã trừ bỏ các dục
 Không vật nào ngăn được
 Thêm vàng ròng Thiệm-bộ
 Ai lại nên hủy báng.*

Ở đây:

Có bốn Thánh chủng là tối thắng: Tức bốn Thánh chủng là tất cả Phật và các đệ tử, cùng được thiết lập nêu bày là tối thắng.

Là chủng tánh: Tức bốn Thánh chủng là tất cả Phật cùng các đệ tử, từ xa xưa không cùng là chủng tánh của hàng tại gia.

Là đáng ưa thích: Tức bốn Thánh chủng là tất cả Phật cùng các đệ tử, từ xa xưa đến nay, nơi các thời của ngày đêm, đều là pháp đáng ưa thích.

Hiện không uế tạp: Tức bốn Thánh chủng không bị các pháp ác bất thiện của hiện tại gần gũi làm cấu nhiễm, vì tánh không xen tạp với chúng mà có thể xa lìa.

Từng không uế tạp: Tức bốn Thánh chủng không bị các pháp ác bất thiện của quá khứ gần gũi làm cấu nhiễm, vì tánh không xen tạp với chúng mà có thể xa lìa.

Sẽ không uế tạp: Tức bốn Thánh chủng không bị các pháp ác bất thiện của vị lai gần gũi làm cấu nhiễm, vì tánh không xen tạp với chúng mà có thể xa lìa.

Các Sa-môn v.v... không thể dùng pháp để hủy báng: Tức bốn Thánh chủng này không phải là tất cả Phật và các đệ tử, hoặc các bậc Hiền quý, hoặc các bậc Thiện sĩ có thể hủy báng, cho là: Thánh chủng này là pháp bất thiện, là loại hạ tiện, tin hiểu thọ trì là có thể tự hại, hại kẻ khác, hoặc hại cả hai, có thể diệt trừ trí tuệ, có thể ngăn cản loại ấy, có thể làm chướng ngại Niết-bàn, thọ trì pháp ấy không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không thể chứng đắc Niết-bàn. Thánh chủng không phải là pháp hủy báng như thế.

*

1. Thánh chủng thứ nhất:

Tùy thuận có được y phục liền sinh hỷ tức: Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật, theo chỗ có được y phục phần tảo, hoặc theo chỗ có được y phục do thí chủ cúng dường, hoặc xấu hoặc tốt liền sinh hỷ tức (biết đủ), dùng để che thân, ngăn nóng lạnh.

Khen ngợi hỷ tức: Nghĩa là thường khen ngợi đối với việc tùy thuận có được y phục sinh hỷ tức, cho là hỷ tức này có thể dẫn đến suốt trong nẻo sinh tử, hạnh thiếu dục hỷ tức, dễ đủ dễ nuôi, giảm trừ các ác, tăng trưởng các thiện, có thể nhanh chóng được viên mãn các công đức Đầu-đà. Đối với các vật dụng sinh sống có thể

khéo biết về lượng, có thể khiến cho mình và người thân tâm đều được nghiêm tịnh.

Thường khen ngợi: Nghĩa là không phải luôn nói, chỉ lúc nào thấy việc đáng nói, tùy theo duyên mà nêu bày, khiến người khác khâm phục, tôn trọng hạnh hỷ túc ấy.

Không vì nhân duyên cầu tìm y phục khiến cho thế gian sinh luận bàn chê trách: Nghĩa là các đệ tử Phật không phải như một loại hữu tình vì cầu tìm y phục nên đến nhà các thí chủ giả hiện oai nghi, bịa đặt nói năng biện luận, hiện tướng khổ hạnh, dùng lợi cầu lợi, khiến cho thế gian nhiều lời chê trách. Các đệ tử Phật không giống với hạng ấy, nên không khiến người khác bàn luận chê trách.

Nếu cầu tìm không được thì trọn không buồn bực than thở v.v...: Nghĩa là đệ tử Phật khi cầu tìm y phục, nếu không vừa ý thì trọn không áo não than thở, ngóng cổ mong chờ, vượt ngục phiền muộn.

Áo não: Là tâm nóng bức, cùng nóng bức, nóng bức khắp, bên trong tức giận thiêu đốt, sầu lo hối hận, như tên găm vào tim, không tự biết xử sự ra sao, chỉ luôn buồn phiền oán trách, gọi chung là áo não. *Than thở*: Là tâm nhiệt não như thế rồi, thì suy nghĩ: Ta không có y phục, phải nên dùng phương cách nào để tự cứu giúp? Nhân đấy phát ra vô số lời lẽ nói về ý nghĩ của mình, gọi chung là than thở. *Ngóng cổ mong chờ*: Là buồn bực than thở xong, lại ngóng cổ trông mong thí chủ đổi ý. *Vượt ngục phiền muộn*: Là đợi chờ lâu chẳng được, hết đường hy vọng, nên đành vượt ngục buồn phiền. Các đệ tử Phật đều không có các sự việc như thế.

Nếu cầu tìm có được, như pháp thọ dụng, không sinh nhiễm vương v.v...: Nghĩa là các đệ tử Phật cầu được y phục, như pháp thọ dụng, tâm không nhiễm vương, tham đắm, rồi tàng trữ tích chứa. Các từ như nhiễm vương v.v... đều hiển bày về tham ái, trước sau, nặng nhẹ, phân vị có sai biệt.

Khi thọ dụng có thể thấy rõ về các lỗi lầm tai họa, luôn chánh tri về nẻo xuất ly: Nghĩa là các đệ tử Phật khi thọ dụng các thứ y phục có được, có thể thấy rõ những lỗi lầm tai họa. Tức những thứ y phục này là vô thường biến động, lúc cầu tìm thì khó nhọc, thọ dụng phi lý lại sinh trường bệnh tật, là pháp mất hoại, là pháp tăng giảm, tạm được lại mất, qua nhanh không dừng, xưa không nay có, có rồi hoàn không, chẳng thể giữ gìn, tin cậy. Lại, khi thọ dụng, chánh tri về nẻo xuất ly, thành tựu việc tiến đạt tuệ xuất ly, nhằm hướng nhập Niết-bàn nên thọ dụng y phục. Lại, khi thọ dụng trước hết là để điều phục tham dục, kế tiếp là đoạn trừ tham dục, sau hết là ra khỏi tham dục. Do nhân duyên này nên tâm đối với y phục liả nhiễm và được giải thoát.

Người ấy do tùy thuận có được y phục sinh hỷ túc, nên trọn không tự đề cao khinh miệt kẻ khác: Nghĩa là đệ tử Phật, tuy đối với việc có được y phục sinh tâm hỷ túc, nhưng không tự đề cao khinh chê kẻ khác. Không như một loại Bí-sô, do hạnh hỷ túc mà tự kiêu mạn, nghĩ: Các Bí-sô khác đều không có hạnh thiếu dục, hỷ túc, ít sự ít việc như thế, nói rộng cho đến có ai đã có thể khéo vì người khác khen ngợi pháp hỷ túc. Các đệ tử Phật đều không có các sự việc như thế.

Nhưng có thể siêng năng tự khích lệ, buộc giữ niệm chánh tri: Nghĩa là đệ tử Phật đối với việc tùy thuận có được y phục sinh hỷ túc, như pháp thọ dụng, không sinh nhiễm vương, có thể thấy rõ về các lỗi lầm tai họa, luôn chánh tri về nẻo xuất ly giải thoát, không tự kiêu mạn khinh miệt người khác, lại có thể siêng năng tự khích lệ, chánh tri giữ niệm.

Siêng năng tự khích lệ: Là hiển bày về chánh tinh tấn. *Chánh tri:* Là hiển bày về chánh kiến. *Buộc giữ niệm:* Là hiển bày về chánh niệm. Ở đây lược hiển bày về ba thứ chi đạo (Chánh tinh tấn, chánh kiến, chánh niệm).

Đó gọi là an trụ nơi Thánh chủng cổ tích: Câu đầu tiên: *Đó gọi là:* Tức hiển bày về các đệ tử Phật đã thành tựu việc điều phục ý lạc thiện, như trước đã nói. Câu sau: *Thánh chủng cổ tích:* Tức làm rõ về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả các Hiền Thánh đều ở nơi Thánh chủng như thế tu tập, tu tập nhiều, mới đạt đến cứu cánh. Câu giữa: *Nói an trụ:* Tức hiển bày về đệ tử Phật, đối với việc tùy thuận có được y phục sinh hỷ túc, đã tăng thượng sinh khởi đạo hữu lậu thiện cùng đạo vô lậu, an trụ cùng trụ, trụ khắp trụ gần.

*

2. Thánh chủng thứ hai:

Đệ tử như thế tùy thuận có được các thức ăn uống liền sinh hỷ túc: Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật, khi hành khất thực được các thức ăn uống, hoặc theo chỗ mời thỉnh, cúng dường có được thức ăn uống, hoặc ngon hoặc dở liền sinh hỷ túc, nhận lấy thọ dụng là để nuôi thân trừ dứt đói khát.

Nói rộng như trước: Tức khen ngợi hạnh hỷ túc v.v... nói rộng như trước về việc tùy thuận có được y phục liền sinh hỷ túc.

*

3. Thánh chủng thứ ba:

Đệ tử như thế tùy thuận có được ngọa cụ liền sinh hỷ túc: Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật, đối với việc tùy nghi có được ngọa cụ để trải bên gốc cây, hoặc các thứ ngọa cụ trong phòng nhà v.v..., hoặc tốt hoặc xấu liền sinh hỷ túc, nhận dùng là để giúp thân trừ bỏ mệt nhọc.

Nói rộng như trước: Tức khen ngợi pháp hỷ túc v.v... nói rộng như trước về việc tùy nghi có được y phục liền sinh hỷ túc.

*

4. *Thánh chứng thứ tư:*

Đệ tử như thế đối với đoạn dứt ái v.v...: Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật thường đoạn ái tu ái, đoạn lạc tu lạc, siêng năng tinh tấn tùy học pháp đoạn tu ái lạc.

Thế nào là đoạn ái tu ái? Nghĩa là nếu chưa đoạn trừ các pháp ác bất thiện, chưa tu tập các pháp thiện, vị ấy đối với việc đoạn, tu, không ái (yêu thích), không ái hết mực, có việc ngóng chờ, trông đợi. Nếu đã đoạn các pháp ác bất thiện, đã tu tập các pháp thiện, vị ấy đối với việc đoạn, tu, có ái (yêu thích), có ái tột bậc, không có ngóng trông, chờ đợi.

Thế nào là đoạn lạc tu lạc? Nghĩa là đối với việc đoạn, tu, có lạc (ưa thích), có thắng lạc.

Thế nào là siêng năng tinh tấn tùy học pháp đoạn tu ái lạc? Nghĩa là đối với việc đoạn tu ái lạc, do tăng thượng nên siêng năng dốc tùy học.

Người ấy do đoạn tu ái lạc như thế, nên trọn không tự đề cao khinh miệt kẻ khác: Nghĩa là đệ tử Phật, tuy đối với việc đoạn tu ái lạc đã tinh tấn tùy học, nhưng không tự đề cao, khinh chê kẻ khác. Không như một loại Bí-sô, nhân nơi việc đoạn tu ái lạc khởi niệm: Các Bí-sô khác đều không có hạnh thiếu dục, hỷ túc, ít sự ít việc như thế v.v..., nói rộng cho đến đoạn ái tu ái, đoạn lạc tu lạc, tinh tấn tùy học pháp đoạn tu ái lạc. Các đệ tử Phật đều không có các sự việc như thế.

Nhưng có thể siêng năng tự khích lệ, buộc giữ niệm chánh tri: Như trước đã nói.

Đó gọi là an trụ nơi Thánh chứng cố tích: Giải thích rộng như trước, nhưng có sai biệt: Câu giữa: *An trụ:* Tức chỉ rõ các đệ tử Phật, đối với việc đoạn tu ái lạc, đã tăng thượng để sinh khởi các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, an trụ cùng trụ, trụ khắp, trụ gần.

Phẩm 7: CHÁNH THẮNG, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ nơi khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 Chánh thắng (Bốn Chánh cần). *Những gì là bốn?*

1. Có các Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

2. Vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

3. Vì khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

4. Vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Đó gọi là bốn Chánh thắng.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn thâm tóm các nghĩa trên, nên nói kệ:

*Khi mới tu Chánh thắng
Đã thắng hữu sinh tử
Nếu tu đến bờ kia
Hay diệt trừ quân ma.
Lìa phiền não, các ác
Không bị duyên ác ngăn*

*Đến Niết-bàn bờ kia
Chứng cực lạc rốt ráo.*

*

1. Chánh thắng thứ nhất: Vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Thế nào là các pháp ác bất thiện đã sinh?

Đáp: Nghĩa là năm thứ cái (ngăn che) quá khứ, hiện tại. Đó là: 1. Cái tham dục. 2. Cái giận dữ. 3. Cái hôn trầm thùy miên. 4. Cái trạo cử ô tác. 5. Cái nghi.

Thế nào là nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh nên hành chánh thắng (chánh cần)?

Đáp: Nghĩa là: *Có Bi-sô*, vì nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên như lý tư duy: “Cái tham dục kia có nhiều lỗi làm tai họa, là pháp bất thiện, là điều của kẻ thấp hèn đã tin hiểu thọ trì. Còn Đức Phật và các đệ tử, các bậc Thiện sĩ hiền quý đều cùng chê trách chán lia. Vì đây là pháp có thể tự hại, có thể hại kẻ khác, có thể hại cả hai, có thể tiêu diệt trí tuệ, có thể ngăn trở loại ấy, có thể làm chướng ngại tịch diệt. Nếu thọ trì pháp đó tức không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thể dụng hết sức mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng, có thể khiến các cái tham dục đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên khởi cùng khởi, sinh cùng sinh, tụ tập xuất hiện, vui mừng ưa thích, mong cầu tiến tới. Người ấy do phát

khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do phát sinh sức siêng năng tinh tấn như thế, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành, tâm vui thích cùng hành, tâm gắng sức cùng hành, tâm không thấp kém cùng hành, tâm không tối tăm cùng hành, tâm xả cùng hành, tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến cho đến chánh định. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên như lý tư duy về công đức của hạnh xuất gia: “Xuất gia như thế là pháp chân thiện, là điều của hàng tôn thắng đã tin hiểu thọ trì. Còn Đức Phật và các đệ tử, các bậc Thiện sĩ hiền quý đều cùng vui mừng khen ngợi. Vì đây là pháp không làm hại mình, hại người, không hại cả hai, là pháp khiến tăng trưởng trí tuệ, không ngăn trí tuệ, không chướng ngại Niết-bàn, có thể sinh thông tuệ, có thể dẫn đến Bồ-đề, có thể chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các cái tham dục đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên như lý tư duy: “Cái tham dục kia như bệnh hoạn, như ung nhọt, như mũi tên độc não hại, luôn là vô thường, khổ, không, vô ngã, chuyển động, lao nhọc, suy khôn, là pháp mất tan, nhanh chóng trôi qua không dừng, hao tổn hư tán, không hằng trụ, không thể giữ gìn tin tưởng, là pháp biến hoại”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các cái tham dục đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các cái tham dục đã sinh, nên như lý tư duy: “Diệt là tịch tĩnh, Đạo tức có thể xuất ly, giải thoát”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho các cái tham dục đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các cái tham dục đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Như cái tham dục, bốn thứ còn lại (sân giận, hôn trầm - thùỵ miên, trạo cử - ố tác, nghi) cũng như vậy. Có sự sai biệt là nên nói về tên gọi của mỗi thứ.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên như lý tư duy: “Các pháp ác bất thiện ấy có nhiều lỗi lầm tai họa, là pháp bất thiện, là điều của kẻ thấp hèn đã tin hiểu thọ trì v.v..., nói rộng cho đến không chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh

thắng có thể khiến cho các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh.

Phát khởi những mong muốn: Như trước đã nói. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Như trước đã nói rộng.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến cho đến chánh định. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên như lý tư duy về công đức của hạnh xuất gia: “Xuất gia như thế là pháp chân thiện, là điều của hàng tôn thắng đã tin hiểu thọ trì v.v..., nói rộng cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên như lý tư duy: “Các pháp ác bất thiện kia như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v..., nói rộng cho đến là pháp biến hoại”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh, nên như lý tư duy: “Diệt là tịch tĩnh, Đạo tức có thể xuất ly, giải thoát”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh được đoạn trừ vĩnh viễn. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền đoạn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại đã sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 4

Phẩm 7: CHÁNH THẮNG, phần 2

2. Chánh thắng thứ hai: Vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Thế nào là các pháp ác bất thiện chưa sinh?

Đáp: Nghĩa là năm thứ cái vị lai.

Thế nào là nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh nên hành chánh thắng (Chánh cần)?

Đáp: Nghĩa là: *Có Bí-số*, vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý tư duy: “Cái tham dục kia có nhiều lỗi làm tai họa, là pháp bất thiện, là điều của kẻ thấp hèn đã tin hiểu thọ trì. Còn Đức Phật và các đệ tử, các bậc Thiện sĩ hiền quý đều cùng chê trách chán lia. Vì đây là pháp làm hại mình, hại người, hại cả hai, có thể tiêu diệt trí tuệ, có thể ngăn trở loại ấy, có thể làm chướng ngại tịch diệt. Nếu thọ trì pháp đó tức không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thế dụng hết sức mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho các cái tham dục chưa sinh

sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên khởi cùng khởi, sinh cùng sinh, tụ tập xuất hiện, vui mừng ưa thích, mong cầu tiến tới. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do phát sinh sức siêng năng tinh tấn như thế, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành, tâm vui thích cùng hành, tâm gắng sức cùng hành, tâm không thấp kém cùng hành, tâm không tối tăm cùng hành, tâm xả cùng hành, tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến cho đến chánh định. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ về công đức của hạnh xuất gia: “Xuất gia như thế là pháp chân thiện, là điều của hàng tôn thắng đã tin hiểu thọ trì v.v... nói rộng cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói

rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các cái tham dục chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ: “Cái tham dục ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các cái tham dục chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ: “Diệt là tịch tĩnh, Đạo tức có thể xuất ly, giải thoát”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các cái tham dục chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các cái tham dục chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Như cái tham dục, bốn thứ còn lại (sân giận, hôn trầm – thù miên, trạo cử – ô tác, nghi) cũng như vậy. Có sai biệt là nên nói về tên gọi của mỗi thứ.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý tư duy: “Các

pháp ác bất thiện ấy có nhiều lỗi lầm tai họa, là pháp bất thiện, là điều của kẻ thấp hèn đã tin hiểu thọ trì v.v..., nói rộng cho đến không chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên khởi cùng khởi v.v... nói rộng cho đến mong cầu tiến tới. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do phát sinh sức siêng năng tinh tấn như thế, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến cho đến chánh định. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền

ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ về công đức của hạnh xuất gia: “Xuất gia như thế là pháp chân thiện, là điều của hàng tôn thặng tin hiểu thọ trì v.v... nói rộng cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ: “Các pháp ác bất thiện này như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh sẽ không sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên như lý suy nghĩ: “Diệt là tịch tĩnh, Đạo tức có thể xuất ly, giải thoát”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh sẽ không

sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền ngăn trừ các pháp ác bất thiện theo một chủng loại chưa sinh vĩnh viễn không sinh. *Phát khởi những mong muốn v.v... cho đến thúc đẩy tâm, giữ vững tâm*: Đều như trước đã nói.

*

3. Chánh thắng thứ ba: Vì khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Thế nào là các pháp thiện chưa sinh?

Đáp: Nghĩa là bốn tĩnh lự, ba định vô sắc vị lai, cùng pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa.

Thế nào là khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh nên hành chánh thắng (chánh cần)?

Đáp: Nghĩa là: *Có Bí-sô*, vì khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho tướng trạng của các hành nơi tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thể dụng vô cùng mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh, nên khởi cùng khởi, sinh cùng sinh, tụ tập xuất hiện, mong muốn vui mừng, hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn

v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành, tâm vui thích cùng hành, tâm gắng sức cùng hành, tâm không thấp kém cùng hành, tâm không tăm tối cùng hành, tâm xả cùng hành, tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất chưa sinh được sinh.

Như tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai cũng như vậy. Có sai biệt là nên nói về tên của loại ấy.

Lại có Bí-sô, vì khiến cho tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho tướng trạng của các hành nơi tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh, nên khởi cùng khởi v.v... nói rộng cho đến hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba chưa sinh được sinh.

Như Tĩnh lự thứ ba cho đến Vô sở hữu xứ nói rộng cũng như vậy. Có sai biệt là nên nói về tên gọi của mỗi loại.

Lại có Bí-sô, vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho tướng trạng của các hành nơi pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh, nên khởi cùng khởi v.v... nói rộng cho đến hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng

cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa chưa sinh được sinh

*

4. Chánh thắng thứ tư: Vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Thế nào là pháp thiện đã sinh?

Đáp: Nghĩa là bốn tĩnh lự, ba định vô sắc quá khứ, hiện tại, cùng pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa.

Thế nào là vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên hành chánh thắng (Chánh cần)?

Đáp: Nghĩa là: *Có Bí-sô*, vì khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho

tương trạng của các hành nơi tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thể dụng hết sức mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên khởi cùng khởi, sinh cùng sinh, tụ tập xuất hiện, mong muốn vui mừng, hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến cho tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ nhất đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Như tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai cũng như vậy. Có sai biệt là nên nói về tên gọi của mỗi loại.

Lại có Bí-sô, vì khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho tướng trạng của các hành nơi tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v..., nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên khởi cùng khởi v.v... nói rộng cho đến hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến tĩnh lự thứ ba đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Như tĩnh lự thứ ba cho đến Vô sở hữu xứ nói rộng cũng như vậy. Có sai biệt là nên nói về tên gọi của mỗi loại.

Lại có Bí-sô, vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên như lý tư duy: “Có thể khiến cho tướng trạng của các hành nơi pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng”. Tư duy như thế rồi, liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đạo này gọi là pháp Chánh thắng có thể khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng. Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng

Phát khởi những mong muốn: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên khởi cùng khởi v.v... nói rộng cho đến hướng cầu hy vọng. Người ấy do phát khởi các thứ mong muốn như thế, nên liền khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Phát sinh sức siêng năng tinh tấn: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Người ấy do đó liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Thúc đẩy tâm: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên phát sinh sức siêng năng tinh tấn tu

tập tâm hỷ cùng hành v.v... nói rộng cho đến tâm định cùng hành. Người ấy do tu tập tâm như thế, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

Giữ vững tâm: Nghĩa là vì khiến cho pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng, nên giữ vững tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Người ấy đối với đạo như thế đã giữ vững tâm tu tập, tu tập nhiều, nên liền khiến pháp thiện theo một chủng loại tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã sinh được bền trụ, cho đến trí tác chứng.

*

Hỏi: Vì sao 4 thứ này gọi là *Chánh thắng*?

Đáp: Nghĩa là do bốn pháp này không điên đảo nên gọi là *Chánh*. Có sức tăng thượng, đoạn ác tu thiện, nên gọi là *Thắng*.

Lại nữa, bốn pháp này là bình đẳng, chứ không phải là không bình đẳng, đúng thật chắc chắn, như chánh lý, không điên đảo, nên gọi là *Chánh*. Do tăng do thượng, do tối do diệu, đủ công năng lớn, nên gọi là *Thắng*.

Lại nữa, bốn pháp Chánh thắng này là giả kiến lập trên danh tướng để nêu bày, nên gọi là *Chánh thắng*, vì Hằng hà sa Phật và đệ tử đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

Lại nữa, bốn pháp Chánh thắng này, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy

tâm, giữ vững tâm. Vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Đầy đủ công năng như thế, nên gọi là *Chánh thắng*, cũng gọi là *Chánh đoạn*, tức đoạn trừ các thứ biếng trễ.

Phẩm 8: THẦN TÚC, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bì-sô: Có 4 thần túc. *Những gì là bốn?*

1. Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.
2. Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.
3. Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.
4. Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Đó gọi là bốn Thần túc.

*

1. Thần túc thứ nhất: Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu: Thế nào là Dục? Thế nào là Tam-ma-địa? Thế nào là Thắng? Thế nào là Thắng hành để gọi là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu?

Ở đây:

Dục: Nghĩa là dựa vào các pháp thiện tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã khởi dục (mong muốn), vui mừng ưa thích, mong cầu tiến tới, đó gọi là Dục.

Tam-ma-địa: Nghĩa là Dục tăng thượng đã khởi tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, đó gọi là Tam-ma-địa.

Thắng: Nghĩa là Dục tăng thượng đã khởi tám chi Thánh đạo, đó gọi là Thắng.

Thắng hành: Nghĩa là: *Như có Bí-sô* dựa vào Dục quá khứ đạt được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh vĩnh viễn không sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín, hoặc khinh an, hoặc niệm, hoặc chánh tri, hoặc tư, hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Như dựa vào Dục quá khứ, dựa vào Dục vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn v.v... nói rộng cũng như vậy.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi không Lạc dục (vui thích mong muốn), khởi suy nghĩ: “Ta nay không nên đối với các pháp thiện trụ nơi không Lạc dục. Theo lý ta nên đối với các pháp thiện trụ nơi Lạc dục”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên

được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Dục ác, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Dục ác. Theo lý ta nên đoạn trừ Dục ác, tu tập Dục thiện”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Dục ác cùng hành với tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Dục ác cùng hành với tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Dục ác cùng hành với tham sân si, tu tập Dục thiện cùng hành với không tham, không sân, không si”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Dục ác không lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Dục ác không lìa tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Dục ác không lìa tham sân si, tu tập Dục thiện lìa tham sân si”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Lạc dục, khởi suy nghĩ: “Ta nay đối với các pháp thiện trụ nơi Lạc dục như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Dục thiện, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Dục thiện như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến

hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bi-sô sinh khởi Dục thiện cùng hành với không tham, không sân, không si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Dục thiện cùng hành với không tham, không sân, không si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bi-sô sinh khởi Dục thiện lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Dục thiện lìa tham sân si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Dục đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Dục Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Dục Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Tất cả các thứ Dục Tam-ma-địa đều từ Dục sinh khởi, là nơi tụ tập của Dục, là chủng loại của Dục, là Dục đã sinh ra, nên gọi là *Thần túc Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu*.

2. Thần túc thứ hai: Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu: Thế nào là Cần? Thế nào là Tam-ma-địa? Thế nào là Thắng? Thế nào là Thắng hành để gọi là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu?

Ở đây:

Cần: Nghĩa là dựa vào các pháp thiện tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã khởi sức siêng năng tinh tấn, thể dụng hết sức mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng, đó gọi là Cần.

Tam-ma-địa: Nghĩa là Cần tăng thượng đã khởi tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, đó gọi là Tam-ma-địa.

Thắng: Nghĩa là Cần tăng thượng đã khởi tám chi Thánh đạo, đó gọi là Thắng.

Thắng hành: Nghĩa là: *Như có Bí-sô* dựa vào Cần quá khứ đạt được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Như dựa vào Cần quá khứ, dựa vào Cần vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn v.v... nói rộng cũng như vậy.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Cần quá yếu kém, suy nghĩ: “Ta nay không nên đối với các pháp thiện trụ nơi Cần quá

yếu kém. Theo lý ta nên đối với các pháp thiện trụ nơi Cần không quá yếu kém”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần ác, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Cần ác. Theo lý ta nên đoạn trừ Cần ác, tu tập Cần thiện”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần ác cùng hành với tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Cần ác cùng hành với tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Cần ác cùng hành với tham sân si, tu tập Cần thiện cùng hành với không tham, không sân, không si”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần ác không lia tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Cần ác không lia tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Cần ác không lia tham sân si, tu tập Cần thiện lia tham sân si”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Cần không thấp cho đến không quá kém, suy nghĩ: “Ta nay đối với các pháp thiện trụ nơi Cần như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần thiện, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Cần thiện như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Cần

Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần thiện cùng hành với không tham, không sân, không si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Cần thiện cùng hành với không tham, không sân, không si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Túc Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Cần thiện lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Cần thiện lìa tham sân si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Cần đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Cần Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Cần Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Túc Thắng hành này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói, gọi chung là Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Tất cả các thứ Cần Tam-ma-địa đều từ Cần sinh khởi, là nơi tụ tập của Cần, là chủng loại của Cần, là Cần đã sinh ra, nên gọi là *Thần túc Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu*.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TÚC

QUYỂN 5

Phẩm 8: THẦN TÚC, phần 2

3. Thần túc thứ ba: Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu: Thế nào là Tâm? Thế nào là Tam-ma-địa? Thế nào là Thắng? Thế nào là Thắng hành để gọi là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu?

Ở đây:

Tâm: Nghĩa là dựa vào pháp thiện tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa đã khởi tâm ý thức, đó gọi là Tâm.

Tam-ma-địa: Nghĩa là Tâm tăng thượng đã khởi tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, đó gọi là Tam-ma-địa.

Thắng: Nghĩa là Tâm tăng thượng đã khởi tám chi Thánh đạo, đó gọi là Thắng.

Thắng hành: Nghĩa là: *Như có Bí-sô* dựa vào Tâm quá khứ đạt được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó

gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Như dựa vào Tâm quá khứ, dựa vào Tâm hiện tại, vị lai, thiện, bất thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn v.v... nói rộng cũng như vậy.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Tâm quá yếu kém, khởi suy nghĩ: “Ta nay không nên đối với các pháp thiện trụ nơi Tâm quá yếu kém. Theo lý ta nên đối với các pháp thiện trụ nơi Tâm không quá yếu kém”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm ác, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Tâm ác. Theo lý ta nên đoạn trừ Tâm ác, tu tập Tâm thiện”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm ác cùng hành với tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Tâm ác cùng hành với tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Tâm ác cùng hành với tham sân si, tu tập Tâm thiện cùng hành với không tham, không sân, không si”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm ác không lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Tâm ác không lìa tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Tâm ác không lìa tham sân si, tu tập Tâm thiện lìa tham sân si”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Tâm không yếu kém, khởi suy nghĩ: “Ta nay đối với các pháp thiện đã trụ nơi Tâm không yếu kém như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng

cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm thiện, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Tâm thiện như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm thiện cùng hành với không tham, không sân, không si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Tâm thiện cùng hành với không tham, không sân, không si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Tâm thiện lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Tâm thiện lìa tham sân si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Tâm đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi, vì

nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v... nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Tất cả các thứ Tâm Tam-ma-địa đều từ Tâm dậy khởi, là nơi tụ tập của Tâm, là chủng loại của Tâm, là Tâm đã sinh ra, nên gọi là *Thần túc Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu*.

*

4. Thần túc thứ tư: Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu: Thế nào là Quán? Thế nào là Tam-ma-địa? Thế nào là Thắng? Thế nào là Thắng hành để gọi là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu?

Ở đây:

Quán: Nghĩa là dựa vào pháp thiện được tạo nên do hạnh xuất gia, xa lìa, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng, lựa chọn tận cùng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, thông đạt sáng tỏ thâm xét tường tận, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Quán.

Tam-ma-địa: Nghĩa là Quán tăng thượng đã khởi tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, đó gọi là Tam-ma-địa.

Thắng: Nghĩa là Quán tăng thượng đã khởi tám chi Thánh đạo, đó gọi là Thắng.

Thắng hành: Nghĩa là: *Như có Bí-sô* dựa vào Quán quá khứ đạt được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh,

nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Như dựa vào Quán quá khứ, dựa vào Quán vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn v.v... nói rộng cũng như vậy.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Quán không kỹ, suy nghĩ: “Ta nay không nên đối với các pháp thiện trụ nơi Quán không kỹ. Theo lý ta nên đối với các pháp thiện trụ nơi Quán kỹ lưỡng”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán ác, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Quán ác. Theo lý ta nên đoạn trừ Quán ác, tu tập Quán thiện”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán ác cùng hành với tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Quán ác cùng hành với tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Quán ác cùng hành với tham sân si, tu tập Quán thiện cùng hành với không tham, không sân, không si”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán ác không lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay không nên sinh khởi Quán ác không lìa tham sân si. Theo lý ta nên đoạn trừ Quán ác không lìa tham sân si, tu tập Quán thiện lìa tham sân si”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện trụ nơi Quán kỹ, khởi suy nghĩ: “Ta nay đối với các pháp thiện trụ nơi Quán kỹ như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện

có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán thiện, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Quán thiện như thế thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán thiện cùng hành với không tham, không sân, không si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Quán thiện cùng hành với không tham, không sân, không si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Lại có Bí-sô sinh khởi Quán thiện lìa tham sân si, suy nghĩ: “Ta nay sinh khởi Quán thiện lìa tham sân si thật là đúng lý”. Người ấy do sức tăng thượng của Quán đó nên được Tam-ma-địa, gọi là Quán Tam-ma-địa. Người ấy đã thành tựu Quán Tam-ma-địa rồi, vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn v.v..., nói rộng cho đến vì khiến các pháp thiện đã sinh được

bền trụ v.v... cho đến giữ vững tâm. Người ấy hiện có dục, hoặc cần, hoặc tín v.v cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hành. Tức Thắng hành này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu.

Tất cả các thứ Quán Tam-ma-địa đều từ Quán dấy khởi, là nơi tụ tập của Quán, là chủng loại của Quán, là Quán đã sinh ra, nên gọi là *Thần túc Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu*.

*

Hỏi: Vì sao 4 thứ trên gọi là *Thần túc*?

Đáp: Ở đây, *Thần*: Nghĩa là thần hiện có, đã có tánh thần, sẽ có tánh thần, đang có tánh thần. Pháp kia tức là biến một thành nhiều, hoặc nhiều thành một, hoặc hiện hoặc ẩn, trí kiến đã biến. Các vật ngăn ngại dày cứng như tường gạch vách đá v.v..., thân có thể chui qua không chút trở ngại. Hoặc đi nơi hư không, hoặc có thể vào sâu nơi lòng đất, hoặc hiện hoặc mất tự tại vô ngại, chuyển biến tự tại, diệu dụng khó lường, nên gọi là *Thần*. *Túc*: Nghĩa là đối với pháp ấy tinh chuyên tu tập, không gián không đoạn, cho đến thành tựu, có thể sinh khởi pháp ấy, có thể làm chỗ dựa cho pháp ấy, nên gọi là *Túc*.

Lại nữa, bốn thắng định này cũng gọi là *Thần*, cũng gọi là *Túc*, thể dụng thật khó lường, có thể làm chỗ dựa cho thắng đức.

Lại nữa, bốn thần túc là giả kiến lập, theo danh tướng ngôn thuyết gọi là *Thần Túc*. Phật cùng đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng, đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

Lại nữa, bốn thần túc tức là bốn Tam-ma-địa Dục, Cần, Tâm, Quán đã nói trước đây với thắng hành thành tựu, gọi chung là *Thần Túc*.

Phẩm 9: NIỆM TRỤ, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn vùng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Ta sẽ vì các Bí-sô lược nói về sự tu tập 4 pháp Niệm trụ (Thân, Thọ, Tâm, Pháp).

Nghĩa là như có Bí-sô, đối với nội thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian. Đối với ngoại thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian. Đối với nội ngoại thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian. Đối với nội, ngoại của ba thứ Thọ, Tâm, Pháp, nói rộng cũng như vậy.

Là hiện tu tập 4 pháp Niệm trụ, các Bí-sô quá khứ, vị lai tu tập 4 pháp Niệm trụ nên biết cũng như vậy.

*

1. Niệm trụ thứ nhất:

Thế nào là đối với nội thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội thân: Nghĩa là tự thân hiện đang nối tiếp hoạt động, đã được không mất.

Đối với nội thân này, tuần tự quán về thân: Nghĩa là: Như có Bí-sô, đối với nội thân này, từ chân đến đầu, tùy theo từng nơi, từng bộ phận quan sát tư duy về vô số các thứ bất tịnh đầy những uế tạp. Tức là trong thân này chỉ có các thứ như tóc, lông, răng,

móng cái bản, da, thịt, gân, mạch máu, xương tủy, xương đùi, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, mỡ lỏng, óc não, màng nhầy, máu mù, mỡ bụng, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, hai tạng sinh thực, đại tiểu tiện. Lúc tư duy về các tướng bất tịnh như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng, lựa chọn tận cùng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, thông đạt sáng tỏ thâm xét tường tận, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*.

Thành tựu quán này, hiện hành, tùy hành, hành khắp, tùy hành khắp, chuyển động, hiểu rõ về hành, nên gọi là *Trụ*.

Người hành quán này, có thể phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thể dụng dũng mãnh, khó ngăn cản được, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Lại có thể đối với pháp ấy thêm nhanh chóng, tháo vác, gọi là đầy đủ *Chánh cần*.

Người hành quán này, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Lại có thể đối với hành tác này đã sinh khởi thắng tuệ, chuyển thành thượng phẩm, thượng thắng, tốt cùng, có thể viên mãn, viên mãn tận cùng, gọi là đầy đủ *Chánh tri*.

Người hành quán này, đủ niệm, tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên, không mất, không sót, không làm, tánh không mất pháp, tánh ghi tâm sáng, gọi là đầy đủ *Chánh niệm*.

Đối với các cảnh dục khởi các thứ tham cùng tham, cầm nắm, cất giữ, phòng hộ, chấp chặt, yêu mến, say đắm, ham thích, mong cầu, nội tâm trôi buộc, tụ tập các khổ, là chủng loại tham, sinh ra tham, gọi chung là *Tham*.

Tiếp xúc thuận theo ưu thọ, tâm khởi lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về lo lắng, gọi chung là *Ưu*.

Người hành quán này, khi tu pháp quán, đối với hai thứ tham ưu của thế gian đã khởi, có thể đoạn trừ, nhận biết khắp, xa lìa, xa lìa cùng tận, điều phục, điều phục cùng tột, diệt trừ hết hẳn, nên gọi là *Trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*.

Lại có Bí-sô, đối với nội thân này quan sát tư duy về các giới sai biệt. Nghĩa là nơi thân ấy chỉ có các thứ giới như đất, nước, lửa, gió, không và thức. Lúc tư duy về tướng của các giới như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, đối với nội thân này quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là nơi thân ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt, như mũi tên độc não hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, luôn chuyển động không dứt, mệt mỏi suy khốn, là pháp mất mát hư tán, nhanh chóng không dừng, luôn suy tôn, không thường hằng, không thể tin giữ, là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của thân như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với ngoại thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Ngoại thân: Nghĩa là tự thân nếu ở trong sự nối tiếp hiện có, chưa được đã mất, cùng với các thân tướng hiện có của hữu tình khác.

Đối với ngoại thân này, tuần tự quán về thân: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với bên trong thân của người khác, từ chân đến đầu, tùy

theo từng nơi, từng bộ phận quan sát tư duy về vô số các thứ bất tịnh đầy những cấu uế. Tức là trong thân này chỉ có các thứ như tóc, lông, răng, móng v.v... nói rộng cho đến đại tiểu tiện. Lúc tư duy về các tướng bất tịnh như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*.

Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, đối với bên trong thân của người khác quan sát tư duy về các giới sai biệt. Nghĩa là nơi thân kia chỉ có các thứ giới như đất, nước, lửa, gió, không và thức. Lúc tư duy về tướng của các giới như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, đối với bên trong thân của người khác quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là nơi thân kia như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của thân như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với nội ngoại thân này, tuần tự quán về thân, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội thân: Tức như trước đã nói. *Ngoại thân:* Tức đều như trước đã nói. Hợp chung hai thứ gọi là *Nội ngoại thân*.

Đối với nội ngoại thân này, tuần tự quán về thân: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, hợp cả thân mình và thân người khác chung làm một nhóm, từ chân đến đầu, tùy theo từng nơi, từng bộ phận quan sát tư duy về vô số các thứ bất tịnh đầy những cấu uế. Tức là nơi thân đây kia chỉ có các thứ như tóc, lông, răng, móng v.v... nói rộng cho đến đại tiểu tiện. Lúc tư duy về các tướng bất tịnh của thân như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, hợp cả thân mình và thân người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy về các giới sai biệt. Nghĩa là nơi thân đây kia chỉ có các thứ giới như đất, nước, lửa, gió, không và thức. Lúc tư duy về tướng của các giới như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, hợp cả thân mình và thân người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi làm tai họa. Nghĩa là nơi thân đây kia như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi làm tai họa của thân như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại thân*, cũng gọi là *Thân niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

2. Niệm trụ thứ hai:

Thế nào là đối với nội thọ này, tuần tự quán về thọ, trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội thọ: Nghĩa là tự thọ hiện đang nối tiếp hoạt động, đã được không mất.

Đối với nội thọ này, tuần tự quán về thọ: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với nội thọ này quan sát tư duy về các tướng của thọ ấy. Tức lúc thọ nhận vui, nhận biết đúng như thật là ta thọ nhận vui. Lúc thọ nhận khổ, nhận biết đúng như thật là ta thọ nhận khổ. Lúc thọ nhận không khổ không vui cũng như thế. Khi thân thọ nhận vui, nhận biết đúng như thật là thân ta đã thọ nhận vui. Khi thân thọ nhận khổ, nhận biết đúng như thật là thân ta đã thọ nhận khổ. Khi thân thọ nhận không khổ không vui cũng như thế. Lúc tâm thọ nhận vui, lúc tâm thọ nhận khổ, lúc tâm thọ nhận không khổ không vui, cũng đều nhận biết đúng như thật. Khi thọ nhận có vị vui, khi thọ nhận có vị khổ, khi thọ nhận có vị không khổ không vui, cũng đều nhận biết đúng như thật. Lúc thọ nhận không có vị vui, lúc thọ nhận không có vị khổ, lúc thọ nhận không có vị không khổ không vui, cũng đều nhận biết đúng như thật. Khi thọ nhận vui dựa vào tham đắm, khi thọ nhận khổ dựa vào tham đắm, khi thọ nhận không khổ không vui dựa vào tham đắm, cũng đều nhận biết đúng như thật. Lúc thọ nhận vui dựa nơi xuất ly, lúc thọ nhận khổ dựa nơi xuất ly, lúc thọ nhận không khổ không vui dựa nơi xuất ly, cũng đều nhận biết đúng như thật. Khi tư duy về các tướng của nội thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội thọ*, cũng gọi là *Thọ niệm trụ*.

Thành tựu quán này, hiện hành, tùy hành v.v... cho đến hiểu rõ về hành, gọi là *Trụ*.

Người hành quán này, có thể phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến: Lại có thể đối với pháp ấy thêm nhanh chóng, tháo vác, gọi là đầy đủ *Chánh cần*.

Người hành quán này, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn v.v... cho đến có thể viên mãn, viên mãn tận cùng, gọi là đầy đủ *Chánh tri*.

Người hành quán này, đủ niệm, tùy niệm v.v... cho đến tánh ghi tâm sáng, gọi là đầy đủ *Chánh niệm*.

Đối với các cảnh dục khởi các thứ tham cùng tham v.v... cho đến là chủng loại tham, sinh ra tham, gọi chung là *Tham*.

Tiếp xúc thuận theo ưu thọ, tâm khởi lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về lo lắng, gọi chung là *Ưu*.

Người hành quán này, khi tu pháp quán, đối với hai thứ tham ưu của thế gian đã khởi, có thể đoạn trừ, nhận biết khắp v.v... cho đến diệt trừ hết hẳn, nên gọi là *Trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*.

Lại có Bí-sô, đối với nội thọ này quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các thọ ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội thọ*, cũng gọi là *Thọ niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với ngoại thọ này, tuần tự quán về thọ, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Ngoại thọ: Nghĩa là tự thọ nếu ở trong sự nổi tiếp hiện có, chưa được đã mất, cùng với các thọ hiện có của hữu tình khác.

Đối với ngoại thọ này, tuần tự quán về thọ: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với các thọ của người khác quan sát tư duy về các tướng

của ngoại thọ. Lúc thọ nhận vui, thọ nhận khổ, thọ nhận không khổ không vui, đều nhận biết đúng như thật v.v... nói rộng cho đến lúc thọ nhận vui, khổ, không khổ không vui dựa nơi xuất ly, đều nhận biết đúng như thật. Lúc tư duy về các tướng của ngoại thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại thọ*, cũng gọi là *Thọ niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, đối với ngoại thọ này quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các thọ ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại thọ*, cũng gọi là *Thọ niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với nội ngoại thọ này, tuần tự quán về thọ, trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội thọ: Tức như trước đã nói. *Ngoại thọ*: Tức đều như trước đã nói. Hợp chung hai thứ gọi là *Nội ngoại thọ*.

Đối với nội ngoại thọ này, tuần tự quán về thọ: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, hợp cả thọ của mình và người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy về các tướng của thọ nơi mình và người khác. Lúc thọ nhận lạc thọ, khổ thọ, thọ nhận thọ không khổ không lạc, đều nhận biết đúng như thật v.v..., nói rộng cho đến lúc thọ nhận lạc dựa nơi xuất ly, thọ nhận khổ dựa nơi xuất ly, thọ nhận không khổ không lạc dựa nơi xuất ly, đều nhận biết đúng như thật. Lúc tư duy về các tướng của thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần*

tự quán về nội ngoại thọ, cũng gọi là Thọ niệm trụ. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, hợp cả thọ của mình và người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các thọ đây kia như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của thọ như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Tuân tự quán về nội ngoại thọ, cũng gọi là Thọ niệm trụ. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

*

3. Niệm trụ thứ ba:

Thế nào là đối với nội tâm này, tuân tự quán về tâm, trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội tâm: Nghĩa là tự tâm hiện đang nối tiếp hoạt động, đã được không mất.

Đối với nội tâm này, tuân tự quán về tâm: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với nội tâm này quan sát tư duy về các tướng của tâm ấy. Nơi nội tâm có tham, nội tâm lìa tham, nơi nội tâm có sân, nội tâm lìa sân, nơi nội tâm có si, nội tâm lìa si, cũng đều nhận biết đúng như thật. Nơi nội tâm có tụ, nội tâm có tán, nơi nội tâm có chìm đắm, nội tâm có thúc đẩy, nơi nội tâm có nhỏ nhặt, nội tâm có lớn lao, nơi nội tâm có lay động, nội tâm không có lay động, nơi nội tâm không tĩnh, nội tâm tĩnh, nơi nội tâm không định, nội tâm định, nơi nội tâm không tu, nội tâm có tu, nơi nội tâm không giải thoát, nội tâm giải thoát, tất cả cũng đều nhận biết đúng như thật. Lúc tư duy về các tướng của nội tâm như thế, đối với các

pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*.

Thành tựu quán này, hiện hành, tùy hành v.v... cho đến hiểu rõ về hành, gọi là *Trụ*.

Người hành quán này, có thể phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến: Lại có thể đối với pháp ấy thêm nhanh chóng, tháo vác, gọi là đầy đủ *Chánh cần*.

Người hành quán này, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn v.v... cho đến có thể viên mãn, viên mãn tận cùng, gọi là đầy đủ *Chánh tri*.

Người hành quán này, đủ niệm, tùy niệm v.v... cho đến tánh ghi tâm sáng, gọi là đầy đủ *Chánh niệm*.

Đối với các cảnh dục khởi các thứ tham cùng tham v.v... cho đến là chủng loại tham, sinh ra tham, gọi chung là *Tham*.

Khi tiếp xúc thuận theo ưu thọ, tâm khởi lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về lo lắng, gọi chung là *Ưu*.

Người hành quán này, khi tu pháp quán, đối với hai thứ tham ưu của thế gian đã khởi, có thể đoạn trừ và nhận biết khắp v.v... cho đến diệt trừ hết hẳn, nên gọi là *Trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*.

Lại có *Bí-sô*, đối với nội tâm này quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các tâm ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của tâm như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với ngoại tâm này, tuần tự quán về tâm, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Ngoại tâm: Nghĩa là tự tâm nếu ở trong sự nối tiếp hiện có, chưa được đã mất, cùng với các tâm hiện có của hữu tình khác.

Đối với ngoại tâm này, tuần tự quán về tâm: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với các tâm của người khác quan sát tư duy về các tướng của ngoại tâm. Nơi ngoại tâm có tham nhận biết đúng như thật là tâm ấy có tham v.v... nói rộng cho đến nơi ngoại tâm có giải thoát thì nhận biết đúng như thật là tâm ấy có giải thoát. Lúc tư duy về các tướng của ngoại tâm như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Lại có Bí-sô, đối với ngoại tâm này quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các tâm ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của tâm như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với nội ngoại tâm này, tuần tự quán về tâm, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội tâm: Tức như trước đã nói. *Ngoại tâm:* Tức cũng như trước đã nói. Hợp cả hai thứ đó gọi chung là *Nội ngoại tâm*.

Đối với nội ngoại tâm này, tuần tự quán về tâm: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, hợp cả tâm mình và tâm người khác chung làm một nhóm,

quan sát tư duy về các tướng của tâm mình và tâm người khác. Nơi tâm có tham thì nhận biết đúng như thật là tâm có tham v.v... nói rộng cho đến nơi tâm có giải thoát thì nhận biết đúng như thật là tâm có giải thoát. Lúc tư duy về các tướng của tâm như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Lại có *Bí-sô*, hợp cả tâm mình và tâm người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các tâm ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của tâm như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại tâm*, cũng gọi là *Tâm niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 6

Phẩm 9: NIỆM TRỤ, phần 2

4. Niệm trụ thứ tư:

Thế nào là đối với nội pháp này, tuần tự quán về pháp, trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội pháp: Nghĩa là tướng uẩn, hành uẩn của mình, hiện đang nổi tiếp hoạt động, đã được không mất.

Đối với nội pháp này, tuần tự quán về pháp: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với pháp của năm thủ uẩn bên trong quan sát tư duy về các tướng của nội pháp ấy. Như nơi bên trong có cái (sự ngăn che) tham dục thì nhận biết đúng như thật là ta có cái tham dục. Nơi bên trong không có cái tham dục thì nhận biết đúng như thật là ta không có cái tham dục. Lại nhận biết đúng như thật về cái tham dục bên trong chưa sinh thì sinh, đã sinh thì đoạn trừ, đã đoạn trừ rồi thì về sau không còn sinh nữa. Lúc tư duy về các tướng của nội pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*.

Thành tựu quán này, hiện hành, tùy hành v.v... cho đến hiểu rõ về hành, gọi là *Trụ*.

Người hành quán này, có thể phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến: Lại có thể đối với pháp ấy thêm nhanh chóng, tháo vác, gọi là đầy đủ *Chánh cần*.

Người hành quán này, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn v.v... cho đến có thể viên mãn, viên mãn tận cùng, gọi là đầy đủ *Chánh tri*.

Người hành quán này, đủ niệm, tùy niệm v.v... cho đến tánh ghi tâm sáng, gọi là đầy đủ *Chánh niệm*.

Đối với các cảnh dục khởi các thứ tham cùng tham v.v... cho đến là chủng loại tham, sinh ra tham, gọi chung là *Tham*.

Khi tiếp xúc thuận theo ưu thọ, tâm khởi lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về lo lắng, gọi chung là *Ưu*.

Người hành quán này, khi tu pháp quán, đối với hai thứ tham ưu của thế gian đã khởi, có thể đoạn dứt, nhận biết khắp v.v... cho đến diệt trừ hết hẳn, nên gọi là *Trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*.

Như nói về cái tham dục bên trong, nói về các cái bên trong còn lại như giận dữ, hôn trầm thùy miên, trạo cử ô tác, nghi cũng như vậy.

Lại có *Bí-sô*, đối với sáu pháp kiết bên trong quan sát tư duy về các tướng của nội pháp ấy. Như đối với bên trong có nhãn kiết thì nhận biết đúng như thật là bên trong có nhãn kiết. Như bên trong không có nhãn kiết thì cũng nhận biết đúng như thật là bên trong không có nhãn kiết. Lại nhận biết đúng như thật là nhãn kiết bên trong ấy chưa sinh thì sinh, đã sinh thì đoạn trừ, đoạn trừ rồi thì về sau không còn sinh nữa. Lúc tư duy về nội pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Điều như trước đã nói. Như nói về nhãn kiết bên trong, nói về năm kiết bên trong còn lại cũng như vậy.

Lại có Bí-sô, đối với pháp bảy đẳng giác chi bên trong quan sát tư duy về các tướng của nội pháp ấy. Như đối với bên trong có giác chi niệm thì nhận biết đúng như thật là bên trong có giác chi niệm. Như bên trong không có giác chi niệm thì cũng nhận biết đúng như thật là bên trong không có giác chi niệm. Lại nhận biết đúng như thật bên trong có giác chi niệm chưa sinh thì sinh, đã sinh thì được bền trụ không quên, tu tập đầy đủ, bội tăng rộng lớn khiến trí tác chứng. Lúc tư duy về nội pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói. Như nói về giác chi niệm bên trong, nói về sáu giác chi bên trong còn lại cũng như vậy.

Lại có Bí-sô, đối với các tướng uẩn, hành uẩn bên trong đã nói, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các uẩn ấy như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian*: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với ngoại pháp này, tuần tự quán về pháp, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Ngoại pháp: Nghĩa là tướng uẩn và hành uẩn của mình, hiện đang nối tiếp hoạt động, chưa được đã mất, cùng với các tướng uẩn, hành uẩn của hữu tình khác.

Đối với ngoại pháp này, tuần tự quán về pháp: Nghĩa là: *Như có Bí-sô*, đối với pháp của năm thủ uẩn nơi người khác, quan sát tư duy về các tướng của ngoại pháp ấy. Như bên ngoài có cái tham dục

thì nhận biết đúng như thật là bên ngoài có cái tham dục. Nơi bên ngoài không có cái tham dục thì cũng nhận biết đúng như thật là bên ngoài không có cái tham dục. Lại nhận biết đúng như thật về cái tham dục bên ngoài chưa sinh thì sinh, đã sinh thì đoạn trừ, đoạn trừ rồi thì về sau không còn sinh nữa. Lúc tư duy về ngoại pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*.

Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Như nói về cái tham dục bên ngoài, nói về bốn thứ cái bên ngoài còn lại cũng như vậy.

Lại có Bí-sô, đối với sáu pháp kiết của người khác, quan sát tư duy về các tướng của ngoại pháp ấy. Như đối với bên ngoài có nhãn kiết thì nhận biết đúng như thật là bên ngoài có nhãn kiết. Nơi bên ngoài không có nhãn kiết thì nhận biết đúng như thật là bên ngoài không có nhãn kiết. Lại nhận biết đúng như thật nhãn kiết bên ngoài chưa sinh thì sinh, đã sinh thì đoạn trừ, đoạn trừ rồi thì về sau không còn sinh nữa. Lúc tư duy về ngoại pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói. Như nói về nhãn kiết bên ngoài, nói về năm kiết bên ngoài còn lại cũng như vậy.

Lại có Bí-sô, đối với pháp bảy đẳng giác chi của người khác, quan sát tư duy về các tướng của ngoại pháp ấy. Như đối với bên ngoài có giác chi niệm thì nhận biết đúng như thật là bên ngoài có giác chi niệm. Nơi bên ngoài không có giác chi niệm thì nhận biết đúng như thật là bên ngoài không có giác chi niệm. Lại nhận biết đúng như thật giác chi niệm bên ngoài chưa sinh thì sinh, đã sinh thì

vững trụ v.v... nói rộng cho đến trí tác chứng. Lúc tư duy về ngoại pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói. Như nói về giác chi niệm bên ngoài, nói về sáu giác chi bên ngoài còn lại cũng như vậy.

Lại có Bí-sô, đối với các tướng uẩn, hành uẩn bên ngoài đã nói, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các uẩn đó như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. Trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với nội ngoại pháp này, tuần tự quán về pháp, trụ đầy đủ nơi chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian?

Nội pháp: Tức như trước đã nói. *Ngoại pháp*: Tức cũng như trước đã nói. Hợp cả hai thứ ấy gọi chung là *Nội ngoại pháp*.

Đối với nội ngoại pháp này, tuần tự quán về pháp: Nghĩa là: *Như có Bí-sô* hợp cả tướng uẩn, hành uẩn của mình và người khác chung làm một nhóm, quan sát tư duy về tướng của pháp mình và người, tức năm thủ uẩn, sáu kiết, bảy đẳng giác chi bên ngoài, bên trong đã nói với các thứ tướng đây kia, có, không, chưa sinh, đang sinh, sinh rồi, đoạn trừ, đoạn trừ rồi, không còn sinh nữa. Lúc tư duy về các tướng của nội pháp và ngoại pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đầu lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tự quán về nội ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*.

Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian: Đều như trước đã nói.

Lại có *Bí-sô*, hợp cả tướng uẩn, hành uẩn của mình và người khác chung thành một nhóm, quan sát tư duy thấy có nhiều lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các uẩn đây kia như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... nói rộng cho đến là pháp biến hoại. Lúc tư duy về các lỗi lầm tai họa của pháp như thế, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *Tuần tư quán về nội ngoại pháp*, cũng gọi là *Pháp niệm trụ*. *Trụ đầy đủ nơi chánh căn, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian:* Đều như trước đã nói.

Phẩm 10: THÁNH ĐẾ

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú nơi khu rừng Thi Lộc, là xứ luận thuyết của các vị Tiên nhân, thuộc nước Bà-la-ni-tu (Ba-la-nại).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng *Bí-sô*: Có 4 Thánh đế:

1. Đây là khổ Thánh đế. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

2. Đây là khổ tập Thánh đế. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

3. Đây là khổ diệt Thánh đế. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

4. Đây là hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

Lại nữa, này các Bí-sô! Có 4 Thánh đế:

1. Khổ Thánh đế này nên dùng thông tuệ để nhận biết khắp. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

2. Khổ tập Thánh đế này nên dùng thông tuệ để đoạn trừ vĩnh viễn. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

3. Khổ diệt Thánh đế này nên dùng thông tuệ để tác chứng. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

4. Hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế này nên dùng thông tuệ để tu tập. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp.

Lại nữa, này các Bí-sô! Có 4 Thánh đế:

1. Khổ Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ để nhận biết khắp. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh trí nhãn nhận biết rõ khắp.

2. Khổ tập Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ để đoạn trừ vĩnh viễn. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh trí nhãn nhận biết rõ khắp.

3. Khổ diệt Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ để tác chứng. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh trí nhãn nhận biết rõ khắp.

4. Hướng đến khổ diệt đạo Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ để tu tập. Nếu đối với pháp chưa từng nghe như thế, tư duy như lý nhất định có thể phát sinh trí nhãn nhận biết rõ khắp.

Bí-sô nên biết! Ta đối với 4 Thánh đế như vậy, nếu chưa ba lần chuyển với mười hai hành tướng, tức là chưa phát sinh nhãn trí nhận

biết rõ khắp, chưa có thể đối với thế gian của hàng trời, người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, xuất ly, giải thoát, chưa trừ diệt điên đảo để tâm hoàn toàn an trụ, cũng chưa có thể như thật tự xưng nói: “Ta đã chứng được Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng”.

Bí-sô nên biết! Ta đối với 4 Thánh đế như vậy, do đã ba lần chuyển với mười hai hành tướng, tức là đã phát sinh nhãn trí nhận biết rõ khắp, nên có thể đối với thế gian của hàng trời, người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, xuất ly, giải thoát, đã diệt trừ điên đảo, tâm hoàn toàn an trụ, cũng đã có thể như thật tự xưng nói: “Ta đã chứng được Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng”.

Lúc Đức Phật giảng nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-na cùng tám vạn Thiên tử xa lìa phiền não cấu uế, ở trong các pháp sinh mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Phật nói với Tôn giả Kiều-trần-na: “Đối với pháp vừa giảng nói, ông đã hiểu chăng?”. Tôn giả Kiều-trần-na thưa: “Con nay đã hiểu”. Vị thứ hai, thứ ba cũng lại như vậy. Do Kiều-trần-na là người đầu tiên hiểu pháp, nên thế gian cùng gọi vị ấy là A-nhã-đa. Địa thần Dược-xoa nghe những lời ấy vô cùng vui mừng phấn khích, cao giọng nói lớn: “Hôm nay, Đức Phật ở trong rừng Thi Lộc, xứ Tiên nhân luận thuyết, thuộc nước Bà-la-ni-tu, đã thương xót các chúng sinh nơi thế gian này, muốn khiến cho tất cả đều đạt được lợi lạc, nên đã ba lần Chuyển pháp luân, đầy đủ mười hai hành tướng, các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm trong thế gian đều không thể như pháp chuyển được. Do Đức Phật đã chuyển pháp luân vô thượng ấy, nên Tôn giả Kiều-trần-na v.v... đã thấy rõ về Thánh đế. Từ nay, các chúng trời sẽ dần tăng trưởng, còn chúng A-tổ-lạc sẽ dần tổn giảm. Nhân đây, chúng trời, người lần lượt đạt được lợi ích an lạc thù thắng”.

Thần Dược-xoa không hành nghe những âm thanh như thế thì hết sức vui mừng, liền truyền báo cho trời Tứ Đại vương. Thần

Dược-xoa lại cất tiếng lần lượt cùng báo, chỉ trong khoảnh khắc, âm thanh đã đến cõi Phạm thiên. Lúc này, Đại Phạm vương nghe xong, vô cùng hoan hỷ, chúc mừng Đức Phật đã chuyển pháp luân vô thượng, đem lại lợi lạc cho vô lượng các hữu tình.

Ở đây, nói về sự việc chuyển pháp luân thế nên gọi là *Kinh Chuyển Pháp Luân*. Khi đó, năm vị Bí-sô cùng tám vạn Thiên tử nghe kinh rồi đều vui mừng tin nhận phụng hành.

*

1. Thế nào là khổ Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là gồm có các khổ: sinh, già, bệnh, chết, oán ghét gặp nhau, yêu thương phải biệt ly, cầu mong không được, cùng lược nói tắt cả năm thủ uẩn là khổ.

Thế nào là sinh khổ? Sinh: Nghĩa là các hữu tình kia ở trong các tụ hữu tình, các sinh cùng sinh, hướng nhập xuất hiện uẩn, được giới được xứ, được các uẩn sinh, mạng căn khởi, gọi chung là sinh.

Do nhân duyên gì nói sinh là khổ? Nghĩa là các hữu tình khi sinh và sống đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khổ nơi thân, nơi tâm, nơi thân tâm. Đã nhận lãnh thân giữ vô số sự nhiệt nảo nơi thân, nơi tâm, nơi thân tâm. Đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân, nơi tâm, nơi thân tâm, nên nói sinh là khổ. Lại nữa, lúc sinh, sống, phải nhận lấy hai thứ khổ là khổ khổ và hành khổ, nên nói sinh là khổ.

Thế nào là già khổ? Già: Nghĩa là lúc già yếu, tóc rụng, tóc bạc, da mặt nhăn nheo, mình khom, lưng còng, hơi thở gấp vội khò khè, phải chống gậy lần bước, chi thể nổi đầy tàn nhan, suy thoái, mờ chậm, các căn đang biến hoại, các hành đều tổn giảm, gọi chung là già.

Do nhân duyên gì nói già là khổ? Nghĩa là các hữu tình khi già đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khổ nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói già là

khô. Lại nữa, khi già phải nhận lấy ba thứ khô là khô khô, hành khô, hoại khô, nên nói già là khô.

Thế nào là bệnh khô? Bệnh: Nghĩa là các thứ đau đầu, đau mắt, tai, mũi, lưỡi, các thứ bệnh về mặt mày, môi miệng, răng cở, hàm họng, các bệnh phong điên, trúng gió, ho hen, các bệnh cùi, ghẻ lở, trĩ, kiết ly, nóng lạnh, sốt rét, động kinh, nhọt độc, ung bướu, phù thũng v.v..., cùng các thứ bệnh khác dựa nơi thân tâm dấy khởi, gọi chung là bệnh.

Do nhân duyên gì nói bệnh là khô? Nghĩa là các hữu tình khi bệnh đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khô nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói bệnh là khô. Lại nữa, khi bệnh phải nhận lấy hai thứ khô là khô khô và hành khô, nên nói bệnh là khô.

Thế nào là chết khô? Chết: Nghĩa là các hữu tình kia từ nơi các tụ hữu tình đã đời chuyển, hư hoại, thoái mất, biệt ly, hơi nóng của thọ mạng nơi thức diệt, mạng căn bất động, các uẩn tan hoại v.v..., gọi chung là chết.

Do nhân duyên gì nói chết là khô? Nghĩa là các hữu tình khi chết đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khô nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói chết là khô. Lại nữa, khi chết phải nhận lấy ba thứ khô là khô khô, hành khô, hoại khô, nên nói chết là khô.

Thế nào là oán ghét gặp nhau là khô? Oán ghét gặp nhau: Nghĩa là các hữu tình không yêu thương, không ưa thích, không hợp ý, không vừa lòng, nhưng lại cùng kết hợp, cùng ở chung một xứ, không riêng không khác, không phân tán, xa lìa, nhưng phải hòa hợp, tụ tập, gọi chung là oán ghét gặp nhau.

Do nhân duyên gì nói oán ghét gặp nhau là khô? Nghĩa là các hữu tình khi oán ghét gặp nhau đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khô

nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói oán ghét gặp nhau là khổ. Lại nữa, khi oán ghét gặp nhau phải nhận lấy hai thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, nên nói oán ghét gặp nhau là khổ.

Thế nào là yêu thương phải biệt ly là khổ? Yêu thương phải biệt ly: Nghĩa là các hữu tình yêu thương, ưa thích, hợp ý, vừa lòng, nhưng lại không cùng kết hợp, không cùng ở chung một xứ, không cùng làm bạn bè, nhưng phải riêng khác, phân tán, xa lìa, không cùng hòa hợp, tụ tập, gọi chung là yêu thương phải biệt ly.

Do nhân duyên gì nói yêu thương phải biệt ly là khổ? Nghĩa là các hữu tình khi yêu thương phải biệt ly đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khổ nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói yêu thương phải biệt ly là khổ. Lại nữa, khi yêu thương phải biệt ly phải nhận lấy ba thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, nên nói yêu thương phải biệt ly là khổ.

Thế nào là mong cầu không được là khổ? Mong cầu không được: Nghĩa là mong cầu các thứ hợp ý vừa lòng về sắc thanh hương vị xúc, các thứ vật dụng cho đời sống như y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men v.v..., nhưng lại không đạt, không được, không gặp, không thấy, không thành tựu, không hòa hợp, gọi chung là mong cầu không được.

Do nhân duyên gì nói mong cầu không được là khổ? Nghĩa là các hữu tình khi mong cầu không được đã nhận lãnh thân giữ vô số sự khổ nơi thân v.v... nói rộng cho đến đã nhận lãnh thân giữ vô số sự thiêu đốt nơi thân tâm, nên nói mong cầu không được là khổ. Lại nữa, khi mong cầu không được phải nhận lấy hai thứ khổ là khổ khổ và hành khổ, nên nói mong cầu không được là khổ.

Thế nào là lược nói tất cả năm thủ uẩn là khổ? Năm thủ uẩn là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn, gọi chung là năm thủ uẩn.

Do nhân duyên gì nên lược nói tất cả năm thủ uẩn là khổ?
 Nghĩa là năm thủ uẩn này đều là vô thường, chuyển dời, mệt mỏi suy khốn, là pháp mất, tán, nhanh chóng không dừng, luôn suy hao, không thường hằng, không thể tin giữ, là pháp biến hoại, có tăng có giảm, tạm trụ chóng diệt, xưa không nay có, có rồi hoàn không. Do nhân duyên ấy nên lược nói tất cả năm thủ uẩn là khổ.

Như nói các uẩn tánh đều là khổ, vì không an ổn, vì trái ngược với Thánh tâm. Các khổ như thế gọi là Khổ đế: Nghĩa là đây gọi là vô thường thì đúng thật là vô thường. Đây gọi là khổ thì đúng thật là khổ. Nếu Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì pháp khổ như thế vẫn là pháp trụ pháp giới. Tất cả Như Lai đều tự nhiên thông đạt, đẳng giác tuyên thuyết, nêu đặt kiến lập, phân biệt khai thị, khiến chúng hiển bày. Nghĩa là đây là vô thường, đây là khổ, đây là tánh vô thường, đây là tánh của khổ, là chân là thật, là đế là như, không hư không vọng, không điên không đảo, không đôi không khác, nên gọi là Khổ đế.

Gọi là Thánh đế: Thánh tức là chư Phật và đệ tử Phật. Đây là Thánh đế, nghĩa là các vị Thánh ấy đối với các pháp kia (khổ, vô thường v.v...) đều thấy biết, hiểu rõ, chánh giác chúng là đế. Do nhân duyên ấy nên gọi là Thánh đế. Lại nữa, khổ Thánh đế là giả kiến lập theo danh tướng, ngôn thuyết, nên nói là *Khổ Thánh đế*. Phật và các đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

*

2. Thế nào là khổ tập Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là các ái hiện có, ái thân sau, vui thích cùng hành với ái, thấy đều vui thích ái. Như thế là lược nói về khổ tập Thánh đế. Nếu nói rộng tức hai ái, ba ái, lại có ba ái, bốn ái, năm ái, sáu ái, cùng hết thấy các pháp bất thiện, các pháp thiện hữu lậu, tất cả kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là khổ tập Thánh đế.

Do nhân duyên gì các ái hiện có, ái thân sau, vui thích cùng hành với ái, thấy đều vui thích ái đều gọi là khổ tập Thánh đế? Nghĩa là bốn thứ ái này đều là nhân căn bản, là con đường duyên khởi của khổ quá khứ hiện tại vị lai v.v..., nói rộng cho đến thân này hoại rồi do đây làm nhân cho quả khổ sinh khởi, nên nói đều gọi là khổ tập Thánh đế.

Do nhân duyên gì nên hai ái, ba ái, lại có ba ái, bốn ái, năm ái, sáu ái, cùng hết thấy các pháp bất thiện, các pháp thiện hữu lậu, tất cả kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều gọi là khổ tập Thánh đế? Nghĩa là các pháp này đều là nhân căn bản, là con đường duyên khởi của khổ quá khứ hiện tại vị lai v.v..., nói rộng cho đến thân này hoại rồi do đây làm nhân cho quả khổ sinh khởi, nên nói đều gọi là khổ tập Thánh đế.

Như nói ái v.v... đều là nhân của khổ, vì có thể làm căn bản, dẫn đến các khổ. Ái v.v... như thế gọi là Tập đế: Nghĩa là đây gọi là ái v.v... thì đúng thật là ái v.v... Đây gọi là tập thì đúng thật là tập. Nếu Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì pháp tập như vậy vẫn là pháp trụ pháp giới. Tất cả Như Lai đều tự nhiên thông đạt, đẳng giác tuyên thuyết, nêu đặt kiến lập, phân biệt khai thị, khiến chúng hiển bày. Nghĩa là đây là ái v.v..., đây là tập, đây là tánh của ái v.v..., đây là tánh của tập, là chân là thật, là đế là như, không hư không vọng, không điên không đảo, không đổi không khác, nên gọi là Tập đế.

Gọi là Thánh đế: Tức như trước đã nói rộng nơi phần Khổ Thánh đế. Lại nữa, khổ tập Thánh đế là giả kiến lập theo danh tướng, ngôn thuyết, nên nói là *Khổ tập Thánh đế*. Phật và các đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

3. Thế nào là khổ diệt Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là các ái, ái thân sau, vui thích cùng hành với ái, thấy đều vui thích ái đã được đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo, dứt bỏ, loại trừ, lia diệt hết nhiễm chấp, đạt tịch tĩnh hoàn toàn. Như thế là lược nói về khổ diệt Thánh đế. Nếu nói rộng tức hai ái, ba ái v.v... cho đến hết thấy kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều được đoạn dứt vĩnh viễn, rốt ráo, đạt tịch tĩnh hoàn toàn, đều gọi là khổ diệt Thánh đế.

Do nhân duyên gì tức các ái, ái thân sau, vui thích cùng hành với ái, thấy đều vui thích ái đã được đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo v.v... cho đến đạt tịch tĩnh hoàn toàn đều gọi là khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là bốn thứ ái này, nếu chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, chưa tiêu diệt, chưa loại trừ hết, thì quả khổ của hữu sau luôn nối tiếp sinh khởi. Còn nếu đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, đã tiêu diệt, đã loại trừ hết, thì quả khổ của hữu sau không còn sinh khởi, nên sự đoạn dứt vĩnh viễn này gọi là khổ diệt Thánh đế.

Do nhân duyên gì tức hai ái, ba ái v.v..., nói rộng cho đến hết thấy kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền đều được đoạn dứt vĩnh viễn, rốt ráo, đạt tịch tĩnh hoàn toàn đều gọi là khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là các pháp này, nếu chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, chưa tiêu diệt, chưa loại trừ hết, thì quả khổ của hữu sau luôn nối tiếp sinh khởi. Còn như đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, đã tiêu diệt, đã loại trừ hết, thì quả khổ của hữu sau không còn sinh nữa, nên sự đoạn dứt vĩnh viễn này gọi là khổ diệt Thánh đế. Tức khổ diệt Thánh đế này cũng gọi là nhà cửa, cũng gọi là bến bãi, cũng gọi là cứu hộ, cũng gọi là quy y, cũng gọi là nên hướng tới, cũng gọi là vô ưu, cũng gọi là không bệnh, cũng gọi là bất tử, cũng gọi là không thiêu đốt, cũng gọi là không nhiệt não, cũng gọi là an ổn, cũng gọi là mát mẻ, cũng gọi là tịch tĩnh, cũng gọi là việc thiện, cũng gọi là an lành, cũng gọi là an lạc, cũng gọi là bất động, cũng gọi là Niết-bàn. Như nói Niết-bàn là khổ diệt chân thật, là quả vị cứu cánh của các Sa-môn.

Sự đoạn dứt như thế gọi là Diệt đế: Nghĩa là đây gọi là Niết-bàn thì đúng thật là Niết-bàn. Đây gọi là diệt thì đúng thật là diệt. Nếu Phật xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, thì pháp diệt như thế vẫn là pháp trụ pháp giới. Tất cả Như Lai đều tự nhiên thông đạt, đẳng giác tuyên thuyết, nêu đặt kiến lập, phân biệt khai thị, khiến chúng hiển bày. Nghĩa là đây là Niết-bàn, đây là diệt, đây là tánh Niết-bàn, đây là tánh của diệt, là chân là thật, là đế là như, không hư không vọng, không điên không đảo, không đổi không khác, nên gọi là Diệt đế.

Gọi là Thánh đế: Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử của Phật. Đây là đế của chư vị, nghĩa là chư vị đối với đế ấy đều thấy biết, hiểu rõ, chánh giác chúng là đế. Do nhân duyên ấy nên gọi là khổ diệt Thánh đế. Lại nữa, khổ diệt Thánh đế là giả kiến lập theo danh tướng, ngôn thuyết, nên nói là *Khổ diệt Thánh đế*. Phật và các đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

*

4. Thế nào là hướng khổ diệt đạo Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là hoặc đạo, hoặc Thánh hành nơi quá khứ hiện tại vị lai đối với khổ đều có thể đoạn dứt vĩnh viễn, có thể trừ bỏ, có thể biến đổi, diệt hết, có thể lìa cấu nhiễm, có thể đạt tịch tĩnh hoàn toàn. Đây lại là thế nào? Tức là tám chi Thánh đạo, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định.

Thế nào là Chánh kiến? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với các pháp hiện có đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng, lựa chọn tận cùng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, thông đạt sáng tỏ thâm xét tường tận, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Chánh kiến.

Thế nào là Chánh tư duy? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với các tư duy hiện có, cùng tư duy, tư duy gần, tầm cầu, cùng tầm cầu, tầm cầu gần, xét tìm, cùng xét tìm, xét tìm gần, khiến tâm đối với các pháp thô động mà chuyển đổi. Đó gọi là Chánh tư duy.

Thế nào là Chánh ngữ? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với lực xét chọn, nên trừ bỏ bốn hành ác nơi ngữ của tà mạng. Nơi các hành ác khác của ngữ để được vô lậu đều biết xa lìa, xa lìa vượt bậc, xa lìa gần, xa lìa tận cùng, đạt luật nghi tịch tĩnh, không làm, không tạo, từ bỏ phòng hộ, đối với các quy ước ngăn cấm về thuyên bè, cầu đường đều không vượt quá, tánh không vượt quá khuôn phép. Đó gọi là Chánh ngữ.

Thế nào là Chánh nghiệp? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với lực xét chọn, nên trừ bỏ ba hành ác nơi thân của tà mạng. Nơi các hành ác khác của thân để được vô lậu đều biết xa lìa v.v... cho đến thân nghiệp không hiểu hiện. Đó gọi là Chánh nghiệp.

Thế nào là Chánh mạng? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với lực xét chọn, nên trừ bỏ các hành ác nơi thân ngữ hướng đến tà mạng. Nơi các hành ác khác của thân ngữ để được vô lậu đều biết xa lìa v.v... cho đến thân nghiệp, ngữ nghiệp không hiểu hiện. Đó gọi là Chánh mạng.

Thế nào là Chánh cần (Chánh tinh tấn)? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với sức siêng năng tinh tấn hiện có, thể dụng mạnh mẽ, hăng hái tột bậc, rất khó ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là Chánh cần.

Thế nào là Chánh niệm? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với niệm hiện có, tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không thiếu không sót, tánh không mất pháp, tánh ghi tâm sáng. Đó gọi là Chánh niệm.

Thế nào là Chánh định? Nghĩa là đệ tử Phật đối với khổ tập diệt đạo đều tư duy về khổ tập diệt đạo, luôn tác ý vô lậu tương ưng, đối với tâm trụ hiện có, cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, tâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh. Đó gọi là Chánh định.

Như thế là đã nói về tám chi Thánh đạo cùng với các hành vô lậu khác v.v... gọi là đạo hướng đến diệt khổ.

Như nói Thánh hành là đạo chân thật, rốt ráo lià khổ, hướng đến Niết-bàn. Thánh hành như thế gọi là Đạo đế: Nghĩa là đây gọi là Thánh hành thì đúng thật là Thánh hành. Đây gọi là đạo thì đúng thật là đạo. Nếu Phật xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, thì pháp đạo như thế vẫn là pháp trụ pháp giới. Tất cả Như Lai đều tự nhiên thông đạt, đẳng giác tuyên thuyết, nêu đặt kiến lập, phân biệt khai thị, khiến chúng hiển bày. Nghĩa là đây là Thánh hành, đây là đạo, đây là tánh của Thánh hành, đây là tánh của đạo, là chân là thật, là đế là như, không hư không vọng, không điên không đảo, không đổi không khác, nên gọi là Đạo đế.

Gọi là Thánh đế: Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử của Phật. Đây là đế của chư vị, nghĩa là chư vị đối với đế ấy đều thấy biết, hiểu rõ, chánh giác chúng là đế. Do nhân duyên ấy nên gọi là *Hướng khổ diệt đạo Thánh đế*. Lại nữa, hướng khổ diệt đạo Thánh đế là giả kiến lập theo danh tướng, ngôn thuyết, nói là Thánh đế. Phật và các đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng đều cùng thiết lập tên gọi như thế.

Phẩm 11: TĨNH LỰ, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú nơi khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 Thiên đạo, khiến các hữu tình, người chưa tịnh thì được tịnh, người đã tịnh sẽ được tươi trắng. *Những gì là bốn?*

1. Có một loại hữu tình hành thiên đã lia các pháp dục ác bất thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Đó gọi là Thiên đạo thứ nhất.

2. Lại có một loại hữu tình hành thiên tầm tứ cùng tịch tĩnh, các thứ bên trong cùng tịnh, tánh tâm một cõi, không tầm không tứ, định sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ hai. Đó gọi là Thiên đạo thứ hai.

3. Lại có một loại hữu tình hành thiên lia hỷ, trụ nơi xả, chánh niệm, chánh tri, thân thọ nhận lạc, Thánh nói nên xả, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ ba. Đó gọi là Thiên đạo thứ ba.

4. Lại có một loại hữu tình hành thiên đoạn dứt lạc khổ, các hỷ, ưu trước đây đều mất hết, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư. Đó gọi là Thiên đạo thứ tư.

Có 4 Thiên đạo như thế đều khiến các hữu tình chưa tịnh được tịnh, đã tịnh rồi thì tươi trắng.

*

1. Tĩnh lự thứ nhất:

Lìa các pháp dục ác bất thiện:

Thế nào là dục? Tức là tham cũng gọi là dục. Cõi Dục cũng gọi là dục. Năm cảnh dục hơn hết cũng gọi là dục. Nay trong nghĩa này

ý nói năm cảnh dục hơn hết gọi là dục. Vì sao? Vì năm thứ dục hơn hết đó là rất đáng yêu mến, say đắm, mong muốn, ưa thích, tham cầu, trông đợi, càng khiến sâu muộn, hệ thuộc, trói buộc, ở đây gọi là dục. Nhưng năm thứ dục lạc hơn hết này, không phải là Thể thật của dục, Thể thật của dục là dục duyên nơi tham, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Cảnh diệu thế gian không dục thật
Dục thật là người phân biệt tham
Cảnh diệu như gốc trụ thế gian
Người trí ở đây đã trờ dục.*

Tụng này ý nói: Các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc diệu đáng yêu thích ấy không phải là Thể thật của dục. Thể thật của dục là duyên nơi dục, sinh phân biệt tham chấp. Cảnh dục như gốc, người trí ở trong đó gọi là lìa dục.

Như có lúc, Tôn giả Xá-lợi-tử đang giảng nói tụng như thế cho mọi người. Khi đó, có một ngoại đạo tà mạng ở gần đó dùng tụng để vấn nạn Tôn giả Xá-lợi-tử:

*Cảnh diệu đời, nếu không dục thật
Dục thật là người phân biệt tham
Bí-sô nên gọi người thọ dục
Khởi phân biệt ác và suy tìm.*

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-tử đáp lời ngoại đạo kia: Khởi tâm tư ác thật sự gọi là thọ dục. Nhưng các Bí-sô đối với cảnh diệu nơi thế gian đều không hề khởi tâm tư bất thiện để phân biệt. Vậy ông không nên nêu vấn nạn như thế. Rồi Tôn giả dùng tụng trả lời ngoại đạo:

*Nếu cảnh diệu đời là dục thật
Nói dục không người phân biệt tham
Thầy ông nên gọi người thọ dục
Luôn nhìn sắc diệu hợp tâm ý.*

Bấy giờ, ngoại đạo kia im lặng, không thể đáp lại. Vì thầy của ông ta thật sự ưa nhìn các sắc đáng yêu thích. Do đó nên biết dục là do tham chứ không phải do cảnh.

Ngay khi ấy, một cô gái gánh nước đi ngang qua, nghe kệ ấy, liền nói tụng:

*Dục ta biết gốc mảy
Mảy từ phân biệt sinh
Nếu lại không phân biệt
Mảy lại từ đâu khởi?*

Lại có một người thuộc dòng Át-trá-la, nghe bài kệ ấy, cũng nói tụng:

*Mâu-ni an ổn ngủ
Gặp ác không sầu não
Tâm lạc nơi tĩnh lự
Không vui nơi các dục.*

Tụng này ý nói: Các cảnh diệu đáng yêu mến kia đều không phải là dục thật. Đối với cảnh diệu ấy dấy khởi phân biệt tham ái mới là dục thật. Thế nên trong đây nên nêu ra bốn trường hợp: **a.** Có một loại Bồ-đặc-già-la đối với các cảnh dục, thân lìa, tâm chưa lìa: Nghĩa là có một người đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục cà sa, chánh tín xuất gia, thân tham dự cùng hành tác với các pháp lữ, nhưng tâm vẫn luyến tiếc về các dục đã thọ nhận, luôn phát khởi tham ái mãnh liệt, nên người ấy thân xuất gia, nhưng tâm thì chưa xuất. Đó gọi là đối với dục, thân lìa, tâm chưa lìa. **b.** Có một loại Bồ-đặc-già-la đối với các cảnh dục, tâm lìa, thân chưa lìa: Nghĩa là có một người sống với gia đình vợ con thọ dụng các thứ ruộng vườn, nhà cửa, ngọ cụ, các loại hương, chuỗi ngọc, y phục, thức ăn uống đều thượng diệu, cất chứa nhiều thứ vàng bạc, châu báu, sai khiến đám tôi tớ, hoặc có lúc phát khởi sự việc đánh mắng v.v..., nhưng

đối với các dục thì không sinh đắm nhiễm, không dấy khởi tham ái mãnh liệt, nên người ấy thân tại gia, nhưng tâm đã xuất. Đó gọi là đối với dục, tâm lìa, thân chưa lìa. **c.** Có một loại Bồ-đặc-già-la đối với các cảnh dục, thân tâm đều lìa: Nghĩa là có một người đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục cà sa, chánh tín xuất gia, thân thường tham dự hành đạo cùng các pháp lữ, đối với các cảnh dục tâm không hề luyến tiếc, không phát khởi duyên nơi tham ái, mỗi khi mất chánh niệm vừa khởi thì hết sức hối hận xấu hổ, nên người ấy thân đã xuất gia, tâm cũng đã xuất. Đó gọi là đối với dục, thân tâm đều lìa. **d.** Có một loại Bồ-đặc-già-la đối với các cảnh dục, thân tâm đều không lìa: Nghĩa là có một người sống nơi gia đình vợ con thọ dụng các thứ ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm, các thứ hương, chuỗi ngọc, y phục, thức ăn uống đều thượng diệu, cất chứa vô số vàng bạc, châu báu, sai khiến đám tôi tớ, nhiều lúc khởi các việc đánh mắng, nhưng đối với các dục thì rất tham đắm, luôn phát khởi tham ái mãnh liệt, nên người ấy hai thứ thân tâm đều không xuất gia. Đó gọi là đối với dục thân tâm đều không lìa.

Thế nào là lìa dục? Nghĩa là đối với các dục thì xa lìa, xa lìa cùng cực, hoàn toàn không đạt tới, nên gọi là lìa dục.

Thế nào là các pháp ác bất thiện? Đó là năm thứ cái (phiền não có tánh che lấp tâm): Tham dục, giận dữ, hôn trầm thùy miên, trạo cử ô tác, nghi.

Thế nào là cái tham dục? Nghĩa là đối với các dục, khởi các tham cùng tham v.v..., nói rộng cho đến là chủng loại tham, sinh ra các tham, gọi chung là tham. Tham dục như thế đã che phủ tâm, ngăn trở tâm, trói buộc tâm, ẩn giấu tâm, vây bọc trùm lấp tâm, nên gọi là cái. Cái tức là tham dục, nên gọi là cái tham dục.

Thế nào là cái giận dữ? Nghĩa là đối với hữu tình muốn gây tổn hại v.v..., nói rộng cho đến hiện gây ra các lỗi lầm tai họa, gọi chung

là giận dữ. Giận dữ như thế đã che phủ tâm v.v... cho đến vây bọc trùm lấp tâm, nên gọi là cái. Cái tức là giận dữ, nên gọi là cái giận dữ.

Thế nào là cái hôn trầm - thùy miên? Nghĩa là tánh nặng nề của thân tâm, tánh của thân tâm không kham nổi sự việc, tánh hôn trầm của thân tâm lờ mờ, mê muội, gọi chung là hôn trầm. Phẩm tâm bị cấu nhiễm hiện có ngủ nghỉ, mộng寐, không thể nhận giữ công việc, tánh của tâm tối tăm sơ suất, gọi chung là ham ngủ nghỉ (thùy miên). Các thứ hôn trầm - thùy miên đã nói như thế luôn che phủ tâm v.v... cho đến vây bọc trùm lấp tâm, nên gọi là cái. Cái tức là hôn trầm - thùy miên, nên gọi là cái hôn trầm thùy miên.

Thế nào là cái trạo cử - ô tác? Nghĩa là tâm không tịch tĩnh luôn trạo cử, cùng trạo cử, tánh của tâm trạo cử, gọi chung là trạo cử. Phẩm tâm bị cấu nhiễm hiện có tâm biến đổi, tâm áo não, tâm hối hận, ghét việc đã làm, tánh hối hận, gọi chung là ô tác. Các thứ trạo cử - ô tác đã nói như thế luôn che phủ tâm v.v... cho đến vây bọc trùm lấp tâm, nên gọi là cái. Cái tức là trạo cử - ô tác, nên gọi là cái trạo cử - ô tác.

Thế nào là cái nghi? Nghĩa là đối với Phật Pháp Tăng cùng bốn đế khổ tập diệt đạo sinh khởi nghi hoặc, hai phần hai ngã, do dự, bị tên độc của nghi nên không quyết định, không rốt ráo, không xét đoán. Không phải đã một hướng, không phải sẽ một hướng, không phải hiện một hướng, gọi chung là nghi. Tánh nghi như thế luôn che phủ tâm v.v... cho đến vây bọc trùm lấp tâm, nên gọi là cái. Cái tức là nghi, nên gọi là cái nghi.

Thế nào là lia các pháp ác bất thiện? Nghĩa là đối với các pháp ác bất thiện như thế đều xa lia, xa lia cùng cực, hoàn toàn không còn, nên gọi là lia các pháp ác bất thiện.

Có tâm có tứ:

Thế nào là tâm? Nghĩa là người lia dục và các pháp ác bất thiện, tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm hiển bày, hết sức

hiển bày, hiện tiền hiển bày, suy lường, hoạch định, tư duy phân biệt, gọi chung là tâm.

Thế nào là tứ? Nghĩa là người lia dục và các pháp ác bất thiện, tâm luôn dò xét, dò xét khắp, dò xét gần, tùy hành, tùy chuyển, tùy loại, tùy thuộc, gọi chung là tứ.

Tâm và tứ sai biệt: Tánh khiến tâm thô là tâm, tánh khiến tâm tế là tứ. Đây lại là thế nào? Như khi đánh chuông, tiếng kêu lớn vừa phát lên, tiếng kêu nhỏ tùy chuyển. Tiếng kêu lớn dụ cho tâm, tiếng vang nhỏ dụ cho tứ. Các sự việc như rung chuông gõ bát, thổi tù và đánh trống, phóng tên, sấm động có hai thứ tiếng lớn nhỏ để dụ cũng như thế. Lại như bầy chim bay lượn trên không vỗ cánh vượn thân mới bay theo ý được. Vỗ cánh dụ cho tâm, còn vượn thân dụ cho tứ. Đó gọi là hai tướng sai biệt của tâm và tứ.

Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là người lia dục và các pháp ác bất thiện, tâm tương ưng với phẩm có đủ tâm tứ.

Ly sinh hỷ lạc:

Thế nào là ly (lìa)? Nghĩa là lia dục cũng gọi là lìa. Lìa pháp ác bất thiện cũng gọi là lìa. Xuất gia cũng gọi là lìa. Căn thiện nơi cõi Sắc cũng gọi là lìa. Bậc tĩnh lự thứ nhất cũng gọi là lìa. Nay trong nghĩa này nói tĩnh lự thứ nhất gọi là lìa.

Thế nào là hỷ (mừng)? Nghĩa là người lia dục và pháp ác bất thiện, tâm vui, rất vui, hiện tiền rất vui, tánh vui, loại vui, vừa ý hợp ý, tánh hỷ, loại hỷ, thích hòa hợp, không biệt ly, hân hoan, tánh có thể đảm nhận công việc, phấn khích, tánh phấn khích, hoan hỷ, tánh hoan hỷ, gọi chung là hỷ.

Thế nào là lạc (vui)? Nghĩa là người lia dục và pháp ác bất thiện đã đoạn dứt tánh nặng nề của thân tâm, đoạn dứt tánh của thân tâm không thể đảm nhận công việc, đạt được tánh của thân tâm linh

hoạt, mềm dịu, đảm nhận sự việc, lia mọi ngăn che, khinh an, không nóng bức, được thuận hợp, gọi chung là lạc.

Thế nào là ly sinh hỷ lạc? Nghĩa là các thứ hỷ lạc ở trước nhân nơi lia (lia dục v.v...) dựa nương vào lia, đã kiến lập lia, do sức mạnh của lia nên dấy khởi, cùng khởi, phát sinh, cùng sinh, hương nhập, xuất hiện, nên gọi đó là ly sinh hỷ lạc.

Trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất:

Thứ nhất: Nghĩa là tĩnh lự này theo thứ tự là đứng đầu. Lại nữa, tĩnh lự này trong chín loại định thứ đệ thì nó ở hàng thứ nhất.

Tĩnh lự: Nghĩa là ở trong định này, có tầm, tứ, hỷ, lạc, tánh tâm một cảnh, gồm chung năm chi ấy gọi là bậc tĩnh lự thứ nhất. Như có tụng nói:

*Tâm hành theo tham dục
Hoặc lại theo giận dữ
Mà tu tập tĩnh lự
Chư Phật không khen ngợi.
Cái hôn – thùi buộc tâm
Không biết tu tĩnh lự
Thân tướng tuy an tĩnh
Chư Phật không khen ngợi.
Cái tạo – hối buộc tâm
Các căn không tịch tĩnh
Tuy siêng tu tĩnh lự
Chư Phật không khen ngợi.
Trong Tam bảo, bốn đế
Tâm lại luôn do dự
Tuy siêng tu tĩnh lự
Chư Phật không khen ngợi.
Xa lìa dục và ác*

*Tâm tứ đều như lý
 Thân nhu hòa an tĩnh
 Nhận ly sinh hỷ lạc.
 Thân như vira tắm gội
 Khấp mình đều láng sạch
 Không mạnh cũng không yếu
 Nước ái không làm chìm.
 Năm chi như Tâm Tứ
 Hiền Thánh Tiên đã chứng
 Gọi chung: Tĩnh lự một
 Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm ý thức gọi là tĩnh lự thứ nhất cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy, hiện tiền tư duy, đã đang và sẽ tư duy, tâm tạo ý nghiệp, gọi là tĩnh lự thứ nhất cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải, gọi là tĩnh lự thứ nhất cùng có thắng giải.

Ở trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tướng, hoặc dục, hoặc tác ý, hoặc niệm, hoặc định, hoặc tuệ, gọi là tĩnh lự thứ nhất cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là tĩnh lự thứ nhất.

Tên gọi của tĩnh lự thứ nhất này là dựa vào nghĩa nào để lập? Nghĩa là có thể làm vắng lặng tất cả các pháp ác bất thiện và tạp nhiễm khác nơi các pháp hữu lậu như sinh già chết của dị thực khổ sẽ thiêu đốt thân đời sau, nên gọi là tĩnh lự.

Lại nữa, khi tất cả các pháp ác bất thiện cùng những tạp nhiễm khác nơi các pháp hữu lậu như sinh già chết của dị thực khổ sẽ thiêu đốt thân đời sau đã được vắng lặng rồi, thì tĩnh lự này sinh khởi cùng sinh khởi, hướng nhập xuất hiện, nên gọi là tĩnh lự

Lại nữa, khi các pháp ác bất thiện cùng những tạp nhiễm khác nơi các pháp hữu lậu như sinh già chết của dị thực khổ sẽ thiêu đốt

thân đời sau đã được vắng lặng rồi, thì tĩnh lự này sáng đầy khắp chiếu, nên gọi là tĩnh lự.

Đầy đủ: Nghĩa là tĩnh lự này đã dựa vào các pháp thiện tạo nên do hạnh xuất gia và xa lìa, siêng năng tinh tấn tu tập không gián đoạn mới được viên mãn, nên gọi là đầy đủ.

Trụ: Nghĩa là thành tựu tĩnh lự này thì hiện hành, tùy hành, hành khắp, tùy hành khắp, chuyên động hiểu rõ về hành, nên gọi là trụ.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 7

Phẩm 11: TĨNH LỰ, phần 2

2. Tĩnh lự thứ hai:

Tâm tứ cùng tịch tĩnh: Tâm và tứ như trước đã nói, nơi bậc tĩnh lự thứ hai thì hai thứ đó cùng vắng lặng, vắng lặng khắp, vắng lặng gần, hoàn toàn không có, nên gọi là tâm tứ cùng tịch tĩnh.

Các thứ bên trong cùng tịnh: Thế nào là các thứ bên trong cùng tịnh? Nghĩa là tâm tứ cùng vắng lặng, cho nên các thứ tin, tánh tin tương, tánh tin hiện tiền, tùy thuận, thừa nhận, mến mộ, tánh mến mộ, tâm lặng, tâm tịnh, gọi chung là các thứ bên trong cùng tịnh.

Tánh tâm một cõi: Thế nào là tánh tâm một cõi? Nghĩa là tâm tứ vắng lặng, nên tâm không tán, không động, không trôi, an trụ vào một cảnh, nên gọi là tánh tâm một cõi.

Không tâm không tứ: Nghĩa là ở bậc tĩnh lự thứ hai, tâm và tứ đều không thể được, không hiện hành, không có, không cùng có, nên gọi là không tâm không tứ.

Định sinh hỷ lạc:

Thế nào là định? Là khi tâm tứ đều vắng lặng, tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, gọi chung là định.

Thế nào là hỷ? Là khi tâm tứ đều vắng lặng, tâm sẽ vui, rất vui v.v... nói rộng cho đến hoan hỷ, tánh hoan hỷ, gọi chung là hỷ.

Thế nào là lạc? Là khi tâm tứ đều vắng lặng, đã đoạn trừ được tánh nặng nề của thân, tâm v.v... nói rộng cho đến tánh của thân tâm được nhu hòa, gọi chung là lạc.

Thế nào là định sinh hỷ lạc? Nghĩa là hỷ lạc đã nói trước, nhân nơi định, dựa vào định, được định kiến lập, do sức mạnh của định nên sinh khởi cùng sinh khởi, hướng nhập xuất hiện, nên gọi đó là định sinh hỷ lạc.

Trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ hai:

Thứ hai: Nghĩa là như đã nói về thứ nhất. Lại nữa, tĩnh lự này trong chín loại định thứ đệ thì nó ở hàng thứ hai.

Tĩnh lự: Nghĩa là ở trong định này, bên trong cùng tịnh, sinh hỷ, sinh lạc, tánh tâm một cảnh, gồm chung bốn chi ấy gọi là bậc tĩnh lự thứ hai. Như có tụng nêu:

*Tâm tứ cùng vắng lặng
 Như mưa trừ bụi bặm
 Trong tịnh tâm một cảnh
 Được Bồ-đề diệu lạc
 Không tâm, tứ, có hỷ
 Lạc trong tịnh cùng định
 Là tĩnh lự thứ hai
 Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm ý thức gọi là tĩnh lự thứ hai cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là tĩnh lự thứ hai cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là tĩnh lự thứ hai cùng có thắng giải.

Ở trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là tĩnh lự thứ hai cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là tĩnh lự thứ hai.

Tên gọi của tĩnh lự này là dựa vào nghĩa nào để lập? Tức như trước đã nói.

Đầy đủ và Tru: Tức cũng như trước đã nói.

*

3. Tĩnh lự thứ ba:

Lìa hỷ: Thế nào là hỷ? Nghĩa là tâm vui, rất vui v.v... cho đến hoan hỷ, tánh hoan hỷ, gọi chung là hỷ. *Thế nào là lìa hỷ?* Nghĩa là tâm đối với hỷ này lìa nhiễm được giải thoát, nên gọi là lìa hỷ.

Trụ nơi xả, chánh niệm, chánh tri: Thế nào là xả? Nghĩa là khi lìa hỷ thì tâm có các tánh bình đẳng, ngay thẳng, không cảnh giác, trụ vào vắng lặng, gọi chung là xả. *Thế nào là chánh niệm?* Nghĩa là khi lìa hỷ, các niệm tùy niệm v.v... cho đến tánh ghi tâm sáng, gọi chung là chánh niệm. *Thế nào là chánh tri?* Nghĩa là khi lìa hỷ, đối với các pháp hiện có đã đầy khởi sự lựa chọn kỹ lưỡng v.v... cho đến hành Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là chánh tri.

Thân thọ nhận lạc: Thân tức là ý thân, do ý trong thân có thọ lạc, nên thân tứ đại chủng cũng được an vui. Vì nhân duyên ấy nên gọi là thân thọ nhận lạc. Ở đây, lạc tức khi lìa hỷ là đã đoạn dứt các tánh nặng nề của thân tâm v.v... cho đến được tánh nhu hòa của thân tâm, gọi chung là lạc. Đây là lạc của thọ, không phải là lạc của khinh an.

Thánh nói nên xả: Thánh nghĩa là chư Phật và đệ tử của Phật. Nói nghĩa là tuyên nói, phân biệt, chỉ bày, khuyên người tu định nên xả lạc ấy, không nên tham đắm nơi vị, chỉ nên trụ vào xả, chánh niệm chánh tri.

Trụ đây đủ nơi tĩnh lự thứ ba:

Thứ ba: Nghĩa là như đã nói về thứ nhất. Lại nữa, tĩnh lự này trong chín loại định thứ đệ thì nó ở hàng thứ ba.

Tĩnh lự: Nghĩa là ở trong định này, là hành xả, chánh niệm, chánh tri, thân thọ nhận lạc, tánh tâm một cảnh, gồm chung năm chi ấy gọi là bậc tĩnh lự thứ ba. Như có tụng nêu:

*Lìa hỷ nẻo tối thượng
Xả, niệm, tri, lạc, định
Gọi tĩnh lự thứ ba
Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm ý thức gọi là tĩnh lự thứ ba cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là tĩnh lự thứ ba cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là tĩnh lự thứ ba cùng có thắng giải.

Ở trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là tĩnh lự thứ ba cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là tĩnh lự thứ ba.

Tên gọi của tĩnh lự này là dựa vào nghĩa nào để lập? Tức như trước đã nói.

Đây đủ và Trụ: Tức cũng như trước đã nói.

*

4. Tĩnh lự thứ tư:

Đoạn dứt lạc khổ: Đoạn dứt lạc: Thế nào là lạc? Nghĩa là xúc thuận theo lạc đã khởi thân lạc, tâm lạc, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, gọi chung là lạc. Lại nữa, khi tu tĩnh lự thứ ba, xúc thuận theo lạc đã khởi tâm lạc, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là lạc. *Đoạn dứt khổ:* Thế nào là khổ? Nghĩa là xúc thuận theo khổ đã khởi thân khổ, tâm khổ, thọ nhận không bình đẳng, do thọ thâm giữ, gọi

chung là khổ. Khổ và lạc ấy bấy giờ cùng được đoạn trừ, nhận biết khắp, xa lìa hết sức xa lìa, điều phục hết sức điều phục, trừ diệt hết hẳn, thế nên gọi là *Đoạn dứt lạc khổ*.

Các hỷ, ưu trước đây đều mất hết: Thế nào là hỷ? Nghĩa là xúc thuận theo hỷ đã khởi tâm hỷ, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là hỷ. Lại nữa, khi tu tĩnh lự thứ hai, xúc thuận theo hỷ đã khởi tâm hỷ, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là hỷ. Thế nào là ưu? Nghĩa là xúc thuận theo ưu, khiến tâm lo buồn, thọ nhận không bình đẳng, do thọ thâm giữ, đó gọi là ưu. Ưu này và hỷ ở trước bấy giờ cùng được đoạn dứt và nhận biết khắp v.v... cho đến trừ diệt hết hẳn, thế nên nói là *Các hỷ, ưu trước đây đều mất hết*.

Lại nữa, khi nhập vào tĩnh lự thứ nhất thì ưu đã được đoạn dứt và nhận biết khắp. Khi nhập vào tĩnh lự thứ hai thì khổ đã được đoạn dứt và nhận biết khắp. Khi nhập vào tĩnh lự thứ ba thì hỷ đã được đoạn dứt và nhận biết khắp. Khi nhập vào tĩnh lự thứ tư thì hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc hỷ, hoặc ưu đều được đoạn dứt và nhận biết khắp, xa lìa hết sức xa lìa, điều phục hết sức điều phục, trừ diệt hết hẳn, thế nên nói là *Đoạn lạc đoạn khổ*.

Không khổ không lạc: Nghĩa là chỉ rõ ở đây không có hai thọ khổ lạc, chỉ có thọ thứ ba là không khổ không lạc.

Xả, niệm thanh tịnh: Thế nào là xả? Nghĩa là người ấy bấy giờ có tánh tâm bình đẳng, tánh tâm ngay thẳng, tánh tâm không cảnh giác, trụ vào tịch tĩnh, gọi chung là xả. Thế nào là niệm? Nghĩa là người ấy bấy giờ có các niệm, tùy niệm v.v... nói rộng cho đến có tánh tâm ghi rõ, gọi chung là niệm. Thế nào là thanh tịnh? Bấy giờ, hoặc xả hoặc niệm, người ấy đều được thanh tịnh, các lạc khổ hỷ ưu và hai thứ tâm tứ đã đoạn dứt, đều xa lìa, gọi chung là thanh tịnh.

Trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư:

Thứ tư: Nghĩa là như đã nói về thứ nhất. Lại nữa, tĩnh lự này trong chín loại định thứ đệ thì nó ở hàng thứ tư.

Tĩnh lực: Nghĩa là ở trong định này, thọ không khổ không lạc, xả, niệm, tánh tâm một cảnh, gồm chung bốn chi ấy gọi là bậc tĩnh lực thứ tư. Như có tụng nêu:

*Lạc khổ cùng đã diệt
Tâm bền trụ, bất động
Được thiên nhãn thanh tịnh
Hay thấy rộng các sắc.
Thọ không khổ không lạc
Xả niệm tịnh và định
Gọi tĩnh lực thứ tư
Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm ý thức gọi là tĩnh lực thứ tư cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là tĩnh lực thứ tư cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là tĩnh lực thứ tư cùng có thắng giải.

Ở trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là tĩnh lực thứ tư cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là tĩnh lực thứ tư.

Tên gọi của tĩnh lực này là dựa vào nghĩa nào để lập? Tức như trước đã nói.

Đây đủ và Trụ: Tức cũng như trước đã nói.

Phẩm 12: VÔ LƯỢNG

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú nơi khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 vô lượng. *Những gì là bốn?*

1. Có một loại Tỳ, cùng hành với tâm, không có oán địch, xa lìa não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, tương đối một phương đều thắng giải trọn khắp, đầy đủ mà trụ. Đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hoặc bên cạnh, tất cả thế gian cũng lại như vậy. Đó gọi là thứ nhất.

2. Có một loại Bi, cùng hành với tâm, không có oán địch, xa lìa não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, tương đối một phương đều thắng giải trọn khắp, đầy đủ mà trụ. Đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hoặc bên cạnh, tất cả thế gian cũng lại như vậy. Đó gọi là thứ hai.

3. Có một loại Hỷ, cùng hành với tâm, không có oán địch, xa lìa não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, tương đối một phương đều thắng giải trọn khắp, đầy đủ mà trụ. Đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hoặc bên cạnh, tất cả thế gian cũng lại như vậy. Đó gọi là thứ ba.

4. Có một loại Xả, cùng hành với tâm, không có oán địch, xa lìa não hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, tương đối một phương đều thắng giải trọn khắp, đầy đủ mà trụ. Đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hoặc bên cạnh, tất cả thế gian cũng lại như vậy. Đó gọi là thứ tư.

Đó gọi là bốn vô lượng.

*

1. Thế nào là Tỳ?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng”. Người ấy hoặc dựa vào hạnh xuất gia, hoặc dựa vào sự xa lìa, do sức mạnh của sự xét chọn, nên nội tâm của người ấy phát khởi định thiện ở cõi Sắc, có các thứ từ, tánh của từ, gọi là thương xót, tánh thương xót, gọi là nhớ thương, tánh nhớ thương, gọi chung là Tỳ.

Lại nữa, các thứ thọ tưởng hành thức cùng tương ưng với Tỳ, đã cùng khởi hai thứ nghiệp thân và ngữ, hành không tương ưng, cũng gọi là Tỳ.

Thế nào là gia hạnh của định tâm từ? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm từ? Nghĩa là:

Như có một loại hữu tình khởi tâm như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng”. Tuy có tâm như thế, nhưng không thắng giải. Khi nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế, tuy tâm của người ấy là thiện tịnh diệu, tùy thuận sáng tỏ, tăng trưởng ứng cúng trang nghiêm, luôn tin giao, hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng”. Tuy có lời nói như thế, nhưng không thắng giải. Khi nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế, tuy lời nói của người ấy là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng”. Tuy có tâm và lời nói như thế, nhưng không thắng giải. Khi nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế, tuy tâm và lời nói của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình phát khởi tâm như vậy, phát khởi lời nói như vậy và có thắng giải: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương,

nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là: Như có một loài hữu tình bị khổ của lạnh bức bách, nay được ấm áp nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui ấy khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình bị khổ của nóng bức bách, nay được mát mẻ nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui ấy khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình bị khổ của đói bức bách, khi được ăn no nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui đó khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình bị khổ của khát bức bách, khi được uống đủ nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui ấy khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình thân thể cấu uế, chân tay mệt mỏi, thiếu thốn mọi thứ, bạn bè lánh xa v.v..., khi gặp được dịp tắm gội kỹ lưỡng, bạn bè hòa hợp v.v... nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui đó khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Lại có một loại hữu tình vào mùa hè trời oi bức, ánh mặt trời như thiêu đốt, nên bị nóng và khát bức bách, thân tâm nhiệt nảo, bỗng gặp được ao nước mát mẻ, liền tắm gội và uống đầy đủ nên sinh vui mừng, liền giữ lấy tướng vui này khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ.

Như vậy, khi đã thọ nhận các thứ lạc nơi cõi Dục và nhập vào tĩnh lự thứ hai thọ nhận thắng lạc, liền giữ lấy tướng vui ấy khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tuy tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, nhưng chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ. Nếu có sinh ra điều ấy thì đó là gần được hiện nhập.

Nhập vào tĩnh lự thứ ba, giữ lấy tướng vui ấy khởi tâm như vậy, nói lời như vậy: “Nguyện cho các hữu tình đều được an lạc thù thắng như thế như thế v.v...”. Tâm, lời nói và thắng giải của người ấy đều là thiện tịnh diệu v.v... cho đến hỗ trợ về tư lương, bấy giờ mới có thể gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng gọi là nhập định tâm từ.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Từ cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy, hiện tiền cùng tư duy, đã và sẽ tư duy, tâm

tạo ý nghiệp, gọi là Từ cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là Từ cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tướng, hoặc dục, hoặc tác ý, hoặc niệm, hoặc định, hoặc tuệ, gọi là Từ cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm từ, cũng gọi là nhập định tâm từ.

Lại nữa, định tâm từ có 2 thứ: a. Nhỏ hẹp. b. Vô lượng.

Thế nào là gia hạnh của định tâm từ nhỏ hẹp? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm từ nhỏ hẹp?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình nơi các hữu tình đáng yêu mến, vui thích, hợp ý, vừa ý như cha mẹ, anh em, chị em, cùng một số bà con hay bạn bè thân thiết khác v.v..., người ấy đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia khiến tâm cùng có từ nhỏ hẹp được trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, điều phục, tịch tĩnh, tịch tĩnh cùng cực, một hướng đẳng trì, nguyện cho những hữu tình kia đều được an vui thù diệu.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đều được an vui, thì trong trường hợp này chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ nhỏ hẹp, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ nhỏ hẹp.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của số hữu tình nhỏ hẹp kia, nguyện cho họ đều được an vui. Tư duy như thế để phát khởi sức siêng năng tinh tấn, thể dụng mạnh mẽ, hăng hái tốt bậc, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm từ nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm từ nhỏ hẹp.

Người ấy đối với đạo như thế đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, đẳng trì (định) một hướng,

không hai không thoái, nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đều được an vui, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm từ nhỏ hẹp.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Từ nhỏ hẹp cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Từ nhỏ hẹp cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là Từ nhỏ hẹp cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Từ nhỏ hẹp cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm từ nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm từ nhỏ hẹp.

Thế nào là gia hạnh của định tâm từ vô lượng? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm từ vô lượng?

Đáp: Nghĩa là đối với định tâm từ nhỏ hẹp kia, người ấy thường xuyên tu tập, khiến tâm được tùy thuận, điều phục, tịch tĩnh, lại luôn chế ngự, rèn luyện, khiến tâm trở nên thành thật, ngay thẳng, nhu hòa, có thể đảm nhận công việc, cùng với định thù thắng ở sau làm chỗ nương dựa, sau đấy dần khiến tâm thắng giải trọn khắp, đối với vô lượng các hữu tình ở các phương như phương Đông v.v... đều nguyện cho họ được an vui thù diệu.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho vô lượng các hữu tình kia đều được an vui, thì khi đó chưa gọi là gia hạnh của định tâm từ vô lượng, cũng chưa gọi là nhập định tâm từ vô lượng.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm, khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của vô lượng các hữu tình kia, nguyện cho họ đều được an vui. Tư duy như vậy để phát khởi sức siêng năng tinh tấn, thể dụng mạnh mẽ v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không

dùng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm từ vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm từ vô lượng.

Người này đối với đạo như thể đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, nguyện cho vô lượng các hữu tình kia đều được an vui, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm từ vô lượng.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Từ vô lượng cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Từ vô lượng cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã thắng giải và sẽ thắng giải, gọi là Từ vô lượng cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Từ vô lượng cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm từ vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm từ vô lượng.

*

2. Thế nào là Bi?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: “Nguyện cho các hữu tình đều được lìa khổ”. Người ấy hoặc dựa vào hạnh xuất gia, hoặc dựa vào sự xa lìa, do sức mạnh của sự xét chọn, nên nội tâm của người ấy phát khởi định thiện ở cõi Sắc, có các thứ bi, tánh của bi, gọi là thương xót, tánh thương xót, gọi là xót xa đối với khổ, tánh xót xa đối với khổ, gọi chung là Bi.

Lại nữa, các thứ thọ tưởng hành thức cùng tương ưng với Bi, đã cùng khởi hai thứ nghiệp thân và ngữ, hành không tương ưng, cũng gọi là Bi.

Lại nữa, định tâm bi có 2 thứ: a. Nhỏ hẹp. b. Vô lượng.

Thế nào là gia hạnh của định tâm bi nhỏ hẹp? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm bi nhỏ hẹp?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình nơi các hữu tình đáng yêu mến, ưa thích, hợp ý, vừa ý như cha mẹ, anh em, chị em, cùng một số bà con hay bạn bè thân thiết khác v.v..., người ấy đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia khiến tâm cùng có bị nhỏ hẹp được trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, điều phục, tịch tĩnh, tịch tĩnh tận cùng, một hướng đẳng trì, nguyện cho các hữu tình kia đều được lìa khổ.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đều được lìa khổ, thì trong trường hợp này chưa gọi là gia hạnh của định tâm bị nhỏ hẹp, cũng chưa gọi là nhập định tâm bị nhỏ hẹp.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của số hữu tình nhỏ hẹp kia, nguyện cho họ đều được lìa khổ. Tư duy như thế để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm bị nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm bị nhỏ hẹp.

Người này đối với đạo như thế đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đều được lìa khổ, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm bị nhỏ hẹp.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Bị nhỏ hẹp cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Bị nhỏ hẹp cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là Bị nhỏ hẹp cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tướng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Bị nhỏ hẹp cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm bị nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm bị nhỏ hẹp.

Thế nào là gia hạnh của định tâm bi vô lượng? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm bi vô lượng?

Đáp: Nghĩa là đối với định tâm bi nhỏ hẹp kia, người ấy thường xuyên tu tập, khiến tâm được tùy thuận, điều phục, tịch tĩnh, lại luôn chế ngự, rèn luyện, khiến tâm trở nên thành thật, ngay thẳng, nhu hòa, có thể đảm nhận công việc, cùng với định thù thắng ở sau làm chỗ nương dựa, tiếp đến dần khiến tâm thắng giải trọn khắp, đối với vô lượng các hữu tình ở các phương như phương Đông v.v... đều nguyện cho họ được lìa khổ.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho vô lượng các hữu tình kia đều được lìa khổ, thì khi đó chưa gọi là gia hạnh của định tâm bi vô lượng, cũng chưa gọi là nhập định tâm bi vô lượng.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của vô lượng các hữu tình kia, nguyện cho họ đều được lìa khổ. Tư duy như vậy để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm bi vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm bi vô lượng.

Người ấy đối với đạo như thể đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng tri, không hai không thoái, nguyện cho vô lượng các hữu tình kia đều được lìa khổ, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm bi vô lượng.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Bi vô lượng cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Bi vô lượng cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã thắng giải và sẽ thắng giải, gọi là Bi vô lượng cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Bi vô lượng cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm bi vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm bi vô lượng.

*

3. Thế nào là Hỷ?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: “Các hữu tình đạt được lợi ích thật đáng vui mừng”. Người ấy hoặc dựa vào hạnh xuất gia, hoặc dựa vào sự xa lìa, do sức mạnh của sự xét chọn, nên nội tâm của người ấy phát khởi định thiện ở cõi Sắc, có tâm vui mừng, rất vui mừng, hiện tiền rất vui mừng, tánh vui mừng, loại vui mừng, vừa ý, hợp ý, tánh hoan hỷ, loại hoan hỷ, thích hòa hợp, không biệt ly, tánh có thể đảm nhận sự việc, phấn khích hân hoan, gọi chung là Hỷ.

Lại nữa, các thứ thọ, tưởng, hành, thức cùng tương ưng với Hỷ, đã cùng khởi hai thứ nghiệp thân và ngữ, hành không tương ưng, cũng gọi là Hỷ.

Lại nữa, định tâm hỷ có 2 thứ: a. Nhỏ hẹp. b. Vô lượng.

Thế nào là gia hạnh của định tâm hỷ nhỏ hẹp? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm hỷ nhỏ hẹp?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình nơi các hữu tình đáng yêu mến, ưa thích, hợp ý, vừa ý như cha mẹ, anh em, chị em, cùng một số bà con hay bạn bè thân thiết khác v.v..., người ấy đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia khiến tâm cùng có hỷ nhỏ hẹp được trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, điều phục, tịch tĩnh, tịch tĩnh tận cùng, một hướng đẳng trì, nguyện cho các hữu tình kia đều được vui vì lìa khổ.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đạt được lợi ích, thì

trong trường hợp này chưa gọi là gia hạnh của định tâm hỷ nhỏ hẹp, cũng chưa gọi là nhập định tâm hỷ nhỏ hẹp.

Lúc này, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của số hữu tình nhỏ hẹp kia, nguyện cho họ đều đạt được lợi ích. Tư duy như thế để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm hỷ nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm hỷ nhỏ hẹp.

Người ấy đối với đạo như thế đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng tri, không hai không thoái, nguyện cho số hữu tình nhỏ hẹp kia đều đạt được lợi ích, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm hỷ nhỏ hẹp.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Hỷ nhỏ hẹp cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Hỷ nhỏ hẹp cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là Hỷ nhỏ hẹp cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Hỷ nhỏ hẹp cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm hỷ nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm hỷ nhỏ hẹp.

Thế nào là gia hạnh của định tâm hỷ vô lượng? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm hỷ vô lượng?

Đáp: Nghĩa là đối với định tâm hỷ nhỏ hẹp kia, người ấy thường xuyên tu tập, khiến tâm được tùy thuận, điều phục, tịch tĩnh, lại luôn chế ngự, rèn luyện, khiến tâm trở nên thành thật, ngay thẳng, nhu hòa, có thể đảm nhận công việc, cùng với định thù thắng ở sau làm chỗ nương dựa, tiếp đến dần khiến tâm thắng giải đủ khắp, đối với vô lượng các hữu tình ở các phương như phương Đông v.v... đều nguyện cho họ đạt được lợi ích.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên vào một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để nguyện cho vô lượng các hữu tình kia đều có được lợi ích, thì khi đó chưa gọi là gia hạnh của định tâm hỷ vô lượng, cũng chưa gọi là nhập định tâm hỷ vô lượng.

Lúc ấy, người này nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể chuyên vào một cõi, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của vô lượng các hữu tình kia, nguyện cho họ đều có được lợi ích. Tư duy như vậy để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm hỷ vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm hỷ vô lượng.

Người ấy đối với đạo như thế đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, nguyện cho vô lượng các hữu tình kia nhận được lợi ích, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm hỷ vô lượng.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Hỷ vô lượng cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Hỷ vô lượng cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã thắng giải và sẽ thắng giải, gọi là Hỷ vô lượng cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Hỷ vô lượng cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm hỷ vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm hỷ vô lượng.

*

4. Thế nào là Xả?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: “Nên đối với các hữu tình trụ nơi xả bình đẳng”. Người ấy hoặc dựa vào hạnh xuất

gia, hoặc dựa vào pháp xa lìa, do sức mạnh của sự xét chọn, nên nội tâm của người ấy sinh khởi định thiện ở cõi Sắc, có tánh tâm bình đẳng, tâm chân chất, ngay thẳng, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh, gọi chung là Xả.

Lại nữa, các thứ thọ, tưởng, hành, thức cùng tương ưng với Xả, đã cùng khởi hai thứ nghiệp thân và ngữ, hành không tương ưng, cũng gọi là Xả.

Thế nào là gia hạnh của định tâm xả? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm xả?

Đáp: Nghĩa là như có một loại hữu tình tuy thấy các hữu tình rất đáng yêu mến, ưa thích, hợp ý, vừa ý, nhưng không khởi nhận biết: Đây là cha ta, đây là mẹ ta v.v... cho đến đây là bạn bè thân thiết của ta, chỉ khởi thẳng giải về hữu tình bình đẳng. Như Đạo sĩ vô cầu đi vào một khu rừng tuy thấy đủ các loại cây như cây Sa-la, cây Đa-la, cây Dạ-man, cây Mã tương, cây Ô-đàm-bạt-la, cây Nặc-cù-đà v.v..., nhưng không hề khởi phân biệt: Đây là cây Sa-la, đây là cây Đa-la v.v... cho đến đây là cây Nặc-cù-đà, chỉ khởi thẳng giải về cây rừng bình đẳng. Người tu tập hành xả đối với các hữu tình không khởi phân biệt nên biết cũng như vậy. Đó gọi là gia hạnh của định tâm xả, cũng gọi là nhập định tâm xả.

Lại nữa, định tâm xả có 2 thứ: a. Nhỏ hẹp. b. Vô lượng.

Thế nào là gia hạnh của định tâm xả nhỏ hẹp? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm xả nhỏ hẹp?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình nơi các hữu tình đáng yêu mến, ưa thích, vừa ý, hợp ý như cha mẹ, anh em, chị em, cùng một số bà con hay bạn bè thân thiết khác v.v..., người ấy đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia khiến tâm cùng có xả nhỏ hẹp được trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, điều phục, tịch tĩnh, tịch tĩnh tột cùng, một hướng đẳng trì, đối với các hữu tình kia trụ nơi xả bình đẳng.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên nhất, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia trụ nơi xả bình đẳng, thì trong trường hợp này chưa gọi là gia hạnh của định tâm xả nhỏ hẹp, cũng chưa gọi là nhập định tâm xả nhỏ hẹp.

Lúc ấy, người này nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể khiến chuyên nhất trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của số hữu tình nhỏ hẹp kia trụ nơi xả bình đẳng. Tư duy như thế để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm xả nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm xả nhỏ hẹp.

Người ấy đối với đạo như thế đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, để đối với số hữu tình nhỏ hẹp kia trụ nơi xả bình đẳng, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm xả nhỏ hẹp.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Xả nhỏ hẹp cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Xả nhỏ hẹp cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là Xả nhỏ hẹp cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Xả nhỏ hẹp cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm xả nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập định tâm xả nhỏ hẹp.

Thế nào là gia hạnh của định tâm xả vô lượng? Tu gia hạnh nào để nhập định tâm xả vô lượng?

Đáp: Nghĩa là đối với định tâm xả nhỏ hẹp kia, người ấy thường xuyên tu tập, khiến tâm được tùy thuận, điều phục, tịch tĩnh, lại luôn chế ngự, rèn luyện, khiến tâm trở nên thành thật, ngay thẳng, nhu hòa, có thể đảm nhận công việc, cùng với định thù thắng ở sau làm

chỗ nương dựa, tiếp đến dần khiến tâm thắng giải trọn khắp, đối với vô lượng các hữu tình ở các phương như phương Đông v.v... trụ nơi xả bình đẳng.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên nhất, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để đối với vô lượng các hữu tình kia trụ nơi xả bình đẳng, thì khi đó chưa gọi là gia hạnh của định tâm xả vô lượng, cũng chưa gọi là nhập định tâm xả vô lượng.

Lúc ấy, người này nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể khiến chuyên nhất, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của vô lượng các hữu tình kia, đối với vô lượng hữu tình ấy trụ nơi xả bình đẳng. Tư duy như vậy để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dứt, lúc này mới gọi là gia hạnh của định tâm xả vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm xả vô lượng.

Người này đối với đạo như thể đã sinh rồi thì tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, để đối với vô lượng các hữu tình kia trụ nơi xả bình đẳng, bấy giờ gọi là đã nhập định tâm Xả vô lượng.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là Xả vô lượng cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là Xả vô lượng cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã thắng giải và sẽ thắng giải, gọi là Xả vô lượng cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tưởng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là Xả vô lượng cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm xả vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm xả vô lượng.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 8

Phẩm 13: VÔ SẮC

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Có 4 Vô sắc. *Những gì là bốn?*

1. Như có Bí-sô, vượt quá các tướng sắc, diệt tướng có đối, không tư duy về các thứ tướng, nhập nơi không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Không vô biên. Đó là thứ nhất.

2. Lại có Bí-sô, vượt quá tất cả thứ nơi xứ Không vô biên, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Thức vô biên. Đó là thứ hai.

3. Lại có Bí-sô, vượt quá tất cả thứ nơi xứ Thức vô biên, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ Vô sở hữu. Đó là thứ ba.

4. Lại có Bí-sô, vượt quá tất cả thứ nơi xứ Vô sở hữu, nhập vào và trụ đầy đủ nơi xứ Phi tướng phi phi tướng. Đó là thứ tư.

Đó gọi là bốn Vô sắc.

1. Vô sắc thứ nhất:

Vượt quá các tướng sắc: Thế nào là các tướng sắc? Nghĩa là nhãn thức tương ưng với tướng, cùng tướng, hiện tiền cùng tướng, hiểu rõ giữ lấy hình tượng, đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng sắc. *Có chỗ nói:* Cùng với năm thức tương ưng với tướng, cùng tướng v.v... cho đến đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng sắc. Nay trong nghĩa này chỉ nói nhãn thức tương ưng với tướng cùng tướng v.v... cho đến đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng sắc. Các tướng sắc như thế, bấy giờ đều siêu vượt, cùng siêu vượt, nên gọi là *Vượt quá các tướng sắc*.

Diệt tướng có đối: Thế nào là tướng có đối? Nghĩa là bốn thức như nhĩ thức v.v... cùng tương ưng với tướng, cùng tướng v.v... cho đến đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng có đối. *Có chỗ nói:* Giận dữ tương ưng với tướng, cùng tướng v.v... cho đến đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng có đối. Nay trong nghĩa này thì bốn thức như nhĩ thức v.v... tương ưng với tướng, cùng tướng v.v... cho đến đã tướng, sẽ tướng, gọi chung là tướng có đối. Các tướng có đối như thế, lúc đó đã đoạn dứt, nhận biết khắp, xa lìa, xa lìa tận cùng, điều phục, điều phục tận cùng, trừ diệt hết hẳn, nên gọi là *Diệt tướng có đối*.

Không tư duy về các thứ tướng: Thế nào là các thứ tướng? Nghĩa là có sự ngăn che, trói buộc. Tức các tướng về sắc, thanh, hương, vị, xúc nhiễm ô hiện có, tướng bất thiện hiện có, tướng dẫn đến phi lý hiện có, tướng gây chướng ngại cho định hiện có, gọi chung là các thứ tướng. Các tướng ấy bấy giờ không còn dẫn phát, không còn ức niệm, không còn tư duy, không còn đã tư duy sẽ tư duy, nên gọi là *Không tư duy về các thứ tướng*.

Nhập nơi không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Không vô biên: Thế nào là gia hạnh của định xứ Không vô biên? Tu gia hạnh nào để nhập định xứ Không vô biên? Nghĩa là đối với định này, người mới tu tập

định trước hết nên tư duy về tĩnh lực thứ tư là chướng khổ thô, sau đây tư duy về xứ Không vô biên là lia tĩnh diệu.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên nhất, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để tu tập định xứ Không vô biên. Như thế chưa gọi là gia hạnh của định xứ Không vô biên, cũng chưa gọi là nhập định xứ Không vô biên.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể khiến chuyên nhất, trụ niệm nơi một duyên để tư duy tu tập tướng định xứ Không vô biên. Tư duy như thế để phát khởi sức siêng năng tinh tấn, thể dụng rất mạnh mẽ, hăng hái tột bậc, không gì có thể ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là gia hạnh của định xứ Không vô biên, cũng gọi là nhập định xứ Không vô biên.

Người ấy đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, liền khiến các tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng tri, không hai không thoái, lúc này gọi là đã nhập định xứ Không vô biên.

Lại trong định này, các tâm ý thức gọi là định xứ Không vô biên cùng có tâm. Các thứ tư duy, cùng tư duy v.v... cho đến tâm tạo ý nghiệp, gọi là định xứ Không vô biên cùng có ý nghiệp. Các tâm thắng giải, đã và sẽ thắng giải, gọi là định xứ Không vô biên cùng có thắng giải.

Lại trong định này, có các pháp hoặc thọ, hoặc tướng v.v... cho đến hoặc tuệ, gọi là định xứ Không vô biên cùng có các pháp. Các pháp như thế cũng được gọi là định xứ Không vô biên.

*

2. Vô sắc thứ hai:

Vượt quá tất cả thứ nơi xứ Không vô biên: Nghĩa là lúc đó người ấy đối với các tướng của xứ Không vô biên đều siêu

vượt, cùng siêu vượt, nên gọi là vượt quá tất cả thứ nơi xứ Không vô biên.

Nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Thức vô biên: Thế nào là gia hạnh của định xứ Thức vô biên? Tu gia hạnh nào để nhập định xứ Thức vô biên? Nghĩa là đối với định này, người mới tu tập trước hết nên tư duy về xứ Không vô biên là chương khổ thô, sau đó tư duy về xứ Thức vô biên là lìa tĩnh diệu. Phần còn lại nói rộng như nơi xứ Không vô biên.

*

3. Vô sắc thứ ba:

Vượt quá tất cả thứ nơi xứ Thức vô biên: Nghĩa là bấy giờ người ấy đối với các tướng của xứ Thức vô biên đều siêu vượt, cùng siêu vượt, nên gọi là vượt quá tất cả thứ nơi xứ Thức vô biên.

Nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ Vô sở hữu: Thế nào là gia hạnh của định xứ Vô sở hữu? Tu gia hạnh nào để nhập định xứ Vô sở hữu? Nghĩa là đối với định này, người mới tu tập trước hết nên tư duy về xứ Thức vô biên là chương khổ thô, sau đó tư duy về xứ Vô sở hữu là lìa tĩnh diệu. Phần còn lại nói rộng như nơi xứ Không vô biên.

*

4. Vô sắc thứ tư:

Vượt quá tất cả thứ nơi xứ Vô sở hữu: Nghĩa là bấy giờ người ấy đối với các tướng của xứ Vô sở hữu đều siêu vượt, cùng siêu vượt, nên gọi là vượt quá tất cả thứ nơi xứ Vô sở hữu.

Nhập vào và trụ đầy đủ nơi xứ Phi tướng phi phi tướng: Thế nào là gia hạnh của định xứ Phi tướng phi phi tướng? Tu gia hạnh nào để nhập định xứ Phi tướng phi phi tướng? Nghĩa là đối với định này,

người mới tu tập trước hết nên tư duy về xứ Vô sở hữu là chướng khổ thô, sau đó tư duy về xứ Phi tướng phi phi tướng là lìa tính diêu. Phần còn lại nói rộng như nơi xứ Không vô biên.

Phẩm 14: TU ĐỊNH

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bì-sô: Có 4 cách Tu Định. *Những gì là bốn?*

1. Như có cách tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Hiện pháp lạc trụ.

2. Lại có cách tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Trí kiến thù thắng.

3. Lại có cách tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Tuệ phân biệt thắng diêu.

4. Lại có cách tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Đó gọi là bốn cách Tu định.

Ở đây:

1. Thế nào là tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Hiện pháp lạc trụ?

Đáp: Nghĩa là có Bì-sô, đối với tự thân đạt ly sinh hỷ lạc, thẩm nhuần thẩm nhuần khắp, sung mãn sung mãn khắp, vui thích vui thích khắp, do được ly sinh hỷ lạc nên trong tự thân không một phần nhỏ nào là không sung mãn. Đó gọi là tu định đạt được Hiện pháp lạc trụ.

2. *Thế nào là tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Trí kiến thù thắng?*

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô, đối với tướng quang minh đã khéo thủ giữ, tư duy, tu tập, thông đạt, hoặc ngày hoặc đêm không có sai biệt, hoặc trước hoặc sau không có sai khác, hoặc trên hoặc dưới không sai biệt. Mở tâm trí, lià ngăn che, dùng ánh sáng tu chiếu cùng tâm, diệt trừ tâm tối tăm, tu vô lượng định. Đó gọi là tu định đạt được Trí kiến thù thắng.

3. *Thế nào là tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Tuệ phân biệt thắng diệu?*

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô, khéo nhận biết các thọ sinh, thọ trụ, thọ diệt, dứt hết hẳn, ở đây đều trụ niệm không phải là không trụ niệm. Lại khéo nhận biết các tướng, các tâm v.v... ở đây luôn trụ niệm không phải là không trụ niệm. Đó gọi là tu định đạt được Tuệ phân biệt thắng diệu.

4. *Thế nào là tu định: Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều để có thể khiến chứng đắc Các lậu vĩnh viễn dứt hết?*

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô, đối với năm thủ uẩn thường xuyên tùy quán chúng trụ nơi sinh diệt. Tức quán đây là sắc, đây là sự tập hợp của sắc, đây là sắc bị diệt. Đây là thọ tướng hành thức, đây là sự tập hợp của thọ tướng hành thức, đây là sự diệt của thọ tướng hành thức. Đó gọi là tu định đạt được Các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thâu tóm các nghĩa đã nói trên, nên đọc tụng:

*Đoạn dục tướng ưu ão
Lià hôn trầm ó tác
Được xả niệm thanh tịnh
Pháp tâm tứ hành trước.*

*Hiện pháp lạc là đầu
Kế: thắng tri kiến, tuệ
Trừ các lậu: vô minh
Sau chứng quả giải thoát.*

*

1. Tu định thứ nhất:

Đối với tự thân: Nghĩa là thân cũng gọi là thân, căn cũng gọi là thân, năm sắc căn cũng gọi là thân, tụ do bốn đại chủng tạo nên cũng gọi là thân. Nay trong nghĩa này ý nói tụ do bốn đại chủng tạo nên gọi là thân.

Ly sinh hỷ lạc: Nghĩa là ở bậc tĩnh lự thứ nhất hiện có hỷ lạc, thọ bình đẳng, thuộc về thọ, thân khinh an, tâm khinh an, đó gọi là hỷ lạc. Hỷ lạc như thế từ chỗ li bỏ các dục và pháp ác bất thiện sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện, nên gọi là ly sinh hỷ lạc.

Thấm nhuần thấm nhuần khắp, sung mãn sung mãn khắp, vui thích vui thích khắp: Nghĩa là đối với tự thân là tụ do bốn đại chủng tạo nên, có ly sinh hỷ lạc đầy khởi cùng khởi, phát sinh cùng sinh, tụ tập xuất hiện: Thấm nhuần thấm nhuần khắp là một nghĩa, sung mãn sung mãn khắp là một nghĩa, vui thích vui thích khắp là một nghĩa, là do sự nuôi lớn nơi bậc hạ, trung, thượng có sai biệt. Ví như nông phu, trong ba giai đoạn trước, giữa, sau đã dùng ba lượng nước ít, vừa, nhiều để tưới cho vùng ruộng cao khiến ruộng ấy lần lượt được thấm ướt, đầy đủ và dồi dào. Các Bí-sô cũng như thế, đầu tiên dùng ly sinh hỷ lạc thuộc phẩm hạ để nuôi lớn thân là tụ do các đại chủng tạo nên, bấy giờ tự thân được thấm nhuần thấm nhuần khắp. Thứ đến dùng ly sinh hỷ lạc thuộc phẩm trung nuôi lớn thân là tụ do các đại chủng tạo nên, khi đó tự thân sung mãn sung mãn khắp. Sau thì dùng ly sinh hỷ lạc thuộc phẩm thượng để nuôi lớn thân là tụ do các đại chủng tạo nên, lúc này tự thân được vui thích vui thích khắp.

Do được ly sinh hỷ lạc nên trong tự thân không một phần nhỏ nào là không sung mãn: Nghĩa là từ chân đến đầu, ly sinh hỷ lạc đã tạo sự nuôi lớn thấy đều sung mãn.

Đó gọi là tu định: Thế nào là định? Nghĩa là đối với tự thân đã có ly sinh hỷ lạc thấm nhuần thấm nhuần khắp, sung mãn sung mãn khắp, vui thích vui thích khắp, nên tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không hề tán loạn, thâm giữ đẳng trì, tánh tâm một cảnh, gọi chung là định. *Thế nào là tu?* Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tác, không bỏ gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều: Nghĩa là hiển bày đối với định này có thể đạt được tự tại.

Có thể khiến chứng đắc Hiện pháp lạc trụ: Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều, thì ở trong hiện pháp chứng được lạc trụ. Rất đáng yêu mến, ưa thích, vừa ý, không hề trông mong, không hề mến mộ, tịch tĩnh an ổn, nên gọi là Lạc trụ. Đối với lạc trụ này, đạt được thành tựu, gần gũi xúc chứng, nên gọi là Chứng đắc.

Lại nữa, tĩnh lự thứ nhất gồm thâm ly sinh hỷ lạc cùng hành tánh tâm một cảnh, nên gọi là định. Tức đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tác, không bỏ gia hạnh, nên gọi là tu. *Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều:* Tức hiển bày sự tự tại kia. *Có thể khiến chứng đắc Hiện pháp lạc trụ:* Về nghĩa đều như trước đã nói.

*

2. Tu định thứ hai:

Đối với tướng quang minh:

Thế nào là gia hạnh của định quang minh? Tu gia hạnh nào để nhập định quang minh? Nghĩa là đối với định này, người mới tu tập trước nên khéo giữ lấy tướng của vàng trắng sáng hay tướng của

vàng mặt trời sáng, hoặc ánh sáng của vật thuốc, Mạt-ni, cung điện của chư Thiên, các tinh tú. Hoặc khéo giữ lấy ánh sáng của đèn đuốc. Hoặc khéo giữ lấy ánh sáng của thành ấp, sông đất bị thiêu đốt. Hoặc khéo giữ lấy ánh sáng của núi, đầm, đồng rộng bị đốt cháy. Hoặc lại khéo giữ lấy ánh sáng của củi bị đốt cháy hoặc mười gánh, hoặc hai mươi gánh, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, một ngàn, một trăm ngàn, hoặc vô lượng trăm gánh, vô lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn gánh. Ánh sáng của lửa ấy sáng rực, sáng rực tốt cùng, tỏa rộng, tỏa rộng khắp, theo đây chọn lấy một thứ tướng ánh sáng rồi tư duy xét kỹ, hiểu rõ, quan sát thắng giải, vững trụ phân biệt.

Bấy giờ, người ấy nếu tâm bị tán loạn, chạy theo cảnh khác, không thể chuyên nhất, không thể giữ niệm khiến trụ nơi một duyên để tư duy về các tướng ánh sáng đã chọn, đến đây chưa gọi là gia hạnh của định quang minh, cũng chưa gọi là nhập định quang minh.

Lúc đó, người ấy nếu thâm giữ tự tâm khiến không tán loạn, không chạy theo cảnh khác, có thể khiến chuyên nhất, trụ niệm nơi một duyên, tư duy về tướng của các ánh sáng như thế. Tư duy như vậy để phát khởi sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng, lúc này mới gọi là gia hạnh của định quang minh, cũng gọi là nhập định quang minh.

Người đó đối với đạo như thế đã tu tập, tu tập nhiều, liền khiến tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, một hướng đẳng trì, không hai không thoái, để tư duy về tướng của các ánh sáng như thế, bấy giờ gọi là đã nhập định quang minh, nhưng chưa gọi là tướng của định quang minh.

Thế nào là tướng của định quang minh? Nghĩa là nương dựa theo định quang minh ở trước, tư duy về tướng của các thứ ánh sáng như trước, các tướng cùng tướng, hiểu rõ, giữ lấy hình tượng đã tướng, sẽ tướng, đó gọi là tướng của định quang minh.

Tường của định quang minh này gọi là *Tường quang minh*.

Đối với tường quang minh đã khéo thâm giữ: Nghĩa là đối với tường này đã cung kính, ân cần thâm giữ, tôn trọng, tư duy về nhân, về môn, về lý, về phương tiện, về hành tướng, nên gọi là khéo thâm giữ.

Khéo tư duy: Nghĩa là đã thường xuyên khởi tường quang minh rồi thì luôn tư duy về tường quang minh, nên gọi là khéo tư duy.

Khéo tu tập: Nghĩa là đối với tường ấy luôn tu luôn tập, luôn hành luôn tác, nên gọi là khéo tu tập.

Khéo thông đạt: Nghĩa là nơi tường này, cùng hiểu rõ xét kỹ, cùng quan sát thâm định, nên gọi là khéo thông đạt.

Hoặc ngày hoặc đêm không có sai biệt: Nghĩa là như đối với ban ngày đã xét kỹ, tư duy, hiểu rõ, quan sát, thắng giải, trụ vững, phân biệt về các tướng ánh sáng như trước v.v... như thế nào, thì đến phần đêm cũng hành tác đầy đủ như thế. Rồi như ban đêm đã tìm xét, tư duy, quan sát, thắng giải phân biệt, thì sang ngày hôm sau cũng vậy. Thế nên gọi là hoặc ngày hoặc đêm không có sai biệt.

Hoặc trước hoặc sau không có sai khác: Nghĩa là nơi các trường hợp đối diện, không đối diện, thời gian trước đây hay hiện tại đều tìm xét tư duy hiểu rõ, quan sát thắng giải phân biệt các tướng ánh sáng như trước đã nêu hoàn toàn như nhau không khác. Thế nên gọi là hoặc trước hoặc sau không có sai khác.

Hoặc trên hoặc dưới không có sai biệt: Nghĩa là nơi các phương trên, dưới đều hành tác như nhau để tìm xét tư duy, hiểu rõ, quan sát thắng giải phân biệt các tướng ánh sáng như trước đã nêu. Thế nên gọi là hoặc trên hoặc dưới không có sai biệt.

Mở tâm trí: Nghĩa là phát khởi tâm cùng hành với ánh sáng đang tỏa chiếu rực rỡ.

Lìa gần che: Nghĩa là xa lìa các thứ hôn trầm thùy miên đang che, buộc tâm.

Dùng ánh sáng tu chiếu cùng tâm: Nghĩa là tu tập ánh sáng rực rỡ có tâm cùng hành.

Diệt trừ tâm tối tăm: Nghĩa là trong tâm này không khởi tướng tối tăm, chỉ khởi tướng ánh sáng, như ánh sáng của đèn đuốc xua trừ bóng tối.

Tu vô lượng định: Nghĩa là tu vô lượng định có tướng quang minh.

Đó gọi là tu định: Thế nào là định? Nghĩa là đối với ánh sáng tìm xét, tư duy, hiểu rõ, quan sát, thắng giải, trụ vững, phân biệt để khởi tâm trụ cùng trụ v.v... cho đến tánh tâm một cảnh, gọi chung là định. *Thế nào là tu?* Nghĩa là đối với định này hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tác, không bỏ gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều: Nghĩa là hiển bày đối với định này có thể đạt được tự tại.

Có thể khiến chứng đắc Trí kiến thù thắng: Thế nào gọi là trí kiến thù thắng? Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều, đạt đến phần vị viên mãn, nên từ nơi đôi mắt cũ phát khởi thiên nhãn thanh tịnh do các đại chủng của cõi Sắc tạo nên. Nương vào thiên nhãn này, sinh ra nhãn thức thanh tịnh, dựa nơi nhãn thức thanh tịnh này có thể quán xét khắp các sắc trước sau, trên dưới, hai biên. Như như từ đôi mắt cũ đã khởi Thiên nhãn thanh tịnh do các đại chủng nơi cõi Sắc tạo nên, như thế như thế sinh nhãn thức thanh tịnh, dựa vào nhãn thức này để lãnh nhận quan sát các thứ sắc kia. Đó gọi là *Trí kiến thù thắng*. *Có chỗ nói:* Nghĩa là do ý tịnh nên thắng giải quán thấy, tức nhục nhãn của người biến thành Thiên nhãn, nên gọi là Trí kiến thù thắng. Nay trong nghĩa này như trước đã nói, nhãn thức thanh tịnh tương ưng với thắng tuệ, nên gọi là trí, cũng gọi là kiến. Tức là thức của thiên nhãn tương ưng với thắng tuệ

nên lãnh nhận, quan sát các thứ sắc kia. Đó gọi là *Trí kiến thù thắng*. Người ấy đối với định này, hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều, tức có thể chứng được Trí kiến thù thắng, đạt đến thành tựu, gần gũi xúc chứng trí kiến thù thắng, nên gọi là *Chứng đắc*.

Lại nữa, tướng quang minh cùng hành với tánh tâm một cảnh, nên gọi là *định*. Tức đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tác, không bỏ gia hạnh, nên gọi là *tu*. *Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều*: Tức hiển bày sự tụ tại kia. *Có thể khiến chứng đắc Trí kiến thù thắng*: Về nghĩa đều như trước đã nói.

*

3. Tu định thứ ba:

Khéo nhận biết các thọ sinh, thọ trụ, thọ diệt, dứt hết hẳn: Nghĩa là quán xét kỹ về thọ sinh, thọ trụ, thọ diệt, trừ dứt hết hẳn các thứ đó.

Trụ niệm không phải là không trụ niệm: Nghĩa là khi quan sát kỹ về thọ sinh thì đủ niệm chánh tri. Khi quan sát kỹ về thọ trụ, thọ diệt, trừ dứt hết hẳn cũng đủ niệm chánh tri.

Khéo nhận biết các tướng, các tâm v.v...: Nghĩa là quán xét kỹ về tướng tầm sinh, tướng tầm trụ, tướng tầm diệt để diệt trừ hết hẳn.

Trụ niệm không phải là không trụ niệm: Nghĩa là quán xét kỹ về tướng tầm lúc sinh, lúc trụ, lúc diệt, trừ dứt hết hẳn đều đủ niệm chánh tri.

Đó gọi là tu định:

Thế nào là định? Tức bấy giờ người ấy khởi suy nghĩ: “Nay ta đối với các pháp nên chánh tư duy, không khởi các pháp bất thiện, khởi các pháp thiện, không khởi các pháp vô ký, khởi các pháp hữu ký, khiến các pháp bất thiện chẳng trụ lâu, khiến các pháp thiện được trụ lâu, khiến các pháp vô ký không trụ lâu, khiến các pháp hữu ký

được trụ lâu”. Người ấy bây giờ cũng quan sát tâm, cũng quan sát các pháp tâm sở. Khi quan sát các pháp tâm và tâm sở, tức khởi tâm trụ cùng trụ v.v... cho đến tánh tâm một cảnh, gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tạo, không bỏ gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều: Nghĩa là hiện bày đối với định này có thể đạt được tự tại.

Có thể khiến chứng đắc Tuệ phân biệt thắng diệu: Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều, tức có thể khiến tất cả tuệ bất thiện, tuệ dẫn đến phi lý, và tuệ bất thiện hiện có làm chướng ngại định đều được phá trừ, xả bỏ, không khởi các tuệ trái ngược ấy, sinh trưởng bền trụ tuệ thiện, do vậy nên nói có thể khiến chứng đắc *Tuệ phân biệt thắng diệu*. Tức đối với tuệ này được thành tựu gần gũi xúc chứng, nên gọi là *Chứng đắc*.

Lại nữa, quán xét kỹ về tâm thọ tướng cùng hành với tánh tâm một cảnh, *nên gọi là định*. Tức đối với định này hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tạo, không bỏ gia hạnh, *nên gọi là tu*. *Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều:* Tức hiện bày sự tự tại kia. *Có thể khiến chứng đắc Tuệ phân biệt thắng diệu:* Về nghĩa đều như trước đã nói.

*

4. Tu định thứ tư:

Đối với năm thủ uẩn thường xuyên tùy quán chứng trụ nơi sinh diệt: Nghĩa là nhận biết đúng như thật về sắc sinh cùng biến hoại. Nhận biết đúng như thật về thọ, tưởng, hành, thức sinh cùng biến hoại.

Đó gọi là tu định:

Thế nào là định? Nghĩa là thường xuyên tùy quán về sự sinh diệt của năm thủ uẩn này, khởi lên tâm trụ cùng trụ v.v... cho đến tánh tâm một cảnh, gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tạo, không bỏ gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều: Nghĩa là hiển bày đối với định này có thể đạt được tự tại.

Có thể khiến chứng đắc Các lậu vĩnh viễn dứt hết: Lậu tức ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người ấy đối với định này, hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều, tức có thể khiến ba lậu dứt hết cùng dứt hết, dứt sạch rốt ráo, nên gọi là *Các lậu vĩnh viễn dứt hết*. Nơi sự dứt sạch này được thành tựu, gần gũi xúc chứng, nên gọi là *Chứng đắc*.

Lại nữa, ở bậc tĩnh lự thứ tư gồm thâm xả niệm thanh tịnh cùng hành, tiến đến quả A-la-hán, đạo vô gián gồm thâm tánh tâm một cảnh, nên gọi là *định*. Tức đối với định này, hoặc tu hoặc tập, luôn hành luôn tạo, không bỏ gia hạnh, nên gọi là *tu*. *Hoặc tu hoặc tập, hoặc hành tác nhiều:* Tức hiển bày sự tự tại kia. *Có thể khiến chứng đắc Các lậu vĩnh viễn dứt hết:* Về nghĩa đều như trước đã nói.

Phẩm 15: GIÁC CHI, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có Bí-sô đến chỗ Phật, đánh lễ nơi chân Phật, đứng qua một bên, bạch Phật: Đức Thế Tôn thường nói đến Giác chi. Vậy Giác chi được nói ấy nghĩa như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo: Giác chi đây nói rõ là 7 Giác chi. *Những gì là bảy?* **1.** Giác chi niệm. **2.** Giác chi trạch pháp. **3.** Giác chi tinh tấn. **4.** Giác chi hỷ. **5.** Giác chi khinh an. **6.** Giác chi định. **7.** Giác chi xả. Các giác chi như thế lần lượt sinh khởi, theo thứ tự chứng đắc tu tập khiến viên mãn.

Khi đó, Bí-sô kia lại bạch Phật: Thế nào là các Giác chi theo thứ tự sinh khởi, theo thứ tự chứng đắc tu tập khiến viên mãn?

Đức Phật bảo Bí-sô: Nếu đối với thân luôn theo dõi quán thân, an trụ trong chánh niệm, xa lìa ngu si, bấy giờ liền khởi giác chi niệm. Được giác chi niệm nên tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do niệm này nên đối với các pháp đã lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, xét tìm khắp, xét tìm rất kỹ lưỡng, khi đó liền khởi giác chi trạch pháp. Được giác chi trạch pháp thì tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do trạch pháp nên phát khởi sức siêng năng tinh tấn, tâm không thấp kém, bấy giờ liền khởi giác chi tinh tấn. Được giác chi tinh tấn tức tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do tinh tấn nên phát sinh hỷ thù thắng, xa lìa ái vị, lúc này liền khởi giác chi hỷ. Được giác chi hỷ nên tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do hỷ này nên thân tâm đều được khinh an, xa lìa mọi thứ thô nặng, bấy giờ liền khởi giác chi khinh an. Được giác chi khinh an tức tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do khinh an nên thọ nhận diệu lạc, an lạc nên tâm định, khi đó liền khởi giác chi định. Được giác chi định thì tu tập khiến được viên mãn. Người ấy do tâm định nên có thể diệt trừ các tham ưu trụ nơi xả tăng thượng, bấy giờ liền khởi giác chi xả. Được giác chi xả nên tu tập khiến được viên mãn.

Đối với Thọ, Tâm, Pháp trụ nơi tuần tự quán Thọ Tâm Pháp nói rộng cũng như vậy. Các giác chi như thế, theo thứ tự sinh khởi, thứ tự chứng đắc, tu tập khiến được viên mãn.

*

1. Thế nào là giác chi Niệm?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Nếu các đệ tử Thánh đối với nội thân này, trụ nơi tuần tự quán thân, có đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ các tham ưu của thế gian. Đối với ngoại thân, đối với nội ngoại thân, cũng trụ nơi tuần tự quán thân, có đủ chánh

cần, chánh tri, chánh niệm, trừ bỏ mọi tham ưu của thế gian. Lại đối với nội, ngoại, cả nội ngoại của ba thứ Thọ Tâm Pháp, nói rộng cũng như vậy.

Khi tu tập bốn Niệm trụ như thế, các tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với các niệm, tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không mất pháp, tánh tâm ghi rõ, gọi chung là niệm, cũng gọi là niệm căn, cũng gọi là niệm lực, cũng gọi là niệm giác chi, cũng gọi là chánh niệm. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế gian của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, tạo được biên vực tận cùng của khổ. Những vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Các tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với các niệm, tùy niệm v.v... nói rộng cho đến tánh tâm ghi rõ. Đó gọi là *giác chi Niệm*.

*

2. Thế nào là giác chi Trạch pháp?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: “Nếu hàng đệ tử Thánh có thể nhận biết đúng như thật về pháp thiện, pháp bất thiện, pháp có tội, pháp không tội, pháp nên tu, pháp không nên tu, pháp thấp kém, pháp thắng diệu, pháp đen trắng, pháp có đối nghịch, pháp duyên sinh v.v...”.

Ở đây:

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp thiện, pháp bất thiện: Thế nào là pháp thiện? Nghĩa là nghiệp thân, ngữ thiện, tâm và tâm sở pháp thiện, tâm thiện không tương ưng với hành cùng trạch diệt, đó gọi là pháp thiện. *Thế nào là pháp bất thiện?* Nghĩa là nghiệp

thân, ngũ bất thiện, tâm và tâm sở pháp bất thiện, tâm bất thiện không tương ưng với hành, đó gọi là pháp bất thiện. Người ấy đối với pháp thiện, pháp bất thiện như thế, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp thiện, pháp bất thiện.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp có tội, pháp không tội: Thế nào là pháp có tội? Nghĩa là ba hành ác, ba căn bất thiện, mười đạo nghiệp bất thiện, đó gọi là pháp có tội. *Thế nào là pháp không tội?* Nghĩa là ba hành diệu, ba căn thiện, mười đạo nghiệp thiện, đó gọi là pháp không tội. Người ấy đối với pháp có tội, pháp không tội như thế, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp có tội, pháp không tội.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp nên tu, pháp không nên tu: Thế nào là pháp nên tu? Nghĩa là ba hành diệu, ba căn thiện, mười đạo nghiệp thiện, gần gũi các bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành, cung kính lắng nghe, thưa hỏi, nghiêm giữ căn môn, ăn uống biết chừng mực, đầu hôm cuối đêm luôn thức, siêng tu pháp thiện v.v..., đó gọi là pháp nên tu. Lại nữa, bốn niệm trụ, bốn chánh thắng, bốn thân túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn chánh hành, bốn pháp tích, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na v.v... cũng gọi là pháp nên tu. *Thế nào là pháp không nên tu?* Nghĩa là ba hành ác, ba căn bất thiện, mười đạo nghiệp bất thiện, gần gũi với không phải bậc Thiện sĩ, lắng nghe pháp tà, tác ý không như lý, hành hạnh phi pháp, không cung kính lắng nghe, không cung kính thưa hỏi, không nghiêm giữ căn môn, ăn uống không biết chừng mực, đầu hôm cuối đêm ham ngủ nghỉ, không siêng tu pháp thiện v.v..., đó gọi là pháp không nên tu. Người ấy đối với pháp nên tu, pháp không nên tu như thế, dùng chánh tuệ

như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp nên tu, pháp không nên tu.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp thấp kém, pháp thắng diệu: Thế nào là pháp thấp kém? Nghĩa là pháp bất thiện, pháp hữu phú vô ký, đó gọi là pháp thấp kém. Thế nào là pháp thắng diệu? Nghĩa là các pháp thiện, pháp vô phú vô ký, đó gọi là pháp thắng diệu. Người ấy đối với pháp thấp kém, pháp thắng diệu như thế, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp thấp kém, pháp thắng diệu.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp đen trắng: Thế nào là pháp đen trắng? Pháp bất thiện gọi là đen, pháp thiện gọi là trắng. Pháp có tội gọi là đen, pháp không tội gọi là trắng. Pháp không nên tu gọi là đen, pháp nên tu gọi là trắng. Pháp thấp kém gọi là đen, pháp thắng diệu gọi là trắng v.v... Người ấy đối với pháp đen trắng như thế, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp đen trắng.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp có đối nghịch: Thế nào là pháp có đối nghịch? Nghĩa là tham, không tham đối nghịch nhau, sân giận, không sân giận, si mê, không si mê v.v... đối nghịch nhau, đó gọi là pháp có đối nghịch. Người ấy đối với pháp có đối nghịch như thế, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tầm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp có đối nghịch.

Có thể nhận biết đúng như thật về pháp duyên sinh: Thế nào là pháp duyên sinh? Nghĩa là pháp duyên khởi và pháp duyên đã sinh, gọi chung là pháp duyên sinh. Người ấy đối với pháp duyên sinh như

thể, dùng chánh tuệ như thật để lựa chọn, lựa chọn tận cùng, tâm tư khắp, tìm xét khắp, tìm xét thật kỹ lưỡng. Đó gọi là có thể nhận biết đúng như thật về pháp duyên sinh.

Người ấy nhận biết đúng thật về pháp thiện, pháp bất thiện v.v... nói rộng cho đến pháp duyên sinh, lúc này tác ý vô lậu hiện có tương ưng đối với pháp đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng, lựa chọn tận cùng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, thông đạt sáng tỏ thâm xét tường tận, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là tuệ, cũng gọi là tuệ căn, cũng gọi là tuệ lực, cũng gọi là giác chi trạch pháp, cũng gọi là chánh kiến. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Các tác ý vô lậu hiện có tương ưng đối với pháp đều lựa chọn v.v... nói rộng cho đến hành Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là *giác chi Trạch pháp*.

*

3. Thế nào là giác chi Tinh tấn?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Như các đệ tử Thánh:
 a. Vì nhằm đoạn trừ các pháp ác bất thiện đã sinh, nên phát khởi những mong muốn (mong muốn), phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.
 b. Vì nhằm ngăn trừ các pháp ác bất thiện chưa sinh sẽ không sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.
 c. Vì khiến các pháp thiện chưa sinh được sinh, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ

vững tâm. d. Vì khiến các pháp thiện đã sinh được bền trụ, không quên, luôn tu đầy đủ, bội tăng rộng lớn đến trí tác chứng, nên phát khởi những mong muốn, phát sinh sức siêng năng tinh tấn, thúc đẩy tâm, giữ vững tâm.

Người ấy khi tu tập bốn Chánh thắng như thế, tác ý vô lậu hiện có đều tương ứng với các sức siêng năng tinh tấn, thể dụng mạnh mẽ, hăng hái tốt bậc, khó ngăn cản, tâm ý luôn cố gắng không dừng, gọi chung là tinh tấn, cũng gọi là căn tinh tấn, cũng gọi là lực tinh tấn, cũng gọi là giác chi tinh tấn, cũng gọi là chánh cần. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Các tác ý vô lậu hiện có đều tương ứng với các sức siêng năng tinh tấn v.v... nói rộng cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là *giác chi Tinh tấn*.

*

4. Thế nào là giác chi Hỷ?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chư Phật, gọi đây là Đức Thế Tôn, là Như Lai, A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật – Bạc Già Phạm. Các đệ tử Thánh ấy khi dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến Phật, nên tham không trói buộc tâm, sân không trói buộc tâm, si không trói buộc tâm. Ở chỗ Như Lai tâm người ấy chánh trực, tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ Như Lai có thể dẫn phát

niềm vui, vui nên sinh tâm hỷ, hỷ nên thân an, thân an nên thọ lạc, lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ chư Phật tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chánh pháp. Nghĩa là chánh pháp của Phật đã khéo giảng nói, hiện thấy, không bức não, đúng thời, dẫn dắt, quán gạn, người trí được nội chứng. Các đệ tử Thánh ấy khi dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến pháp, nên tham sân si không trói buộc tâm. Ở chỗ chánh pháp tâm người ấy chánh trực. Tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ chánh pháp có thể dẫn phát niềm vui. Vui nên sinh tâm hỷ. Hỷ nên thân an. Thân an nên thọ lạc. Lạc nên tâm định. Tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ chánh pháp tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến Tăng già. Nghĩa là các đệ tử Phật có đầy đủ hành diệu, hành ngay thẳng, thành thật, hành như lý, hành pháp tùy pháp, hành hòa kính, hành thuận pháp v.v... Lại, các đệ tử Phật có hướng Dự lưu, quả Dự lưu, có hướng Nhất lai, quả Nhất lai, có hướng Bất hoàn, quả Bất hoàn, có hướng A-la-hán, quả A-la-hán. Như vậy gọi chung là có bốn hướng bốn quả Bồ-đặc-già-la. Tăng già như thế có đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, nên được mời thỉnh, nên quy phục, nên cung kính, là phước điền vô thượng, đáng được thế gian cúng dường. Các đệ tử Thánh khi dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến Tăng già, nên không bị tham sân si trói buộc tâm. Ở chỗ Tăng già tâm người

ấy chánh trực. Tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ Tăng già có thể khởi sinh niềm vui. Vui nên sinh tâm hỷ. Hỷ nên thân an. Thân an nên thọ lạc. Lạc nên tâm định. Tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ Tăng già tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến giới của mình. Nghĩa là tịnh giới của mình không hề thiếu sót, không có uế tạp, có thể thọ nhận cúng dường, không ản giấu, khéo rớt ráo, khéo thọ trì, bậc trí luôn khen ngợi, không hề chê trách. Các đệ tử Thánh ấy khi dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến giới của mình, nên không bị tham sân si trói buộc tâm. Ở chỗ tự giới tâm người ấy chánh trực, tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ tự giới có thể phát khởi niềm vui, vui nên sinh tâm hỷ, hỷ nên thân an, thân an nên thọ lạc, lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ tự giới tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến hành thí của mình. Nghĩa là ta nay khéo có được thắng lợi, tuy đang ở giữa các chúng sinh bị trói buộc do vô số cấu uế của tham lam keo kiệt, nhưng tâm luôn xa lìa nẻo xấu ác, có thể hành tuệ thí. Tuy ở tại gia, nhưng không tham đắm nơi tất cả tiền tài, vật báu, luôn rộng hành bố thí, tạo cúng tế lớn, cúng dường các bậc phước điền, ban thí đầy đủ, vui thích phân phát bình đẳng. Các đệ tử Thánh ấy dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến hành thí của mình, nên không bị tham sân si trói buộc tâm. Ở chỗ tự hành thí

tâm người ấy chánh trực, tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ tự hành thí có thể khởi niềm vui, vui nên sinh tâm hỷ, hỷ nên thân an, thân an nên thọ lạc, lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ tự hành thí tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, Đại Danh nên biết! Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế theo đây nhớ nghĩ đến chư Thiên. Nghĩa là có trời Tứ Đại vương chúng, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại v.v... Các trời như thế do đã thành tựu về tín, giới, vãng, xả, tuệ, nên khi ở xứ này qua đời, được sinh trong các cõi trời ấy thọ hưởng diệu lạc. Nay ta cũng có các thứ tín, giới, vãng, xả, tuệ, cũng sẽ được sinh lên các cõi đó, cùng với chúng chư Thiên đồng thọ hưởng diệu lạc. Các đệ tử Thánh ấy khi dùng tướng như thế để nhớ nghĩ đến chư Thiên, nên không bị tham sân si trói buộc tâm. Ở chỗ chư Thiên tâm người ấy chánh trực, tâm chánh trực nên được uy lực của nghĩa, được uy lực của pháp. Ở chỗ chư Thiên có thể sinh khởi niềm vui, vui nên sinh tâm hỷ, hỷ nên thân an, thân an nên thọ lạc, lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các hữu tình bất bình đẳng được trụ nơi bình đẳng, đối với các hữu tình có não hại được trụ nơi không não hại, được dựa vào dòng pháp. Ở chỗ chư Thiên tu tập tùy niệm v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Người ấy khi tu tập sáu pháp tùy niệm như thế, nên tác ý vô lậu hiện có tương ưng với tâm vui, rất vui, hiện tiền rất vui, tánh vui, loại vui, hợp ý, vừa ý, tánh hỷ, loại hỷ, thích hòa hợp, không biệt ly, hân hoan, tánh có thể đảm nhận công việc, phấn khích, tánh phấn khích, hoan hỷ, tánh hoan hỷ, gọi chung là Hỷ, cũng gọi là giác chi Hỷ. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất

thế gian của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Tác ý vô lậu hiện có tương ưng với tâm vui, rất vui v.v... nói rộng cho đến hoan hỷ, tánh hoan hỷ. Đó gọi là *giác chi Hy*.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 9

Phẩm 15: GIÁC CHI, phần 2

5. Thế nào là giác chi Khinh an?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Khánh Hỷ nên biết! Khi nhập tĩnh lự thứ nhất thì mọi ngôn ngữ lặng dứt. Do đây làm duyên nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ nhất.

Khi nhập tĩnh lự thứ hai thì tâm, tứ đều lặng dứt. Do đây làm duyên nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ hai.

Khi nhập tĩnh lự thứ ba thì các hỷ lặng dứt. Do đây làm duyên nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ ba.

Khi nhập tĩnh lự thứ tư thì các hơi thở vào ra đều lặng dứt. Do đây làm duyên nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ tư.

Khi nhập định diệt tướng thọ thì tướng, thọ đều lặng dứt. Do đây làm duyên nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ năm.

Khánh Hỷ nên biết! Lại có khinh an thượng diệu thứ sáu, là hơn hẳn, là tối thượng, là trên hết, là vô thượng. Khinh an như thế là tối thượng, tối diệu, không còn khinh an nào khác có thể hơn được. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là tâm từ tham lìa nhiễm, được giải thoát. Tâm từ sân, si lìa nhiễm, được giải thoát. Đây gọi là tướng thuận khinh an thứ sáu.

Khi tư duy về tướng này, tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với thân khinh an, tâm khinh an, tánh khinh an, loại khinh an, gọi chung là khinh an, cũng gọi là giác chi khinh an. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế gian của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với thân khinh an, tâm khinh an, tánh khinh an, loại khinh an. Đó gọi là *giác chi Khinh an*.

*

6. Thế nào là giác chi Định?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Ta nói dựa vào tĩnh lự thứ nhất thì có thể diệt hết các lậu”. Ta nói như vậy: “Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên, xứ Vô sở hữu v.v... thì có thể diệt hết các lậu”.

Bí-sô nên biết! Như Lai dựa vào đâu để nói: “Nếu nương vào tĩnh lự thứ nhất thì có thể diệt hết các lậu?”. Nghĩa là có Bí-sô, trước đây do tướng trạng của các hành như thế nên lìa dục và các pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Nhưng người này không tư duy đầy đủ về tướng trạng của các

hành như thế, chỉ tư duy về các thứ sắc thọ tưởng hành thức đã hướng đến, đã đạt được. Nghĩa là xem các pháp này như bệnh hoạn, như ung nhọt, như mũi tên độc não hại, chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã. Người ấy đối với các pháp này thâm tâm chán ghét, sợ hãi, ngăn trừ, sau đây thì thâm giữ tâm, đặt vào cảnh giới cam lồ, tư duy về cảnh giới ấy là tịch tĩnh vi diệu, bỏ tất cả các thứ dựa vào ái, lia hết nhiễm, trụ nơi Niết-bàn vĩnh viễn tịch diệt. Như nhà thiện xạ hoặc các học trò của ông ta, trước học cách bắn gần, bắn những hình người bằng bùn, bằng cỏ bện lại v.v... sau mới có thể bắn xa, những vật lớn chắc cũng khiến bị tan vỡ. Các Bí-sô cũng vậy. Trước do tướng trạng của các hành như thế, lia dục và các pháp ác bất thiện, có tầm có tứ, đạt ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Nhưng người ấy không tư duy đầy đủ về tướng trạng của các hành như thế, chỉ tư duy về các thứ sắc thọ tưởng hành thức đã hướng đến, đã đạt được. Nghĩa là xem các pháp này như bệnh hoạn, như ung nhọt, như mũi tên độc não hại, chúng là vô thường, khổ, không, vô ngã. Người kia đối với các pháp đó thâm tâm chán ghét, sợ hãi, ngăn trừ, sau đây thì thâm giữ tâm, đặt vào cảnh giới cam lồ, tư duy về cảnh giới ấy là tịch tĩnh vi diệu, bỏ tất cả các thứ dựa vào ái, lia hết nhiễm, trụ nơi Niết-bàn vĩnh viễn tịch diệt. Người đó thấy như thế, biết như thế, nên từ dục lậu tâm được giải thoát, cũng từ hữu lậu, vô minh lậu tâm được giải thoát. Được giải thoát rồi, tức có thể tự thấy biết: Ta được giải thoát. Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ nhận thân sau. Như Lai dựa vào các việc như thế mà nói: “Nương vào tĩnh lự thứ nhất thì có thể diệt hết các lậu”.

Như nói dựa vào tĩnh lự thứ nhất có thể diệt hết các lậu, thì nói dựa vào các tĩnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, cùng xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên, xứ Vô sở hữu v.v... đều có thể diệt hết các lậu, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như vậy.

Nghĩa là tĩnh lự thứ hai nên nói như vậy: Lại có Bí-sô, trước do các tướng trạng của các hành như thế, tầm tứ đều vắng lặng, bên

trong đều tịnh, tánh tâm một cảnh, không tâm không tứ, định sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ hai. Người này không tư duy đầy đủ về tướng trạng của các hành như thế v.v... nói rộng cho đến xứ Vô sở hữu nên nói như vậy: Lại có Bí-sô, trước do tướng trạng của các hành như thế, vượt tất cả các thứ nơi xứ Thức vô biên nhập Vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ Vô sở hữu. Nhưng người ấy không tư duy đầy đủ về tướng trạng của các hành như thế, chỉ tư duy về sắc thọ tưởng hành thức đã hướng đến, đã đạt được v.v... nói rộng cho đến Bí-sô nên biết! Cho đến tướng định cũng có thể làm được các việc nên làm như thế.

Lại có xứ Phi tướng phi phi tướng và định diệt tận, Như Lai nói Bí-sô tu định đối với pháp ấy nên nhiều lần xuất nhập.

Vị ấy khi tu bảy lần dựa nơi định như thế, các tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với tâm trụ cùng trụ v.v... cho đến tánh tâm một cảnh, gọi chung là định, cũng gọi là định căn, cũng gọi là định lực, cũng gọi là giác chi định, cũng gọi là chánh định. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế gian của Phật tùy chuyển, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Các tác ý vô lậu hiện có đều tương ưng với tâm trụ cùng trụ v.v... cho đến tánh tâm một cảnh. Đó gọi là *giác chi Định*.

*

7. Thế nào là giác chi Xả?

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô tư duy về giới đoạn, giới lia, giới diệt v.v... do đầy phát khởi tánh của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh. Người ấy suy nghĩ: Ta nay nên đối

với các pháp thuận theo tham sân si để lia bỏ tham sân si, do đây phát khởi tánh của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh. Người ấy lại suy nghĩ: Ta nay đối với các pháp tham sân si, tâm không thâm giữ, do đây phát khởi tánh của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh. Người ấy tư duy xét kỹ về sáu pháp thuận xả, các tác ý vô lậu hiện có đều tương ứng với tánh của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh, gọi chung là Xả, cũng gọi là giác chi Xả. Đây là đạo tùy hành, đạo cùng có, đạo không chấp giữ, đạo vô lậu xuất thế gian của Phật tùy duyên, có thể chính thức diệt hết các khổ, trụ nơi biên vực tận cùng của khổ. Các vị hữu học nơi các hành như đã thấy, nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Ở trong các hành nên thấy sâu về các lỗi lầm tai họa của chúng. Đối với Niết-bàn luôn thấy rõ về công đức. Hoặc bậc A-la-hán như tâm giải thoát nên tư duy quan sát khiến đạt đến cứu cánh. Các tác ý vô lậu hiện có đều tương ứng với tánh của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, trụ nơi tịch tĩnh. Đó gọi là *giác chi Xả*.

Phẩm 16: TẠP SỰ

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Các vị nếu có thể đoạn dứt vĩnh viễn một pháp, Ta có thể tin chắc vị ấy nhất định sẽ được một pháp Bất hoàn. Nghĩa là như tham nếu được đoạn dứt vĩnh viễn, Ta có thể tin chắc vị ấy nhất định được pháp Bất hoàn.

Như thế, các thứ sân, si, phẫn, hận, phú (che giấu), não, tật (ganh ty), xan (keo kiệt), cuồng (lừa dối), siểm (dua nịnh), vô tầm (không hổ), vô quý (không thẹn), mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn, kiêu, phóng dật, ngạo, phát

phẫn, dối hiện hư giả, dối trá quỷ quyết, hiện tướng, nói lời gây cảm kích, dùng lợi cầu lợi, dục ác, dục lớn, hiển bày dục, không hỷ túc (tri túc), không cung kính, dấy khởi lời thô ác, thích bạn xấu ác, không thể nhẫn chịu, đam mê đam mê khắp, tham nhiễm, tham phi pháp, tham chấp, tham ác, hữu thân kiến, hữu kiến, không kiến, tham dục, giận dữ, hôn trầm, ham ngủ, trạo cử, ó tác, nghi hoặc, rối loạn mờ tối, không vui, thân buông miệng ngáp, ăn uống không điều độ, tánh của tâm mê mờ, yếu kém, có vô số tướng, không tác ý, thô trọng, tiếp xúc xung đột, tham ăn tham uống, tánh không nhu hòa, tánh không điều thuận, không thuận với đồng loại, tầm dục, tầm giận dữ, tầm hại, tầm về xóm làng, tầm về đất nước, tầm bất tử, tầm khinh miệt kẻ khác, tầm về tộc họ giả, sầu, than, khổ, ưu, nhiều não. Đối với một pháp trong số ấy, nếu đoạn dứt vĩnh viễn, Ta có thể tin chắc vị ấy nhất định được pháp Bất hoàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thu tóm các nghĩa vừa nói, liền đọc tụng:

*Tham buộc chặt hữu tình
Luôn đến các nẻo ác
Người trí đoạn dứt hết
Không trở lại cõi này.*

Như thế sân, si v.v... cho đến ưu, nhiều não, mỗi mỗi thứ đều có tụng riêng như tụng về tham, nên biết.

Thế nào là Tham? Nghĩa là đối với các cảnh dục, các thứ tham cùng tham, cầm giữ, chứa cất, phòng hộ, chấp chặt, yêu mến, ưa thích, mê muội, đắm trước, đắm trước khắp, mong cầu, buộc trói, bên trong vương mắc, tích tập các khổ, là loại tham, sinh ra tham v.v..., gọi chung là Tham.

Thế nào là Sân? Nghĩa là đối với các hữu tình muốn gây tổn hại, tâm ôm giữ xấu ác nhằm tạo khổ não. Đã giận dữ và sẽ giận dữ,

thích gây tai họa, tâm ý phần hận, luôn tạo trái ngược với mọi người, đã, đang và sẽ gây lỗi lầm tai họa v.v..., gọi chung là Sân.

Thế nào là Si? Nghĩa là đối với phần trước không biết, phần sau không biết, cả trước sau đều không biết, trong, ngoài, cả trong ngoài đều không biết. Không biết nghiệp, không biết dị thực (quả báo), không biết dị thực của nghiệp, không biết đối với thiện tạo nghiệp, đối với ác tạo nghiệp, đối với thiện ác tạo nghiệp. Đối với nhân không biết, không biết các pháp do nhân sinh ra. Không biết Phật, Pháp và Tăng, không biết khổ, tập, diệt, đạo. Không biết các pháp: thiện, bất thiện, có tội, không tội, nên tu, không nên tu, thấp kém, thắng diệu, trắng, đen, có đối nghịch, do duyên sinh. Đối với sáu xúc xứ như thật không biết. Không thấy, không biết như thế nên không hiện quán, tối tăm ngu si, không sáng, mịt mờ, ngăn vây buộc trói, phát sinh cận đục ám độn, phát sinh không mắt, phát sinh không trí, phát sinh tuệ kém, ngăn ngại các phẩm thiện, khiến không chứng đắc Niết-bàn, có lậu vô minh, bực lưu vô minh, ách vô minh, cộng độc vô minh, lá độc vô minh, hoa độc vô minh, si, cùng si, rất si, bướng, cùng bướng, rất bướng, là loại si, sinh ra si v.v..., gọi chung là Si.

Thế nào là Phẫn? Phẫn có hai loại: 1. Thuộc về ái. 2. Thuộc về không ái. *Phẫn thuộc về ái:* Nghĩa là như có hữu tình đối với cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, nam nữ, cùng bà con, bạn bè thân thiết khác v.v... sinh khởi phần nộ, như bảo: Vì sao không cho ta vật ấy, lại đưa ta vật như thế? Tại sao không để ta làm việc ấy, lại bảo ta làm việc như vậy? Do đó sinh ra các thứ phần cùng phần, phần khắp, phần nộ cùng cực, đã, đang và sẽ phần nộ. Nóng nảy phần uất, hung bạo thô ác, tâm phát khởi giận, khởi sắc xấu, nói lời ác. Đó gọi là phần thuộc về ái. *Phẫn không thuộc về ái:* Nghĩa là có một loại hữu tình tự suy nghĩ: Nay người kia đối với ta muốn làm các thứ vô nghĩa, không lợi ích, không an lạc, không thấm nhuần, không an ổn. Người kia đối với ta đã, đang và sẽ tạo nhiều thứ vô nghĩa. Lại có nhiều người

khác đối với ta muốn tạo các thứ vô nghĩa v.v... cho đến không an ổn, nhưng đối với người kia thì họ muốn tạo các việc có nghĩa, có lợi ích, an lạc, thâm nhuần, an ổn. Họ đối với người kia đã, đang và sẽ tạo các việc có nghĩa. Có các kẻ khác đối với ta muốn tạo các thứ có nghĩa v.v... cho đến an ổn, nhưng đối với người kia thì muốn tạo các việc vô nghĩa v.v... cho đến không an ổn. Do đó nên phát sinh các thứ phần cùng phần v.v... cho đến khởi sắc xấu, nói lời ác. Đó gọi là phần không thuộc về ái. *Hai thứ ấy gọi chung là Phẫn.*

Thế nào là Hận? Nghĩa là có một loại hữu tình suy nghĩ: Người kia đối với ta muốn làm các việc vô nghĩa v.v... nói rộng như trước, ta cũng nên làm như vậy đối với người kia. Do đấy có thể phát sinh phần nộ, từ sân sinh ra, thường ôm giữ phần nộ, kết thành các hận cùng hận, hận khắp, tạo ra các nghiệp khó chuyển, bị các nghiệp trôi buộc, khởi tạo các nghiệp bền chắc, gây các oán hận, tánh của tâm oán hận v.v..., gọi chung là Hận.

Thế nào là Phú (Che giấu)? Nghĩa là có một loại hữu tình phá giới, phá kiến, phá tịnh mạng, phá khuôn phép, đối với giới đã thọ không thể giữ rất ráo, không thể thuần tịnh, không thể viên mãn. Người ấy tự biết điều mình đã phạm từ lâu, suy nghĩ: Nếu ta hướng tới kẻ khác, nêu bày nói rõ các sự việc đã phạm, tức có sự chê trách cho là xấu xa, lại bị hỏi tội, hạch tội, hủy nhục, không còn được người khác cúng dường, cung kính. Ta thà nhân đây bị đọa vào ba nẻo ác, trọn không tự khai ra các điều đã phạm. Người này đã sợ bị chê trách v.v... cho đến sợ mất sự cúng dường, cung kính, nên đối với tội mình đã phạm liền khởi che giấu cùng che giấu, che giấu khắp, ẩn giấu, cùng ẩn giấu, ẩn giấu khắp, ngăn giữ, cùng ngăn giữ, ngăn giữ khắp, đã, đang và sẽ che giấu v.v..., gọi chung là Phú.

Thế nào là Nã? Nghĩa là có một loại hữu tình ở trong Tăng chúng, nhân nơi pháp phi pháp dấy khởi tranh cãi. Các Bì-sô vì muốn hòa thuận, yên ổn, nên ra sức khuyên can chỉ dẫn, nhưng người ấy cố

tình không nghe. Đây là tánh không nhận lời khuyên can, tánh không nghe lời chỉ dạy, tánh cố chấp, tánh giữ chặt ý mình, tánh giữ lấy điều không chánh đáng, tánh không biết giúp đỡ, tánh khó khuyên bỏ, tánh ứng đối vụng về, tánh bướng bỉnh của loài sư tử, tánh của tâm là loài sâu độc, tánh của tâm hung dữ v.v..., gọi chung là Não.

Thế nào là Tật (Ganh tị)? Nghĩa là có một loại hữu tình thấy người khác nhận được cung kính, cúng dường, tôn trọng khen ngợi, đủ cả năm trần đáng yêu thích, cùng các thứ y phục, thức ăn uống, ngọ cụ, thuốc men và những vật dụng khác, nên suy nghĩ: Kẻ ấy đã được cung kính, cúng dường v.v..., còn ta thì không được. Do đây phát sinh buồn bực, khổ sở, rất buồn bực khổ sở, ghét bỏ, ganh tỵ hết mực v.v..., gọi chung là Tật.

Thế nào là Xan (Keo kiệt)? Xan có hai loại: 1. Xan về tiền của. 2. Xan về pháp. *Xan về tiền của:* Nghĩa là đối với năm trần đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, ngọ cụ, thuốc men và những vật dụng khác hiện có, tâm luôn gây chướng ngại, ngăn cấm, khiến người khác không đạt được. Đối với tiền của, vật dụng hiện có của mình, thì không hề bố thí, không bố thí khắp, không tùy bố thí khắp, không xả, không xả khắp, không tùy xả pháp, tánh của tâm luôn tiếc lặn. Đó gọi là Xan về tiền của. *Xan về pháp:* Nghĩa là đối với các pháp hiện có như Tổ-đất-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma, hoặc do các vị Thân giáo sư (Hòa thượng), Quĩ phạm sư (A-xà-lê) chỉ dạy truyền trao, hoặc do lần lượt lưu truyền các pháp chính yếu v.v... thì ngăn cấm, gây chướng ngại, khiến người khác không được nghe học, tu hành. Đối với các pháp như trên tự mình hiện có cũng không trao truyền giảng nói, không cho, không cho khắp, không tùy cho khắp, không xả, không xả khắp, không tùy xả khắp, tánh của tâm luôn tiếc lặn. Đó gọi là Xan về pháp. *Hai thứ ấy gọi chung là Xan.*

Thế nào là Cuồng (Dối lừa)? Nghĩa là đối với kẻ khác, đã giả đầu, tráo thẳng, sửa cân, bớt thước, nói lời dối trá quỷ quyệt, bày trò

phỉnh gạt v.v... khiến người khác cho là thật, là đúng. Các thứ dối lừa, dối lừa khắp, dối lừa cùng cực v.v..., gọi chung là Cuồng.

Thế nào là Siểm (Dua nịnh)? Nghĩa là tánh của tâm ẩn giấu, tâm quanh co, tráo trở, sâu hiểm, tâm không hiển bày, tâm không ngay thẳng, tâm không đảm nhận v.v..., gọi chung là Siểm.

Thế nào là Vô tà (Không hổ)? Nghĩa là không biết xấu hổ, không bị xấu hổ, không xấu hổ riêng, không tui hổ, không tui hổ riêng, không kính trọng, tánh không kính trọng, không tự tại, tánh không tự tại, đối với người tự tại, không biết sợ hãi, chuyển đổi, gọi chung là Vô tà.

Thế nào là Vô quý (Không thẹn)? Nghĩa là không thẹn, không bị thẹn, không thẹn riêng, không tui thẹn, không tui thẹn riêng, đối với các tội không biết sợ hãi, không thấy sợ hãi, gọi chung là Vô quý.

Thế nào là Mạn? Nghĩa là đối với kẻ thấp kém cho là mình hơn, hoặc đối với người cao hơn cho là mình bằng, do đầy khởi kiêu mạn, đã mạn, đang mạn, sẽ mạn, tâm luôn đề cao cây mình, tâm tự chấp giữ, gọi chung là Mạn.

Thế nào là Quá mạn? Nghĩa là đối với kẻ ngang bằng cho là mình hơn, hoặc đối với kẻ hơn cho là mình ngang với họ, do đầy khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Quá mạn.

Thế nào là Mạn quá mạn? Nghĩa là đối với kẻ hơn mình cho là mình hơn họ, do đầy khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Mạn quá mạn.

Thế nào là Ngã mạn? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, theo đầy quán thấy có ngã và ngã sở, do đầy khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Ngã mạn.

Thế nào là Tăng thượng mạn? Nghĩa là chưa được cho là được, chưa thấu đạt cho là đã thấu đạt, chưa tiếp xúc cho là đã tiếp xúc,

chưa chứng đắc cho là đã chứng đắc, do đây khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Tăng thượng mạn.

Thế nào là Ty mạn? Nghĩa là đối với kẻ hơn mình nhiều tự cho là mình chỉ thua kém ít, do đây khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Ty mạn.

Thế nào là Tà mạn? Nghĩa là mình không có đức lại cho là có đức, do đây khởi kiêu mạn v.v... cho đến tâm tự chấp giữ, gọi chung là Tà mạn.

Thế nào là Kiêu? Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Dòng dõi của ta, từ gia tộc, sắc lực, nghề nghiệp kỹ năng, hoặc tiền bạc, phần vị, hoặc giới định tuệ v.v... mỗi mỗi thứ đều thù thắng, do đây khởi kiêu căng, hết sức kiêu căng, say sưa càng say sưa, mê muội, rất mê muội, tâm hách dịch, phóng túng, tâm tự chấp giữ sinh khởi đủ thứ kiêu căng, cao ngạo, tánh của tâm kiêu căng khắp, gọi chung là Kiêu.

Thế nào là Phóng dật? Nghĩa là đối với việc đoạn trừ các pháp bất thiện, tích tập các pháp thiện v.v... không tu không tập, không hành không tạo, xả bỏ gia hạnh v.v..., gọi chung là Phóng dật.

Thế nào là Ngạo? Nghĩa là có một loại hữu tình, đối với người nên cúng dường thì không cúng dường, nên cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng khen ngợi thì không khen ngợi, nên thăm hỏi thì không thăm hỏi, đáng lễ bái thì không lễ bái, đáng đón tiếp thì không đón tiếp, nên mời ngồi, nhường đường thì không mời ngồi, nhường đường v.v... do đây phát sinh thân không khiêm nhường tuân phục, không cùng khiêm nhường tuân phục, không hết lòng khiêm nhường tuân phục, thân tâm ngạo mạn, gọi chung là Ngạo.

Thế nào là Phát phẫn? Nghĩa là tánh của thân bị giam cầm hãm hại, tánh của tâm bị giam cầm hãm hại, tánh của thân, tâm phần nộ, đã, đang và sẽ bùng bùng nổi giận, gọi chung là Phát phẫn.

Thế nào là Đối hiện hư giả? Nghĩa là có người nhiều tham, vì muốn được cúng dường, vì các thứ vật dụng, vì muốn được cung kính, được tiếng khen, nên nhổ bỏ râu tóc, lỏa hình nằm trên tro than, bước đi từng bước cúi đầu ngó xuống, hoặc lớn tiếng kêu vang hiện bày oai lực, kỹ năng của mình, hoặc hành các việc khổ hạnh v.v..., gọi chung là Đối hiện hư giả.

Thế nào là Đối trá quỷ quyết? Nghĩa là có kẻ nhiều tham, vì muốn được cúng dường, cung kính v.v... như trước đã nói, nên đi đến nhà người khác, nói: Các ông hiện nay thật khéo được thân người, vì có các vị trì tụng Kinh, Luật, Đối pháp (Luận) khéo giảng nói pháp yếu am hiểu truyện ký, tạo nhiều Sớ giải, Luận giảng, ưa trụ chốn A-luyện-nhã, vui thích chỉ dùng ba y, thích hành lễ khắp nơi, ưa mặc y phấn tảo, hành khát thực, ngày chỉ ăn một lần, chỉ ăn một bát, ngồi ăn một mình, vui thích ở bên gốc cây hoặc nơi đất trống, hay vùng gò mả, thích ngồi chằng nằm, hoặc tùy nơi ngồi tạm, đã được pháp quán bất tịnh, được pháp quán số tức, đã chứng đắc bốn tĩnh lực, được bốn vô lượng, bốn vô sắc, đã chứng được bốn Thánh quả, đã được sáu thông tuệ, đã được tám giải thoát v.v... Các bậc Hiền Thánh như thế chỉ đi đến nhà ông, đều được các ông cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, vì các ông làm chỗ nương dựa, về đức hạnh của tôi so với các vị kia không hề thua kém. Nay tôi đến nhà ông cố mong được giống như chư vị kia. Đó gọi là Đối trá quỷ quyết.

Lại có sự Đối trá quỷ quyết: Nghĩa là có kẻ nhiều tham, vì muốn được cúng dường, cung kính v.v... như trước đã nói, nên đến nhà người khác, bảo: Ông nên nghĩ đối với tôi như là cha mẹ của ông, còn tôi thì xem ông như là con trai, con gái của tôi. Từ nay trở về sau ta nên kết làm thân quyến, vui buồn vinh nhục thấy đều cùng có nhau. Trước đây nơi thế gian vẫn gọi chung chúng tôi là Sa-môn Thích tử, từ hôm nay trở đi đều nên gọi tôi là Sa-môn của gia đình ông. Phàm mọi thứ tôi cần như các vật dụng hàng ngày trong đời

sống, các thứ y phục, thuốc men v.v... ông đều nên cúng dường đầy đủ. Nếu ông không thể làm được, tất tôi phải từ biệt để đến nhà thí chủ kính tín thác, ông há không thấy nhục sao? v.v... Các việc làm như thế đều là không thật, chỉ là phương tiện đặt điều để nói, gọi chung là Dối trá quỷ quyệt.

Thế nào là Hiện tướng? Nghĩa là có kẻ nhiều tham, vì muốn được cung kính, cúng dường v.v... như trước đã nêu, nên đến nhà người khác, nói: Này ông bà hiền sĩ! Hết thầy y này, bát này, các tọa cụ ngọa cụ này, các thứ quần áo quý giá này, tôi nếu có được thì thật là thích hợp, các vị nên luôn ủng hộ, giúp đỡ, đây là phước dành cho các vị. Trừ các vị có thể xả thí, còn ai sẽ làm được việc ấy? Tạo ra phương tiện như thế để nhận được lợi dưỡng, gọi chung là Hiện tướng.

Thế nào là Nói lời gây cảm kích? Nghĩa là có kẻ nhiều tham, vì muốn được cúng dường, cung kính v.v... như trước đã nêu, nên đến nhà người khác nói như vậy: Cha mẹ của ông v.v... là người có đầy đủ tín, giới, văn, xả, tuệ thanh tịnh, nhân nơi nghiệp thiện đó nên các vị ấy đã được sinh lên cõi trời và được giải thoát. Nhưng nay nếu ông không còn giữ đủ tín, giới, văn, xả, tuệ thanh tịnh như người trước thì không tạo các nghiệp thiện, sau này khi qua đời nhất định sinh vào các đường ác, biết làm thế nào? Cứ khen chê như thế chỉ để cầu lợi, gọi chung là Nói lời gây cảm kích.

Thế nào là Dùng lợi cầu lợi? Nghĩa là có một loại hữu tình, trước đây từ nơi nhà người kia cầu được y bát, cùng theo đấy nhận được một số thứ nuôi sống thân mạng. Người này mang y bát đến nhà một người khác, nêu bày: Ở nhà ông bà kia đã cho tôi vật này. Chính ông bà thí chủ ấy trong bao lâu nay đã luôn cung cấp cho tôi y bát và mọi thứ vật dụng v.v... Vậy nay ông bà cũng nên như các vị thí chủ kia, làm nơi chôn nương dựa cho tôi. Đây là nhân nơi phương tiện trước để nhận được lợi dưỡng sau, như thế gọi chung là Dùng lợi cầu lợi.

Thế nào là Dục ác? Nghĩa là có một loại hữu tình thật sự không hề đọc tụng, thọ trì Kinh, Luật, Đối pháp (Luận) v.v... nói rộng cho đến thật sự không chứng được tám giải thoát, nhưng lại muốn khiến người khác tưởng mình là thật có đọc tụng, thọ trì Kinh, Luật, Đối pháp v.v... nhân đây mà được cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, vì họ làm chỗ nương cậy. Lại, tự mình thật sự không có các pháp thiện tạo nên do hạnh xuất gia và sự xa lìa, nhưng lại vì người khác nêu bày nói rõ chứng tỏ mình đã chứng được. Các loại như thế gọi chung là Dục ác.

Thế nào là Dục lớn? Nghĩa là có kẻ nhiều tham, vì muốn có được của cải, lợi lộc rộng lớn v.v... nên khởi ham muốn, đã ham muốn, sẽ ham muốn, gọi chung là Dục lớn.

Thế nào là Hiện bày dục? Nghĩa là có một loại hữu tình thật sự đã đọc tụng, thọ trì Kinh, Luật, Đối pháp v.v... nói rộng cho đến đạt được pháp quán sô tức chứng các quả Dự lưu, Nhất lai, chỉ vì không có tiếng tăm nên người khác không biết đến. Nay vì ấy muốn mọi người biết mình có đức này, nhân đây sẽ có được các sự cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, tạo được chỗ nương nhờ. Lại người này thật sự tự có các pháp thiện do hạnh xuất gia và xa lìa sinh ra, nên muốn vì người khác nêu bày nói rõ là mình đã có được. Các loại như thế gọi chung là Hiện bày dục.

Thế nào là Không hỷ túc (Không biết đủ)? Nghĩa là có một loại hữu tình đối với các thứ sắc hương vị xúc cùng những vật dụng khác đã đạt được không sinh tâm biết đủ, lại cứ mong muốn ưa thích cầu được nhiều nữa, gọi chung là Không hỷ túc.

Thế nào là Không cung kính? Nghĩa là có một loại hữu tình, hoặc là Thân giáo sư (Hòa thượng) hay cùng loại Thân giáo sư, Quý phạm sư (A-xà-lê) hay cùng loại Quý phạm sư, cùng một vị nào đây cũng đáng tôn trọng, tin tưởng, lui tới làm bạn, đúng pháp bảo người kia: Kể từ nay trở đi ông chớ nên hủy hoại ba nghiệp thân, ngữ, ý

thiện, chớ nên làm những việc không nên làm, chớ gần gũi với bạn xấu ác, chớ có tạo các thứ nghiệp ác khiến bị đọa vào ba đường ác. Khuyên dạy như thế hợp pháp đúng thời, đối với việc tu đạo tùy thuận hành tập tất tăng trưởng sự trang nghiêm, nên các vị ấy luôn an ủi, giúp đỡ về tư lương. Nhưng người kia lại không vui mừng, yêu thích, mọi lời thầy nói đều trái nghịch, giữ lấy điều không chánh đáng, không nghe theo lẽ phải, lại còn hủy báng bài bác. Các việc như thế gọi chung là Không cung kính.

Thế nào là Dấy khởi lời thô ác? Nghĩa là có một loại hữu tình, hoặc là Thân giáo sư hay cùng loại, hoặc là Quĩ phạm sư hay cùng loại, hoặc một vị nào đấy cũng đáng tôn trọng, tin tưởng, lui tới làm bạn, như pháp nói với người kia: Từ nay trở đi ông chớ nên hủy hoại ba nghiệp thân, ngữ, ý thiện, chớ làm những việc không nên làm, chớ gần gũi với bạn xấu ác, chớ có tạo các thứ nghiệp ác khiến bị đọa vào ba đường ác. Khuyên răn như thế là hợp pháp đúng thời, đối với việc tu đạo tùy thuận hành tác tất tăng trưởng sự trang nghiêm, nên họ luôn an ủi, giúp đỡ về tư lương. Nhưng người kia lại không vui mừng, yêu thích, đối với lời nói của các bậc thầy luôn trái lời làm ngược, chấp giữ điều không chánh đáng, không nghe theo lẽ phải, lại còn hủy báng bài bác, dấy khởi lời mạ lỵ. Các việc như thế gọi chung là Dấy khởi lời thô ác.

Thế nào là Thích bạn xấu ác? Nghĩa là có một loại hữu tình ưa thích gần gũi bạn xấu ác. Gọi là bạn xấu ác, tức là các kẻ giết mổ dê gà heo, bắn chim, bắt cá, săn thú, cầm đầu đám trộm cướp, làm nem chả, làm cai ngục giữ tù, ếm long mạch, nấu thịt chó, đặt bẫy, giăng lưới v.v..., đó gọi là bạn xấu ác. Lại có một loại hữu tình hủy phạm giới cấm, quen hành theo pháp ác, tâm ôm giữ điều hủ bại, bên ngoài hiện vẻ đàng hoàng, đứng đắn. Là loài sên, bò, tiếng ốc, hành chó, thật không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, thật không phải là phạm hạnh tự cho là phạm hạnh v.v..., đó cũng gọi là bạn xấu ác. Đối với

các loại bạn xấu ác như thế, thường gần gũi thừa hành, tùy thuận, mến thích, nên gọi là Thích bạn xấu ác.

Thế nào là Không thể nhẫn chịu? Nghĩa là có một loại hữu tình không thể gắng chịu được các thứ xúc chạm của lạnh, nóng, đói khát, gió, mưa, ruồi muỗi, rắn rít v.v... và những sự khổ sở khác. Lại có một loại hữu tình đối với những thứ bạo ác của người khác có thể khiến cho tự thân, tâm nhận lấy các khổ thọ bức bách mãnh liệt hại mạng, hoặc đối với những lời nói hung dữ thô bỉ đều không thể nhẫn chịu. Như vậy hai thứ vừa nêu gọi chung là Không thể nhẫn chịu.

Thế nào là Đam mê, Đam mê khắp? Nghĩa là sự trói buộc của tham sân si thuộc phẩm hạ gọi là Đam mê, tức ở đây thuộc phẩm trung thì gọi là Đam mê khắp. Lại nữa, sự trói buộc của tham sân si thuộc phẩm trung gọi là Đam mê, tức ở đây thuộc phẩm thượng thì gọi là Đam mê khắp.

Thế nào là Tham nhiễm? Nghĩa là đối với các dục, khởi các thứ tham cùng tham v.v... cho đến là loại tham, sinh ra tham, gọi chung là Tham nhiễm.

Thế nào là Tham phi pháp? Nghĩa là đối với mẹ, vợ, chị em gái, cùng các hàng nữ thân thuộc khác v.v... khởi lên tham cùng tham, giữ lấy, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm v.v..., gọi chung là Tham phi pháp.

Thế nào là Tham chấp? Nghĩa là đối với của cải, vật dụng, cùng các thứ thuộc về mình đều khởi tham cùng tham, giữ lấy, cất giấu, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm v.v..., gọi chung là Tham chấp.

Thế nào là Tham ác? Nghĩa là đối với của cải, vật dụng của kẻ khác, cùng các thứ thọ dụng thuộc về họ mà khởi tham cùng tham v.v... nói rộng như trước, đó gọi là Tham ác. Lại nữa, tham ác là mưu toan đối với mạng sống của loài khác, người khác, tham thích các thứ da, sừng v.v... hoặc ăn thịt, uống máu v.v... Hai thứ vừa nêu như thế gọi chung là Tham ác.

Thế nào là Hữu thân kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, đầy khởi tướng về ngã, ngã sở, do đầy sinh ra các thứ kiến thọ nhận, vui thích, tuệ quán, gọi chung là Hữu thân kiến.

Thế nào là Hữu kiến? Nghĩa là đối với ngã và thế gian này, sinh khởi tướng thường hằng, do đầy sinh ra các thứ kiến thọ nhận, vui thích, tuệ quán, gọi chung là Hữu kiến.

Thế nào là Không kiến? Nghĩa là đối với ngã và thế gian này, sinh khởi tướng không thường hằng, do đầy sinh ra các thứ kiến thọ nhận, vui thích, tuệ quán, gọi chung là Không kiến.

Thế nào là Tham dục? Nghĩa là đối với các cảnh dục khởi tham cùng tham v.v... nói rộng như trước, gọi chung là Tham dục.

Thế nào là Giận dữ? Nghĩa là đối với các hữu tình luôn muốn gây tổn hại v.v... nói rộng như trước, gọi chung là Giận dữ.

Thế nào là Hôn trầm? Nghĩa là tánh nặng nề của thân, của tâm v.v... cho đến rối loạn, mê muội, gọi chung là Hôn trầm.

Thế nào là Thùy miên? Nghĩa là các thứ ngủ mê mộng mị không thể đảm nhận công việc, tánh của tâm tối tăm sơ suất, gọi chung là Thùy miên.

Thế nào là Trạo cử? Nghĩa là tâm không tịch tĩnh, luôn dao động, cùng dao động, tánh của tâm dao động, gọi chung là Trạo cử.

Thế nào là Ố tác? Nghĩa là tâm biến đổi, tâm áo não, tâm hối tiếc việc làm ác của mình, tánh ố tác, gọi chung là Ố tác.

Thế nào là Nghi hoặc? Nghĩa là đối với Phật Pháp Tăng và Khổ Tập Diệt Đạo, sinh khởi nghi hoặc, khởi hai phần hai nẻo v.v... cho đến không hiện một hướng, gọi chung là Nghi hoặc.

Thế nào là Rối loạn mờ tối? Nghĩa là tánh nặng nề của thân, tâm, tánh của thân tâm không thể đảm nhận công việc, tánh rối loạn

tôi tâm của thân và tâm, đã, đang và sẽ rối loạn, tối tăm, gọi chung là Rối loạn mờ tối.

Thế nào là Không vui? Nghĩa là có một loại hữu tình được các vị Thân giáo sư tốt hoặc cùng loại, các vị Quý phạm sư tốt hoặc cùng loại, hoặc một vị nào đấy cũng đáng tôn trọng, tin cậy lui tới làm bạn, rồi khuyên bảo, truyền dạy nên giữ niệm tư duy v.v... cho đến các thứ phòng xá, ngọa cụ. Nhưng tâm người kia không mừng vui, mến thích, lại buồn bã, lo lắng, gọi chung là Không vui.

Thế nào là Thân buông, Miệng ngáp? Nghĩa là thân nằm thấp, giơ tay duỗi chân v.v..., gọi chung là Thân buông. Mũi mở mặt nhăn, môi miệng méo xệch v.v..., gọi chung là Miệng ngáp.

Thế nào là Ăn uống không điều độ? Nghĩa là do không ăn uống, hoặc ăn uống quá lượng, hoặc ăn uống không thích hợp sinh ra khổ thọ, gọi chung là Ăn uống không điều độ.

Thế nào là Tánh của tâm mê mờ yếu kém? Nghĩa là tâm tăm tối, yếu kém, giảm thiểu v.v..., gọi chung là Tánh của tâm mê mờ yếu kém.

Thế nào là Có vô số tướng? Nghĩa là có các thứ triền, cái (các phiền não che lấp, trói buộc tâm), các tướng về sắc thanh hương vị xúc nhiễm ô hiện có, các tướng bất thiện, các tướng dẫn đến phi lý, các tướng tạo chướng ngại cho định v.v... gọi chung là Có vô số tướng.

Thế nào là Không tác ý? Nghĩa là đối với các pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, không hề khiến phát khởi, không nhớ nghĩ, không tư duy, không đã và sẽ tư duy, tâm không tỉnh giác, gọi chung là Không tác ý.

Thế nào là Thô trọng? Nghĩa là tánh nặng nề của thân tâm, tánh của thân tâm không thể đảm nhận công việc, tánh cứng, bướng

của thân tâm, tánh của thân tâm không điều thuận, hòa dịu v.v... gọi chung là *Thô trọng*.

Thế nào là Tiếp xúc xung đột? Nghĩa là có một loại hữu tình khi trao thức ăn cho người khác ai xin chín thì cho sống, ai xin sống thì cho chín, xin to cho nhỏ, xin bé cho lớn, cho không bình đẳng, cho không như pháp. Đối với điều đáng biết thì không biết, người đáng cho thì không cho, ở đây luôn đầy khởi sự việc trái ngược với lời nói, đó gọi là *Tiếp xúc xung đột*.

Lại có một loại hữu tình được các Thân giáo sư hay cùng loại, hoặc Quý phạm sư hay cùng loại, hoặc một vị nào đấy cũng đáng tôn trọng, tin tưởng cùng lui tới làm bạn và bảo: “Này thiện nam! Đối với các sự việc như thế như thế, ông nên theo thứ lớp mà làm”. Người ấy tự nghĩ: “Việc gì, nghiệp gì khiến ta phải làm theo thứ lớp như thế?”. Ở đây luôn đầy khởi việc làm trái với lời nói, đó gọi là *Tiếp xúc xung đột*.

Lại có một loại hữu tình, hoặc tự mình đến tạ lỗi, hoặc người khác chỉ dạy nên đến tạ lỗi, hoặc tự mình có việc nên đến thưa mời, hoặc do người khác bảo nên đến thưa mời, ở đây luôn khởi việc làm trái ngược với lời nói, đó gọi là *Tiếp xúc xung đột*.

Như thế, các trường hợp cắt sửa y phục hay tạo dựng sự nghiệp v.v... ở đây cũng đầy khởi việc làm trái ngược với lời nói v.v..., gọi chung là *Tiếp xúc xung đột*.

Thế nào là Tham ăn tham uống? Nghĩa là có một loại hữu tình khi phân chia tiền bạc lợi lộc thì bỏ một lấy một, tình tham không định, đó gọi là tham của cải. Trước và sau thời gian ăn, thường đến chỗ bấp bực để nếm, uống các thứ thức ăn, ngon dở không định, đó gọi là tham ăn uống. Phần này và phần trước đã nêu gọi chung là *Tham an tham uống*.

Thế nào là Tánh không nhu hòa? Nghĩa là tâm cứng cõi, tâm ương ngạnh, tâm ngang bướng, tâm không sáng sủa, tâm không

linh hoạt, tâm không dịu dàng, tâm không gắng chịu đựng v.v..., gọi chung là Tánh không nhu hòa.

Thế nào là Tánh không điều thuận? Nghĩa là thân cứng cỏi, thân ương ngạnh, thân ngang bướng, thân không sáng sủa, thân không linh hoạt, thân không dịu dàng, thân không đảm nhận công việc v.v..., gọi chung là Tánh không điều thuận.

Thế nào là Không thuận với đồng loại? Nghĩa là có một loại hữu tình đối với các vị Thân giáo sư, Quý phạm sư hay cùng loại, hoặc một vị nào đấy cũng đáng tôn trọng, tin tưởng cùng lui tới làm bạn, nhưng người này không chịu tùy thuận, đó gọi là Không thuận với đồng loại.

Thế nào là Tâm dục? Nghĩa là dục tham tương ưng với các thứ tâm cầu của tâm, tâm cầu khắp, tâm cầu gần, tâm hiển bày, hết sức hiển bày, hiện tiền hiển bày, suy tìm hoạch định, tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm dục.

Thế nào là Tâm giận dữ? Nghĩa là giận dữ tương ưng với các thứ tâm cầu của tâm, tâm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm giận dữ.

Thế nào là Tâm hại? Nghĩa là hại tương ưng với các thứ tâm cầu của tâm, tâm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm hại.

Thế nào là Tâm về xóm làng? Nghĩa là đối với xóm làng, muốn khiến đều được an lạc, được gặp bạn tốt, không có nỗi hại, thành tựu tất cả pháp không nỗi hại. Vua quan đều yêu mến, tôn trọng, người cả nước đều tôn kính, mến mộ, các thứ lúa đậu ngô khoai được mùa, mưa gió thuận hòa. Do các duyên ấy nên khởi tâm tâm cầu, tâm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm về xóm làng.

Thế nào là Tâm về đất nước? Nghĩa là đối với mọi người trong đất nước thân yêu, muốn khiến đều được an lạc v.v... nói rộng

cho đến mưa gió thuận hòa. Do các duyên ấy nên khởi tâm tầm cầu, tầm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tầm về đất nước.

Thế nào là Tầm bất tử? Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Ta đối với giáo pháp của Phật giảng nói về định thù thắng chưa hề tu tập, vậy trước hết ta nên trì tụng Kinh, Luật, Đối pháp (Luận), rồi vì các hữu tình nói rõ pháp yếu, học các truyện ký, tạo các Luận Sớ, trụ chôn A-luyện-nhã, chỉ giữ ba y v.v... nói rộng cho đến tùy chỗ được mà an tọa, làm các việc như thế xong, sau đó mới tu tập định.

Lại có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Ta đối với giáo pháp của Phật giảng nói về định thù thắng chưa hề tu tập, vậy trước hết ta nên đi thăm xem khắp núi sông đất nước, vườn rừng, ao hồ, đồi cao, động lớn, nghĩa địa, lễ bái các tháp miếu, dạo thăm các chùa, xong các việc như thế sau đấy mới tu tập định.

Lại có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Ta đối với giáo pháp của Phật giảng nói về định thù thắng chưa hề tu tập, vậy hãy đợi qua bảy năm, sáu năm, năm, bốn, ba, hai, một năm, hoặc bảy tháng cho đến một tháng, hoặc qua bảy ngày cho đến một ngày, hoặc qua ngày này, hoặc qua đêm này, qua lúc này v.v..., sau đấy mới tu tập định.

Suy nghĩ như thế đối với thân mạng của mình không rõ các thứ nguy khốn đang chờ sẵn, thế nên khởi tâm tầm cầu, tầm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tầm bất tử.

Thế nào là Tầm khinh miệt kẻ khác? Nghĩa là có một loại hữu tình khởi suy nghĩ: Chủng tánh của ta, về gia tộc, sắc đẹp, sức khỏe, sự nghiệp, kỹ năng, tài sản, tiền bạc, phần vị và cả giới định tuệ v.v... mỗi mỗi thứ thấy đều hơn người v.v... Cậy vào các thứ ấy nên sinh tâm khinh miệt tất cả, do đấy đấy khởi tâm tầm cầu, tầm

cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm khinh miệt kẻ khác.

Thế nào là Tâm về tộc họ giả? Nghĩa là có một loại hữu tình đối với người không phải là bà con, nhưng nhận làm bà con, muốn cho tất cả đều được an vui, có được bạn bè tốt, không có nào hại, thành tựu tất cả pháp không nào hại, được vua quan thương mến, quý trọng, được người khắp nước ái mộ, kính yêu, lúa thóc đều được mùa, mưa gió hòa thuận. Do các duyên ấy nên khởi tâm tâm cầu, tâm cầu khắp v.v... cho đến tư duy phân biệt, gọi chung là Tâm về tộc họ giả.

Thế nào là Sầu? Nghĩa là có một loại hữu tình nhân nơi cha mẹ, anh em, chị em, thầy, bạn v.v... qua đời, hoặc nhân nơi bà con đều mất hết, hoặc nhân nơi tiền của, địa vị đều bị tiêu tan, khiến tự thân người ấy nhận lấy bao thứ khổ thọ bức bách, như muốn dứt bỏ mạng sống. Bây giờ, người ấy tâm ý bức bối khó chịu, bức bối khắp, liền sinh ra sầu, đã và sẽ sầu não, trong tâm như trúng tên độc sầu não, gọi chung là Sầu.

Thế nào là Than? Nghĩa là có một loại hữu tình nhân nơi cha mẹ, anh em, chị em, thầy, bạn v.v... qua đời v.v... khiến tự thân người ấy nhận lấy bao thứ khổ thọ v.v... Bây giờ, người ấy tâm ý bức bối khó chịu v.v... cho đến trong tâm như trúng tên độc sầu não. Do duyên ấy nên cất tiếng than thở: Khổ thay! Khổ thay! Cha ta, mẹ ta v.v... nói rộng cho đến tiền tài, địa vị của ta, vì sao chỉ trong một sớm mà đến nông nổi này? Ở đây các lời than oán nơi các thứ ngũ nghiệp gọi chung là Than.

Thế nào là Khổ? Nghĩa là các thọ không bình đẳng tương ưng với năm thức, gọi chung là Khổ.

Thế nào là Ưu? Nghĩa là các thọ không bình đẳng tương ưng với ý thức, gọi chung là Ưu.

Thế nào là Nhiễu não (Quấy nhiễu não loạn)? Nghĩa là tâm luôn bị quấy nhiễu, sâu não. Đã và sẽ bị quấy nhiễu sâu não, là tánh loại của quấy nhiễu não loạn, gọi chung là Nhiễu não.

Từ tham, sân, si v.v... cho đến ưu, nhiễu não đều gọi là *Tạp Sự*. Đối với *Tạp Sự* này, nếu đoạn trừ vĩnh viễn một thứ, nhất định sẽ được pháp Bất hoàn. Do khi đoạn trừ một thứ, tức các thứ khác sẽ theo đấy mà đoạn, nên Đức Phật tin chắc là người đó nhất định được pháp Bất hoàn.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 10

Phẩm 17: CĂN

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có Phạm chí tên là Sinh Văn đến chỗ Đức Phật, chấp tay cung kính bạch Phật: Con có đôi điều muốn thưa hỏi Sa-môn Kiều-đáp-ma tôn quý, xin được chấp thuận.

Đức Thế Tôn bảo Phạm chí: Ông cứ theo ý thưa hỏi, Ta sẽ vì ông giảng nói đầy đủ.

Phạm chí Sinh Văn hỏi: Căn có bao nhiêu thứ?

Đức Thế Tôn bảo: Căn có **22** thứ. *Những gì là hai mươi hai?*

- | | |
|--------------|-------------------|
| 1. Nhãn căn. | 2. Nhĩ căn. |
| 3. Tỷ căn. | 4. Thiệt căn. |
| 5. Thân căn. | 6. Ý căn. |
| 7. Nữ căn. | 8. Nam căn. |
| 9. Mạng căn. | 10. Lạc căn. |
| 11. Khô căn. | 12. Hỷ căn. |
| 13. Ưu căn. | 14. Xả căn. |
| 15. Tín căn. | 16. Tinh tấn căn. |

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| 17. Niệm căn. | 18. Định căn. |
| 19. Tuệ căn. | 20. Vị tri đương tri căn. |
| 21. Dĩ tri căn. | 22. Cụ tri căn. |

Đó gọi là hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn này gồm thấu tất cả các căn.

Phạm chí Sinh Văn nghe Đức Phật đã giảng nói về các căn, nên rất vui mừng, cung kính chào Đức Phật rồi ra về.

*

1. Thế nào là Nhãn căn?

Đáp: Nghĩa là mắt đối với sắc đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhãn căn.

Lại, mắt tăng thượng phát sinh nhãn thức, đối với sắc đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhãn căn.

Lại, mắt đối với sắc đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhãn căn.

Lại, mắt đối với sắc đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhãn căn.

Như vậy các mắt hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Nhãn căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết, nhận thức, thông đạt, nhận biết khắp, đoạn trừ, lãnh hội, thấy rõ, đạt được, giác ngộ, hiện đẳng giác, hiểu rõ, cùng hiểu rõ, quán, cùng quán, xét kỹ, quyết trạch, tiếp xúc, cùng tiếp xúc, chứng đắc, cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo nên, hoặc địa ngục, hoặc bàng sinh, hoặc cõi quỷ, hoặc trời, hoặc người, hoặc trung hữu cùng do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là mắt, là nhãn xứ, là nhãn giới, là nhãn căn, là thấy, là con đường, là dẫn

đường, là trắng, là tịnh, là kho tàng, là cửa, là ruộng, là sự, là sông, là ao, là biển, là *sang*, là *sang môn*, là bờ này. Nhĩ căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

2. Thế nào là Nhĩ căn?

Đáp: Nghĩa là tai đối với âm thanh đã, đang và sẽ nghe, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhĩ căn.

Lại, tai tăng thượng phát sinh nhĩ thức, đối với âm thanh đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhĩ căn.

Lại, tai đối với âm thanh đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhĩ căn.

Lại, tai đối với âm thanh đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Nhĩ căn.

Như vậy các tai hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Nhĩ căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo ra, hoặc địa ngục v.v... cho đến cùng do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là tai, là nhĩ xứ, là nhĩ giới, là nhĩ căn, là nghe, là con đường v.v... cho đến gọi là bờ này. Nhĩ căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

3. Thế nào là Tỷ căn?

Đáp: Nghĩa là mũi đối với hương đã, đang và sẽ ngửi, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Tỷ căn.

Lại, mũi tăng thượng phát sinh tỷ thức, đối với hương đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Tỷ căn.

Lại, mũi đối với hương đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Tỷ căn.

Lại, mũi đối với hương đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Tỷ căn.

Như vậy các mũi hiện có trong quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Tỷ căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo ra, hoặc địa ngục v.v... cho đến trung hữu, không phải do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là mũi, là tỷ xứ, là tỷ giới, là tỷ căn, là ngữ, là con đường v.v... cho đến gọi là bờ này. Tỷ căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

4. Thế nào là Thiệt căn?

Đáp: Nghĩa là lưỡi đối với vị đã, đang và sẽ nếm, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thiệt căn.

Lại, lưỡi tăng thượng phát sinh thiệt thức, đối với vị đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thiệt căn.

Lại, lưỡi đối với vị đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thiệt căn.

Lại, lưỡi đối với vị đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thiệt căn.

Như vậy các lưỡi hiện có trong quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Thiệt căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo nên, hoặc địa ngục v.v... cho đến trung hữu, không phải do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là lưỡi, là thiệt xứ, là thiệt

giới, là thiết căn, là nếm, là con đường v.v... cho đến gọi là bờ này. Thiết căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

5. Thế nào là Thân căn?

Đáp: Nghĩa là thân đối với xúc đã, đang và sẽ xúc chạm nhận biết, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thân căn.

Lại, thân tăng thượng phát sinh thân thức, đối với xúc đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thân căn.

Lại, thân đối với xúc đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thân căn.

Lại, thân đối với xúc đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thân căn.

Như vậy các thân hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Thân căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Là sắc tịnh do bốn đại chủng tạo ra, hoặc địa ngục v.v... cho đến trung hữu, không phải do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là thân, là thân xứ, là thân giới, là thân căn, là nhận biết, là con đường v.v... cho đến gọi là bờ này. Thân căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

6. Thế nào là Ý căn?

Đáp: Nghĩa là ý đối với pháp đã, đang và sẽ nhận biết, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Ý căn.

Lại, ý tăng thượng phát sinh ý thức, đối với pháp đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Ý căn.

Lại, ý đối với pháp đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Ý căn.

Lại, ý đối với pháp đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Ý căn.

Như vậy các ý hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Ý căn, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là các tâm ý thức, hoặc địa ngục v.v... cho đến hoặc trung hữu, hoặc do tu tạo thành, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là ý, là ý xứ, là ý giới, là ý căn, là nhận biết, là con đường v.v... cho đến gọi là bờ này. Ý căn như thế là thuộc về Nội xứ.

*

7. Thế nào là Nữ căn?

Đáp: Nghĩa là nữ, thể nữ, tánh nữ, là thể phần của nữ, tác dụng của nữ. Việc này lại là thế nào? Là phần nhục thân hiện có từ dưới rún, vùng trên đầu gối, gân mạch máu chuyển chảy, nếu ở chỗ này giao hội với nam căn phát sinh lạc thọ được lãnh nhận bình đẳng. Đó gọi là Nữ căn.

*

8. Thế nào là Nam căn?

Đáp: Nghĩa là nam, thể nam, tánh nam, là thể phần của nam, tác dụng của nam. Việc này lại là thế nào? Là phần nhục thân hiện có từ dưới rún, vùng trên đầu gối, gân mạch máu chuyển chảy, nếu ở chỗ này giao hội với nữ căn phát sinh lạc thọ được lãnh nhận bình đẳng. Đó gọi là Nam căn.

*

9. Thế nào là Mạng căn?

Đáp: Nghĩa là các hữu tình kia ở trong tự của các hữu tình không dời, không chuyển, không hư, không hoại, không mất, không thoái, có đời sống tồn tại, được che chở, tùy che chở, chuyển đổi, tùy chuyển đổi, là mạng, là mạng căn. Đó gọi là Mạng căn.

*

10. Thế nào là Lạc căn?

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo lạc sinh khởi thân lạc, tâm lạc, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Lạc căn. Lại nữa, khi tu tĩnh lự thứ ba, xúc thuận theo lạc sinh khởi tâm lạc, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Lạc căn.

*

11. Thế nào gọi là Khổ căn?

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo khổ sinh khởi thân khổ, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là Khổ căn.

*

12. Thế nào là Hỷ căn?

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo hỷ sinh khởi tâm hỷ, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Hỷ căn. Lại nữa, khi tu hai tĩnh lự đầu, xúc thuận theo hỷ sinh khởi tâm mừng vui, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Hỷ căn.

*

13. Thế nào là Ưu căn?

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo ưu sinh khởi tâm ưu sầu, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về thọ. Đó gọi là Ưu căn.

*

14. Thế nào là Xả căn?

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo xả sinh khởi thân xả, tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải không bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Xả căn. Lại nữa, khi tu định vị chí, tĩnh lự trung gian, tĩnh lự thứ tư cùng định vô sắc, xúc thuận theo không khổ không vui sinh khởi tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải không bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là Xả căn.

*

15. Thế nào là Tín căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, đã khởi các thứ tin, tánh tin, tánh tin hiền tiền, tùy thuận, thừa nhận, ái mộ, tánh ái mộ, tâm lắng tịnh, đó gọi là Tín căn. Lại nữa, tín học, tín vô học, cùng tất cả tín phi học phi vô học, đều gọi là Tín căn.

*

16. Thế nào là Tinh tấn căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, đã khởi sức siêng năng tinh tấn, thể dụng mạnh mẽ, hăng hái tốt bậc, khó ngăn cản được, tâm ý luôn cố gắng không dừng, đó gọi là Tinh tấn căn. Lại nữa, tinh tấn học, tinh tấn vô học, cùng tất cả tinh tấn phi học phi vô học, đều gọi là Tinh tấn căn.

*

17. Thế nào là Niệm căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, đã khởi các niệm tùy niệm, chuyên niệm, ức niệm, không quên không mất, không sót không thiếu, tánh không mất pháp, tánh tâm ghi rõ, đó gọi là Niệm căn. Lại nữa, niệm học, niệm vô học, cùng tất cả niệm phi học phi vô học, đều gọi là Niệm căn.

18. Thế nào là Định căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, đã khởi các tâm trụ cùng trụ, trụ gần, an trụ, không tán, không loạn, thâm giữ đẳng trì (Định), tánh tâm một cảnh, đó gọi là Định căn. Lại nữa, định học, định vô học, cùng tất cả định phi học phi vô học, đều gọi là Định căn.

*

19. Thế nào gọi là Tuệ căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện sinh ra do hạnh xuất gia và xa lìa, đối với các pháp đã khởi đều lựa chọn, lựa chọn kỹ lưỡng, lựa chọn tận cùng, nhân đầy đã hiểu rõ, cùng hiểu rõ, hiểu gần, thông đạt sáng tỏ thâm xét tường tận, tuệ giác soi rõ hành Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là Tuệ căn. Lại nữa, tuệ học, tuệ vô học, cùng tất cả tuệ phi học phi vô học, đều gọi là Tuệ căn.

*

20. Thế nào là Vị tri đương tri căn?

Đáp: Nghĩa là Hành giả đã nhập chánh tánh ly sinh, các tuệ căn, tuệ hữu học hiện có, cùng các hành tùy tín, tùy pháp, đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, tức nên hiện quán, do đó các căn chuyển đổi. Đó gọi là Vị tri đương tri căn.

*

21. Thế nào là Dĩ tri căn?

Đáp: Nghĩa là người đã kiến đế các tuệ căn, tuệ hữu học hiện có cùng tín thắng giải, kiến chí, thân chứng, đối với bốn Thánh đế đã hiện quán, tức nên hiện quán để đoạn trừ các phiền não còn lại, thế nên các căn chuyển đổi. Đó gọi là Dĩ tri căn.

*

22. Thế nào là Cự tri căn?

Đáp: Nghĩa là bậc A-la-hán các tuệ căn, tuệ vô học hiện có, cùng tuệ giải thoát, cùng giải thoát, đối với bốn Thánh đế đã hiện quán, căn hiện quán để được Hiện pháp lạc trụ, thế nên các căn chuyển đổi. đó gọi là Cự tri căn.

Phẩm 18: XỨ

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có Phạm chí tên là Sinh Văn, đến chỗ Đức Phật, chấp tay cung kính, dùng lời dịu dàng thăm hỏi Đức Thế Tôn. Phật cũng dùng lời dịu dàng thăm hỏi lại vị ấy. Sau khi thăm hỏi xong, Phạm chí ngồi sang một bên, chấp tay cung kính bạch Phật: Con có đôi điều muốn thưa hỏi Sa-môn Kiều-đáp-ma tôn quý, xin được chấp thuận chỉ dạy tóm lược.

Đức Thế Tôn bảo Phạm chí ấy: Ông cứ theo ý thưa hỏi, Như Lai sẽ vì ông giải đáp đầy đủ.

Phạm chí hỏi: Tất cả pháp, sao gọi là tất cả pháp?

Đức Thế Tôn bảo: Tất cả pháp tức là **12** Xứ. *Những gì là mười hai?*

- | | |
|--------------|--------------|
| 1. Nhãn xứ. | 2. Sắc xứ. |
| 3. Nhĩ xứ. | 4. Thanh xứ. |
| 5. Tỷ xứ. | 6. Hương xứ. |
| 7. Thiệt xứ. | 8. Vị xứ. |
| 9. Thân xứ. | 10. Xúc xứ. |
| 11. Ý xứ. | 12. Pháp xứ. |

Đó gọi là mười hai Xứ.

Lại có chỗ nói: Đây không phải là tất cả. Nói tất cả tức lại có pháp riêng. Điều ấy chỉ có nơi ngôn từ, không là sự thật. Nếu hỏi trở lại thì không thể hiểu rõ. Người kia về sau tư duy xét kỹ, tự sinh mê muội, do tất cả pháp không phải là cảnh giới của kẻ ấy.

Lúc này, Phạm chí Sinh Văn nghe lời Phật giảng nói, hết sức vui mừng liền cung kính từ biệt ra về.

*

1. Thế nào là Nhãn xứ?

Đáp: Nghĩa là như Nhãn căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

2. Thế nào là Sắc xứ?

Đáp: Nghĩa là sắc được mắt đã, đang và sẽ thấy, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Sắc xứ.

Lại, sắc được mắt tăng thượng phát sinh nhãn thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Sắc xứ.

Lại, đối với mắt, sắc đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Sắc xứ.

Lại, sắc được mắt đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Sắc xứ.

Như vậy các sắc hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Sắc xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là bốn đại chủng đã tạo ra các thứ sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, mây, khói, bụi, sương mù, dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, thẳng hay xiên, bóng hình ánh sáng, bóng tối, một thứ hiện sắc của hư không cùng các sắc pha tạp như đỏ tía, xanh ngọc bích, xanh lục, vàng

sẫm, cùng hết thấy các thứ sắc hiện có khác, nhãn căn đã thấy được, nhãn thức đã hiểu biết, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là sắc, là sắc giới, là sắc xứ v.v... là bờ kia. Sắc xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

*

3. Thế nào là Nhĩ xứ?

Đáp: Nghĩa là như Nhĩ căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

4. Thế nào là Thanh xứ?

Đáp: Nghĩa là tiếng được tai đã, đang và sẽ nghe, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thanh xứ.

Lại, tiếng được tai tăng thượng phát sinh nhĩ thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thanh xứ.

Lại, đối với tai, tiếng đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thanh xứ.

Lại, tiếng được tai đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Thanh xứ.

Như vậy các tiếng hiện có của quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Thanh xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là bốn đại chủng đã tạo ra các thứ tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng bước chân, tiếng thổi ốc, tiếng chuông rung, tiếng trống lớn nhỏ, tiếng ca, tiếng ngâm vịnh, tiếng tán thán, tiếng Phạn, cùng âm thanh của bốn đại chủng hổ tương, xúc chạm nơi ngày đêm, âm thanh của ngôn ngữ, cùng mọi thứ tiếng hiện có khác, nhĩ căn đã nghe thấy, nhĩ thức đã hiểu rõ, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng

ngũ, các tướng cùng tướng, nêu đặt đề nói năng, gọi đó là tiếng, là thanh giới, là thanh xứ, là bờ kia. Thanh xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

*

5. Thế nào là Tỷ xứ?

Đáp: Nghĩa là như Tỷ căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

6. Thế nào là Hương xứ?

Đáp: Nghĩa là hương được mũi đã, đang và sẽ ngửi, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Hương xứ.

Lại, hương được mũi tăng thượng phát sinh tỷ thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Hương xứ.

Lại, đối với mũi, hương đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Hương xứ.

Lại, hương được mũi đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Hương xứ.

Như vậy các hương hiện có nơi quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Hương xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là bốn đại chủng đã tạo ra các thứ hương của rễ, cộng cây, cành cây, lá, hoa quả v.v... hay mùi thơm, mùi thối, mùi bình thường, cùng các thứ hương hiện có khác, tỷ căn đã ngửi được, tỷ thức đã hiểu rõ, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt đề nói năng, gọi đó là hương, là hương giới, là hương xứ, là bờ kia. Hương xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

*

7. Thế nào là Thiệt xứ?

Đáp: Nghĩa là như Thiệt căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

8. Thế nào là Vị xứ?

Đáp: Nghĩa là vị được lưỡi đã, đang và sẽ nếm, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Vị xứ.

Lại, vị được lưỡi tăng thượng phát sinh thiệt thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Vị xứ.

Lại, đối với lưỡi, vị đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Vị xứ.

Lại, vị được lưỡi đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Vị xứ.

Như vậy các vị hiện có trong quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Vị xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là bốn đại chủng đã tạo ra các thứ vị của rễ cây, cộng cây, nhánh cây, lá, hoa, quả, vị của thức ăn, thức uống và các thứ rượu, vị đắng, vị chua, ngọt, cay, mặn, lạt, vị thích ý, vị trái ý, vị thuận xả, cùng các thứ vị hiện có khác, thiệt căn đã nếm vị, thiệt thức đã hiểu rõ, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là vị, là vị giới, là vị xứ, là bờ kia. Vị xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

*

9. Thế nào là Thân xứ?

Đáp: Nghĩa là như Thân căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

10. Thế nào là Xúc xứ?

Đáp: Nghĩa là xúc được thân đã, đang và sẽ xúc chạm, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Xúc xứ.

Lại, xúc được thân tăng thượng phát sinh thân thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Xúc xứ.

Lại, đối với thân, xúc đã, đang và sẽ bị trở ngại, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Xúc xứ.

Lại, xúc được thân đã, đang và sẽ hành tác, cùng đồng phận của nó, đó gọi là Xúc xứ.

Như vậy các xúc hiện có nơi quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Xúc xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là bốn đại chủng đã tạo ra các tánh trơn, nhám, nhẹ, nặng, lạnh, ấm, đói khát, cùng các thứ xúc hiện có khác, thân căn đã nhận biết, thân thức đã hiểu rõ, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là xúc, là xúc giới, là xúc xứ, là bờ kia. Xúc xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

*

11. Thế nào là Ý xứ?

Đáp: Nghĩa là như Ý căn. Nên nói rõ về tướng của nó.

*

12. Thế nào là Pháp xứ?

Đáp: Nghĩa là pháp được ý đã, đang và sẽ nhận biết, đó gọi là Pháp xứ.

Lại, pháp được ý tăng thượng phát sinh ý thức, đã, đang và sẽ phân biệt rõ, đó gọi là Pháp xứ.

Lại, đối với ý, pháp đã, đang và sẽ bị trở ngại, đó gọi là Pháp xứ.

Lại, pháp được ý đã, đang và sẽ hành tác, đó gọi là Pháp xứ.

Như vậy các pháp hiện có nơi quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Pháp xứ, cũng gọi là đối tượng được nhận biết v.v... cho đến gọi là đối tượng cùng chứng đắc. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là các thứ thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, tín, tinh tấn, niệm định, tuệ, tâm, tứ, phóng dật, không phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, tất cả kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, các thứ trí, các thứ kiến, các thứ hiện quán hiện có, đắc, định vô tướng, định diệt tận, sự vô tướng, mạng căn, chúng đồng phận, y đắc, sự đắc, xứ đắc, tánh sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, cùng các thứ pháp hiện có khác, ý căn đã nhận biết, ý thức đã hiểu rõ, các danh hiệu hiện có, dị ngữ tăng ngữ, các tướng cùng tướng, nêu đặt để nói năng, gọi đó là pháp, là pháp giới, là pháp xứ, là bờ kia. Pháp xứ như thế là thuộc về Ngoại xứ.

Phẩm 19: UẨN

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bì-sô: Có 5 Uẩn. Những gì là năm?

1. *Sắc uẩn.*
2. *Thọ uẩn.*
3. *Tưởng uẩn.*
4. *Hành uẩn.*
5. *Thức uẩn.*

Đó gọi là năm uẩn.

*

1. Thế nào là Sắc uẩn?

Đáp: Nghĩa là các thứ sắc hiện có, tất cả đều là bốn đại chủng và do bốn đại chủng tạo nên. Đó gọi là Sắc uẩn.

*

2. Thế nào là Thọ uẩn?

Đáp: Nghĩa là các thọ, cùng thọ, thọ riêng, tánh của thọ, thuộc về thọ. Đó gọi là Thọ uẩn.

Lại có hai thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là thân thọ và tâm thọ. *Thế nào là thân thọ?* Là năm thức thân tương ưng các với các thọ v.v... cho đến thuộc về thọ, đó gọi là thân thọ. *Thế nào là tâm thọ?* Là ý thức tương ưng với các thọ v.v... cho đến thuộc về thọ, đó gọi là tâm thọ.

Lại có hai thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là thọ có vị và thọ không vị. *Thế nào là thọ có vị?* Là tác ý hữu lậu tương ưng với các thọ v.v... cho đến thuộc về thọ, đó gọi là thọ có vị. *Thế nào là thọ không vị?* Là tác ý vô lậu tương ưng với các thọ v.v... cho đến thuộc về thọ, đó gọi là thọ không vị.

Lại có thuyết nói: Tác ý của cõi Dục tương ưng với thọ, gọi là thọ có vị. Tác ý của cõi Sắc và cõi Vô sắc tương ưng với thọ, gọi là thọ không vị. Nay trong nghĩa này nói tác ý hữu lậu tương ưng với thọ, gọi là thọ có vị. Tác ý vô lậu tương ưng với thọ, gọi là thọ không vị.

Như nói về thọ có vị, thọ không vị, các thứ thọ đọa lạc, thọ không đọa lạc, thọ dựa vào tham đắm, thọ dựa vào xuất ly, thọ thuận kiết, thọ không thuận kiết, thọ thuận thủ, thọ không thuận thủ, thọ thuận theo triền, thọ không thuận theo triền, thọ thế gian, thọ xuất thế gian v.v... cũng như vậy.

Lại có ba thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là lạc thọ, khổ thọ, thọ không khổ không lạc. *Thế nào là lạc thọ?* Là xúc thuận theo lạc sinh

khởi thân và tâm đều vui, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là lạc thọ. Lại nữa, khi tu các thứ tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, xúc thuận theo lạc sinh khởi tâm vui, thọ nhận bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là lạc thọ. *Thế nào là khổ thọ?* Là xúc thuận theo khổ sinh khởi thân và tâm đều khổ, thọ nhận không bình đẳng, thuộc về thọ, đó gọi là khổ thọ. *Thế nào là thọ không khổ không lạc?* Là xúc thuận theo không khổ không lạc sinh khởi thân xả và tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải là không bình đẳng, đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ không khổ không lạc. Lại nữa, khi tu định vị chí, tĩnh lự trung gian, tĩnh lự thứ tư cùng định vô sắc, xúc thuận theo không khổ không lạc sinh khởi tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải là không bình đẳng, đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ không khổ không lạc.

Lại có bốn thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là thọ cõi Dục, thọ cõi Sắc, thọ cõi Vô sắc và thọ không hệ thuộc. *Thế nào là thọ cõi Dục?* Là tác ý của cõi Dục tương ưng với các thọ v.v... cho đến đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ cõi Dục. *Thế nào là thọ cõi Sắc?* Là tác ý của cõi Sắc tương ưng với các thọ v.v... cho đến đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ cõi Sắc. *Thế nào là thọ cõi Vô sắc?* Là tác ý của cõi Vô sắc tương ưng với các thọ v.v... cho đến đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ cõi Vô sắc. *Thế nào là thọ không hệ thuộc?* Là tác ý vô lậu tương ưng với các thọ v.v... cho đến đều thuộc về thọ, đó gọi là thọ không hệ thuộc.

Lại có năm thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là lạc thọ, khổ thọ, hỷ thọ, ưu thọ, xả thọ. Năm thọ như thế nói rộng như nơi Phẩm Căn.

Lại có sáu thứ thọ, gọi là Thọ uẩn: Nghĩa là mắt tiếp xúc sinh ra thọ, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sinh ra thọ. *Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra thọ?* Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên sinh ra xúc, xúc làm duyên sinh ra thọ. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, còn nhãn xúc làm nhân, nhãn xúc là đẳng khởi, là chủng loại của nhãn xúc, là thứ sinh nhãn xúc, cùng nhãn xúc sinh ra tác ý tương ưng với các thọ do nhãn thức đã

phân biệt rõ về sắc v.v... cho đến đều thuộc về thọ. Đó gọi là mắt tiếp xúc sinh ra thọ. *Các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc sinh ra thọ: Nói rộng cũng như vậy. Đó gọi là Thọ uẩn.*

*

3. Thế nào là Tưởng uẩn?

Đáp: Như Thọ uẩn, Tưởng uẩn theo chỗ ứng hợp nói rộng cũng như vậy.

*

4. Thế nào là Hành uẩn?

Đáp: Hành uẩn có hai thứ: 1. Hành uẩn của tâm tương ưng. 2. Hành uẩn của tâm không tương ưng.

Thế nào là hành uẩn của tâm tương ưng? Nghĩa là tư, xúc, tác ý v.v... nói rộng cho đến các trí, kiến, hiện quán hiện có. Ngoài ra lại có các loại pháp như thế cùng tương ưng với tâm. Đó gọi là Hành uẩn của tâm tương ưng.

Thế nào là hành uẩn của tâm không tương ưng? Nghĩa là đã chứng được định vô tướng v.v... nói rộng cho đến văn thân. Ngoài ra lại có các loại pháp như thế không tương ưng với tâm. Đó gọi là Hành uẩn của tâm không tương ưng.

Như thế, hành uẩn của tâm tương ưng và hành uẩn của tâm không tương ưng, *gọi chung là Hành uẩn.*

*

5. Thế nào là Thức uẩn?

Đáp: Như Thọ uẩn, Thức uẩn theo chỗ ứng hợp nói rộng cũng như vậy.

Phẩm 20: NHIỀU GIỚI, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm trú tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà ở riêng một mình nơi tĩnh thất khởi suy nghĩ: “Những kẻ gây ra các việc sợ hãi, các tai họa, các việc nhiễu loạn khổ não v.v... đều là hạng phàm phu ngu tối, không phải là các bậc trí”. Nghĩ như thế rồi, đến khoảng xế chiều, từ tĩnh thất đi đến chỗ Đức Phật, lạy nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem các điều đã suy nghĩ thưa đầy đủ với Đức Phật.

Nghe xong, Phật xác nhận nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Những kẻ gây ra các việc sợ hãi, các tai họa, các việc nhiễu loạn khổ não v.v... đều là hạng phàm phu ngu tối, không phải là các bậc trí. Như đặt lửa trong nhà cỏ lau khô thì lâu dần đài quán cũng bị thiêu cháy. Kẻ ngu cũng vậy, vì không có trí nên gây ra các thứ sợ hãi, tai họa v.v...

Khánh Hỷ nên biết! Nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, các sự sợ hãi, các tai họa, các thứ nhiễu loạn khổ não v.v... đều do kẻ phàm ngu sinh ra, không phải là các bậc trí, do các bậc trí không khởi các việc đó.

Khánh Hỷ nên biết! Kẻ phàm ngu có sợ hãi, bậc trí không có sợ hãi, kẻ phàm ngu có tai họa, bậc trí không có tai họa, kẻ phàm phu có các việc nhiễu loạn khổ não, bậc trí không có các thứ nhiễu loạn khổ não.

Do vậy, Khánh Hỷ nên biết! Kẻ phàm ngu và bậc trí, pháp nhận biết rồi, nên xa lìa pháp của các kẻ phàm ngu, thọ hành pháp của các bậc trí.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Như thế nào thì gọi là hạng phàm ngu?

Đức Phật nói: Nếu có hữu tình đối với các thứ giới, xứ, uẩn, các thứ duyên khởi và các pháp xứ phi xứ, không khéo léo hiểu biết, đó là hạng phàm ngu.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Ngang mức nào thì được gọi là bậc trí?

Đức Phật đáp: Nếu có hữu tình đối với giới, xứ, uẩn, đối với duyên khởi, pháp xứ phi xứ, đạt được thiện xảo, đó gọi là bậc trí.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí đối với giới đạt được thiện xảo?

Đức Phật dạy: Bậc trí đối với *mười tám giới* đều thấy biết đúng như thật, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Lại, đối với *sáu giới* thấy biết đúng như thật gọi là đạt được thiện xảo về giới. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về các giới: địa, thủy, hỏa, phong, không và thức.

Lại, đối với *sáu giới* thấy biết đúng như thật gọi là đạt được thiện xảo về giới. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về các giới: dục, giận, hại và không dục, không giận, không hại.

Lại, đối với *sáu giới* thấy biết đúng như thật gọi là đạt được thiện xảo về giới. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về các giới: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, vô minh.

Lại, đối với *bốn giới* thấy biết đúng như thật gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là giới thọ, tưởng, hành, thức.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là các giới: sắc, vô sắc, diệt.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là các giới: quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là các giới: thấp kém, trung bình, thượng diệu.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là các giới: thiện, bất thiện, vô ký.

Lại, thấy biết đúng như thật về *ba giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là các giới: học, vô học, phi học phi vô học.

Lại, thấy biết đúng như thật về *hai giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là giới hữu lậu, giới vô lậu.

Lại, thấy biết đúng như thật về *hai giới*, gọi là đạt được thiện xảo về giới. Đó là giới hữu vi, giới vô vi.

Đó gọi là bậc trí đối với giới đạt được thiện xảo.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí đối với xứ đạt được thiện xảo?

Đức Phật đáp: Bậc trí thấy biết đúng như thật về *mười hai xứ*, gọi là đạt được thiện xảo về xứ. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về xứ của mắt, sắc, tai, tiếng, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc, ý, thức, gọi là bậc trí đối với xứ đạt được thiện xảo.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí đối với uẩn đạt được thiện xảo?

Đức Phật đáp: Bậc trí thấy biết đúng như thật về *năm uẩn*, gọi là đạt được thiện xảo về uẩn. Nghĩa là thấy biết đúng như thật về sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, gọi là bậc trí đối với uẩn đạt được thiện xảo.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí đối với duyên khởi đạt được thiện xảo?

Đức Phật đáp: Bậc trí thấy biết đúng như thật về *mười hai chi duyên khởi* thuận và nghịch, gọi là đạt được thiện xảo về duyên khởi.

Nghĩa là thấy biết đúng như thật dựa vào cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xú, lục xú duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, phát sinh sầu than khổ ưu nhiều ão. Như vậy chính là tích tập thuần là uẩn khổ lớn. Lại thấy biết đúng như thật nếu dựa vào cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt. Nghĩa là vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục xú diệt, lục xú diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già chết, già chết nên sầu than khổ ưu nhiều ão diệt. Như thế là diệt hết toàn bộ uẩn khổ lớn. Đó gọi là bậc trí đạt được thiện xảo về duyên khởi.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí đạt được thiện xảo về pháp xú phi xú?

Đức Phật đáp: Bậc trí thấy biết đúng như thật về *xú phi xú*, gọi là đạt được thiện xảo về xú phi xú. Nghĩa là:

Thấy biết đúng như thật: Không xú, không thừa nhận là hành ác của thân ngữ ý chiêu cảm dị thực (quả báo) đáng yêu mến, ưa thích, mừng vui, vừa ý. Có xú, có thừa nhận là hành ác của thân ngữ ý chiêu cảm dị thực không yêu mến, ưa thích, mừng vui, vừa ý. Không xú, không thừa nhận là hành diệu của thân ngữ ý chiêu cảm dị thực không đáng yêu mến, không đáng ưa thích, mừng vui, vừa ý. Có xú, có thừa nhận là hành diệu của thân ngữ ý chiêu cảm dị thực đáng yêu mến, ưa thích, mừng vui, vừa ý. Không xú, không thừa nhận là hành ác của thân ngữ ý, do nhân duyên ấy nên sau khi qua đời được sinh nơi các nẻo thiện. Có xú, có thừa nhận là hành ác của thân ngữ ý, do nhân duyên ấy nên sau khi qua đời bị đọa vào các nẻo ác. Không xú, không thừa nhận là hành diệu của thân ngữ ý, do nhân

duyên ấy nên sau khi qua đời bị đọa vào các nẻo ác. Có xứ, có thừa nhận là các hành diệu của thân ngũ ý, do nhân duyên ấy nên sau khi qua đời được sinh vào các nẻo thiện. Đó gọi là bậc trí đối với xứ phi xứ đạt được thiện xảo.

Lại, thấy biết đúng như thật: Không xứ, không thừa nhận là không trước không sau có hai vị Chuyển luân Thánh vương sinh trong một thế giới. Có xứ, có thừa nhận là không trước không sau chỉ có một vị Chuyển luân Thánh vương sinh trong một thế giới. Không xứ, không thừa nhận là không trước không sau có hai Đức Như Lai sinh trong một thế giới. Có xứ, có thừa nhận là không trước không sau chỉ có một Đức Như Lai sinh trong một thế giới. Đó gọi là bậc trí đối với xứ phi xứ đạt được thiện xảo.

Lại, thấy biết đúng như thật: Không xứ, không thừa nhận là người nữ làm Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương, cùng chúng Bồ-đề Độc giác, hoặc chúng Bồ-đề Chánh đẳng vô thượng. Có xứ, có thừa nhận là người nam làm Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương, cùng chúng được Bồ-đề Độc giác, hoặc chúng Bồ-đề Chánh đẳng vô thượng. Đó gọi là bậc trí đối với xứ phi xứ đạt được thiện xảo.

Lại, thấy biết đúng như thật: Không xứ, không thừa nhận là bậc có đầy đủ Thánh kiến mà cố ý giết cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm ác khiến thân Phật chảy máu. Có xứ, có thừa nhận các phạm phu đã gây tạo năm tội vô gián. Không xứ, không thừa nhận là bậc có đủ Thánh kiến cố ý đoạn dứt mạng sống của chúng sinh. Có xứ, có thừa nhận hàng phạm phu đã cố ý đoạn dứt mạng sống của chúng sinh. Không xứ, không thừa nhận là các bậc có đủ Thánh kiến lại cố ý vượt bỏ các Học xứ. Có xứ, có thừa nhận các phạm phu đã cố ý vượt bỏ các Học xứ. Không xứ, không thừa nhận là bậc có đủ Thánh kiến lại bỏ Học xứ thù thắng để hướng tới Học xứ thấp kém, hoặc cầu ngoại đạo làm thầy, hoặc cầu ngoại đạo

làm phước điền, hoặc chiêm ngưỡng các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo, hoặc xem các thứ bói toán, đoán điềm tốt xấu cho là thanh tịnh, hoặc thọ nhận hữu thứ tám. Có xứ, có thừa nhận là các phạm phu đã làm những việc như thế. Đó gọi là bậc trí đối với xứ phi xứ đạt được thiện xảo.

Lại, thấy biết đúng như thật: Không xứ, không thừa nhận là chưa đoạn dứt năm thứ cái, khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ lực suy kém, làm chướng ngại đạo phẩm, trái với Niết-bàn, mà tâm khéo trụ nơi bốn niệm trụ. Có xứ, có thừa nhận là đã đoạn dứt năm thứ cái, tâm khéo trụ nơi bốn niệm trụ. Không xứ, không thừa nhận là chưa đoạn dứt năm thứ cái v.v... nói rộng cho đến trái với Niết-bàn, tâm chưa khéo trụ nơi bốn niệm trụ, lại có thể tu tập bảy giác chi. Có xứ, có thừa nhận là đã đoạn dứt năm thứ cái, tâm đã khéo trụ nơi bốn niệm trụ, có thể tu tập bảy giác chi. Không xứ, không thừa nhận là chưa đoạn dứt năm thứ cái v.v... nói rộng cho đến trái với Niết-bàn, tâm chưa khéo trụ nơi bốn niệm trụ, chưa tu tập bảy giác chi, lại có thể chứng được Thanh văn, Độc giác, Bồ-đề vô thượng. Có xứ, có thừa nhận là đã đoạn dứt năm thứ cái v.v... tâm đã khéo trụ nơi bốn niệm trụ, đã có thể tu tập bảy giác chi mới có thể chứng được Thanh văn, Độc giác, Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là bậc trí đối với xứ phi xứ đạt được thiện xảo.

Tôn giả A-nan-đà thưa: Nay pháp môn này nên gọi tên là gì, phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả Khánh Hỷ: Pháp môn này gọi là *Tứ chuyển*, cũng gọi là *Đại pháp cảnh* (Gương pháp lớn), cũng gọi là *Cam lồ cổ* (Trồng cam lồ), cũng gọi là *Nhiều cảnh giới*. Nên như thế mà phụng trì.

Lúc đó, Tôn giả A-nan-đà hoan hỷ kính thọ.

Tiếp theo là giải thích các giới vừa nêu trên:

* **Nói về 18 giới:** Đó là nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới v.v... cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới.

1. *Thế nào là Nhân giới?*

Đáp: Nghĩa là như Nhân căn.

2. *Thế nào là Sắc giới?*

Đáp: Nghĩa là như Sắc xứ.

3. *Thế nào là Nhãn thức giới?*

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ở đây, mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Đối với mắt nhận biết về sắc, các thứ phân biệt rõ, phân biệt rõ khác, đều phân biệt rõ riêng về sắc. Đó gọi là Nhãn thức giới.

Mười lăm giới còn lại: Theo chỗ ứng hợp nói rộng cũng như vậy.

*

* **Nói về 6 giới:** Đó là các giới địa, thủy, hỏa, phong, không và thức.

1. *Thế nào là Địa giới?*

Đáp: Nghĩa là Địa giới có hai loại là trong và ngoài.

Thế nào là Địa giới trong? Nghĩa là bên trong thân này hiện có các thứ mang tánh cứng rắn, loại cứng rắn khác nhau, có nắm giữ, có thọ nhận. Đây lại là thế nào? Đó là các thứ tóc, lông, móng, răng v.v... cho đến phần uế. Lại còn có các thứ ở bên trong thân mang tánh cứng rắn, loại cứng rắn khác, có nắm giữ, có thọ nhận. Đó gọi là Địa giới trong.

Thế nào là Địa giới ngoài? Nghĩa là bên ngoài thân này hiện có các thứ mang tánh cứng rắn, loại cứng rắn thuộc về bên ngoài, không

nắm giữ, không thọ nhận. Đây lại là thế nào? Đó là các thứ đất đai, núi non, đá, đá sỏi, ngói, trai, hàu, ốc sên, đồng, sắt, thiếc, chì, mạt ni, chân châu, lưu ly, loa bồi, san hô, ngọc bích, vàng bạc, thạch tạng, chử tạng, phả chi ca, xích châu, thạch tuyền, cát bồi, cỏ cây, nhánh lá, hoa quả, hoặc lại có đất dựa nơi thủy luân mà trụ. Lại còn có các thứ ở bên ngoài thân mang tánh cứng chắc, loại cứng chắc khác, không nắm giữ, không thọ nhận. Đó gọi là Địa giới ngoài.

Hai thứ trong ngoài ấy gọi chung là Địa giới.

2. Thế nào là Thủy giới?

Đáp: Nghĩa là Thủy giới có hai loại là trong và ngoài.

Thế nào là Thủy giới trong? Nghĩa là bên trong thân này hiện có các thứ mang tánh ẩm ướt, loại ẩm ướt khác nhau, có nắm giữ, có thọ nhận. Đây lại là thế nào? Đó là các thứ nước mắt, mồ hôi v.v... cho đến tiểu tiện. Lại còn có các thứ ở bên trong thân mang tánh ẩm ướt, loại ẩm ướt khác, có nắm giữ, có thọ nhận. Đó gọi là Thủy giới trong.

Thế nào là Thủy giới ngoài? Nghĩa là bên ngoài thân này hiện có các thứ mang tánh ẩm ướt, loại ẩm ướt thuộc về bên ngoài, không nắm giữ, không thọ nhận. Đây lại là thế nào? Đó là các thứ nước nhựa của rễ, cộng, nhánh, lá, hoa, quả v.v... các thứ rượu, sữa, lạc, tô, dầu, mật, đường, ao, đầm, vũng, hồ, sông Căng-già, sông Lam-mẫu-na, sông Tát-lạt-du, sông Ất-thị-la-phiệt-đề, sông Mạc-si, biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc, nước trong bốn biển lớn, hoặc lại có nước nương vào phong luân mà trụ. Lại còn có các thứ ở bên ngoài thân mang tánh ẩm ướt, loại ẩm ướt khác, không nắm giữ, không thọ nhận. Đó gọi là Thủy giới ngoài.

Hai thứ trong và ngoài ấy gọi chung là Thủy giới.

3. Thế nào là Hỏa giới?

Đáp: Nghĩa là Hỏa giới có hai loại là trong và ngoài.

Thế nào là Hỏa giới trong? Nghĩa là bên trong thân này hiện có các thứ mang tánh nóng, loại nóng khác nhau, có nắm giữ, có thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là trong thân này hiện có các thứ nóng cùng nóng, nóng khắp, do đầy các việc ăn uống đều dễ tiêu hóa. Nếu sự nóng này tăng thịnh tức khiến thân nóng bức như bị đốt cháy. Lại còn có các thứ ở bên trong thân mang tánh nóng, loại nóng khác, có nắm giữ, có thọ nhận. Đó gọi là Hỏa giới trong.

Thế nào là Hỏa giới ngoài? Nghĩa là bên ngoài thân này hiện có các thứ mang tánh nóng, loại nóng thuộc về bên ngoài, không nắm giữ, không thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là các thứ đất ẩm, lửa, mặt trời, thuốc, mặt ni, cung điện, các vì sao, đồng lửa to, đèn, các đám cháy làng, cháy thành, cháy sông, cháy các đồng rộng, cháy củi, cỏ, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm gánh, hoặc vô số gánh bị đốt cháy rục rờ. Hoặc sức ẩm nóng tại những nơi như núi, đầm, sông, ao, hang động, phòng nhà, cung điện, lầu đài, hoặc sức ẩm nóng của những cỏ cây, rễ, cội, nhánh, lá, hoa, quả v.v... Lại còn có các thứ ở bên ngoài thân mang tánh nóng, loại nóng khác, không nắm giữ, không thọ nhận. Đó gọi là Hỏa giới ngoài.

Hai thứ trong ngoài ấy gọi chung là Hỏa giới.

4. Thế nào là Phong giới?

Đáp: Nghĩa là Phong giới có hai loại là trong và ngoài.

Thế nào là Phong giới trong? Nghĩa là bên trong thân này hiện có các thứ mang tánh động, loại động khác nhau, có nắm giữ, có thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là bên trong thân này có hơi gió đi lên, hơi gió đi xuống, hoặc hơi gió đi ngang hai bên, hơi gió ở hông, nơi ngực, nơi lưng, bụng, tim, rốn. Các thứ gió Ôt-bát-la, Tát-bát-la, hơi gió đao, kiếm, kim, hơi gió nối kết, trói buộc, kéo trì xuống, nâng cao lên, mạnh mẽ, hoặc tùy từng chi tiết theo hơi thở ra vào. Lại còn có các thứ ở bên trong thân mang tánh động, loại động khác, có nắm giữ, có thọ nhận. Đó gọi là Phong giới trong.

Thế nào là Phong giới ngoài? Nghĩa là bên ngoài thân này hiện có những thứ mang tánh động, loại động thuộc về bên ngoài, không nắm giữ, không thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là các thứ gió Đông, Tây, Nam, Bắc, gió có bụi bặm, gió không có bụi bặm, gió xoáy, gió dữ dội, gió Phệ-lam-bà, gió hiu hiu, gió lớn, gió vô lượng, gió của phong luân, gió dựa nơi không hành. Lại còn có các thứ ở bên ngoài thân mang tánh động, loại động khác, không nắm giữ, không thọ nhận. Đó gọi là Phong giới ngoài.

Hai thứ trong ngoài ấy gọi chung là Phong giới.

5. Thế nào là Không giới?

Đáp: Nghĩa là Không giới có hai loại là trong và ngoài.

Thế nào là Không giới trong? Nghĩa là bên trong thân này hiện có các thứ mang tánh không, loại không khác nhau, có nắm giữ, có thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là bên trong thân này có những khoảng trống theo nơi da thịt, máu huyết, xương tủy v.v... hoặc hố mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, họng, yết hầu, tim, các khoảng trống nơi ruột, nơi bụng v.v... do đây nên tích trữ chung thức ăn uống cùng khiến thải ra ngoài. Lại còn có các thứ ở bên trong thân mang tánh không, loại không khác, có thể nắm giữ, có thọ nhận. Đó gọi là Không giới trong.

Thế nào là Không giới ngoài? Nghĩa là bên ngoài thân này hiện có các thứ mang tánh không, loại không khác nhau, không nắm giữ, không thọ nhận. Đây lại là thế nào? Tức là khoảng không bên ngoài rất xa, gần với Sắc ha giả. Đó gọi là Không giới ngoài.

Hai thứ trong ngoài ấy gọi chung là Không giới.

6. Thế nào là Thức giới?

Đáp: Nghĩa là năm thức thân và ý thức hữu lậu. Đó gọi là Thức giới.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 11

Phẩm 20: NHIỀU GIỚI, phần 2

* *Nói về 6 giới:* Đó là các giới dục, giận, hại và không dục, không giận, không hại.

1. Thế nào là giới dục?

Đáp: Nghĩa là đối với cảnh dục, khởi các tham cùng tham v.v... cho đến là loại tham, sinh ra tham, gọi chung là giới dục. Lại nữa, dục tham cùng dục tham tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới dục.

2. Thế nào là giới giận?

Đáp: Nghĩa là đối với các hữu tình muốn gây tổn hại v.v... cho đến hiện gây tai họa, gọi chung là giới giận. Lại nữa, giận dữ cùng giận dữ tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới giận.

3. Thế nào là giới hại?

Đáp: Nghĩa là dùng tay, đất, đá, đao gậy v.v..., các thứ như thế theo đây để đánh đập các hữu tình, có các tổn hại cùng tổn hại, đây khởi giận dữ có thể gây tạo các sự khổ, gọi chung là giới hại. Lại nữa, hại cùng hại tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới hại.

4. Thế nào là giới không dục?

Đáp: Nghĩa là đối với giới dục, luôn tư duy về các lỗi lầm tai họa của nó. Giới dục như thế là pháp bất thiện, là kẻ thấp kém mới tin hiểu thọ trì. Phật và hàng đệ tử, các bậc Thiện sĩ hiền quý thầy đều chê trách chán bỏ, vì nó làm hại mình, hại người, hại cả mình và người, có thể tiêu diệt trí tuệ, có thể ngăn trở loại ấy, có thể gây chướng ngại cho Niết-bàn, thọ trì pháp ấy thì không sinh thông tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không dục.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới dục, nên đối với giới không dục luôn tư duy về các công đức. Giới không dục như thế là pháp thiện, các bậc tôn quý nhất đã tin hiểu thọ trì. Phật và các đệ tử, những bậc Thiện sĩ hiền quý đều cùng vui mừng khen ngợi, vì pháp ấy không hại mình, không hại người, hoặc không hại cả hai, làm tăng trưởng trí tuệ, không ngăn trở loại ấy, không gây chướng ngại cho Niết-bàn, thọ trì pháp ấy có thể khởi thông tuệ, dẫn đến Bồ-đề, có thể chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không dục.

Lại nữa, tư duy về giới dục như bệnh hoạn, như ung nhọt, như sự não hại của mũi tên độc, là vô thường, khổ, không, vô ngã, luôn chuyển động, mệt mỏi, suy yếu, là pháp mất mát, tan hủy, nhanh chóng không dừng, luôn hư nát, không thường hằng, không thể tin giữ, là pháp biến hoại. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không dục.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới dục, nên tư duy về diệt đế là diệt, là lìa, tư duy về đạo đế là đạo, là xuất. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không dục.

Lại nữa, nếu tư duy về định tâm xả và đạo tương ưng với định tâm xả, cùng định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không dục.

Lại nữa, không dục cùng không dục tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới không dục.

5. Thế nào là giới không giận?

Đáp: Nghĩa là đối với giới giận luôn tư duy về các lỗi làm tai họa của nó. Giới giận như thế là pháp bất thiện v.v... cho đến không chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không giận.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới giận, nên đối với giới không giận luôn tư duy về các công đức. Giới không giận như thế là pháp thiện v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không giận.

Lại nữa, tư duy về giới giận như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... cho đến là pháp biến hoại. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không giận.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới giận, nên tư duy về diệt đế là diệt, là lia, tư duy về đạo đế là đạo, là xuất. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không giận.

Lại nữa, nếu tư duy về định tâm từ và đạo tương ưng với định tâm từ. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không giận.

Lại nữa, không giận cùng không giận tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới không giận.

6. Thế nào là giới không hại?

Đáp: Nghĩa là đối với giới hại, luôn tư duy về các lỗi lầm tai họa của nó. Giới hại như thế là pháp bất thiện v.v... cho đến không chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không hại.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới hại, nên đối với giới không hại luôn tư duy về các công đức. Giới không hại như thế là pháp thiện v.v... cho đến có thể chứng đắc Niết-bàn. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không hại.

Lại nữa, tư duy về giới hại như bệnh hoạn, như ung nhọt v.v... cho đến là pháp biến hoại. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không hại.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ giới hại, nên tư duy về diệt đế là diệt, là lìa, tư duy về đạo đế là đạo, là xuất. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không hại.

Lại nữa, nếu tư duy về định tâm bi và đạo tương ưng với định tâm bi. Tư duy như thế liền phát sinh sức siêng năng tinh tấn v.v... cho đến tâm ý luôn cố gắng không dừng. Đó gọi là giới không hại.

Lại nữa, không hại cùng không hại tương ưng với thọ tướng hành thức đã cùng khởi các nghiệp thân, ngữ, hành không tương ưng, gọi chung là giới không hại.

* **Nói về 6 giới:** Đó là các giới lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, vô minh.

1. *Thế nào là giới lạc?*

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo lạc sinh khởi thân vui, tâm vui, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới lạc. Lại nữa, khi tu tĩnh lự thứ ba xúc thuận theo lạc thọ sinh khởi tâm vui, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới lạc.

2. *Thế nào là giới khổ?*

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo khổ sinh khởi thân khổ, thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới khổ.

3. *Thế nào là giới hỷ?*

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo hỷ sinh khởi tâm mừng, thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới hỷ.

4. *Thế nào là giới ưu?*

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo ưu sinh khởi tâm lo, thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới ưu.

5. *Thế nào là giới xả?*

Đáp: Nghĩa là xúc thuận theo xả sinh khởi thân xả, tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải là không bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới xả. Lại nữa, khi tu định vị chí, tĩnh lự trung gian, tĩnh lự thứ tư và định vô sắc, xúc thuận theo không khổ không lạc sinh khởi tâm xả, thọ nhận không bình đẳng, không phải là không bình đẳng, đều thuộc về thọ nhận. Đó gọi là giới xả.

6. *Thế nào là giới vô minh?*

Đáp: Nghĩa là ba cõi đều không nhận biết. Đó gọi là giới vô minh.

*** Nói về 4 giới:** Đó là các giới thọ, tưởng, hành, thức.

1. Thế nào là giới thọ?

Đáp: Nghĩa là sáu thọ nơi thân, tức mắt tiếp xúc với sắc sinh ra thọ v.v... cho đến ý tiếp xúc với pháp sinh ra thọ, đó gọi là giới thọ.

2. Thế nào là giới tưởng?

Đáp: Nghĩa là sáu tưởng nơi thân, tức mắt tiếp xúc sinh ra tưởng v.v... cho đến ý tiếp xúc sinh ra tưởng, đó gọi là giới tưởng.

3. Thế nào là giới hành?

Đáp: Nghĩa là sáu tư nơi thân, tức mắt tiếp xúc sinh ra tư v.v... cho đến ý tiếp xúc sinh ra tư, đó gọi là giới hành.

4. Thế nào là giới thức?

Đáp: Nghĩa là sáu thức thân, tức là nhãn thức v.v... cho đến ý thức, đó gọi là giới thức.

*

*** Nói về 3 giới:** Đó là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

1. Thế nào là cõi Dục?

Đáp: Nghĩa là có các pháp dục tham theo đầy tăng lên, đó gọi là cõi Dục.

Lại nữa, hệ thuộc cõi Dục có mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đó gọi là cõi Dục.

Lại nữa, dưới từ địa ngục Vô gián, trên đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, trong ấy đều hiện có sắc thọ tưởng hành thức, đó gọi là cõi Dục.

2. Thế nào là cõi Sắc?

Đáp: Nghĩa là có các pháp sắc tham theo đầy tăng lên, đó gọi là cõi Sắc.

Lại nữa, hệ thuộc cõi Sắc có mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn, đó gọi là cõi Sắc.

Lại nữa, dưới từ cõi trời Phạm chúng, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong ấy đều hiện có sắc thọ tướng hành thức, đó gọi là cõi Sắc.

3. Thế nào là cõi Vô sắc?

Đáp: Nghĩa là có các pháp vô sắc tham theo đầy tăng lên, đó gọi là cõi Vô sắc.

Lại nữa, hệ thuộc cõi Vô sắc có ba giới, hai xứ, bốn uẩn, đó gọi là cõi Vô sắc.

Lại nữa, như ở cõi Dục, cõi Sắc, xứ định được kiến lập thì không cùng tạp loạn, còn ở cõi Vô sắc thì không có sự việc như thế. Nhưng dựa vào định sinh, hơn kém có sai biệt, nên lập ra trên dưới. Dưới từ xứ Không vô biên, trên đến xứ Phi tướng phi phi tướng, trong ấy đều hiện có thọ tướng hành thức, đó gọi là cõi Vô sắc.

*

* **Nói về 3 giới:** Đó là các giới sắc, vô sắc, diệt.

1. Thế nào là giới sắc?

Đáp: Nghĩa là cõi Dục và cõi Sắc, gọi chung là giới sắc.

2. Thế nào là giới vô sắc?

Đáp: Nghĩa là bốn định vô sắc, đó gọi là giới vô sắc.

3. Thế nào là giới diệt?

Đáp: Nghĩa là trạch diệt, phi trạch diệt, đó gọi là giới diệt.

Lại nữa, các pháp có sắc gọi chung là giới sắc. Trừ trạch diệt, phi trạch diệt, các pháp vô sắc còn lại gọi là giới vô sắc. Trạch diệt và phi trạch diệt gọi là giới diệt.

*

* **Nói về 3 giới:** Đó là các giới quá khứ, hiện tại, vị lai.

1. *Thế nào là giới quá khứ?*

Đáp: Nghĩa là năm uẩn quá khứ, đó gọi là giới quá khứ.

2. *Thế nào là giới hiện tại?*

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hiện tại, đó gọi là giới hiện tại.

3. *Thế nào là giới vị lai?*

Đáp: Nghĩa là năm uẩn vị lai, đó gọi là giới vị lai.

*

* **Nói về 3 giới:** Đó là các giới thấp kém, trung bình, thượng diệu.

1. *Thế nào là giới thấp kém?*

Đáp: Nghĩa là pháp bất thiện hữu phú vô ký, đó gọi là giới thấp kém.

2. *Thế nào là giới trung bình?*

Đáp: Nghĩa là pháp thiện hữu lậu và pháp vô phú vô ký, đó gọi là giới trung bình.

3. *Thế nào là giới thượng diệu?*

Đáp: Nghĩa là pháp thiện vô lậu, đó gọi là giới thượng diệu.

*

* **Nói về 3 giới:** Đó là các giới thiện, bất thiện, vô ký.

1. *Thế nào là giới thiện?*

Đáp: Nghĩa là nghiệp thân, ngữ thiện, pháp tâm, tâm sở, hành không tương ưng cùng trạch diệt, đó gọi là giới thiện.

2. *Thế nào là giới bất thiện?*

Đáp: Nghĩa là nghiệp thân, ngữ bất thiện, pháp tâm, tâm sở, hành không tương ưng, đó gọi là giới bất thiện.

3. Thế nào là giới vô ký?

Đáp: Nghĩa là sắc vô ký, pháp tâm, tâm sở, hành không tương ưng cùng hư không và phi trạch diệt, đó gọi là giới vô ký

*

* **Nói về 3 giới:** Đó là các giới học, vô học, phi học phi vô học.

1. Thế nào là giới học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hữu học, đó gọi là giới học.

2. Thế nào là giới vô học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn vô học, đó gọi là giới vô học.

3. Thế nào là giới phi học phi vô học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hữu lậu cùng hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, đó gọi là giới phi học phi vô học.

*

* **Nói về 2 giới:** Đó là giới hữu lậu, giới vô lậu.

1. Thế nào là giới hữu lậu?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hữu lậu, đó gọi là giới hữu lậu.

2. Thế nào là giới vô lậu?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn vô lậu cùng hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, đó gọi giới vô lậu.

*

* **Nói về 2 giới:** Đó là giới hữu vi, giới vô vi.

1. Thế nào là giới hữu vi?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn, đó gọi là giới hữu vi.

2. Thế nào là giới vô vi?

Đáp: Nghĩa là hư không cùng trạch diệt, phi trạch diệt, đó gọi là giới vô vi.

Tụng nêu tổng quát:

*Giới có sáu, mười hai
Mười tám giới là trước
Ba sáu, một bốn thứ
Sáu ba, hai thứ sau.*

Phẩm 21: DUYÊN KHỞI, phần 1

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại khu vườn rừng Thệ Đa – Cấp Cô Độc, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với chúng Bí-sô: Ta sẽ vì các Bí-sô giảng nói rõ về *Duyên khởi* và *Pháp duyên đã sinh*. Chư vị nên lắng nghe, hết sức khéo tác ý để lãnh hội.

Thế nào là Duyên khởi?

Đáp: Nghĩa là dựa vào cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, phát sinh sầu than khổ ưu nhiều nã. Như thế liên tu tập thuận là uẩn khổ lớn. Bí-sô nên biết! Sinh duyên lão tử, nếu Phật có ra đời hay không ra đời duyên khởi như thế là pháp trụ pháp giới, tất cả các Như Lai đều tự nhiên thông đạt, đẳng giác, nêu rõ, kiến lập, phân biệt, khai thị, khiến được hiển bày. Đó là sinh duyên lão tử v.v... Như thế cho đến vô minh duyên hành, nên biết cũng như vậy. Trong

đây hiện có các thứ pháp tánh, pháp định, pháp lý, pháp thú, là chân là thật, là đế là như, không hư không dối, không điên đảo, không khác nhau. Đó gọi là Duyên khởi.

Thế nào là Pháp duyên đã sinh?

Đáp: Nghĩa là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử v.v... Như thế gọi là Pháp duyên đã sinh. Bí-sô nên biết! Lão tử (già chết) là vô thường, là hữu vi, là có tạo tác, là duyên đã sinh, là pháp tận, pháp mất, pháp lia, pháp diệt v.v... Sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh v.v... cũng như thế.

Bí-sô nên biết! Các đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta, đối với duyên khởi và pháp duyên đã sinh này có thể dùng chánh tuệ để khéo thấy biết, hiểu rõ đúng như thật, khéo tư duy, khéo thông đạt, không dựa nơi đời trước để khởi những nghi vấn ngu tối lầm lạc: Ta nơi đời quá khứ là từng có hay không có. Những gì là ta từng có? Vì sao ta từng có? Không dựa vào đời sau để khởi nghi vấn ngu lầm: Ta nơi đời vị lai là sẽ có hay không có? Những gì là ta sẽ có? Vì sao ta sẽ có? Cũng không dựa vào bên trong để khởi nghi vấn ngu lầm: Những gì là ngã, là ngã này? Vì sao ta và kẻ khác hiện có? Ta sẽ có những ai? Nay hữu tình này từ đâu đến, ở xứ này chết rồi sẽ đi đến nơi nào? Người kia biết như thế thấy như thế, thế gian hiện có đều có kiến thú rồi. Nghĩa là luận về ngã tương ưng, luận về hữu tình tương ưng, luận về thọ mạng tương ưng, luận về lành dữ tương ưng làm cho sáng đẹp, chấp là mình có. Tức có khổ, có chương ngại, có tai họa, có bức não. Người ấy bấy giờ đã đoạn trừ, nhận biết khắp, như chặt đứt gốc rễ cây to cùng ngọn cây Đa la, không còn sức lực nên về sau vĩnh viễn không sinh. Vì sao như thế? Nghĩa là các hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Như Lai, đối với duyên khởi và pháp duyên đã sinh này có thể dùng chánh tuệ để khéo thấy, khéo biết, khéo hiểu rõ đúng như thật, khéo tư duy, khéo thông đạt.

Lúc này, chúng Bí-sô đều hoan hỷ kính thọ.

Ở đây, nói về duyên khởi và pháp duyên đã sinh, Thế tuy là một, nhưng nghĩa thì có khác. Nghĩa là: Hoặc có duyên khởi không phải là pháp duyên đã sinh. Hoặc có pháp duyên đã sinh không phải là duyên khởi. Hoặc có duyên khởi cũng là pháp duyên đã sinh. Hoặc có không phải là duyên khởi cũng không phải là pháp duyên đã sinh.

Hoặc có duyên khởi không phải là pháp duyên đã sinh: Không có trường hợp này.

Hoặc có pháp duyên đã sinh không phải là duyên khởi: Tức là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử.

Hoặc có duyên khởi cũng là pháp duyên đã sinh: Tức sinh nhất định là chủ thể sinh nơi lão tử. Như thế, chi sinh nhất định là có thể làm duyên, là tánh của duyên khởi, cùng tánh của pháp duyên đã sinh. Như vậy các chi hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh nên biết cũng thế.

Không phải là duyên khởi cũng không phải là pháp duyên đã sinh: Tức là trừ tướng ở trước.

Lại, sinh duyên lão tử, nghĩa là chi sinh này tuy sinh khác diệt khác, nhưng lý duyên khởi thì trong mọi thời đều quyết định.

Nếu ở quá khứ sinh không duyên với lão tử nên ở vị lai sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu ở vị lai sinh không duyên với lão tử nên ở quá khứ sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu ở quá khứ sinh không duyên với lão tử nên ở hiện tại sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu ở hiện tại sinh không duyên với lão tử nên ở quá khứ sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu ở vị lai sinh không duyên với lão tử nên ở hiện tại sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu ở hiện tại sinh không duyên với lão tử nên ở vị lai sinh cũng không duyên với lão tử.

Nếu khi Phật xuất hiện ở đời sinh không duyên với lão tử, nên khi Phật không xuất hiện ở đời sinh cũng không duyên với lão tử. Nếu khi Phật không ra đời sinh không duyên với lão tử, nên khi Phật ra đời sinh cũng không duyên với lão tử.

Nếu lý duyên khởi có điên đảo, nên thành hai phần, không quyết định, nên có thể phá bỏ, vì lý tạp loạn. Nếu thế thì không nên thiết lập duyên khởi, Phật không nên nói sinh duyên lão tử. Nhưng Phật đã nói sinh duyên lão tử, lý sâu xa quyết định, ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, có Phật, không Phật, từng không đổi chuyển, pháp tánh hằng trụ, không ẩn không mất, không nghiêng không động, lý ấy trong lặng, chư Phật trước sau đều cùng chứng nhập, là chân là thật, là để là như, không giả không hư, không lệch, không khác, thế nên Phật nói sinh duyên lão tử. Như vậy các chi hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xúc, danh sắc, thức, hành, vô minh duyên hành cũng như thế.

Lại nữa, vô minh duyên hành, thì thế nào là vô minh? Nghĩ là đối với phần trước không biết, phần sau không biết, phần trước sau không biết. Đối với trong không biết, ngoài không biết, trong ngoài đều không biết. Đối với nghiệp không biết, dị thực không biết, dị thực của nghiệp không biết. Không biết về tạo nghiệp thiện, tạo nghiệp ác, tạo nghiệp thiện ác. Không biết nhân, không biết nhân sinh pháp, không biết Phật Pháp Tăng, không biết khổ tập diệt đạo, không biết pháp thiện, pháp bất thiện, pháp có tội, pháp không tội, pháp nên tu, pháp không nên tu, pháp thấp kém, pháp thắng diệu, pháp trắng đen. Không biết pháp có đối nghịch, pháp duyên sinh, không biết sáu xúc xúc như thật v.v... Như thế đều không biết, không thấy, không hiện quán, luôn ngu si, mịt mờ, tăm tối, vây bọc, buộc trói, ngu đần, chặn đục, ngăn che, phát sinh mù, phát sinh không sáng, không trí, phát sinh tụt kém, chướng ngại các phẩm thiện, khiến không chứng đắc Niết-bàn, là lậu vô minh, bọc lưu vô minh, ách nặng vô minh, rễ độc, thân độc, cành độc, lá độc, hoa độc, quả độc vô minh. Các thứ si cùng

si, si cùng cực, ngu ác, cùng ngu ác, rất ngu ác, là loại si, sinh ra si, gọi chung là vô minh.

*

1. Thế nào là Vô minh duyên Hành?

Đáp: Nghĩa là Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Vô minh làm nhân, vô minh làm duyên, nên tham sân si đây khởi, là tánh của tham sân si, đó gọi là Vô minh duyên Hành.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Vô minh là kẻ cầm cờ hiệu đi trước dẫn đầu, nên khởi vô số thứ pháp ác bất thiện, tức như không hổ không thẹn v.v... Do không hổ không thẹn nên khởi các tà kiến. Do tà kiến nên khởi tà tư duy. Do tà tư duy nên khởi tà ngữ. Do tà ngữ nên khởi tà nghiệp. Do tà nghiệp nên khởi tà mạng. Do tà mạng nên khởi tà cần (Phương tiện tà vậy). Do tà cần nên khởi tà niệm. Do tà niệm nên khởi tà định. Các thứ tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà cần, tà niệm, tà định ấy, đó gọi là Vô minh duyên Hành.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: Bí-sô nên biết! Khi sinh khởi vô số pháp ác bất thiện, tất cả đều do vô minh làm gốc, do vô minh làm nơi tụ tập, là loại vô minh, từ vô minh sinh. Kẻ bị rơi vào nẻo vô minh, thì không nhận biết đúng như thật về pháp thiện - bất thiện, pháp có tội - không tội, pháp nên tu - không nên tu, pháp thấp kém - thượng diệu, pháp trắng - đen, pháp có đối nghịch, các pháp duyên sinh. Do không biết đúng như thật về các pháp như thế, nên liền khởi tà kiến, tà tư duy v.v... cho đến tà niệm, tà định, đó gọi là Vô minh duyên Hành.

Lại nữa, trong Kinh Ông Dụ, Đức Phật nói: “Do vô minh làm duyên tạo ra các hành phước, phi phước và bất động”.

Thế nào là hành phước? Nghĩa là các thân nghiệp và ngữ nghiệp thiện hữu lậu, các pháp tâm tâm sở, hành không tương ưng.

Các hành như thế nên trong đêm dài sinh tử đã có thể chiêu cảm các quả dị thực rất đáng yêu mến, ưa thích, vui mừng. Quả ấy gọi là phước, cũng gọi là quả phước, là quả dị thực của nghiệp phước, nên gọi là hành phước.

Thế nào là hành phi phước? Nghĩa là các thân nghiệp và ngữ nghiệp bất thiện, các pháp tâm tâm sở, hành không tương ưng. Các hành như thế nên trong đêm dài sinh tử đã có thể chiêu cảm các quả dị thực không đáng yêu mến, ưa thích, vui mừng. Quả ấy gọi là phi phước, cũng gọi là quả phi phước, là quả dị thực của nghiệp phi phước, nên gọi là hành phi phước.

Thế nào là hành bất động? Nghĩa là bốn định vô sắc có các pháp thiện hữu lậu, nên gọi là hành bất động.

Thế nào là vô minh làm duyên tạo ra hành phi phước? Nghĩa là có một loại hữu tình, do tâm bị tham sân si trói buộc, nên tạo ra ba thứ hành ác thân ngữ ý. Ba hành ác này gọi là hành phi phước. Do nhân duyên ấy nên sau khi chết bị đọa vào địa ngục, ở đấy lại tạo ra hành phi phước nữa. Đó gọi là vô minh làm duyên tạo ra hành phi phước. Như nói về địa ngục, thì bàng sinh, cõi quỷ nên biết cũng như vậy.

Thế nào là vô minh làm duyên tạo ra hành phước? Nghĩa là có một loại hữu tình, đối với những an lạc nơi cõi người chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi đồng phận của cõi người, cùng với mọi người thọ nhận an lạc”. Nhân nơi sự cầu mong đó, người kia đã tạo các hành diệu của thân ngữ ý, có thể chiêu cảm nơi nẻo người. Ba hành diệu ấy gọi là hành phước. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh vào nẻo người cùng với nhiều người thọ nhận an lạc, ở đấy người ấy lại tạo ra các hành phước khác. Đó gọi là vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Có người không chú tâm mong cầu an vui nơi nẻo người, nhưng do vô minh che lấp, tâm khởi động, nên tạo ra ba thứ hành diệu của

thân ngũ ý. Ba hành diệu này gọi là hành phước. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh nơi nẻo người, ở đấy người ấy lại tạo ra các hành phước khác. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Như nói về nẻo người, thì các cõi trời Tứ đại vương chúng, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đô-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại v.v... nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Phạm chúng, chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng”. Nhân nơi sự mong cầu đó nên siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Ở trong định này, các thứ luật nghi của thân, ngữ và đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, ở đấy người ấy lại tạo ra các hành phước khác. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Có hữu tình không chú tâm mong cầu sinh lên cõi ấy, nhưng do vô minh che lấp, tâm khởi động, nên siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào tĩnh lự thứ nhất. Ở trong định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi không cùng được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, ở đấy người ấy lại tạo ra các hành phước khác. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời khác như trời Phạm trụ, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phước sinh, trời Quảng quả, theo chỗ ứng hợp nói rộng cũng như thế.

Lại có một loại hữu tình chú tâm mong cầu nơi cõi trời Vô tướng, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Vô tướng”. Nhân nơi sự mong cầu đó nên siêng năng tu tập gia hạnh, tư duy về các tướng là chướng khổ thô, tư duy về vô tướng là sự lìa bỏ tĩnh diệu. Do tư duy như thế nên có thể diệt hết các tướng, trụ nơi vô tướng. Người ấy lúc diệt trừ các tướng, trụ nơi vô tướng, gọi là định vô tướng. Khi nhập định này, các luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Vô tướng, ở cõi đó, người ấy cũng có thể tạo một ít hành phước. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Có hữu tình không chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, nhưng do vô minh che lấp, tâm khởi động, nên siêng năng tu tập gia hạnh, tư duy về các tướng là chướng khổ thô, tư duy về vô tướng là sự lìa bỏ tĩnh diệu. Vì tư duy đó nên có thể diệt hết các tướng, an trụ vào vô tướng. Khi người ấy đã diệt hết các tướng trụ nơi vô tướng gọi là định vô tướng. Lúc nhập định ấy, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh lên nơi chúng đồng phận của cõi trời Vô tướng, ở cõi này, người đó cũng có thể tạo một ít hành phước. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành phước.

Thế nào là do vô minh làm duyên tạo ra hành bất động? Nghĩa là có một loại hữu tình đối với cõi trời Không vô biên xứ chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ”. Nhân nơi sự mong cầu đó nên siêng năng tu tập gia hạnh, vượt quá các tướng sắc, diệt hết tướng có đối, không tư duy đến các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi Không vô biên xứ. Ở trong định này, các tư duy cùng tư duy, hiện tiền cùng tư duy, đã và sẽ tư duy, tánh tư duy, loại tư duy, tạo nghiệp tâm ý, gọi là hành bất động. Do nhân duyên này nên sau

khi mạng chung được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ, ở cõi này, người đó lại có thể tạo ra hành bất động. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành bất động.

Có một loại hữu tình không chú tâm mong cầu được sinh vào cõi ấy, nhưng do vô minh che lấp, tâm khởi động, nên siêng năng tu tập gia hạnh, vượt lên các tướng sắc, diệt hết tướng có đối, không tư duy đến các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi Không vô biên xứ. Ở trong định này, các tư duy cùng tư duy, hiện tiền cùng tư duy, đã và sẽ tư duy, tánh tư duy, loại tư duy, tạo nghiệp tâm ý, gọi là hành bất động. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ, ở cõi này, người đó lại có thể tạo ra hành bất động. Đó gọi là do vô minh làm duyên tạo ra hành bất động.

Như nói về Không vô biên xứ, các cõi Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ v.v... nên biết cũng như vậy.

Như vậy các hành đều do vô minh làm duyên, vô minh làm chỗ dựa, vô minh tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện, nên gọi là *Vô minh duyên Hành*.

*

2. Thế nào là Hành duyên Thức?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình có tham sân si cùng sinh tư duy làm duyên nên khởi tham sân si cùng sinh các thức. Đó gọi là Hành duyên Thức.

Lại có một loại hữu tình không tham sân si cùng sinh tư duy làm duyên nên khởi không tham, không sân, không si cùng sinh các thức. Đó gọi là Hành duyên Thức.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ở đây mắt là hành hữu vi bên trong, sắc là duyên bên ngoài sinh ra nhãn thức. Đó

gọi là hành duyên thức v.v... Cho đến ý cùng pháp làm duyên sinh ra ý thức. Ở đây, ý là hành hữu vi bên trong, pháp là duyên bên ngoài sinh ra ý thức. Đó gọi là Hành duyên Thức.

Lại nữa, trong Kinh Ông Dụ, Đức Phật nói: “Tạo các hành phước, phi phước và bất động rồi, có các thức theo phước, phi phước và bất động”.

Thế nào là tạo hành phi phước rồi, có thức tùy theo phi phước? Nghĩa là có một loại hữu tình tâm bị tham sân si trói buộc, nên tạo ra ba thứ hành ác của thân, ngữ, ý. Ba hành ác này gọi là hành phi phước. Do nhân duyên ấy, nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, ở đây người này khởi các thức. Đó gọi là tạo hành phi phước rồi có thức tùy theo phi phước.

Như nói về địa ngục, các cõi bàng sinh, quỷ nên biết cũng như vậy.

Thế nào là tạo hành phước rồi, có thức tùy theo phước? Nghĩa là có một loại hữu tình đối với các an vui nơi cõi người đã chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi đồng phận của cõi người cùng với nhiều người thọ nhận an lạc”. Nhân nơi sự mong cầu đó người ấy tạo ra các hành thiện của thân ngữ ý, có thể chiêu cảm nơi cõi người. Ba hành thiện này gọi là hành phước. Do nhân duyên ấy nên sau khi qua đời được sinh nơi cõi người, ở đây người này khởi các thức. Đó gọi là tạo hành phước rồi, có thức tùy theo phước.

Có một loại hữu tình không chú tâm mong cầu các an vui nơi cõi người, nhưng do vô minh che lấp, nên tâm động, tạo ra ba thứ hành thiện của thân, ngữ, ý. Ba hành thiện này gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh vào cõi người, ở đây người này khởi các thức. Đó gọi là tạo hành phước rồi, có thức tùy theo phước.

Như nói về cõi người, các cõi như trời Tứ Đại Vương chúng v.v... cho đến trời Tha-hóa-tự-tại nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Phạm chúng luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng”. Nhân nơi mong cầu đó, người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào tĩnh lự thứ nhất. Ở trong định này các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi qua đời được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, ở cõi đó người ấy khởi các thức. Đó gọi là tạo hành phước rồi, có thức tùy theo phước.

Có một loại hữu tình không chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, nhưng do vô minh che lấp, nên tâm động, siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện v.v... cho đến đời sống thanh tịnh, gọi là hành phước. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, ở cõi đó, người ấy khởi các thức. Đó gọi là tạo hành phước rồi, có thức tùy theo phước.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời như Phạm phụ v.v... cho đến trời Vô tướng, nên biết cũng như vậy.

Thế nào là tạo hành bất động rồi, có thức tùy theo bất động?
Nghĩa là có một loại hữu tình đối với cõi trời Không vô biên xứ luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ”. Nhân nơi mong cầu này, người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, vượt quá các tướng sắc, diệt hết các tướng có đối, không còn tư duy đến các thứ tướng nữa, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ nơi Không vô biên xứ. Ở trong định này, các tư duy cùng tư duy, tư duy hiện tiền, đã và sẽ tư duy, là tánh

tư duy, loại tư duy, tạo nghiệp tâm ý, gọi là hành bất động. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh lên chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ, ở cõi ấy người ấy khởi các thức. Đó gọi là tạo hành bất động rồi, có thức tùy theo bất động.

Có một loại hữu tình không chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, nhưng do vô minh che lấp, nên tâm động, siêng năng tu tập gia hạnh, vượt lên các tướng sắc v.v... cho đến tạo nghiệp tâm ý, gọi là hành bất động. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh lên chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ, ở cõi đó người ấy khởi các thức. Đó gọi là tạo hành bất động rồi, có thức tùy theo bất động.

Như nói về cõi trời Không vô biên xứ, các cõi khác v.v... cho đến cõi Phi tướng phi tướng xứ, nên biết cũng như vậy.

Như vậy các thức đều do hành làm duyên, hành làm chỗ nương dựa, hành tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện, nên gọi là *Hành duyên Thức*.

*

3. Thế nào là Thức duyên Danh sắc?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình có tham, có sân, có si cùng sinh thức làm duyên đầy khởi tham sân si cùng sinh thân nghiệp, ngữ nghiệp, gọi là sắc, tức ở đây sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Lại có một loại hữu tình không tham, không sân, không si cùng sinh thức làm duyên đầy khởi không tham, không sân, không si cùng sinh thân nghiệp, ngữ nghiệp, gọi là sắc, tức ở đây sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hối Na Địa Ca, Đức Phật nói: Như Na-địa-ca yêu mến bạn thân biến hoại ly tán, nên sinh ra các nỗi ưu

sâu buồn than khổ não. Sâu khổ này cùng sinh ra thức làm duyên, nên dấy khởi sâu não cùng sinh thân nghiệp, ngũ nghiệp, gọi là sắc, tức ở đây sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hối Phả Lạc Lũ Na, Đức Phật nói: *Này Phả-lạc-lũ-na!* Vì thức làm thức ăn nên đời sau sinh khởi. Thức này là thế nào? Nghĩa là do Kiện-đạt-phược là tâm ý thức sau cùng tăng trưởng trụ vững vào đây, chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi, loại bỏ hết. Thức này không gián đoạn, ở trong thai mẹ cùng hòa hợp với tự thể Yết-lạt-lam. Tự thể Yết-lạt-lam hòa hợp này gọi là sắc, tức ở đây sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hối Sa Đê, Đức Phật nói: Ba sự hòa hợp nhập vào bào thai mẹ. Thế nào là ba sự? Nghĩa là việc cha mẹ hòa hợp, cùng khởi tâm nhiễm, việc người mẹ khi ấy thuận thích và việc Kiện-đạt-phược đang hiện tiền. Ba việc như thế hòa hợp nhập vào bào thai mẹ, trong đó, Kiện-đạt-phược là tâm ý thức sau cùng tăng trưởng và trụ vững ở đây, chưa đoạn dứt, chưa nhận biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi, loại bỏ hết. Thức này không gián đoạn, nhập vào bào thai mẹ, việc nhập nơi thai này gọi là sắc, tức ở đây sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Danh sắc có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên. Duyên ấy là thức. Đức Phật nói với Tôn giả Khánh Hỷ: Thức nếu không nhập vào bào thai mẹ, thì danh sắc có thành được Yết-lạt-lam không? Tôn giả A-nan-đà đáp: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi:* Thức nếu không nhập vào bào thai mẹ, thì danh sắc có được sinh trong giới này không? *Đáp:* Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi:* Nếu ngay từ lúc đầu, thức đã bị đoạn hoại, sau đó danh sắc có

được tăng trưởng không? *Đáp:* Thưa không, bạch Đức Thế Tôn.
Hỏi: Nếu thức hoàn toàn không thể thiết lập thì có danh sắc không?
Đáp: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Nay Tôn giả Khánh Hỷ! Thế nên tất cả danh sắc đều do thức làm duyên, đó gọi là Thức duyên Danh sắc.

Như vậy các danh sắc đều do thức làm duyên, thức làm nơi nương dựa, thức tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Thức duyên Danh sắc*.

Thế nào là Danh sắc duyên Thức?

Đáp: Nghĩa là mắt, sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ở đây mắt và sắc gọi là sắc, tức sắc đó sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh, trong ấy tác ý cùng có thể hỗ trợ để sinh ra nhãn thức. Đó gọi là Danh sắc duyên thức v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Ở đây, các ý thức hiểu rõ về sắc, gọi là sắc, tức sắc ấy sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh, trong ấy tác ý cùng có thể hỗ trợ để sinh ra ý thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hội Phả Lặc Lũ Na, Đức Phật nói: Nay Phả-lặc-lũ-na! Do thức làm thức ăn nên đời sau sinh khởi. Thức này là thế nào? Nghĩa là Kiện-đạt-phược v.v... nói rộng cho đến cùng hòa hợp với tự thể Yết-lạt-lam. Tự thể Yết-lạt-lam này hòa hợp gọi là sắc, tức sắc ấy sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên đầy khởi cùng sinh ra thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hội Sa Đề, Đức Phật nói: Ba sự hòa hợp nhập nơi bào thai mẹ v.v... nói rộng cho đến thức này không gián đoạn, nhập nơi bào thai mẹ. Sự nhập thai này gọi là sắc, tức sắc ấy sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên, đầy khởi cùng sinh ra thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Lại có một loại hữu tình tâm bị tham sân si trói buộc nên tạo ra ba thứ hành ác của thân ngữ ý. Ở đây hành ác của thân, ngữ gọi là sắc, còn hành ác của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành ác này làm duyên, nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, tại đây lại khởi thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Như nói về địa ngục, các nẻo bàng sinh, cõi quỷ, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với các thứ an vui nơi cõi người luôn chú tâm mong cầu. Nhân nơi mong cầu đó nên người ấy tạo ra các hành diệu của thân ngữ ý có thể chiêu cảm về cõi người, trong ấy hành diệu của thân ngữ gọi là sắc, hành diệu của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành diệu này làm duyên, nên sau khi mạng chung được sinh vào cõi người, tại đây đã khởi thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Có người không chú tâm mong cầu các thứ an vui ở cõi người, nhưng do vô minh che lấp, nên tâm động, người ấy tạo ra ba thứ hành diệu của thân ngữ ý, trong đó hành diệu của thân, ngữ gọi là sắc, hành diệu của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành diệu này làm duyên, nên sau khi mạng chung được sinh vào cõi người, tại đây lại khởi thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ Đại Vương chúng v.v... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Phạm chúng luôn chú tâm mong cầu. Nhân nơi mong cầu này người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, lìa bỏ ác dục và các pháp ác bất thiện v.v... cho đến trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Ở trong định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là sắc, tức sắc ấy sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phạm của cõi trời Phạm chúng, tại đây liền khởi các thức. Đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, cõi trời Phạm phụ v.v... cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, tùy theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các thức là có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên, đó gọi là danh sắc. Đức Phật bảo: Này Tôn giả Khánh Hỷ! Nếu không có danh sắc thì các thức có chuyển đổi hay không? Tôn giả A-nan-đà đáp: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu không có danh sắc làm chỗ nương dựa để nơi đời sau khi thọ nhận sinh lão tử thức có được sinh ra chăng? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu các danh sắc đều không hiện có để có thể thiết lập thì có các thức chăng? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Tôn giả Khánh Hỷ! Các thức đều do danh sắc làm duyên, đó gọi là Danh sắc duyên Thức.

Như vậy các thức đều do danh sắc làm duyên, danh sắc làm chỗ nương dựa, danh sắc tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Danh sắc duyên Thức*.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYÊN 12

Phẩm 21: DUYÊN KHỞI, phần 2

4. Thế nào là Danh sắc duyên Lục xứ?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình bị lạnh bức bách nên mong cầu được ấm áp. Khi được ấm áp rồi liền khởi trong thân sự ấm áp kết hợp với đại chủng. Ở đây, hoặc ấm áp, hoặc ấm áp kết hợp cùng đại chủng gọi là sắc, tức sắc ấy đã sinh ra thọ tưởng hành thức, gọi là danh. Do danh sắc này nên các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được tăng trưởng. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Trường hợp bị nóng bức bách mong cầu được mát mẻ, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình bị đói bức bách nên mong cầu được ăn. Khi ăn no đủ rồi liền đầy khởi trong thân sự ăn no kết hợp với đại chủng. Ở đây, hoặc ăn no, hoặc ăn no kết hợp cùng đại chủng gọi là sắc, tức nơi sắc ấy đã sinh thọ tưởng hành thức, gọi là danh. Do danh sắc này nên các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được tăng trưởng. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại có một loại hữu tình bị khát bức bách nên mong cầu được uống. Khi uống đã khát rồi liền đầy khởi trong thân sự uống kết hợp với đại chủng. Ở đây, hoặc uống, hoặc uống kết hợp với đại chủng,

gọi là sắc, tức nơi sắc ấy đã sinh thọ tướng hành thức, gọi là danh. Do danh sắc này nên các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được tăng trưởng. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại có một loại hữu tình bị mỗi một bức bách nên mong cầu được nghỉ ngơi. Khi được ngủ nghỉ toại ý rồi liền dấy khởi trong thân sự nghỉ ngơi kết hợp với đại chủng. Ở đây, hoặc nghỉ ngơi, hoặc nghỉ ngơi kết hợp với đại chủng, gọi là sắc, tức nơi sắc ấy đã sinh thọ tướng hành thức, gọi là danh. Do danh sắc này nên các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được tăng trưởng. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại có một loại hữu tình, vào lúc quá nóng gắt bị nóng khát bức bách, nên đi vào ao nước trong mát tùy ý tắm uống, liền khởi trong thân sự tắm uống kia kết hợp với đại chủng. Ở đây, hoặc nước trong mát, hoặc nước được tắm uống kết hợp với đại chủng gọi là sắc, tức nơi sắc này đã sinh thọ tướng hành thức, gọi là danh. Do danh sắc này nên các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được tăng trưởng. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hồi Phả Lạc Lũ Na, Đức Phật nói: Này Phả-lạc-lũ-na! Vì thức làm thức ăn nên đời sau sinh khởi. Thức này là thế nào? Nghĩa là Kiện-đạt-phược v.v... nói rộng cho đến cùng hòa hợp với tự thể Yết-lạt-lam. Tự thể Yết-lạt-lam hòa hợp này gọi là sắc, tức nơi sắc ấy đã sinh ra thọ, tướng, hành thức, gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên, trong bào thai mẹ sáu căn sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hồi Sa Đễ, Đức Phật nói: Ba sự hòa hợp nên nhập nơi bào thai mẹ v.v... nói rộng cho đến thức này không gián đoạn, nhập nơi bào thai mẹ. Sự nhập thai này gọi là sắc, tức nơi sắc ấy đã sinh thọ, tướng, hành thức, gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên, trong bào thai mẹ sáu căn sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Lại có một loại hữu tình tâm bị tham sân si trói buộc nên tạo ra ba thứ hành ác của thân ngữ ý, trong đó hành ác của thân ngữ gọi là sắc, hành ác của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành ác này làm duyên, nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, sáu căn sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Như nói về địa ngục, các nẻo bàng sinh, cõi quỷ, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình luôn chú tâm mong cầu các thứ an vui nơi cõi người. Nhân nơi sự mong cầu đó nên người ấy đã tạo ra các hành diệp của thân ngữ ý có thể chiêu cảm nơi cõi người. Ở đây, hành diệp của thân ngữ gọi là sắc, hành diệp của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành diệp này làm duyên, nên sau khi mạng chung được sinh nơi cõi người, sáu căn sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Như nói về cõi người, các cõi trời như trời Tứ Đại Vương chúng v.v... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Phạm chúng luôn chú tâm mong cầu. Nhân nơi sự mong cầu ấy nên người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện v.v... cho đến trụ đầy đủ vào bậc tịnh lự thứ nhất. Ở trong định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh gọi là sắc. Tức nơi sắc này đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phạm của cõi trời Phạm chúng, sáu căn sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời Phạm phụ v.v... cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như vậy. Đó gọi là Danh sắc duyên Lục xứ.

Như vậy các lục xứ đều do danh sắc làm duyên, danh sắc làm chỗ nương dựa, danh sắc tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Danh sắc duyên Lục xứ*.

Thế nào là Danh sắc duyên Xúc?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Ở đây, mắt và sắc gọi là sắc, tức sắc ấy đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Danh sắc như thế làm duyên sinh ra nhãn xúc. Đó gọi là danh sắc duyên xúc v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh ra xúc. Trong ấy, các ý thức nhận biết về sắc gọi là sắc, tức nơi sắc này đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Danh sắc như thế làm duyên sinh ra ý xúc. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hội Phả Lạc Lũ Na, Đức Phật nói: *Này Phả-lạc-lũ-na!* Do thức làm thức ăn nên đời sau sinh khởi. Thức này là thế nào? Nghĩa là Kiện-đạt-phược v.v... nói rộng cho đến hòa hợp cùng tự thể Yết-lạt-lam. Tự thể Yết-lạt-lam hòa hợp này gọi là sắc, tức nơi sắc này đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên, trong bào thai mẹ các xúc sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc

Lại nữa, trong Kinh Giáo Hội Sa Đê, Đức Phật nói: Ba sự hòa hợp nên nhập nơi bào thai mẹ v.v... nói rộng cho đến thức này không gián đoạn nhập nơi bào thai mẹ. Sự nhập thai ấy gọi là sắc, tức nơi sắc đó đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Bây giờ, tác ý phi lý cùng sinh danh sắc làm duyên, trong bào thai mẹ các xúc sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Lại có một loại hữu tình, do tham sân si buộc trói tâm, nên tạo ra ba thứ hành ác của thân ngữ ý. Ở đây, hành ác của thân, ngữ gọi là sắc, hành ác của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành ác này làm duyên, nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, ở đấy các xúc sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Như nói về địa ngục, các cõi bàng sinh, quỷ, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình luôn chú tâm mong cầu các thứ an vui nơi cõi người. Nhân nơi mong cầu ấy nên người ấy tạo ra các hành diệp của thân, ngữ, ý có thể chiêu cảm nơi cõi người. Ở đây hành diệp của thân, ngữ gọi là sắc, hành diệp của ý gọi là danh. Do danh sắc của hành diệp làm duyên, nên sau khi qua đời được sinh nơi cõi người, ở đấy các xúc sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Như nói về cõi người, các cõi trời như trời Tứ Đại Vương chúng v.v... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình luôn chú tâm mong cầu nơi cõi trời Phạm chúng. Nhân nơi mong cầu đó nên người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện v.v... cho đến trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất. Ở trong định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh gọi là sắc, tức nơi sắc này đã sinh ra thọ, tưởng, hành, thức, gọi là danh. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, các xúc được sinh khởi. Đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Như nói cõi trời Phạm chúng, các cõi trời như Phạm phụ v.v... cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, tùy theo chỗ ứng hợp nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Phật: Các xúc là có duyên hay không? Đức Phật đáp: Có duyên. Đó gọi là danh sắc v.v... nói rộng cho đến: Nếu nương dựa vào tướng này để thiết lập thân danh, tướng ấy nếu không thì có thể thiết lập xúc tăng ngữ không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu nương dựa nơi tướng đó để thiết lập thân sắc, tướng ấy nếu không thì có thể thiết lập xúc có đôi không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu thân danh sắc đều không hiện có, thì có thể thiết lập có các xúc không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn! Thế nên, này Tôn giả Khánh Hỷ! Các xúc đều do danh sắc làm duyên, đó gọi là Danh sắc duyên Xúc.

Như vậy các xúc đều do danh sắc làm duyên, danh sắc làm nơi nương dựa, danh sắc tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Danh sắc duyên Xúc*.

*

5. Thế nào là Lục xứ duyên Xúc?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Đó gọi là Lục xứ duyên Xúc.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Ở đây, mắt là duyên bên trong, sắc là duyên bên ngoài, sinh ra nhãn xúc v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp nên sinh xúc. Trong ấy, ý là duyên bên trong, pháp là duyên bên ngoài, sinh ra ý xúc. Đó gọi là Lục xứ duyên Xúc.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Ở đây, nhãn xúc là do mắt, sắc và nhãn thức làm duyên v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp nên sinh xúc. Trong ấy, ý xúc là do ý, pháp và ý thức làm duyên. Đó gọi là Lục xứ duyên Xúc.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Ở đây mắt, sắc và nhãn thức đều không phải là xúc, do ba thứ đó hòa hợp nên có xúc sinh v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Trong ấy, ý, pháp và ý thức đều không phải là xúc, do ba thứ đó hòa hợp nên có xúc sinh. Đó gọi là Lục xứ duyên Xúc.

Như vậy các xúc đều do lục xứ làm duyên, lục xứ làm chỗ nương dựa, lục xứ tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Lục xứ duyên Xúc*.

*

6. Thế nào là Xúc duyên Thọ?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, do xúc làm duyên sinh ra thọ v.v... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, xúc làm duyên sinh ra thọ. Đó gọi là Xúc duyên Thọ.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, hoặc thuận với lạc thọ, hoặc thuận với khổ thọ, hoặc thuận với thọ không khổ không lạc. Xúc thuận với lạc thọ làm duyên sinh ra lạc thọ, xúc thuận với khổ thọ làm duyên sinh ra khổ thọ, xúc thuận với thọ không khổ không lạc làm duyên sinh ra thọ không khổ không lạc. Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, hoặc thuận với lạc thọ, hoặc thuận với khổ thọ, hoặc thuận với thọ không khổ không lạc. Xúc thuận với lạc thọ làm duyên sinh ra lạc thọ, xúc thuận với khổ thọ làm duyên sinh ra khổ thọ, xúc thuận với thọ không khổ không lạc làm duyên sinh ra thọ không khổ không lạc. Đó gọi là Xúc duyên Thọ.

Lại nữa, như trong Khế kinh nói: Tôn giả Khánh Hỷ nói với Trưởng giả Cù-sử-la: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, tự thể đều riêng biệt. Hai thứ mắt, sắc thuận với lạc thọ làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, gọi là xúc thuận với lạc thọ. Xúc thuận với lạc thọ này làm duyên sinh ra lạc thọ. Thuận với khổ thọ, hai thứ mắt, sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, gọi là xúc thuận với khổ thọ. Xúc thuận với khổ thọ này làm duyên sinh ra khổ thọ. Thuận với thọ không khổ không lạc, hai thứ mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc, gọi là xúc thuận với thọ không khổ không lạc. Xúc thuận với thọ không khổ không lạc này làm duyên sinh ra thọ không khổ không lạc. Ba giới của năm thứ kia (nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) nói rộng cũng như vậy. Đó gọi là Xúc duyên Thọ.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các thọ là có duyên không? Đức Phật đáp: Có duyên. Duyên ấy gọi là xúc, nói rộng cho đến: Nếu không có nhãn xúc để có nhãn xúc làm duyên thì có sinh ra các nội thọ về lạc, về khổ, về không lạc không khổ chẳng? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Cho đến: Nếu không có ý xúc, để có ý xúc làm duyên, thì có sinh ra các nội thọ về lạc, về khổ, về không lạc không khổ chẳng? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu hoàn toàn không có xúc, thì có thể thiết lập các thứ thọ không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Tôn giả Khánh Hỷ! Các thọ đều do xúc làm duyên, đó gọi là Xúc duyên Thọ.

Như vậy các thọ đều do xúc làm duyên, xúc làm chỗ nương dựa, xúc tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Xúc duyên Thọ*.

*

7. Thế nào là Thọ duyên Ái?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ, thọ làm duyên nên sinh ra ái. Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Ba thứ đó hòa hợp nên sinh xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ, thọ làm duyên nên sinh ra ái. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, thọ của nhãn vị làm duyên, nên lại luôn đối với mắt tùy thuận mà trụ. do tùy thuận nên luôn đối với mắt khởi tham cùng tham, nắm giữ, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Cho đến thọ của ý vị làm duyên, nên lại luôn đối với ý tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên luôn đối với ý khởi tham cùng tham v.v... nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Thủ Uẩn, Đức Phật có nói: Bí-sô nên biết! Ta đối với sắc vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với sắc hoặc đã khởi

vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nên luôn đối với sắc tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên lại thường đối với sắc khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Cho đến: Ta đối với thức vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với thức, hoặc đã khởi vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn. Hữu tình kia do thọ của thức vị làm duyên, nên lại luôn đối với thức tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên lại thường đối với thức khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Thủ Uẩn, Đức Phật lại nói: Bí-sô nên biết! Nếu trong các sắc đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với sắc khởi nhiễm. Do trong các sắc không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với sắc khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nên lại luôn đối với sắc tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường đối với sắc khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Cho đến: Nếu trong các thức đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với thức khởi nhiễm. Do trong các thức không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với thức khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của thức vị làm duyên, nên lại luôn đối với thức tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường đối với thức khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Lục Xứ, Đức Phật có nói: Bí-sô nên biết! Ta đối với nhãn vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với mắt hoặc đã khởi vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn. Hữu tình kia do thọ của nhãn vị làm duyên, nên lại luôn đối với mắt tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên lại thường đối với mắt khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Cho đến: Ta đối với ý vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với ý hoặc đã khởi vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Lục Xứ, Đức Phật có nói: Bí-sô nên biết! Nếu trong các mắt đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với mắt khởi nhiễm. Do trong các mắt không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với mắt khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của nhãn vị làm duyên, nói rộng như trước. Cho đến: Nếu trong các ý đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với ý khởi nhiễm. Do trong các ý không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với ý khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của ý vị làm duyên, nên lại luôn đối với ý tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường đối với ý khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Lục Xứ, Đức Phật có nói: Bí-sô nên biết! Ta đối với sắc vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với sắc hoặc đã khởi vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nói rộng như trước. Cho đến: Ta đối với pháp vị đã tầm tư kỹ. Các hữu tình đối với pháp hoặc đã khởi vị, hoặc đang khởi vị, Ta đều dùng chánh tuệ để thấy biết đúng đắn. Hữu tình kia do thọ của pháp vị làm duyên, nên lại luôn đối với pháp tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên lại thường đối với pháp khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Lục Xứ, Đức Phật có nói: Bí-sô nên biết! Nếu trong các sắc đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với sắc khởi nhiễm. Do trong các sắc không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với sắc khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nên lại luôn đối với sắc tùy thuận mà trụ, nói rộng như trước. Cho đến: Nếu trong các pháp đều không có vị, thì các hữu tình không nên đối với pháp khởi nhiễm. Do trong các pháp không phải đều không có vị, thế nên hữu tình đối với pháp khởi nhiễm. Hữu tình kia do thọ của pháp vị làm duyên, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, Đức Phật nói với Đại Danh Ly Chiếp Tỷ: Đại Danh nên biết! Nếu sắc hoàn toàn là khổ không vui, không tùy thuộc vui, không phải là chỗ nắm giữ của thọ nhận vui mừng, thì không có hữu tình vì cầu tìm vui, nên ở trong các sắc khởi tham khởi nhiễm, bị phiền não trói buộc. Nay Đại Danh! Do sắc không phải hoàn toàn là khổ, nó cũng là vui, là chỗ tùy thuộc của vui, là chỗ nắm giữ của thọ nhận vui mừng, nên có hữu tình vì cầu tìm vui, nên ở trong các sắc khởi tham khởi nhiễm, bị phiền não trói buộc. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nên lại luôn đối với sắc tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường đối với sắc khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Cho đến: Nếu thức hoàn toàn là khổ, không lạc, không phải là chỗ tùy thuộc của lạc, không phải là chỗ nắm giữ của thọ nhận vui mừng, thì không có hữu tình vì cầu lạc, nên ở trong các sắc khởi tham khởi nhiễm, bị phiền não trói buộc. Do thức không phải hoàn toàn là khổ, nó cũng là lạc, là chỗ tùy thuộc của lạc, là chỗ nắm giữ của thọ nhận vui mừng, nên có hữu tình vì cầu tìm lạc, nên ở trong các thức khởi tham khởi nhiễm, bị phiền não trói buộc. Hữu tình kia do thọ của thức vị làm duyên, nên lại đối với thức tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường đối với thức khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Mãn Nguyệt, Đức Phật đã nói: Bí-sô nên biết! Do sắc làm duyên nên khởi lạc sinh hỷ, đó gọi là sắc vị. Hữu tình kia do thọ của sắc vị làm duyên, nên lại luôn đối với sắc tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên thường ở nơi sắc khởi tham cùng tham, nói rộng như trước. Cho đến: Do thức làm duyên nên khởi lạc sinh hỷ, đó gọi là thức vị. Hữu tình kia do thọ của thức vị làm duyên, nên đối với thức lại luôn tùy thuận mà trụ. Do tùy thuận nên khởi tham cùng tham, nắm giữ, phòng hộ, chấp chặt, ái nhiễm. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Đức Phật nói với Tôn giả Khánh Hy: Do ái làm duyên nên cầu tìm, cầu tìm làm duyên nên đắc,

đắc làm duyên nên tích tập, tích tập làm duyên nên chấp trước, chấp trước làm duyên nên tham, tham làm duyên nên keo kiệt, keo kiệt làm duyên nên thâm nhận, thâm nhận làm duyên nên phòng giữ. Nhân nơi phòng giữ nên cầm lấy đao gậy, cũi cọ, tranh tụng, dua nịnh, dối trá, lừa gạt tạo ra vô số thứ pháp ác bất thiện. Đức Phật bảo Tôn giả Khánh Hỷ: Cầm lấy đao gậy, cũi cọ, tranh tụng, dua nịnh, dối trá, lừa gạt tạo ra vô số thứ pháp ác bất thiện đều nhân nơi phòng giữ, phòng giữ làm duyên nên có các sự việc như thế. Nếu không phòng giữ thì có các sự việc như vậy chăng? *Đáp:* Thưa không, bạch Đức Thế Tôn! *Hỏi:* Thế nên các việc như cầm lấy đao gậy v.v... là do phòng giữ làm đầu mối, phòng giữ làm nhân, phòng giữ tạo sự tích tập, phòng giữ làm duyên nên đắc sinh khởi. Như thế là phòng giữ nhân nơi thâm nhận, thâm nhận làm duyên mà có phòng giữ. Nếu không có thâm nhận thì có phòng giữ chăng? *Đáp:* Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi:* Thế nên phòng giữ thâm nhận làm đầu mối, thâm nhận làm nhân, thâm nhận làm nơi tích tập, thâm nhận làm duyên nên đắc sinh khởi, nói rộng cho đến các sự cầu tìm như thế đều nhân nơi ái. Do ái làm duyên mà có các thứ cầu tìm. Nếu ái ấy không có thì có cầu tìm chăng? *Đáp:* Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên các sự cầu tìm, ái là đầu mối, ái là nhân, ái là chỗ tụ tập, ái là duyên nên đắc sinh khởi. Khánh Hỷ nên biết! Ái có hai thứ là ái dục và ái hữu. Hai thứ ái này đều dựa nơi thọ mà có. Nếu thọ không có thì hai ái cũng không. Đó gọi là Thọ duyên Ái.

Như vậy các ái đều do thọ làm duyên, thọ làm nơi nương dựa, thọ tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Thọ duyên Ái*.

*

8. Thế nào là Ái duyên Thủ?

Đáp: Nghĩa là khi pháp kia mới sinh gọi là ái. Phần vị ái tăng trưởng, chuyển đổi, gọi là thủ. Việc này như thế nào? Nghĩa là như

có một loại hữu tình đối với các cảnh dục chú tâm quan sát đầy khởi tham dục ràng buộc. Kẻ ấy từ sự ràng buộc này lại khởi sự ràng buộc khác, tăng thượng càng tăng thượng, mãnh liệt càng mãnh liệt, đầy đủ càng đầy đủ. Sự ràng buộc đầy khởi trước gọi là ái, sự ràng buộc đầy khởi sau chuyển gọi là thủ. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, như có một loại hữu tình đối với các cảnh sắc hoặc cảnh vô sắc chú tâm quan sát đầy khởi tham sắc ràng buộc, hoặc tham vô sắc ràng buộc. Người ấy từ sự ràng buộc này lại đầy khởi sự ràng buộc khác, tăng thượng càng tăng thượng, mãnh liệt càng mãnh liệt, đầy đủ càng đầy đủ. Sự ràng buộc đầy khởi trước gọi là ái, sự ràng buộc đầy khởi sau chuyển gọi là thủ. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, trong Kinh Hiểm Khanh, Đức Phật nói: Này các Bí-sô! Ta sẽ nói rõ cho chúng Bí-sô biết những pháp chính yếu đã được xét chọn về các uẩn, đó là bốn niệm trụ, bốn chánh thắng, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo. Nếu khi giảng nói các pháp yếu đã được xét chọn về các uẩn như thế mà có một loại hữu tình mang đầy ngu si, đối với pháp Ta đã nêu rõ, không trụ nơi sự tin yêu cung kính mãnh liệt, thì những hữu tình ấy rất khó chứng đắc đạo quả vô thượng diệt hết các lậu.

Lại có một loại hữu tình đầy đủ tuệ sáng, đối với các pháp Ta đã giảng nêu, có thể trụ nơi sự tin yêu cung kính mãnh liệt, thì các hữu tình ấy sẽ nhanh chóng chứng được đạo quả vô thượng diệt hết các lậu.

Lại nữa, có một loại hữu tình đối với các pháp Ta đã giảng nói về sắc uẩn, theo đầy quán về ngã, tức người ấy có thể hành quán, dùng gì làm duyên, lấy gì làm chỗ tích tập, chúng là chủng loại nào, từ cái gì sinh ra? Nghĩa là xúc vô minh đã sinh các thọ, làm duyên sinh ái. Hành được sinh ấy lấy ái kia làm duyên, dùng ái kia làm nơi tụ tập, là chủng loại của ái kia, từ nơi ái kia sinh ra.

Ái là chủ thể sinh ấy lấy gì làm duyên, dùng gì làm nơi tích tụ, thuộc về chủng loại nào, từ cái gì sinh ra? Nghĩa là do xúc vô minh đã sinh ra các thọ. Ái đã sinh ấy lấy thọ làm duyên, dùng thọ làm nơi tích tụ, là chủng loại của thọ, từ thọ sinh ra.

Thọ là chủ thể sinh ấy lấy gì làm duyên, dùng gì làm chỗ tụ tập, thuộc về chủng loại nào, từ cái gì sinh ra? Nghĩa là do xúc vô minh nên thọ được sinh ra ấy dùng xúc làm duyên, dùng xúc làm nơi tụ tập, thuộc chủng loại của xúc, từ xúc sinh ra.

Xúc là chủ thể sinh ấy lấy gì làm duyên, dùng gì làm nơi tích tụ, thuộc về chủng loại nào, từ cái gì sinh ra? Nghĩa là lục xúc. Xúc được sinh ra ấy do lục xúc làm duyên, dùng lục xúc làm nơi tụ tập, thuộc chủng loại lục xúc, từ lục xúc sinh ra. Lục xúc như thế là vô thường, hữu vi, là có tạo tác, từ các duyên sinh ra. Như thế có thể hành quán về xúc, thọ, ái, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là có tạo tác, do các duyên sinh ra. Ở đây, cùng tùy quán sắc là ngã, là hữu thân kiến hiện đã khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc này lại khởi ràng buộc khác, tăng thượng càng tăng thượng, mãnh liệt càng mãnh liệt, đầy đủ càng đầy đủ. Sự ràng buộc đầy khởi trước gọi là ái, ràng buộc đầy khởi sau chuyên gọi là thủ. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Có người không ở nơi sắc cùng tùy quán về ngã mà cùng tùy quán: Ngã có các sắc, có không cùng tùy quán. Ngã có các sắc, mà cùng tùy quán. Sắc là ngã sở, có không cùng tùy quán. Sắc là ngã sở mà cùng tùy quán. Ngã ở trong sắc có không cùng tùy quán. Ngã ở trong sắc mà cùng tùy quán. Thọ tưởng hành thức là ngã có không cùng tùy quán. Thọ tưởng hành thức là ngã mà cùng tùy quán. Ngã có thọ tưởng hành thức có không cùng tùy quán. Ngã có thọ tưởng hành thức mà cùng tùy quán. Thọ tưởng hành thức là ngã sở có không cùng tùy quán. Thọ tưởng hành thức là ngã sở mà cùng tùy quán. Ngã ở trong thọ tưởng hành thức có không cùng tùy quán. Ngã ở trong thọ tưởng hành thức mà có khởi nghi hoặc, không khởi nghi hoặc,

mà có khởi hữu kiến, không hữu kiến, không khởi hữu kiến không hữu kiến, nhưng không lia ngã mạn, nên do cùng tùy quán về ngã và ngã sở mà khởi ngã mạn. Hành ngã mạn này do gì làm duyên, dùng gì làm nơi tích tập, là chủng loại gì, từ nơi gì sinh? Nghĩa là xúc vô minh đã sinh các thọ làm duyên sinh ái. Hành đã sinh ấy dùng ái kia làm duyên, do ái kia làm nơi tụ tập, là chủng loại của ái, từ nơi ái kia sinh, nói rộng cho đến: Lục xứ như thế là vô thường, hữu vi, là có tạo tác, do các duyên sinh ra. Như thế thì hành ngã mạn của xúc thọ ái cũng là vô thường, hữu vi, là có tạo tác, do các duyên sinh ra, ngã mạn như vậy là hữu thân kiến đầy khởi mạn ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc này lại khởi lên ràng buộc khác, tăng thượng càng tăng thượng, mãnh liệt càng mãnh liệt, đầy đủ càng đầy đủ. Ràng buộc đầy khởi trước gọi là ái, ràng buộc đầy khởi sau chuyển gọi là thủ. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, có kẻ chấp: Thế gian là thường hoặc vô thường, hoặc cũng thường cũng vô thường, hoặc không phải thường cũng không phải vô thường.

Có kẻ chấp: Thế gian là hữu biên hoặc vô biên, hoặc cũng hữu biên cũng vô biên, hoặc không phải hữu biên cũng không phải vô biên.

Có kẻ chấp: Mạng sống là thân, hoặc chấp mạng sống khác với thân.

Có kẻ cho: Như Lai sau khi diệt độ là có hoặc không có, hoặc cũng có cũng không có, hoặc không phải có cũng không phải không có.

Các thứ chấp trên đều là biên chấp kiến, hiện khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc ấy lại khởi ràng buộc khác, tăng thượng càng tăng thượng, mãnh liệt càng mãnh liệt, đầy đủ càng đầy đủ. Ràng buộc đầy khởi trước gọi là ái, ràng buộc đầy khởi sau chuyển gọi là thủ. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại có kẻ chấp: Đức Thế Tôn không phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác v.v... cho đến không phải là Thiên Nhân Sư. Chấp chánh pháp của Phật không phải là khéo giảng nói hiện thấy v.v... cho đến không phải là bậc trí được nội chứng. Chấp các đệ tử của Phật không đầy đủ các hạnh diệu v.v... cho đến không phải là hành tùy pháp. Hoặc chấp không có khổ, tập, diệt, đạo, hoặc chấp không có tất cả các hành vô thường, không có tất cả các pháp vô ngã, không có Niết-bàn tịch tĩnh. Những thứ ấy đều là tà kiến hiện khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc này lại khởi ràng buộc khác, nói rộng như trước. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, có kẻ chấp: Thế gian là thường, đây là thật, còn các thứ khác đều là mê lầm. Hoặc chấp là không thường v.v... cho đến chấp: Như Lai sau khi diệt độ không phải có, không phải không có, đây là thật, các thứ khác là mê lầm. Những thứ ấy đều là kiến thủ hiện khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc này lại khởi ràng buộc khác, nói rộng như trước. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, có hữu tình khởi giới thủ, hoặc khởi cầm thủ, hoặc khởi giới cầm thủ. Cho giới này, cầm này, giới cầm này có thể đạt được thanh tịnh, có thể dẫn đến giải thoát, có thể xuất ly, có thể vượt quá khổ vui, đạt tới xứ vượt khổ vui. Những thứ ấy đều là giới cầm thủ hiện khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ ràng buộc ấy lại khởi ràng buộc khác, nói rộng như trước. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, có hữu tình đối với Đức Thế Tôn dấy khởi do dự: Đây là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hay là không phải Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác v.v... cho đến là Thiên Nhân Sư hay không phải là Thiên Nhân Sư? Đối với chánh pháp của Phật sinh khởi do dự: Đây là pháp khéo giảng nói hiện thấy hay không phải là pháp khéo giảng nói hiện thấy v.v... cho đến là bậc trí nội chứng hay không phải là bậc trí nội chứng? Đối với hàng đệ tử Phật dấy khởi do dự, là có đầy đủ hành diệu hay không có đầy đủ hành diệu v.v...

cho đến là hành tùy pháp hay không phải là hành tùy pháp? Đối với bốn Thánh đế cũng sinh khởi do dự: Đó là khổ hay không phải là khổ v.v... cho đến đó là đạo hay không phải là đạo? Đối với ba pháp ấn cũng sinh khởi do dự: Đó là tất cả hành đều là vô thường hay không phải vô thường, tất cả pháp đều là vô ngã hay không phải vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh hay Niết-bàn không tịch tĩnh? Các thứ ấy đều là nghi hiện khởi ràng buộc. Hữu tình kia từ nơi ràng buộc này lại khởi ràng buộc khác, nói rộng như trước. Đó gọi là Ái duyên Thủ.

Lại nữa, tất cả bốn thủ đều do ái làm duyên, dùng ái làm nơi tụ tập, thuộc chủng loại ái, từ nơi ái sinh ra. Bốn thủ là gì? Đó là: a. Dục thủ. b. Kiến thủ. c. Giới cấm thủ. d. Ngã ngữ thủ.

Thế nào là Dục thủ? Đáp: Nghĩa là hệ thuộc cõi Dục, trừ các kiến còn lại là toàn bộ các kiết phược, các tùy miên, tùy phiền não, triền, đó gọi là Dục thủ.

Thế nào là Kiến thủ? Đáp: Nghĩa là gồm các thứ hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến và kiến thủ. Bốn kiến như thế đó gọi là Kiến thủ.

Thế nào là Giới cấm thủ? Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình giữ lấy (thủ) giới, giữ lấy cấm, giữ lấy giới cấm, cho là có thể đạt được thanh tịnh, dẫn đến giải thoát, xuất ly, vượt khỏi các khổ vui, đến được xứ vượt khỏi mọi khổ vui. Đó gọi là Giới cấm thủ.

Thế nào là Ngã ngữ thủ? Đáp: Nghĩa là hệ thuộc cõi Sắc và Vô sắc, trừ các kiến, còn lại là toàn bộ các kiết phược, các tùy miên, tùy phiền não, triền. Đó gọi là Ngã ngữ thủ.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các thủ là có duyên hay không? Đức Phật nói: Có duyên. Duyên ấy gọi là ái, nói rộng cho đến: Nếu hoàn toàn không có ái để có thể thiết lập thì có các thủ hay không? *Đáp:* Thừa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Tôn giả Khánh Hỷ! Các thủ đều do ái làm duyên, đó gọi là Ái duyên Thủ.

Như vậy các thủ đều do ái làm duyên, ái làm chỗ nương dựa, ái tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Ái duyên Thủ*.

*

9. Thế nào là Thủ duyên Hữu?

Đáp: Nghĩa là do Thủ làm duyên thiết lập nhiều Hữu. Tức là Đức Phật hoặc nói năm uẩn trong ba cõi gọi là Hữu. Hoặc nói có thể chiêu cảm nghiệp của đời sau gọi là Hữu. Hoặc nói phần sinh năm uẩn gọi là Hữu.

Thế nào là nói năm uẩn trong ba cõi gọi là Hữu? Tức như nói ba hữu là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Thế nào là nói có thể chiêu cảm nghiệp của đời sau gọi là Hữu? Như Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan-đà: Nếu nghiệp có thể chiêu cảm đời sau thì gọi là Hữu.

Thế nào là nói phần sinh năm uẩn gọi là Hữu? Như Đức Thế Tôn bảo Cù thọ Phả-lặc-lũ-na: Do thức làm thức ăn nên đời sau sinh khởi.

Lại nữa, như trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các Hữu là có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên. Duyên ấy gọi là thủ, nói rộng cho đến: Nếu hoàn toàn không có thủ để có thể thiết lập thì có các hữu không? *Đáp:* Thừa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Tôn giả Khánh Hỷ! Các Hữu đều do thủ làm duyên, đó gọi là Thủ duyên Hữu.

Như vậy các hữu đều do thủ làm duyên, thủ làm nơi nương dựa, thủ tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Thủ duyên Hữu*.

*

10. Thế nào là Hữu duyên Sinh?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình do tham sân si trói buộc tâm, nên đã tạo ba thứ hành ác của thân ngữ ý. Ba thứ hành ác này gọi là nghiệp Hữu. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, ở đấy các sinh cùng sinh, hướng nhập xuất hiện uẩn, được giới, xứ và các uẩn sinh thì mạng căn khởi, gọi là sinh. Sinh này duyên nơi Hữu nên khởi. Đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Như nói về địa ngục, các nẻo bàng sinh, cõi quỷ, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với các thứ an lạc nơi cõi người luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi đồng phận của cõi người, cùng với mọi người đồng thọ nhận an lạc”. Nhân nơi mong cầu ấy, nên người đó đã tạo ba hành diệu của thân ngữ ý có thể chiêu cảm được cõi người. Ba hành diệu đó gọi là nghiệp hữu. Do nhân duyên ấy nên sau khi mạng chung được sinh trong chúng đồng phận của cõi người, ở đây các sinh cùng sinh v.v... cho đến mạng căn đầy khởi, gọi là sinh, sinh này duyên hữu nên khởi. Đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Như nói về cõi người, các cõi trời như trời Tứ Thiên Vương chúng v.v... cho đến trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Phạm chúng luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng”. Nhân nơi mong cầu ấy, nên người ấy siêng năng tu tập gia hạnh, liả bỏ dục và các pháp ác bất thiện, có tâm và tứ, ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào tĩnh lự thứ nhất. Trong định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh, gọi là nghiệp hữu. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Phạm chúng, ở đấy các sinh cùng sinh v.v... cho đến mạng căn đầy khởi, gọi là sinh, sinh này duyên hữu nên khởi. Đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Như nói về trời Phạm chúng, các cõi trời như Phạm phụ v.v... cho đến cõi trời Quảng quả, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Vô tướng luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Vô tướng”. Nhân nơi mong cầu đó, nên người ấy siêng tu gia hạnh, tư duy các tướng là chướng khổ to, tư duy về vô tướng là lìa tịnh diệu. Do tư duy như thế nên có thể diệt hết các tướng, an trụ vào vô tướng. Người ấy đã diệt hết các tướng, lúc trụ vào vô tướng gọi là định vô tướng. Khi nhập định này, các thứ luật nghi của thân và ngữ cùng đời sống thanh tịnh gọi là nghiệp hữu. Do nhân duyên này nên sau khi mạng chung được sinh vào chúng đồng phận của cõi trời Vô tướng, ở đấy các sinh cùng sinh v.v... cho đến mạng căn dấy khởi, gọi là sinh. Sinh này duyên hữu nên khởi. Đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Lại có một loại hữu tình đối với cõi trời Không vô biên xứ luôn chú tâm mong cầu, khởi suy nghĩ: “Mong cho ta được sinh nơi chúng đồng phận của cõi Không vô biên xứ”. Nhân nơi mong cầu này, nên người đó siêng tu gia hạnh, vượt lên tướng các sắc, diệt hết tướng có đối, không tư duy đến các thứ tướng, nhập vào vô biên không, trụ đầy đủ nơi xứ Không vô biên. Ở trong định này, các tư duy cùng tư duy, hiện tiền tư duy, đã và sẽ tư duy, tánh và chủng loại tư duy, tạo nghiệp tâm ý, gọi là nghiệp hữu. Do nguyên nhân này nên sau khi mạng chung được sinh nơi chúng đồng phận của cõi trời Không vô biên xứ, ở đấy các sinh cùng sinh v.v... cho đến mạng căn phát khởi, gọi là sinh. Sinh này duyên hữu nên khởi. Đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Như nói về cõi trời Không vô biên xứ, cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các sinh có duyên hay không? Đức Phật nói: Có duyên. Duyên đó gọi là hữu. Nói rộng cho đến: Nếu không có nghiệp hữu thì

các loài cá, chim, rắn, rít, Na-già, Dược-xoa, Bộ-đa, loài ăn hương, chư Thiên, người, các loài không chân, hai chân, nhiều chân, loài khác, các hữu tình kia nơi các tụ hợp sinh cùng sinh là có được không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu hoàn toàn không có hữu để có thể thiết lập thì có các sinh chăng? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Cù thọ Khánh Hỷ! Các sinh đều do hữu làm duyên, đó gọi là Hữu duyên Sinh.

Như vậy các sinh đều do hữu làm duyên, hữu làm nơi nương dựa, hữu tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Hữu duyên Sinh*.

*

11. Thế nào là Sinh duyên Lão tử?

Đáp: Nghĩa là vô số hữu tình kia ở trong các tụ của chúng, các sinh cùng sinh, hướng nhập xuất hiện được uẩn, giới, xứ, các uẩn sinh, mạng căn khởi, gọi là sinh. Khi tóc đã bạc và rụng, da dòn, mặt nhăn, thân khòm, lưng còng, hơi thở khò khè, gập rút, nương nơi gậy lần bước, thân thể loang lỗ nốt ruồi, suy kém, chậm chạp. Các căn biến hoại, các hành cõi, hư v.v..., gọi là già. Các hữu tình kia ở trong các tụ của chúng, đời chuyển, hoại mất, thọ mạng sức ấm và thức diệt, mạng căn bất động, các uẩn tan v.v... gọi là tử. Già chết như thế duyên sinh nên khởi, đó gọi là Sinh duyên Lão tử.

Lại nữa, trong Kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Lão tử là có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên. Duyên ấy gọi là sinh, nói rộng cho đến: Nếu không có sinh, thì các loài cá, chim, rắn, rít, Na-già, Dược-xoa, Bộ-đa, loài ăn hương, chư Thiên, người, các loài không chân, hai chân, nhiều chân, loài khác, vô số hữu tình nơi các tụ của họ, những sự chết hiện có là có được hay không? *Đáp*: Thưa không, bạch Đức Thế Tôn. *Hỏi*: Nếu hoàn toàn không có sinh để có thiết lập, thì có già chết không? *Đáp*: Thưa

không, bạch Đức Thế Tôn. Thế nên, này Cù thọ Khánh Hỷ! Già chết đều do sinh làm duyên, đó gọi là Sinh duyên Lão tử.

Như vậy lão tử đều do sinh làm duyên, sinh làm nơi nương dựa, sinh tạo sự kiến lập, nên sinh khởi cùng sinh khởi, tụ tập xuất hiện. Đó gọi là *Sinh duyên Lão tử*.

*

12. Thế nào là Phát sinh sâu than khổ ưu nhiều não?

Đáp: Nghĩa là có một loại hữu tình, hoặc nhân nơi cha mẹ, anh em, chị em, thầy, bạn qua đời, hoặc nhân nơi thân tộc bị mất hết, hoặc nhân nơi tài sản địa vị đều thất tán, nên khiến tự thân nhận lấy khổ thọ bức bách dữ dội như muốn đoạn mạng. Bây giờ, người ấy tâm ý bứt rứt, bực bội như bị nung đốt, dấy khởi sầu não, đã sầu sẽ sầu, tên độc sầu ở trong tâm, gọi là sầu.

Lại có một loại hữu tình nhân nơi cha mẹ, anh em, chị em, thầy, bạn qua đời, nói rộng như trước cho đến: Do duyên có ấy nên bày lời than oán: Khổ thay! Khổ thay! Ôi! Cha ta, mẹ ta v.v... nói rộng cho đến tài sản, địa vị của ta chỉ trong một sớm sao đến nỗi này! Ở đây, các lời than oán hiện có nơi vô số ngữ nghiệp gọi là than.

Năm thức tương ưng với thọ nhận không bình đẳng gọi là khổ.

Ý thức tương ưng với thọ nhận không bình đẳng gọi là sầu.

Các tâm rối loạn, sầu não, đã và sẽ sầu não, tánh loại sầu não, gọi là nhiều não.

Từ nơi phần vị của lão tử phát sinh các thứ sầu than khổ ưu nhiều não như thế.

Hỏi: Thế nào là liên tích tập thuận uẩn khổ lớn như thế?

Đáp: Nghĩa là ở trong phần vị của lão tử như thế, đã tích tập một loại tụ của các uẩn khổ, gồm những tai ương họa hoạn lớn.

Lại nữa, do khổ uẩn vô minh làm duyên khởi khổ uẩn hành, khổ uẩn hành làm duyên khởi khổ uẩn thức, khổ uẩn thức làm duyên khởi khổ uẩn danh sắc, khổ uẩn danh sắc làm duyên khởi khổ uẩn lục xú, khổ uẩn lục xú làm duyên khởi khổ uẩn xúc, khổ uẩn xúc làm duyên khởi khổ uẩn thọ, khổ uẩn thọ làm duyên khởi khổ uẩn ái, khổ uẩn ái làm duyên khởi khổ uẩn thủ, khổ uẩn thủ làm duyên khởi khổ uẩn hữu, khổ uẩn hữu làm duyên khởi khổ uẩn sinh, khổ uẩn sinh làm duyên khởi khổ uẩn lão tử, do lão tử nên phát sinh vô số khổ uẩn sầu than khổ ưu nhiều nã. Nên gọi chung là liên tích tập thuận khổ uẩn lớn như thế.

HẾT - QUYỂN 12

SỐ 1538/7
LUẬN THI THIẾT

*Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hộ – Duy Tịnh.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.*

QUYỂN 1

Phần 1: Thế Gian Thi Thiết.

Phần 2: Nhân Thi Thiết⁽¹⁾: Gồm 13 môn.

*** Môn thứ 1: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Trong Luận đã hỏi: Do nhân duyên gì Ngọc nữ báu hiện có của Chuyển luân Thánh vương nhan sắc thượng diệu hơn hẳn mọi người, sắc tướng như thiên nữ, ai cũng thích nhìn ngắm? (Nữ báu, Ngọc nữ báu: Là một trong bảy báu của Chuyển luân Thánh vương).

Đáp: Do từ thời xa xưa Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương đã tu nhân hành sự rộng lớn, có thể dùng các vật thanh tịnh để bố thí. Đó là các vật dùng để trang hoàng thanh tịnh, cùng những thứ như thức ăn uống, y phục, hương xoa, hương bột, giường tòa, phòng nhà, đèn đuốc v.v... Do nhân như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương nhan sắc thượng diệu hơn hẳn mọi người, sắc tướng như thiên nữ, ai cũng vui thích nhìn ngắm.

¹ Xem: Giới thiệu nội dung Tập 26.

Hỏi: Do nhân duyên gì Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương có màu da trung bình không đen không trắng, thân tướng cân đối không dài không ngắn, không mập không ốm v.v...?

Đáp: Do từ thời xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành sự rộng lớn, có thể hành bố thí. Nghĩa là dùng các thứ sắc hương vị đều đầy đủ, các thứ vật dụng như thức ăn uống v.v..., tự tay mang đến dâng tặng khởi tâm không kiêu mạn khi hành tác bố thí. Do nhân như thế, nên Nữ báu hiện có màu da trung bình không đen không trắng, thân tướng cân đối không dài ngắn, không mập không ốm.

Hỏi: Do nhân duyên gì Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương khi gặp mùa lạnh thì được ấm áp, vừa ý, vui thích?

Đáp: Do từ nơi xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là như gặp mùa đông giá rét gió lớn thổi dữ, cảnh sắc tiêu điều lạnh buốt, mọi người đều lo sợ, nhưng Nữ báu này đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn quý, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, luôn khởi tâm ái lạc không có não hại, đem các thứ vật dụng tạo ấm áp như y phục, giường nằm, mùng mền, ngọc cụ, hương xoa, hương bột, phòng nhà, lò sưởi, củi lửa cùng các thứ cần dùng gây ấm khác hành bố thí rộng khắp. Do nhân như thế, nên Nữ báu ấy bây giờ khi gặp mùa lạnh thì được ấm áp, vừa ý, vui thích.

Hỏi: Do nhân duyên gì Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương khi gặp thời tiết nóng bức lại được mát mẻ, vừa ý, vui thích?

Đáp: Do từ nơi xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là như khi gặp mùa nóng bức, ánh nắng mặt trời thiêu đốt bức bách, sâu bọ, ruồi muỗi sinh nhiều, mọi người đều hết sức khổ não. Lúc này, Nữ báu đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn quý, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, luôn khởi tâm ái lạc không có não hại, dùng các thứ vật dụng tạo mát mẻ như y phục, ngọc cụ, hương xoa, hương bột, giường nằm, phòng nhà, bàn ghế, đồ gác chân, vòng

xuyên quý giá, hương Đa-ma-la và các thứ do hương Đa-ma-la tạo thành, cùng những thứ cần thiết để hành tác bố thí rộng khắp. Do nhân như thế, nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương gặp mùa nóng bức thì được mát mẻ, vừa ý, vui thích.

Hỏi: Do nhân duyên gì Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương nơi các lỗ chân lông khắp thân mình đều tỏa ra hương thơm Chiên-đàn, miệng thường phát ra mùi hương hoa Ưu-bát-la?

Đáp: Do từ nơi xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn quý, các Sa-môn, Bà-la-môn khác, luôn khởi tâm ái lạc không nào hại, thường dùng các thứ chất thơm như trầm thủy, huân lãng Uất-kim, Đa-ma-la v.v... và các thứ hương thượng diệu khác để hành thí rộng khắp. Do nhân như thế, nên nói các lỗ chân lông khắp thân mình đều tỏa ra hương thơm chiên-đàn, miệng thường phát ra mùi hương hoa Ưu-bát-la.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương theo hầu bên vua Thánh kia, trước đứng, sau ngồi, đều không mất phép tắc lễ nghi, các việc làm thấy đều tuân phụng siêng năng hết mực không hề lười trễ, ngôn ngữ luôn dịu dàng dễ mến như thế?

Đáp: Do Chuyển luân Thánh vương trải qua thời gian lâu dài, theo chỗ tác dụng, các nghiệp thiện càng thêm mạnh mẽ, nuôi lớn thành thực nên hiện tiền có được phước báo thù thắng. Do nhân như thế tức chiêu cảm được Nữ báu lời nói luôn dịu dàng thuận ý.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương có thể khiến cho Thánh vương được đẹp ý, xứng thuận nhưng tâm không nhiễm, hưởng chi là thân ngữ lại không điều thuận hòa nhã?

Đáp: Do Chuyển luân Thánh vương luôn có đủ oai đức lớn, đối với các loài chúng sinh kia không hề có tâm phân biệt, sai khác, vượt mọi biểu hiện nơi tâm ý con người. Do nhân như thế nên chiêu cảm được Nữ báu luôn đẹp ý xứng thuận nhưng tâm không nhiễm.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương luôn biết trước ý của Thánh vương lúc nào muốn đi, khi nào muốn đứng, hoặc ngồi, nên tiến đến trước vua thưa: Vui thay Thánh vương! Thánh vương muốn du hành chăng? Hoặc muốn đứng, ngồi chăng? thầy đều tùy tùng thuận hợp?

Đáp: Do từ thời xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là ở trong cõi Dục, Nữ báu ấy luôn có đủ tâm từ quán xét các chúng sinh mong muốn về nghĩa, mong muốn về lợi, mong muốn an lạc, hoặc nếu chúng sinh khởi mong muốn không lợi, mong muốn không an lạc, đều dùng tâm từ, mắt từ để quán xét. Do nhân như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương đều biết trước ý của Thánh vương muốn đi đứng dừng nghỉ v.v...

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương vượt hơn mọi người nữ bình thường ở thế gian, như vàng trắng trong đám các vì sao?

Đáp: Do từ thời xa xưa Nữ báu ấy đã tu nhân hành tác rộng lớn. Nghĩa là như tự mình không sát sinh, lại khuyên bảo người khác giữ giới không sát sinh, tự mình không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, lại khuyên bảo người khác, mỗi mỗi thứ như vậy đều tu tập, gìn giữ. Do nhân như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương vượt hơn mọi người nữ khác, như ánh trắng trong đám các vì sao.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương không bú sữa khi sinh?

Đáp: Vì tất cả các người nữ cùng có chung về một loại khổ, tức là cái khổ mang thai, sinh ra cho bú sữa. Còn Nữ báu kia ở trong thời gian đã lâu xa đã ít bệnh ít khổ não, tạo các nghiệp thiện, nuôi lớn, thành thực, nên hiện tiền các quả báo thắng diệu được thành tựu. Do nhân như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương không bú sữa khi sinh.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Luân vương ở trước vua Thánh hướng đến mạng chung?

Đáp: Do Nữ báu ấy đã tu tập các nghiệp thiện trong suốt thời gian lâu dài không gián đoạn, nên nơi hiện tiền các thứ quả báo thắng diệu được thành tựu. Do nhân như thế nên Nữ báu của Luân vương ở trước vua Thánh hướng đến mạng chung.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương ở trong hàng nữ nhân, riêng được sinh lên cõi trời?

Đáp: Do Nữ báu ấy bản tánh hiền thiện, lại tu tập đầy đủ mười nghiệp đạo thiện. Do nhân như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương ở trong hàng nữ nhân, riêng được sinh lên cõi trời.

Hỏi: Do đâu Chuyển luân Thánh vương có được *Quan chủ kho báu*?

Đáp: Do từ thời xa xưa Chuyển luân Thánh vương đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là như gặp lúc thời tiết quá lạnh, quá nóng, bấy giờ nhà vua đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn kính, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn, luôn khởi tâm ái lạc, không hề nỡ hại, tùy thời dùng các thứ thuốc men quý giá, các thứ thức ăn uống thượng vị được ưa thích nhất, cùng những vật dụng cần thiết khác, cung kính cúng dường, khiến chư vị ấy mọi sự thọ dụng luôn đầy đủ, thân tâm an lạc. Do nhân như thế nên Chuyển luân Thánh vương có được Quan chủ kho báu.

Quan chủ kho báu này hết sức giàu có tự tại, quyền thuộc rộng nhiều, kho tàng châu báu, tiền của, thóc lúa đầy ắp, thọ dụng càng tăng, của cải càng đầy, là do quả báo của nghiệp thiện sinh khởi.

Quan chủ kho báu ấy lại có đủ thiên nhãn có thể thấy rõ các kho báu còn chôn giấu, hoặc có chủ hoặc không có chủ, hoặc nằm dưới nước hay ở trong lòng đất, hoặc gần hoặc xa v.v... Vị này đi tới chỗ Chuyển luân Thánh vương, cho đến công việc đầy đủ vô số các

thứ vật dụng, luôn siêng năng tận lực không hề mệt mỏi, kính cẩn tâu vua: “Thiên tử cần dùng các thứ tiền bạc vật báu, thần đều có thể phụng dâng”.

Sau đó ít lâu, Chuyển luân Thánh vương ý muốn thử nghiệm Quan chủ kho báu, liền ra lệnh đem thuyền báu vượt sông du hành, rồi mới cho gọi vị Quan chủ kho báu ấy đến bảo: “Khanh nay nên cung cấp cho ta nhiều tiền của, châu báu, ta đang cần dùng”. Khi ấy, Quan chủ kho báu tâu vua: “Xin Thánh vương cho thuyền cập bờ, thần sẽ dâng lên vua mọi thứ cần dùng. Nếu thuyền không vào bờ, sự việc dâng nạp khó thành”. Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh cho thuyền báu quay lại cập bờ. Vị chủ kho tàng báu đến trước vua, gối phải quỳ sát đất, cung kính vái chào, tác lễ đầy đủ, hai tay dâng lên vua bốn bình báu thẳng diệu làm bằng vàng ròng, đựng đầy ngọc báu phụng hiến lên vua và tâu: “Xin Thánh vương nhận lấy các vật báu bạc nhất này”. Rồi đọc tụng:

*Trong mát mưa nhẹ từ trời tuôn
Xua tan bao nóng bức mùa hạ
Xin dâng Luân vương các vật báu
Cùng thí cho những kẻ nghèo khó.
Được thọ nhận rồi đều an vui
Người xin cùng sinh tâm hoan hỷ
Do đầy nghiệp báo rộng vô cùng
Đạt được giàu có hơn mọi người.
Đủ thần lực lớn cùng thiên nhân
Được làm Chuyển luân Thánh vương.*

Hỏi: Do đâu Quan chủ kho báu đạt được giàu sang, có nhiều kho báu rộng lớn, càng thọ dụng lại càng tăng nhiều?

Đáp: Do từ thời xa xưa Quan chủ kho báu đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là có thể bố thí cho tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn, những người cùng khổ, các kẻ vãng lai, những kẻ xin ăn, trao cho họ đủ các thứ như thức ăn uống, y phục, tràng hoa, hương xoa, giường

nằm, phòng nhà, đèn đuốc v.v... Do nhân như thế nên Quan chủ kho báu đạt được giàu có lớn, có nhiều kho báu rộng lớn, càng thọ dụng thì tiền của vật báu càng tăng.

Hỏi: Do đâu Quan chủ kho báu có được nghiệp báo thù thắng sinh khởi, nên có đủ thiên nhãn, đối với các kho báu còn chôn giấu, hoặc có chủ hoặc không có chủ, hoặc ở dưới nước hoặc ở trong lòng đất, hoặc gần hay xa thấy đều nhìn thấy?

Đáp: Do từ thời xa xưa Quan chủ kho báu đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn kính, các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều luôn khởi tâm ái lạc, không hề nào hại. Lại, đối với thế gian, khắp vì tất cả những nơi chốn tối tăm, mờ mịt, tạo ra ánh sáng soi chiếu, trao cho họ đèn đuốc cùng những vật dụng thấp sáng để trừ bỏ bóng tối. Do nhân như thế nên Quan chủ kho báu có được nghiệp báo thù thắng, có đủ thiên nhãn thấy rõ các kho báu còn chôn giấu trong nước hay trong lòng đất, hoặc có chủ hoặc không có chủ, hoặc xa hoặc gần.

Lại nữa, tụng nêu:

*Thức ăn uống, y phục, tràng hoa
 Từ xưa từng khởi tâm thanh tịnh
 Mở cửa bố thí tự tay dâng
 Lại dùng đèn sáng xua bóng tối.
 Được làm đại thần chủ kho báu
 Hầu cận Chuyển Luân vương danh tiếng
 Nhiều của tiền vật báu bậc nhất
 Đạt được thiên nhãn thấy kho ẩn.*

Hỏi: Do đâu Chuyển luân Thánh vương có được *Quan chủ binh báu*?

Đáp: Do từ thời xa xưa Chuyển luân Thánh vương đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư

trường tôn quý, cùng các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều luôn khởi tâm ái lạc, không hề nào hại. Đối với các nơi chốn tối tăm thường tạo ra ánh sáng soi chiếu, như cho họ đèn đuốc hoặc các vật thấp sáng để xua tan bóng tối. Do nhân như thế nên Chuyển luân Thánh vương có được Quan chủ binh báu.

Quan chủ binh báu này thông sáng lạnh lợi, khéo quan sát, khéo nêu dụ, đầy đủ trí tuệ, đến nơi chỗ vua, đem sự việc hiện đời, nghĩa lợi của chánh pháp để phụ giúp nhà vua. Nơi các việc khác ở đời, cũng là nghĩa lợi của chánh pháp thấy đều phụ giúp vua Thánh. Ở trong binh chúng luôn nhận biết ý vua, muốn giữ lại thì giữ lại, muốn dẹp bỏ liền dẹp bỏ, không khiến vua phải nhọc sức. Cũng không nhờ vào sự vận dụng của bốn binh chúng, không khiến họ phải mệt nhọc, nhưng tất cả đều tự nhiên quy phục.

Lại nữa, tụng nêu:

*Nơi chốn tối tăm ở thế gian
Khắp tạo đèn sáng thả soi chiếu
Thí các đèn cùng những ánh sáng
Đều khiến nơi nơi tỏa chiếu khắp.
Lại đối cha mẹ cùng tri thức
Các vị Sa-môn, Bà-la-môn
Rộng tạo đèn sáng cùng soi chiếu
Đều được trừ tối, nhận ánh sáng.
Do nghiệp thiện thí an vui ấy
Tạo các nghiệp thiện thù thắng khác
Luân vương do nhân thắng báo này
Đạt được chủ binh báu đại trí.*

Hỏi: Do đâu Quan chủ binh báu thông sáng lạnh lợi, khéo nêu dụ, khéo quan sát, có đủ trí tuệ?

Đáp: Do Quan chủ binh báu ấy trong các đời từ xa xưa nhân cũ đã kiến lập, cho đến các đời các kiếp cực xa về trước nữa, đều đã diệt

hết. Khi được làm người thì thông sáng lanh lợi, có đủ trí tuệ, khéo quán xét, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn đã luôn tìm đến thân cận, cung kính thưa hỏi: Những gì là thiện, những gì là bất thiện, những gì là có tội, những gì là không tội, những việc nào nên làm để được thắng thượng, lìa các nghiệp tội lỗi. Theo những điều được nghe, nương nơi pháp tu hành, thường khéo quán xét, khéo tư duy, hoặc về sự, hoặc về nhân, siêng cầu thỉnh học hỏi, hành tác cứu giúp tạo nhân cứu độ, ý chí càng mạnh dốc sức hành trì. Do nhân như thế nên Quan chủ binh báu thông sáng lanh lợi, có đủ trí tuệ.

Lại nữa, tụng nêu:

*Từ xưa gần gũi các bậc trí
Siêng cầu quán xét các nhân thiện
Phát tâm khởi lợi ích tối thượng
Nơi tất cả xứ không lười thoái.
Quan chủ binh báu do sức ấy
Nay được thông sáng đủ trí tuệ
Nhanh chóng phát khởi tâm tinh tấn
Nay là chủ binh báu Luân vương.*

*

*** Môn thứ 2: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ
Xe báu, voi, ngựa cùng ngọc báu
Nữ báu, chủ kho và chủ binh
Sống lâu không bệnh đủ sắc tướng
Vừa ý, tự tại, lại nhiều con
Nói rộng như trong Uẩn thứ ba.*

Như trong Luận nói: Chuyển luân Thánh vương tức đồng với Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, tụng nêu:

*Như Luận đã nói Chuyển Luân vương
Tức đồng Đại Pháp vương vô thượng
Ở trong cảnh giới đại địa này
Chuyển đại pháp luân, tạo thiện lợi.
Do bậc Chuyển Luân Thánh vương kia
Nên quán tức đồng Phật Như Lai
Đều khởi tâm bi thương thế gian
Đại tịch mặc lợi khắp tất cả.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Xe báu: Nên biết việc đó tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, xuất hiện nơi thế gian, thuyết giảng về pháp Tám chánh đạo của bậc Thánh. Do Đức Phật đã giảng nói tám chánh đạo có thể diệt trừ tất cả phiền não ở thế gian nên ở trong các pháp đạt được không chướng ngại.

Lại nữa, tụng nêu:

*Chuyển luân Thánh vương có xe báu
Khắp đại địa này đều quy phục
Như Phật khai diễn tám môn chánh
Giải trừ tất cả ma oán buộc.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Voi báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã giảng nói về pháp bốn thần túc. Do Đức Phật, Như Lai đã giảng nói về pháp bốn thần túc có thể diệt trừ tất cả phiền não ở thế gian nên ở trong các pháp đạt được không chướng ngại.

Lại nữa, tụng nêu:

*Chuyển Luân Thánh vương có voi báu
Qua lại trên không đều tự tại
Thần túc Như Lai cũng như vậy
Cù-đàm danh vang thần hóa rộng.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Ngựa báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác nêu giảng về pháp bốn chánh đạo. Do Đức Phật đã giảng nói pháp bốn chánh đạo có thể diệt trừ tất cả phiền não ở thế gian nên ở trong các pháp đạt được không chướng ngại.

Lại nữa, tụng nêu:

*Ngựa báu thân xanh đẹp, Luân vương
 Đầy đủ thuần thực, chạy như gió
 Như pháp bốn chánh đạo của Phật
 Mau chứng quả tịch tĩnh vô vi.
 Tướng ngựa oai đẹp đỉnh đầu đen
 Ngựa báu ấy được vua luôn cỡi
 Pháp bốn chánh đạo cũng như thế
 Cù-đàm danh tiếng tự tại khắp.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Ngọc báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ thiên nhãn. Do Đức Phật, Như Lai có đầy đủ thiên nhãn, nên tùy theo các chúng sinh có những mong muốn ưa thích gì, Phật dùng thiên nhãn đều có thể quán xét.

Lại nữa, tụng nêu:

*Ngọc báu lưu ly của Luân vương
 Tỏa chiếu sáng khắp mọi nơi chốn
 Thiên nhãn Như Lai cũng như thế
 Quán chiếu khắp cõi đều vô ngại.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Nữ báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có pháp giác chi hỷ.

Lại nữa, tụng nêu:

*Vua Chuyển luân có Nữ báu diệu
Mọi người ưa nhìn ý đều vui
Pháp giác chi hỷ cũng như thế
Cù-đàm danh vang khéo vui hợp.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Quan chủ kho báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có bốn chủng tánh luôn thân cận, đó là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, đối với Đức Phật Thế Tôn luôn cung kính, thường đem các thứ như thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc trị bệnh v.v... dâng cúng Ngài.

Lại nữa, tụng nêu:

*Như Chuyển Luân Đại Thánh vương kia
Tài sản vô lượng giàu sang nhất
Cù-đàm Thánh chủ danh vang khắp
Bốn tộc họ cung kính cũng thế.*

Như Chuyển luân Thánh vương có Quan chủ binh báu: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đủ thắng tuệ lớn. Do Đức Phật có đủ đại tuệ có thể diệt bỏ tất cả phiền não của thế gian, giải trừ mọi Ma buộc, nên ở trong các pháp không bị chướng ngại.

Lại nữa, tụng nêu:

*Quan chủ binh báu khéo tìm xét
Lại hay quyết chọn các nghĩa lợi
Đại tuệ Như Lai cũng như thế
Trừ hết trói buộc của ma oán.*

Như Chuyển luân Thánh vương thọ mạng dài xa, trụ lâu nơi thế gian: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác trụ lâu nơi cõi đời, tùy theo các chúng sinh có những

mong cầu gì đều khiến được viên mãn. Nếu sống một kiếp hoặc hơn một kiếp, đó gọi là trường thọ. Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp giáo hóa thế gian, thọ mạng một kiếp, cũng lại như vậy.

Như Chuyển luân Thánh vương ít bệnh hoạn, ít sầu não: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác không có các thứ tổn não, bệnh khổ không sinh.

Lại nữa, tụng nêu:

*Chuyển luân Thánh vương ít bệnh não
Chánh pháp tối thượng hóa thế gian
Thế Tôn Đại sư danh tiếng đủ
Không bệnh, không não, luôn an lạc.*

Như Chuyển luân Thánh vương thân sắc đẹp đẽ, đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu, tất cả mọi người đều khao khát chiêm ngưỡng: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đủ ba mươi hai tướng thanh tịnh viên mãn, hết thầy chúng sinh đều cung kính chiêm ngưỡng không chán.

Lại nữa, tụng nêu:

*Luân vương dùng chánh pháp giáo hóa
Tướng tốt đoan nghiêm chúng vui nhìn
Tướng diệu Thế Tôn cũng như thế
Công đức tối thắng đều đầy đủ.*

Như Chuyển luân Thánh vương, khi mọi người chiêm ngưỡng thì tâm ý vui thích: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả chúng sinh đều rất ưa thích chiêm ngưỡng lễ bái, thầy đều sinh tâm vui thích.

Lại nữa, tụng nêu:

*Luân vương dùng chánh pháp độ thế
Người nhìn đều sinh ý vui thích*

*Như Lai Đại sư bậc tôn quý
Chúng sinh chiêm ngưỡng đều hoan hỷ.*

Như Chuyển luân Thánh vương có ngàn người con, sắc tướng đẹp đẽ, viên mãn, lại dũng mãnh không hề biết sợ, khéo hàng phục các quân khác: Nên biết tức đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, khéo hóa độ tất cả chúng sinh, tu hành chứng quả, dũng mãnh, vô úy, có sức mạnh diệt trừ phiền não, hướng đến đạo chân thật.

Lại nữa, tụng nêu:

*Chuyển luân Thánh vương có ngàn con
Dũng mãnh vô úy, tướng đoan nghiêm
Đầy đủ uy lực dẹp quân khác
Chánh pháp chân thật đem giáo hóa.
Như Lai Đại sư độ chúng sinh
Đều khiến tu hành trụ quả vị
Bốn hướng bốn quả: Bậc vô úy
Đây cùng gọi là Bát Nhân Địa.*

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 2

*** Môn thứ 3, phần 1: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Hai điềm lành xuất hiện
Tạo hộ thai không nhiễm
Hoàn toàn không tâm dục
An lạc cùng không ngò.ì.
Da nai để thừa tiếp
Bảy bước nhìn bốn phương
Ngón ngử và hai rồng
Cùng A-nan việc đến.
Hoa trời và thuốc trời
Giường tòa xả trang nghiêm
Nhận cỏ thấy pháp y
Tâm bi hiện thân hóa.*

Hỏi: Do đâu ban đầu Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thân nhập nơi thai mẹ, tất cả đại địa thầy đều chấn động?

Đáp: Là do oai lực của rồng. Vì các Long vương được nghe vị Bồ-tát có đại oai đức từ cung trời Đâu-suất mạng chung, giáng thân vào thai mẹ, tức tâm sinh hoan hỷ, thích thú vô cùng, nên từ trong nước phóng vọt lên không trung bay lượn mấy vòng, rồi lại lặn

xuống nước. Do muốn chiêm ngưỡng Thánh tướng của Bồ-tát, nên các Long vương mới từ nước phóng vọt lên, khiến nước chuyển động mạnh. Vì nước động mạnh nên toàn đại địa đều chấn động.

Lại nữa, vì Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ hết lòng vì chúng sinh tuyên thuyết các pháp thiện xuất ly sinh tử, thế nên trên thì gió khua thổi mạnh, giữa thì nước rung chuyển, dưới thì đại địa chấn động. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Hỏi: Do đâu ban đầu Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thần nhập nơi thai mẹ, có ánh sáng lớn chiếu soi khắp thế gian. Hết thấy nơi chốn tối tăm hiện có đều được chiếu sáng. Ánh sáng mặt trời mặt trăng đã bị che khuất không còn hiện bày. Ngay lúc ấy, tất cả chúng sinh hiện có, nhờ ánh sáng soi chiếu nên cùng được nhìn thấy nhau, cùng nói: Lạ lùng quá, này các vị! Có bậc Đại sĩ kỳ diệu sinh ra nơi cõi này chăng?

Đáp: Do bậc Đại sĩ, Bồ-tát có oai đức lớn, ban đầu từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thần nhập nơi thai mẹ, có các chúng Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc, nghe Bồ-tát có oai đức lớn từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chư Thiên ấy đều rất hoan hỷ, vui thích, liền phóng mình lên không trung, bay lượn nhiều vòng là vì vui thích được nhìn thấy Thánh tướng của Bồ-tát, nên chư Thiên kia đang lúc bay lượn thì có ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp thế giới, những nơi nào tối tăm mờ mịt đều được soi chiếu, cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng đều bị che khuất không còn hiện bày. Lúc này, tất cả chúng sinh hiện có, nhờ ánh sáng tỏa chiếu nên cùng được thấy nhau, cùng nói: Lạ lùng quá, này các vị! Có bậc Đại sĩ kỳ diệu sinh ra nơi cõi này chăng?

Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ phóng ra ánh sáng của thắng tuệ rộng lớn chiếu khắp thế gian. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Hỏi: Do đâu ban đầu Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thân nhập nơi thai mẹ, có bốn vị Thiên tử từ bốn phương bay đến theo phương mình mà trụ kín đáo hộ vệ cho mẹ của Bồ-tát?

Đáp: Do chúng Thiên tử của cõi trời Ba Mươi Ba, trong thời gian lâu dài đã an ủi, bảo vệ pháp thiện, đều cùng bảo nhau: Lớn lao thay! Thế gian tối tăm không có ánh sáng, không có nơi chốn quy hướng, nay Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ xuất hiện ở đây đều nhằm hóa độ chúng sinh. Các vị Thiên tử kia vì lợi ích nên thệ nguyện làm thắng duyên, đã cùng bay đến, ngầm bảo hộ cho mẹ của Bồ-tát.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, nhưng không bị nhiễm các thứ cấu uế của bào thai, các thứ cấu uế của máu thịt, những thứ tạp uế, cho đến các thứ cấu uế bất tịnh khác đều không bị nhiễm?

Đáp: Là do từ thời xa xưa Bồ-tát đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn quý, các vị Sa-môn, Bà-la-môn, đều luôn khởi tâm ái lạc, không hề nào hại, luôn dùng các thứ thanh tịnh để cung cấp dâng thí, như đem các thứ ngoại cụ, y phục, thức ăn uống, hương xoa, hương bột, các thứ tràng hoa đẹp, giường tòa, phòng nhà, đèn đuốc v.v... hành thí rộng lớn. Dùng pháp thanh tịnh chiếu soi, hóa độ khắp các chúng sinh. Do nhân đồng phận của nghiệp thiện ấy, nên ở trong thai mẹ không bị nhiễm các thứ cấu uế.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, thân tướng đầy đủ, và mẹ cũng thấy thanh tịnh viên mãn?

Đáp: Là do từ thời xa xưa Bồ-tát đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là đối với cha mẹ, các vị tri thức, các bậc sư trưởng tôn quý, các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều luôn tôn kính, không hề nào hại, thường khởi tâm ái lạc, đem các vật dụng như phòng nhà, y phục, thức ăn uống v.v... thấy đều vẹn toàn, không hư, thiếu, nội tâm thanh

tịnh hành bố thí rộng khắp. Do nhân đồng phận của nghiệp thiện ấy, nên ở trong thai mẹ, thân tướng hoàn toàn đầy đủ.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ của Bồ-tát đối với người nam không hề khởi ý về dục nhiễm, hòa hợp?

Đáp: Là do từ thời xa xưa Bồ-tát đã tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là tự mình có thể thọ trì phạm hạnh thanh tịnh, không hành phi pháp, xa lánh các mùi hương xấu, vượt ngoài các pháp ô nhiễm của người nữ. Tự mình đã có thể tinh tấn hành trì các phạm hạnh rồi, lại khuyên bảo người khác như lý tu trì. Do nhân đồng phận của nghiệp thiện ấy, nên mẹ của Bồ-tát đối với người nam không có ý nhiễm dục.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ của Bồ-tát phụng trì năm giới, đó là cho đến trọn đời không giết hại, không trộm cắp, không nhiễm dục, không nói dối và không uống rượu. Do không uống rượu nên lìa các thứ phóng dật?

Đáp: Là do từ thời xa xưa Bồ-tát đã từng tu nhân hành sự rộng lớn. Nghĩa là tự mình đã đoạn dứt sự giết hại, lìa nghiệp sát sinh, lại khuyên bảo người khác cũng đoạn, lìa như thế. Tự hành không trộm cắp, không nhiễm dục, không nói dối và không uống rượu, lại khuyên bảo người khác cũng đoạn, lìa như thế. Do nhân đồng phận của nghiệp thiện ấy, nên mẹ của Bồ-tát đã phụng giữ giới thanh tịnh.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ, mẹ của Bồ-tát thân không mệt mỏi, tâm ý luôn được an vui?

Đáp: Là do Bồ-tát, Đại sĩ có đủ oai đức lớn, có ánh sáng thù thắng, nên khiến mẹ của Bồ-tát, các đại chủng bền chắc, không hề tăng giảm. Do nhân như thế nên mẹ của Bồ-tát thân không hề mệt mỏi, tâm ý lại luôn an vui.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, đại địa đều chấn động?

Đáp: Là do Bồ-tát, Đại sĩ có đủ oai đức lớn, như trước đã nói rộng.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, có ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới?

Đáp: Như trước đã nói rộng.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, mẹ của Bồ-tát không ngồi, không nằm mà an nhiên đứng yên, có tộc họ Sát-đế-lợi tôn quý đồng thời sinh ra?

Đáp: Do mẹ của Bồ-tát ít bệnh hoạn, ít sâu não, luôn tạo các nghiệp thiện nên có quả báo thắng diệu hiện tiền được thành. Do đây mẹ của Bồ-tát không ngồi, không nằm, lia các khổ thọ.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, có bốn Thiên tử từ bốn phương lại, dùng da nai đẹp để đỡ lấy Bồ-tát?

Đáp: Là do trong thời gian dài Bồ-tát ít bệnh, ít phiền não, luôn tạo các nghiệp thiện nên có quả báo thắng diệu hiện tiền thành tựu. Do đây khiến chư Thiên đến đỡ lấy Bồ-tát, tránh khỏi rơi xuống đất, lia các khổ thọ.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa mới sinh liền bước đi bảy bước?

Đáp: Là do trong thời gian dài Bồ-tát Đại sĩ luôn chánh niệm xuất ly, gần gũi tu tập, hành hóa rộng khắp cùng khéo nêu bày ghi nhớ.

Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì khắp các chúng sinh thuyết giảng pháp bảy giác chi.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa mới sinh đã quán xét bốn phương?

Đáp: là do trong thời gian lâu dài Bồ-tát đã cùng hành Tỳ-bát-xá-na, luôn chánh niệm, gần gũi tu tập, hành hóa rộng khắp, lại khéo nêu bày ghi nhớ.

Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, quán xét pháp bốn Thánh đế, vì khắp các chúng sinh khai thị diễn nói. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa mới sinh liền nói: Nay thân này của Ta, là thân sau cùng, là sự sinh tận cùng?

Đáp: Là do Bồ-tát khi còn trong thai mẹ, thường sinh tâm bi luôn nghĩ đến việc cứu độ chúng sinh, nên khi ra khỏi thai liền nói lời như thế.

Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì các chúng sinh thuyết pháp hóa độ. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lạnh.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát lúc mới sinh ra, ở trong hư không, từ trời tuôn xuống hai dòng nước lạnh và ấm để tắm rửa thân tướng không cấu uế của Bồ-tát?

Đáp: Là do oai lực của Thiên long. Do các Thiên long kia đối với Bồ-tát đã sinh tâm tin tưởng sâu xa thanh tịnh, nên hóa hiện ra tướng ấy.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi mới sinh, ở trước Thánh mẫu có dòng nước lớn phun lên để mẹ của Bồ-tát thọ dụng theo ý?

Đáp: Là do oai lực của Long vương. Vì các Long vương ấy đối với mẹ của Bồ-tát đã sinh tâm tin sâu xa thanh tịnh, nên hóa hiện ra tướng ấy.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa sinh ra, ở giữa không trung tự nhiên có âm nhạc trời tấu lên?

Đáp: Là do oai lực của chư Thiên. Vì chư Thiên ấy đối với Bồ-tát đã sinh tâm tin tưởng sâu xa thanh tịnh. Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức khắp mười phương đều nghe tiếng. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lạnh.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa mới sinh, trong hư không tự nhiên trời mưa xuống các thứ hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nạp-ma, hoa Bôn-noa-lợi-già, hoa Câu-mẫu-na, hoa Mạn-đà-la v.v... Lại mưa

xuống các thứ hương diệu như trầm thủy, huân lục, chiêm đàn, hương bột v.v... Trên không trung lại tuôn xuống các thứ y phục thù diệu?

Đáp: Là do oai lực của chư Thiên. Vì chư Thiên ấy đối với Bồ-tát đã sinh tâm tin tưởng sâu xa, thanh tịnh. Lại nữa, Bồ-tát quyết định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức có đủ phước lực lớn, tất cả các thứ y phục, thức ăn uống, giường tòa, thuốc men, cùng những thứ vật thọ dụng khác đều luôn đầy đủ. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lạnh.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi sinh ra mới được bảy ngày thì mẹ của Bồ-tát liền mạng chung?

Đáp: Là do oai đức lớn của Bồ-tát Đại sĩ. Vì khi giáng thần nhập thai mẹ thì Thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba đối với Bồ-tát vốn rất tôn quý tất, nên dùng uy quang thù thắng của cõi trời trao cho mẹ Bồ-tát. Sau khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, Thánh mẫu không còn uy quang của trời nữa, chỉ có đủ sắc tướng uy quang trong cõi người, các thức ăn uống thượng diệu tùy nghi thọ dụng, thế nên mẹ của Bồ-tát sớm mạng chung.

Như kinh đã nói: Bồ-tát có thể nhận biết rõ các việc nhập thai, ở trong thai và ra khỏi thai mẹ.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát có thể nhận biết rõ các việc nhập thai, ở trong thai và ra khỏi thai mẹ?

Đáp: Từ xưa khi Bồ-tát còn ở trong pháp của Đức Như Lai Ca Diếp, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, trước hết, Bồ-tát vì nhằm chứng đắc Bồ-đề nên siêng tu phạm hạnh, luôn chánh niệm đầy đủ, gần gũi tu tập hành hóa rộng khắp, phát thệ nguyện lớn: “Nguyện Ta sẽ thành tựu bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở thế gian này hết thấy chúng sinh còn si mê tăm tối, không người cứu giúp, không chốn quy hướng, Ta sẽ vì họ hóa độ khắp”. Do nhân duyên ấy nên được sinh nơi cõi trời Đâu-suất-đà chưa bao

lâu Ta có được ba việc thuộc về cõi trời: Đó là Thọ mạng của cõi trời, Sắc tướng của cõi trời và Danh xưng của cõi trời. Khi Bồ-tát suy nghĩ như thế, các chúng Thiên tử nơi cõi Đâu-suất-đà đều nhận biết Bồ-tát nhất định sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, do duyên ấy nên tất cả đều sinh tâm cung kính, tôn trọng, cúng dường Bồ-tát. Ở cõi trời ấy, Bồ-tát luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gạn gũi tu tập, hành tác rộng khắp, cho đến khi Bồ-tát thuận theo thọ lượng của các Thiên tử nơi cõi đó, an trụ, tức có thể nhận biết rõ việc nhập thai mẹ. Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta sẽ thành tựu quả vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gạn gũi tu tập, hành hóa rộng khắp, nhân đây Bồ-tát liền có thể nhận biết việc ra khỏi thai mẹ. Việc ở trong thai mẹ cũng như thế.

Như kinh đã nói: Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: Ta nhớ lại về thời xa xưa, khi ở trong pháp của Đức Như Lai Ca Diếp Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, trước hết Ta vì đạo quả Bồ-đề nên siêng tu phạm hạnh, chánh niệm đầy đủ, gạn gũi tu tập, hành hóa rộng khắp, phát thệ nguyện lớn: “Nguyện Ta sẽ thành tựu bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, nơi thế gian này hết thầy chúng sinh si mê tầm tôi, không ai cứu giúp, không chốn quy hướng, Ta sẽ rộng vì họ hóa độ khắp”. Do nhân duyên ấy nên Ta ở trong pháp của Đức Như Lai Ca Diếp, trước hết vì đạo quả Bồ-đề nên tu tập phạm hạnh, liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Sinh nơi cõi đó rồi v.v..., cho đến được ba sự việc thuộc về cõi trời, liền suy nghĩ: “Ta chứng đắc quả vị Chánh giác rồi, vẫn luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gạn gũi tu tập, hành tác rộng khắp”. Do nhân ấy nên khi Ta suy nghĩ như thế, các chúng Thiên tử ở cõi trời đó đều biết Bồ-tát sẽ thành Chánh giác, nên đều sinh tâm cung kính, tôn trọng, cúng dường. Nơi cõi này Ta luôn giữ chánh niệm đầy đủ, tu tập hành hóa. Vì duyên đó cho đến việc Bồ-tát thuận theo thọ lượng của các Thiên tử nơi cõi ấy, an trụ, nhân đây Bồ-tát liền có thể nhận biết việc từ cung trời Đâu-suất mạng chung nhập vào thai mẹ.

Bồ-tát lại suy nghĩ: “Ta chứng quả Chánh giác rồi, luôn giữ chánh niệm đầy đủ, tu tập, hành hóa”, vì thế Bồ-tát tức có thể nhận biết việc ở trong thai mẹ.

Bồ-tát lại suy nghĩ: “Ta chứng quả Chánh giác rồi, vẫn luôn giữ chánh niệm đầy đủ, tu tập hành hóa”, vì thế Bồ-tát tức có thể nhận biết việc ra khỏi thai mẹ.

Lại nữa, này A-nan! Ta do chánh niệm đầy đủ, tu tập hành hóa, nên khi ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu liền bước đi bảy bước.

A-nan nên biết! Các việc như thế, mỗi mỗi đều do Ta nhớ lại từ thời xa xưa cùng ý nghĩ: “Ta thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, vì khắp thấy chúng sinh giảng nói pháp bảy giác chi”. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 3

** Môn thứ 3, phần 2: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.*

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu liền nhìn khắp bốn phương và suy nghĩ: “Ta sẽ thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sinh diễn nói pháp bốn Thánh đế”. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu, liền nói: “Ta nay thân này là đời sống sau cùng”. Khởi suy nghĩ: “Ta sẽ thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức vì tất cả chúng sinh giảng nói pháp dứt hết mọi biên vực sinh tử”. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu, trên không trung tự nhiên mưa xuống các thứ hoa trời như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bát-nạp-na, hoa Bôn-noa-lợi-già. Lại mưa xuống các thứ hương diệp như trầm thủy huân lục, chiên đàn hương bột, cùng tung rải hoa trời v.v... Khởi suy nghĩ: “Ta sẽ thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đủ trí tuệ lớn, đủ phước đức lớn, các thứ thọ dụng như thức ăn uống, y phục, giường tòa, thuốc men v.v... thảy đều dồi dào”. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu, trên không trung tự nhiên có âm nhạc trời cùng hòa tấu. Liền khởi suy

nghĩ: “Ta sẽ thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang khắp mười phương”.

Lại nữa, này A-nan! Ngày trước, lúc còn ở trong cung vua, Ta đã cùng các người trong cung ngồi chung ghế, nằm chung giường. Khi đó, Ta suy nghĩ: “Từ nay trở đi, Ta sẽ không còn nằm ngồi trên những thứ ấy nữa”. Nay Ta ngồi trên tòa này là lần cuối cùng. Nghĩ thế rồi, Ta liền đứng dậy đi về phía cửa cung, ý chí mong muốn được xuất ly. Bấy giờ, có các Thánh hiền ngậm mở cửa cung. Ra khỏi nơi này rồi, Ta lần lượt đi qua lớp lớp cung cấm, mỗi mỗi cửa cung đều có các bậc Thánh hiền mở giúp. Lúc ấy, Ta suy nghĩ: “Ta sẽ thành bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì khắp các chúng sinh mở rộng cửa cam lộ”. Đây là Bồ-tát hiện trước tướng điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi ấy, Ta cỡi ngựa chúa Ca-sai-ca ra khỏi hoàng thành đến một nước khác, liền xuống ngựa và suy nghĩ: “Đây là lần sau cùng Ta cỡi ngựa quý của vương cung”. Bấy giờ, mọi thứ vật dụng trang sức hiện có cùng ngựa chúa Ca-sai-ca Ta đều giao lại cho người hầu giữ ngựa. Ta suy nghĩ: “Đây là lần cuối cùng Ta mang các vật trang sức của thế gian. Thế là Ta liền bỏ xuống hết”. A-nan nên biết! Lúc đó Ta rút cây kiếm báu đẹp để cắt ngang búi tóc trên đỉnh đầu. Cắt xong, Ta lại nghĩ: “Hôm nay là lần sau cùng Ta cắt đứt búi tóc quý giá này, nó không bao giờ mọc lại nữa”. Liền thấy một người mặc áo cà sa, dáng vẻ hiền lành, thấy vậy, Ta rất hoan hỷ, liền đến trước người ấy nói: “Nay Tôi cho ông chiếc áo Ca-thi-ca này, ông hãy đổi lại cho Tôi pháp y cà sa kia”. Lại suy nghĩ: “Đây là lần sau cùng Ta bỏ các thứ y phục của vương cung, chẳng còn mặc đồ thế tục nữa”.

Lại nữa, này A-nan! Về sau này, Ta đến chỗ ông Trưởng giả Kiệt Tường, nhận bó cỏ kiệt tường, rồi tới bên cội cây Bồ-đề tự trải cỏ ngồi kiệt già, thân ngay ngắn, giữ chánh niệm, suy nghĩ: “Nếu Ta không chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì nguyện sẽ không rời bỏ tòa cỏ này”. Lại suy nghĩ: “Ta nay chắc chắn đạt được

thiện lợi”. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đang ở trong chốn vô minh, chấp giữ vô minh, sống trong màng bọc vô minh, che ngăn mắt tuệ, Ta sẽ phá bỏ màng bọc vô minh ấy, khiến tất cả chúng sinh đều được an lành.

Lại nữa, này A-nan! Ta thành Phật chưa bao lâu, đã quán thấy rõ các sự sinh, già của chúng sinh trong thế gian này. Có kẻ căn tánh lanh lợi, có kẻ căn tánh trung bình, có kẻ căn tánh thấp kém. Đối với các chúng sinh căn tánh thấp kém, tùy theo hành tướng để điều phục hóa độ. Cho đến những kẻ các căn thiếu giảm không nghe chánh pháp, Ta đều quán xét thấy rõ, luôn khởi tâm đại bi, vì họ thuyết giảng chánh pháp để hóa độ.

Lại nữa, này A-nan! Ta lại suy nghĩ: “Ta nay nhất định đạt được thiện lợi”, vì Ta sinh ra trong thế gian tạp nhiễm, nhưng mọi nẻo hành nơi tâm ý Ta đều không bị cấu nhiễm.

*

*** Môn thứ 4: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Như con, họ thấp kém, bản cùng
Nạn giặc, kiếp sơ, đến mười tuổi
Châu Ngưu hóa, Thắng thân, Câu lô
Vô ngã cùng cõi Dục, cõi Sắc
Phật từ định khởi nhập Niết-bàn
Sau cùng đại y không bị cháy.*

Hỏi: Do đâu Bồ-tát là bậc tối thượng, tối thắng đối với tất cả chúng sinh, có người không phát tâm Đại Bồ-đề mà có thể chánh tín xuất gia?

Đáp: Bồ-tát trong mọi thời gian luôn xem tất cả chúng sinh cùng đồng như con, siêng tu nghiệp thiện, nuôi dưỡng trở nên thành thực, được quả báo thắng diệu hiện tiền thành tựu. Pháp là như thế.

Các chúng Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, chưa có ai không phát tâm Đại Bồ-đề mà có thể chánh tín xuất gia. Như điều đã nói tức là không nên thọ nhận.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh nơi tộc họ thấp kém?

Đáp: Sinh nơi tộc họ thấp kém thì quen gần với tâm lười chậm. Bồ-tát trong mọi thời gian đều xa lìa các thứ lười chậm, gần gũi các pháp thiện, tu tập hành tác khắp. Thế nên Bồ-tát quyết định sinh trong tộc họ tôn quý. Lại, nếu Bồ-tát sinh ra từ tộc họ thấp kém tức sẽ bị hủy báng, chê bai.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh nơi tộc họ bần cùng?

Đáp: Sinh nơi tộc họ bần cùng thì quen gần với tâm keo kiệt bòn sẻn. Bồ-tát trong mọi thời gian luôn xa lìa các thứ cấu uế của keo kiệt, gần gũi tu tập, hành hóa rộng khắp pháp không keo kiệt bòn sẻn. Thế nên Bồ-tát quyết định sinh trong tộc họ giàu sang. Nghĩa là do Bồ-tát đã đạt được các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc không phải trải qua gian khổ, mình, người đều bình đẳng thọ dụng. Lại, nếu Bồ-tát sinh từ nơi tộc họ bần cùng tất bị khinh chê.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh vào các nơi chốn biên địa xa xôi, cùng những vùng nhiều giặc, nạn xấu ác?

Đáp: Nơi chốn biên địa xa xôi v.v..., tức đối với các thứ kiến thức và giới pháp đều rất khó đạt được, không tương đồng với hạnh của Bồ-tát. Vì Bồ-tát luôn siêng tu các pháp thiện, nuôi lớn, thành thực, nên các quả báo thắng diệu hiện tiền liền thành. Thế nên Bồ-tát quyết định sinh vào vùng giữa nước, rộng lớn, có nhiều thuận lợi. Ở đây giả sử có các chúng sinh lợi căn thanh tịnh gặp được Bồ-tát có oai đức lớn, nhưng những người này cũng không thể phát khởi các pháp thiện vô lậu tối thượng được, đó là những pháp Đáo bỉ ngạn, Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Thanh văn, cùng các căn thiện vô lậu tối thượng khác.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh vào thời kiếp sơ, ở đầy tuổi thọ của con người khởi đầu là tám vạn năm?

Đáp: Người ở thời kiếp sơ căn tánh thấp kém, hành tác có nhiều ngu tối chậm chạp, thuộc chủng loại chất phác không đồng với hạnh của Bồ-tát. Bồ-tát Đại sĩ có oai đức lớn, trong mọi thời gian luôn siêng tu các pháp thiện, nuôi lớn, thành thực. Giả như có chúng sinh căn tánh lạnh lợi, thanh tịnh, gặp được Bồ-tát có oai đức lớn, nhưng cũng không thể phát khởi các pháp thiện vô lậu tối thượng được.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh vào thời sau cùng lúc loài người có tuổi thọ là mười tuổi?

Đáp: Do vào lúc tuổi thọ của loài người còn mười tuổi, tức có rất nhiều nghiệp tội ác, rất nhiều phiền não, nên không đồng với hạnh của Bồ-tát. Thế nên Bồ-tát có oai đức lớn, không sinh vào thời kỳ loài người có tuổi thọ mười tuổi.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát không sinh vào châu Tây Cù-đà-ni?

Đáp: Người ở châu Tây Cù-đà-ni căn tánh thuộc phẩm hạ, việc làm có nhiều ngu độn, thuộc chủng loại chất phác không đồng với hạnh của Bồ-tát. Do Bồ-tát Đại sĩ có oai đức lớn luôn siêng tu các pháp thiện, nuôi lớn, thành thực, nên các quả báo thắng diệu, hiện tiền liền thành. Thế nên Bồ-tát quyết định sinh nơi trung tâm cõi nước lớn. Ở đây giả sử có chúng sinh căn tánh lạnh lợi thanh tịnh, gặp được Bồ-tát đủ oai đức lớn, nhưng cũng không thể phát khởi các pháp thiện vô lậu tối thượng, đó là các pháp Đáo bi ngạn, Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Thanh văn, cùng các căn thiện vô lậu tối thượng khác.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh nơi châu Đông Thắng thân?

Đáp: Như châu Tây Cù-đà-ni, các việc đã nói rộng.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh nơi châu Bắc Câu-lô?

Đáp: Vì người ở châu Bắc Câu-lô căn tánh thuộc phàm hạ, hành tác có nhiều ngu độn, thuộc chủng loại chất phác, theo đây thường tạo các việc gian khó, không đồng với hạnh của Bồ-tát. Bồ-tát Đại sĩ có oai đức lớn, trong mọi thời gian luôn siêng tu pháp thiện, nuôi lớn, thành thực, nên nơi hiện tiền, các quả báo thắng diệu liền thành. Thế nên Bồ-tát quyết định sinh nơi trung tâm của cõi nước lớn. Ở đây giả sử có các chúng sinh lợi căn, thanh tịnh, gặp được Bồ-tát có oai đức lớn, nhưng họ cũng không thể đối với tất cả xứ phát khởi các căn thiện vô lậu tối thượng.

Lại nữa, người ở châu Bắc Câu-lô không có chấp về ngã sở.

Ở đây nên hỏi: Vì sao người ở châu Bắc Câu-lô không có chấp về ngã sở?

Đáp: Là do các chúng sinh đối với cảnh giới được thọ nhận đều là những cảnh giới rộng lớn, rất hợp ý, bình đẳng không sai biệt, nên không có ngã sở.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới?

Đáp: Vì nơi các cõi trời thuộc Dục giới, các chúng Thiên tử ở đây tham đắm cảnh giới, ưa thích phóng dật, không đồng với hạnh của Bồ-tát. Tuy chư Thiên ấy có thể tu tập hành trì một phần ít phạm hạnh, nhưng không thể rộng làm bốn chúng như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, diễn nói rộng khắp về phạm hạnh, khiến các hàng trời, người đều đạt được nhiều lợi ích. Do duyên ấy nên Bồ-tát không sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh vào các cõi trời thuộc Sắc giới?

Đáp: Vì nơi các cõi trời thuộc Sắc giới, tuy các chúng Thiên tử có thể tu trì một phần ít phạm hạnh, nhưng cũng không thể rộng làm bốn chúng, mỗi mỗi chúng đều diễn giảng riêng các phạm hạnh, khiến hàng trời, người đạt được nhiều lợi ích.

Lại nữa, Bồ-tát không ở nơi các cõi trời thuộc Sắc giới, chúng nhập Niết-bàn.

Ở đây nên hỏi: Vì sao nơi các cõi trời thuộc Sắc giới, không nhập Niết-bàn?

Đáp: Nghĩa là tướng vô sắc là xứ chánh thọ, chỉ cần tác ý là chính thức nhập Niết-bàn.

Hỏi: Như các việc vừa nói, đó là tâm bất thiện nhập hay là tâm vô ký nhập?

Đáp: Nên biết, đây nói là tâm vô ký nhập.

Hỏi: Vì sao chư Phật, Thế Tôn trụ thế giáo hóa chúng sinh, nhưng chúng Đại Thanh văn hiện thượng lại nhập Niết-bàn trước, còn Phật thì nhập sau?

Đáp: Do các Thanh văn trong suốt thời gian dài, không gián đoạn, siêng tu các pháp thiện, nuôi lớn, thành thực, nên trong hiện tiền, các quả báo thắng diệu liền thành. Nếu thấy Phật Thế Tôn nhập Niết-bàn thì các Thanh văn kia nơi những thắng báo hiện có tức không thể thành tựu viên mãn. Lại nữa, pháp là như vậy. Hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn hiện có bao nhiêu chúng Đại Thanh văn hiện thượng đều nhập Niết-bàn trước, còn chư Phật nhập sau.

Như đã nói về nhập Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn ở trong địa Bất động của đệ tứ thiên là đã hiện tiền chứng nhập.

Ở đây nên hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn hoặc lại khởi?

Đáp: Nếu có chỗ khởi tức không chỗ nhập.

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai, Thế Tôn nhập Niết-bàn, Thánh thể đã được hóa thiêu nhưng đại y vẫn như cũ, hoặc trong hoặc ngoài đều không hư tổn?

Đáp: Là do oai lực của chư Thiên. Nghĩa là chư Thiên đối với Đức Phật Thế Tôn sinh tâm tin tưởng thanh tịnh chí thành. Lại nữa,

có hai thứ chế ngăn không thiêu đốt: Đó là ngoại thân và tài sản bên ngoài. Nên biết đây đều là thần lực của Phật.

*

*** Môn thứ 5, phần 1: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Hai duyên, hai chúng kia xuất hiện
Thanh văn, ba ngàn đại thiên giới
Đại từ, đại bi hai thứ tâm
Chẳng nghĩ bàn cùng pháp tùy thuận
Hành tác sai biệt ở trong chúng
Như voi chúa trụ cùng địa ngục.*

Hỏi: Vì sao Phật và Chuyển luân Thánh vương đều có đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu, một vị gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn vị kia gọi là Chuyển Luân Thánh vương?

Đáp: Chuyển Luân Thánh vương là do từ xa xưa đã tu nhân tích đức, hành sự rộng lớn và trong thời gian dài thường khởi suy nghĩ: Ta nên hành bố thí rộng khắp, gieo trồng các phước thắng diệu, nuôi lớn tất cả chúng sinh, giữ giới hạnh thanh tịnh, thế gian tối tăm không nơi nương dựa, cứu giúp, ta sẽ cứu độ tất cả.

Còn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác là tùy theo tất cả các pháp thiện đã hành tác, bố thí khắp cho hết cả chúng sinh ở thế gian, phát nguyện rộng lớn, theo như nguyện thực hành, bỏ nhà xuất gia, chứng quả Đẳng chánh giác. Do nhân ấy nên cả Chuyển luân Thánh vương và Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đều có đầy đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu.

Hỏi: Vì sao Đức Phật cùng bậc Duyên giác ở trong một thời không cùng gặp nhau?

Đáp: Các chúng Duyên giác ở trong thời gian dài tu pháp Duyên giác, quả báo thắng diệu hiện tiền liền thành, không còn điều nguyện cầu, đối với pháp tối thượng không tùy thuận hành hóa, cũng không ưa thích gần gũi cung kính chiêm ngưỡng Đức Như Lai. Do nhân ấy Phật cùng Duyên giác không đồng thời xuất hiện.

Hỏi: Vì sao không đồng thời xuất hiện hai vị Chuyển luân Thánh vương?

Đáp: Chuyển luân Thánh vương do từ thời xa xưa đã tu nhân tích đức, hành sự rộng lớn. Nghĩa là trong thời gian dài, luôn siêng tu các pháp thiện, cùng một chiếc lọng vi diệu trùm khắp tất cả, một vị Chuyển luân Thánh vương quán hết thấy chúng sinh theo tướng đồng là một con duy nhất. Một vị Luân vương xuất hiện đồng một cảnh giới, được tôn trọng cúng dường, theo chỗ ứng hợp hành tác tất cả các nghiệp thiện, quả báo của thắng nguyện hiện tiền thành tựu. Do nhân ấy nên hai vị Chuyển luân Thánh vương không đồng thời xuất hiện.

Hỏi: Vì sao hai Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác không cùng thời xuất hiện?

Đáp: Bồ-tát do từ thời xa xưa đã tu nhân tích đức, hành sự rộng lớn. Nghĩa là trong thời gian dài chỉ một thầy dạy, chỉ một loại tu tập, hành tác pháp thiện, theo chỗ hành hóa đồng một giải thoát, chỉ một bậc tôn quý, chỉ một đại trí tạo các nghiệp thiện, nuôi lớn, thành thực, ở trong một thời không có hai quả báo hiện tiền cùng khởi. Đây lại là thế nào? Vì hai cái khó cùng lúc xảy ra. Do nhân ấy nên ở trong một thời, không có hai Đức Phật Như Lai cùng xuất hiện.

Hỏi: Vì sao người nữ không làm Chuyển luân Thánh vương, không thành Đế Thích hay Phạm vương, Ma vương, không chứng quả Bồ-đề Duyên giác, không chứng quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng?

Đáp: Vì các người nữ sức thiện yếu kém, còn người nam thì sự kiến lập các căn lực, sự vui thích, ưa muốn đều thắng thiện, do họ có tâm mong muốn sinh thiện rất mạnh mẽ. Người nữ không có uy lực mạnh, đều là nhân nơi nghiệp thiện của người nam để làm.

Lại nữa, người nữ không có nhiều hạng thuộc lợi căn, chỉ nhờ vào sức thiện của người nam mới thành. Lại, sức thiện của người nam luôn tăng thượng tốt bậc, nên có thể đạt được lợi căn nơi thắng nghiệp. Do nhân như thế nên người nữ không làm Chuyển luân Thánh vương, không thành Đế thích, Phạm vương, Ma vương, không chứng được Bồ-đề Duyên giác, không thể chứng quả Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng.

Hỏi: Vì sao chư Phật Thế Tôn có đầy đủ trí vô biên, đầy đủ tuệ vô biên và đầy đủ biện tài vô biên?

Đáp: Vì Bồ-tát trong thời gian dài đối với ba thứ tuệ đó luôn gần gũi tu tập, hành tác rộng khắp. Nghĩa là đối với ba tuệ do Văn, Tư, Tu tạo thành luôn siêng gắng tu tập tăng thượng mạnh mẽ. Do nhân như thế nên chư Phật Thế Tôn có đủ trí tuệ vô biên, biện tài vô biên.

Hỏi: Vì sao chư Phật Thế Tôn phát ra âm thanh vi diệu thanh tịnh, khiến khắp Tam thiên đại thiên thế giới đều nghe, đều khiến hiểu rõ?

Đáp: Do Phật Thế Tôn thành đạo chưa lâu đã trụ nơi cảnh giới phạm hạnh thanh tịnh, khiến tất cả những ai thường gần gũi được nghe liền giải thoát.

Tụng nêu:

*An trụ trong chánh giáo chư Phật
Phát khởi tinh tấn cầu xuất ly
Quân sức lớn phá tan sinh tử
Cũng như voi mạnh nơi nhà cỏ.*

*Nay chánh pháp luật thanh tịnh này
Tâm không phóng dật hành tác thiện
Tức hay đoạn dứt vòng sinh tử
Nên hết biên vực tất cả khổ.*

Câu tụng như thế, nơi mỗi mỗi thế giới, mỗi mỗi chúng sinh đều được nghe khắp, hiểu rõ phân minh. Đó là diệu âm thanh tịnh của Như Lai nơi Tam thiên đại thiên thế giới đều nghe khắp.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 4

*** Môn thứ 5, phần 2: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Trong Luận có hỏi: Do nhân duyên nào để có thể nhận biết rõ Đức Thế Tôn Chánh Giác, đối với các chúng sinh có tâm đại bi vượt hơn tất cả?

Đáp: Đức Thế Tôn vì thấy chúng sinh ở thế gian đều bị bệnh nhiễm phiền não, bị phiền não bức bách, bị vô số thứ phiền não gây tổn hại, không ai cứu giúp, không chốn quay về, không nơi hướng đến v.v... Do nhân duyên như thế nên Đức Thế Tôn sau khi thành bậc Chánh Giác không lâu, liền vì các chúng sinh hành hóa cứu độ. Vì thế nên nói tâm đại bi của Đức Thế Tôn vượt hơn tất cả.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát nhập định tâm từ, thân của Bồ-tát lửa không thể đốt cháy, nước không thể nhận chìm, đao gây không thể gây thương tổn, các thứ độc không thể hại, lại ở trong khoảng ấy không hướng diệt?

Đáp: Là do định không nào hại nên không có đối tượng nhập định, không có cả sự không nào hại kia nên mọi tiếp xúc cũng không, tâm không đồng phần hướng diệt. Do nhân duyên như thế nên Bồ-tát khi nhập định tâm từ, các thứ nước, lửa, đao, gậy, chất độc không thể hại, lại cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt.

Hỏi: Do đâu khi nhập định vô tướng và định diệt tận thì các thứ nước, lửa, đao, gậy, chất độc không thể hại, lại cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Là do định không nào hại nên không có đối tượng để nhập định, cũng không có sự tiếp xúc của sự việc không nào hại, không có tâm hướng diệt. Do nhân ấy nên có các việc như vậy.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát còn trong thai mẹ, nhưng mẹ của Bồ-tát không bị nước, lửa, đao, gậy, chất độc gây não hại, cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Là do oai lực lớn của Bồ-tát. Do lực thắng diệu của Bồ-tát nên khiến mẹ của Bồ-tát không có các thứ nào hại.

Hỏi: Do đâu thân của Bồ-tát không bị các thứ nước, lửa, đao, gậy, chất độc nào hại, cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Vì đối với tất cả chúng sinh Bồ-tát là tối thắng, đối với những bậc cùng loại cũng lại là tối thắng.

Hỏi: Vì sao thân của Diệm-ma vương cũng không bị nước, lửa, đao, gậy, chất độc nào hại, cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Vì Diệm-ma vương đối với loại chúng sinh thuộc cõi Diệm-ma là hơn hết. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao thân của voi chúa Ái-la-phước-noa và voi chúa Thiện Trụ không bị nước, lửa, đao, gậy, chất độc nào hại, cũng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Do các voi đó ở trong loài bàng sinh (súc sinh) là hơn hết. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao các loài chúng sinh bị đọa trong địa ngục chịu khổ sở vô cùng, nhưng không ở trong khoảng ấy hướng diệt?

Đáp: Đó là nghiệp báo thiêu đốt, do nghiệp báo của khổ thọ chưa hết. Vì nhân ấy nên có các việc như thế.

*

*** Môn thứ 6: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Lại nữa, một thời Đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ, Ngài bảo chúng Bí-sô: Bí-sô nên biết! Có ba pháp, gọi là cấu nhiễm bên trong, là thứ chứa giấu bên trong và oán ác bên trong. Những gì là ba pháp? Đó là tham, sân, si.

Này các Bí-sô! Ở đây vì sao gọi tham, sân, si là cấu nhiễm bên trong, là thứ chứa giấu bên trong và oán ác bên trong? Nghĩa là như có người cùng bạn xấu làm các việc như xâm đoạt vật thọ dụng của người khác, tạo các loại việc ác khác v.v... cho đến hại mạng. Là do tâm tham ái của người đó tăng mạnh, nên cả thân khẩu ý đều hành khắp các ác. Do nhân duyên đó nên sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo ác sinh trong địa ngục.

Đối với sân, si cũng như vậy.

Này các Bí-sô! Vì thế nên ba pháp tham, sân, si gọi là sự cấu nhiễm bên trong, là thứ chứa giấu bên trong và oán ác bên trong.

Đức Thế Tôn, Thiện Thệ giảng nói như thế xong, nhằm tóm lược chung nên nói kệ:

*1. Không thể biết rõ pháp tham ái
Nơi pháp tham ái không quán đúng
Người đó cùng tham ái kết hợp
Người ấy tức vào xứ tối tăm.
Người tham nhiễm không có nghĩa lợi
Do tâm tham nhiễm sinh ái chấp
Trung gian sinh khởi tâm lo sợ
Nên biết kẻ ấy chẳng hiểu rõ.*

Nếu có thể đoạn trừ tham ái
 Người ấy bụi ái không thể nhiễm
 Do tham ái khi không chuyển lay
 Như hoa sen không trụ nơi nước.

2. Không thể biết rõ pháp giận dữ
 Nơi pháp giận dữ không quán đúng
 Người ấy cùng giận dữ kết hợp
 Kẻ ấy tức vào xứ tối tăm.
 Người giận dữ không có nghĩa lợi
 Do tâm giận dữ sinh lỗi lầm
 Trung gian sinh khởi tâm lo sợ
 Nên biết kẻ ấy chẳng hiểu rõ.
 Nếu có thể đoạn trừ giận dữ
 Tức nơi cảnh giận không sinh giận
 Do pháp giận ấy khi trừ hết
 Như quả chín kia tự rơi rụng.

3. Không thể biết rõ pháp si ám
 Nơi pháp si ám không quán đúng
 Kẻ ấy cùng si ám kết hợp
 Người đó tức vào xứ tối tăm.
 Người si ám không có nghĩa lợi
 Do tâm si ám nên mê lầm
 Trung gian sinh khởi tâm lo sợ
 Nên biết kẻ ấy chẳng hiểu rõ.
 Nếu có thể đoạn trừ si ám
 Không bị cảnh si khiến si mê
 Pháp si ám kia lúc phá trừ
 Như ánh mặt trời xua bóng tối.

4. Nếu nhận biết rõ ba pháp ấy
 Quyết định không đọa nơi nẻo ác

*Như chặt Đa-la, lồi cây lớn
 Chặt đứt rồi không còn sống lại.
 Thế nên ba pháp tham, sân, si
 Đều nên lià chấp cùng đoạn dứt
 Người tu khi phát sinh tuệ sáng
 Tức đoạn trừ hết biên vực khổ.*

Hỏi: Do đâu có người tham tột bậc?

Đáp: Nghĩa là như có người luôn gằn gữ hành tác căn bất thiện tham. Đối với căn thiện không tham lại không gằn gữ hành tác tu tập. Đối với các tướng dục, nhân dục, tầm dục, thì luôn gằn gữ hành tác. Đối với các tướng xuất ly, nhân xuất ly, tầm xuất ly, thì không thể hành tác tu tập. Đối với các vật thọ dụng đẹp đẽ ở thế gian do tâm ái chấp nên siêng hành tạo tác. Đối với các vật thọ dụng không đẹp đẽ ở thế gian thì không siêng hành tập, thực hiện. Đối với các pháp thiện là chỗ nên làm lại không làm, không biết tư duy, không hành trì Tam-ma-địa, không thể phòng hộ nghiêm ngặt các căn, ăn uống không biết lượng định, đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ để làm các việc ác, không tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, luôn hành tác ý không như lý. Những người như thế gọi là kẻ tham ái tột bậc.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức sẽ sinh làm những kẻ ca xướng, múa hát, vui đùa, và làm người nữ. Giả như được sinh lên cõi trời thì sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có những người giận dữ tột bậc?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với căn bất thiện giận luôn gằn gữ hành tác. Đối với căn thiện không giận lại không gằn gữ hành tác tu tập. Đối với các tướng giận, nhân giận, tầm giận luôn gằn gữ hành tập tạo tác. Đối với các tướng không giận, nhân

không giận, tâm không giận thì không thể hành tác tu tập. Đối với nơi chốn không nên giận dữ thì siêng hành tác gây tạo. Đối với Tam-ma-địa tâm từ thì không thể hành trì. Nơi các việc sát hại thì siêng hành tạo, còn nơi các việc không giết hại thì không hề quan tâm hay làm theo. Không phòng hộ các căn môn ẩn mất. Ăn uống không biết định lượng. Đầu hôm cuối đêm luôn không ngủ nghỉ để làm việc ác. Không tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, luôn hành tác ý không như lý. Những người như thế gọi là những kẻ giận dữ tội bậc.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức sẽ sinh làm các loài ong, mọt, loài sâu ba mắt, loài trùng trăm chân v.v... Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người si ám tội bậc?

Đáp: Nghĩa là như có người ở trong căn bất thiện si luôn gần gũi hành tác. Đối với căn thiện không si lại không gần gũi hành tác tu tập. Đối với các tướng hại, nhân hại, tâm hại, luôn gần gũi hành tập tạo tác. Còn đối với các tướng không hại, nhân không hại, tâm không hại thì không thể tu hành kiến lập. Nơi các thứ kiến chấp thì thường hành tập gây tạo, đến như các điều quái dị, các sự việc bất tường v.v... cũng lại hành tác. Do duyên như thế nên nội tâm không thể suy xét tìm hiểu về pháp duyên sinh, không thể quán đúng về các hành vô thường sinh diệt của năm thủ uẩn. Đó là pháp này là sắc tạo thành, là sắc tụ tập, là sắc đã hoại diệt. Như thế, pháp này là thọ, tướng, hành, thức tạo thành, là thọ tướng hành thức tụ tập, và từ thọ tướng hành thức diệt mất. Người này đối với các căn môn ẩn mất không thể giữ gìn. Ăn uống không biết định lượng, đầu hôm cuối đêm luôn không ngủ nghỉ để làm ác, không hề tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, luôn hành tác ý không như lý. Những người như thế gọi là kẻ si ám tội bậc.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức sẽ sinh nơi các loài voi, ngựa, lạc đà, lừa, dê, nai, bò, heo v.v... Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là người hoàn toàn không tham?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với căn thiện không tham thường gần gũi tu tập, không hề hành tác căn bất thiện tham. Nơi các tướng xuất ly, nhân xuất ly, tầm xuất ly luôn hành tác tu tập kiến lập, không hề hành theo các tướng dục, nhân dục, tầm dục. Đối với các thứ thọ dụng không đẹp đẽ của thế gian thì siêng năng hành tác, gây dựng, trái lại không hề quan tâm đến các thứ thọ dụng đẹp đẽ. Nơi các pháp bất thiện luôn tư duy, siêng tu pháp Tam-ma-địa, trừ bỏ các pháp bất thiện, lúc nào cũng phòng hộ các căn môn ẩn mất, ăn uống biết định lượng, đầu hôm cuối đêm không ngủ nghỉ để tu pháp thiện, hành tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, luôn hành tác ý như lý, liả bỏ tác ý không như lý. Những người như thế gọi là kẻ hoàn toàn không tham.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm những Tiên nhân, những vị xuất gia, những bậc Trưởng giả, hoặc được sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là người hoàn toàn không giận dữ?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với căn thiện không giận luôn gần gũi tu tập, không hề hành tác theo căn bất thiện giận. Nơi các tướng không giận, nhân không giận, tầm không giận luôn gần gũi hành tác tu tập kiến lập, xa liả các tướng giận, nhân giận, tầm giận, lại tu tập hành Tam-ma-địa tâm từ. Nơi các xứ không nên khởi giận dữ, chẳng bao giờ làm, siêng tu pháp bất hại, trừ bỏ các pháp gây tổn hại, khéo phòng hộ các căn môn ẩn mất, ăn uống luôn biết lượng định, đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ để tu pháp thiện, hành tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, tác ý như lý, loại trừ các

tác ý không như lý. Những người như thế gọi là kẻ hoàn toàn không giận dữ.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm những Tiên nhân, các vị xuất gia, những bậc Trưởng giả, hoặc được sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là người hoàn toàn không si ám?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với căn thiện không si luôn gần gũi tu tập, độc sức trừ bỏ căn bất thiện si ám ngu tối. Nơi các tướng không hại, nhân không hại, tầm không hại thường gần gũi hành tác kiến lập tu tập. Đối với các thứ kiến chấp, các điều quái dị, các sự việc bất tường không hề tùy thuận. Do duyên đó nên nội tâm luôn tìm xét về pháp môn duyên sinh, quán đúng về các hành vô thường sinh diệt của năm thủ uẩn. Đó là pháp này là sắc tạo thành, là sắc đã tụ tập, từ sắc diệt mất. Như thế pháp này là thọ tướng hành thức tạo thành, là thọ tướng hành thức đã tụ tập, từ nơi bốn uẩn hoại diệt. Người này khéo phòng hộ các căn môn ẩn mất, ăn uống luôn biết lượng định, đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ để tu pháp thiện, hành tập pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, hành theo tác ý như lý. Những người như thế gọi là kẻ hoàn toàn không si ám.

Đến khi hoại diệt thì sẽ như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm các vị Tiên nhân, những người xuất gia, những bậc Trưởng giả, hoặc được sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới.

Do nhân ấy nên có các việc như thế.

*

*** Môn thứ 7, phần 1: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Đời trước, khí uế và chắc nặng
Khí uế nơi gió thổi tan nhanh*

*Thở ra vào kết hợp sung mãn
Ngày đêm cá rùa trong đất liền.*

Như Đức Phật đã giảng nói: Phật bảo các Bí-sô: Các Bí-sô không thể nhận biết rõ về đời trước đều nhân nơi hai pháp hữu và ái. Ở trong đời trước, nếu không có hữu, ái, tức đời sau không thể sinh khởi. Nếu người có thể nhận biết rõ pháp như thế, liền tự tư duy về các pháp đời sau, hữu ái làm duyên, chẳng biết rõ là có tương tục hay không tương ung?

Hoặc có người đáp: Đây là không tương tục? Vì sao? Nghĩa là do không nhận biết rõ. Ở trong vô minh, các loài chúng sinh khởi suy nghĩ: Ta nơi đời quá khứ, là có hay là không? Nếu ở đời quá khứ là có, đây tức là thường. Nếu ở đời quá khứ là không, đây tức là đoạn.

Lại, các hành hoặc có nhân chăng? Nếu các hành kia trước đây có nhân, hoặc cũng các hành đó nhưng trước đây không có nhân. Thế nên nếu có thể nhận biết rõ đời trước, tức các hành xưa nay không có nhân.

Hỏi: Do đâu người chưa lìa dục sau khi hưởng diệt lúc dùng lửa hỏa táng thì có khí ứ tạp bay lên phủ lấp khắp nơi. Người đã lìa dục sau khi mạng chung dùng lửa hỏa táng không có khí ứ tạp bay lên phủ lấp khắp nơi?

Đáp: Người chưa lìa dục do trong thân còn tinh huyết bất tịnh tan chảy ra. Do tan chảy ra nên khi hỏa táng thân xác, gió thổi mang khí ứ tạp phủ lấp khắp nơi, khiến chư Thiên có oai lực lớn không vui vẻ mạnh dạn đến cúng dường. Vì sao? Vì khí ứ tạp chưa tan. Người đã lìa dục, sau khi mạng chung, thân xác không còn tinh huyết bất tịnh tan chảy nữa. Vì không tan chảy nên khi hỏa táng thân xác không có khí ứ tạp, thế nên chư Thiên có oai lực lớn đều vui vẻ đến cúng dường. Vì sao? Là vì không có khí ứ tạp.

Hỏi: Do đâu người chưa lìa dục sau khi mạng chung thân thể lại chắc nặng, không thuận hợp nhẹ nhàng. Người đã lìa dục sau khi mạng chung thân thể điều hòa, mềm mại, không cứng chắc, nặng nề?

Đáp: Là do người chưa lìa dục sau khi mạng chung gió bên trên thổi mạnh nhập trong thân xác, thế nên cứng, nặng, không mềm, nhẹ. Người đã lìa dục sau khi mạng chung thì ngăn giữ gió bên ngoài, nên thân được điều hòa, mềm mại, không cứng chắc, nặng nề. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 5

*** Môn thứ 7, phần 2: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Hỏi: Do đâu người chưa lìa dục, sau khi mạng chung gió bên trên thổi mạnh nhập vào thân. Người đã lìa dục sau khi qua đời không có gió bên trên thổi mạnh nhập vào thân?

Đáp: Người chưa lìa dục sau khi mạng chung tâm bên ngoài sinh khởi, trụ chấp, dong ruổi, gió thổi khiến mắt mở ra, tâm trí hiện bày khắp, gió ấy thổi mãi không dừng, thế nên nói gió bên trên thổi mạnh nhập vào thân người ấy. Người lìa dục sau khi mạng chung không sinh khởi tâm bên ngoài, trụ chấp, dong ruổi, nên không có gió thổi, mắt không mở nhắm, tâm không hiện bày khắp, nên gió kia liền ngưng, vì thế không có gió bên trên thổi mạnh nhập vào thân người ấy. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi con người còn sống thân thể nhẹ, mềm, lại thuận hợp, nhưng khi thân mạng đã diệt thì thân thể cứng, nặng, lại không thuận hợp?

Đáp: Do thân xác khi mạng chung, phần vị ở nơi biên vực, hai giới lửa và gió đều đã diệt, thế nên thân thể nặng, cứng, không thuận hợp. Còn khi đang sống, phần vị ở nơi trung gian, hai giới lửa và gió chưa mất, thế nên thân thể nhẹ, mềm, lại thuận hợp. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi con người còn sống hiện trụ nơi thế gian thì ăn uống tiêu hóa, nhưng khi đã qua đời thì thức ăn uống không tiêu hóa?

Đáp: Khi con người đang sống hiện trụ nơi thế gian, phần vị ở nơi trung gian, các giới lửa, nước, gió đều chưa mất, do giới nước lưu thông, thấm nhuần, giới lửa nung nóng, giới gió thổi động xô đẩy, cho nên các thức ăn uống đưa vào đều được tiêu hóa. Người ấy lúc qua đời, phần vị ở nơi biên vực, các giới lửa, nước, gió đều mất, nên thức ăn uống đưa vào, nước không lưu thông, thấm nhuần, lửa không nung nóng, gió không thổi động, nên chúng không thể tiêu hóa. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi con người còn sống hiện trụ nơi thế gian, thân không có khí uế tạp. Nhưng khi đã qua đời thì khí uế tạp hiện ra đầy ắp?

Đáp: Khi con người còn sống hiện trụ nơi thế gian, phần vị ở nơi trung gian, hai giới lửa và gió không mất, xuôi theo giới nước được tràn đầy, thế nên thân ấy không có các thứ khí uế tạp. Khi đã mạng chung, phần vị ở nơi biên vực, hai giới lửa và gió đều mất, không xuôi theo giới nước để được tràn đầy, thế nên nơi thân liền có khí uế tạp. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi con người còn sống hiện trụ nơi thế gian, thở ra hít vào luôn tùy chuyển. Nhưng khi qua đời, sự việc không còn như thế?

Đáp: Khi con người còn sống hiện trụ nơi thế gian, do luôn tư duy để hiểu biết, cần phải nương dựa nơi tư duy, phải hít vào thở ra thay nhau. Khi đã mạng chung không còn tư duy nữa, nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu loài chim cú ban đêm thấy, ban ngày không thấy?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của loài chim cú ấy có dạng màu đỏ, đêm về không bị ngăn, ban ngày thì bị ngăn che, vì thế ban đêm thì thấy, ban ngày không thấy.

Hỏi: Do đâu con người có thể thấy nơi ban ngày, còn ban đêm không thấy?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của con người hình dạng màu đen, ban ngày không bị chướng ngại, chỉ bị ngăn che vào ban đêm, thế nên ban ngày thì thấy, ban đêm không thấy.

Hỏi: Do đâu các loài chó, ngựa, ban đêm có thể thấy và ban ngày cũng thấy?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của các loài chó, ngựa có màu vàng, nên đêm ngày đều không bị ngăn ngại, thế nên cả ngày lẫn đêm đều có thể thấy.

Hỏi: Do đâu loài cá thấy được trong nước, còn lên cạn thì không thấy?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của loài cá bị ghèn và nước mắt che lấp, ở trong nước không bị trở ngại, khi lên cạn mới bị ngăn che, thế nên ở trong nước thì thấy, lên bờ thì không thấy.

Hỏi: Do đâu hai mắt của con người, nơi đất liền không bị chướng ngại, còn ở trong nước thì bị trở ngại?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của con người do bọt nước tạo nên, vì thế ở trên cạn không bị trở ngại, còn ở trong nước thì bị chướng ngại.

Hỏi: Do đâu các loài rùa, ba ba, tôm, cua, ếch, nhái, đĩa nước v.v... ở trong nước hay trên cạn đều thấy?

Đáp: Do đồng tử trong mắt của các loài nói trên do xương tạo thành, nên ở trong nước hay ở trên cạn đều không bị chướng ngại, do đó đều thấy.

*** Môn thứ 8: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Ngủ nghỉ, bạo ác và trạo cử
Nhiều lời nói năng và ám động
Niệm tuệ nhưng phiền não lại tăng
Không được lợi hơn nơi thiền định.*

Hỏi: Vì sao nơi thế gian có người ngủ nghỉ nhiều?

Đáp: Nghĩa là như có người luôn gần gũi hành tập nhiều nơi sự ngủ nghỉ. Người ngủ nghỉ nhiều đối với pháp sáng tỏ không thích gần gũi hành tác. Người ấy mạng chung nên nói như thế nào? Tức họ sẽ sinh nơi các loài trần, rấn, rồng v.v... Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao lại có người ít ngủ nghỉ?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với pháp ánh sáng luôn tạo tướng sáng tỏ lại thường gần gũi hành tập. Đối với các pháp hôn trầm ham ngủ nghỉ không thích gần gũi tạo tác. Người đó hoại diệt rồi nên nói như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm các bậc Tiên nhân, những vị xuất gia, các vị Trưởng giả, hoặc được sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới, Vô sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người bạo ác?

Đáp: Nghĩa là như có người luôn quen cầm nắm sử dụng các thứ, đao gậy binh khí hành bạo ác với mọi người, không thể gần gũi giao tiếp với người không bạo ác, không sử dụng các thứ đao gậy vũ khí. Người đó mạng chung nên nói như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm kẻ đồ tể giết mổ trâu, dê, kẻ làm nem chả, kẻ săn bắt giăng lưới, kẻ huấn luyện voi ngựa, kẻ lo việc công cùm trói cột, những kẻ không tuân theo luật pháp. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người không bạo ác?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gần gũi hành tập không ưa sử dụng các loại đao gậy binh khí, không hành bạo ác với mọi người, những sự việc ác, dữ không hề gần gũi hành tác. Người này mạng diệt nên nói như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm các bậc Tiên nhân, các vị xuất gia, các vị Trưởng giả, hoặc được sinh nơi cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như vậy.

Hỏi: Do đâu có người trạo cử (lay động không yên)?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gần gũi hành tập nhiều nơi sự trạo cử, không thể gần gũi hành tác các pháp yên lặng, thôi dứt. Người đó qua đời nên nói như thế nào? Tức họ sẽ sinh làm những kẻ ca múa, hát xướng, vui đùa, hoặc sinh lên các cõi trời thuộc Dục giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người không trạo cử?

Đáp: Nghĩa là như có người thường ưa gần gũi hành tập các pháp vắng lặng, yên tĩnh, ngưng dứt, không thích gần gũi các thứ náo động, không yên. Người ấy đến khi hoại diệt nên nói như thế nào? Tức sẽ sinh làm các bậc Tiên nhân, những vị xuất gia, các vị Trưởng giả, hoặc được sinh nơi các cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người lắm lưỡi nhiều lời?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gần gũi hành tập với kẻ nói nhiều, không thể gần gũi hành tác với những người thận trọng, ít nói. Người này đến khi hoại diệt nên nói như thế nào? Tức sẽ sinh nơi các loài chim bay như anh vũ, cò vạc, le le, Câu-chỉ-la, yến, nhạn v.v... Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người không lắm lưỡi nhiều lời?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gần gũi hành tập với người điềm đạm, ít nói, không ưa thích gần gũi giao tiếp với kẻ nói nhiều. Người ấy đến khi hoại diệt nên nói như thế nào? Tức sẽ sinh làm các bậc Tiên nhân, các vị xuất gia, các vị Trưởng giả v.v..., và được sinh nơi các cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người ám độn?

Đáp: Nghĩa là như có người không thể gần gũi hành tập với những bậc đa văn, hiểu học, không dùng các thứ ngôn ngữ của phương xứ để nêu giảng, giải thích nghĩa lý. Người ấy đến khi hoại diệt nên nói như thế nào? Tức sẽ sinh làm. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người không ám độn?

Đáp: Nghĩa là như có người thường hay gần gũi giao tiếp hành tập với những bậc đa văn, hiểu biết rộng, không ưa gần gũi hành tác với kẻ ít học, ít hiểu biết. Lại có thể dùng các ngôn ngữ của nhiều phương xứ để nêu giảng, giải thích các nghĩa lý. Người này cho đến khi hoại diệt sẽ sinh làm những người khéo giảng nói pháp trong hàng Bà-la-môn, hoặc Sa-môn v.v... Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Lại nữa, nên biết những người ít nói (có hiểu biết) có hai loại: Đó là kẻ thấp hèn và người tôn quý.

Thế nào là kẻ thấp hèn ít nói? Nghĩa là như có người tuy là nghèo hèn, nhưng do có trí, nên luôn có thể nương dựa nơi cha mẹ, sư trưởng có danh tiếng tôn quý, cùng các người có trí khác, nên tuy là kẻ thấp hèn nhưng có thể ít nói.

Thế nào là người tôn quý ít nói? Nghĩa là như có người bản tánh cao quý, lại có trí, thường có thể nương dựa nơi cha mẹ, sư

trường có danh tiếng tôn quý, cùng những bậc có trí khác, cho nên gọi là người tôn quý ít nói.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người có hành, không có tuệ?

Đáp: Nghĩa là như có người luôn tìm cầu học hỏi chánh pháp tâm không hề chán đủ, nhưng đối với các nghĩa lý sâu xa thì không thể suy xét, tìm hiểu. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người có tuệ, không có hành?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với nghĩa lý sâu xa của các pháp có thể suy xét tìm hiểu kỹ, đúng, nhưng đối với chánh pháp không thể tìm học nhiều, chỉ được một ít đã cho là đủ. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người không có tuệ, cũng không có hành?

Đáp: Nghĩa là như có người không thể cầu học nhiều nơi chánh pháp, lại đối với nghĩa lý sâu xa của các pháp cũng không thể suy xét tìm hiểu. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người có hành và có tuệ?

Đáp: Nghĩa là như có người thường cầu học chánh pháp, lại có thể quán xét tìm hiểu nghĩa lý sâu xa của các pháp. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có thể giữ vững chánh pháp?

Đáp: Nghĩa là như có người thường có thể nương dựa nơi hành tướng của các pháp, đối với mười hai xứ pháp luôn khéo thâm nhận giữ gìn. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người mất niệm?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các pháp bất thiện luôn chứa nhóm tùy duyên, gần gũi hành tác, tạo nhiều hành xấu ác.

Người này sau khi mạng chung bị đọa vào nẻo ác, sinh trong địa ngục. Khi đã hết kiếp ở địa ngục, giả như muốn được sinh trở lại nơi đồng phận của loài người, được làm người thì tuổi thọ ngắn ngủi, chết yếu, lại sinh làm người thì trí nhớ rất kém, luôn bị quên mất. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người ghi nhớ nhiều?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các pháp thiện luôn tích tụ tùy chuyển, luôn gìn giữ hành tập, rộng tạo các hành thiện. Người này sau khi mạng chung được sinh vào các nẻo thiện, ở trên cõi trời. Khi thọ mạng nơi cõi trời đã hết, nếu muốn sinh trở lại nơi đồng phận của loài người, tức được làm người có tuổi thọ lâu dài, mạng chung, được sinh trở lại làm người thì có trí nhớ rất tốt, nhớ lâu, nhớ nhiều. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người bị phiền não quá sâu dày?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các tướng dục, sân, hại, đối với các nhân dục, sân, hại, cùng các tầm dục, sân, hại luôn gìn giữ hành tác, nên ở trong chỗ phiền não sâu dày tùy thuận hợp chuyển. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người không bị phiền não quá sâu dày?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các tướng xuất ly, không sân, không hại, đối với các nhân xuất ly, không sân, không hại, cùng các tầm xuất ly, không sân, không hại luôn gìn giữ hành tập tạo tác, nên đối với các phiền não sâu dày không tùy thuận hợp chuyển. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người không thể nhanh chóng thành tựu hai pháp thiện thiền định, nhẫn nhục?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các nghĩa quyết định về hành tướng của các pháp không khéo thâm nhận, hành trì. Do nhân ấy

nên không thể nhanh chóng thành tựu hai thứ pháp thiện thiên định, nhân nhục.

Hỏi: Do đâu nơi thế gian có người thành tựu nhanh chóng hai pháp thiện thiên định, nhân nhục?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với nghĩa quyết định về hành tướng của các pháp có thể khéo thâm nhận, hành trì. Do nhân ấy nên có thể thành tựu nhanh chóng hai pháp thiện thiên định, nhân nhục.

*

*** Môn thứ 9, phần 1: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Tu-di, đại địa cùng phương xứ
Núi có nhiều cây cỏ mọc khắp
Nhiều cây cùng rất nhiều cành lá
Hoa quả được mùa và tốt tươi.*

Hỏi: Do đâu trong tất cả các núi, núi chúa Tu-di là tối cao tối thắng?

Đáp: Lúc thế giới mới thành lập, núi Tu-di ấy có địa giới tối thượng, chỗ ở, đường đi tối thượng, thù diệu tối thượng, chu vi tối thượng, tụ hợp chung nhiều phương xứ mà thành núi này. Do nhân ấy nên núi chúa Tu-di là tối cao tối thắng.

Hỏi: Do đâu nơi địa giới phương Bắc có nhiều cây cỏ nhất?

Đáp: Khi thế giới mới thành, gió thổi về mặt phía Bắc, nên địa giới ở đó là hơn hết, chỗ ở, đường đi là hơn hết, thù diệu hơn hết, tụ hợp chung các nơi chốn. Do nhân ấy nên phương Bắc có nhiều cây cỏ nhất.

Hỏi: Do đâu ở trong đại địa có chỗ đất cao, có nơi đất thấp?

Đáp: Trong đại địa này có một loại địa phương đất đai cao vọt, ít nhận được nước mưa, vì nước mưa chảy tràn xuống vùng trũng phá hoại ở dưới thấp, nên đất ở đây thấp.

Lại, nơi đại địa này có một loại địa phương dưới mặt đất có nhiều vật báu như sắt, đồng, bạch lạp, hắc lạp, vàng, bạc v.v... cùng các vật cứng rắn khác nằm sâu trong đất. Tuy có trời mưa xối nước xuống, nhưng chỉ phá hoại phần dưới, nên đất ở đây cao lên. Do các nhân ấy nên nơi đại địa có những chỗ đất cao hoặc thấp.

Hỏi: Do đâu trong số các núi, có loại núi cao, có loại núi thấp?

Đáp: Nghĩa là khi thế giới mới thành lập, có gió thổi rất mạnh làm tung đại chủng địa, rồi tụ hợp chung lại thành đồng cao thành núi cao. Nếu gió thổi nhẹ thì chỉ tung ít địa chủng, gom tụ ít đất, nên thành đồng nhỏ, đó là các núi thấp. Lại nữa, các nơi có núi cao vọt ít nhận được nước mưa, vì nước mưa chảy tràn xuống phá hủy các nơi thấp, nên núi ở đây thấp. Lại có một loại núi trong ấy có nhiều vật báu như sắt, đồng, sáp trắng, sáp đen, vàng bạc và các vật cứng rắn khác nằm sâu trong đất, dưới núi. Tuy trời mưa xối nước xuống, nhưng đất ở đó không bị phá hủy, nên núi đó cao. Do các nhân ấy nên các phương xứ nơi đại địa núi có cao, thấp.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 6

*** Môn thứ 9, phần 2: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Hỏi: Do đâu có loại núi có nhiều cây cỏ, có loại núi có ít cây cỏ?

Đáp: Nghĩa là có một loại núi phía dưới có Long cung, nên có nhiều cây cỏ. Có một loại núi phía dưới không có Long cung, nên cây cỏ thưa ít.

Lại nữa, có loại núi là vùng đất cao vọt nên cây cỏ rậm rạp. Lại có loại núi có chứa nhiều vật báu như vàng, bạc, đồng, sắt, đất đỏ, đất trắng ẩn sâu dưới núi, nên cây cỏ thưa ít. Lại có loại núi bên dưới có trụ xứ của địa ngục riêng biệt, nên ít cây cỏ. Có loại núi bên dưới không có trụ xứ của địa ngục riêng biệt, nên có nhiều cây cỏ. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại cây hình dạng to lớn, có loại cây hình dạng không to lớn?

Đáp: Nghĩa là có địa phương địa giới ấm áp, thủy giới tăng nhiều, hỏa giới điều hòa, phong giới bình yên, cho nên có cây cối rất to. Còn có địa phương địa giới không ấm áp, thủy giới không tăng nhiều, hỏa giới không điều hòa, phong giới không bình yên, nên cây cối không to lớn. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại cây lá rất lớn, còn có loại cây thì lá nhỏ?

Đáp: Nghĩa là có loại cây nơi địa giới âm áp, thủy giới dồi dào, hỏa giới điều hòa, phong giới bình yên, nên lá cây to. Còn loại cây kia vì địa giới không âm áp, thủy giới không tăng nhiều, hỏa giới không điều hòa, phong giới không bình yên, nên lá cây không to. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại cây hoa tươi tốt, còn có loại cây không có hoa?

Đáp: Nghĩa là có một loại cây thù diệu cao vút, nên có nhiều hoa tươi tốt. Còn loại cây kia hình dạng không thù diệu, lại không cao vút, nên không có hoa. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại cây có quả hạt, còn có loại cây không có quả hạt?

Đáp: Nghĩa là một loại cây có vị giới (mùi vị) tăng mạnh dồi dào, nên có quả hạt. Còn loại cây kia do vị giới không tăng mạnh, nên không có quả hạt. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại cây có hoa rất thơm, còn có loại cây hoa không có hương thơm?

Đáp: Nghĩa là do có một loại hoa hình dáng vốn thù diệu, không bị sức nóng tổn hại, nên có mùi thơm thượng diệu. Còn một loại hoa hình dáng vốn không thù diệu, lại bị sức nóng tổn hại, nên không có hương thơm. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại quả đầy đủ vị ngon, còn có loại quả không có vị?

Đáp: Nghĩa là có loại quả, vị của nó bị sức nóng tổn hại, nên quả không có vị. Có loại quả, vị của nó không bị sức nóng tổn hại, nên quả có vị. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Các thứ sắc, hương của những hoa quả khác hoặc có, hoặc không, cũng như thế.

*

*** Môn thứ 10: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Phật Thế Tôn cùng chúng Thanh văn
Hóa nhân, ăn uống, bốn đại chủng
Ẩn mật, khói và lửa cháy sáng
Sau cùng, như không, không biểu hiện.*

Hỏi: Do đâu Đức Phật - Thế Tôn khéo có thể biến hóa? Người do Phật hóa hiện có hình sắc đẹp đẽ, ai cũng thích nhìn, có đủ tướng của bậc Đại nhân trang nghiêm nơi thân. Khi Phật nói năng, hóa nhân liền im lặng, nếu hóa nhân nói năng thì Phật liền im lặng. Hàng đệ tử Thanh văn của Phật cũng có thể biến hóa. Người được hóa hiện sắc tướng đoan nghiêm, cạo đầu, mặc cà sa, có hình tướng Sa-môn. Vì sao khi người biến hóa nói năng thì hóa nhân kia cũng nói năng, khi người biến hóa im lặng thì hóa nhân kia cũng im lặng?

Đáp: Vì Phật Thế Tôn thường trụ trong Tam-ma-địa, tâm luôn tự tại, hoặc nhập định hoặc xuất định đều nhanh chóng không trở ngại, nơi tất cả thời đều không bỏ đối tượng duyên. Hàng Thanh văn thì không như thế, vì không đồng với Đức Thế Tôn có đủ Nhất thiết trí, tâm trí được tự tại, vì đã đến bờ giác. Do nhân ấy nên hóa nhân do Phật hóa hiện có hình dáng đoan nghiêm, khi nói thì có thể yên lặng, khi yên lặng thì có thể nói. Còn hóa nhân do Thanh văn hóa hiện sắc tướng đoan nghiêm, cạo đầu, mặc cà sa, nhưng hóa nhân đó khi Thanh văn nói thì nói, khi Thanh văn yên lặng thì cũng yên lặng, không tự tại.

Hoặc có nghi vấn: Nếu hóa nhân do Phật hóa hiện cũng như của Thanh văn, hóa nhân của Thanh văn hóa hiện cũng như của Phật, vậy có thể nói là có đủ bốn đại chủng hay là không đủ?

Đáp: Nói là có đủ bốn đại chủng.

Hỏi: Hóa nhân được hóa hiện ấy nên nói là sắc được tạo hay không phải là sắc được tạo?

Đáp: Nên nói là sắc được tạo.

Hỏi: Hóa nhân được hóa hiện đó có tư duy hay là không tư duy?

Đáp: Ở đây có hai thứ sinh khởi: Một là do duyên giữ lấy. Hai là do tướng tạo thành. Nếu do duyên giữ lấy sinh khởi tức có tư duy. Nếu do tướng tạo thành sinh khởi thì không có tư duy.

Hỏi: Hóa nhân được hóa hiện đó làm sao có tâm tự tại?

Đáp: Ở đây có hai thứ sinh khởi: Một là do duyên giữ lấy. Hai là do tướng tạo thành. Nếu do duyên giữ lấy sinh khởi thì hóa nhân ấy tức tâm tự tại. Nếu do tướng tạo thành sinh khởi thì hóa nhân ấy tâm không tự tại.

Hỏi: Hóa nhân được hóa hiện đó phần vị nơi trung gian nói là có đủ bốn đại chủng hay không đủ bốn đại chủng?

Đáp: Nói là có đủ bốn đại chủng.

Hỏi: Phần vị nơi trung gian ấy nên nói là sắc được tạo hay không phải là sắc được tạo?

Đáp: Nên nói là sắc được tạo.

Hỏi: Phần vị nơi trung gian ấy có tư duy hay là không tư duy?

Đáp: Nên nói là có tư duy.

Hỏi: Phần vị nơi trung gian ấy làm thế nào mà tâm được tự tại?

Đáp: Là tùy theo tâm của người biến hóa có tự tại hay không.

Hỏi: Hóa nhân ấy khi ăn uống do là hóa hiện làm sao tiêu hóa được?

Đáp: Ở đây có hai thứ sinh khởi: Một là duyên giữ lấy. Hai là do tướng tạo thành. Nếu do duyên giữ lấy sinh khởi thì ăn uống có tiêu hóa. Nếu do tướng tạo thành thì ăn uống không tiêu hóa.

Hỏi: Hóa nhân ấy khi nào thì ăn mất?

Đáp: Ở đây có hai thứ sinh khởi: Một là do duyên giữ lấy. Hai là do tướng tạo thành. Nếu do duyên giữ lấy sinh khởi thì hoặc ăn mất, hoặc không ăn mất. Nếu do tướng tạo thành sinh khởi thì liền có thể ăn mất.

Hỏi: Đến khi nào thì ăn mất?

Đáp: Là tùy theo người biến hóa. Hoặc trời, hoặc người, hoặc A-tu-la, hoặc tướng thiện, hoặc tướng ác, nếu người biến hóa ăn mất thì hóa nhân cũng ăn mất.

Hỏi: Do đâu lại không ăn mất?

Đáp: Là do trong khoảng sau cùng, cùng cách rất xa xôi, cho đến khi quay về trụ nơi tự tướng, đây tức không ăn mất.

Hỏi: Do đâu khi Thánh nhân hóa hiện lửa là có khói chẳng?

Đáp: Là do người biến hóa tâm được tự tại, nên theo chỗ hóa hiện tức có khói. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi hóa hiện lửa, lửa có cháy sáng hay không?

Đáp: Là do người biến hóa tâm được tự tại, nên tùy theo vật được hóa hiện lửa tức cháy sáng lên. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi hóa hiện lửa chỉ đốt cháy thân mình và trang phục của mình, không đốt cháy người khác?

Đáp: Là tùy người biến hóa, tâm được tự tại, theo ý mong muốn nên chỉ đốt cháy thân mình và trang phục của mình. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi Thánh nhân hóa hiện lửa đốt cháy thân mình, chỉ nhìn thấy hư không, ngoài ra không có một ảnh tượng nào, các vật khác đều không biểu hiện?

Đáp: Khi Thánh nhân hóa hiện ra lửa, mọi phần vị nơi địa phương, các nơi chốn đi đứng ngồi nằm v.v..., tất cả đều dùng để hóa hiện thành lửa, hỗn tạp tạo thành một vùng lửa, khắp nơi đều toàn lửa đốt, nhưng chỉ nhìn thấy hư không, ngoài ra không thấy một ảnh tượng nào, các thứ khác đều không biểu hiện. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

*

*** Môn thứ 11: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Tụng nêu chung:

*Biển cả thứ lớp và rộng sâu
Chúng sinh ở biển đồng vị mẫn
Không giữ thân chết, châu báu nhiều
Chúng sinh thân lớn, mưa tuôn nước.*

Như kinh nói: “Biển cả thứ lớp từ nhỏ tăng rộng không phải xưa nay vốn tự sâu hiểm”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Không phải biển cả theo thứ lớp từ nhỏ hẹp tăng rộng, cũng không phải xưa nay vốn tự sâu hiểm, mà tùy theo phần vị của mỗi đại châu như thế. Cũng như các thứ lúa gạo, lúa mạch được tự hợp lần lượt theo phần vị của nó. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Biển cả sâu rộng thật khó thấu được ngọn nguồn nơi tận đáy sâu”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Không phải biển cả sâu rộng khó thấu rõ ngọn nguồn nơi đáy sâu, chỉ do nước của biển khi dâng lên, lúc rút xuống. Nếu dùng một thứ vật chứa, hoặc gấp trăm, hoặc gấp ngàn, hoặc gấp trăm ngàn lần để mức nước biển, theo chỗ có được cũng không thể lường tính nổi phần lượng của biển. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Nước trong biển cả thủy triều dâng lên rút xuống luôn đúng thời gian”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Về thời gian có hai loại: Thời gian sớm tối. Thời gian lớn.

Thế nào là thời gian sớm tối? Nghĩa là trong biển cả số chúng sinh sống ở đây rất đông, có những loài nhỏ bé, yếu ớt, đói khát, ít được ăn uống, do xét tìm nên từ nơi nước lên đất liền, do nhân của việc ăn uống nên dựa vào thời gian để xét tìm. Vì thế gọi là thời gian sớm tối.

Thế nào là thời gian lớn? Nghĩa là trong biển cả là trụ xứ của nhiều chúng sinh. Do người ở biển mỗi khi đến các ngày mùng tám, mười bốn, ngày rằm v.v..., thì cùng các vị thần khác chung tháng phân ngày. Nơi những ngày ấy là từ thuyền lên bờ. Có người tin hướng về tổ tông, thờ mặt trăng, thờ mặt trời, thờ đồng tử nhà trời, hoặc có các Ưu-bà-tắc tôn kính, tin tưởng thờ Phật, dựa theo pháp không ăn trong ngày trai giới, bày việc cúng tế cầu mong sự vui vẻ an lành. Các chúng sinh sống nơi biển kia vì tìm kiếm thức ăn đã từ biển kéo lên bờ, nên gọi là thời gian lớn (Thời gian lâu dài).

Như kinh nói: “Nước trong biển cả đồng một vị mặn”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là có những chúng sinh sống nơi biển. Ở trong biển cả, các chúng sinh ấy đã sinh ra, lớn lên, già chết. Những chúng sinh nào chưa chết thì thân thể bị cấu bẩn hoặc thải ra những chất uế tạp, thế nên nước biển có vị mặn.

Lại nữa, trong biển có những đảo, núi, trải qua thời gian lâu bị tiêu tan, cũng tạo thành vị mặn.

Lại nữa, ở các đại châu, dân cư sống gần biển đem các loại cây cối, cành lá, cùng những thứ rác rưởi quăng ném xuống biển, nên cũng tạo thành vị mặn. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Trong biển cả có rất nhiều các thứ vật báu”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Khi thế giới này mới thành lập cùng với biển cả những chỗ địa giới hơn hết, chỗ ở đường đi hơn hết, chu vi rộng lớn nhất, các nơi chốn tụ họp chung lại tạo thành núi chúa Tu-di nằm ở giữa, bao vây chung quanh có bảy ngọn núi vàng. Trong biển cả ấy có cung điện của các Long vương oai lực lớn. Vì thế trong biển cả có nhiều châu báu. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Trong biển cả có loài chúng sinh thân to lớn sống trong ấy”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Loài chúng sinh thân to lớn kia, từ thời xa xưa làm người đã tạo các thứ phi pháp, tích chứa nhiều thứ thọ dụng, chỉ tự nuôi thân sung mãn, đối với con cháu, quyến thuộc, nô tỳ không hành tuệ thí. Do những nghiệp tội ấy, nên đến thân sau cùng, sau khi mạng chung bị đọa nơi nẻo ác, sinh trong địa ngục. Khi thọ mạng nơi địa ngục đã hết, do tàn dư của nghiệp đã tạo từ trước chưa hết, nên sinh làm loài vật có thân lớn sống trong biển cả. Do thân tướng quá lớn nên khiến nhiều loài ở đây cùng bám vào cắn rĩa, ăn nuốt. Cũng do thân quá lớn nên trên đất liền của đại châu không thể dung chứa được. Đấy đều là do nghiệp báo bất thiện đã tạo ra nơi nhiều kiếp trước, nên phải ở trong biển thọ nhận cực khổ như vậy. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Trong biển cả không chứa thây chết”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là trong biển cả có những cung điện lớn của long vương được giữ gìn rất sạch sẽ. Nếu có thầy chết nơi cung điện của vị Long vương thứ nhất, ở đây chờ đêm đến liền mang thầy ấy bỏ vào cung điện của vị Long vương thứ hai v.v..., lần lượt như thế cho đến cung điện của vị Long vương thứ tư, thì tử thi được đưa lên bờ. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Ở trong biển cả có cây Diêm-phù to lớn, cành lá sum suê tươi tốt, nhựa cây chảy mạnh phun lên không trung, tỏa ra tưới xuống biển, nhưng nước trong biển không tăng không giảm”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Trong biển cả kia, số chúng sinh sống ở đây cùng nhau lần lượt thọ dụng, các thứ còn dư thì được gió nóng thổi tan đi, thế nên nước trong biển không tăng không giảm.

Như kinh nói: “Trong biển cả ấy, chúng sinh sống trong đó có vô số hình tướng màu sắc hiển bày, vô số âm thanh khác nhau, không phải chỉ có một loại sắc tướng, một thứ âm thanh giống nhau”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Các loại chúng sinh kia từ thời xa xưa làm người đã tạo ra vô số các nghiệp tội bất thiện, tức là các hành ác của thân, ngữ, ý, cho đến thân sau cùng, sau khi mạng chung bị đọa nơi nẻo ác, sinh trong địa ngục. Khi thọ mạng ở địa ngục hết, nhưng do quả báo của các nghiệp khác chưa hết, nên lại bị đọa làm loài vật sống trong biển cả, có vô số hình tướng, vô số màu sắc, vô số âm thanh khác nhau, không phải chỉ có một loại hình tướng, màu sắc, âm thanh. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 7

*** Môn thứ 12: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.**

Như kinh nói: “Do một tánh tạo thành nhưng có nhiều chủng loại”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô dẫn khởi định thế gian, trước là được lia dục, kế đến là không gian khổ, lại không tan mất. Do người ấy đã phát khởi, sinh trưởng, tích tập, về sau lại khởi việc biến hóa, hành tác thành thực, nên tùy theo ý muốn hoặc hóa ra thân người, hoặc hóa ra các thứ thân voi, ngựa, bò, thân loài chim bay, tướng xe cộ, cây cối, tường vách, hoặc các việc hiện đến đi, ra vào, lui tới đều tự tại. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Có nhiều chủng loại nhưng quy trở về một tánh”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô tùy theo các dụng mạo hình chất, sự tướng, hoặc hóa ra thân người, hoặc hóa ra thân voi, ngựa, trâu, bò, chim chóc, hoặc hóa ra tướng xe cộ, cây cối, tường vách, hoặc các việc đến, đi, ra vào v.v... Tùy theo các sự việc biến hóa ấy, công sức hành tạo đều nhẹ nhàng nhanh chóng. Các thứ hình tướng, sự việc do người kia dụng công biến hóa, đã hóa hiện rồi thì ẩn mất đều không hiện nữa. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Trong các thứ biến hóa như hiện đến, biến đi v.v..., tùy theo sự thấy biết, mỗi mỗi đều khác nhau”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có người muốn biến hóa tướng hiện đến, trước hết người ấy tự suy nghĩ: Làm thế nào khiến mọi người không thể thấy, ta, không thể nhận biết ta? Nghĩ như thế xong liền nhập định nhảy vọt lên, vượt qua tường vách theo ý mà đến. Đây là tướng hiện đến mọi người đều không thể thấy.

Thế nào là tướng biến đi mọi người không thể nhận biết? Nghĩa là như có người muốn hóa tác tướng biến đi, trước hết khởi suy nghĩ: Làm thế nào khiến mọi người không thể thấy ta, không thể nhận biết ta? Nghĩ như thế rồi liền nhập định, tức thì bay vọt lên, vượt qua tường vách, tùy ý biến đi. Do như thế nên tướng biến đi không ai thấy. Nghĩa là do ở trong định đã hóa ra tướng đến tức là tướng đi, đã hóa ra tướng đi tức là tướng đến. Thấy biết như thế, theo chỗ khởi hiện, mỗi mỗi đều có khác, mỗi mỗi đều biết rõ. Người trí nên tùy thuận ứng hợp. Nhờ tánh tuệ sáng nên ở trong không tướng sinh khởi có tướng, trí lợi rộng lớn, mở bày thông tỏ khắp. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Như kinh nói: “Vượt qua tường vách, hay xuyên qua núi đá, thân không bị vướng mắc, tùy ý mà đi như nơi khoảng không”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô khi nhập định, không ở trong định đó bay vọt lên, vượt qua tường vách, núi đá, thân không hề vướng mắc, tùy ý mà đi như nơi khoảng không. Người ấy vượt qua tất cả tường vách, núi đá, cũng như giữa khoảng không đều không trở ngại.

Như kinh nói: “Có người có thể chui vào đất như vào trong nước, đi trên nước như đi trên đất”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô khi nhập định nước thì từ đất lên xuống, hiện ra, ẩn vào không có trở ngại. Như khi đi trong nước lên xuống cũng như vậy, không ngăn dòng nước chảy, tùy ý đi qua. Người này ở nơi đất như ở trong nước, đi trong nước như đi trên đất. Do nhân ấy nên có các sự việc như thế.

Như kinh nói: “Có người có thể ở trong không trung trước hết xếp bằng mà ngồi, tức ngồi mà đi, giống như chim bay, đi trong khoảng không tự tại”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô dẫn khởi định thế gian, trước là được lia đục, kể đến là không gian khô, lại không tan mất. Do người ấy đã phát khởi, sinh trưởng, chứa nhóm, về sau sinh ra sự việc biến hóa. Tùy ở địa phương, có thể ở giữa không trung, hoặc ngồi hoặc đi. Hoặc ở trong không trung hóa hiện ra đồng lửa lớn bùng cháy sáng rực. Hoặc hóa ra khói mù. Hoặc hóa ra tướng cờ hiệu bằng khói. Hoặc hóa ra phong luân ở giữa không trung thổi động thúc giục. Hoặc ở trong phong luân cỡi voi mà đi. Hoặc hóa ra các thứ xe cộ, hoặc người, ngựa, tường vách, hoặc hóa hiện cây cối, chim chóc v.v... Theo các tướng hóa ra đó mọi người đều thấy, đều kinh sợ, cho là quái dị, mỗi mỗi đều hiểu biết rõ, là do sức thần thông nên có các hình dạng như thế. Đây là do khéo tu các trí lực thần túc. Do nhân ấy nên có các việc như thế.

Như kinh nói: “Hoặc có người có thể ở trong hư không đưa tay sờ chạm vào mặt trời, mặt trăng”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô đang ở trong định, do ánh mặt trời kia từ trong Nhật luân xuất, do ánh trăng kia từ trong Nguyệt luân xuất, nên từ trong định khởi hiện thần thông, tức đưa tay lên không trung sờ chạm mặt trời mặt trăng. Đó là sức thần thông của định, nên tùy ý vô ngại.

Như kinh nói: “Có người có thể qua lại nơi cõi trời Phạm thiên tùy ý tự tại”. Nay xin hỏi: Do đâu có sự việc như thế?

Đáp: Nghĩa là như có Bí-sô dẫn khởi định thể gian, trước được lia đục, kể đến là không gian khổ, lại không tan mất. Do người ấy đã phát khởi, sinh trưởng, chứa nhóm, về sau lại khởi sự việc biến hóa, thân tâm hòa hợp dung kết làm một: Tâm tức là thân, thân tức là tâm, thân tâm tương tức, vận dụng hòa vào nhau. Ví như ở thể gian, các chất sữa mật, nước dầu hòa lẫn vào nhau thành một loại. Bí-sô khi ở trong định cũng lại như thế. Thân tâm hòa vào nhau, khinh an, nhu hòa, tâm tưởng tự tại, tùy ý có thể đi đến, trong cõi trời Phạm thiên, cao thấp cùng bay vượt đều không chướng ngại. Ví như người thợ chuyên đan sọt, làm giỏ, mọi hành tác đan, buộc được vận dụng tùy ý, không chút trở ngại.

Lại như Bí-sô khát thực, khi được các thức ăn để trong bát, tùy ý xối trộn cũng không chướng ngại. Bí-sô ở trong định cũng lại như thế. Thân tâm mềm dịu, tưởng khinh an sinh khởi, vận dụng uyển chuyển đều không chướng ngại. Cho đến cung điện nơi cõi Phạm thiên, chỉ đẩy tâm liền đến nơi, sắc lực tăng thịnh, thể dụng mạnh mẽ, nơi cõi Phạm thiên qua lại tự tại.

Như kinh nói: “Vào một lúc nọ, Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: Tôn giả có thể biết chăng? Ta đã dùng thân do ý tạo thành, dựa nơi sức thần thông, tùy ý có thể đi đến cung điện ở cõi Phạm thiên.

Tôn giả A-nan bạch Phật: Đúng vậy! Đúng vậy! Con biết rõ Đức Thế Tôn đã dùng sức thân thô nặng do bốn đại tạo thành tùy ý có thể đi đến cung điện nơi cõi Phạm thiên.

Đức Phật bảo: Này A-nan! Ta biết rõ sắc thân thô nặng như thế do bốn đại hòa hợp với các duyên như chất Yết-la-lam bất tịnh của cha mẹ v.v... để tạo thành, tuy phải nhờ vào vô số sự việc như ăn uống, y phục, tắm gội, nuôi dưỡng, chung quy vẫn bị hao mòn, hủy

diệt, vì nó là pháp tan hoại, nhưng với sắc thân đó tức có thể đi đến cung điện nơi cõi Phạm thiên.

Tôn giả A-nan bạch Phật: Đức Thế Tôn có thể đi đến! Đức Thiện Thế có thể đi đến!

Đức Phật bảo: Như chất sắt và vật dụng cày bừa nơi thế gian, khi đang ở trong lò đúc, lò rèn, lửa cháy hùng hực, chưa lấy ra khỏi lửa các vật dụng ấy đều nhẹ, mềm, dễ kéo dài ra hay đập ngấn lại. Nhưng khi gặp lạnh, hoặc đã nguội, các vật dụng đó trở nên nặng, cứng, khó rèn đập.

Này Tôn giả A-nan! Như Lai cũng lại như thế. Nếu khi thân tâm hòa hợp dung kết vào nhau, tướng khinh an sinh khởi, lại thêm dịu dàng, điều thuận, an vui, nên tùy ý có thể đi đến cung điện nơi cõi Phạm thiên. Lại nữa, nên biết: Nếu tâm không nối tiếp tức tâm không nương dựa, tâm không hệ thuộc. Do tâm không nương dựa, không hệ thuộc nên thân tức tự tại”.

Hỏi: Do đâu hóa nhân được tạo ra có thể ở trong không trung tùy ý đi lại?

Đáp: Là do người biến hóa được tự tại, nên hóa nhân cũng như thế. Nhờ nơi sức biến hóa nên ở trên không cũng như ở trên mặt đất. Do nhân ấy nên có thể đi lại nơi hư không.

Hỏi: Do đâu hóa nhân có thể đứng yên giữa không trung?

Đáp: Là do người biến hóa được tự tại, nên hóa nhân cũng như thế. Nhờ nơi sức biến hóa nên ở trên không cũng như ở trên mặt đất. Do nhân ấy nên có thể đứng yên trên không.

Hỏi: Do đâu hóa nhân có thể ngồi yên trên không trung?

Đáp: Là do người biến hóa được tự tại, nên hóa nhân cũng như thế, tức ở trong hư không hóa tác phần vị an tọa. Do nhân ấy nên có thể ngồi yên trên không trung.

Hỏi: Do đâu hóa nhân có thể ở trong không trung sắp đặt giường tòa tùy ý nằm nghỉ?

Đáp: Là do người biến hóa được tự tại, nên hóa nhân cũng như thế, tức ở trong không trung sắp đặt giường tòa. Do nhân ấy nên có thể nằm nghỉ nơi không trung.

Theo như ở đây, các sự việc khác do sức thần thông tạo nên, như chỗ đã nói tùy ý nên biết.

*

**** Môn thứ 13: Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp.***

Hỏi: Có phần lượng nào để nhận biết về trời mưa?

Đáp: Có tám loại mây để nhận biết về trời mưa: Loại mây thứ nhất cao một do-tuần rưỡi. Loại mây thứ hai cao năm câu-lô-xá. Loại mây thứ ba cao chừng một do-tuần. Loại mây thứ tư cao ba câu-lô-xá. Loại mây thứ năm cao khoảng nửa do-tuần. Loại mây thứ sáu cao một câu-lô-xá. Loại mây thứ bảy cao nửa câu-lô-xá. Loại mây thứ tám cao một phần tư câu-lô-xá. Các đám mây ngừng rồi, trời mưa hay không lại không nhất định.

Hỏi: Do đâu người thời kiếp sơ cõi mây bay cao một do-tuần rưỡi, thì hết thấy nơi đại địa đều có mưa?

Đáp: Người thời kiếp sơ có đủ oai đức lớn, các Long vương đại lực đều tôn kính ngưỡng mộ, cho nên khi họ có thể cõi mây bay cao một do-tuần rưỡi thì khắp tất cả đại địa đều có trời mưa. Người thời nay oai đức giảm thiểu, Long vương đại lực không sinh tôn kính ngưỡng mộ, thế nên người thời nay cõi mây chỉ có thể bay cao nửa câu-lô-xá thì trời mưa xuống. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu hoặc có lúc trời không mưa?

Đáp: Có tám thứ nhân khiến trời không mưa:

1. Khi trời sắp mưa, ánh chớp sáng, sấm rền vang, gió lạnh từ bốn phương thổi động, khiến người dự đoán thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự nói là trời sắp mưa. Hoặc do sức nóng trên đại địa tăng nhiều, tức do duyên ấy nên cơn mưa biến mất. Như thế gọi là nhân thứ nhất khiến trời không mưa.

2. Khi trời sắp mưa, ánh chớp sáng, sấm rền vang, gió lạnh từ bốn phương thổi động, khiến người dự đoán thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự nói là trời sắp mưa. Hoặc lại trong không trung, cuồng phong thổi mạnh, khiến đám mưa ấy rơi xuống ở nơi rất xa, nơi các cánh đồng hoang vắng không có nhà cửa. Như thế gọi là nhân thứ hai khiến trời không mưa.

3. Khi trời sắp mưa, ánh chớp sáng, sấm rền vang, gió lạnh từ bốn phương thổi động, khiến người dự đoán thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự nói là trời sắp mưa. Hoặc lại do vua A-tu-la La Hầu hai tay cầm vật ngăn che khiến mưa rơi xuống nơi biển cả. Như thế gọi là nhân thứ ba khiến trời không mưa.

4. Khi trời sắp mưa, ánh chớp sáng, sấm rền vang, gió lạnh từ bốn phương thổi động, khiến người dự đoán thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự nói là trời sắp mưa. Hoặc lại khi trời mưa, thiên quan lại đang mê say buông lung. Do buông lung nên không thể điều hành mưa xuống được. Như thế gọi là nhân thứ tư khiến trời không mưa.

5. Khi trời sắp mưa, ánh chớp sáng, sấm rền vang, gió lạnh từ bốn phương thổi động, khiến người dự đoán thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự nói là trời sắp mưa. Thời ấy, hoặc do dân chúng làm nhiều việc phi pháp, gây tạo các hành hiểm ác, do đấy nên trời không mưa. Như thế gọi là nhân thứ năm khiến trời không mưa.

6. Khi trời sắp mưa, hoặc có thiên tử gồm đủ thần thông, đã dùng oai lực của thần thông, tùy theo phần lượng cơn mưa đều ngăn chặn hết. Như thế gọi là nhân thứ sáu khiến trời không mưa.

7. Do nghiệp chướng của dân chúng, pháp hợp như thế, nên ở trong cõi này trời không mưa xuống. Như thế gọi là nhân thứ bảy khiến trời không mưa.

8. Là mưa gió không đúng thời, phải nên thành khăn cứng tế cầu đảo, do vì các thiên tử đã dùng oai lực của thần thông ngăn cản, không cho mưa xuống. Như thế gọi là nhân thứ tám khiến trời không mưa.

Hỏi: Do đâu có thể khiến trời mưa xuống đúng thời?

Đáp: Có tám thứ nhân khiến trời mưa xuống. Đó là:

1. Do oai lực của Long vương nên trời liền mưa xuống.
2. Do oai lực của Dạ-xoa nên trời liền mưa xuống.
3. Do oai lực của quỷ Cưu-bàn-trà nên trời liền mưa xuống.
4. Do oai lực của chư Thiên nên trời liền mưa xuống.
5. Do oai lực của loài người nên trời liền mưa xuống.
6. Do sức của thần thông nên trời liền mưa xuống.
7. Do đúng pháp đúng thời nên trời liền mưa xuống.
8. Do thành khăn cứng tế cầu đảo nên trời liền mưa xuống.

Đó là tám nguyên do khiến trời mưa xuống.

Hỏi: Do đâu vào mùa hạ khí trời nóng bức và vào mùa mưa đều có mưa nhiều?

Đáp: Là do vào hai mùa ấy, các Long vương hoan hỷ, lại do thời tiết quy định, xui khiến, các rồng vui thích lượn múa nơi hư không cùng đến. Do các rồng vui thích nên vào hai mùa ấy có mưa nhiều. Hoặc lại do dân chúng bấy giờ hành theo chánh pháp, tu tập các nghiệp thiện, thiện lực hỗ trợ nên vào hai mùa đó có mưa nhiều.

Hỏi: Do đâu khi trời mưa kết thành giọt lớn?

Đáp: Là do gió hai phương thổi mạnh quy tụ vào một chỗ, nên khi mưa trút xuống thì kết lại thành giọt lớn. Hoặc lại do người tạo

nhiều nghiệp ác, sức ác hỗ trợ khiến các loài phi nhân loạn động. Các tướng như thế thật không có nghĩa lợi. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi mưa lớn lại có mưa đá?

Đáp: Là do gió lạnh hai phương thổi xoáy mưa vào một nơi, tạo nên các giọt mưa lớn rơi xuống đất, mặt đất lại quá cứng chắc, gió bên dưới thổi mạnh, nên có khi tạo thành tuyết, hoặc làm mưa dữ dội đổ xuống. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu có ánh chớp hiện ra?

Đáp: Là do gió hai phương thổi mạnh dữ dội, gặp gió nóng thổi vào, hai thứ gió ấy chạm nhau nên ánh chớp từ gió hiện ra. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu trong cơn mưa lại có sấm sét rền vang?

Đáp: Là do nơi phương dưới có sức lửa nóng dữ, hình dạng như ngọn lửa cháy sáng, tức là hỏa giới tăng mạnh. Hỏa giới tăng mạnh nên gió càng thêm mạnh. Do gió thêm mạnh nên có nước chảy qua lại. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu mây có màu xanh?

Đáp: Là do tánh của thủy giới lưu động thâm nhuần.

Hỏi: Do đâu mây có màu vàng, màu đỏ?

Đáp: Là do tánh ấm, khô của hỏa giới.

Hỏi: Do đâu mây có màu trắng?

Đáp: Là do tánh hòa hợp của các giới lửa, nước, gió v.v..., do đấy nên biết tướng mây có màu xanh, vàng, đỏ, trắng.

Hỏi: Do đâu ở thế gian có các vị đắng, chua, cay, mặn, lạt v.v...?

Đáp: Là do các giới cùng trái nghịch hại nhau. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu có vị ngọt?

Đáp: Là do tánh hòa hợp của các giới lửa, nước, gió v.v...

Hỏi: Do đâu nơi thế gian, trong các vật có các thứ cứng rắn thô nặng?

Đáp: Là do tánh cứng chắc của địa giới.

Hỏi: Do đâu có sự mềm mại, điều thuận?

Đáp: Là do tánh lưu động thấm nhuần của thủy giới tăng mạnh. Do nhân ấy nên có sự việc như thế.

HẾT - QUYỂN 7

SỐ 1539/16
LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

*Tác giả: A la hán Đề Bà Thiết Ma.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Kệ đầu: Quy lễ tán.

*Lạy bậc Đại giác vua trong giác
Vua giác ban mắt trời ba cõi
Pháp diệu giải thoát nương nơi trí
Bậc trí chỗ dựa các Thánh chúng.
Biển A-tỳ-đạt-ma khó vượt
Lời Phật tuôn chảy ngàn Thánh uống
Đối cảnh biển lớn khéo quyết đoán
Nên nay con chỉ thành đảnh lễ.
Mặt trời sáng không chiếu nhân gian
Rừng rậm che phủ ai trờ dút
Nếu không Luận A-tỳ-đạt-ma
Nẻo trí nhận biết, ai diệt mê?
Đèn chánh pháp A-tỳ-đạt-ma
Trong tâm, mắt tịnh, trí căn bản
Rừng sáng, nẻo biết, kiếm luận tà*

*Uy lực Khai sĩ Như Lai tạng.
Đạo mắt tuệ soi khắp ba cõi
Hết thấy đèn pháp, biển lời Phật
Phát khởi thắng tuệ phá các nghi
Là đường pháp rộng các Hiền Thánh.
Bậc trí ao đầy tràn nước tuệ
Dừng mãin cầu trí nền tảng vững
Thông sáng tột rõ thắng pháp này
Chân Phật tử ngộ Thánh giáo ấy.*

Tụng nêu tổng quát về 6 Uẩn:

*Trước: Uẩn Mục Kiền Liên
Kế: Bồ Đặc Già La
Nhân, Sở Duyên, Nhiều Loại
Bốn câu là sau cùng.*

Uẩn thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, phần 1

*** Tụng nêu tổng quát thứ nhất:**

*Căn, hành ác, tưởng
Tâm tứ, giới, lậu
Lửa, ái, sở hữu
Cấu, phược đều ba.*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có ⁽¹⁾.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện,

¹ Theo Đại sư Thế Hữu trong tác phẩm Dị Bộ Tông Luận thì đây là quan điểm của Hóa Địa Bộ (Xem: Dị Tông Luận, Hth Trí Quang dịch, chú, bản in 1994, tr 108).

có nói: Có ba căn bất thiện, đó là căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là có người có thể đối với căn bất thiện tham đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là bất thiện.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên quán như thế nào? Quán về quá khứ chẳng? Quán về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một bên là chủ thể quán, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một bên là chủ thể quán, tức không nên nói là quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không quán về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức đối với căn bất thiện tham không thể cho là đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là bất thiện. Nếu không thể quán xét thì không thể đã chán bỏ, đang chán bỏ, sẽ chán bỏ. Nếu không thể chán bỏ thì không thể đã lìa nhiễm, đang lìa nhiễm, sẽ lìa nhiễm. Nếu không thể lìa nhiễm thì không thể đã giải thoát, đang giải thoát, sẽ giải thoát. Nếu không thể giải thoát thì không thể đã bát Niết-bàn, đang bát Niết-bàn, sẽ bát Niết-bàn.

Như bất thiện, như thế là kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp cũng như vậy.

Lại hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là có người có thể đối với căn bất thiện tham đã quán, đang quán, sẽ quán, thấy ở nơi đời sau chiêu cảm dị thực khổ.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên quán như thế nào? Quán về quá khứ chăng? Quán về vị lai, hiện tại chăng?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng tức nhận lãnh dị thực của nghiệp ấy, điều đó là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng tức nhận lãnh dị thực của nghiệp ấy, tức không nên nói quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không quán về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức đối với căn bất thiện tham không thể cho là đã quán, đang quán, sẽ quán, thấy ở nơi đời sau chiêu cảm dị thực khổ (Dị thực = Quả báo). Nếu không thể quán xét thì không thể đã chán bỏ, đang chán bỏ, sẽ chán bỏ. Nếu không thể chán bỏ thì không thể đã lìa nhiễm, đang lìa nhiễm, sẽ lìa nhiễm. Nếu không thể lìa nhiễm thì không thể đã giải thoát, đang giải thoát, sẽ giải thoát. Nếu không thể giải thoát thì không thể đã Bát Niết-bàn, đang Bát Niết-bàn, sẽ Bát Niết-bàn.

Như nói về căn bất thiện tham, thì căn bất thiện sân, căn bất thiện si cũng như vậy.

*

Hành ác của thân, hành ác của ngữ là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, không phải là tùy phiền não, không phải là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Hành ác của ý là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Các tướng dục, sân, hại là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, không phải là tùy phiền não, không phải là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Các tầm dục, giận, hại là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, không phải là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Các giới dục, giới sân là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Giới hại là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, không phải là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Dục lậu, vô minh lậu là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Hữu lậu không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Lửa tham, lửa sân, lửa si là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Ái dục là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Ái sắc, ái vô sắc không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Tham hiện có, sân hiện có, si hiện có. Tham cấu, sân cấu, si cấu. Tham trói buộc, sân trói buộc, si trói buộc, là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Uẩn thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, phần 2

* *Tụng nêu tổng quát thứ hai:*

Bộc, ách, thủ, hệ, cái

Dưới, trên, tài, câu ngại

Kiến, ái và tùy miên

Chi tà, kiết, nghiệp đạo.

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có bốn thứ bộc lưu (Dòng thác), đó là bộc lưu dục, bộc lưu hữu, bộc lưu kiến, bộc lưu vô minh.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là có người có thể đối với bộc lưu dục đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là bất thiện.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên quán như thế nào? Quán về quá khứ chẳng? Quán về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một bên là chủ thể quán, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một bên là chủ thể quán, tức không nên nói là quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không quán về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức đối với bực lưu dục không thể cho là đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là bất thiện. Nếu không thể quán thì không thể đã chán bỏ, đang chán bỏ, sẽ chán bỏ. Nếu không thể chán bỏ thì không thể đã lìa nhiễm, đang lìa nhiễm, sẽ lìa nhiễm. Nếu không thể lìa nhiễm thì không thể đã giải thoát, đang giải thoát, sẽ giải thoát. Nếu không thể giải thoát thì không thể đã Bát Niết-bàn, đang Bát Niết-bàn, sẽ Bát Niết-bàn.

Như bất thiện, như thế là kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp cũng như vậy.

Lại hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là có người có thể đối với bực lưu dục đã quán, đang quán, sẽ quán, thấy ở nơi đời sau chiêu cảm dị thục khổ.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên quán như thế nào? Quán về quá khứ chăng? Quán về vị lai, hiện tại chăng?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng tức nhận lãnh dị thực của nghiệp ấy, điều đó là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng tức nhận lãnh dị thực của nghiệp ấy, tức không nên nói quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không quán về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức đối với bậc lưu dục không thể cho là đã quán, đang quán, sẽ quán, thấy ở nơi đời sau chiêu cảm dị thực khổ. Nếu không thể quán thì không thể đã chán bỏ, đang chán bỏ, sẽ chán bỏ. Nếu không thể chán bỏ thì không thể đã lìa nhiễm, đang lìa nhiễm, sẽ lìa nhiễm. Nếu không thể lìa nhiễm thì không thể đã giải thoát, đang giải thoát, sẽ giải thoát. Nếu không thể giải thoát thì không thể đã Bát Niết-bàn, đang Bát Niết-bàn, sẽ Bát Niết-bàn.

Như nói về bậc lưu dục, các thứ bậc lưu kiến, bậc lưu vô minh cũng như vậy.

Bậc lưu hữu không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Như bậc lưu, ách cũng như vậy.

*

Đối với các thứ thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối

tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Ngã ngữ thủ không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Các hệ thuộc là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Đối với các thứ cái (Che ngăn): Cái tham dục, cái giận dữ, cái nghi là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Cái hôn trầm - tùy miên, cái trạo cử - ô tác (Hối) là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Đối với các kiết phần dưới: Tát-ca-da-kiến (Hữu thân kiến) không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

Các kiết phần dưới còn lại là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên

đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Trong các kiết phần trên: Kiết trạo cử không phải là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

Các kiết phần trên còn lại không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Năm tâm căn tài là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Năm tâm câu ngại là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Trong các kiến: Tát-ca-da kiến (Hữu thân kiến), biên chấp kiến không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

Tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Các thứ ái thân là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Trong các tùy miên: Tùy miên hữu tham không phải là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau không thể chiêu cảm dị thực khổ.

Các tùy miên còn lại là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Trong các chi tà: Tà kiến là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì nó ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, không phải là tùy phiền não, không phải là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Các chi tà còn lại là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, không phải là triền,

là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Trong các kiết: Kiết ganh ghét, kiết keo kiệt là bất thiện, là kiết, là phược, không phải là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Các kiết còn lại là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

*

Đối với các nghiệp đạo: Bảy nghiệp đạo trước là bất thiện, không phải là kiết, không phải là phược, không phải là tùy miên, không phải là tùy phiền não, không phải là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Ba nghiệp đạo sau là bất thiện, là kiết, là phược, là tùy miên, là tùy phiền não, là triền, là các đối tượng nên dứt, nên bỏ, nên đoạn trừ, nên nhận biết khắp, vì chúng ở nơi đời sau có thể chiêu cảm dị thực khổ.

Uẩn thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, phần 3

*** *Tụng nêu tổng quát thứ ba:***

*Kiết, cái, giác chi, tâm, thọ, ý
Điều luyện trì kiên ở rốt sau.*

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu có kiết nội nhãn nên nhận biết đúng như thật là ta có kiết nội nhãn. Nếu không có kiết nội nhãn nên nhận biết đúng như thật là ta không có kiết nội nhãn. Như kiết nhãn ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi nên khiến đoạn dứt, đã đoạn dứt thì về sau không còn sinh lại nữa. Các việc như thế đều nhận biết đúng như thật.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên nhận biết như thế nào? Nhận biết về quá khứ chẳng? Nhận biết về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói nhận biết về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về hiện tại, nên nói có một Bỏ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bỏ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, tức không nên nói nhận biết về hiện tại. Nếu nói nhận biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không nhận biết về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu có kiết nội nhãn nên nhận biết đúng như thật là ta có kiết nội nhãn. Nếu không có kiết nội nhãn nên nhận biết đúng như thật là ta

không có kiết nội nhãn. Như kiết nhãn ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi nên khiến đoạn dứt, đã đoạn dứt thì về sau không còn sinh lại nữa. Các việc như thế cũng đều nhận biết đúng như thật.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Như nói về kiết nhãn, các thứ kiết nhĩ, tử, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

*

** Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu có cái tham dục bên trong nên nhận biết đúng như thật là ta có cái tham dục bên trong. Nếu không có cái tham dục bên trong nên nhận biết đúng như thật là ta không có cái tham dục bên trong. Như cái tham dục ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi nên khiến đoạn dứt, đã đoạn dứt thì về sau không còn sinh lại nữa. Các việc như thế đều nhận biết đúng như thật.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên nhận biết như thế nào? Nhận biết về quá khứ chẳng? Nhận biết về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói nhận biết về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, tức không nên nói nhận biết về hiện tại. Nếu nói nhận biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không nhận biết về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu có cái tham dục bên trong nên nhận biết đúng như thật là ta có cái tham dục bên trong. Nếu không có cái tham dục bên trong nên nhận biết đúng như thật là ta không có cái tham dục bên trong. Như cái tham dục ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi nên khiến đoạn dứt, đã đoạn dứt thì về sau không còn sinh lại nữa. Các việc như thế đều nhận biết đúng như thật.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Như nói về cái tham dục, các thứ cái giận dữ, hôn trầm - thù miên, trạo cử – ó tác, nghi cũng như vậy.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu hiện có giác chi như niệm v.v... bên trong, nên nhận biết đúng như thật là ta hiện có giác chi như niệm v.v... bên trong. Nếu không có giác chi như niệm v.v... bên trong, nên nhận biết đúng như

thật là ta không có giác chi như niệm v.v... bên trong. Như giác chi niệm ấy chưa sinh nên khiến sinh, đã sinh rồi nên khiến trụ, không quên mất, tu tập viên mãn, càng thêm rộng lớn khiến trí tác chứng. Các việc như thế đều nhận biết đúng như thật.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên nhận biết như thế nào? Nhận biết về quá khứ chẳng? Nhận biết về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói nhận biết về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, tức không nên nói nhận biết về hiện tại. Nếu nói nhận biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không nhận biết về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu hiện có giác chi như niệm v.v... bên trong, nên nhận biết đúng như thật là ta hiện có giác chi như niệm v.v... bên trong. Nếu không có giác chi như niệm v.v... bên trong, nên nhận biết đúng như thật là ta không có giác chi như niệm v.v... bên trong. Như giác chi niệm ấy chưa sinh nên khiến sinh, đã sinh rồi nên khiến trụ, không quên mất, tu tập viên mãn, càng thêm rộng lớn khiến trí tác chứng. Các việc như thế đều nhận biết đúng như thật.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Như giác chi niệm, các giác chi còn lại như trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả cũng như vậy.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu hiện có tâm tham nên nhận biết đúng như thật là hiện có tâm tham. Nếu đã lìa tâm tham nên nhận biết đúng như thật là đã lìa tâm tham.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên nhận biết như thế nào? Nhận biết về quá khứ chẳng? Nhận biết về vị lai, hiện tại chẳng?

Nếu nói nhận biết về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nhận biết về hiện tại, nên nói có một Bỏ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bỏ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được nhận biết, một bên là chủ thể nhận biết, tức không nên

nói nhận biết về hiện tại. Nếu nói nhận biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không nhận biết về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nếu hiện có tâm tham nên nhận biết đúng như thật là hiện có tâm tham. Nếu đã lìa tâm tham nên nhận biết đúng như thật là đã lìa tâm tham.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Như nói về có tâm tham – lìa tâm tham, các thứ như: Có tâm sân – lìa tâm sân, có tâm si – lìa tâm si, tâm tóm gọn – tâm phân tán, tâm chìm lắng – tâm khởi dậy, tâm quấy động – tâm không quấy động, tâm không tịch tĩnh – tâm tịch tĩnh, tâm không định – tâm an định, tâm không tu – tâm tu, tâm không giải thoát – tâm giải thoát, đều nhận biết đúng như thật cũng như vậy.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Thọ có hai thứ: Một là thân thọ. Hai là tâm thọ.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Thưa Tôn giả: Nếu lúc nhận lãnh thân thọ, tâm thọ, bây giờ nên nói là ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận lãnh hai thứ thọ: một là thân thọ, hai là tâm thọ, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận lãnh hai thứ thọ: một là thân thọ, hai là tâm thọ, tức không nên nói ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Thọ có hai thứ: Một là thân thọ. Hai là tâm thọ.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Thọ có ba thứ: Một là thọ lạc. Hai là thọ khổ. Ba là thọ không khổ không lạc.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Thưa Tôn giả: Nếu lúc lãnh nhận ba thứ thọ đó, bây giờ nên nói ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận lãnh ba thứ thọ: một là thọ lạc, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không lạc, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận lãnh ba thứ thọ: một là thọ lạc, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không lạc, tức không nên nói ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Thọ có ba thứ: Một là thọ lạc. Hai là thọ khổ. Ba là thọ không khổ không lạc.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Ý và pháp làm duyên phát sinh ý thức.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Thưa Tôn giả: Lúc ý thức hiện khởi, bây giờ nên nói ý ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp với ý và ý thức, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp với ý và ý thức, tức không nên nói ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Ý và pháp làm duyên phát sinh ý thức.

Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phi báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

*

** Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: “*Dùng răng giữ răng, đầu lưỡi để trên nóc họng, lại dùng tâm ấy để hàng phục, thấu giữ, điều luyện tâm*”.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên điều luyện ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói điều luyện ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói điều luyện ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói điều luyện ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được điều luyện, một bên là chủ thể điều luyện, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được điều luyện, một bên là chủ thể điều luyện, tức không nên nói điều luyện ở hiện tại. Nếu nói điều luyện ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không điều luyện ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: “Dùng răng giữ răng, đầu lưỡi để trên nóc họng, lại dùng tâm ấy để hàng phục, thân giữ, điều luyện tâm”. Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: “*Nay vì Bí-sô Bồ-sắc-yết-la-sa-lợi nên nói: Có mười tám ý cận hành gọi là sĩ phu*”.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nếu lúc mắt thấy sắc rời, tùy thuận xứ hỷ, là các sắc cận hành, bấy giờ mười bảy ý cận hành kia nên nói là chúng ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, có mười tám ý cận hành đồng thời hiện hành, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, có mười tám ý cận hành đồng thời hiện hành, tức không nên nói ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: “Nay vì Bí-sô Bồ-sắc-yết-la-sa-lợi nên nói: Có mười tám ý cận hành gọi là sĩ phu”. Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Uẩn thứ 1: MỤC KIÊN LIÊN, phần 4

*** Tụng nêu tổng quát thứ tư:**

*Vô sở duyên, tinh lự
Dị sinh, Đại sĩ, hổ
Nêu chỗ ở hữu tình
Ấn, Thánh đế, đoạn lậu.*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Có tâm không có đối tượng duyên.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Các Bí-sô nên phân biệt biết rõ. Vì phân biệt biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt biết rõ những gì? Tức là phân biệt biết rõ về sắc, phân biệt biết rõ về thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại nói: Ông nên lắng nghe khéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu ông nói là có tâm không có đối tượng duyên, tức không nên nói trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Các Bí-sô nên phân biệt biết rõ. Vì phân biệt biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt biết rõ những gì? Tức là phân biệt biết rõ về sắc, phân biệt biết rõ về thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu nói như ông đã nêu thì không hợp đạo lý.

Ông nay nếu nói: Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Các Bí-sô nên phân biệt biết rõ. Vì phân biệt biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt biết rõ những gì? Tức là phân biệt biết rõ về sắc, phân biệt biết rõ về thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức không nên nói có tâm không có đối tượng duyên. Nếu nói có tâm không có đối tượng duyên thì không hợp đạo lý.

Vị ấy nói: Tâm không có đối tượng duyên quyết định là có. Vì sao? Vì duyên nơi quá khứ hoặc duyên nơi vị lai.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Bí-sô Bản-ngư-sur-sa-đề nên nói: Này các Bí-sô! Do các thứ nhân, do các thứ duyên nên phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào các thứ số. Do mắt (Nhãn căn) và sắc nên phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp nên phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào số ý thức.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại nói: Ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu ông nói tâm không có đối tượng duyên quyết định là có, tức không nên nói trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Bí-sô Bản-ngư-sur-sa-đề nên nói: Này các Bí-sô! Do các thứ nhân, do các thứ duyên nên phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào các thứ số. Do mắt và sắc nên phát sinh ra thức, thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp nên phát sinh ra thức, thức đã sinh ra thì rơi vào số ý thức. Nếu nói như ông đã nêu thì không hợp đạo lý.

Ông nay nếu nói: Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Bí-sô Bản-ngư-sur-sa-đề nên nói: Này các Bí-sô! Do các thứ nhân, do các thứ duyên nên phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào các thứ số. Do mắt và sắc nên phát sinh ra thức, thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp nên phát sinh ra thức, thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số ý thức. Như vậy thì không nên nói tâm không có đối tượng duyên quyết định là có. Nếu nói quyết định là có tâm không có đối tượng duyên thì không hợp đạo lý.

*

** Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nếu như có biết hổ thẹn, hối hận, phòng giữ và yêu thích việc học, nương thân lâu nơi xứ thiện, chứng được bốn thứ tĩnh lự của thế gian.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Khi người kia sắp qua đời, có các bậc trí thức đồng phạm hạnh đến hỏi: Này Cụ thọ! Ông có nhớ rõ các quả đã chứng của mình không? Người đó nói: Thưa các vị! Tôi nay đã chứng được bốn thứ

tĩnh lự của thể gian. Nên hỏi vị kia: Cụ thọ đã nhớ được những chỗ chứng đắc nào? Ở quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ghi nhớ ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ghi nhớ ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ghi nhớ ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được ghi nhớ, một bên là chủ thể ghi nhớ, lại ở trong định nên nói lời khác, đây là điều không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được ghi nhớ, một bên là chủ thể ghi nhớ, lại ở trong định nên không nói lời khác, tức không nên nói ghi nhớ ở hiện tại. Nếu nói ghi nhớ ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ghi nhớ ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là không, không có pháp vượt hơn người khác mà tự nói là có, người ấy nên bỏ đi.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có năm thứ căn, đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Nay các Bì-sô! Nếu như có người đối với năm căn này, do nơi phẩm thượng, do sự mãnh liệt, do điều phục căn thiện, do viên mãn nên thành bậc A-la-hán câu phần giải thoát. Từ nay đã được hàng phục nên chuyển đổi những chỗ nhỏ, chậm, thành tuệ giải

thoát. Từ nay đã được hàng phục nên chuyển đổi những chỗ nhỏ, chậm, thành thân chứng. Từ nay đã được hàng phục nên chuyển đổi những chỗ nhỏ, chậm, thành kiến đắc. Từ nay đã được hàng phục nên chuyển đổi những chỗ nhỏ, chậm, thành tín giải thoát, thành tùy pháp hành, thành tùy tín hành. Nay các Bí-sô, như thế nên biết: Do căn Ba-la-mật-đa làm duyên nên quả Ba-la-mật-đa được thành lập có thể nhận biết. Do quả Ba-la-mật-đa làm duyên nên Bồ-đặc-già-la Ba-la-mật-đa được thành lập có thể nhận biết. Như thế nên năm căn đều rất có ích. Nay các Bí-sô! Nếu có người đối với năm căn này, thấy tất cả đều vô ngã, nên nói người kia đã trụ ngoài hạng phàm phu.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Thưa Tôn giả, kẻ hữu học hiện khởi tâm ràng buộc, bây giờ năm căn ấy nên nói là ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là tâm tu học, một bên là tâm bị ràng buộc, đây là điều không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là tâm tu học, một bên là tâm bị ràng buộc, tức không nên nói ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là kẻ hữu học hiện khởi tâm ràng buộc, nên nói là ở ngoài, nên nói là phàm phu, nên nói là trụ bên ngoài hạng phàm phu.

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Tôn giả Vô Diệt, nên đối với tâm tứ của bậc Đại sĩ, nói thiếu dục là pháp, đại dục là phi pháp.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Thưa Tôn giả! Thiếu dục là pháp thế nào?

Đáp: Tức là tâm sở pháp cùng tương ưng với tâm.

Lại hỏi: Nay Tôn giả! Nếu bậc A-la-hán thân ở cõi Dục, hiện nhập định diệt tận, như thế thì thiếu dục nên nói là ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, tức không nên nói là hiện nhập định diệt. Nếu nói hiện nhập định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là bậc A-la-hán thân ở cõi Dục, hiện nhập định diệt nên không có thiếu dục.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, vì Cụ thọ La-hỗ-la nói: Nay La-hỗ-la! Nếu có thấy biết đúng sự việc

lại nói dối, lại không biết xấu hổ, không có ăn năn, Ta nói người ấy không có nghiệp ác nào mà không tạo tác.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Này Cụ thọ! Xấu hổ là pháp như thế nào?

Đáp: Tức là tâm sở pháp cùng tương ưng với tâm.

Lại hỏi: Này Cụ thọ! Như bậc A-la-hán thân ở cõi Dục, hiện nhập định diệt, như thế thì xấu hổ nên nói là ở vào đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, tức không nên nói là hiện nhập định diệt. Nếu nói hiện nhập định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là bậc A-la-hán thân ở cõi Dục, hiện nhập định diệt nên không có xấu hổ.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 2

Uẩn thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, phần 5

* *Tụng nêu tổng quát thứ tư:* (Phần sau)

*Nêu chỗ ở hữu tình
Ấn, Thánh đế, đoạn lậu.*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có chín chỗ ở của hữu tình:

1. Loài hữu tình có sắc, có các thứ thân, có các thứ tướng, tức là loài người và một phần các cõi trời. Đó là chỗ ở thứ nhất.

2. Loài hữu tình có sắc, có các thứ thân, có một thứ tướng, tức là cõi trời Phạm Chúng và những kẻ mới sinh lên đấy. Đó là chỗ ở thứ hai.

3. Loài hữu tình có sắc, có một thứ thân, có nhiều thứ tướng, tức là cõi trời Quang Âm. Đó là chỗ ở thứ ba.

4. Loài hữu tình có sắc, có một thứ thân, một thứ tướng, tức là cõi trời Biến tịnh. Đó là chỗ ở thứ tư.

5. Loài hữu tình có sắc, không có tướng, không có các tướng riêng khác, tức là cõi trời Vô Tướng. Đó là chỗ ở thứ năm.

6. Loài hữu tình không sắc, vượt qua tất cả các thứ tướng sắc, tướng có đối đều không còn, không tác ý với các thứ tướng nữa. Ở khoảng hư không vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Không vô biên, tức là tiếp cận cõi trời Không vô biên xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu.

7. Loài hữu tình không sắc, đã vượt qua tất cả các thứ nơi xứ Hư không vô biên, vào Thức vô biên, trụ đầy đủ nơi xứ Thức vô biên. Đó là chỗ ở thứ bảy.

8. Loài hữu tình không sắc, đã vượt qua tất cả thứ nơi xứ Thức vô biên, không còn chút gì cả, trụ đầy đủ nơi xứ Vô sở hữu, tức là tiếp cận cõi trời Vô sở hữu xứ. Đó là chỗ ở thứ tám.

9. Loài hữu tình không sắc, đã vượt qua tất cả các thứ nơi xứ Vô sở hữu, trụ đầy đủ nơi xứ Phi tướng phi phi tướng, tức là tiếp cận cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chỗ ở thứ chín.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Nếu bậc A-la-hán thân đang ở cõi Dục, hiện nhập định diệt, nên nói vị đó trụ vào chỗ nào nơi chín chỗ ở của hữu tình?

Vị ấy đáp: Vị đó trụ ở chỗ có các thứ thân, các thứ tướng.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Do tướng ở đời nào mà nói là có tướng? Là ở quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói do tướng ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói do tướng ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói do tướng ở hiện tại, tức không nên nói hiện nhập định diệt. Nếu nói hiện nhập định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không do tướng ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như bậc A-la-hán thân ở cõi Dục, hiện nhập định diệt, nên nói là không tướng, nên nói là hữu tình không có tướng, nên nói là trụ ở chỗ hữu tình không có tướng.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Tất cả các hữu tình đều dựa vào ăn uống để trụ.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Chúng hữu tình là chư Thiên nơi cõi Vô tướng nên nói là họ có ăn uống không?

Vị ấy đáp: Họ có ăn uống bằng xúc, ý tư, thức.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Việc ăn uống đó bây giờ nên nói là thuộc về đời nào? Là quá khứ, vị lai, hay hiện tại?

Nếu nói thuộc về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói thuộc về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói thuộc về hiện tại, tức không nên nói là hữu tình không có tướng. Nếu nói là hữu tình không có tướng thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Tất cả hữu tình đều dựa vào ăn uống để trụ. Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ,

chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

*

* *Sa-môn Mục-liên nói như thế này*: Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có sáu thức thân, đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là có người có thể đối với nhãn thức đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Người ấy đã quán, đang quán, sẽ quán nhân kia là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Quán sự diệt kia là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Quán đạo kia có thể đoạn dứt là đạo, là như, là hành, là xuất.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên quán như thế nào? Quán về quá khứ chăng? Quán về vị lai, hiện tại chăng?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một bên là chủ thể quán, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được quán, một

bên là chủ thể quán, tức không nên nói quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có quán về quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như không thể đối với nhãn thức đã quán, đang quán, sẽ quán, đó là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Đã quán, đang quán, sẽ quán thấy nhân kia là nhân, là tập, là sinh, là duyên ; thấy diệt kia là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa; thấy đạo kia có thể đoạn dứt là đạo, là như, là hành, là xuất. Nếu không thể quán thì không thể đã chán bỏ, đang chán bỏ, sẽ chán bỏ. Nếu không thể chán bỏ thì không thể đã lìa nhiễm, đang lìa nhiễm, sẽ lìa nhiễm. Nếu không thể lìa nhiễm thì không thể đã giải thoát, đang giải thoát, sẽ giải thoát. Nếu không thể giải thoát thì không thể đã Bát Niết-bàn, đang Bát Niết-bàn, sẽ Bát Niết-bàn.

Như nói về nhãn thức, các thứ nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức cũng như vậy.

*

** Sa-môn Mục-liên nói như thế này:* Quá khứ, vị lai là không, nhưng hiện tại và vô vi là có.

Nên hỏi vị ấy: Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Các Bí-sô nên đoạn dứt các lậu.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Nên đoạn dứt như thế nào? Đoạn dứt ở quá khứ chăng? Đoạn dứt ở vị lai, hiện tại chăng?

Nếu nói đoạn dứt ở quá khứ, nên nói là có quá khứ, không nên nói là không có quá khứ. Nếu nói quá khứ là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói đoạn dứt ở vị lai, nên nói là có vị lai, không nên nói là không có vị lai. Nếu nói vị lai là không thì không hợp đạo lý.

Nếu nói đoạn dứt ở hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được đoạn dứt, một bên là chủ thể đoạn dứt, điều ấy là không hợp lý. Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm hòa hợp, nếu cho một bên là đối tượng được đoạn dứt, một bên là chủ thể đoạn dứt, tức không nên nói đoạn dứt ở hiện tại. Nếu nói đoạn dứt ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có đoạn dứt ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tức như trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Các Bí-sô nên đoạn dứt các lậu. Như vậy, đối với Khế kinh Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông không nên phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối. Nếu ông phỉ báng, trái nghịch, vượt bỏ, chống đối các điều Đức Thế Tôn đã giảng nói nơi Khế kinh như thế thì không hợp đạo lý.

Uẩn thứ 2: BỒ ĐẶC GIÀ LA, phần 1

** Tụng nêu tổng quát thứ nhất:*

*Hướng Bồ-đặc-già-la
Tám thứ và ba tụ
Ba thứ tự tạo tác
Thấy nghe hiểu biết sau.*

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này:* Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều đó là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Năm nẻo (Thú) như thế quyết định

được an lập không cùng lẫn lộn, tức là nẻo Nại-lạc-ca (Địa ngục), nẻo bàng sinh, nẻo quý, nẻo trời và nẻo người, quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến quyết định có nẻo người.

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi vị ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh nơi nẻo bàng sinh?

Vị ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại nói: Nay ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu có năm nẻo (thú) quyết định được an lập không cùng lẫn lộn, tức là nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến nẻo người, quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến quyết định là riêng có nẻo người, tức không nên nói: Có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh. Lời ông nói đó là không hợp đạo lý.

Ông nay nếu nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh, tức không nên nói năm nẻo như thế quyết định được an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là từ nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến nẻo người, quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến quyết định là riêng có nẻo người. Nói năm nẻo này quyết định được an lập không cùng lẫn lộn, tức là nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến nẻo người quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca v.v... cho đến quyết định riêng có nẻo người, là không hợp đạo lý.

Nếu người kia nói: Nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Cõi kia tức là cõi kia.

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu nhất định có người ở nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh, tức là nên

nói cỗi kia tức là cỗi kia. Ông nói lời ấy là không hợp đạo lý. Nếu ông không nói cỗi kia tức là cỗi kia, tức không nên nói nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh. Nếu nói nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh thì không hợp đạo lý.

Nếu nói như vậy: Cỗi kia tức là cỗi kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo bàng sinh.

Người ấy đáp: Không đúng.

Vậy ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu cỗi kia tức là cỗi kia, nên nói nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo bàng sinh. Ông nói lời đó là không hợp đạo lý. Nếu ông không nói nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo bàng sinh, thì không nên nói cỗi kia tức là cỗi kia, vì nói như thế thì không hợp đạo lý.

Nếu nói như vậy: Cỗi kia khác với cỗi kia.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nếu nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt thì riêng sinh ở nẻo bàng sinh.

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu cỗi kia khác với cỗi kia, tức là nên nói nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt rồi riêng sinh ở nẻo bàng sinh, ông nói lời ấy là không hợp đạo lý.

Nếu ông không nói ở nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt sẽ riêng sinh ở nẻo bàng sinh, tức không nên nói cỗi kia khác với cỗi kia, vì nói như thế là không hợp đạo lý.

Nếu nói như vậy: Không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia, hoặc là khác cỗi kia.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh. Nếu nói

như thế cũng không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc là khác với cỗi kia.

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo rơi vào chỗ bị thua. Nếu không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc khác với cỗi kia, tức là nên nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh. Lời nói như thế cũng không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc là khác với cỗi kia. Lời ông nói đó là không hợp đạo lý. Nếu ông không nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh, lời nói như thế cũng không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc là khác với cỗi kia. Tức là không nên nói không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc là khác với cỗi kia. Vì nói không thể nói cỗi kia hoặc là cỗi kia hoặc khác với cỗi kia thì không hợp đạo lý.

Như nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo bàng sinh, thì việc có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo quý cũng như vậy.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này:* Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện ngữ thiện, có nói: Năm nẻo (thú) như thế quyết định được an lập không cùng lẫn lộn, tức là nẻo Nại-lạc-ca, nẻo bàng sinh, nẻo quý, nẻo trời và nẻo người. Quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca cho đến quyết định riêng có nẻo người.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có năm nẻo quyết định được an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là nẻo Nại-lạc-ca cho đến nẻo người, quyết định có riêng nẻo Nại-lạc-ca cho đến quyết định có riêng nẻo người, tức không nên nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người. Ông nói như thế là không đúng đạo lý.

Ông nay nếu nói có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người thì không nên nói năm nẻo như thế quyết định được an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là nẻo Nại-lạc-ca cho đến nẻo người quyết định riêng có nẻo Nại-lạc-ca cho đến quyết định riêng có nẻo người. Nói năm nẻo này quyết định an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là nẻo Nại-lạc-ca cho đến nẻo người, quyết định là riêng có nẻo Nại-lạc-ca cho đến quyết định riêng có nẻo người.

Là không hợp đạo lý, như người kia nói nhất định là có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Cõi kia tức là cõi kia?

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người, tức là nên nói cõi kia tức là cõi kia. Lời ông nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu ông không nói cõi kia tức là cõi kia, thì không nên nói nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh nơi nẻo người. Nói nhất định có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh nơi nẻo người là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Cõi kia tức là cõi kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo người.

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu cỗi kia tức là cỗi kia, tức là nên nói nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo người. Lời ông nói ấy là không đúng lý. Nếu ông không nói nẻo Nại-lạc-ca kia tức là nẻo người thì không nên nói cỗi kia tức là cỗi kia. Nếu nói cỗi kia tức là cỗi kia là không đúng đạo lý.

Lại nếu nói: Cỗi kia tức là cỗi kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nơi nẻo Nại-lạc-ca đối với việc sinh ra các căn, lực, giác chi vô lậu v.v... không có khả năng, còn nẻo người thì có khả năng.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Cỗi kia không có khả năng tức là có khả năng?

Đáp: Không đúng!

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu cỗi kia tức là cỗi kia, tức là nên nói cỗi kia không có khả năng tức có khả năng làm được. Ông nói lời ấy là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói cỗi kia không có khả năng tức có khả năng làm được, thì không nên nói cỗi kia tức là cỗi kia, nếu nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu nói như vậy: Cỗi kia khác với cỗi kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt rồi thì riêng sinh lên nẻo người?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu cỗi kia khác với cỗi kia, tức là nên nói ở nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt rồi sẽ riêng sinh vào nẻo người. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói nơi nẻo Nại-lạc-ca đoạn dứt rồi riêng sinh vào nẻo người, thì không nên nói là cỗi kia khác với cỗi kia. Nếu nói cỗi kia khác với cỗi kia là không đúng đạo lý.

Như nói lời này: Không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc khác với cõi kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người. Lời nói như thế cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc khác với cõi kia?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc khác với cõi kia, tức là nên nói có kẻ từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào nẻo người. Lời nói như thế cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác. Nay ông nói thế là không đúng đạo lý.

Nếu ông không nói là có người ở nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh nơi nẻo người. Lời nói như thế cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác, tức không nên nói không thể nói: Cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác với cõi kia. Nếu nói không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc khác với cõi kia là không đúng đạo lý.

Như có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh nơi nẻo người, thì có người từ nẻo Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên nẻo trời cũng như vậy. Như ở nẻo Nại-lạc-ca, ở các nẻo bàng sinh, nẻo quỷ, nẻo người, trời v.v... cũng như vậy.

Trong đây có sai biệt là đối với các nẻo Nại-lạc-ca, nẻo bàng sinh, nẻo quỷ không nên nói là có khả năng làm được, chỉ có nơi nẻo người, trời mới nói là có khả năng. Ở trong nẻo người, trời thì không nên nói là không có khả năng, chỉ nơi các nẻo Nại-lạc-ca, bàng sinh, quỷ mới nói là không có khả năng làm được.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này:* Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng

nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Tám thứ Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng, hướng hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng, hướng hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng, hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng, hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Các quả Dự lưu có thể tác chứng, hướng, Bồ-đặc-già-la đều chứng được quả Dự lưu?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có tám thứ Bồ-đặc-già-la quyết định an lập không cùng lẫn lộn: Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán. Như thế tức không nên nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la chứng được quả Dự lưu. Lời ông nói đó là không đúng đạo lý.

Nay ông nếu nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la chứng được quả Dự lưu, tức không nên nói tám loại Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Nói tám thứ Bồ-đặc-già-la này quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán. Điều này không đúng đạo lý.

Người ấy nói: Các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la nhất định chứng được quả Dự lưu. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Quả kia tức là quả kia?

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la nhất định được quả Dự lưu, tức là nên nói quả kia tức là quả kia. Ông nói lời đó là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói quả kia tức là quả kia, thì không nên nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la nhất định chứng được quả Dự lưu, nói như thế là không hợp đạo lý.

Nếu nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả.

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia tức là quả kia, ông tức nên nói: Người kia tác chứng hướng là trụ nơi quả. Lời nói của ông là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả, thì không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói quả kia tức là quả kia là không đúng đạo lý.

Lại, nếu nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la không thành tựu được quả, hoặc quả Dự lưu thành tựu được quả.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Người kia không thành tựu tức là thành tựu?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, Bồ-đặc-già-la không thành tựu quả, chỉ quả Dự lưu kia thành tựu được quả, tức là nên nói người kia không thành tựu tức là thành tựu. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia không thành tựu tức là thành tựu, thì không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói như vậy là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Quả kia khác với quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi thì riêng sinh được quả Dự lưu?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia khác với quả kia, tức là nên nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả Dự lưu. Ông nói như thế là không đúng lý. Nếu ông không nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả Dự lưu, thì không nên nói: Quả kia khác với quả kia. Nếu nói quả kia khác với quả kia là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Không thể nói quả kia hoặc là nó hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đạt được quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác nó.

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức là nên nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng và đạt được quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng

không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Lời nói ấy của ông là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói: Các quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đạt được quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức không nên nói, không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác. Ông nói lời nói ấy là không đúng đạo lý.

Như quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đối chiếu với quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức không nên nói là không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác. Ông nói lời ấy là không đúng đạo lý.

Như quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, đối chiếu với quả Dự lưu, thì các quả Nhất lai có thể tác chứng hướng, đối chiếu với quả Nhất lai cũng vậy. Ở đây có sai biệt là các quả Nhất lai có thể tác chứng hướng, tức không nên nói nhất định không thành tựu quả.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Tám loại Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng và đạt được quả Bất hoàn?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán, tức không nên nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đạt được quả Bất hoàn. Ông nói lời đó là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng và đạt được quả Bất hoàn, thì không nên nói tám loại Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Nói có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán là không đúng đạo lý. Người kia nói: Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả Bất hoàn. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Quả kia tức là quả kia?

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng và đạt được quả Bất hoàn tức là nên nói quả kia tức là quả kia. Nhưng lời của ông nói là không đúng đạo lý. Nếu

ông không nói quả kia tức là quả kia, thì không nên nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả Bất hoàn. Nói quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả Bất hoàn là không đúng đạo lý.

Nếu như nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia tức là quả kia, tức là nên nói người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả thì không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói như thế là không đúng đạo lý.

Lại, nếu nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng đã có giận dữ thì quả Bất hoàn kia nên xa lìa giận dữ?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Người kia có giận dữ tức là lìa bỏ giận dữ?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia tức là quả kia thì nên nói người kia có giận dữ tức đã lìa bỏ giận dữ. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia có giận dữ tức là lìa bỏ giận dữ, tức không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói như vậy là không đúng đạo lý.

Nếu nói như vậy: Quả kia khác với quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả Bất hoàn.

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia khác với quả kia, tức là nên nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả Bất hoàn. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả Bất hoàn, thì không nên nói: Quả kia khác với quả kia. Nói quả kia khác với quả kia là không đúng đạo lý.

Như có lời nói: Không thể nói là quả kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, sẽ đạt được quả Bất hoàn. Lời nói như thế cũng không thể nói: Quả kia hoặc là nó hoặc là khác?
Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói: Quả kia hoặc là nó hoặc là khác, tức là nên nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đạt được quả Bất hoàn. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó hoặc là khác. Lời ông nói đó là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hướng, đạt được quả Bất hoàn. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó hoặc là khác, tức không nên nói không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nói không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác nó là không đúng đạo lý.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này:* Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Tám loại Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng

hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Là quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đạt được quả A-la-hán?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, tức quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, tức quyết định riêng có quả A-la-hán v.v... tức không nên nói quả A-la-hán có thể tác chứng hướng đều đạt được quả A-la-hán. Ông nói như thế là không đúng đạo lý.

Ông nay nếu nói quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đều đạt được quả A-la-hán, tức không nên nói tám loại Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán. Quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, quyết định riêng có quả A-la-hán.

Nói có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, hoặc quả A-la-hán, tức quyết định riêng có quả Dự lưu có thể tác chứng hướng, quyết định

riêng có quả Dự lưu, cho đến quyết định riêng có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, nên quyết định riêng có quả A-la-hán, là không đúng đạo lý.

Người kia nói: Quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả A-la-hán. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Quả kia tức là quả kia?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả A-la-hán, tức là nên nói quả kia tức là quả kia. Ông nói lời ấy là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói quả kia tức là quả kia, thì không nên nói quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả A-la-hán. Nói quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, nhất định đạt được quả A-la-hán là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia tức là quả kia thì nên nói: Người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả. Ông nói lời như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia tác chứng hướng tức là trụ nơi quả, thì không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói như thế là không đúng đạo lý.

Lại, nếu nói: Quả kia tức là quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, chưa hoàn toàn lìa tham, chưa hoàn toàn lìa mạn, chưa hoàn toàn lìa vô minh v.v... do hàng hữu học còn tạo tác. Quả A-la-hán đã hoàn toàn lìa tham, đã hoàn toàn lìa mạn, đã hoàn toàn lìa vô minh, là bậc vô học, mọi việc làm đã xong.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Người kia đang tạo tác tức là việc làm đã xong?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu quả kia tức là quả kia, tức là nên nói người kia đang tạo tác tức là việc làm đã xong. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói người kia đang tạo tác tức là việc làm đã xong thì không nên nói quả kia tức là quả kia. Nếu nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu lại nói: Quả kia khác với quả kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, khi đoạn dứt thì riêng sinh quả A-la-hán?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu nói quả kia khác với nó tức là nên nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi riêng sinh quả A-la-hán. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đoạn dứt rồi liền riêng sinh quả A-la-hán, tức không nên nói quả kia khác với nó. Nếu nói quả kia khác với nó là không đúng đạo lý.

Nếu lại nói: Không thể nói quả kia hoặc là nó hoặc là khác. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đều đạt được quả A-la-hán. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó hoặc là khác?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức là nên nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đều đạt được quả A-la-hán. Lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác. Ông nói lời đó

là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hướng, đều đạt được quả A-la-hán, lời nói như thế cũng không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức không nên nói: không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác. Nói không thể nói quả kia hoặc là nó, hoặc là khác là không đúng đạo lý.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Ba tụ như thế là quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định là riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Là có người ở tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định?

Đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có ba tụ quyết định an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định, tức không nên nói có người từ tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định. Ông nói như thế là không đúng đạo lý.

Ông nay nếu nói có người từ tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định, tức không nên nói ba tụ như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định. Nói có ba tụ quyết định an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, nên quyết

định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định, là không đúng đạo lý.

Người kia nói: Nhất định có người từ tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Tụ kia tức là tụ kia?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu nhất định có người từ tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định tức là nên nói tụ kia tức là tụ kia. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói tụ kia tức là tụ kia, tức không nên nói nhất định có người từ tụ bất định nhập vào tụ tà tánh định, vì nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Tụ kia tức là tụ kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là những người trụ nơi tụ bất định tức là trụ nơi tụ tà tánh định?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tụ kia tức là tụ kia, tức là nên nói các người trụ nơi tụ bất định tức là trụ nơi tụ tà tánh định. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói những người đang trụ ở tụ bất định tức là đang trụ ở tụ tà tánh định, tức không nên nói tụ kia tức là tụ kia. Nếu nói như thế là không đúng đạo lý.

Lại, nếu nói: Tụ kia tức là tụ kia. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là khi trụ nơi tụ bất định vẫn có khả năng sinh ra các thứ căn, lực, giác chi vô lậu, còn khi trụ vào tụ tà tánh định thì không có khả năng như thế?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Là người kia có khả năng làm được tức là không có khả năng?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu tị kia tức là tị kia thì mới nói được người kia có khả năng làm được tức là không có khả năng. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói: Người kia có khả năng làm được tức là không có khả năng, thì không nên nói tị kia tức là tị kia. Nếu nói như vậy là không đúng đạo lý.

Nếu nói như vậy: Tị kia khác với nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các người đã trụ nơi tị bất định, khi đoạn dứt riêng sinh trụ vào tị tà tánh định?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu tị kia khác với nó tức là nên nói các người trụ nơi tị bất định, khi đoạn dứt rồi riêng sinh trụ nơi tị tà tánh định. Ông nói điều đó là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các người đang trụ ở tị bất định, khi đoạn dứt rồi thì riêng sinh trụ nơi tị tà tánh định, tức không nên nói tị kia khác với nó. Nếu nói tị kia khác với nó là không đúng đạo lý.

Nếu nói lời này: Không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Các người từ tị bất định nhập vào tị tà tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác nó.

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác nó, tức là nên nói các người từ tị bất định nhập vào tị tà tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các người từ tị bất định nhập vào tị tà tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc khác nó, tức không nên nói: không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nếu nói không thể nói tị kia hoặc là nó, hoặc là khác nó là không đúng đạo lý.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Ba tụ như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định?

Người ấy đáp: Đúng thế.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Tức có người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có ba tụ quyết định an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định, tức không nên nói có người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói có người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định, tức không nên nói ba tụ như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn. Nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định. Nói có ba tụ quyết định an lập không cùng lẫn lộn, nghĩa là tụ bất định, tụ tà tánh định, tụ chánh tánh định, tức quyết định riêng có tụ bất định, riêng có tụ tà tánh định, riêng có tụ chánh tánh định là không đúng đạo lý.

Người kia lại nói: Nhất định có người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Tụ kia tức là tụ kia?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu nhất định có người từ tự bất định nhập vào tự chánh tánh định, tức là nên nói tự kia tức là tự kia. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói tự kia tức là tự kia, thì không nên nói nhất định có người từ tự bất định nhập vào tự chánh tánh định. Nói nhất định có người từ tự bất định nhập vào tự chánh tánh định là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Tự kia tức là tự kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Là các người trụ nơi tự bất định tức là trụ nơi tự chánh tánh định?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tự kia tức là nó, tức nên nói những người trụ nơi tự bất định tức là đang trụ nơi tự chánh tánh định. Ông nói lời ấy là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các người đang trụ ở tự bất định tức là trụ nơi tự chánh tánh định, tức không nên nói tự kia tức là tự kia, vì nói tự kia tức là nó là không đúng đạo lý.

Lại, nếu nói: Tự kia tức là tự kia, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Các người đang trụ nơi tự bất định là phước điền hữu lượng, còn trụ nơi tự chánh tánh định là phước điền vô lượng?

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Các phước điền hữu lượng tức là phước điền vô lượng?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tự kia tức là tự kia, tức nói các phước điền hữu lượng tức là phước điền vô lượng. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các phước

điền hữu lượng tức là phước điền vô lượng, thì không nên nói tụ kia tức là tụ kia. Nếu nói tụ kia tức là tụ kia là không đúng đạo lý.

Nếu nói như vậy: Tụ kia là khác với nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Là những người trụ nơi tụ bất định, đoạn dứt rồi riêng sinh trụ nơi tụ chánh tánh định?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tụ kia khác với nó tức là nên nói các người trụ nơi tụ bất định khi đoạn dứt rồi, liền riêng sinh trụ nơi tụ chánh tánh định. Ông nói điều đó là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói các người đang trụ ở tụ bất định, khi đoạn dứt rồi riêng sinh trụ nơi tụ chánh tánh định, tức không nên nói tụ kia khác với nó. Nếu nói tụ kia khác với nó là không đúng đạo lý.

Nếu nói lời này: Không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Những người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó.

Người ấy đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác, tức là nên nói có những người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Lời ông nói thế là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói có những người từ tụ bất định nhập vào tụ chánh tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó, tức không nên nói: không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nếu nói không thể nói tụ kia hoặc là nó, hoặc là khác nó là không đúng đạo lý.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 3

Uẩn thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, phần 2

* *Tụng nêu tổng quát thứ nhất* (Phần sau):

Ba thứ tự tạo tác

Thấy nghe hiểu biết sau.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la có thể đạt được, có thể chứng đắc, là hiện có cùng có, thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Ba thứ Bồ-đặc-già-la như thế quyết định an lập không cùng lẫn lộn, đó là Bồ-đặc-già-la học, Bồ-đặc-già-la vô học và Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Pháp cũng có ba thứ, tức là pháp hữu học, pháp vô học và pháp phi học phi vô học.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Trước là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kế đến là thành có học, đã thành có

học rồi sau thành vô học, đã thành vô học rồi lại thành Bồ-đặc-già-la hữu học.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Trước là pháp phi học phi vô học, kể đến là thành có học, đã thành có học rồi sau thành vô học, đã thành vô học rồi lại thành pháp học.

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu trước là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kể đến thành học, đã thành học rồi sau thành vô học. Thành vô học rồi lại thành Bồ-đặc-già-la hữu học. Tức là nên nói trước là pháp phi học phi vô học, kể đến thành học, đã thành học rồi sau thành vô học. Thành vô học rồi lại thành pháp học. Ông nói như thế là không hợp đạo lý. Nếu ông không nói trước là pháp phi học phi vô học, kể đến thành có học, đã thành có học, sau thành vô học, thành vô học rồi lại trở thành pháp học, tức không nên nói trước là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kể đó thành có học, đã thành có học rồi, sau thành vô học, thành vô học rồi lại thành Bồ-đặc-già-la có học. Nói trước là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kể đó thành học, đã thành học rồi, sau thành vô học. Thành vô học rồi lại thành Bồ-đặc-già-la có học, là không hợp đạo lý.

** Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này:* Có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp, hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia đã tạo các nghiệp thuận lạc thọ rồi sẽ nhận lãnh các lạc thọ, tạo các nghiệp thuận khổ thọ rồi sẽ nhận lãnh các khổ thọ, tạo các nghiệp thuận thọ không khổ không lạc rồi sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không lạc.

** Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều này là đúng chẳng? Tự mình tạo ra khổ vui?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia đã tạo các nghiệp thuận lạc thọ thì sẽ nhận lãnh các lạc thọ, đã tạo các nghiệp thuận khổ thọ thì sẽ nhận lãnh các khổ thọ, đã tạo các nghiệp thuận thọ không khổ không lạc thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không lạc, tức là nên nói tự mình tạo ra khổ vui. Ông nói lời ấy là không hợp đạo lý. Nếu ông không nói tự mình tạo ra khổ vui thì không nên nói là có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia tạo ra các nghiệp thuận lạc thọ rồi thì sẽ nhận lãnh lạc thọ, tạo ra các nghiệp thuận khổ thọ rồi thì sẽ nhận lãnh khổ thọ, tạo ra các nghiệp thuận thọ không khổ không lạc rồi thì sẽ nhận lãnh thọ không khổ không lạc. Nếu nói như thế là không hợp đạo lý.

Còn như nói: Tự mình tạo ra khổ vui. Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì ông Siêm-bộ-lu xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lu đã nhận lãnh các thứ hữu dụng khiến tự mình tạo ra các khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lu ta không nói hết.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tự mình tạo ra khổ vui thì không nên nói, nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có kể: Vì ông Siêm-bộ-lu xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lu đã nhận lãnh các thứ hữu dụng khiến tự mình tạo ra các khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lu ta không nói hết.

Ông nói như thế là không hợp đạo lý. Ông nay nếu nói nghĩa là trong khế hợp Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói về việc Siêm-bộ-lu như vừa kể trên, tức không nên nói tự mình tạo ra các khổ vui, vì nói tự mình tạo ra các khổ vui là không hợp đạo lý.

Nếu nói như vậy: Người khác đã tạo ra khổ vui, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có kể: Vì Siêm-bộ-lu xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lu nhận khác lãnh khác, hoặc hữu dục khiến kẻ khác tạo ra khổ vui, việc của Siêm-bộ-lu này ta không nói hết.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu kẻ khác tạo ra các khổ vui, tức không nên nói theo như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, đã nói: Vì Siêm-bộ-lu xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lu nhận khác lãnh khác các thứ hữu dục khiến kẻ khác tạo ra khổ vui, việc ông Siêm-bộ-lu này ta không nói hết. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Siêm-bộ-lu xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lu nhận khác lãnh khác về các thứ hữu dục khiến kẻ khác tạo ra khổ vui, việc Siêm-bộ-lu này ta không nói hết, tức không nên nói kẻ khác tạo ra khổ vui. Nói kẻ khác tạo ra các khổ vui là không đúng đạo lý.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp, hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia tạo ra các nghiệp thuận lạc thọ rồi sẽ nhận lãnh các lạc thọ, tạo ra các nghiệp thuận khổ thọ rồi sẽ nhận lãnh các khổ thọ, tạo ra các nghiệp thuận thọ không khổ không lạc rồi sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không lạc.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi:* Ông có cho điều này là đúng chẳng? Đây làm đây nhận?

Đáp: Không đúng.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia tạo ra các nghiệp thuận lạc thọ rồi sẽ nhận lãnh các lạc thọ, tạo ra các nghiệp thuận khổ thọ rồi sẽ nhận lãnh các khổ thọ, tạo ra các nghiệp thuận thọ không khổ không lạc rồi sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không lạc, tức là nên nói đây làm đây nhận. Lờ ông nói đó là không đúng đạo lý. Nếu ông không nói đây làm đây nhận, thì không nên nói có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể tạo ra các nghiệp hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Người kia đã tạo ra các nghiệp thuận với lạc thọ rồi sẽ nhận lãnh các lạc thọ, tạo ra các nghiệp thuận với khổ thọ rồi sẽ nhận lãnh các khổ thọ, tạo ra các nghiệp thuận với thọ không khổ không lạc sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không lạc. Nếu nói như vừa nêu là không đúng đạo lý.

Nếu nói như vậy: Đây làm đây nhận, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Đây làm đây nhận là rơi vào biên thường.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu đây làm đây nhận thì không nên nói là theo như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Đây làm đây nhận là rơi vào biên thường. Lờ ông nói đó là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói theo như trong

Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Đây làm đây nhận là rơi vào biên thường, tức không nên nói đây làm đây nhận. Nếu nói đây làm đây nhận là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Làm khác nhận khác, nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Làm khác nhận khác là rơi vào biên đoạn.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kẻo bị rơi vào chỗ thua. Nếu làm khác nhận khác thì không nên nói là theo như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Làm khác nhận khác là rơi vào biên đoạn. Ông nói điều đó là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói là theo trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Này Phạm chí! Làm khác nhận khác là rơi vào biên đoạn, tức không nên nói là làm khác nhận khác. Nói làm khác nhận khác là không đúng đạo lý.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi dưỡng, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên ở trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết, đã có được, đã tìm cầu, ý theo tâm tứ.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Vì Bí-sô Bản-mục-lư-át-ly-sất-trá, nên nói: Này Bí-sô! Trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết, đã có được, đã tìm cầu, ý theo tâm tứ, như thế tất cả đều không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là ngã của ngã, dùng chánh tuệ để quán thấy đúng như thật như vậy.

Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên ở trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết đã có được, đã tìm cầu, ý theo tầm tứ, tức không nên nói như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện có nói: Vì Bí-sô Bản-mục-lu-át-ly-sát-trá nên nói: Này Bí-sô! Trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết, đã có được, đã tìm cầu, ý theo tầm tứ như thế tất cả không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là ngã của ngã, nên dùng chánh tuệ để quán thấy đúng như thật như thế. Ông nói lời ấy là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói nghĩa là như trong khế hợp, nói rộng cho đến nên dùng chánh tuệ quán thấy đúng như thật như thế, tức không nên nói là có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên ở trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết, đã có được, đã tìm cầu, ý theo tầm tứ. Nói có ngã, hữu tình, thọ mạng, sinh ra, nuôi lớn, thành sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, do có Bồ-đặc-già-la nên ở trong các pháp thấy, nghe, hiểu, biết, đã có được, đã tìm cầu, ý theo tầm tứ là không đúng đạo lý.

Uẩn thứ 2: BỒ ĐẶC GIÀ LA, phần 3

* *Tụng nêu tổng quát thứ hai:*

*Nói Từ duyên nơi nào?
Thức thân cùng niệm trụ
Các giác chi đạt được
Hữu vi và vô vi.*

* *Luận giả về tánh không nói như thế này:* Là nghĩa đúng thực, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la không phải có thể đạt được, không

phải có thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nêu câu hỏi:* Này Cụ thọ! Tâm Từ duyên nơi nào?

Đáp: Nơi các pháp tánh là có cùng có, do tướng cùng tướng, nên giả nói về hữu tình. Ở trong nghĩa này tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn tiếp nối.

Người kia hỏi: Ông nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp nhau phải chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Người kia lại hỏi: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến cho hữu tình luôn có đủ an lạc. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ.

Người này đáp: Đúng vậy.

Người kia nói: Ông nên lắng nghe kéo bị rơi vào chỗ thua. Nếu tâm từ duyên nơi chấp thọ, các uẩn tiếp nối nhau, thì không nên nói theo như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến cho hữu tình có đầy đủ các thứ an vui. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ. Ông nói như vậy là không hợp đạo lý. Ông nay nếu nói: Nghĩa là trong Khế kinh, nói rộng cho đến tư duy như thế nhập Tam muội từ thì không nên nói là tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp. Nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp nhau là không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có sáu thức thân, đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Người ấy đáp: Đúng vậy.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Tâm từ cùng tương ứng với thức thân nào? Với nhãn thức hay nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức? Nếu nói tương ứng với nhãn thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các nhãn thức chỉ duyên với sắc. Nếu nói tương ứng với nhĩ thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các nhĩ thức chỉ duyên với tiếng. Nếu nói tương ứng với tỷ thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các tỷ thức chỉ duyên với hương. Nếu nói tương ứng với thiệt thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các thiệt thức chỉ duyên với vị. Nếu nói tương ứng với thân thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các thân thức chỉ duyên với xúc. Nếu nói tương ứng với ý thức, tức nó không duyên với hữu tình, vì các ý thức chỉ duyên nơi pháp. Nếu nói không tương ứng với các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, tức nêu riêng có thức thứ bảy của hữu tình tương ứng với tâm từ. Về sự tương ứng với thức thứ bảy này, Đức Thế Tôn không hiện đẳng giác.

Nay Cụ thọ! Đức Thế Tôn ở trong sự vô úy đã nói: Ta đối với các pháp luôn hiện bày chánh đẳng giác. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp nêu vấn nạn hoặc khiến nhớ nghĩ, ở trong pháp ấy nói Ta không hiện đẳng giác, Ta đối với chánh kiến như thế cho là không duyên với chánh kiến của mình. Khi không duyên với chúng Ta luôn được an ổn, trụ nơi không còn có sợ hãi, tự xưng là bậc Đại tiên tôn quý, đang chuyển đại pháp luân, là tiếng gầm lớn của sư tử trong đại chúng.

Nay Cụ thọ! Nếu như thế há không phải là đã vấn nạn cho Phật là vô trí sao?

Người kia nói: Nay Cụ thọ! Tôi không hề vấn nạn Phật cho là kẻ vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với sự việc đó tuy hiện bày đẳng giác, nhưng không tuyên thuyết.

Này Cụ thợ! Đức Thế Tôn đã từng vì Tôn giả A-nan-đà, nói: Này A-nan-đà! Ta đối với các pháp luôn nêu giảng không hề gián đoạn. Nghĩa là các pháp bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo v.v... Này A-nan-đà! Như Lai đối với các pháp không hề là bậc thầy luôn nắm giữ nơi bàn tay, nghĩa là tự mình che giấu sợ người khác nhận biết chỗ không hiểu biết của mình.

Này Cụ thợ! Nếu như thế không phải là đã vắn nạn Phật là bậc thầy luôn nắm giữ sao?

Người kia nói: Này Cụ thợ! Tôi không hề vắn nạn Phật cho là vô trí, cũng không vắn nạn Phật cho là bậc thầy đã nắm giữ sự hiểu biết. Vì Đức Thế Tôn đối với sự việc ấy tuy hiện đẳng giác nhưng không tuyên thuyết. Này Cụ thợ! Đức Thế Tôn có nói trong Kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm: Này các Bí-sô! Cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thăng Nhiếp Ba này, Ta đối với các pháp đó đều tự nhiên nhận biết rõ, tuy hiện bày đẳng giác nhưng không vì người khác giảng nói. Thế nên Đức Thế Tôn nơi sự hiểu biết như thế, tuy hiện đẳng giác nhưng không tuyên thuyết.

Nên hỏi người ấy: Này Cụ thợ! Nơi đoạn kinh đó, không nói thêm điều gì khác nữa chẳng? Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Này các Bí-sô! Nơi những pháp kia không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến pháp môn, cũng không dẫn đến phạm hạnh, không giúp chúng đạt thần thông, không giúp chúng đắc đẳng giác hay chúng đắc Niết-bàn.

Giả như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, cũng không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến pháp môn, cũng không dẫn đến phạm hạnh, không giúp chúng đạt thần thông, chúng đắc đẳng giác, chúng đắc Niết-bàn, tức là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nói như thế này*: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la không phải có thể đạt được, không phải có thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nêu câu hỏi*: Nay Cụ thọ! Tâm từ duyên vào nơi chốn nào?

Đáp: Các pháp tánh có cùng có, do tướng cùng tướng nên giả nói về hữu tình. Ở trong nghĩa này tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp.

Người kia hỏi: Ông nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp nhau chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Người kia lại hỏi: Ông có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến các hữu tình luôn đầy đủ an lạc. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nói: Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn tiếp nối, tức không nên nói là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến các hữu tình luôn có đủ an vui. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ. Ông nói điều đó là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói theo như trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến cho các hữu tình luôn có đủ an lạc. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ, tức không nên nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp, vì nói như vậy là không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ

thiện, có nói: Có bốn niệm trụ, là thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ và pháp niệm trụ.

Người ấy đáp: Đúng vậy.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Tâm từ tương ưng với những niệm trụ nào? Tương ưng với thân niệm trụ, hay thọ, hay tâm, hay pháp niệm trụ? Nếu nói tương ưng với thân niệm trụ tức nó không duyên với hữu tình, vì thân niệm trụ chỉ duyên với thân. Nếu nói tương ưng với thọ niệm trụ tức nó không duyên với hữu tình, vì thọ niệm trụ chỉ duyên với thọ. Nếu nói tương ưng với tâm niệm trụ tức nó không duyên với hữu tình, vì tâm niệm trụ chỉ duyên với tâm. Nếu nói tương ưng pháp niệm trụ tức nó không duyên với hữu tình, vì pháp niệm trụ chỉ duyên nơi pháp. Nếu nói không tương ưng với bốn niệm trụ thân, thọ, tâm, pháp, tức nên riêng có niệm trụ thứ năm của hữu tình tương ưng với tâm từ. Niệm trụ này Đức Thế Tôn không hiện đẳng giác.

Này Cụ thọ! Đức Thế Tôn ở trong sự vô úy đã nói: Ta đối với các pháp đều hiện bày Chánh đẳng giác. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp nêu vấn nạn, hoặc khiến nhớ nghĩ, ở trong pháp ấy nói Ta không hiện bày đẳng giác. Ta đối với chánh kiến như thế cho là chúng không duyên với chánh kiến của mình. Khi không duyên với chúng Ta luôn được an ổn trụ nơi chốn không còn có sợ hãi, tự xưng là bậc Đại tiên tôn quý, đang chuyển đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử trong đại chúng.

Này Cụ thọ! Như thế há không phải là vấn nạn Phật cho là vô trí?

Người kia nói: Nay Cụ thọ! Tôi không hề vấn nạn Phật cho là vô trí. Đức Thế Tôn đối với việc đó tuy hiện bày đẳng giác nhưng không tuyên thuyết.

Này Cụ thọ! Đức Thế Tôn đã từng vì Tôn giả A-nan-đà nói: Nay A-nan-đà! Ta đối với các pháp luôn tuyên thuyết không gián

đoạn. Nghĩa là các pháp bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo v.v... Đây Tôn giả A-nan-đà! Như Lai đối với các pháp không hề như vị thầy luôn nắm giữ nơi bàn tay, nghĩa là tự mình che giấu sợ người khác nhận biết chỗ không hiểu biết của mình.

Này Cụ thọ! Nếu như thế chẳng phải là đã vắn nạn Phật là vị thầy luôn nắm giữ sự hiểu biết?

Người kia nói: Này Cụ thọ! Tôi không hề vắn nạn Phật cho là vô trí, cũng không vắn nạn Phật cho là vị thầy luôn nắm giữ sự hiểu biết. Vì Đức Thế Tôn đối với sự việc đó tuy hiện bày đẳng giác nhưng không tuyên thuyết. Này Cụ thọ! Đức Thế Tôn trong kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm đã nói: “Này các Bí-sô! Cho đến khắp đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thăng Nhiếp Ba, Ta đối với các pháp đó đều tự nhiên hiểu biết rõ, tuy hiện đẳng giác nhưng không vì người khác giảng nói”. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các niệm trụ kia tuy hiện đẳng giác nhưng không nêu bày.

Nên hỏi người ấy: Này Cụ thọ! Nơi đoạn kinh kia không còn nói thêm điều gì khác nữa chẳng? Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Này các Bí-sô! Những pháp kia rõ ràng là không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến pháp môn, cũng không đưa đến phạm hạnh, không giúp chứng được thần thông, chứng đắc Đẳng giác, chứng đắc Niết-bàn. Giả như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, cũng không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến pháp môn, không giúp chứng được thần thông, chứng đắc Đẳng giác, chứng đắc Niết-bàn, tức là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về tánh không nói như thế này*: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa thù thắng, Bồ-đặc-già-la không phải có thể đạt được, không phải có thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nêu câu hỏi:* Đây Cụ thọ! Tâm từ duyên nơi nào?

Đáp: Các thứ pháp tánh có cùng có, do tướng cùng tướng nên giả nói về hữu tình. Ở trong nghĩa này thì tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp.

Người kia hỏi: Ông nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn tiếp nối chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Người kia lại hỏi: Ông có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến cho hữu tình luôn có đủ an lạc. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ.

Người này đáp: Đúng vậy.

Người kia nói: Ông nên lắng nghe kẻ bị rơi vào chỗ thua. Nếu tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn tiếp nối thì không nên nói là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Nên khiến cho hữu tình luôn có đủ an lạc. Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ. Ông nói như thế là không đúng đạo lý. Ông nay nếu nói trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, nói rộng cho đến: Tư duy như thế mà nhập Tam muội từ, tức không nên nói tâm từ duyên nơi chấp thọ có các uẩn nối tiếp, vì nói như thế là không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Ông có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói lời thiện, ngữ thiện, có nói: Có bảy đẳng giác chi, là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả.

Người ấy đáp: Đúng vậy.

Lại hỏi: Nay Cụ thọ! Tâm từ tương ưng với những giác chi nào? Tương ưng với niệm giác chi hay trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả? Nếu nói tâm từ tương ưng với niệm giác chi tức nó không duyên với hữu tình, vì niệm giác chi chỉ duyên nơi pháp. Nếu nói tâm từ tương ưng với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả v.v... tức nó không duyên với hữu tình, vì các giác chi như xả v.v... chỉ duyên nơi pháp. Nếu nói tâm từ không tương ưng với bảy giác chi như niệm v.v..., tức nên riêng có giác chi thứ tám của hữu tình tương ưng với tâm từ. Giác chi này Đức Thế Tôn không hiện bày đẳng giác.

Nay Cụ thọ! Trong sự vô úy, Đức Thế Tôn có nói: Ta đối với các pháp đều hiện bày Chánh đẳng giác. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp nêu vấn nạn, hoặc khiến nhớ nghĩ, ở trong pháp ấy nói Ta không hiện bày đẳng giác. Ta đối với chánh kiến như thế cho là không duyên với chánh kiến của mình. Khi không duyên với chúng Ta luôn được an ổn trụ nơi chốn không có sự sợ hãi, tự xưng là bậc Đại tiên tôn quý, đang chuyển đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử trong đại chúng.

Nay Cụ thọ! Nếu như thế há chẳng phải là đã vấn vấn nạn Phật cho là vô trí?

Người kia nói: Nay Cụ thọ! Tôi không hề vấn nạn Phật cho là vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với các sự việc ấy tuy đã hiện đẳng giác nhưng không tuyên thuyết.

Nay Cụ thọ! Đức Thế Tôn đã từng vì Tôn giả A-nan-đà nói: Nay Tôn giả A-nan-đà! Ta đối với các pháp luôn giảng nói không gián đoạn. Nghĩa là các pháp: bốn niệm trụ, bốn chánh đạo, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám chi Thánh đạo v.v... Nay Tôn giả A-nan-đà! Như Lai đối với các pháp không hề là vị thầy nắm giữ chặt sự hiểu biết, nghĩa là tự che giấu sợ người khác nhận biết điều không hiểu biết của mình.

Này Cụ thọ! Nếu như thế chẳng phải là đã vắn nạn cho Phật là vị thầy luôn nắm giữ chặt sự hiểu biết?

Người kia nói: Này Cụ thọ! Tôi không hề vắn nạn Phật cho là vô trí, cũng không vắn nạn Phật cho là vị thầy luôn nắm giữ sự hiểu biết. Vì Đức Thế Tôn đối với các pháp đó tuy đã hiện bày đẳng giác nhưng không tuyên thuyết. Này Cụ thọ! Đức Thế Tôn trong kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm đã nói: “Này các Bí-sô! Cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây ở rừng Thăng Nhiếp Ba, Ta đối với các pháp đó đều tự nhiên hiểu biết rõ, tuy hiện bày đẳng giác nhưng không vì kẻ khác nêu giảng”. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các giác chi kia tuy đã hiện bày đẳng giác nhưng không tuyên thuyết.

Nên hỏi người ấy: Này Cụ thọ! Nơi đoạn kinh kia lại không có nói thêm điều gì khác nữa chẳng? Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: Này các Bí-sô! Các pháp kia rõ ràng là không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến các pháp môn, cũng không dẫn đến phạm hạnh, không giúp chứng được thần thông, chứng đắc Đẳng giác, chứng đắc Niết-bàn. Giả như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, cũng không thể dẫn đến nghĩa lý, không thể dẫn đến điều thiện, không thể dẫn đến các pháp môn, cũng không giúp chứng được thần thông, chứng đắc Đẳng giác, chứng đắc Niết-bàn, tức là vô dụng. Thế nên nói không có Bồ-đặc-già-la.

* *Luận giả về Bồ-đặc-già-la nói như thế này*: Hữu vi có thể đạt được, vô vi có thể đạt được, Bồ-đặc-già-la cũng có thể đạt được.

* *Luận giả về tánh không nêu câu hỏi*: Này Cụ thọ! Bồ-đặc-già-la đó nên nói là hữu vi hay là vô vi? Nếu nói là hữu vi nên đồng với hữu vi có thể thiết lập, nghĩa là có sinh trụ dị diệt. Nếu nói là vô vi nên đồng với vô vi có thể thiết lập, tức là không có sinh trụ dị diệt. Này Cụ thọ! Đức Thế Tôn vì các Bí-sô nói có hai vật: một là hữu vi, hai là vô vi, ngoài ra không riêng có một vật nào khác. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Uẩn thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, phần 4

*** Tụng nêu tổng quát thứ ba:**

*Bổ-đặc-già-la không có không
 Các pháp hòa hợp đều tạo tác
 Biết rõ do máy, câu sinh hai
 Tâm tánh vô thường rõ ái duyên.*

*** Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như vậy nhãn thức chỉ có thể nhận biết các sắc, không phải là Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là nhãn thức đã nhận biết, chỉ có các sắc là đối tượng được nhận biết của nhãn thức. Thế nên nhãn thức này không phải là Bổ-đặc-già-la nhận biết.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Như vậy nhãn xúc chỉ có thể tiếp xúc các sắc, không phải là Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là đối tượng được tiếp xúc của nhãn xúc, chỉ có các sắc là đối tượng được tiếp xúc của nhãn xúc. Thế nên nhãn xúc này không phải là Bổ-đặc-già-la tiếp xúc.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Như vậy nhãn xúc sinh ra thọ, chỉ có thể thọ nhận các sắc, không phải Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là thọ do nhãn xúc sinh ra đã thọ nhận, chỉ có các sắc là thọ do nhãn xúc sinh ra đã thọ nhận. Thế nên thọ này là do nhãn xúc sinh ra, không phải là Bổ-đặc-già-la tiếp xúc sinh ra thọ.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ mắt, sắc, thức hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Như vậy nhãn xúc sinh ra tưởng, chỉ có thể tưởng các sắc, không phải là Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là tưởng do nhãn xúc sinh

ra đã nghĩ tưởng, chỉ có các sắc là tướng do nhãn xúc sinh ra đã nghĩ tưởng. Thế nên tướng này là do nhãn xúc sinh ra, không phải là Bồ-đặc-già-la tiếp xúc sinh ra tướng.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tư. Như vậy nhãn xúc sinh ra tư, chỉ có thể tư duy các sắc, không phải là Bồ-đặc-già-la. Bồ-đặc-già-la này không phải là tư do nhãn xúc sinh ra đã tư duy, chỉ có các sắc là tư do nhãn xúc sinh ra đã tư duy. Thế nên tư này là do nhãn xúc sinh ra, không phải Bồ-đặc-già-la tiếp xúc sinh ra tư.

Do các pháp này tiếp xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không thể đạt được, không thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

*

*** Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Trong đó, hoặc là mắt, hoặc là sắc, hoặc là nhãn thức đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Trong đó, hoặc là mắt, hoặc là sắc, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhãn xúc đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh thọ. Trong đó, hoặc là mắt, hoặc là sắc, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhãn xúc, hoặc là nhãn xúc sinh ra thọ đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh thọ.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tưởng. Trong đó, hoặc là mắt, hoặc là sắc, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhãn xúc, hoặc là nhãn xúc sinh ra tưởng đều không phải Bồ-đặc-già-la, chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tưởng.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tư. Trong đó, hoặc là mắt, hoặc là sắc, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhãn xúc, hoặc là nhãn xúc sinh ra tư đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tư.

Do các pháp này tiếp xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không thể đạt được, không thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ở đây, mắt sinh, sắc sinh, nhãn thức không sinh, như vậy là không thể được. Mắt sinh, sắc sinh, nhãn thức cũng sinh, như vậy là có thể được. Ở đây, mắt diệt, sắc diệt, nhãn thức không diệt, như vậy là không thể được. Mắt diệt, sắc diệt, nhãn thức cũng diệt, như vậy là có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Ở đây, mắt sinh, sắc sinh, nhãn thức sinh, nhãn xúc không sinh, như vậy là không thể được. Mắt sinh, sắc sinh, nhãn thức sinh, nhãn xúc cũng sinh, như vậy là có thể được. Ở đây, mắt diệt, sắc diệt, nhãn thức diệt, nhãn xúc không diệt, như vậy là không thể được. Mắt diệt, sắc diệt, nhãn thức diệt, nhãn xúc cũng diệt, như vậy là có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh thọ. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh nhưng nhãn xúc sinh ra thọ không sinh, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh và nhãn xúc sinh ra thọ cũng sinh, như vậy là có thể được. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt nhưng nhãn xúc sinh ra thọ không diệt, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt và nhãn xúc sinh ra thọ cũng diệt, như vậy là có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tưởng. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh nhưng nhãn xúc sinh ra tưởng không sinh, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh và nhãn xúc sinh ra tưởng cũng sinh, như vậy là có thể được. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt nhưng nhãn xúc sinh ra tưởng không diệt, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt và nhãn xúc sinh ra tưởng cũng diệt, như vậy là có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tư. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh nhưng nhãn xúc sinh ra tư không sinh, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh và nhãn xúc sinh ra tư cũng sinh, như vậy là có thể được. Ở đây, mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt nhưng nhãn xúc sinh ra tư không diệt, như vậy là không thể được. Mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt và nhãn xúc sinh ra tư cũng diệt, như vậy là có thể được.

Các pháp như thế, xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, cùng sinh, cùng trụ và cùng diệt. Khi một thứ sinh tất cả cùng sinh, khi một thứ diệt tất cả cùng diệt. Do các pháp này nên xúc là Bồ-đặc-già-la thứ

năm không thể đạt được, không thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế nhãn thức có thể nhận biết các sắc, không phải là xúc, thọ, tưởng, tư, do có thể nhận biết tướng là nhãn thức.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Như thế nhãn xúc có thể tiếp xúc các sắc, không phải là thọ, tưởng, tư, thức, do có thể tiếp xúc tướng là nhãn xúc.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh thọ. Như thế nhãn xúc sinh ra thọ có thể thọ nhận các sắc, không phải là tưởng, tư, thức, xúc, do có thể thọ nhận tướng là thọ do nhãn xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tưởng. Như thế tướng do nhãn xúc sinh ra có thể nghĩ tưởng các sắc, không phải là tư, thức, xúc, thọ, do có thể tưởng về tướng là tướng do nhãn xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh tư. Như thế tư do nhãn xúc sinh ra có thể tư duy các sắc, không phải là thức, xúc, thọ, tưởng, do có thể tư duy về tướng là tư do nhãn xúc sinh ra.

Các pháp như thế, nên xúc là pháp thứ năm đồng sinh, đồng trụ và đồng diệt. Khi một thứ sinh tất cả cùng sinh, khi một thứ diệt tất cả cùng diệt. Đã sinh khởi rồi thì mỗi mỗi thứ đều riêng tạo tác sự việc của mình, không làm công việc của thứ khác. Do các pháp này nên xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không thể đạt được, không thể chứng

đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Hỏi: Nhãn thức phân biệt nhận biết những gì, không phân biệt nhận biết những gì?

Đáp: Nhãn thức phân biệt nhận biết các sắc, không phân biệt nhận biết mùi một xứ kia. Như thế:

Nhĩ thức phân biệt nhận biết các tiếng, không phân biệt nhận biết mùi một xứ kia.

Tỷ thức phân biệt nhận biết các hương, không phân biệt nhận biết mùi một xứ kia.

Thiệt thức phân biệt nhận biết các vị, không phân biệt nhận biết mùi một xứ kia.

Thân thức phân biệt nhận biết các xúc chạm, không phân biệt nhận biết mùi một xứ kia.

Hỏi: Ý thức phân biệt nhận biết những gì?

Đáp: Ý thức phân biệt nhận biết về mắt, sắc và nhãn thức, về tai, tiếng và nhĩ thức, về mũi, hương và tỷ thức, về lưỡi, vị và thiệt thức, về thân, xúc chạm và thân thức, về ý, pháp và ý thức. Sáu thức thân như vậy là chủ thể phân biệt nhận biết, có tánh phân biệt nhận biết, không phải là tánh không phân biệt nhận biết. Bồ-đặc-già-la không có tánh như vậy, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

*

* **Có mười hai xứ:** Là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Hỏi: Nhãn xứ có bao nhiêu thức nhận biết? v.v... Cho đến pháp xứ có bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Sắc xứ có hai thức nhận biết, đó là nhãn thức và ý thức.

Thanh xứ có hai thức nhận biết, đó là nhĩ thức và ý thức.

Hương xứ có hai thức nhận biết, đó là tỷ thức và ý thức.

Vị xứ có hai thức nhận biết, đó là thiệt thức và ý thức.

Xúc xứ có hai thức nhận biết, đó là thân thức và ý thức.

Bảy xứ còn lại chỉ có ý thức nhận biết.

Mười hai xứ như thế là đối tượng được nhận biết, có tánh được nhận biết, không phải không có tánh được nhận biết. Bồ-đặc-già-la không có tánh như vậy, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, cùng với xúc cùng sinh có thọ, tưởng, tư. Do các pháp này nên xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không thể đạt được, không thể chứng đắc, không phải là hiện có, không phải là cùng có, thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Đối với các sự việc đáng yêu thích đều do vô trí nên sinh ra các tham. Ở đây, vô trí tức là vô minh, các tham là hành, phân biệt nhận biết sự tương tức là thức. Thức kết hợp cùng với bốn uẩn gọi là danh sắc. Danh sắc nương vào các căn tức là lục xứ. Lục xứ hòa hợp tức là xúc, trong đó lãnh nạp tức là thọ. Thọ sinh vui mừng tức là ái. Ái

này tăng rộng tức gọi là thủ. Vì thủ có thể sinh ra nghiệp của đời sau tức gọi là hữu. Các uẩn hiện khởi tức gọi là sinh, các uẩn thành thực gọi là lão, các uẩn rời bỏ gọi là tử. Trong tâm bứt rứt nóng nảy gọi là sầu, phát ra tiếng oán than gọi là than. Năm thức tương ưng với sự thọ nhận không bình an gọi là khổ, ý thức tương ưng với thọ nhận không bình an gọi là lo. Tâm bị nóng bức, buồn rầu không yên gọi là nhiễu não. Cùng khởi lên gọi là sinh.

Nói như thế là chỉ bày, làm sáng tỏ, mở phát tăng ngữ, có thể sinh khởi, nên gọi là tập hợp, chứa nhóm. Thuận nghĩa là tốt cùng, viên mãn rất ráo. Uẩn khổ lớn là tai ương lớn, sự ngang trái hoạn nạn, sầu não lớn, tức là các pháp khổ tụ chiếm phần lớn cuộc đời.

Lại, các vô minh chưa đoạn dứt, chưa nhận biết, nên làm nhân làm duyên cho các hành sinh khởi, tức là theo các hành phước, hành phi phước, hành bất động. Các hành như thế chưa đoạn dứt, chưa nhận biết, nên làm nhân làm duyên sinh khởi các thức, hoặc đi đến nẻo thiện, hoặc đi đến nẻo ác. Các thức như vậy chưa đoạn dứt, chưa nhận biết, nên làm nhân làm duyên cho danh sắc sinh khởi, hoặc tại đời này, hoặc tại đời sau. Danh sắc như thế chưa đoạn dứt, chưa nhận biết, nên làm nhân làm duyên sinh khởi lục xứ, hoặc có đầy đủ, hoặc không đầy đủ. Lục xứ hòa hợp nên có xúc. Theo xúc lãnh nhận nên có thọ. Thọ sinh ra vui mừng nên có ái. Tức ái tăng rộng nên gọi là thủ. Có thể chiêu cảm các nghiệp của đời sau gọi là hữu. Các uẩn hiện khởi gọi là sinh, các uẩn thành thực gọi là già, các uẩn dứt bỏ gọi là chết. Nội tâm bứt rứt nóng nảy gọi là sầu, phát ra lời oán than gọi là than. Năm thức tương ưng với các thọ không bình an gọi là khổ, ý thức tương ưng với thọ không bình an gọi là lo. Tâm nóng bức, quấy động không yên gọi là nhiễu não. Cùng khởi gọi là sinh.

Nói như thế tức là chỉ bày, làm sáng tỏ, mở phát tăng ngữ, có thể sinh khởi, gọi là tập hợp, chứa nhóm. Thuận nghĩa là tốt cùng, rất

ráo viên mãn. Uẩn khổ lớn là các tai ương lớn, sự ngang trái hoạn nạn khổ não lớn, tức các pháp khổ tụ chiếm phần lớn cuộc đời.

Do mười bốn nhân nên biết tâm tánh quyết định là vô thường. Nghĩa là do gia hạnh, do tương ưng, do đường oai nghi, do xứ công xảo, do thân nghiệp, do ngữ nghiệp, do ý nghiệp, do nhân, do đẳng vô gián, do đối tượng duyên, do tăng thượng, do nhiễm không nhiễm, do thọ nhận sai biệt, do sự nghiệp được tạo tác lần lượt dị biệt.

Nếu tâm đã sinh có thể hiểu rõ phân minh, hoặc nơi thời này hoặc nơi thời khác. Các sự nhớ nghĩ đều nhận biết rõ. Tâm tánh như thể không lia tâm trước. Lại, tâm tánh này không lia tâm trước, do đạo lý ấy nên các tâm lần lượt nối tiếp. Thứ lớp của các tâm không từ nơi đời trước lại. Như thế gọi là khổ tập Thánh đế. Như thế nên quán khổ tập Thánh đế. Nếu quán như vậy gọi là chánh quán. Nếu quán khác gọi là tà trí.

Nếu có các ái chưa đoạn dứt, chưa nhận biết, nên làm nhân làm duyên sinh khởi các khổ ở đời sau. Nếu có các ái đã đoạn dứt, đã nhận biết, thì không nhân không duyên có thể khiến các khổ đời sau lại được sinh khởi. Như khiến các ái đã đoạn dứt, đã nhận biết, chúng làm nhân làm duyên cho khổ đời sau sinh khởi. Do đó, các Cụ thọ nên thấy, nên nghe. Như thế các Cụ thọ đã lia các ái. Sinh nơi thế gian nhưng nay các ái đã đoạn dứt, đã nhận biết, nên không còn nhân duyên nào có thể khiến các khổ ở đời sau được sinh khởi. Thế nên các Cụ thọ không còn thấy nghe. Như thế là các Cụ thọ đã lia các ái sinh nơi thế gian. Như vậy gọi là khổ diệt Thánh đế. Như vậy nên quán về khổ diệt Thánh đế. Quán như vậy gọi là chánh quán. Nếu quán khác với đây gọi là tà trí.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Nhãn thức có bốn duyên: 1. Duyên nhân. 2. Duyên đẳng vô gián. 3. Duyên sở duyên. 4. Duyên tăng thượng.

Thế nào là duyên nhân? Nghĩa là ở đây cùng có pháp tương ưng.

Thế nào là duyên đẳng vô gián? Nghĩa là như từ đó, các tâm tâm pháp đều bình đẳng không gián đoạn. Như thế là nhãn thức đã sinh đang sinh.

Thế nào là duyên sở duyên? Nghĩa là tất cả các sắc.

Thế nào là duyên tăng thượng? Nghĩa là trừ tự tánh, còn lại là tất cả các pháp.

Đó gọi là nhãn thức hiện có bốn duyên, tức là duyên nhân, duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên, duyên tăng thượng.

Nhãn thức như thế, cái gì là duyên nhân? Nghĩa là ở đây cùng có pháp tương ưng.

Cái gì là duyên đẳng vô gián? Nghĩa là từ nhãn thức bình đẳng không gián đoạn, đã sinh và đang sinh các tâm và tâm pháp.

Cái gì là duyên sở duyên? Nghĩa là có thể duyên với các tâm, tâm pháp này.

Cái gì là duyên tăng thượng? Nghĩa là trừ tự tánh, còn lại là tất cả pháp.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 4

Uẩn thứ 3: NHÂN DUYÊN, phần 1

*** Tụng nêu tổng quát:**

*Các nhân như quá khứ cùng thiện
 Tùy tăng bao nhiêu nhân và duyên
 Mười, mười lăm tâm không phải nhân
 Kiết phược tùy miên cùng tương ưng.*

*** Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thế, hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Nhãn thức ở quá khứ: Từng có quá khứ làm nhân, không phải là vị lai làm nhân, không phải là hiện tại làm nhân chăng? Từng có vị lai làm nhân, không phải là quá khứ làm nhân, không phải là hiện tại làm nhân chăng? Từng có hiện tại làm nhân, không phải là quá khứ làm nhân, không phải là vị lai làm nhân chăng? Từng có quá khứ, hiện tại làm nhân, không phải là vị lai làm nhân chăng? Từng có vị lai, hiện tại làm nhân, không phải là quá khứ làm nhân chăng? Từng có quá khứ, vị lai làm nhân, không phải là hiện tại làm nhân chăng? Từng có quá khứ, vị lai, hiện tại làm nhân chăng?

Như nhãn thức ở quá khứ, nhãn thức ở vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Nhãn thức của quá khứ: Tất cả đều dùng quá khứ làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Nhãn thức của vị lai: Hoặc dùng quá khứ, vị lai làm nhân, không phải là hiện tại làm nhân. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là ở đây cùng có các pháp như tương ưng v.v... Những gì là nhân của quá khứ? Nghĩa là các pháp quá khứ cùng với nhãn thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực, không phải là pháp hiện tại cùng với nhãn thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực.

Hoặc dùng quá khứ, vị lai, hiện tại làm nhân. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là ở đây cùng có các pháp như tương ưng v.v... Những gì là nhân của quá khứ, hiện tại? Nghĩa là các pháp quá khứ, hiện tại cùng với nhãn thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực.

Nhãn thức của hiện tại: Tất cả đều dùng quá khứ, hiện tại làm nhân, các thứ khác đều không thể được. Những gì là nhân của hiện tại? Nghĩa là ở đây cùng có các pháp như tương ưng v.v... Những gì là nhân của quá khứ? Nghĩa là các pháp quá khứ cùng với nhãn thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy.

Ý thức của quá khứ: Tất cả đều dùng quá khứ làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Ý thức của vị lai: Hoặc dùng vị lai làm nhân, không phải là quá khứ, hiện tại làm nhân. Nghĩa là Bồ-đặc-già-la chưa chứng nhập chánh tánh ly sinh, là ý thức vô lậu đầu tiên ở vị lai. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là ở đây cùng có các pháp tương ưng.

Hoặc dùng vị lai, hiện tại làm nhân, không phải là quá khứ làm nhân. Nghĩa là khổ pháp trí nhãn lúc hiện tiền cùng ý thức vô lậu ở vị lai hiện có. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là các pháp tương

ung, cùng có ấy. Những gì là nhân của hiện tại? Nghĩa là khổ pháp trí nhãn và pháp tương ung cùng có kia.

Hoặc dùng quá khứ, vị lai làm nhân, không phải là hiện tại làm nhân. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là các pháp tương ung, cùng có ấy. Những gì là nhân của quá khứ? Nghĩa là các pháp quá khứ cùng với ý thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực, không phải là pháp hiện tại cùng với ý thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực.

Hoặc dùng quá khứ, vị lai, hiện tại làm nhân. Những gì là nhân của vị lai? Nghĩa là các pháp tương ung, cùng có ấy. Những gì là nhân của quá khứ, hiện tại? Nghĩa là các pháp quá khứ, hiện tại cùng với ý thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực nơi ý thức hiện tại.

Ý thức của hiện tại: Hoặc dùng hiện tại làm nhân, không phải là quá khứ làm nhân, không phải là vị lai làm nhân: Nghĩa là khổ pháp trí nhãn lúc hiện tiền cùng với ý thức tương ung cùng có kia. Những gì là nhân của hiện tại? Nghĩa là các pháp tương ung, cùng có ấy.

Hoặc dùng quá khứ, hiện tại làm nhân, không phải là vị lai làm nhân. Những gì là nhân của hiện tại? Nghĩa là các pháp tương ung, cùng có ấy. Những gì là nhân của quá khứ? Nghĩa là các pháp quá khứ cùng với ý thức này hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực v.v...

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thể hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Nhãn thức thiện: Từng có do pháp thiện làm nhân, không phải là pháp bất thiện và vô ký làm nhân chăng? Từng có do pháp bất thiện làm nhân, không phải là pháp thiện và vô ký làm nhân chăng? Từng có do pháp vô ký làm nhân, không phải là pháp thiện và bất thiện làm nhân chăng? Từng có do pháp thiện và vô ký làm nhân,

không phải là pháp bất thiện làm nhân chăng? Từng có do pháp bất thiện và vô ký làm nhân, không phải là pháp thiện làm nhân chăng? Từng có do pháp thiện và bất thiện làm nhân, không phải là pháp vô ký làm nhân chăng? Từng có do pháp thiện, bất thiện và vô ký cùng làm nhân chăng?

Như nhãn thức thiện, nhãn thức bất thiện và vô ký cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Nhãn thức thiện: Tất cả đều dùng pháp thiện làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Nhãn thức bất thiện: Tất cả đều dùng pháp bất thiện và vô ký làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Nhãn thức vô ký: Hoặc có vô ký làm nhân, không phải là thiện và bất thiện làm nhân: Nghĩa là nhãn thức có đường oai nghi và xử công xảo cùng nhãn thức nhiễm ô thuộc cõi Phạm thế.

Hoặc có thiện và vô ký làm nhân, không phải là bất thiện làm nhân: Nghĩa là nhãn thức do dị thực thiện sinh ra. Những gì là nhân của vô ký? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy. Những gì là nhân của thiện? Nghĩa là pháp thiện kia có thể chiêu cảm dị thực của nhãn thức này.

Hoặc có bất thiện và vô ký làm nhân, không phải là thiện làm nhân: Nghĩa là nhãn thức do dị thực bất thiện sinh ra. Những gì là nhân của vô ký? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy. Những gì là nhân của bất thiện? Nghĩa là pháp bất thiện kia có thể chiêu cảm dị thực của nhãn thức này.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Đối với tỷ thức và thiệt thức không nên nói là có thuộc cõi Phạm thế.

Ý thức thiện: Tất cả đều dùng pháp thiện làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Ý thức bất thiện: Tất cả đều dùng pháp bất thiện và vô ký làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Ý thức vô ký: Hoặc có vô ký làm nhân, không phải là thiện và bất thiện làm nhân: Nghĩa là ý thức có đường oai nghi và xứ công xảo cùng ý thức nhiễm ô thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hoặc có thiện và vô ký làm nhân, không phải là bất thiện làm nhân: Nghĩa là ý thức do dị thực thiện sinh ra. Những gì là nhân của vô ký? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy. Những gì là nhân của thiện? Nghĩa là pháp thiện kia có thể chiêu cảm dị thực của ý thức này.

Hoặc có bất thiện và vô ký làm nhân, không phải là thiện làm nhân: Nghĩa là ở cõi Dục, hữu thân kiến và biên chấp kiến tương ưng với ý thức. Những gì là nhân của vô ký? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy. Những gì là nhân của bất thiện? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ tám thứ tùy miên, cùng do kiến tập đoạn trừ tùy miên biến hành.

*

** Có sáu thức thân:* Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện: Có bao nhiêu thứ tùy miên đã tùy tăng?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký: Có bao nhiêu thứ tùy miên đã tùy tăng?

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện có tùy miên biến hành của dục triền (sự ràng buộc của cõi Dục), sắc triền (sự ràng buộc của cõi Sắc) và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Đối với nhãn thức bất thiện có tùy miên biến hành của dục triền và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký có tùy miên biến hành của sắc triền và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký có tùy miên biến hành của dục triền, sắc triền và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: *Đối với tỷ thức* và *thiệt thức* không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện có tùy miên biến hành của ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

Đối với ý thức bất thiện có tất cả các tùy miên tùy tăng của dục triền.

Đối với ý thức hữu phú vô ký có tất cả các tùy miên của sắc triền và vô sắc triền cùng tất cả các tùy miên của dục triền do kiến khổ đoạn trừ, cùng tùy miên biến hành tùy tăng do kiến tập đoạn trừ.

Đối với ý thức vô phú vô ký có tùy miên biến hành của ba cõi và các tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn trừ.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện: Có bao nhiêu thứ tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên nên nói là duyên không nên nói là nhân?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký: Có bao nhiêu thứ tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên? Có bao nhiêu thứ tùy miên nên nói là duyên không nên nói là nhân?

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện, tất cả các tùy miên đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức bất thiện có mười lăm tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký có mười bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký, trừ nhãn thức của tùy miên dị thực, nhãn thức vô phú vô ký còn lại, tất cả các tùy miên nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực có ba mươi bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chăng? *Đáp:* Không đúng.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến khổ đoạn trừ tà kiến có hai tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như do kiến khổ đoạn trừ tà kiến, các thứ kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến khổ đoạn trừ vô minh không chung có một tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến tập đoạn trừ tà kiến có hai tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như do kiến tập đoạn trừ tà kiến, các thứ kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến tập đoạn trừ vô minh không chung có một tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến diệt đoạn trừ tà kiến có hai tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, các thứ kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến diệt đoạn trừ vô minh không chung có một tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến đạo đoạn trừ tà kiến có hai tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như do kiến đạo đoạn trừ tà kiến, các thứ kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến đạo đoạn trừ vô minh không chung có một tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do tu đạo đoạn trừ tham có hai tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như do tu đạo đoạn trừ tham, các thứ giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do tu đạo đoạn trừ vô minh không chung có một tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Đối với tỷ thức và thiệt thức không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện, tất cả tùy miên đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện có ba mươi sáu tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chăng? *Đáp*: Không đúng.

Đối với ý thức bất thiện do kiến khổ đoạn trừ có mười bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến tập đoạn trừ có mười bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến diệt đoạn trừ có mười tám tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến đạo đoạn trừ có mười chín tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do tu đạo đoạn trừ có mười lăm tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký có bảy mươi sáu tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chăng? *Đáp:* Không đúng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Dục có mười bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ có mười ba tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ có mười ba tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ có mười bảy tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ có mười tám tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ có mười bốn tùy miên nên nói là nhân nên nói là duyên, các tùy miên còn lại nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy.

Đối với ý thức vô phú vô ký tất cả tùy miên nên nói là duyên không nên nói là nhân.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thể hoặc ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm nhân chăng? Nếu như đối với tâm này có thể làm nhân cũng là tùy tăng chăng?

Như nhãn thức thiện ở quá khứ, nhãn thức thiện ở vị lai, ở hiện tại cũng như vậy.

Như nhãn thức thiện, các nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này có tùy tăng tức không làm nhân. Nếu đối với tâm này có thể làm nhân thì chúng không phải là tùy miên cũng không phải là tùy tăng.

Như nhãn thức thiện ở quá khứ, *nhãn thức thiện ở vị lai, hiện tại* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, hoặc có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc là có duyên rồi nhưng đã đoạn dứt, cùng tùy miên tương ưng ấy đã đoạn dứt.

Là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt cùng các tùy miên tương ưng ấy chưa đoạn dứt.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc có duyên rồi nhưng đã đoạn dứt, hoặc là duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như nhãn thức bất thiện ở quá khứ, *nhãn thức bất thiện ở vị lai* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện ở hiện tại hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt.

Là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt, cùng các tùy miên hiện có tương ưng ấy.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như nhãn thức bất thiện, *nhãn thức hữu phú vô ký* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này là tùy tăng cũng là làm nhân chăng? Nghĩa là trừ nhãn thức của các tùy miên dị thực, đối với nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ còn lại hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, hoặc là tùy tăng không thể làm nhân. Hoặc đối với tâm này có thể làm nhân, tức không phải là tùy miên cũng không phải tùy tăng. Nếu nhãn thức của các tùy miên dị thực hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt.

Là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ, *nhãn thức vô phú vô ký ở vị lai và hiện tại* cũng như vậy.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Đối với tỷ thức và thiệt thức không nên nói là có hữu phú vô ký và không nên nói là có tùy miên đã chiêu cảm ý thức dị thực.

*

* ***Có sáu thức thân***: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu thức thân như thể hoặc ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng, cũng không thể làm nhân chẳng? Nếu như đối với tâm này không thể làm nhân, cũng không tùy tăng chẳng?

Như nhãn thức thiện ở quá khứ, nhãn thức thiện ở vị lai, ở hiện tại cũng như vậy.

Như nhãn thức thiện, các nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký cũng như vậy.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc không tùy tăng cũng không làm nhân. Hoặc

không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên duyên với đây chưa đoạn dứt.

Như nhãn thức thiện ở quá khứ, *nhãn thức thiện ở vị lai, ở hiện tại* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng.

Không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, cùng các tùy miên tương ưng ấy đã đoạn dứt.

Không làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc tùy miên khác, hoặc tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn cùng tùy miên tương ưng ấy chưa đoạn dứt.

Như nhãn thức bất thiện ở quá khứ, *nhãn thức bất thiện ở vị lai* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện ở hiện tại hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc không làm nhân không phải là không

tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng.

Không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt.

Không làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn, cùng các tùy miên hiện có tương ưng ấy.

Như nhãn thức thiện, *nhãn thức hữu phú vô ký* cũng như vậy.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc không tùy tăng cũng không làm nhân chăng? Nghĩa là trừ nhãn thức của tùy miên dị thực, đối với nhãn thức vô phú vô ký còn lại hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, hoặc không tùy tăng cũng không làm nhân, hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên còn duyên với đây chưa đoạn dứt. Nếu các nhãn thức của tùy miên dị thực hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng.

Không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt.

Không làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Không phải không làm nhân cũng không phải không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm dị thực của tâm này, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn dứt.

Như nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ, *nhãn thức vô phú vô ký ở vị lai và hiện tại* cũng như vậy.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Đối với tỷ thức và thiệt thức không nên nói có hữu phú vô ký, cũng không nên nói có tùy miên chiêu cảm dị thực cho ý thức.

*

*** Có mười tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng? Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của

nó chưa đoạn chãng? v.v... Cho đến các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chãng? Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chãng?

Trả lời:

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chãng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chãng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chãng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc. Các tâm bất thiện tự thể chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lìa tham ở cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có (câu hữu) ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng, diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lia tham nơi cõi Dục, do tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc do chưa đoạn làm nhân thể của nó cũng chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân thể của nó cũng chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc và các tâm bất thiện. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân thể của nó cũng chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lìa tham nơi cõi Dục do tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục, do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, có các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục, do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng? Nghĩa là trừ các tùy miên đã chiêu cảm dị thực, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục còn lại, nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Nếu các tùy miên đã chiêu cảm dị thực, hoặc là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc và các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Nếu chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến tập diệt đạo và tu đạo đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lia tham nơi cõi Dục, do tu đạo đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Tập trí đã sinh,

diệt trí chưa sinh, do kiến khổ, tập đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Dục, do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn nhưng chưa lìa tham nơi cõi Dục, do kiến đạo đoạn các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy. Những gì là nhân đã đoạn? Là kiến đạo đoạn dứt các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế.

Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc và tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh có các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc, do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc, các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc, các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc và các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, có các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí

chưa sinh, thuộc cõi Sắc do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tức ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Sắc do kiến khổ chưa đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc và các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc các tâm hữu phú vô ký đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc có tâm hữu phú vô ký. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do kiến đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn. Hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc. Là tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc. Khổ loại trí chưa sinh, là các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, là các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do kiến tập, diệt, đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Khi đó, tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Khi ấy, diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do kiến đạo cùng tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, tức ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do chưa đoạn làm nhân là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 5

Uẩn thứ 3: NHÂN DUYÊN, phần 2

* *Có mười tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.*

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng? Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng? v.v... Cho đến các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng? Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Trả lời:

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến khổ, tập đoạn trừ tâm bất thiện. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến khổ tập diệt đoạn trừ tâm bất thiện. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lia tham nơi cõi Dục, do kiến đạo đoạn trừ tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc và các tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến khổ, tập đoạn trừ các tâm bất thiện. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tâm bất thiện. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Dục, do kiến đạo đoạn trừ các tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa

lia tham nơi cõi Sắc và các tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Khi ấy tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Khi đó diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lia tham nơi cõi Dục, do tu đạo đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Dục, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đó gọi là thể của nó đã đoạn, do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chẳng? Nghĩa là trừ các tùy miên đã chiêu cảm dị thực, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục còn lại, do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực, hoặc do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, và các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc và các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, do kiến khổ, tập đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ, tập đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Dục, do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là do kiến đạo đoạn trừ các tùy miên có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tức ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi

Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tức ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Sắc, tức ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân. Hoặc là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân: Nghĩa là tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tâm vô phú vô ký. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, tức ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là thể của nó đã đoạn là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn. Hoặc do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi

Vô sắc do kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lia tham nơi cõi Sắc, tức ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, là các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ các tùy miên biến hành cùng các pháp tương ưng với chúng. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do kiến đạo và tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, nhưng chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, tức ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng, cùng có ấy.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc cùng các pháp tương ưng với chúng.

Đó gọi là do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân thể của nó chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như do đã đoạn làm nhân là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

* **Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm. Mười lăm tâm như thể hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Thể nào là thuộc cõi Dục có năm tâm? Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo cùng do tu đạo đoạn trừ.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm

nhân chẳng? Nếu như có thể làm nhân cũng là tùy tăng chẳng? v.v... Cho đến các tâm thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm nhân chẳng? Nếu như có thể làm nhân cũng là tùy tăng chẳng?

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm nhân chẳng?

Đáp: Hoặc là có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc là có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt cùng các tùy miên tương ưng ấy đã đoạn.

Là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn cùng các tùy miên tương ưng ấy chưa đoạn.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên rồi đã đoạn dứt, hoặc là duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ, *các tâm thuộc cõi Dục ở vị lai do kiến khổ đoạn trừ* cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở hiện tại do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm nhân chẳng?

Đáp: Hoặc là có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên mà đã đoạn dứt.

Là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt cùng các tùy miên hiện có tương ưng ấy.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên mà đã đoạn dứt, hoặc là duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như tâm do kiến khổ đoạn trừ, *tâm nhiễm ô do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ* cũng như vậy.

Các tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm nhân chẳng?

Đáp: Nghĩa là trừ các tùy miên đã chiêu cảm dị thực, còn lại là tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này hoặc là tùy tăng không phải

có thể làm nhân. Hoặc đối với tâm này có thể làm nhân, tức không phải là tùy miên cũng không phải là tùy tăng. Đối với các tùy miên đã chiêu cảm tâm dị thực: Hoặc có thể làm nhân không phải là tùy tăng. Hoặc là đã tùy tăng không phải có thể làm nhân. Hoặc có thể làm nhân cũng là tùy tăng. Hoặc không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng.

Có thể làm nhân không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc là có duyên mà đã đoạn dứt.

Là tùy tăng không phải có thể làm nhân: Nghĩa là các tùy miên không thể làm nhân để chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia đã duyên với đây chưa đoạn dứt.

Có thể làm nhân cũng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia vẫn còn duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không phải có thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không thể làm nhân để chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc có duyên mà đã đoạn dứt, hoặc là duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như thế.

Như tâm thuộc cõi Dục, tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Là tâm thuộc cõi Sắc và thuộc cõi Vô sắc không nên nói là có tùy miên dị thực.

*

* **Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm. Mười lăm tâm như thế hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Thế nào là thuộc cõi Dục có năm tâm? Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không là tùy tăng cũng không làm nhân chãng? Nếu như không làm nhân cũng không là tùy tăng chãng? v.v... Cho đến các tâm thuộc cõi Vô sắc ở hiện tại do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không là tùy tăng cũng không làm nhân chãng? Nếu như không làm nhân cũng không là tùy tăng chãng?

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không là tùy tăng cũng không làm nhân chãng?

Đáp: Hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng.

Không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên mà đã đoạn dứt, cùng các tùy miên tương ưng ấy đã đoạn dứt.

Không thể làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên mà đã đoạn dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt cùng các tùy miên tương ưng ấy chưa đoạn dứt.

Như các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ, *các tâm thuộc cõi Dục ở vị lai do kiến khổ đoạn trừ* cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở hiện tại do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không là tùy tăng cũng không làm nhân chăng?

Đáp: Hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng.

Không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên nhưng đã đoạn dứt.

Không thể làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên nhưng đã đoạn dứt, hoặc là duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại với biến hành, tức các tùy miên kia hoặc duyên với đây chưa đoạn dứt cùng các tùy miên hiện có tương ưng ấy.

Như tâm do kiến khổ đoạn trừ, *tâm nhiễm ô do kiến tập, diệt, đạo và do tu đạo đoạn trừ* cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ không nhiễm ô do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng cũng không làm nhân chăng?

Đáp: Nghĩa là trừ các tùy miên đã chiêu cảm dị thực, còn lại là tâm không nhiễm ô, ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, hoặc không tùy tăng cũng không làm nhân. Hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên duyên với đây chưa đoạn dứt. Nếu các tùy miên đã chiêu cảm dị thực: Hoặc không làm nhân không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng không phải là không làm nhân. Hoặc không làm nhân cũng không tùy tăng. Hoặc cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng.

Không thể làm nhân không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia còn duyên với đây chưa đoạn dứt

Không tùy tăng không phải là không làm nhân: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia hoặc là không duyên với đây, hoặc là có duyên nhưng đã đoạn dứt.

Không thể làm nhân cũng không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên không làm nhân để chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia hoặc không duyên với đây, hoặc có duyên nhưng đã đoạn dứt, hoặc là duyên nơi khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Cùng là làm nhân cũng cùng là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên kia duyên với đây chưa đoạn dứt.

Như tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ không nhiễm ô do tu đạo đoạn trừ, ở vị lai và hiện tại cũng như vậy.

Như tâm thuộc cõi Dục, *tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Là tâm thuộc cõi Sắc và thuộc cõi Vô sắc không nên nói là có tùy miên dị thực.

*

* ***Có sáu thức thân***: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện hiện có các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền, trong đó bao nhiêu thứ nên nói là nhân nên nói là duyên? Bao nhiêu thứ nên nói là duyên không nên nói là nhân?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký hiện có các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền, trong đó bao nhiêu thứ nên nói là nhân nên nói là duyên? Bao nhiêu thứ nên nói là duyên không nên nói là nhân?

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức bất thiện có bảy kiết, bảy phược, mười lăm tùy miên, hai mươi tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký có sáu kiết, sáu phược, mười bốn tùy miên, mười sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký trừ các tùy miên dị thực, còn lại là nhãn thức vô phú vô ký khác, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực có bảy kiết, bảy phược, ba mươi bốn tùy miên, ba mươi chín tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chãng? *Đáp:* Không phải.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến khổ đoạn trừ tà kiến có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến khổ đoạn trừ tà kiến, các nhãn thức của tùy miên dị thực về kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến khổ đoạn trừ vô minh không chung có một kiết, một phược, một tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến tập đoạn trừ tà kiến có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến tập đoạn trừ tà kiến, các nhãn thức của tùy miên dị thực về kiến thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến tập đoạn trừ vô minh không chung có một kiết, một phược, một tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến diệt đoạn trừ tà kiến có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến diệt đoạn trừ tà kiến, các nhãn thức của tùy miên dị thực về kiến thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến diệt đoạn trừ vô minh không chung có một kiết, một phược, một tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến đạo đoạn trừ tà kiến có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến đạo đoạn trừ tà kiến, các nhãn thức của tùy miên dị thực về kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do kiến đạo đoạn trừ vô minh không chung có một kiết, một phược, một tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do tu đạo đoạn trừ tham có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức của tùy miên dị thực do tu đạo đoạn trừ tham, các nhãn thức của tùy miên dị thực về giận, mạn cũng như vậy.

Đối với nhãn thức của tùy miên dị thực do tu đạo đoạn trừ vô minh không chung có một kiết, một phược, một tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Như nhãn thức, các thức *nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: Là đối với tỷ thức và thiệt thức không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện có bảy kiết, bảy phược, ba mươi sáu tùy miên, bốn mươi một tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chãng? *Đáp*: Không phải.

Đối với ý thức bất thiện do kiến khổ đoạn trừ có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên, mười chín tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến tập đoạn trừ có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên, mười chín tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến diệt đoạn trừ có bảy kiết, bảy phược, mười tám tùy miên, hai mươi ba tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do kiến đạo đoạn trừ có bảy kiết, bảy phược, mười chín tùy miên, hai mươi bốn tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do tu đạo đoạn trừ có bảy kiết, bảy phược, mười lăm tùy miên, hai mươi tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký có bảy kiết, bảy phược, bảy mươi sáu tùy miên, tám mươi một tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Là nhất tâm chăng? *Đáp:* Không phải.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Dục có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên, mười chín tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ có sáu kiết, sáu phược, mười ba tùy miên, mười lăm tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ có sáu kiết, sáu phược, mười ba tùy miên, mười lăm tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ có sáu kiết, sáu phược, mười bảy tùy miên, mười chín tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ có sáu kiết, sáu phược, mười tám tùy miên, hai mươi tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ có sáu kiết, sáu phược, mười bốn tùy miên, mười sáu tùy phiền não triền nên nói là nhân nên nói là duyên, tất cả các thứ còn lại đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

Đối với ý thức vô phú vô ký, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền đều nên nói là duyên không nên nói là nhân.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức thân như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện hiện có các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền, nên nói: Có bao nhiêu thứ cùng tương ưng? Có bao nhiêu thứ không tương ưng?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký hiện có các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền, nên nói: Có bao nhiêu thứ cùng tương ưng? Có bao nhiêu thứ không tương ưng?

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời:

Đối với nhãn thức thiện, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền nên nói đều không tương ưng.

Đối với nhãn thức bất thiện có ba kiết, ba phược, ba tùy miên, bảy tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Là nhất tâm chăng? *Đáp:* Không phải.

Đối với nhãn thức bất thiện tương ưng với tham có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, sáu tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như nhãn thức bất thiện tương ưng với tham, nhãn thức bất thiện tương ưng với sân cũng như vậy.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền nên nói đều không tương ưng.

Như nhãn thức, các thức *nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy. Ở đây có sai khác: *Đối với tỷ thức* và *thiệt thức* không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền nên nói đều không tương ưng.

Đối với ý thức bất thiện có bảy kiết, bảy phược, ba mươi bốn tùy miên, ba mươi chín tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Là nhất tâm chăng? *Đáp*: Không phải.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến khổ đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có sáu tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Như *ý thức bất thiện* tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến khổ đoạn trừ, *đối với ý thức bất thiện* tương ưng với tùy miên kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên vô minh không chung do kiến khổ đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có năm tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến tập đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có sáu tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Như ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến tập đoạn trừ, đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên kiến thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên vô minh không chung do kiến tập đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có năm tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến diệt đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có sáu tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Như ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến diệt đoạn trừ, đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên kiến thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên vô minh không chung do kiến diệt đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có năm tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến đạo đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có sáu tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Như ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tà kiến do kiến đạo đoạn trừ, đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên vô minh không chung do kiến đạo đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có năm tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tham do tu đạo đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có sáu tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thùy miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Như ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên tham do tu đạo đoạn trừ, đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên giận, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ưng với tùy miên vô minh không chung do tu đạo đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có năm tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức hữu phú vô ký có sáu kiết, sáu phược, sáu mươi lăm tùy miên, sáu mươi tám tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Là nhất tâm chăng? *Đáp:* Không phải.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với Tát-ca-da kiến (Thân kiến) ở cõi Dục có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, nếu ở phần vị tỉnh giác thì có bốn tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng, nếu ở phần vị thùy miên thì có thêm tùy miên thứ năm.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với Tát-ca-da kiến ở cõi Dục, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với biên chấp kiến cũng như vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên Tát-ca-da kiến ở cõi Sắc có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên Tát-ca-da kiến ở cõi Sắc, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên biên chấp kiến do kiến khổ đoạn trừ các tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ, nghi, tham, mạn v.v... cũng như vậy.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ thì ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên kiến thủ, nghi, tham, mạn v.v... cũng như vậy.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền, nên nói là tương ưng.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên kiến thủ, nghi, tham, mạn v.v... cũng như vậy.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Đôi với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên kiến thủ, nghi, tham, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tà kiến ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, tham, mạn v.v... cũng như vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tham ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên tham ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ, đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên mạn cũng như vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ưng với tùy miên vô minh không chung ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ có một kiết, một phược, một tùy miên, ba tùy phiền não triền nên nói là tương ưng.

Như ý thức hữu phú vô ký ở cõi Sắc tương ưng với tùy miên, ở cõi Vô sắc các ý thức hữu phú vô ký cũng như vậy.

Đối với ý thức vô phú vô ký, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền đều nên nói là không tương ưng.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 6

Uẩn thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, phần 1

** Tụng nêu tổng quát:*

*Hỏi quá khứ cùng hỏi các thiện
Hỏi biết xanh cùng hai bốn tâm
Hỏi mười hai tâm có hai thứ
Hỏi mười lăm tâm có năm thứ.*

*

** Có sáu thức thân:* Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức như thế, hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Nhãn thức quá khứ: Từng có duyên với quá khứ không duyên với vị lai, hiện tại chẳng? Từng có duyên với vị lai không duyên với quá khứ, hiện tại chẳng? Từng có duyên với hiện tại không duyên với quá khứ, vị lai chẳng? Từng có duyên với quá khứ, hiện tại, không duyên với vị lai chẳng? Từng có duyên với vị lai, hiện tại, không duyên với quá khứ chẳng? Từng có duyên với quá khứ, vị lai, không duyên với hiện tại chẳng? Từng có duyên với quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng?

Như nhãn thức quá khứ, nhãn thức vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời: Tất cả nhãn thức quá khứ đều duyên với quá khứ, còn các thứ khác thì không thể được.

Nhãn thức vị lai hoặc duyên với quá khứ, hoặc duyên với vị lai, hoặc duyên với hiện tại.

Tất cả nhãn thức hiện tại đều duyên với hiện tại, còn các thứ khác thì không thể được.

Như nhãn thức, *các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân* cũng như vậy.

Các ý thức quá khứ, vị lai, hiện tại đều nên nói là duyên với tất cả các pháp.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức như thế, hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Nhãn thức thiện: Từng có duyên với thiện không phải là bất thiện, vô ký chăng? Từng có duyên với bất thiện không phải là thiện, vô ký chăng? Từng có duyên với vô ký không phải là thiện, bất thiện chăng? Từng có duyên với thiện, bất thiện không phải là vô ký chăng? Từng có duyên với thiện, vô ký không phải là bất thiện chăng? Từng có duyên với bất thiện, vô ký không phải là thiện chăng? Từng có duyên với thiện, bất thiện, vô ký chăng?

Như nhãn thức thiện, nhãn thức bất thiện và vô ký cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Trả lời: Nhãn thức thiện hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký.

Nhãn thức bất thiện hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký.

Nhãn thức vô ký hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký.

Như nhãn thức, *nhĩ thức* và *ý thức* cũng như vậy. *Ba thức còn lại (tỷ, thiệt, thân)* hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký, tất cả nên nói là chỉ duyên với vô ký.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Nhãn thức chỉ có thể phân biệt nhận biết về màu xanh, không thể phân biệt nhận biết đây là màu xanh gì. *Ý thức* cũng có thể phân biệt nhận biết về màu xanh. Cho đến khi chưa thể phân biệt nhận biết tên của nó thì không thể phân biệt nhận biết đây là màu xanh gì. Nếu có thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó, lúc đó cũng có thể phân biệt nhận biết về màu xanh, cũng có thể phân biệt nhận biết đây là màu xanh gì. Như màu xanh, các màu vàng, đỏ, trắng v.v... cũng như vậy.

Nhĩ thức chỉ có thể phân biệt nhận biết về tiếng, không thể phân biệt nhận biết đó là tiếng gì. *Ý thức* cũng có thể phân biệt nhận biết về tiếng. Cho đến khi chưa thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó thì không thể phân biệt nhận biết đó là tiếng gì. Nếu có thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó, lúc đó cũng có thể phân biệt nhận biết về tiếng, cũng có thể phân biệt nhận biết đó là tiếng gì.

Tỷ thức chỉ có thể phân biệt nhận biết về mùi hương, không thể phân biệt nhận biết đó là mùi hương gì. *Ý thức* cũng có thể phân biệt nhận biết về mùi hương. Cho đến khi chưa thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó thì không thể phân biệt nhận biết đó là mùi hương gì. Nếu có thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó, lúc đó cũng có thể phân biệt nhận biết về mùi hương, cũng có thể phân biệt nhận biết đó là mùi hương gì.

Thiệt thức chỉ có thể phân biệt nhận biết về vị, không thể phân biệt nhận biết đó là vị gì. *Ý thức* cũng có thể phân biệt nhận biết về vị. Cho đến khi chưa thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó thì không

thể phân biệt nhận biết đó là vị gì. Nếu có thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó, lúc đó cũng có thể phân biệt nhận biết về vị, cũng có thể phân biệt nhận biết đó là vị gì.

Thân thức chỉ có thể phân biệt nhận biết về xúc chạm, không thể phân biệt nhận biết đó là xúc chạm gì. Ý thức cũng có thể phân biệt nhận biết về xúc chạm. Cho đến khi chưa thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó thì không thể phân biệt nhận biết đó là xúc chạm gì. Nếu có thể phân biệt nhận biết tên gọi của nó, lúc đó cũng có thể phân biệt nhận biết về xúc chạm, cũng có thể phân biệt nhận biết đó là xúc chạm gì.

Ý thức cũng có thể phân biệt nhận biết về các pháp như: Hoặc chấp là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, hoặc chấp là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tồn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, giận, mạn, si, thô, khổ, chướng. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không phải như lý, không phải không như lý.

*

*** Có bốn tâm:** 1. Tâm thuộc cõi Dục. 2. Tâm thuộc cõi Sắc. 3. Tâm thuộc cõi Vô sắc. 4. Tâm không hệ thuộc.

Các tâm thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi

Sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chẳng?

Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chẳng?

Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chẳng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chẳng?

Như tâm thuộc cõi Dục, cho đến tâm không hệ thuộc vào cõi nào cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục: *Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chẳng?*

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tồn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, là sân, là mạn, là si, là thô, là khổ, là chướng. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, như tên độc, như não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân nói là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân

biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không phải là như lý, không phải là không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc

là diệt tôn giảm, là đạo tôn giảm. Hoặc là phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tôn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự.

Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm thuộc cõi Sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không phải như lý, không phải không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo. Hoặc là phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc,

não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tôn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là sai lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, dẫn đến không như lý, dẫn đến không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo. Hoặc là phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chương ngại. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, ngoài ra thì không nhận biết rõ.

Các tâm không hệ thuộc: *Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?*

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khô, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khô, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, ngoài ra thì không phân biệt nhận biết.

*

* **Có bốn tâm:** 1. Tâm thuộc cõi Dục. 2. Tâm thuộc cõi Sắc. 3. Tâm thuộc cõi Vô sắc. 4. Tâm không hệ thuộc.

Các tâm thuộc cõi Dục: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Hoặc có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Cho đến: Các tâm không hệ thuộc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Hoặc có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Trả lời:

Các tâm thuộc cõi Dục: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có các tùy miên duyên nơi hữu lậu của dục triền (Sự trói buộc của dục) là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có ba bộ tùy miên của dục

triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có ba bộ tùy miên của lục triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có ba bộ tùy miên của lục triền cùng tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, trong đó có ba bộ tùy miên của lục triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của lục triền và các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có các tùy miên duyên nơi hữu lậu của sắc triền (Sự trói buộc của sắc) là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có ba bộ tùy miên của sắc triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có ba bộ tùy miên của sắc triền và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, trong đó có ba bộ tùy miên của sắc triền là tùy tăng. Nếu phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của sắc triền và các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có các tùy miên duyên nơi hữu lậu của vô sắc triền (Sự trói buộc của vô sắc) là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có ba bộ tùy miên của vô sắc triền và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của vô sắc triền và các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm không hệ thuộc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó không có các tùy miên là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó cũng không có các tùy miên là tùy tăng.

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm hữu học. 2. Tâm vô học.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và Vô sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng? Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Như tâm thiện thuộc cõi Dục, cho đến tâm vô học cũng như vậy.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân

gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tôn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, là mạn, là si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tôn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tôn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là tôn giảm về diệt, tôn giảm về đạo. Hoặc là hiểu biết do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý, không phải không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 7

Uẩn thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, phần 2

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường,

khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Sắc chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục và không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tồn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, hoặc ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết như: Phân biệt nhận biết dẫn đến không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết như: Phân biệt nhận biết dẫn đến không phải như lý không phải không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại tổn giảm. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết như: Phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý, không phải không như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm hữu học: Có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lia. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là

sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Phân biệt nhận biết như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm vô học: Như tâm hữu học, tâm vô học cũng như vậy.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm hữu học. 2. Tâm vô học.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Nếu phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Cho đến: Các tâm vô học: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Nếu phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Trả lời:

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có các tùy miên biến hành của dục triền và các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó cũng có các tùy miên biến hành của dục triền và các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có các tùy miên duyên nơi hữu lậu của dục triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có hai bộ tùy miên của dục triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có hai bộ tùy miên của dục triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có hai bộ tùy miên của dục triền và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, trong đó có hai bộ tùy miên của dục triền là tùy tăng.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu chỉ có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó có tất cả tùy miên của dục triền do kiến khổ đoạn trừ cùng tùy miên biến hành do kiến tập đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu chỉ có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong đó các tùy miên biến hành của dục triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có các tùy miên biến hành của sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có các tùy miên duyên nơi hữu lậu của sắc triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có hai bộ tùy miên của sắc triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có hai bộ tùy miên của sắc triền cùng tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, trong đó có hai bộ tùy miên của sắc triền là tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, trong đó có các tùy miên biến hành của sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có các tùy miên biến hành của vô sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có các tùy miên biến hành của vô sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có các tùy miên duyên

nơi hữu lậu của vô sắc triền là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có hai bộ tùy miên của vô sắc triền cùng các tùy miên biến hành là tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu chỉ có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, trong đó có các tùy miên biến hành của vô sắc triền cùng các tùy miên do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm hữu học: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó không có tùy miên là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó cũng không có tùy miên là tùy tăng.

Các tâm vô học: Như tâm hữu học, tâm vô học cũng như vậy.

*

* **Có mười tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng? Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Cho đến: Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng? Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: *Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?*

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể

của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc. Các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nếu chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ tập diệt đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ tập diệt đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí

đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ tập diệt đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Nếu chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nếu chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ.

Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: *Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?*

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khở trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khở, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm bất thiện duyên nơi không đoạn trừ. Chưa lia tham nơi cõi Dục, khở trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện duyên nơi không đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến diệt, đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lia tham nơi cõi Dục, khở trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ

duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm bất thiện duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm bất thiện duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh,

các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: *Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?*

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi

kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm vô phú vô

ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYÊN 8

Uẩn thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, phần 3

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã

sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa các tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn

trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ,

tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và duyên với cõi Sắc. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập,

diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: *Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?*

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Sắc và duyên với cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Sắc và duyên với cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm

thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên

nơi không đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: *Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?*

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do

tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc

do kiến diệt, đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô

ký do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do

kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên chưa đoạn và đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó chưa đoạn là đối tượng duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên

nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn:
Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó chưa đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên chưa đoạn là thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 9

Uẩn thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, phần 4

** Có mười tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.*

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng? Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Cho đến: Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng? Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Các tâm thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện nơi cõi Dục duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi

không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm

thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Dục, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ

duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm bất thiện duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm bất thiện duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt,

đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm bất thiện duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh,

diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm bất thiện do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm bất thiện do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi

cõi Vô sắc, các tâm bất thiện duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm bất thiện do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc

cõi Dục duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Dục, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Dục, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: *Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chẳng?*

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên với cõi Dục. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Dục, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục và cõi Sắc, duyên với cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm thiện thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ

đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô

ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú

vô ký do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc, duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến

giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc. Đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục, duyên với cõi Sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên với cõi Dục. Chưa lia tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc

duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn:
 Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Sắc, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYÊN 10

Uẩn thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, phần 5

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Sắc, duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Sắc. Khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã

sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn. Hoặc là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký

thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do

kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ duyên nơi không đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi không đoạn trừ. Đó gọi là thể của nó đã đoạn là không thể phân biệt được đối tượng duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến tập đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do kiến diệt đoạn trừ duyên nơi

kiến diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nếu thể của nó đã đoạn là đối tượng duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đối tượng duyên đã đoạn là thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn. Hoặc là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên với cõi Vô sắc. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó đã đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn thể của nó chưa đoạn.

Đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn: Nghĩa là khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Diệt loại trí đã sinh, đạo loại trí chưa sinh, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến khổ, tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ. Nếu đệ tử của Đức Thế Tôn có kiến giải viên mãn chưa lia tham nơi cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc duyên nơi kiến đạo, tu đạo đoạn trừ. Đó gọi là đối tượng duyên đã đoạn và chưa đoạn thể của nó chưa đoạn.

* **Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm. Mười lăm tâm như vậy hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Thế nào là thuộc cõi Dục có năm tâm? *Đáp:* Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Mười lăm tâm như vậy hoặc ở quá khứ, hoặc ở hiện tại, hoặc ở vị lai.

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm duyên chướng? Nếu như có thể làm duyên cũng là tùy tăng chướng?

Như ở quá khứ, ở vị lai và hiện tại cũng như vậy.

Như tâm do kiến khổ đoạn trừ, các tâm do kiến tập, diệt, đạo và do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm duyên chướng?

Đáp: Hoặc là tùy tăng không phải là có thể làm duyên. Hoặc là có thể làm duyên không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng cũng là có thể làm duyên. Hoặc không phải là tùy tăng cũng không phải là có thể làm duyên.

Là tùy tăng không phải là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia tương ứng với tâm này chưa đoạn dứt.

Là có thể làm duyên không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên kia có thể duyên với tâm này đã đoạn dứt.

Là tùy tăng cũng là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia có thể duyên với tâm này chưa đoạn dứt.

Không phải là tùy tăng cũng không phải là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia tương ưng với tâm này đã đoạn dứt, hoặc duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như ở quá khứ, ở vị lai cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm thuộc cõi Dục ở hiện tại do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc là tùy tăng không phải là có thể làm duyên. Hoặc là có thể làm duyên không phải là tùy tăng. Hoặc là tùy tăng cũng là có thể làm duyên. Hoặc không phải là tùy tăng cũng không phải là có thể làm duyên.

Là tùy tăng không phải là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia tương ưng với tâm này.

Là có thể làm duyên không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên kia có thể duyên nơi tâm này đã đoạn dứt.

Là tùy tăng cũng là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia có thể duyên nơi tâm này chưa đoạn dứt.

Không phải là tùy tăng cũng không phải là có thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia hoặc duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Như tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ, các tâm nhiễm ô do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu là tùy tăng cũng có thể làm duyên chướng?

Đáp: Nếu các tùy miên là tùy tăng tức cũng có thể làm duyên. Hoặc là có thể làm duyên không phải là tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này, đã đoạn dứt.

Như tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ, tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở vị lai và hiện tại cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

*** Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm. Mười lăm tâm như vậy hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Thế nào là thuộc cõi Dục có năm tâm? *Đáp:* Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo đoạn trừ.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng cũng không thể làm duyên chướng? Nếu như không thể làm duyên cũng không tùy tăng chướng?

Như ở quá khứ, ở vị lai và hiện tại cũng như vậy.

Như tâm do kiến khổ đoạn trừ, các tâm do kiến tập, diệt, đạo và do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm thuộc cõi Dục ở quá khứ do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng cũng không thể làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc không tùy tăng không phải là không thể làm duyên. Hoặc không thể làm duyên không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng cũng không thể làm duyên. Hoặc không phải là không tùy tăng cũng không phải là không thể làm duyên.

Không tùy tăng không phải là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này đã đoạn dứt.

Không thể làm duyên không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên kia tương ưng với tâm này chưa đoạn dứt.

Không tùy tăng cũng là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia tương ưng với tâm này đã đoạn dứt, hoặc duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Không phải là không tùy tăng cũng không phải là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này chưa đoạn dứt.

Như ở quá khứ, ở vị lai cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm thuộc cõi Dục ở hiện tại do kiến khổ đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng cũng không thể làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc không tùy tăng không phải là không thể làm duyên. Hoặc không thể làm duyên không phải là không tùy tăng. Hoặc không tùy tăng cũng không thể làm duyên. Hoặc không phải là không tùy tăng cũng không phải là không thể làm duyên.

Không tùy tăng không phải là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này đã đoạn dứt.

Không thể làm duyên không phải là không tùy tăng: Nghĩa là các tùy miên kia tương ưng với tâm này.

Không tùy tăng cũng là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia hoặc đã duyên với chỗ khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên biến hành không đồng cảnh giới.

Không phải là không tùy tăng cũng không phải là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này chưa đoạn dứt.

Như tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ, các tâm nhiễm ô do kiến tập, diệt, đạo, cùng do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Hỏi: Các tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ do tu đạo đoạn trừ hiện có các tùy miên, chúng đối với tâm này, nếu không tùy tăng cũng không thể làm duyên chăng?

Đáp: Nếu các tùy miên kia không thể làm duyên cũng không tùy tăng. Hoặc không phải là tùy tăng không phải là không thể làm duyên: Nghĩa là các tùy miên kia duyên với tâm này đã đoạn dứt.

Như tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở quá khứ, tâm không nhiễm ô thuộc cõi Dục ở vị lai và hiện tại cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

*** Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm.

Thế nào là thuộc cõi Dục có năm tâm? *Đáp:* Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo, cùng tu đạo đoạn trừ.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ chăng? Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Dục) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng? Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Như tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ, các tâm do kiến tập, diệt, đạo, cùng do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, sân, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Dục) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, sân, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Dục) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ, cùng các pháp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có diệt. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có đạo. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Dục) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc do bốn thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo) đoạn trừ chướng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ chướng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chướng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Sắc) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý. Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên

hết, là bậc nhất. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Sắc) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ, cùng các pháp ở cõi Vô sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý. Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có diệt. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ chẳng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh

tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là tham, giận, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có đạo. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là tham,, giận, mạn, si. Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ, cùng các pháp ở cõi Dục do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do bốn thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lìa. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Vô sắc) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp là ngã, là ngã sở. Hoặc chấp là đoạn, là thường. Hoặc bài bác cho là không có khổ. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Vô sắc) do bốn thứ (kiến tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có nhân. Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là mê lầm, nghi ngờ, do dự. Hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có diệt. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc chấp cho là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc bài bác cho là không có đạo. Hoặc phân biệt nhận biết còn do dự, ngu si. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến không như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ: Có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là tham, mạn, si. Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, vi diệu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp nơi tự địa (cõi Vô sắc) do bốn thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, nã hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý, không như lý, không phải như lý không phải không như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Sắc do năm thứ (kiến khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo) đoạn trừ chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc là thô xấu, khổ sở, chướng ngại. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có thể phân biệt nhận biết các pháp như: Hoặc đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh, là diệu, là lia. Hoặc đối với đạo gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là có nhân, có khởi, có xứ ấy, có việc ấy. Hoặc phân biệt nhận biết dẫn đến như lý.

Phân biệt nhận biết các pháp như thế, còn các thứ khác thì không phân biệt nhận biết.

*

* **Có mười lăm tâm:** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm.

Thế nào là cõi Dục có năm tâm? *Đáp:* Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo, cùng tu đạo đoạn trừ.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Cho đến: Các tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Trả lời:

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ và các tùy miên biến hành do kiến tập đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó cũng có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ và các tùy miên biến hành do kiến tập đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ và các tùy miên biến hành do kiến khổ đoạn trừ là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó cũng có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến tập đoạn trừ và các tùy miên biến hành do kiến khổ đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục duyên nơi hữu lậu do kiến diệt đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp không hệ thuộc, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ: Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng. Nếu có thể phân biệt nhận biết các pháp khác, trong đó có tất cả các tùy miên ở cõi Dục do tu đạo đoạn trừ và các tùy miên biến hành là tùy tăng.

Như tâm thuộc cõi Dục, *các tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc* cũng như vậy.

*

* ***Có mùi lăm tâm:*** Nghĩa là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm.

Thế nào là cõi Dục có năm tâm? *Đáp:* Nghĩa là ở cõi Dục có tâm do kiến khổ đoạn trừ, có tâm do kiến tập, diệt, đạo, cùng tu đạo đoạn trừ.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Mười lăm tâm như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ có thể duyên nơi thức, có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Các tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ có thể duyên nơi thức, có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng?

Như tâm do kiến khổ đoạn trừ, tâm do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Trả lời:

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ: Không có tâm thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm bất thiện, hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ: Không có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm bất thiện có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ: Không có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm bất thiện có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục cùng các tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ: Không có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm bất thiện có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục cùng các tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ: Không có tâm hữu phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy

miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến khổ đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến tập đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên biến hành, tùy miên cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ thuộc là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Sắc do kiến diệt đoạn trừ và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ và tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ: Không có tâm bất thiện, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc cõi Dục và cõi Sắc cùng tùy miên biến hành, tùy miên thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc ba cõi, là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến tập đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc ba cõi, là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc ba cõi và tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ, là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ: Không có tâm thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc ba cõi và tùy miên duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ, là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ: Không có tâm bất thiện, cũng không có tâm có thể duyên nơi thức, chỉ có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký có thể duyên nơi thức, có ba bộ tùy miên thuộc ba cõi, là tùy tăng.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 11

Uẩn thứ 5: TẠP, phần 1

*** Tụng nêu tổng quát:**

*Tạp uẩn đầu nhiệm, kế đã biết
Sắc từng có thọ, tâm thể gian
Duyên vô gián, tăng, đoạn thiện, nhiệm
Phần kiến duyên cỗi, sau liễu biệt.*

*

*** Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Năm thức thân chỉ có thể khởi nhiệm không thể lìa nhiệm. Ý thức thân cũng có thể khởi nhiệm cũng có thể lìa nhiệm.

Các nẻo (Thú) Na-lạc-ca (Địa ngục), nẻo bàng sinh và nẻo Tô vực (Ngạ quỷ), các kẻ đoạn căn thiện, các kẻ thuộc tánh tà định, châu Bắc câu lô, tâm hữu tình cỗi vô tướng v.v... chỉ có thể khởi nhiệm không thể lìa nhiệm.

Những người thuộc tánh bất định, thuộc tánh chánh định, tâm của các hữu tình nơi châu Nam Thiệm-bộ, Đông Tỳ-đề-ha, Tây Cù-đà-ni cũng có thể khởi nhiệm cũng có thể lìa nhiệm.

Các cõi trời như trời Tứ Đại Vương Chúng, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đô-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại,

trời Phạm Thế Gian, trời Quang Âm, trời Biên Tịnh, hữu tình vô tướng không thuộc trời Quảng Quả, các trung hữu, tâm của các hữu tình nơi các xứ vô sắc cũng có thể khởi nhiễm cũng có thể lìa nhiễm.

Các tâm của bậc Tùy tín hành, Tùy pháp hành chỉ có thể lìa nhiễm, không thể khởi nhiễm. Các tâm của bậc Tín thắng giải, Kiến đắc, Thân chứng có thể khởi nhiễm cũng có thể lìa nhiễm. Các tâm của bậc Tuệ giải thoát, Giải thoát câu phần không thể khởi nhiễm cũng không thể lìa nhiễm. Nhưng có chỗ nói hai bậc đó cũng có thể lìa nhiễm là theo phần xa mà nói.

*

*** *Có sáu thức thân:*** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Đối với các pháp có sắc sáu thức nhận biết. Pháp chỉ có sắc năm thức nhận biết. Các pháp không sắc một thức nhận biết. Pháp chỉ không sắc không phải là thức nhận biết.

Các pháp có thấy hai thức nhận biết. Pháp chỉ có thấy một thức nhận biết. Các pháp không thấy năm thức nhận biết. Pháp chỉ không thấy bốn thức nhận biết.

Các pháp có đối sáu thức nhận biết. Pháp chỉ có đối năm thức nhận biết. Các pháp không đối một thức nhận biết. Pháp chỉ không đối không phải là thức nhận biết.

Các pháp hữu lậu sáu thức nhận biết. Pháp chỉ hữu lậu năm thức nhận biết. Các pháp vô lậu một thức nhận biết. Pháp chỉ vô lậu không phải là thức nhận biết.

Các pháp hữu vi sáu thức nhận biết. Pháp chỉ hữu vi năm thức nhận biết. Các pháp vô vi một thức nhận biết. Pháp chỉ vô vi không phải là thức nhận biết.

*

* **Có sáu thức thân:** Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nếu các sắc xanh hợp ý cùng với lục, liền phân biệt nhận biết sắc xanh ấy là hợp ý vui thích cùng với xúc, thọ, tưởng, tư. Khi sắc xanh ấy càng hợp ý cùng vui thích do đấy tức có thể nuôi lớn các căn, tăng trưởng các đại chủng.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nếu các sắc xanh trái ý cùng với khổ, liền phân biệt nhận biết sắc xanh ấy là trái ý khổ sở cùng với xúc, thọ, tưởng, tư. Khi sắc xanh ấy càng trái ý cùng với khổ sở, do đấy tức có thể khiến các căn tổn giảm, các đại chủng bị hủy hoại.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nếu các sắc xanh không phải là vừa ý cũng không phải là trái ý nên cùng với không khổ không vui, liền phân biệt nhận biết sắc xanh ấy không hợp ý cũng không trái ý, nên cùng với không khổ không vui nơi xúc, thọ, tưởng, tư. Khi sắc xanh ấy chuyển biến, không phải hợp ý cũng không phải trái ý, cùng với không phải khổ vui, do đấy các căn không nuôi lớn cũng không tổn giảm, các đại chủng cũng không tăng không hoại.

Như sắc xanh vừa nói, các sắc vàng, đỏ, trắng cũng như vậy.

Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân v.v... cũng như vậy.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, nếu có các pháp hợp ý cùng với vui thích, liền phân biệt nhận biết pháp ấy hợp ý cùng vui thích nơi xúc, thọ, tưởng, tư. Các pháp ấy chuyển biến càng hợp ý cùng với vui thích, do đấy tức có thể nuôi lớn các căn, tăng trưởng các đại chủng.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, nếu có các pháp trái ý cùng với khổ, liền phân biệt nhận biết pháp ấy là trái ý cùng với khổ nơi xúc thọ tưởng tư. Các pháp ấy chuyển biến càng trái ý cùng với khổ sở, do đấy tức có thể tổn giảm các căn, hủy hoại các đại chủng.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, nếu có các pháp không phải là hợp ý, cũng không phải là trái ý, nên cùng với không khổ không vui, liền phân biệt nhận biết pháp ấy không phải hợp ý cũng không trái ý, nên cùng với không khổ không vui nơi xúc, thọ, tưởng, tư. Các pháp ấy chuyển biến càng không phải hợp ý, không phải trái ý kết hợp với không khổ không vui, do đây các căn không được nuôi lớn cũng không tổn giảm, các đại chủng cũng không tăng không hoại.

Hoặc có các sắc hiển bày mà không hình tướng. Hoặc có các sắc có hình tướng mà không hiển bày. Hoặc có các sắc có hiển bày, có hình tướng. Hoặc có các sắc không hiển bày, không hình tướng.

Loại sắc có hiển bày không hình tướng: Là các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... bóng, ánh sáng, bóng tối, một phần hiển sắc của không. Đây tức như các sắc xanh vàng đỏ trắng kia.

Loại có hình tướng không hiển bày: Là biểu nghiệp của thân.

Loại có hiển bày, có hình tướng: Là như các sắc có hiển bày có hình tướng.

Loại không có hiển bày không có hình tướng: Là như các sắc không hiển bày không hình tướng.

*

Hỏi: Tùng có tâm ấy hệ thuộc, nghiệp ấy hệ thuộc, thì tâm ấy nghiệp ấy tức có quả hệ thuộc chăng?

Đáp: Có. Như tâm hệ thuộc cõi Dục, nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì tâm ấy nghiệp ấy có quả hệ thuộc cõi Dục. Tâm hệ thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, nghiệp hệ thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, thì quả hệ thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có tâm ấy hệ thuộc, nghiệp ấy hệ thuộc, thì tâm ấy nghiệp ấy tức có quả không hệ thuộc chăng?

Đáp: Có. Như đạo của cõi Sắc hóa ra cõi Dục, làm các việc của cõi Dục, nói lời nói của cõi Dục. Như đạo của cõi Sắc, cõi Vô sắc đoạn dứt các kiết tác chúng.

*

Hỏi: Các thọ ở quá khứ thì tất cả thọ ấy đã diệt hết chăng?

Đáp: Các thọ ở quá khứ, tất cả thọ ấy đã diệt hết. Hoặc các thọ đã diệt nhưng thọ ấy không phải ở quá khứ. Nghĩa là các thọ sinh đã diệt trong đời này.

Hỏi: Các thọ ở vị lai thì tất cả thọ ấy chưa sinh chăng?

Đáp: Các thọ ở vị lai, tất cả thọ ấy là chưa sinh. Hoặc các thọ chưa sinh, thọ ấy không phải là ở vị lai. Nghĩa là các thọ nhất định sẽ sinh trong đời này.

Hỏi: Các thọ ở hiện tại thì tất cả thọ ấy đều hiện tiền chăng?

Đáp: Các thọ hiện tiền, tất cả thọ ấy đều ở hiện tại. Hoặc thọ ở hiện tại, thọ ấy không phải hiện tiền. Nghĩa là thọ sinh trong đời này đã diệt và các thọ nhất định sẽ sinh trong đời này.

*

* **Có sáu tâm:** Nghĩa là tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ, do tu đạo đoạn trừ. Tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ, do tu đạo đoạn trừ. Tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ, do tu đạo đoạn trừ.

Tùng có tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng? Chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng? Chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký chăng? Chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Như tâm do kiến đạo đoạn trừ, tâm do tu đạo đoạn trừ cũng như vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với tùy miên duyên nơi vô lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Dục do kiến tập đoạn trừ không tương ưng với tùy miên biến hành, cùng các tâm thuộc cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với các tùy miên duyên nơi hữu lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký và pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Dục tương ưng với các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng? Chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ba thức thân ở cõi Dục cùng các tâm thuộc cõi Dục tương ưng với môn vô tướng - vô tướng.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với các tùy miên duyên nơi vô lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ không tương ưng với các tùy miên biến hành, cùng các tâm thuộc cõi Sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ưng với các tùy miên duyên nơi hữu lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Sắc tương ưng với các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng? Chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là một thức thân thuộc cõi Sắc cùng các tâm thuộc cõi Sắc tương ứng với môn vô tướng - vô tướng.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ứng với các tùy miên duyên nơi vô lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến khô, tập đoạn trừ không tương ứng với các tùy miên biến hành, cùng các tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo đoạn trừ tương ứng với các tùy miên duyên nơi hữu lậu.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Sắc tương ứng với các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp bất thiện chăng? Chỉ duyên nơi pháp hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ quyết định chỉ duyên nơi pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các tâm thuộc cõi Vô sắc tương ưng với môn vô tướng - vô tướng.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Dục, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các trí thế tục thuộc cõi Dục hiện quán hậu biên.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Sắc, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các trí thế tục thuộc cõi Sắc hiện quán hậu biên.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Vô sắc, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là định diệt tận.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Dục, có pháp định vô lậu cùng vô gián sinh duyên nơi pháp vô lậu, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện, vô tướng - vô tướng thuộc cõi Dục.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Sắc, có pháp định vô lậu cùng vô gián sinh duyên nơi pháp vô lậu, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện, vô tướng - vô tướng thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Từng có các pháp hữu lậu thế gian tùy thuận hữu thủ, thuộc về thủ uẩn, nhưng tự bên trong cùng khởi suy nghĩ chọn lựa sinh ra tánh thiện diệu thuộc cõi Vô sắc, có pháp định vô lậu cùng vô gián sinh duyên nơi pháp vô lậu, chỉ bậc Thánh mới có không chung với tất cả hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là các môn không - không, vô nguyện - vô nguyện, vô tướng - vô tướng thuộc cõi Vô sắc.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Hỏi: Tâm thiện thuộc cõi Dục cùng vô gián sinh bao nhiêu tâm? v.v... Cho đến tâm vô học cùng vô gián sinh bao nhiêu tâm?

Đáp: Tâm thiện thuộc cõi Dục cùng vô gián sinh chín tâm. Tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cùng vô gián sinh bốn tâm. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cùng vô gián sinh bảy tâm.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc cùng vô gián sinh mười một tâm. Tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cùng vô gián sinh sáu tâm.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cùng vô gián sinh chín tâm. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cùng vô gián sinh bảy tâm. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cùng vô gián sinh sáu tâm.

Tâm hữu học cùng vô gián sinh năm tâm. Tâm vô học cùng vô gián sinh bốn tâm.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Hỏi: Tâm thiện thuộc cõi Dục đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do bao nhiêu duyên nên nói là có thể làm duyên? Tâm thiện thuộc cõi Dục v.v... cho đến đối với tâm vô học do bao nhiêu duyên nên nói là có thể làm duyên? Cho đến tâm vô học đối với tâm vô học do bao nhiêu duyên nên nói là có thể làm duyên? Tâm vô học đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, cho đến đối với tâm hữu học, do bao nhiêu duyên nên nói là có thể làm duyên?

Trả lời:

Tâm thiện thuộc cõi Dục: Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối

với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đấng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đấng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cùng tất cả tâm thuộc cõi Vô sắc do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cùng tất cả tâm thuộc cõi Vô sắc do một Tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc: Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm bất thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm bất thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện

thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do đấng vô gián duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm học đối với tâm học do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô học cũng do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chỉ do một tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Tâm vô học đối với tâm vô học do nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm bất thiện thuộc cõi Dục do sở duyên duyên, tăng thượng

duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chỉ do một tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do sở duyên duyên, tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chỉ do một tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc do đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do sở duyên duyên, tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc do một tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

Đối với tâm hữu học do sở duyên duyên, tầng thượng duyên nên nói là có thể làm duyên.

*

Hỏi: Thế nào là Tầng thượng duyên?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nhãn thức này do mắt làm tầng thượng duyên. Cũng do sắc nên tai, tiếng và nhĩ thức, mũi, hương và tỷ thức, lưỡi, vị và thiệt thức, thân, xúc và thân thức, ý, pháp và ý thức, hoặc các thứ đó đều tương ưng với pháp, hoặc các thứ đó đều có pháp, hoặc có sắc - không sắc, hoặc có thấy - không thấy, hoặc có đối - không đối, hoặc hữu lậu - vô lậu, hoặc hữu vi - vô vi v.v... tất cả các pháp như thế đều là Tầng thượng duyên, chỉ trừ tự tánh của chúng. Như thế, tai mũi lưỡi thân ý pháp đều làm duyên sinh ra ý thức, ý thức này do ý làm Tầng thượng duyên. Cũng do pháp nên mắt, sắc và nhãn thức, tai, tiếng và nhĩ thức, mũi, hương và tỷ thức, lưỡi, vị và thiệt thức, thân, xúc và thân thức, hoặc các thứ này cùng tương ưng với pháp, hoặc các thứ này cùng có pháp, hoặc

có sắc - không sắc, hoặc có thấy - không thấy, hoặc có đối - không đối, hoặc hữu lậu - vô lậu, hoặc hữu vi - vô vi v.v... tất cả các pháp như thế đều là Tăng thượng duyên, chỉ trừ tự tánh của chúng. Đó gọi là Tăng thượng duyên.

*

Hỏi: Các kẻ đoạn dứt căn thiện, chúng đoạn dứt như thế nào? Hành tướng của việc đoạn dứt ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai chảy máu v.v... là có thể đoạn dứt căn thiện.

Những kẻ do cố ý hại mạng mẹ, kẻ ấy hại như thế nào? Hành tướng của việc giết hại ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình gồm đủ tham sân si, tánh hung dữ mãnh liệt. Do tham sân si luôn mãnh liệt, nên ham thích tham đắm cờ bạc, rượu chè, dâm dục, kết bạn xấu ác, nhiễm quen với đủ xú phóng dật. Người mẹ quyết chí thực hiện việc ngăn cản, nói với con: Con nay chớ nên ham thích tham đắm nơi các việc cờ bạc, rượu chè, dâm dục, kết với bạn xấu ác, quen nhiễm theo xú phóng dật. Con nay chớ nên tạo các nghiệp ác mà bị đọa vào các nẻo dữ địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh. Do người mẹ quyết chí can ngăn nên người con càng sinh giận dữ, đã không nghe, không tin, lại oán trách: Khổ thay! Thật là độc hại! Vì sao mẹ ta lại ngăn cản ta vui thích với các sự việc như thế? Nếu bà ấy còn đến đây nói mãi những điều không lợi ích ấy nữa, ta quyết sẽ giết ngay. Như thế là có thể đoạn dứt căn thiện.

Càng về sau, kẻ kia lại thêm sân giận, càng không biết tin nhận điều phải trái, càng trở nên hung dữ, càng bị trói buộc vào sự sân hận, nên khởi cố ý hại mạng mẹ mình. Kẻ ấy do các nghiệp thân, ngữ, ý như vậy, nên khi mong cầu ước muốn làm việc gì đều là tánh tà vạy. Vì thế đã trừ bỏ các việc từng làm từ trước, các tướng cùng tướng,

giả lập mà nói, trụ vào tụ bất định, là chủng tánh bất định. Do đó có thêm các điều trước đây chưa tạo tác, các tướng cùng tướng, giả lập mà nói, trụ nơi tụ định tà, là chủng tánh định tà, là một trong năm thứ hữu tình tạo nghiệp vô gián. Tức là hại mẹ, hại cha, hại bậc A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác làm thân Phật chảy máu. Các kẻ do cố ý hại mạng mẹ mình, đã hại như thế theo hành tướng như thế.

Như nói về hại mẹ, hại cha cũng như vậy.

Những kẻ hại mạng Thanh văn A-la-hán, kẻ ấy hại như thế nào? Hành tướng của việc giết hại ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình đối với các thứ y, bát của bậc Thanh văn A-la-hán, hoặc các thứ vật dụng sinh sống đúng pháp của các Sa-môn, lại sinh tâm tham nhiễm cùng cực, không bỏ, khởi suy nghĩ: Ta nay phải đoạt lấy các thứ đó. Nếu họ nhân đây tổn hại ta, như bắt bớ, giam giữ, đuổi đi hay mắng nhiếc, khiến ta rơi vào chỗ thấp kém không còn được tôn trọng nữa, thì ta quyết định giết ngay. Như thế là có thể đoạn dứt căn thiện.

Lại như có các vị Thanh văn A-la-hán, ở giữa đại chúng tự bàn luận nêu bày chỉ rõ các điều sai trái để ngăn cấm, trừ bỏ các lỗi lầm của người khác. Ở đây có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn xấu, ôm lòng oán hận, thấy bạn mình bị luận bàn, chê trách cho là bị oán hại, nên trách cứ: Khổ thay! Đúng là độc hại! Vì sao các vị Sa-môn này cứ ở giữa đại chúng bàn luận, chỉ bày về việc sai trái của người khác để ngăn cấm, trừ bỏ? Nếu các ông ấy đối với ta nói mãi những điều không lợi ích như thế thì ta quyết định sẽ giết họ ngay. Như thế là có thể đoạn dứt căn thiện.

Càng về sau, kẻ kia càng thêm sân giận không còn tin nhận điều hay lẽ phải, càng ngày sự giận dữ càng tăng mạnh trói buộc sai khiến, nên khởi cố ý hại mạng bậc A-la-hán. Kẻ ấy, do các nghiệp của thân, ngữ, ý như thế, nên khi mong cầu ước muốn làm việc gì đều là tánh tà

vay. Như vậy là đã trừ bỏ các việc từng làm từ trước, các tướng cùng tướng, giả lập mà nói, trụ nơi tụ bất định, là chủng tánh bất định, vì thế có thêm các việc trước đây chưa hành tác, các tướng cùng tướng, giả lập để nêu bày tụ định tà, là chủng tánh định tà, là một trong năm loài hữu tình, thuộc chủng loại hỗn tạp, chủng loại hỗ trợ cho chúng đồng phạm xấu ác, xứ đắc, sự đắc, xứ sinh trưởng đắc (tạo nghiệp vô gián). Tức là hại mẹ, hại cha, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác khiến thân Phật chảy máu. Các kẻ hại Thanh văn A-la-hán đã hại như thế với hành tướng như thế.

Những kẻ phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng là đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai, thì sự phá hoại ấy như thế nào? Hành tướng của sự phá hoại ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình đối với phi pháp tướng là pháp, đối với các thứ không phải là Tỳ-nại-da tướng là Tỳ-nại-da. Kẻ kia không che giấu tướng đó, không che giấu sự chấp nhận ấy, cũng không che giấu sự ưa thích theo trí quán thấy như thế. Đối với các đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai là Tăng chúng hòa hợp cần chỉ dạy khuyên bảo khiến họ đều hoan hỷ thọ trì, tu học, kẻ ấy nói: Đây là chánh pháp, là Tỳ-nại-da, là lời dạy của bậc Đại sư. Này Bì-sô! Ông nay đối với chánh pháp ấy, Tỳ-nại-da ấy, lời dạy của bậc Đại sư ấy, phải nên chấp nhận, thọ nhận, mở bày, làm sáng tỏ. Nên khởi sự suy xét để thọ nhận. Nếu do thân kia là loại thứ năm khởi sự thọ nhận, tính xét, dù đó là loại hữu tình thấp kém nhất trong số ấy, tuy nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, là đệ tử của Đức Như Lai, nhưng không thể sống đủ một kiếp để chịu tội.

Lại như có một hữu tình đối với pháp tướng là phi pháp, đối với Tỳ-nại-da tướng không phải là Tỳ-nại-da. Kẻ kia không che giấu tướng ấy, không che giấu sự chấp nhận ấy, cũng không che giấu sự ưa thích theo trí quán thấy như thế. Đối với các đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai là Tăng chúng hòa hợp cần khuyên bảo chỉ dạy khiến

họ đều vui vẻ thọ trì, tu học, kẻ ấy nói: Không phải là chánh pháp, không phải là Tỳ-nại-da, không phải là lời dạy của bậc Đại sư. Này Bí-sô! Ông nay đối với các thứ không phải là pháp ấy, các thứ không phải là Tỳ-nại-da ấy, không phải là lời dạy của bậc Đại sư ấy, phải nên chấp nhận, thọ nhận, mở bày, làm sáng tỏ. Nên khởi sự suy xét để thọ nhận. Nếu do thân kia là loại thứ năm khởi sự thọ nhận, nghĩ xét, dù đó là loại hữu tình thấp kém nhất trong số ấy, tuy nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, là đệ tử của Đức Như Lai, nhưng không thể sống đủ một kiếp để chịu tội.

Lại như có một hữu tình đối với phi pháp tưởng là phi pháp, đối với không phải là Tỳ-nại-da tưởng không phải là Tỳ-nại-da. Kẻ ấy che giấu nghĩ tưởng đó, che giấu sự chấp nhận đó, cũng che giấu sự ưa thích theo trí quán thấy như thế. Đối với các đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai là Tăng chúng hòa hợp cần chỉ dạy khuyên bảo khiến họ đều vui vẻ thọ trì, tu học, kẻ ấy nói: Đó là chánh pháp, là Tỳ-nại-da, là lời dạy của bậc Đại sư. Này Bí-sô! Ông nay đối với chánh pháp ấy, Tỳ-nại-da ấy, lời dạy của bậc Đại sư ấy, phải nên chấp nhận, thọ nhận, mở bày, làm sáng tỏ. Nên khởi sự suy xét để thọ nhận. Nếu do thân kia là loại thứ năm khởi sự thọ nhận, nghĩ xét, dù đó là loại hữu tình thấp kém nhất trong số ấy, nên nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, là đệ tử của Đức Như Lai, cũng có thể sống một kiếp để chịu tội.

Lại như có một hữu tình đối với pháp tưởng là pháp, đối với Tỳ-nại-da tưởng là Tỳ-nại-da. Người ấy che giấu ý tưởng ấy, che giấu sự chấp nhận ấy, cũng che giấu sự ưa thích quán theo trí thấy như thế. Đối với các đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai là Tăng chúng hòa hợp cần chỉ dạy, khuyên bảo khiến họ vui vẻ thọ trì, tu học, người ấy nói: Không phải là chánh pháp, không phải là Tỳ-nại-da, không phải là lời dạy của bậc Đại sư. Này Bí-sô! Ông nay đối với không phải là pháp này, không phải là Tỳ-nại-da này, không phải là lời dạy của bậc

Đại sư này, phải nên chấp nhận, thọ nhận, mở bày, làm sáng tỏ. Nên khởi sự suy xét để thọ nhận. Nếu do thân kia là loại thứ năm để khởi sự thọ nhận, xét tính, dù đó là loại hữu tình thấp kém nhất trong số ấy. Nên nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, là đệ tử của Đức Như Lai, cũng có thể sống một kiếp để chịu tội.

Kẻ kia do các nghiệp thân, ngữ, ý như thế nên khi mong cầu, ước muốn làm việc gì, đều là tánh tà vạy. Do đó nên đã từ bỏ các sự việc từng có từ trước, các tướng cùng tướng, giả lập nói năng, trụ nơi tụ bất định, là chủng tánh bất định. Vì thế thêm các điều trước đây chưa tạo tác, các tướng cùng tướng, giả lập nêu bày, trụ nơi tụ tà định, là chủng tánh tà định, là một trong năm loại hữu tình tạo nghiệp vô gián. Đó là hại mẹ, hại cha, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu. Các kẻ phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng là những đệ tử Thanh văn của Đức Như Lai đã phá hoại như thế với các hành tướng như thế.

Những kẻ khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai chảy máu, thì sự việc đó, hành tướng đó như thế nào?

Đáp: Nghĩa là như Đức Như Lai ở giữa đại chúng tự giảng nói, nêu bày, luận bàn, chỉ dẫn, làm sáng tỏ nhằm ngăn chặn, phá bỏ các luận thuyết sai trái của kẻ khác. Ở đây hiện có hoặc các Sa-môn, hoặc các Bà-la-môn ôm giữ tâm oán hại, không muốn các thứ kiến giải sai trái bị loại bỏ nên nói lời oán trách: Khổ thay! Thật là độc hại. Vì sao gọi là loại Sa-môn như thế, ở giữa đại chúng tự giảng nói, nêu bày, luận bàn, chỉ dẫn, làm sáng tỏ nhằm ngăn chặn, dứt bỏ các luận thuyết sai trái của người khác? Nếu ông ấy đến chỗ ta giảng nói các điều không lợi ích như thế, nhất định ta sẽ lấy mạng ngay. Như thế là có thể đoạn dứt căn thiện. Về sau các kẻ kia do tức giận nên không còn tin nhận điều phải trái, càng ngày càng tăng mạnh, càng bị trôi buộc vào sự sân hận, nên cố ý khởi suy nghĩ: Ta nay quyết định sẽ hại thân mạng Như Lai. Nhưng các Đức Như Lai theo như pháp thì

không gì, không ai có thể hại mạng được, chỉ có thể khởi tâm độc ác làm cho thân Như Lai chảy máu. Kẻ kia do nghiệp thân, ngữ, ý như thế, nên khi mong cầu, ước muốn làm điều gì đều là tánh tà, nên đã trừ bỏ các thứ thành tựu từng làm từ trước, các tướng cùng tướng, giả lập nêu bày, trụ nơi tụ bất định, là chủng tánh bất định, do đó có thêm các việc trước kia chưa làm, rơi vào tụ định tà, chủng tánh định tà, là một trong năm loại hữu tình tạo nghiệp vô gián. Tức là hại mẹ, hại cha, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai chảy máu. Các kẻ khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai chảy máu những việc làm và hành tướng là như thế.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 12

Uẩn thứ 5: TẠP, phần 2

Hỏi: Các kẻ đoạn dứt căn thiện, sự việc đoạn dứt ấy như thế nào? Hành tướng của việc đoạn dứt ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình đã cố suy nghĩ việc hại mẹ hại cha rồi, không hề biết xấu hổ, ăn năn. Lại như có một hữu tình đã cố suy nghĩ việc hại mẹ hại cha, nhưng biết xấu hổ, ăn năn. Hai người như thế theo thầy là các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn Ót-yết-lạc-ca, hoặc đám đồ đệ của họ, theo kiến chấp không có gì cả lập luận thuyết không có gì cả, nói là không có nhân, không có tạo tác v.v..., mọi sự thiết lập về nghiệp thiện, nghiệp ác đều bị dứt bỏ.

Hai kẻ kia thường đến thưa hỏi: Thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là có tội? Thế nào là không tội? Làm những việc gì để thành tốt đẹp không phải là xấu ác? Các kẻ kia do gần gũi, thờ phụng, cúng dường những vị thầy như thế, nên đối với các tội lỗi đã tạo khi chưa có xấu hổ, ăn năn liền khiến chúng không sinh, khi đã có xấu hổ, ăn năn, thì khiến chúng bị diệt trừ nhanh chóng. Các kẻ ấy bảo: Sát sinh là ngu si, hư dối, không có quả, không có nghĩa lý, không có sinh khởi, không có ý vị, lợi ích. Không có sát sinh, không có hành sát sinh phải chiêu cảm dị thực (quả báo). Như vậy, các hành không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời

thô ác, nói thù dật cùng tham, giận, tà kiến v.v... đều là ngu si, hư dối, không có quả, không có nghĩa lý, không có sinh khởi, không có ý vị, lợi ích, không có tà kiến v.v..., không có tà kiến v.v... đã chiêu cảm dị thực.

Các kẻ ấy đối với những việc như thế, càng sinh ưa thích sâu xa, chấp nhận, thọ nhận, mở bày, làm sáng rõ. Do đấy nên nói các kẻ ấy là người hành theo tà đạo, tức là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà cần (tà tinh tấn), tà niệm và tà định. Các kẻ ấy do hành theo tà đạo như thế, nên ba căn thiện dần dần tổn giảm, nhỏ mỏng, thiếu sót, ba căn bất thiện càng ngày càng tăng trưởng mạnh, dữ. Ba thứ hành tốt dần dần bị tổn giảm, mỏng yếu, thiếu sót, ba thứ hành ác càng ngày càng tăng trưởng mạnh, dữ. Cũng vậy, mười nghiệp đạo thiện càng ngày càng tổn giảm, suy yếu, thiếu kém, mười nghiệp đạo ác lại càng tăng trưởng mạnh, dữ. Tám chánh hữu đạo thì tổn giảm, yếu kém, khiếm khuyết, còn tám tà tà đạo càng tăng trưởng mạnh, dữ.

Các kẻ kia do hành tác mọi việc sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời thù dật, tham, giận, tà kiến v.v... càng tăng thêm, vì thế phần nhiều không ở nơi chốn yên tĩnh, vắng lặng, không trụ nơi luật nghi. Tuy nơi chút ít thời gian có phát sinh tâm, tâm pháp thiện yếu ớt cùng hành với chánh kiến, nhưng do vô số pháp xấu ác bất thiện, phần nhiều luôn hiện hành nên luôn ở nơi phạm tà đạo. Cũng như mùa hè nóng bức đã qua, sang mùa thu mát mẻ, đêm đến mây giăng đen kịt, trời đất tối tăm, sấm động chớp lòe, dưới ánh chớp sáng ấy các màu sắc hiện ra rồi liền biến mất. Các kẻ kia như thế phần nhiều đều không trụ nơi chốn vắng vẻ, yên tĩnh, không trụ nơi luật nghi, tuy nơi chút ít thời gian có phát sinh tâm tâm pháp thiện yếu ớt, cùng hành với chánh kiến, nhưng do vô số pháp xấu ác bất thiện phần nhiều luôn hiện hành nên luôn ở nơi phạm tà đạo.

Lại như có người vào cuối xuân, sang đầu hạ, bị nóng khát bức bách, gió nóng gây bao khổ não, được vào nơi ao nước trong mát, được tắm gội, uống thỏa thích nhưng phải mau chóng trở ra, những giọt nước lớn nơi thân hiện có đều rơi hết, chỉ còn chút ít nước trụ nơi lỗ chân lông.

Như thế, các kẻ kia phần nhiều đều không trụ nơi chốn yên tĩnh vắng vẻ, không trụ nơi luật nghi, tuy nơi chút ít thời gian có phát sinh tâm tâm pháp thiện yếu ớt cùng hành với chánh kiến, nhưng do vô số pháp xấu ác bất thiện phần nhiều đều hiện hành nên luôn ở nơi phàm tả đạo.

Các kẻ ấy, về sau cũng có thể biết thương hại và coi trọng mạng sống, nhưng do không thuận theo xấu hổ, hối lỗi, rốt cuộc vẫn bài bác cho là không có quả báo của tất cả các nghiệp thiện ác. Do các sự việc như thế nên nói các kẻ ấy đã đoạn dứt căn thiện hiện có ở ba cõi: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nên biết, loại hữu tình như thế ở trong hiện pháp không thể tiếp tục có được các căn thiện, nhất định sau khi chết bị đọa vào địa ngục, hoặc lúc còn sống tiếp tục tạo các căn thiện thì mới tránh khỏi.

Hỏi: Về việc sát sinh, thì việc giết hại loại hữu tình như thế cùng việc giết hại trướng kiến, giẫm nát con kiến, loại nào có tội lớn hơn?

Đáp: Nếu do bị trói buộc như nhau thì dị thực (quả báo) cũng như nhau.

Lại có thuyết nói việc giết hại trướng kiến, giẫm nát con kiến thì tội lớn hơn là việc giết người. Vì sao? Vì các thứ trướng kiến, con kiến bị giẫm đạp kia không đoạn dứt căn thiện, còn hạng người kia thuộc loại đã đoạn dứt căn thiện.

Các kẻ kia do các nghiệp thân, ngữ và ý suy xét như thế, nên mong cầu nguyện làm các việc đều là tánh tà, do đó đã dứt bỏ hết những thành tựu đã có từ trước, các tướng cùng tướng, ngôn

thuyết giả lập, trụ nơi tụ bất định, là chủng tánh bất định, thế nên có thêm các thứ trước chưa tạo tác, các tướng cùng tướng, giả lập nêu bày, trụ nơi tụ định tà, là chủng tánh định tà, là một trong năm loại hữu tình tạo nghiệp vô gián. Đó là hại mẹ, hại cha, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai chảy máu.

Các kẻ đoạn dứt căn thiện, sự việc và hành tướng đoạn dứt là như thế.

*

Như có một loại Bồ-đặc-già-la do các tâm nhiễm ô thuộc cõi Dục đang hiện tiền, nên các căn thiện hiện có hoặc bỏ mà không có được, hoặc có được mà không bỏ, hoặc cũng bỏ cũng có được, hoặc không bỏ cũng không có được.

Bỏ mà không có được: Là hàng phàm phu khi đoạn dứt các căn thiện và đã lìa hết các tham ở cõi Dục, do đầy thoát được sự ràng buộc của cõi Dục. Còn các căn thiện hiện có ở cõi Sắc, cõi Vô sắc thì bỏ mà không có được. Hàng hữu học đã lìa tham nơi cõi Sắc, đã thoát khỏi sự trói buộc của cõi Dục, các căn thiện thuộc cõi Vô sắc bỏ mà không có được. Như vậy gọi là bỏ mà không có được.

Có được mà không bỏ: Là khi tâm mê làm nối tiếp căn thiện. Như vậy gọi là có được mà không bỏ.

Cũng bỏ cũng có được: Là khi ở cõi Vô sắc mất đi, sinh nơi cõi Dục, bỏ căn thiện thuộc cõi Vô sắc, có được căn thiện ở cõi Dục. Khi từ cõi Sắc mất đi, sinh nơi cõi Dục, bỏ căn thiện thuộc cõi Sắc, có được căn thiện ở cõi Dục. Các bậc A-la-hán đã thoát khỏi sự ràng buộc nơi cõi Dục, bỏ mọi hệ thuộc nơi cõi Vô sắc và các căn thiện vô học, được căn thiện hữu học, tâm vô học thoái chuyển trụ vào tâm hữu học. Như vậy gọi là cũng bỏ cũng có được.

Không bỏ cũng không có được: Là không đoạn dứt căn thiện. Từ cõi Dục mất, sinh trở lại nơi cõi Dục. Như vậy gọi là không bỏ cũng không có được.

Lại có một loại Bồ-đặc-già-la do các tâm nhiễm ô thuộc cõi Sắc đang hiện tiền, nên các căn thiện hiện có hoặc bỏ mà không có được, hoặc cũng bỏ cũng có được, hoặc không bỏ cũng không có được.

Bỏ mà không có được: Là hàng hữu học, phạm phu đã lìa tham nơi cõi Sắc, thoát khỏi mọi trói buộc của cõi Sắc, các căn thiện thuộc cõi Vô sắc là bỏ mà không có được. Khi từ cõi Dục mất đi, sinh lên cõi Sắc, các căn thiện thuộc cõi Dục là bỏ mà không có được. Như vậy gọi là bỏ mà không có được.

Cũng bỏ cũng có được: Là khi ở cõi Vô sắc mất đi, sinh nơi cõi Sắc, bỏ các căn thiện thuộc cõi Vô sắc, được các căn thiện nơi cõi Sắc. Các bậc A-la-hán đã thoát khỏi mọi trói buộc nơi cõi Sắc, bỏ các căn thiện vô học và các hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, được căn thiện hữu học, tâm vô học thoái chuyển trụ vào tâm hữu học. Như vậy gọi là cũng bỏ cũng có được.

Không bỏ cũng không có được: Là khi ở cõi Sắc mất rồi, sinh trở lại nơi cõi Sắc. Như vậy gọi là không bỏ cũng không có được.

Lại có một loại Bồ-đặc-già-la do các tâm nhiễm ô thuộc cõi Vô sắc đang hiện tiền, nên các căn thiện hiện có hoặc bỏ mà không có được, hoặc cũng bỏ cũng có được, hoặc không bỏ cũng không có được.

Bỏ mà không có được: Là từ cõi Dục mất rồi, sinh lên cõi Vô sắc, các căn thiện thuộc cõi Dục và cõi Sắc đều bỏ mà không có được. Từ cõi Sắc mất rồi, sinh lên cõi Vô sắc, các căn thiện thuộc cõi Sắc đều bỏ mà không có được. Như vậy gọi là bỏ mà không có được.

Cũng bỏ cũng có được: Là bậc A-la-hán đã thoát khỏi mọi ràng buộc nơi cõi Vô sắc, bỏ các căn thiện vô học, được căn thiện hữu

học, tâm vô học thoái chuyên trụ nơi tâm hữu học. Như vậy gọi là cũng bỏ cũng có được.

Không bỏ cũng không có được: Là khi ở cõi Vô sắc mất rồi, sinh trở lại nơi cõi Vô sắc. Như vậy gọi là không bỏ cũng không có được.

*

*** Có mười hai xứ:** Là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Hỏi: Thế nào là Nhãn xứ?

Đáp: Nghĩa là các nhãn xứ đã thấy sắc, đang thấy sắc, sẽ thấy sắc, hoặc lại là các thứ đồng phận khác nơi nhãn xứ.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi nhãn xứ? Nghĩa là các thứ đồng phận nơi nhãn xứ có mặt ở quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi nhãn xứ ở quá khứ? Nghĩa là các nhãn xứ không thấy các sắc đã diệt.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi nhãn xứ ở vị lai? Nghĩa là các nhãn xứ ở vị lai hoặc nhất định sẽ không sinh, hoặc có sẽ sinh ra, nhưng không thấy sắc sẽ diệt.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi nhãn xứ ở hiện tại? Nghĩa là các nhãn xứ không thấy các sắc đang diệt.

Hỏi: Thế nào là Sắc xứ?

Đáp: Nghĩa là các sắc xứ do mắt đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, hoặc lại là các thứ đồng phận khác nơi sắc xứ.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi sắc xứ? Nghĩa là các thứ đồng phận nơi sắc xứ có mặt ở quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi sắc xứ ở quá khứ? Nghĩa là các sắc xứ này mắt không thấy vì đã diệt.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi sắc xứ ở vị lai? Nghĩa là các sắc xứ ở vị lai hoặc nhất định sẽ không sinh, hoặc có sẽ sinh ra, nhưng mắt không thấy nó sẽ diệt.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi sắc xứ ở hiện tại? Nghĩa là các sắc xứ này mắt không thấy chúng đang diệt.

Như nhãn xứ, sắc xứ, các thứ nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là Ý xứ?

Đáp: Nghĩa là các ý xứ đã phân biệt nhận biết pháp, đang phân biệt nhận biết pháp, sẽ phân biệt nhận biết pháp, hoặc lại là các thứ đồng phận khác nơi ý xứ.

Thế nào là các thứ đồng phận nơi ý xứ? Nghĩa là các ý xứ ở đời vị lai nhất định có sinh ra, không có các thứ đồng phận nơi ý xứ ở quá khứ và hiện tại, không có các thứ đồng phận nơi pháp xứ.

Mắt ở quá khứ đối với sắc có hai trường hợp: Nghĩa là mắt ở quá khứ đối với sắc hoặc đã thấy, không phải là đang thấy, không phải là sẽ thấy. Hoặc không phải là đã thấy, đang thấy, sẽ thấy.

Mắt ở vị lai đối với sắc có ba trường hợp: Nghĩa là mắt ở vị lai đối với sắc hoặc không phải là đã thấy, đang thấy, sẽ thấy. Hoặc không phải là đã thấy, đang thấy mà là sẽ thấy. Hoặc không phải là đã thấy, đang thấy, hoặc là sẽ thấy, hoặc là không sẽ thấy.

Mắt ở hiện tại đối với sắc có mười hai trường hợp: Nghĩa là mắt ở hiện tại đối với sắc:

1. Hoặc là đã thấy, không phải là đang thấy, không phải là sẽ thấy.
2. Hoặc là đang thấy, không phải là đã thấy, không phải là sẽ thấy.
3. Hoặc là sẽ thấy, không phải là đã thấy, không phải là đang thấy.
4. Hoặc là đã thấy, đang thấy, không phải là sẽ thấy.

5. Hoặc là đã thấy, sẽ thấy, không phải là đang thấy.

6. Hoặc là đang thấy, sẽ thấy, không phải là đã thấy.

7. Hoặc là đã thấy, không phải là đang thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc không sẽ thấy.

8. Hoặc là đang thấy, không phải là đã thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc không sẽ thấy.

9. Hoặc không phải là đã thấy, không phải là đang thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc không sẽ thấy.

10. Hoặc là đã thấy, đang thấy, hoặc là sẽ thấy, hoặc là không sẽ thấy.

11. Hoặc là đã thấy, đang thấy, sẽ thấy.

12. Hoặc không phải là đã thấy, không phải là đang thấy, không phải là sẽ thấy.

Hỏi: Từng có mắt làm duyên nơi bậc trung hay bậc thượng chăng? Duyên này là duyên nơi gì? Tức duyên nơi mắt bậc hạ chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là bậc trung và thượng.

Hỏi: Từng có mắt làm duyên, đầu tiên không phải là duyên ấy. Vì sao không phải là duyên ấy? Là do nghiệp nơi đại chủng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là bậc hạ, trung, thượng.

Như nói về mắt, các thứ tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy.

Hỏi: Từng có ý làm duyên nơi bậc trung hay bậc thượng? Duyên này là duyên nơi gì? Tức duyên nơi ý bậc hạ chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là bậc trung và thượng.

Hỏi: Từng có ý làm duyên, đầu tiên không phải là duyên này. Vì sao không phải là duyên này? Là do nghiệp phiền não chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là bậc hạ, trung, thượng.

*

*** *Có mười tám giới:*** Là nhãn giới, sắc giới và nhãn thức giới. Nhĩ giới, thanh giới và nhĩ thức giới. Tỷ giới, hương giới và tỷ thức giới. Thiệt giới, vị giới và thiệt thức giới. Thân giới, xúc giới và thân thức giới. Ý giới, pháp giới và ý thức giới.

Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, sắc giới cũng như vậy chăng? Nếu sắc giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn giới cũng như vậy chăng?

Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, v.v... cho đến ý thức giới cũng như vậy chăng? Nếu ý thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn giới cũng như vậy chăng?

Tùng có cho đến pháp giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý thức giới cũng như vậy chăng? Nếu ý thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, pháp giới cũng như vậy chăng?

Hỏi: Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, sắc giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu sắc giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Như nhãn giới đối chiếu với sắc giới, đối chiếu nhĩ giới với thanh giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, xúc giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn thức giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn thức giới cũng như vậy. Hoặc nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải là nhãn giới. Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Phạm thế, chưa lìa tham ở cõi trên.

Như nhãn giới đối chiếu với nhãn thức giới, đối chiếu với nhĩ thức giới, thân thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải là nhãn giới. Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi trên.

Như nhãn giới đối chiếu với hương giới, đối chiếu với vị giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn giới cũng như vậy. Hoặc nhãn giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải ý giới. Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Sắc, chưa lìa tham ở cõi trên.

Như nhãn giới đối chiếu với ý giới, đối chiếu với pháp giới, ý thức giới cũng như vậy.

Như nhãn giới đã nói rộng như thế, sắc giới, nhĩ giới, thanh giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, xúc giới v.v... nói rộng cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhĩ thức giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu nhĩ thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn thức giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Như nhãn thức giới đối chiếu với nhĩ thức giới, đối chiếu với thân thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải là nhãn thức giới. Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Phạm thế.

Như nhãn thức giới đối chiếu với hương giới, đối chiếu với vị giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, nhãn thức giới cũng như vậy. Hoặc nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải là ý giới. Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Phạm thế, chưa lìa tham ở cõi trên.

Như nhãn thức giới đối chiếu với ý giới, đối chiếu với pháp giới, ý thức giới cũng như vậy.

Như nhãn thức giới đã nói rộng như thế, nhĩ thức giới, thân thức giới nói rộng cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có hương giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, vị giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vị giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Như hương giới đối chiếu với vị giới, đối chiếu với tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có hương giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, hương giới cũng như vậy. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, không phải là ý giới. Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi trên.

Như hương giới đối chiếu với ý giới, đối chiếu với pháp giới, ý thức giới cũng như vậy.

Như hương giới đã nói rộng như thế, vị giới, tỷ thức giới, thiết thức giới nói rộng cũng như vậy.

Hỏi: Từng có ý giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, pháp giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu pháp giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Như ý giới đối chiếu với pháp giới, đối chiếu với ý thức giới cũng như vậy.

Hỏi: Từng có pháp giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, ý thức giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu ý thức giới đã đoạn dứt, đã nhận biết khắp, pháp giới cũng như vậy chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

* **Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.

Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học. Mười hai tâm như thế là có mặt khắp cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Tâm thiện thuộc cõi Dục ở quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

4. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là ở cõi Sắc và cõi Vô sắc đã sinh trưởng các Bồ-đặc-già-la Thánh nhân.

Đã phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt các căn thiện và ở cõi Sắc, cõi Vô sắc đã sinh trưởng các phàm phu.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã sinh trưởng ở cõi Dục, hướng tới cõi Sắc và cõi Vô sắc, tức là các người Bất hoàn trụ nơi tâm thiện sau cùng.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm thiện thuộc cõi Dục ở quá khứ, *tâm thiện thuộc cõi Dục ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm thiện thuộc cõi Dục chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết, không phải là đã phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết, không phải là đã phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, lần đầu tiên mới hiện tiền.

Tâm thiện thuộc cõi Dục ở hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, hướng đến cõi Sắc và cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm thiện sau cùng.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, lần đầu tiên mới hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước nay chưa từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, từ đây nhất định là sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, từ đây nhất định là sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã trụ vào sự lia tham ở cõi Dục, ở trong đạo vô gián đã lia được tham dục, từ đây nhất định là sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã trụ vào sự lia tham dục, ở trong đạo vô gián đã lia được tham dục, từ đây nhất định là sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã trụ vào sự lia tham dục, ở trong đạo vô gián đã lia được tham dục, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Dục, trụ vào vị tự tánh.

Như tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở quá khứ, *tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở hiện tại có một trường hợp: Tức là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là tâm bất thiện đang hiện tiền nơi hiện tại.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục ở quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, từ đây nhất định sẽ không thoái chuyển. Và các bậc Thánh chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu trụ vào sự lia tham dục, ở trong đạo vô gián lia được tham dục, từ đây nhất định sẽ không thoái chuyển. Và các bậc Thánh chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu trụ nơi lia tham dục, ở trong đạo vô gián lia được tham dục, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu trụ nơi lia tham dục, ở trong đạo vô gián lia được tham dục, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu chưa lia tham nơi cõi Dục, trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục ở quá khứ, *tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục ở hiện tại có một trường hợp: Tức là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu có tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục hiện đang hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục ở quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.
2. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

4. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la Thánh nhân sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu đã sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc. Các người Bất hoàn trụ nơi tâm sau cùng.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục ở quá khứ, *tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định là sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là từ trước chưa từng được, nay lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục ở hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm vô phú vô ký sau cùng.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước nay chưa từng được, nay lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước nay chưa từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc ở quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la bậc Thánh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc và các phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm sau cùng.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, được tâm thiện ở cõi Sắc, trụ nơi phần vị tự tánh, và sinh trưởng ở cõi Sắc, trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm thiện thuộc cõi Sắc ở quá khứ, *tâm thiện thuộc cõi Sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc ở hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm thiện sau cùng.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Sắc, từ đây nhất định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi sự lia sắc tham, ở trong đạo vô gián lia được sắc tham, từ đây quyết định không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi lia sắc tham, ở trong đạo vô gián lia được sắc tham, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi lia sắc tham, ở trong đạo vô gián lia được sắc tham, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là chưa lia tham nơi cõi Sắc, trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở quá khứ, *tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở hiện tại có một trường hợp: Tức là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc đang hiện tiền trong hiện tại.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la bậc Thánh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục và các phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm sau cùng.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục và sinh trưởng ở cõi Sắc trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở quá khứ, *tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa từng có được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Sắc, hướng đến cõi Vô sắc, các người Bất hoàn trụ nơi tâm vô phú vô ký sau cùng.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ có hai trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Như tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ, *tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết nhận biết mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết, hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở hiện tại có hai trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, từ đây quyết định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Vô sắc, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi lìa tham ở cõi Vô sắc, ở trong đạo vô gián lìa được tham nơi cõi Vô sắc, từ đây quyết định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi lìa tham ở cõi Vô sắc, ở trong đạo vô gián lìa được tham ở cõi Vô sắc, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, trụ nơi phần vị tự tánh. (Chỉ có sáu trường hợp, trường hợp thứ năm và thứ bảy như nhau)

Như tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ, *tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở hiện tại có một trường hợp: Tức là đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đang hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ có một trường hợp: Tức là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là tâm dị thực đã diệt.

Như tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở quá khứ, *tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa từng được có ba trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở hiện tại có một trường hợp: Tức không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là tâm dị thực đang hiện tiền.

Tâm hữu học ở quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là bậc A-la-hán, từ quả A-la-hán nhất định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là bậc A-la-hán, từ quả A-la-hán quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là bậc A-la-hán, từ quả A-la-hán hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây quyết định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết (Như trường hợp 5): Nghĩa là hàng hữu học trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm hữu học ở quá khứ, *tâm hữu học ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm hữu học chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm hữu học ở hiện tại có tám trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

5. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

6. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

7. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

8. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết. (Như trường hợp 5)

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước không thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây nhất định sẽ không thoái chuyển.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước không thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước không thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước đã thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây nhất định sẽ không thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước đã thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây quyết định sẽ thoái chuyển.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước đã thoái chuyển quả A-la-hán, trụ nơi quả A-la-hán, ở trong đạo vô gián được quả A-la-hán, từ đây hoặc sẽ thoái chuyển, hoặc sẽ không thoái chuyển.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước đã từng được, nay đang hiện tiền.

Tâm vô học ở quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

4. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là quả A-la-hán thời giải thoát, đã nhập bất động.

Đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là A-la-hán đã thoái chuyển quả A-la-hán.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là A-la-hán thời giải thoát, được trụ nơi bất động trong đạo vô gián.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là hàng vô học trụ nơi phần vị tự tánh.

Như tâm vô học ở quá khứ, *tâm vô học ở vị lai* cũng như vậy.

Tâm vô học chưa từng được có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết.

4. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay nhất định là sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, không phải là đang phân biệt nhận biết, mà là hoặc sẽ phân biệt nhận biết hoặc sẽ không phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được lần đầu tiên hiện tiền.

Tâm vô học ở hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết.

2. Hoặc không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

3. Hoặc đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, không phải là sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là bậc A-la-hán thời giải thoát, được trụ nơi bất động trong đạo vô gián.

Không phải là đã phân biệt nhận biết, mà là đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được lần đầu tiên hiện tiền.

Đã phân biệt nhận biết, đang phân biệt nhận biết, sẽ phân biệt nhận biết: Nghĩa là trước chưa từng được, nay đang hiện tiền.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 13

Uẩn thứ 6: THÀNH TỰU, phần 1

** Tụng nêu tổng quát:*

Đầu thành, không thành cùng xả đắc

Hai thứ tâm đã đoạn, chưa đoạn

Hai Phạm thế Bồ-đặc-già-la

Hai tâm học, vô học tối hậu.

*

** Có mười hai tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.*

Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục chăng? Nếu như tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục chăng?

Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục, cho đến cũng thành tựu tâm vô học chăng? Nếu như thành tựu tâm vô học thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục chăng?

Cho đến: Nếu thành tựu tâm học thì cũng thành tựu tâm vô học chăng? Nếu như thành tựu tâm vô học thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) sinh trưởng ở cõi Dục đã lia tham nơi cõi Dục.

Tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa lia tham nơi cõi Dục.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu

tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, hàng phàm phu, Thánh giả đã lia tham nơi cõi Dục và hàng Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục không đoạn mất căn thiện, chưa lia tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục đã được tâm thiện ở cõi Sắc.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, lìa tham nơi cõi Sắc.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải

là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la, phạm phu hữu học đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la, phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Hoặc thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và Bồ-đặc-già-la, phàm phu không đoạn mất căn thiện.

Thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là A-la-hán hoặc Bồ-đặc-già-la phàm phu đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học. Hoặc thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học. Hoặc không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la, phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mắt căn thiện.

Thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc, Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Không phải là thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la, phạm phu hữu học đoạn mắt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là bậc Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô

phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, hoặc sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải là tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục và sinh trưởng ở cõi Sắc.

Tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc.

Không phải là tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục:

Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lia tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Hoặc thành tựu tâm học không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học. Hoặc không phải là tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học.

Tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là hàng phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Thành tựu tâm học không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục.

Tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Không phải là tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là A-la-hán và các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục,

chưa lia tham nơi cõi Dục và bậc Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh, hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, và bậc Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh, hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, và bậc Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, và bậc Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục và bậc Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Hoặc thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học. Hoặc không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là hàng phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng hữu học hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là bậc A-la-hán và các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lia tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc

cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Hoặc thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học. Hoặc không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Không phải là thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc và các phàm phu.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học, nói rộng có bốn trường hợp: 1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và các phàm phu. 2. Thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc. 3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc. 4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc và các phàm phu.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi ấy.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

2. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc và các phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và các phàm phu đã được tâm thiện ở cõi Sắc. Hoặc các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc cùng các phàm phu.

2. Thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán cùng phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc, và A-la-hán cùng phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

2. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

3. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi ấy.

4. Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

2. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lia tham nơi cõi Sắc, cùng Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lia tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các phàm phu chưa lia tham nơi cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các hàng hữu học đã lia tham nơi cõi Sắc.

3. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các hàng hữu học chưa lia tham nơi cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu đã lia tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

2. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, hoặc các bậc A-la-hán cùng phàm phu sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và các A-la-hán cùng các phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 14

Uẩn thứ 6: THÀNH TỰU, phần 2

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là bậc A-la-hán.

2. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu hữu học đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, và tâm của quả dị thực sinh trưởng ở cõi Vô sắc không hiện tiền.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

2. Thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các hàng hữu học chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các hàng hữu học đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các phàm phu chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

2. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

3. Thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

4. Không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm học thì nhất định thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phạm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

3. Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

4. Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô học. Hoặc thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm vô học. Hoặc không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm vô học.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Không phải thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, và các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm học thì cũng thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm học thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Nếu thành tựu tâm vô học thì nhất định không thành tựu tâm học.

*

*** Có mười hai tâm:** Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục chăng? Nếu như không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục chăng?

Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục, cho đến cũng không thành tựu tâm vô học chăng? Nếu như không thành tựu tâm vô học thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục chăng?

Cho đến: Nếu không thành tựu tâm học thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng? Nếu như không thành tựu tâm vô học thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện.

Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục.

Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la không đoạn dứt căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đoạn dứt căn thiện, sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đoạn dứt căn thiện, sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã đoạn dứt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và các phàm phu không đoạn dứt căn thiện.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là đã đoạn dứt căn thiện cùng sinh trưởng ở cõi Sắc. Hoặc sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và các phàm phu không đoạn dứt căn thiện.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán cùng phàm phu đã đoạn dứt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã đoạn dứt căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tâm tựu hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi ấy.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, hoặc sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán cùng các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các hàng hữu học chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục.

4. Không phải không tạo thành tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Hoặc các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh, hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Sắc, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi đó.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh, cùng Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lia tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Hoặc sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham nơi cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Hoặc hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì nhất định không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phạm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 15

Uẩn thứ 6: THÀNH TỰU, phần 3

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi ấy.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các A-la-hán, phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các A-la-hán, phạm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng phạm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Ấy.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là các hàng hữu học đã lìa tham nơi cõi Sắc.
2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu chưa lìa tham nơi cõi Sắc.
3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán và các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Sắc.
4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học chưa lìa tham nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán.
2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học chưa lìa tham nơi cõi Sắc.
3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Sắc.
4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, và các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục cùng các bậc A-la-hán và phàm phu sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, cùng các A-la-hán, phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, và các Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phàm phu đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

3. Không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các phàm phu chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

4. Không phải không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm vô học. Hoặc không thành tựu tâm vô học không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu hữu học đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

3. Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu tâm học. Hoặc không thành tựu tâm học không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì nhất định không phải không thành tựu tâm vô học. Nếu không thành tựu tâm vô học thì nhất định không phải thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc và hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phàm phu sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm học: Nghĩa là các bậc A-la-hán, phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục,

cõi Sắc, cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải là tâm vô học: Nghĩa là các bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc cùng các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

2. Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

3. Không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc cùng sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Không phải không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Hỏi: Nếu không thành tựu tâm học thì cũng không thành tựu tâm vô học chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm học không phải là tâm vô học. Hoặc không thành tựu tâm vô học không phải là tâm học. Hoặc không thành tựu tâm học cũng là tâm vô học. Hoặc không phải không thành tựu tâm học cũng không phải là tâm vô học.

Không thành tựu tâm học không phải là tâm vô học: Nghĩa là các A-la-hán.

Không thành tựu tâm vô học không phải là tâm học: Nghĩa là hàng hữu học.

Không thành tựu tâm học cũng là tâm vô học: Nghĩa là các phàm phu.

Không phải không thành tựu tâm học cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là không có trường hợp này.

*

** Có mười hai tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.*

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng? Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu v.v... cho đến tâm vô học cũng như vậy chăng? Nếu tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Cho đến: Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng? Nếu tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm bất thiện cùng tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện cùng tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nếu tâm bất thiện cùng tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi căn thiện bị đoạn dứt và lúc mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là lúc từ cõi Sắc mất, sinh lên cõi Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là lúc từ cõi Dục mất, sinh lên cõi Vô sắc.

Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi căn thiện bị đoạn dứt và lúc mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, từ cõi Sắc, tâm thiện khi trở lại thoái chuyển và mất ở cõi Sắc, cùng lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là lúc từ cõi Dục mất, sinh lên cõi Vô sắc.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi căn thiện bị đoạn dứt và lúc mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lià tham nơi cõi Dục, từ lià tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh xuống cõi Dục, hoặc lúc từ cõi Sắc mất, sinh lên cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là lúc từ cõi Dục mất, sinh lên cõi Vô sắc.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các Thánh giả khi lià tham nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cỗi Dục: Nghĩa là các Thánh giả chưa lìa tham nơi cỗi Dục, hiện quán biên, lúc khổ pháp trí hiện tiền.

3. Tâm bất thiện thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cỗi Dục: Nghĩa là các phàm phu khi lìa tham nơi cỗi Dục.

4. Không phải là tâm bất thiện thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cỗi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cỗi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cỗi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cỗi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cỗi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc nhất định như vậy. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, từ tâm thiện nơi cõi Sắc khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Sắc, sinh xuống cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc nhất định như vậy. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, từ lia tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, đã được tâm thiện của cõi Sắc, từ tâm thiện của cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các Thánh giả đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, lúc trở lại thoái chuyển.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Dục, cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc, hoặc lúc mất ở cõi Sắc, sinh xuống cõi Dục.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, từ tâm thiện nơi cõi Vô sắc, lúc trở lại thoái chuyển, và khi mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục hay nơi cõi Vô sắc, hoặc lúc mất ở cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, khởi trói buộc ở cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, hoặc sinh nơi cõi Dục hay nơi cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các phàm phu sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc, từ lia tham của cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, khi sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, khởi trói buộc ở cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Vô sắc, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, khởi trói buộc ở cõi Dục, lúc trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cùng tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, tâm học. Nếu tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cùng tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham nơi cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Sắc, khi sinh hoặc nơi cõi Dục hoặc nơi cõi Vô sắc, hoặc lúc mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Vô sắc.

2. Tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, lúc trở lại thoái chuyển.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô học: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Vô sắc, từ tâm thiện ở cõi Vô sắc lúc trở lại thoái chuyển và tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, tâm bị nhiễm ô rồi mất, khi sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là tâm của quả dị thực nơi cõi Vô sắc khi sinh rồi diệt.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trụ ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực mất, khi sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm học. Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm vô học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc, từ tâm thiện nơi cõi Vô sắc, khi trở lại thoái chuyển và mất ở cõi Vô sắc, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc.

2. Tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trí tuệ ở cõi Vô sắc, lúc trở lại thoái chuyển.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng là tâm vô học: Nghĩa là các A-la-hán khởi trí tuệ ở cõi Dục và cõi Sắc, lúc trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu cũng không phải là tâm vô học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc

cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm học và tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm học và tâm vô học. Nếu tâm học và tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu thì nhất định không phải là tâm học.

HẾT - QUYỂN 15

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỀN 16

Uẩn thứ 6: THÀNH TỰU, phần 4

** Có mười hai tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.*

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng? Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu v.v... cho đến tâm vô học cũng như vậy chăng? Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Cho đến: Nếu tâm học xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng? Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi căn thiện nổi tiếp.

2. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, từ lìa tham ở cõi Dục lúc trở lại thoái chuyển.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi căn thiện tiếp nổi.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, từ lìa tham ở cõi Dục khi trở lại thoái chuyển.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi căn thiện nổi tiếp và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nếu

tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi căn thiện nổi tiếp và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc lúc trở lại thoái chuyển, và khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục nhất định như vậy. Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là hàng Thánh giả đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, từ lia tham ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, khởi trói buộc ở cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là đã lia tham nơi cõi Sắc, khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, khi trở lại thoái chuyển.

3. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm học xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, khi trở lại thoái chuyển và lúc tu gia hạnh nhập vào kiến đạo.

3. Tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm học: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học xả

không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm bất thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham ở cõi Dục, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lìa tham nơi cõi Dục, khởi trói buộc nơi cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các phàm phu đã lìa tham nơi cõi Dục, khởi trói buộc ở cõi Dục, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu

được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là tu gia hạnh khi tâm thiện nơi cõi Sắc mới hiện tiền.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Dục: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc nhất định như vậy. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục: Nghĩa là ở cõi Dục, khi được lìa dục.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi tu gia hạnh, tâm thiện ở cõi Sắc mới hiện tiền.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là tu gia hạnh, tâm thiện nơi cõi Sắc khi mới hiện tiền:

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi ở cõi Dục được lìa dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là khi ở cõi Dục được lìa dục.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi: Nghĩa là khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Vô sắc, khi trở lại thoái chuyển.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trói buộc ở cõi Dục và cõi Sắc.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm học: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học đã lìa tham ở cõi Sắc, từ lìa tham nơi cõi Sắc khi trở lại thoái chuyển và lúc mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Dục và cõi Sắc.

2. Tâm học xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc: Nghĩa là các A-la-hán khởi trời buộc nơi cõi Vô sắc, khi trở lại thoái chuyển và tu gia hạnh khi nhập kiến đạo.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm học: Nghĩa là các A-la-hán khởi trời buộc nơi cõi Dục và cõi Sắc, khi trở lại thoái chuyển.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu cũng không phải là tâm học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Từ đây trở về sau cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học nhất định như vậy. Hoặc tâm học xả không thành tựu được thành tựu không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc: Nghĩa là tu gia hạnh, khi nhập kiến đạo.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì tâm học và tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm học và tâm vô học. Nếu tâm học và tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm học xả không thành tựu được thành tựu thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Nếu tâm học xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì nhất định không phải là tâm học.

*

** Có mười tâm: Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng? Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Cho đến: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng? Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là đã đoạn dứt căn thiện.

Tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục.

Tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, căn thiện không đoạn dứt, chưa lia tham nơi cõi Dục.

Không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy có tạo thành chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy có tạo thành thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chưa đoạn thì nhất định tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, và sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lia tham nơi cõi Sắc.

Tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi cõi Sắc, chưa lia tham ở cõi Sắc và sinh trưởng nơi cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi đó.

Không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lià tham nơi cõi Dục.

Tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lià tham nơi cõi Sắc.

Tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lià tham nơi cõi Dục, chưa lià tham nơi cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lià tham nơi cõi đó.

Không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là các A-la-hán.

Tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Tâm ấy thành tựu không phải là tâm ấy chưa đoạn: Nghĩa là các A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Tâm ấy chưa đoạn cũng là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Không phải là tâm ấy chưa đoạn cũng không phải là tâm ấy thành tựu: Nghĩa là các A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

*

*** Có mười tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chẳng? Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chẳng?

Cho đến: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chẳng? Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chẳng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu. Hoặc tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn. Hoặc tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu.

Tâm tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục.

Tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn: Nghĩa là đã đoạn dứt căn thiện.

Tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham nơi cõi Dục, không đoạn dứt căn thiện.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm ấy nhất định đã đoạn. Hoặc tâm ấy đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham nơi cõi Dục và sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu. Hoặc tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn. Hoặc tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu. Hoặc không phải là tâm đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lìa tham nơi cõi Sắc.

Tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện nơi cõi Sắc.

Tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện nơi

cõi Sắc, chưa lia tham ở cõi Sắc và sinh trưởng nơi cõi Sắc, chưa lia tham ở cõi đó.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu. Hoặc tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn. Hoặc tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, cõi Sắc, đã lia tham nơi cõi Sắc.

Tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Dục.

Tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham nơi cõi Dục, chưa lia tham nơi cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham nơi cõi đó.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm ấy nhất định không phải là không thành tựu. Hoặc tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn: Nghĩa là chưa được tâm thiện nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy không thành tựu thì tâm ấy đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm ấy không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu. Hoặc tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn. Hoặc tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu. Hoặc không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là các A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Tâm ấy không thành tựu không phải là tâm ấy đã đoạn: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Tâm ấy đã đoạn cũng là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là các A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Không phải là tâm ấy đã đoạn cũng không phải là tâm ấy không thành tựu: Nghĩa là hàng phàm phu hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Cho đến: Nếu tâm vô học thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Trả lời:

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì hai tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục tạo thành thì bốn tâm nhất định thành tựu, bốn tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì năm tâm nhất định thành tựu, bốn tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì một tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì hai tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì ba tâm nhất định thành tựu, hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì ba tâm nhất định thành tựu, ba tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì một tâm nhất định thành tựu, hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì một tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì hai tâm nhất định thành tựu, bảy tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm học thành tựu thì hai tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô học thành tựu thì hai tâm nhất định thành tựu, năm tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

*

*** Có mười hai tâm:** Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Cho đến: Nếu tâm vô học không thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Trả lời:

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì chỉ một tâm này là nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục không tạo thành thì hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì chỉ một tâm này nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì bảy tâm nhất định không thành tựu, một tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì ba tâm nhất định không thành tựu, một tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì chỉ một tâm này nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì ba tâm nhất định không thành tựu, ba tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì năm tâm nhất định không thành tựu, hai tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chỉ một tâm này nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm học không thành tựu thì một tâm này nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô học không thành tựu thì một tâm này nhất định không thành tựu, một tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Lại có ba thứ Bồ-đặc-già-la (Hữu tình): 1. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Dục. 2. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Sắc. 3. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc.

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Dục, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Sắc, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Vô sắc, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Trả lời:

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham nơi cõi Dục có bốn tâm nhất định thành tựu, bốn tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Bổ-đặc-già-la chưa lia tham nơi cõi Sắc có ba tâm nhất định thành tựu, hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Bổ-đặc-già-la chưa lia tham nơi cõi Vô sắc có một tâm nhất định thành tựu, một tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục* có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc* có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc* có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Lại có ba thứ Bổ-đặc-già-la: 1. Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Dục. 2. Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Sắc. 3. Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Vô sắc.

Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Dục, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Sắc, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Vô sắc, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ thành tựu? Bao nhiêu thứ không thành tựu?

Trả lời:

Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Dục có hai tâm nhất định không thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Bổ-đặc-già-la đã lia tham nơi cõi Sắc có ba tâm nhất định không thành tựu, một tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Bồ-đặc-già-la đã lià tham nơi cõi Vô sắc có năm tâm nhất định không thành tựu, hai tâm nhất định thành tựu, các tâm còn lại hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Phạm thế đầu tiên hiện tiền thì hết thấy tâm thiện thuộc cõi Dục cùng không gián đoạn (đăng vô gián) chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Phạm thế đầu tiên tu gia hạnh, hiện tiền thì hết thấy tâm thiện thuộc cõi Dục cùng không gián đoạn (đăng vô gián). Hoặc tâm thiện nơi cõi Phạm thế đầu tiên hiện tiền không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục cùng không gián đoạn: Nghĩa là từ trên cõi Phạm thế mất, sinh trong cõi Phạm thế.

Hỏi: Tâm thiện nơi cõi Phạm thế đầu tiên ấy hiện tiền, cho đến tâm thiện thuộc xứ Vô sở hữu đầu tiên hiện tiền, thì hết thấy tâm thiện thuộc xứ Thức vô biên cùng không gián đoạn chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc xứ Vô sở hữu đầu tiên tu gia hạnh, hiện tiền thì hết thấy tâm thiện thuộc xứ Thức vô biên cùng không gián đoạn. Hoặc tâm thiện thuộc xứ Vô sở hữu đầu tiên hiện tiền không phải là tâm thiện thuộc xứ Thức vô biên cùng không gián đoạn: Nghĩa là từ xứ Phi tướng phi phi tướng mất, sinh vào xứ Vô sở hữu, tâm thiện thuộc xứ Vô sở hữu đầu tiên ấy hiện tiền.

*

** Có mười hai tâm: Thuộc cõi Dục có 4: 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có 3: 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. Cùng 2 tâm: 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.*

Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ xả thành tựu nên không thành tựu? Bao nhiêu thứ xả không thành tựu được thành tựu?

Nếu tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ xả thành tựu nên không thành tựu? Bao nhiêu thứ xả không thành tựu được thành tựu?

Trả lời:

Nếu tâm học xả thành tựu nên không thành tựu thì hai tâm nhất định xả thành tựu nên không thành tựu. Một tâm nhất định xả không thành tựu được thành tựu. Các tâm còn lại không phải xả thành tựu nên không thành tựu, cũng không phải xả không thành tựu được thành tựu.

Nếu tâm vô học xả thành tựu nên không thành tựu thì một tâm nhất định xả thành tựu nên không thành tựu. Hai tâm nhất định xả không thành tựu được thành tựu. Hai tâm hoặc xả thành tựu nên không thành tựu. Hai tâm hoặc xả không thành tựu được thành tựu. Năm tâm không phải xả thành tựu nên không thành tựu, cũng không phải xả không thành tựu được thành tựu.

*

*** Có mười hai tâm:** *Thuộc cõi Dục có 4:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm bất thiện. 3. Tâm hữu phú vô ký. 4. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Thuộc cõi Vô sắc có 3:* 1. Tâm thiện. 2. Tâm hữu phú vô ký. 3. Tâm vô phú vô ký. *Cùng 2 tâm:* 1. Tâm học. 2. Tâm vô học.

Nếu tâm học xả không thành tựu được thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ xả không thành tựu được thành tựu? Có bao nhiêu thứ xả thành tựu nên không thành tựu?

Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu, mười hai tâm như vậy có bao nhiêu thứ xả không thành tựu được thành tựu? Có bao nhiêu thứ xả thành tựu nên không thành tựu?

Trả lời:

Nếu tâm học xả không thành tựu được thành tựu thì hoặc có hai tâm nhất định xả không thành tựu được thành tựu. Có một tâm nhất định xả thành tựu nên không thành tựu. Hai tâm hoặc xả không thành tựu được thành tựu. Hai tâm hoặc xả thành tựu nên không thành tựu. Hoặc có được một điều không có xả, năm tâm không phải xả không thành tựu được thành tựu, cũng không phải xả thành tựu nên không thành tựu.

Nếu tâm vô học xả không thành tựu được thành tựu thì một tâm nhất định xả không thành tựu được thành tựu. Hai tâm nhất định xả thành tựu nên không thành tựu.

HẾT - QUYỂN 16

SỐ 1540/3
LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TỨC

*Tác giả: Tôn giả Thế Hữu.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN THƯỢNG
Phẩm 1: BẢN SỰ

** Nêu tụng tổng quát:*

*Ba địa đều mười thứ
Năm phiền não, năm kiến
Năm xúc, năm căn, pháp
Sáu, sáu thân tương ưng.*

**

** Nêu dẫn các pháp:* Mười pháp đại địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm kiến, năm xúc, năm căn, năm pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân.

Mười pháp đại địa: 1. Thọ. 2. Tưởng. 3. Tư. 4. Xúc. 5. Tác ý. 6. Dục. 7. Thắng giải. 8. Niệm. 9. Tam-ma-địa. 10. Tuệ.

Mười pháp đại phiền não địa: 1. Bất tín. 2. Lười biếng. 3. Thất niệm. 4. Tâm loạn. 5. Vô minh. 6. Bất chánh tri. 7. Tác ý phi lý. 8. Thắng giải tà. 9. Trạo cử. 10. Phóng dật.

Mười pháp tiêu phiền não địa: 1. Phẫn. 2. Hận. 3. Phú (Che giấu). 4. Não. 5. Tật (Ganh ghét). 6. Xan (Keo kiệt). 7. Cuồng (Đối gạt). 8. Siểm (Dua nịnh). 9. Kiêu. 10. Hại.

Năm phiền não: 1. Dục tham (Tham nơi cõi Dục). 2. Sắc tham (Tham nơi cõi Sắc). 3. Vô sắc tham (Tham nơi cõi Vô sắc). 4. Sân. 5. Nghi.

Năm kiến: 1. Hữu thân kiến. 2. Biên chấp kiến. 3. Tà kiến. 4. Kiến thủ. 5. Giới cầm thủ.

Năm xúc: 1. Hữu đối xúc. 2. Tăng ngữ xúc. 3. Minh xúc. 4. Vô minh xúc. 5. Phi minh phi vô minh xúc.

Năm căn: 1. Lạc căn. 2. Khổ căn. 3. Hỷ căn. 4. Ưu căn. 5. Xả căn.

Năm pháp: 1. Tâm. 2. Tứ. 3. Thức. 4. Vô tâm (Không hồ). 5. Vô quý (Không then).

Sáu thức thân: 1. Nhãn thức. 2. Nhĩ thức. 3. Tỷ thức. 4. Thiết thức. 5. Thân thức. 6. Ý thức.

Sáu xúc thân: 1. Nhãn xúc. 2. Nhĩ xúc. 3. Tỷ xúc. 4. Thiết xúc. 5. Thân xúc. 6. Ý xúc.

Sáu thọ thân: 1. Thọ do nhãn xúc sinh. 2. Thọ do nhĩ xúc sinh. 3. Thọ do tỷ xúc sinh. 4. Thọ do thiết xúc sinh. 5. Thọ do thân xúc sinh. 6. Thọ do ý xúc sinh.

Sáu tưởng thân: 1. Tưởng do nhãn xúc sinh. 2. Tưởng do nhĩ xúc sinh. 3. Tưởng do tỷ xúc sinh. 4. Tưởng do thiết xúc sinh. 5. Tưởng do thân xúc sinh. 6. Tưởng do ý xúc sinh.

Sáu tư thân: 1. Tư do nhãn xúc sinh. 2. Tư do nhĩ xúc sinh. 3. Tư do tỷ xúc sinh. 4. Tư do thiết xúc sinh. 5. Tư do thân xúc sinh. 6. Tư do ý xúc sinh.

Sáu ái thân: 1. Ái do nhãn xúc sinh. 2. Ái do nhĩ xúc sinh. 3. Ái do tỷ xúc sinh. 4. Ái do thiệt xúc sinh. 5. Ái do thân xúc sinh. 6. Ái do ý xúc sinh.

**

*** Giải thích, biện minh các pháp nêu trên:**

Thế nào là Thọ? Là thọ nhận, cùng thọ nhận, đều cùng thọ nhận, đã thọ nhận, sẽ thọ nhận, thuộc về thọ. Đó gọi là Thọ.

Thế nào là Tưởng? Là tưởng, cùng tưởng, hiện tưởng, đã tưởng, sẽ tưởng. Đó gọi là Tưởng.

Thế nào là Tư? Là tư duy, cùng tư duy, hiện tư duy, đã tư duy, sẽ tư duy, tạo nghiệp tâm ý do tư dẫn dắt. Đó gọi là Tư.

Thế nào là Xúc? Là xúc chạm, cùng xúc chạm, hiện xúc chạm, đã xúc chạm, sẽ xúc chạm. Đó gọi là Xúc.

Thế nào là Tác ý? Là tâm dẫn dắt, tùy dẫn dắt, cùng tùy dẫn dắt, hiện tác ý, đã tác ý, sẽ tác ý, tâm tỉnh giác. Đó gọi là Tác ý.

Thế nào là Dục? Là ham muốn, tánh phát sinh ham muốn, tánh hiện bày ham muốn, vui mừng, hướng tới, tánh trông mong ham muốn, tánh vui thích tìm cầu, mọi tánh của đối tượng được tạo tác hiện có nơi dục. Đó gọi là Dục.

Thế nào là Thắng giải? Là tánh của tâm hiểu rõ, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ. Đó gọi là Thắng giải.

Thế nào là Niệm? Là niệm (nhớ nghĩ) tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, tánh nhớ lại, tánh không quên, pháp không quên nơi tánh không mất, pháp không mất nơi tánh không quên mất, tâm ghi nhớ kỹ. Đó gọi là Niệm.

Thế nào là Tam-ma-địa (Định)? Là tâm yên trụ, cùng trụ, hiện trụ, trụ gần, không rối loạn, không phân tán, thâm giữ, dừng dứt, vắng

lặng, cùng đẳng trì (định), tánh của tâm cảnh hợp nhất. Đó gọi là Tam-ma-địa.

Thế nào là Tuệ? Là đối với pháp đã lựa chọn, lựa chọn tối cực, lựa chọn tận cùng, hiểu rõ tướng, hiểu rõ gần về tướng, cùng hiểu rõ tướng, thông sáng, thấu đạt, suy xét, quyết định lựa chọn, hoạt động của tuệ là tỉnh biết sáng tỏ, hành Tỳ-bát-xá-na (Quán). Đó gọi là Tuệ.

*

Thế nào là Bất tín (Không có tâm tin)? Là không tin, tánh không tin, tánh không hiện tin, không chứng nhận, không vừa lòng, đã không dựa vào tâm tin, sẽ không dựa vào tâm tin, hiện không dựa vào tâm tin, khiến tâm bất tịnh. Đó gọi là Bất tín.

Thế nào là Lười biếng? Là tánh không tinh tấn, tánh tinh tấn thấp, tánh tinh tấn mù mờ, cản trở tinh tấn, làm ngưng nghỉ tinh tấn, tâm không dũng mãnh hăng hái, đã không dũng mãnh hăng hái, sẽ không dũng mãnh hăng hái. Đó gọi là Lười biếng.

Thế nào là Thất niệm? Là tánh không nhớ nghĩ gì, tánh nhớ nghĩ không thật, tánh quên nhớ nghĩ, tánh mất nhớ nghĩ, tánh của tâm không ghi nhớ rõ. Đó gọi là Thất niệm.

Thế nào là Tâm loạn? Là tánh phân tán của tâm, tánh rối loạn của tâm, tánh nghĩ khác của tâm, tánh của tâm mê loạn, tánh của tâm không trụ vào một cảnh, tánh không trụ yên nơi một cảnh. Đó gọi là Tâm loạn.

Thế nào là Vô minh? Là không có trí tuệ về ba cõi. Đó gọi là Vô minh.

Thế nào là Bất chánh tri? Là phi lý dẫn dắt trí tuệ. Đó gọi là Bất chánh tri.

Thế nào là Tác ý phi lý? Là tác ý nhiễm ô. Đó gọi là Tác ý phi lý.

Thế nào là Thắng giải tà? Là tác ý nhiễm ô tương ưng với tâm thắng giải khiến tâm chấp nhận thuận theo. Đó gọi là Thắng giải tà.

Thế nào là Trạo cử? Là tâm không tịch tĩnh, không tịch tĩnh cùng cực, tánh không có tịch tĩnh, cử động ồn ào, cùng cử động ồn ào, tánh của tâm cử động ồn ào. Đó gọi là Trạo cử.

Thế nào là Phóng dật? Là đối với việc đoạn trừ pháp bất thiện đưa đến việc gom góp pháp thiện đã hành tác không bền chắc, hành tác không thường xuyên, không thân cận, không tu, không tập. Đó gọi là Phóng dật.

*

Thế nào là Phẫn? Là giận, cùng giận, giận khắp, giận hết sức, đã giận, sẽ giận.

Thế nào là Hận? Là tâm kết hận, kết hận cùng khắp, tánh kết oán của tâm.

Thế nào là Phú? Là che giấu mọi tội lỗi đã làm.

Thế nào là Nỗ? Là tâm phẫn nộ, bực bội, cố chấp càng tăng, là tánh của tâm hung dữ.

Thế nào là Tật (Ganh ghét)? Là tâm không nhẫn chịu trước lợi lộc, vinh hoa của kẻ khác.

Thế nào là Xan (Keo kiệt)? Là tâm tham chấp nơi tiền của và giáo pháp, không buông xả.

Thế nào là Cuống (Dối gạt)? Là lừa dối khiến kẻ khác mê lầm.

Thế nào là Siểm (Dua nịnh)? Là tâm không ngay thẳng.

Thế nào là Kiêu? Là như có người nghĩ như vậy: Ta có đủ về sắc diệu, tiếng tăm, tiền của, địa vị, tài nghệ công đức tịnh mạng, hình dáng đoan nghiêm, tươi đẹp, ai cũng ưa nhìn. Do nhân duyên

ây, kẻ này liền khởi kiêu ngạo, kiêu ngạo cùng cực, tâm say mê, hoa mắt, tâm tánh lúc nào cũng như thế.

Thế nào là Hại? Là ưa việc đánh đập, gây tổn hại cho người khác.

*

Thế nào là Dục tham? Là đối với các dục dấy khởi tham, cùng tham, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm. Đó gọi là Dục tham.

Thế nào là Sắc tham? Là đối với các sắc dấy khởi tham, cùng tham, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm. Đó gọi là Sắc tham.

Thế nào là Vô sắc tham? Là đối với các thứ vô sắc dấy khởi tham, cùng tham, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm. Đó gọi là Vô sắc tham.

Thế nào là Sân? Là đối với các hữu tình muốn gây bức hại, nội tâm sinh khởi mãi, giận dữ cùng cực, giận dữ khắp, cùng giận dữ, giận dữ hết sức, đã giận, đang giận, sẽ giận. Đó gọi là Sân.

Thế nào là Nghi? Là do dự đối với những sự thật (Đề). Đó gọi là Nghi.

*

Thế nào là Hữu thân kiến? Là đối với năm thủ uẩn theo chỗ quán xét để chấp ngã, ngã sở, do dấy khởi thọ nhận ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán. Đó gọi là Hữu thân kiến.

Thế nào là Biên chấp kiến? Là đối với năm thủ uẩn theo chỗ quán xét để chấp hoặc chấp đoạn, hoặc chấp thường, do dấy khởi thọ nhận ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán. Đó gọi là Biên chấp kiến.

Thế nào là Tà kiến? Là hủy báng nhân quả, hoặc hủy báng tác dụng của nhân quả, hoặc phá hoại sự thật, do dấy khởi thọ nhận ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán. Đó gọi là Tà kiến.

Thế nào là Kiến thủ? Là đối với năm thủ uẩn theo chỗ quán xét để chấp, cho là tôi thắng, là tôi diêu, do đấy khởi thọ nhận ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán. Đó gọi là Kiến thủ.

Thế nào là Giới cấm thủ? Là đối với năm thủ uẩn theo chỗ quán xét để chấp, cho đó là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, do đấy khởi thọ nhận ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán. Đó gọi là Giới cấm thủ.

*

Thế nào là Hữu đối xúc? Là năm thức tương ưng với xúc.

Thế nào là Tăng ngữ xúc? Là ý thức tương ưng với xúc.

Thế nào là Minh xúc? Là xúc vô lậu.

Thế nào là Vô minh xúc? Là xúc nhiễm ô.

Thế nào là Phi minh, phi vô minh xúc? Là xúc hữu lậu không nhiễm.

*

Thế nào là Lạc căn? Là xúc thuận theo lạc thọ. Người tiếp xúc đã khởi những an vui nơi thân và tâm thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Lạc căn.

Thế nào là Khổ căn? Là xúc thuận theo khổ thọ. Người tiếp xúc đã khởi những khổ não nơi thân thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Khổ căn.

Thế nào là Hỷ căn? Là xúc thuận theo hỷ thọ. Người tiếp xúc đã khởi những vui mừng nơi tâm thọ nhận bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Hỷ căn.

Thế nào là Ưu căn? Là xúc thuận theo ưu thọ. Người tiếp xúc đã khởi những lo buồn nơi tâm thọ nhận không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Ưu căn.

Thế nào là Xả căn? Là xúc thuận theo thọ không khổ không vui. Người tiếp xúc đã khởi những xả bỏ nơi thân và tâm thọ nhận không bình đẳng, không phải không bình đẳng, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Xả căn.

*

Thế nào là Tâm? Là tâm suy tìm, suy tìm khắp, hiển bày, hiển bày hết mực, hiển bày hiện tiền, tìm cầu, tìm cầu khắp, tính toán, tính toán khắp, phân biệt, phân biệt khắp, tánh luôn phân biệt. Đó gọi là Tâm.

Thế nào là Tứ? Là tâm tuần hành, tuần hành khắp, tùy tuần hành khắp, dò xét, dò xét khắp, tùy dò xét khắp, tùy thuận chuyển lưu, tùy thuộc nơi tánh kia. Đó gọi là Tứ.

Thế nào là Thức? Là sáu thức thân, là nhãn thức cho đến ý thức.

Thế nào là Vô tâm? Là không hỏ, không có điều hỏ, không hỏ riêng, không xấu hỏ, không có điều xấu hỏ, không có xấu hỏ riêng, không tôn kính, không có điều tôn kính, không có tôn kính riêng, không tự tại, không có điều tự tại, không có tự tại riêng, không biết sợ hãi, cứ như thế mà chuyển. Đó gọi là Vô tâm.

Thế nào là Vô quý? Là không thẹn, không có điều thẹn, không thẹn riêng, không hỏ thẹn, không có điều hỏ thẹn, không có hỏ thẹn riêng, tánh đối với tội không sợ, không hãi, ở trong các tội không thấy sợ hãi. Đó gọi là Vô quý.

*

Thế nào là Nhãn thức? Nghĩa là nhãn (Mắt) cùng sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, trong đó nhãn là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nơi sắc do mắt nhận biết hiện có đã phân biệt rõ, đều phân biệt rõ. Đó gọi là Nhãn thức.

Thế nào là Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý thức? Nghĩa là ý cùng với pháp làm duyên sinh ra ý thức, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên. Nơi pháp do ý nhận biết hiện có đã phân biệt rõ, đều phân biệt rõ. Đó gọi là Ý thức.

*

Thế nào là Nhãn xúc? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nơi sắc do mắt nhận biết có các xúc, cùng xúc, hiện xúc đã và sẽ xúc. Đó gọi là Nhãn xúc.

Thế nào là Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý xúc? Nghĩa là ý cùng với pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên. Nơi pháp do ý nhận biết có các xúc, cùng xúc, hiện xúc đã và sẽ xúc. Đó gọi là Ý xúc.

*

Thế nào là Thọ do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là nhãn cùng với sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho thọ, trong đó nhãn là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do nhãn xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi sắc do mắt nhận biết có các thọ cùng thọ đều cùng thọ riêng, đã và sẽ thọ, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Thọ do nhãn xúc sinh ra.

Thế nào là Thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra? Nghĩa là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho thọ, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên, ý xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do ý xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi pháp do ý nhận biết có các thọ cùng thọ đều cùng thọ riêng, đã và sẽ thọ, đều thuộc về thọ. Đó gọi là Thọ do ý xúc sinh ra.

*

Thế nào là Tướng do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho tướng, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do nhãn xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi sắc do mắt nhận biết có các tướng, cùng tướng, đều cùng tướng riêng, hiện tiền cùng tướng, đã tướng, sẽ tướng. Đó gọi là Tướng do nhãn xúc sinh ra.

Thế nào là Tướng do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra? Nghĩa là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho tướng, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên, ý xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do ý xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi pháp do ý nhận biết có các tướng, cùng tướng, đều cùng tướng riêng, hiện tiền cùng tướng, đã tướng, sẽ tướng. Đó gọi là Tướng do ý xúc sinh ra.

*

Thế nào là Tư do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho tư, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên, nhãn xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do nhãn xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi sắc do mắt nhận biết có các tư, cùng tư, đều cùng tư riêng, hiện tiền cùng tư, đã tư duy, sẽ tư duy, đều thuộc về tư duy, tạo ra nghiệp tâm ý. Đó gọi là Tư do nhãn xúc sinh ra.

Thế nào là Tư do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra? Nghĩa là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên cho tư, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên, ý xúc là nhân, là tích tập, là chủng loại, là duyên, những gì do ý xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Nơi pháp do ý nhận biết có các tư cùng tư đều cùng tư riêng, hiện tiền cùng tư, đã tư duy, sẽ

tư duy, đều thuộc về tư duy tạo ra nghiệp tâm ý. Đó gọi là Tư do ý xúc sinh ra.

*

Thế nào là Ái do nhãn xúc sinh ra? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên nên có thọ, thọ làm duyên cho ái, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng duyên. Nơi sắc do mắt nhận biết khởi các tham cùng tham, rồi cất giấu, phòng giữ, yêu thích, vương mắc. Đó gọi là Ái do nhãn xúc sinh ra.

Thế nào là Ái do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra? Nghĩa là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc, xúc làm duyên nên có thọ, thọ làm duyên cho ái, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng duyên. Nơi pháp do ý nhận biết khởi các tham cùng tham, rồi cất giấu, phòng giữ, yêu thích, vương mắc. Đó gọi là Ái do ý xúc sinh ra.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

** Nêu tụng tổng quát:*

*Môn có tám mươi tám
Đầu, khác loại ba môn
Là thọ và thức thân
Cùng vô tâm vô quý.
Môn khác tám mươi lăm
Là thứ lớp của thọ
Tương ưng, không tương ưng
Một hành giới, xứ, uẩn.*

*

* **Môn thứ 1:** Năm thọ căn: Đó là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Thọ của pháp đại địa cùng với năm thọ căn: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng? Cho đến: Ái do ý xúc sinh ra cùng với năm thọ căn: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng?

Thọ của pháp đại địa không tương ưng với năm thọ căn: Tức đều không tương ưng. Tưởng của pháp đại địa tương ưng hết với năm thọ căn. Như tưởng, các pháp tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa (định), tuệ cũng như vậy.

Bất tín đối với năm thọ căn: Tương ưng với năm căn, không tương ưng với năm căn. Như bất tín, các pháp đại phiền não địa khác cũng như vậy.

Phẫn, hận, nã, tật, hại không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với hai căn là ưu, xả căn. Phú, cuồng, siểm không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với ba căn, trừ khổ, lạc căn. Kiêu không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Xan không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với hai căn là hỷ, xả căn.

Dục tham, sắc tham không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với ba căn, trừ khổ, ưu căn. Vô sắc tham không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với một căn là xả căn. Sân không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với ba căn, trừ lạc, hỷ căn. Nghi không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn.

Trong năm kiến chấp: Tà kiến không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Bốn kiến chấp kia không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với ba căn, trừ khổ, ưu căn.

Hữu đối xúc chỉ tương ưng với ba căn, trừ hỷ, ưu căn, không tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Tăng ngữ xúc chỉ tương ưng với

bốn căn, trừ khổ căn, không tương ưng với ba căn, trừ hỷ, ưu căn. Minh xúc chỉ tương ưng với ba căn, trừ ưu, khổ căn, không tương ưng hết với năm căn. Vô minh xúc và Phi minh phi vô minh xúc tương ưng với năm căn, không tương ưng với năm căn.

Lạc căn không tương ưng: Túc đều không tương ưng. Như lạc căn, thì khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn cũng như vậy.

Tâm, tứ tương ưng với năm căn, không tương ưng với ba căn, trừ khổ, ưu căn. Thức đều tương ưng với năm căn, không phải là không tương ưng. Vô tâm, vô quý tương ưng với năm căn, không tương ưng với năm căn.

Nhãn thức chỉ tương ưng với ba căn, trừ hỷ, ưu căn, không tương ưng hết với năm căn. Như nhãn thức, các pháp nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cũng như vậy. Ý thức chỉ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn, không tương ưng với ba căn, trừ hỷ, ưu căn.

Như sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu tướng thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với năm thọ căn, tức đều không tương ưng. Như thọ do nhãn xúc sinh ra, các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Ái do nhãn xúc sinh ra chỉ tương ưng với hai căn là lạc, xả căn, không tương ưng hết với năm căn. Như ái do nhãn xúc sinh ra, các ái do nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc sinh ra cũng như vậy. Ái do ý xúc sinh ra không tương ưng hết với năm căn, chỉ tương ưng với ba căn, trừ khổ, ưu căn.

*

* **Môn thứ 2:** Sáu thức thân: Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Thọ của pháp đại địa cùng với sáu thức thân: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng?

Cho đến: Ái do ý xúc sinh ra cùng với sáu thức thân: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng?

Thọ của pháp đại địa tương ưng với hết bảy sáu thức thân, tức đều tương ưng. Như thọ của pháp đại địa, các pháp đại địa khác cũng như vậy.

Bất tín tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với sáu thức thân. Như bất tín, các pháp đại phiến não địa khác cũng như vậy.

Phẫn chỉ tương ưng với một thức là ý thức, không tương ưng hết với sáu thức thân. Như phẫn, các pháp tiểu phiến não địa khác cũng như vậy.

Dục tham tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với sáu thức thân. Như dục tham, sân cũng như vậy. Sắc tham không tương ưng hết với sáu thức thân, chỉ tương ưng với bốn thức thân, trừ tỷ, thiệt thức. Vô sắc tham, nghi không tương ưng hết với sáu thức thân, chỉ tương ưng với một thức là ý thức.

Năm kiến chấp không tương ưng hết với sáu thức thân, chỉ tương ưng với một thức là ý thức.

Hữu đối xúc chỉ tương ưng với năm thức thân, trừ ý thức, không tương ưng với một thức là ý thức. Tăng ngữ xúc chỉ tương ưng với một thức là ý thức, không tương ưng với năm thức thân, trừ ý thức. Minh xúc chỉ tương ưng với một thức là ý thức, không tương ưng hết với sáu thức thân. Vô minh xúc và phi minh phi vô minh xúc tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với sáu thức thân.

Lạc căn, xả căn tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với sáu thức thân. Khổ căn chỉ tương ưng với năm thức thân, trừ ý thức, không tương ưng hết với sáu thức thân. Hỷ căn, ưu căn chỉ tương ưng với một thức là ý thức, không tương ưng hết với sáu thức thân.

Tâm, tứ tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với một thức là ý thức. Thức pháp không tương ưng với sáu thức thân, tức đều không tương ưng. Vô tâm, vô quý tương ưng với sáu thức thân, không tương ưng với sáu thức thân.

Nhãn thức không tương ưng với sáu thức thân, tức đều không tương ưng. Như nhãn thức, các thứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức cũng như vậy.

Nhãn xúc chỉ tương ưng với một thức là nhãn thức, không tương ưng với năm thức thân, trừ nhãn thức. Như nhãn xúc, các thứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc tùy chỗ ứng hợp cũng như vậy.

Như sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Ái do nhãn xúc sinh ra chỉ tương ưng với một thức là nhãn thức, không tương ưng hết với sáu thức thân. Như ái do nhãn xúc sinh ra, các ái do nhĩ, tỷ, thiệt thân, ý xúc sinh ra tùy chỗ ứng hợp cũng như vậy.

*

*** Môn thứ 3:** Hai pháp là vô tâm, vô quý: Thọ của pháp đại địa cùng với hai pháp này: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng? Cho đến: Ái do ý xúc sinh ra cùng với hai pháp này: Có bao nhiêu thứ tương ưng, bao nhiêu thứ không tương ưng?

Thọ của pháp đại địa tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Thọ của pháp đại địa không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Như thọ của pháp đại địa, những pháp đại địa khác cũng như vậy.

Bất tín tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Bất tín không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Như bất tín, các pháp đại phiền não địa khác cũng như vậy.

Phẫn, hận, phú, nảo, tật, xan, hại đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Cuồng, siểm, kiêu đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Cuồng, siểm, kiêu không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng.

Dục tham, sân đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Sắc tham, Vô sắc tham không tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều không tương ưng. Nghi tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Nghi không tương ưng với các thứ khác, tức nhất định không tương ưng.

Trong năm kiến chấp: Có hai kiến chấp không tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều không tương ưng. Ba kiến chấp tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Ba kiến chấp ấy không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng.

Hữu đối xúc, tăng ngữ xúc, vô minh xúc đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Ba xúc ấy không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Minh xúc, phi minh phi vô minh xúc không tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều không tương ưng.

Lạc căn tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Lạc căn không tương ưng với các thứ khác, tức nhất định không tương ưng. Như lạc căn, các căn khổ, hỷ, ưu, xả cũng như vậy.

Tâm, tứ, thức pháp đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Tâm, tứ, thức pháp không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Vô tâm cùng với vô quý quyết định tương ưng, tức đều tương ưng. Cùng với vô tâm quyết định không tương ưng, tức không tương ưng. Vô quý cùng với vô tâm quyết định tương ưng, tức đều tương ưng. Cùng với vô quý quyết định không tương ưng, tức không tương ưng.

Nhãn thức tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Nhãn thức không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Như nhãn thức, các thứ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức cũng như vậy.

Như sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Ái do nhãn, nhĩ, thân, ý xúc sinh ra đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng. Ái do nhãn, nhĩ, thân, ý xúc sinh ra không tương ưng với các thứ khác, tức đều không tương ưng. Ái do tỷ, thiệt xúc sinh ra đều tương ưng với hai pháp bất thiện ấy, tức đều tương ưng.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TÚC

QUYÊN TRUNG

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

* *Môn thứ 4*: Thọ tương ưng, tướng không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thấu những gì? Là tâm và tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thấu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ưng, thọ không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thấu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với tướng, cho đến đem thọ đối với tuệ cũng như vậy.

Thọ tương ưng, bất tín không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Bất tín không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp bất tín không tương ưng, tức trừ hết thủy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ưng, thọ không tương ưng: Bất tín tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ bất tín tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thủy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tà, vô quý cũng như vậy.

Thọ tương ưng, phần không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Phần không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám

giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp phần không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Phần tương ưng, thọ không tương ưng: Phần tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ phần tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Thọ tương ưng, sắc tham không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Sắc tham không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp sắc tham không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ưng, thọ không tương ưng: Sắc tham tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm

thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ sắc tham tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Hữu đối xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp hữu đối xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ưng, thọ không tương ưng: Hữu đối xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười ba giới, mười một xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ hữu đối xúc tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tăng ngữ xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tăng ngữ xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương

ung hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ung và pháp tạng ngũ xúc không tương ung, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tăng ngũ xúc tương ung, thọ không tương ung: Tăng ngũ xúc tương ung với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tăng ngũ xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành. Thọ không tương ung với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tăng ngũ xúc tương ung và pháp thọ không tương ung, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

(Bản Hán không nói đến phân căn).

Thọ tương ung, tầm không tương ung: Thọ tương ung với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành. Tầm không tương ung với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tầm, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành nơi mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ung và pháp tầm không tương ung, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tầm tương ung, thọ không tương ung: Tầm tương ung với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tầm, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành. Thọ không tương ung với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ung hành nơi mười một

giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tâm tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức là trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với tâm, đối với tứ cũng như vậy.

Thọ tương ưng, thức không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thức không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp thức không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thức tương ưng, thọ không tương ưng: Thức tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thức tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ưng, nhãn thức không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn thức không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về

gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp nhãn thức không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn thức tương ưng, thọ không tương ưng: Nhãn thức tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn thức tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với nhãn thức, cho đến đối với ý thức cũng như vậy.

Thọ tương ưng, nhãn xúc không tương ưng: Thọ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ tương ưng và pháp nhãn xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc tương ưng, thọ không tương ưng: Nhãn xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ không tương ưng với mười bảy giới, một xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi

mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn xúc tương ưng và pháp thọ không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với nhãn xúc, cho đến đối với ý xúc cũng như vậy.

Như đem thọ đối với sáu xúc thân, đối với sáu tướng thân, sáu tư thân nói rộng cũng như vậy.

*

*** Môn thứ 5:** Tưởng tương ưng, tư không tương ưng: Tưởng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tưởng tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ưng, tưởng không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tưởng không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng và pháp tưởng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tưởng đối với tư, cho đến đem tưởng đối với tuệ cũng như vậy.

Tương tương ưng, bất tín không tương ưng: Tương tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Bất tín không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tương tương ưng và pháp bất tín không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ưng, tướng không tương ưng: Bất tín tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ bất tín tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tương tương ưng, phần không tương ưng: Tương tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Phần không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì?

Là trừ tướng tương ưng và pháp phần không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Phần tương ưng, tướng không tương ưng: Phần tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ phần tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tướng tương ưng, sắc tham không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Sắc tham không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp sắc tham không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ưng, tướng không tương ưng: Sắc tham tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ,

năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ sắc tham tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Hữu đối xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp hữu đối xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ưng, tướng không tương ưng: Hữu đối xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ hữu đối xúc tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tăng ngữ xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn

đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tăng ngũ xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp tăng ngũ xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tăng ngũ xúc tương ưng, tướng không tương ưng: Tăng ngũ xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tăng ngũ xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tăng ngũ xúc tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ưng, lạc căn không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Lạc căn không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của lạc căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp lạc căn không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Lạc căn tương ưng, tướng không tương ưng: Lạc căn tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của lạc căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng

hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ lạc căn tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tướng tương ưng, khổ căn không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Khổ căn không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của khổ căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp khổ căn không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Khổ căn tương ưng, tướng không tương ưng: Khổ căn tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của khổ căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ khổ căn tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ưng, hỷ căn không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Hỷ căn không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của hỷ căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng

hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp hỷ căn không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỷ căn tương ưng, tướng không tương ưng: Hỷ căn tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hỷ căn, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tướng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ hỷ căn tương ưng và pháp tướng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem *tướng* đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu tư thân đều như đã nói trong môn thọ, chỉ nơi xứ thọ nên nói về tướng. (?)

Tướng tương ưng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Tướng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng tương ưng và pháp của thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng, tướng không tương ưng: Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai

xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tưởng không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp tưởng không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tưởng đối với thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với thọ do ý xúc sinh ra, tùy chỗ ứng hợp nói rộng cũng như vậy.

*

* **Môn thứ 6:** Tư tương ưng, xúc không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng và pháp xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Xúc tương ưng, tư không tương ưng: Xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ xúc tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tư đối với xúc, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Tư tương ưng, bất tín không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Bất tín không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng và pháp bất tín không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ưng, tư không tương ưng: Bất tín tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ bất tín tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tư đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tà, vô quý cũng như vậy.

Tư tương ưng, phần không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Phần không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng

và pháp phần không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Phần tương ưng, tư không tương ưng: Phần tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ phần tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tư đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tư tương ưng, sắc tham không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Sắc tham không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng và pháp của sắc tham không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ưng, tư không tương ưng: Sắc tham tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, năm giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành

noi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ sắc tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thầy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Hữu đối xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, ba uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư tương ưng và pháp của hữu đối xúc không tương ưng, tức trừ hết thầy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ưng, tư không tương ưng: Hữu đối xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư không tương ưng với mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ hữu đối xúc tương ưng và pháp tư không tương ưng, tức trừ hết thầy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng: Tư tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn như trước đã nói cho đến hai uẩn. Tăng ngữ xúc không tương ưng như trước đã nói cho đến năm uẩn. Như tư tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng, như vậy tăng ngữ xúc tương ưng, tư không tương ưng tùy chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tư tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, tư không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tư đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tư tương ưng, khô căn không tương ưng. Khô căn tương ưng, tư không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tư tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, tư không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tư đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem tư đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tướng thân, tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

HẾT - QUYỂN TRUNG

LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TÚC

QUYÊN HẠ

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

* *Môn thứ 7*: Xúc tương ưng, tác ý không tương ưng: Xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn như trước đã nói cho đến hai uẩn. Tác ý không tương ưng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tác ý, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ xúc tương ưng và pháp tác ý không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tác ý tương ưng, xúc không tương ưng: Tác ý tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tác ý, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Xúc không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, như trước đã nói.

Như đem xúc đối với tác ý, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Xúc tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem xúc đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Xúc tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem xúc đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, sáu ái thân cũng như vậy.

Xúc tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Xúc tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem xúc đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Xúc tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Xúc tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, xúc không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem xúc đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem xúc đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 8:** Tác ý tương ưng, dục không tương ưng: Tác ý tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn như trước đã nói. Dục không tương ưng đã gồm thấu những gì? Là tự tánh của dục, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Như trước đã nói rộng.

Dục tương ưng, tác ý không tương ưng: Dục tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của dục, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tác ý không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn như trước đã nói.

Như đem tác ý đối với dục, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Tác ý tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tác ý đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Tác ý tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tác ý đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tác ý tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tác ý tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tác ý tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tác ý tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tác ý đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tác ý tương ưng, khô căn không tương ưng. Khô căn tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tác ý tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, tác ý không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tác ý đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem tác ý đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

*** Môn thứ 9:** Dục tương ưng, thắng giải không tương ưng: Dục tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói. Thắng giải không tương ưng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thắng giải, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ dục tương ưng và pháp thắng giải không tương ưng, tức trừ hết thủy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thắng giải tương ưng, dục không tương ưng: Thắng giải tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thắng giải, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Dục không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, như trước đã nói.

Như đem dục đối với thắng giải, đối với niệm, Tam-ma-địa, tuệ cũng như vậy.

Dục tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem dục đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Dục tương ưng, phẫn không tương ưng. Phẫn tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem dục đối với phẫn, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Dục tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Dục tương ưng, hữu ái xúc không tương ưng. Hữu ái xúc tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Dục tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Dục tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem dục đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Dục tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Dục tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, dục không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem dục đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem dục đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 10:** Thắng giải tương ưng, niệm không tương ưng: Thắng giải tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói. Niệm không tương ưng đã gồm thân những gì? Là tự tánh của niệm, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Như trước đã nói.

Niệm tương ưng, thắng giải không tương ưng: Niệm tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thân những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của niệm, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thắng

giải không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, như trước đã nói.

Như đem thắng giải đối với niệm, đối với Tam-ma-địa, tuệ cũng như vậy.

Thắng giải tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem thắng giải đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Thắng giải tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem thắng giải đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Thắng giải tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Thắng giải tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Thắng giải tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Thắng giải tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem thắng giải đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Thắng giải tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Thắng giải tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, thắng giải không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem thắng giải đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem thắng giải đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 11:** Niệm tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Niệm tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói. Tam-ma-địa không tương ưng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của Tam-ma-địa, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Như trước đã nói.

Tam-ma-địa tương ưng, niệm không tương ưng: Tam-ma-địa tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của Tam-ma-địa, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Niệm không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, như trước đã nói.

Như đem niệm đối với Tam-ma-địa, đối với tuệ cũng như vậy.

Niệm tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem niệm đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Niệm tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem niệm đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Niệm tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Niệm tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Niệm tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Niệm tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem niệm đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Niệm tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Niệm tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, niệm không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem niệm đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem niệm đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 12:** Tam-ma-địa tương ưng, tuệ không tương ưng: Tam-ma-địa tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói. Tuệ không tương ưng đã gồm thâu những gì? Là tự

tánh của tuệ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Như trước đã nói.

Tuệ tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tuệ tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tuệ, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tam-ma-địa không tương ưng với mười một giới, mười một xứ, hai uẩn, như trước đã nói.

Tam-ma-địa tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem Tam-ma-địa đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem Tam-ma-địa đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tam-ma-địa tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tam-ma-địa tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tam-ma-địa tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem Tam-ma-địa đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tam-ma-địa tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, Tam-ma-địa không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem Tam-ma-địa đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem Tam-ma-địa đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 13:** Tuệ tương ưng, bất tín không tương ưng. Bất tín tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tuệ đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Tuệ tương ưng, phẫn không tương ưng. Phẫn tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tuệ đối với phẫn, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tuệ tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tuệ tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tuệ tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, tuệ không tương ưng, Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tuệ tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tuệ đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tuệ tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Tuệ tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, tuệ không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem tuệ đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem tuệ đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 14:** Bất tín tương ưng, biếng nhác không tương ưng: Bất tín tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói. Biếng nhác không tương ưng đã gồm thân những gì? Là tự tánh của biếng nhác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Như trước đã nói.

Biếng nhác tương ưng, bất tín không tương ưng: Biếng nhác tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thân những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn

lại những gì? Là tự tánh của biếng nhác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Bất tín không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, như trước đã nói.

Như đem bất tín đối với biếng nhác, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Bất tín tương ưng, phần không tương ưng. Phần tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem bất tín đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa còn lại, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Bất tín tương ưng, sắc tham không tương ưng. Sắc tham tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Bất tín tương ưng, hữu đối xúc không tương ưng. Hữu đối xúc tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Bất tín tương ưng, tăng ngữ xúc không tương ưng. Tăng ngữ xúc tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Bất tín tương ưng, lạc căn không tương ưng. Lạc căn tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem bất tín đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Bất tín tương ưng, khổ căn không tương ưng. Khổ căn tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Bất tín tương ưng, hỷ căn không tương ưng. Hỷ căn tương ưng, bất tín không tương ưng: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như đem bất tín đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy.

Như đem bất tín đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

*

* **Môn thứ 15:** Do nghĩa lý sâu xa ấy, các môn sai biệt như biếng nhác v.v... nên dựa vào trước để nói về một phương tiện hành trì. Nên suy xét như lý trong các môn này có những sai biệt, tức tương tự mà vị trí khác nhau đều không nên nói.

Cho đến: Nhãn thức tương ưng, nhãn xúc không tương ưng: Nhãn thức tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn xúc không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn thức tương ưng và pháp nhãn xúc không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc tương ưng, nhãn thức không tương ưng: Nhãn xúc tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn thức không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn xúc tương ưng và pháp nhãn thức không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem nhãn thức đối với nhãn xúc, cho đến đối với ý xúc, sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Nhãn thức tương ưng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Nhãn thức tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn thức tương ưng và pháp của thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng, nhãn thức không tương ưng: Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn thức không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp nhãn thức không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem nhãn thức đối với thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với thọ do ý xúc sinh ra cùng sáu tướng thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Nhãn thức tương ưng, ái do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Nhãn thức tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Ái do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh

của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ nhãn thức tương ưng và pháp của ái do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thủy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng, nhãn thức không tương ưng: Ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Nhãn thức không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp nhãn thức không tương ưng, tức trừ hết thủy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem nhãn thức đối với ái do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với ái do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

*

* **Môn thứ 16:** Như môn nhãn thức, cho đến năm môn ý thức: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như sáu môn sáu thức thân, sáu môn sáu xúc thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng, tưởng do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tưởng do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tưởng do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới,

muội hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp của tướng do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng do nhãn xúc sinh ra tương ưng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Tướng do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, ba xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tướng do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp của thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với tướng do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với tướng do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng, tư do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Tư do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp của tư do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư do nhãn xúc sinh ra tương ưng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Tư do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám

giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ tư do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp của thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với tư do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với tư do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng, ái do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Ái do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây đã nêu về gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh tương ưng và pháp của ái do nhãn xúc sinh không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng: Ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng nơi mười bảy giới, mười hai xứ,

năm uẩn. Ở đây còn vấn đề gì? Là trừ ái do nhãn xúc sinh ra tương ưng và pháp của thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ưng, tức trừ hết thấy pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với ái do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với ái do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Như môn thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến năm môn thọ do ý xúc sinh ra: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như sáu môn sáu thọ thân, sáu môn sáu tướng thân, sáu môn sáu tư thân: Tùy theo chỗ ứng hợp nên nói rộng.

Như thế, lược có mười sáu môn, nếu nói rộng có tám mươi tám môn.

HẾT - QUYỂN HẠ

SỐ 1541/12
LUẬN CHỨNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

*Tác giả: Tôn giả Thế Hữu.
 Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Cầu Na Bạt Đà La và Bồ Đề Da Xá.
 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1
Phẩm 1: NĂM PHÁP

*** Hỏi: Những gì là Năm pháp?**

Đáp: 1. Sắc. 2. Tâm. 3. Tâm pháp. 4. Tâm bất tương hành. 5. Vô vi. ⁽¹⁾

1. Thế nào là Sắc?

Đáp: Là bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra.

Thế nào là bốn đại? Là địa, thủy, hỏa, phong giới.

Thế nào là sắc được tạo ra? Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, phần ít của xúc nhập và sắc vô tác. Đó gọi là Sắc pháp.

2. Thế nào là Tâm?

Đáp: Là ý và sáu thức.

¹ Hai Luận N^o 1541/12 và N^o 1542/18 là hai bản Hán dịch cùng từ một bản tiếng Phạn. Luận N^o 1541/12 do Đại sư Cầu Na Bạt Đà La và Đại sư Bồ Đề Da Xá Hán dịch vào đời Lưu Tống là bản dịch trước. Luận N^o 1542/18 do Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch vào đời Đường là bản dịch sau. Bản Hán dịch sau đầy đủ và có giá trị hơn.

Thế nào là sáu thức? Là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đó gọi là Pháp của tâm.

3. Thế nào là Tâm pháp?

Đáp: Là tâm tương ưng như pháp, tức là những thọ, tưởng, tư, xúc, ức, dục, giải thoát, niệm, định, tuệ, tín, tinh tấn, giác, quán, phóng dật, không phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, hết thấy kiết, phược, sử, phiền não, thượng phiền não, triền, hoặc trí, hoặc kiến, hoặc vô gián. Những thứ ấy và các tâm khác tương ưng cùng khởi, đó gọi là Pháp của tâm pháp (Tâm sở).

4. Thế nào là Tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Là pháp không cùng tâm tương ưng, tức là những đặc, định vô tướng, định diệt tận, Vô tướng thiên, mạng căn, chủng loại, xứ đặc, sự đặc, nhập đặc, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, vị thân. Những thứ ấy và những loại khác không cùng tâm tương ưng, cùng khởi, đó gọi là Pháp tâm bất tương ưng hành.

5. Thế nào là Vô vi?

Đáp: Là gồm ba thứ vô vi: Hư không, số diệt, phi số diệt. Đó gọi là Pháp vô vi.

**

* **Thế nào là Địa giới?** Là cứng chắc.

Thế nào là Thủy giới? Là thấm ướt.

Thế nào là Hỏa giới? Là ấm nóng.

Thế nào là Phong giới? Là thổi động.

Thế nào là Nhãn căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho nhãn thức.

Thế nào là Nhĩ căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho nhĩ thức.

Thế nào là Tỷ căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho tỷ thức.

Thế nào là Thiệt căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho thiệt thức.

Thế nào là Thân căn? Là sắc tịnh làm chỗ dựa cho thân thức.

Thế nào là Sắc? Nghĩa là sắc, hoặc xấu, hoặc tốt, hoặc trung gian, do hai thức kia nhận biết, trước là nhãn thức, sau là ý thức. Đó gọi là Sắc.

Thế nào là Thanh? Thanh có hai thứ: Là thanh khởi lên nhân nhận nơi bốn đại, và thanh khởi lên không nhân nhận nơi bốn đại, do hai thức kia nhận biết, trước là nhĩ thức, sau là ý thức. Đó gọi là Thanh.

Thế nào là Hương? Nghĩa là hương, hoặc thơm, hoặc thối, hoặc ở giữa, do hai thức kia nhận biết, trước là tỷ thức, sau là ý thức. Đó gọi là Hương.

Thế nào là Vị? Nghĩa là vị, hoặc đáng vui thích, hoặc không vui thích, hoặc ở giữa, do hai thức kia nhận biết, trước là thiệt thức, sau là ý thức. Đó gọi là Vị.

Thế nào là Phần ít của xúc nhập? Là các xúc nhám, trơn, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói khát, do hai thức kia nhận biết, trước là thân thức, sau là ý thức. Đó gọi là Phần ít của xúc nhập.

Thế nào là Sắc vô tác (Sắc vô biểu)? Là sắc thuộc về pháp nhập, chỉ có một thức nhận biết là ý thức. Đó gọi là Sắc vô tác.

*

Thế nào là Nhãn thức? Là dựa vào nhãn căn để hoạt động đối với sắc.

Thế nào là Nhĩ thức? Là dựa vào nhĩ căn để hoạt động đối với tiếng.

Thế nào là Tỷ thức? Là dựa vào tỷ căn để hoạt động đối với hương.

Thế nào là Thiết thức? Là dựa vào thiết căn để hoạt động đối với vị.

Thế nào là Thân thức? Là dựa vào thân căn để hoạt động đối với xúc.

Thế nào là Ý thức? Là dựa vào ý căn để hoạt động đối với pháp.

*

Thế nào là Thọ? Thọ có ba thứ: Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ (Thọ nhận không khổ không vui).

Thế nào là Tưởng? Tưởng có ba thứ: Đó là tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng.

Thế nào là Tư? Là tâm sở tạo tác có ba thứ nghiệp sinh là nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký.

Thế nào là Xúc? Là ba sự hòa hợp sinh ba thứ xúc: Xúc khổ, xúc vui, xúc không khổ không vui.

Thế nào là Ưc (Tác ý)? Là tâm phát tỏ ngộ, có ba thứ: học, vô học, phi học phi vô học.

Thế nào là Dục? Là tâm muốn hành tác.

Thế nào là Giải thoát (Thắng giải)? Là tâm đã lãnh hội, hiện đang lãnh hội, sẽ lãnh hội.

Thế nào là Niệm? Là tâm không quên.

Thế nào là Định? Là nhất tâm.

Thế nào là Tuệ? Là quyết đoán đối với mọi pháp.

Thế nào là Tín? Là tâm tịnh.

Thế nào là Tinh tấn? Là tâm có thể tạo được sự dũng mãnh.

Thế nào là Giác (Tâm)? Là tâm thô.

Thế nào là Quán (Tứ)? Là tâm vi tế.

Thế nào là Phóng dật? Là không tu pháp thiện.

Thế nào là Không phóng dật? Là tu pháp thiện.

Thế nào là Căn thiện? Là có ba căn thiện: căn thiện không tham, căn thiện không sân, căn thiện không si.

Thế nào là Căn bất thiện? Là có ba căn bất thiện: căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Thế nào là Căn vô ký? Là có bốn căn vô ký: Đó là ái vô ký, kiến vô ký, mạn vô ký, vô minh vô ký.

Thế nào là Kiết? Là có chín kiết: Đó là kiết ái, kiết sân, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết tha thủ, kiết nghi, kiết tật (ganh ghét), kiết xan (bỏn sẻn).

Thế nào là kiết ái? Là tham nơi ba cõi.

Thế nào là kiết sân? Là đối với chúng sinh tạo sự trái nghịch.

Thế nào là kiết mạn? Là có bảy thứ mạn: Đó là Mạn, tăng mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn.

Thế nào là mạn? Là đối với kẻ kém cho mình là hơn, đối với kẻ hơn cho mình là bằng, khởi tâm xem thường, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là tăng mạn? Đối với chỗ ngang bằng thì cho mình là hơn, đối với chỗ hơn cho mình là bằng, khởi tâm khinh người, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là mạn mạn? Là đối với kẻ hơn cho mình là cao hơn nữa, khởi tâm khinh thường, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là ngã mạn? Là đối với năm thọ ẩm chấp về ngã, từ đó khởi tâm khinh kẻ khác, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là tăng thượng mạn? Là chưa được pháp thù thắng cho là mình đã được, chưa tới cho là đã tới, chưa tiếp xúc cho là đã tiếp

xúc, chưa chứng cho là đã chứng, từ đó sinh tâm khinh thường, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là bất như mạn? Là đối với bậc cao tột kia cho là nhỏ không bằng mình, từ đó khởi tâm xem thường, tự cao, tự đề cao.

Thế nào là tà mạn? Là không có đức cho là có đức, từ đó khởi tâm khinh chê, tự cao, tự đề cao.

Bảy thứ mạn như thế gọi là kiết mạn.

Thế nào là kiết vô minh? Là không hiểu biết về ba cõi.

Thế nào là kiết kiến? Là có ba thứ kiến chấp: Thân kiến, biên kiến và tà kiến.

Thế nào là thân kiến? Là đối với năm thọ ấm chấp có ngã, ngã sở, từ đó khởi dục, khởi nhận lấy, khởi chấp giữ.

Thế nào là biên kiến? Là nơi năm thọ ấm, hoặc chấp thường, hoặc chấp đoạn, từ đó khởi dục, nhận lấy và chấp giữ.

Thế nào là tà kiến? Là hủy báng nhân quả, từ đó khởi dục, nhận lấy, chấp giữ.

Ba thứ kiến chấp như thế gọi là kiết kiến.

Thế nào là kiết tha thủ? Là có hai kiến chấp: kiến thủ, giới thủ.

Thế nào là kiến thủ? Là đối với năm thọ ấm cho là thắng diệu bậc nhất, từ đó khởi dục, nhận lấy, chấp giữ.

Thế nào là giới thủ? Là nơi năm thọ ấm cho là thanh tịnh, giải thoát, xuất yếu, từ đó khởi dục, nhận lấy, chấp giữ.

Hai kiến như thế gọi là kiết tha thủ.

Thế nào là kiết nghi? Là mê lầm về chân lý (Đế).

Thế nào là kiết tật? Là tâm giận thêm rộng.

Thế nào là kiết xan? Là tâm tham lam chấp chặt.

Đó gọi là chín kiết.

Thế nào là Phược? Nghĩa là kiết tức là phược (trói buộc). Lại có ba thứ trói buộc (phược): trói buộc của tham dục, trói buộc của giận dữ, trói buộc của ngu si.

Thế nào là Sử (Tùy miên)? Nghĩa là có bảy sử: sử tham dục (sự sai khiến của tham dục), sử sân giận, sử hữu ái, sử mạn, sử vô minh, sử kiến, sử nghi.

Thế nào là sử tham dục? Là có năm thứ: Tham thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến khổ. Tham thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo. Năm thứ như thế gọi là sử tham dục.

Thế nào là sử sân giận? Là có năm thứ: Giận dữ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến khổ. Giận dữ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo. Năm thứ như thế gọi là sử sân giận.

Thế nào là sử hữu ái? Là có mười thứ: năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ thuộc cõi Vô sắc. Năm thứ thuộc cõi Sắc gồm: Ái thuộc cõi Sắc được đoạn trừ do kiến khổ. Ái thuộc cõi Sắc được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo. Như năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy. Mười thứ như vậy gọi là sử hữu ái.

Thế nào là sử mạn? Là có mười lăm thứ: năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ thuộc cõi Vô sắc. Năm thứ thuộc cõi Dục gồm: Mạn thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến khổ. Mạn thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo. Như năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy. Mười lăm thứ như vậy gọi là sử mạn.

Thế nào là sử vô minh? Là có mười lăm thứ: năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc, năm thứ thuộc cõi Vô sắc. Năm thứ thuộc cõi Dục gồm: Vô minh thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến

khô. Vô minh thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo và tu đạo. Như năm thứ thuộc cõi Dục, năm thứ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy. Mười lăm thứ như vậy gọi là sử vô minh.

Thế nào là sử kiến? Là có ba mươi sáu thứ: mười hai thứ thuộc cõi Dục, mười hai thứ thuộc cõi Sắc, mười hai thứ thuộc cõi Vô sắc. Mười hai thứ thuộc cõi Dục gồm: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến khô. Tà kiến, kiến thủ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập. Tà kiến, kiến thủ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến diệt. Tà kiến, kiến thủ, giới thủ thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến đạo. Như mười hai thứ thuộc cõi Dục, mười hai thứ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy. Ba mươi sáu thứ như vậy gọi là sử kiến.

Thế nào là sử nghi? Là có mười hai thứ: bốn thứ thuộc cõi Dục, bốn thứ thuộc cõi Sắc, bốn thứ thuộc cõi Vô sắc. Bốn thứ thuộc cõi Dục gồm: Nghi thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến khô. Nghi thuộc cõi Dục được đoạn trừ do kiến tập, diệt, đạo. Như bốn thứ thuộc cõi Dục, bốn thứ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy. Mười hai thứ như vậy gọi là sử nghi.

Thế nào là Phiền não thượng phiền não? Gọi là phiền não tức là thượng phiền não. Lại có thượng phiền não không phải là phiền não, tức là trừ phiền não, là các hành ám nhiễm ô khác.

Thế nào là Triền? Là có tám triền: thù miên, hôn trầm, trạo cử, hối, xan (keo kiệt), tật (ganh ghét), không hổ, không thẹn. (Mười triền thì thêm hai thứ nữa là phẫn, phú).

Thế nào là Trí? Là có mười trí: Pháp trí, tỷ trí (Loại trí), tri tha tâm trí, đẳng trí (Thế tục trí), khô trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Thế nào là pháp trí? Là trí vô lậu nhận biết hành khô nơi cõi Dục. Là trí vô lậu nhận biết hành nhân nơi cõi Dục. Là trí vô lậu nhận

biết hành diệt nơi cõi Dục. Là trí vô lậu nhận biết về con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Dục. Lại nữa, pháp trí cũng duyên nơi trí vô lậu thuộc địa của pháp trí.

Thế nào là tử trí? Là trí vô lậu nhận biết hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Là trí vô lậu nhận biết hành nhân thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Là trí vô lậu nhận biết hành diệt thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Là trí vô lậu nhận biết về con đường đoạn trừ các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Lại nữa, tử trí cũng duyên nơi trí vô lậu thuộc địa của tử trí.

Thế nào là tri tha tâm trí? Là như trí tu, quả tu đạt được không mất, tức có khả năng nhận biết được tâm, tâm pháp hiện tại của các chúng sinh khác nơi cõi Dục, cõi Sắc, cũng nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu.

Thế nào là đẳng trí? Là tuệ hữu lậu.

Thế nào là khổ trí? Là trí vô lậu tư duy về năm thọ ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Thế nào là tập trí? Là trí vô lậu tư duy về nhân hữu lậu, nhập nơi tập nên có duyên.

Thế nào là diệt trí? Là trí vô lậu tư duy về diệt, diệt dứt là xa lìa vi diệu.

Thế nào là đạo trí? Là trí vô lậu tư duy về đạo, đạo như dấu vết xe.

Thế nào là tận trí? Là ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo. Đối với các pháp ấy khởi lên tuệ trí, kiến, nhận biết sáng rõ không gián đoạn.

Thế nào là vô sinh trí? Là ta đã biết khổ, không còn biết nữa; ta đã đoạn tập, không còn đoạn nữa; ta đã chứng diệt, không còn chứng nữa; ta đã tu đạo, không còn tu nữa. Đối với các pháp ấy khởi tuệ trí, kiến, nhận biết sáng rõ không gián đoạn.

Lại nữa, dục lậu của ta đã dứt hết, gọi là tận trí; không còn sinh nữa, gọi là vô sinh trí. Hữu lậu, vô minh lậu trong ta đã dứt hết, gọi là tận trí; không còn sinh nữa, gọi là vô sinh trí.

Thế nào là Kiến? Trí tức là kiến, hoặc có kiến không phải là trí. Đó là tám nhãn vô gián: 1. Khổ pháp nhãn. 2. Khổ tử nhãn. 3. Tập pháp nhãn. 4. Tập tử nhãn. 5. Diệt pháp nhãn. 6. Diệt tử nhãn. 6. Đạo pháp nhãn. 7. Đạo tử nhãn. Đây gọi là kiến.

Thế nào là Vô gián? Hoặc trí hoặc kiến tức là Vô gián.

*

Thế nào là Đắc? Là đắc pháp.

Thế nào là Định vô tướng? Là nơi cõi Biến tịnh thiên lià dục, địa trên chưa lià dục, tạo ra tướng xuất yếu (xuất ly), trước tư duy về phương tiện, tâm và tâm pháp diệt. Đó gọi là Định vô tướng.

Thế nào là Định diệt tận? Là nơi Vô sở hữu xứ lià dục, địa trên chưa lià dục, tạo ra tướng ngừng dứt, là phương tiện trước hết, tâm, tâm pháp vắng lặng. Đó gọi là Định diệt tận.

Thế nào là Vô tướng thiên? Là chúng sinh sinh lên cõi trời Vô tướng, tâm, tâm pháp diệt. Đó gọi là Vô tướng thiên (Cõi trời Vô tướng).

Thế nào là Mạng căn? Là thọ mạng trong ba cõi.

Thế nào là Chủng loại? Là chủng loại của chúng sinh.

Thế nào là Xứ đắc? Là được phương, xứ.

Thế nào là Sự đắc? Là được ấm.

Thế nào là Nhập đắc? Là được các nhập (xứ) trong, ngoài.

Thế nào là Sinh? Là ấm chuyển đổi.

Thế nào là Lão? Là ấm thành thực.

Thế nào là Trụ? Là hành khởi, chưa hoại.

Thế nào là Vô thường? Là hành khởi đi vào hoại diệt.

Thế nào là Danh thân? Là Tăng ngữ.

Thế nào là Cú thân? Là đầy đủ văn tự.

Thế nào là Vị thân? Là tự thân (câu chữ được nối kết) nói là vị thân.

*

Thế nào là Hư không? Là rỗng lặng không bao giờ đầy, dung nạp các sắc tới lui không trở ngại.

Thế nào là Số diệt? Là diệt của số diệt, là giải thoát.

Thế nào là Phi số diệt? Là diệt của phi số diệt, là phi giải thoát.

PHẨM 2: PHÂN BIỆT VỀ TRÍ

Có mười trí: Đó là Pháp trí, Tỷ trí, Tri tha tâm trí, Đẳng trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí.

*

*** Hỏi: Thế nào là pháp trí duyên?**

Đáp: Là pháp trí duyên nơi hành thuộc cõi Dục cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Thế nào là tỷ trí duyên?

Đáp: Là tỷ trí duyên nơi hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Thế nào là tri tha tâm trí duyên?

Đáp: Là tri tha tâm trí duyên nơi tâm và tâm pháp hiện tại của người khác thuộc cõi Dục, cõi Sắc cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Thế nào là đẳng trí duyên?

Đáp: Là đẳng trí duyên nơi hết thấy các pháp.

Hỏi: Thế nào là khở trí duyên?

Đáp: Là khở trí duyên nơi năm thọ ấm.

Hỏi: Thế nào là tập trí duyên?

Đáp: Là tập trí duyên nơi nhân hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là diệt trí duyên?

Đáp: Là diệt trí duyên nơi số diệt.

Hỏi: Thế nào là đạo trí duyên?

Đáp: Là đạo trí duyên nơi pháp học và pháp vô học.

Hỏi: Thế nào là tận trí duyên?

Đáp: Là tận trí duyên nơi hết thấy pháp hữu vi và duyên nơi số diệt.

Hỏi: Thế nào là vô sinh trí duyên?

Đáp: Là vô sinh trí duyên nơi hết thấy pháp hữu vi và duyên nơi số diệt.

*

*** *Hỏi:* Do đâu nói Pháp trí duyên nơi hành thuộc cõi Dục cùng duyên vô lậu?**

Đáp: Nghĩa là pháp trí nhận biết hành khở thuộc cõi Dục, nhận biết hành nhân, nhận biết hành diệt, nhận biết về con đường đoạn trừ các hành thuộc cõi Dục. Thế nên nói pháp trí duyên nơi hành thuộc cõi Dục cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Do đâu nói tỷ trí duyên nơi hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc cùng duyên vô lậu?

Đáp: Nghĩa là tỷ trí nhận biết hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, nhận biết hành nhân, nhận biết hành diệt, nhận biết về con đường đoạn trừ các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Thế nên nói tỷ trí duyên nơi hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Do đâu nói tri tha tâm trí duyên nơi tâm, tâm pháp hiện tại của kẻ khác thuộc cõi Dục, cõi Sắc cùng duyên vô lậu?

Đáp: Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp hiện tại của kẻ khác thuộc cõi Dục, cõi Sắc cùng duyên vô lậu. Thế nên nói tri tha tâm trí duyên nơi tâm, tâm pháp hiện tại của kẻ khác thuộc cõi Dục, cõi Sắc cùng duyên vô lậu.

Hỏi: Do đâu nói đẳng trí duyên nơi hết thảy các pháp?

Đáp: Nghĩa là đẳng trí nhận biết hết thảy các pháp là khéo léo, không khéo léo, không phải khéo léo, không phải không khéo léo. Thế nên nói đẳng trí duyên nơi hết thảy các pháp.

Hỏi: Do đâu nói khổ trí duyên nơi năm thọ ấm?

Đáp: Nghĩa là khổ trí nhận biết năm thọ ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói khổ trí duyên nơi năm thọ ấm.

Hỏi: Do đâu nói tập trí duyên nơi nhân hữu lậu?

Đáp: Nghĩa là tập trí nhận biết được nhân hữu lậu, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói tập trí duyên nơi nhân hữu lậu.

Hỏi: Do đâu nói diệt trí duyên nơi số diệt?

Đáp: Nghĩa là diệt trí nhận biết về sự diệt dứt của số diệt, là sự lìa xa vi diệu. Thế nên nói diệt trí duyên nơi số diệt.

Hỏi: Do đâu nói đạo trí duyên nơi pháp học và pháp vô học?

Đáp: Nghĩa là đạo trí nhận biết về đạo, biết đạo như dấu vết xe. Thế nên nói đạo trí duyên nơi pháp học và pháp vô học.

Hỏi: Do đâu nói tận trí duyên nơi hết thảy pháp hữu vi cùng số diệt?

Đáp: Nghĩa là tận trí đã nhận biết: Ta đã biết khổ, đã đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Thế nên nói tận trí duyên nơi hết thảy pháp hữu vi cùng số diệt.

Hỏi: Do đâu nói vô sinh trí duyên nơi hết thảy pháp hữu vi cùng số diệt?

Đáp: Nghĩa là vô sinh trí đã nhận biết: Ta đã biết khổ, không còn biết nữa. Ta đã đoạn tập, không còn đoạn nữa. Ta đã chứng diệt, không còn chứng nữa. Ta đã tu đạo, không còn tu nữa. Thế nên nói vô sinh trí duyên nơi hết thảy pháp hữu vi cùng số diệt.

*

**** Hỏi: Pháp trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?***

Đáp: Pháp trí tức là pháp trí, là phần ít của bảy trí: tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Tỷ trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Tỷ trí tức là tỷ trí, là phần ít của bảy trí: tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Tri tha tâm trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Tri tha tâm trí tức là tri tha tâm trí, là phần ít của bốn trí: pháp trí, tỷ trí, đẳng trí, đạo trí.

Hỏi: Đẳng trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Đẳng trí tức là đẳng trí, là phần ít của một trí: tri tha tâm trí.

Hỏi: Khổ trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Khổ trí tức là khổ trí, là phần ít của bốn trí: pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sinh trí.

Như khổ trí, các thứ tập trí, diệt trí cũng như vậy.

Hỏi: Đạo trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Đạo trí tức là đạo trí, là phần ít của năm trí: pháp trí, tỷ trí, tri tha tâm trí, tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Tận trí là bao nhiêu trí? Là phần ít của bao nhiêu trí?

Đáp: Tận trí tức là tận trí, là phần ít của sáu trí: pháp trí, tỷ trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

*

*** *Hỏi: Thế nào là pháp trí tức là pháp trí?***

Đáp: Nghĩa là pháp trí nhận biết hành khổ thuộc cõi Dục, nhận biết hành nhân thuộc cõi Dục, nhận biết hành diệt thuộc cõi Dục, nhận biết về con đường đoạn trừ các hành thuộc cõi Dục. Thế nên nói pháp trí tức là pháp trí.

Thế nào pháp trí là tri tha tâm trí? Là pháp trí nhận biết kẻ khác đã đạt được con đường diệt trừ các hành nơi cõi Dục, biết tâm, tâm pháp vô lậu. Thế nên nói pháp trí là tri tha tâm trí.

Thế nào pháp trí là khổ trí? Là pháp trí nhận biết năm thọ âm nơi cõi Dục là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói pháp trí là khổ trí.

Thế nào pháp trí là tập trí? Là pháp trí nhận biết hành nhân nơi cõi Dục, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói pháp trí là tập trí.

Thế nào pháp trí là diệt trí? Là pháp trí nhận biết hành diệt nơi cõi Dục, là sự diệt dứt, xuất ly vi diệu. Thế nên nói pháp trí là diệt trí.

Thế nào pháp trí là đạo trí? Là pháp trí nhận biết về con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Dục, biết đạo như dấu vết xe. Thế nên nói pháp trí là đạo trí.

Thế nào pháp trí là tận trí? Tức pháp trí nhận biết: Ta đã biết hành khổ thuộc cõi Dục. Ta đã đoạn hành tập thuộc cõi Dục. Ta đã chứng hành diệt thuộc cõi Dục. Ta đã tu theo con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Dục. Thế nên nói pháp trí là tận trí.

Thế nào pháp trí là vô sinh trí? Tức pháp trí nhận biết: Trong cõi Dục này, ta đã biết hành khổ, nên không còn biết nữa. Trong cõi Dục này, ta đã đoạn trừ hành tập, nên không còn đoạn trừ nữa. Trong cõi Dục này, ta đã chứng hành diệt, nên không còn chứng nữa. Trong cõi Dục này, ta đã tu tập theo con đường đoạn trừ các hành, nên không còn tu tập nữa. Thế nên nói pháp trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là tỷ trí tức là tỷ trí?

Đáp: Nghĩa là tỷ trí nhận biết hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, nhận biết hành nhân thuộc cõi Sắc, Vô sắc, nhận biết hành diệt thuộc cõi Sắc, Vô sắc, nhận biết về con đường đoạn trừ các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Thế nên nói tỷ trí tức là tỷ trí.

Thế nào tỷ trí là tri tha tâm trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết kẻ khác đã đạt được con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Sắc, Vô sắc, nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu trong cõi Sắc, Vô sắc. Thế nên nói tỷ trí là tri tha tâm trí.

Thế nào tỷ trí là khổ trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết năm thọ ấm trong cõi Sắc, Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói tỷ trí là khổ trí.

Thế nào tỷ trí là tập trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết về hành nhân trong cõi Sắc, Vô sắc, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói tỷ trí là tập trí.

Thế nào tỷ trí là diệt trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết về hành diệt trong cõi Sắc, Vô sắc, là vắng bật dùng dứt, xuất ly vi diệu. Thế nên nói tỷ trí là diệt trí.

Thế nào tỷ trí là đạo trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết về con đường đoạn trừ các hành trong cõi Sắc, Vô sắc, thấy con đường như dấu vết xe. Thế nên nói tỷ trí là đạo trí.

Thế nào tỷ trí là tận trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết: Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã biết hành khổ. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã đoạn hành nhân. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã chứng hành diệt. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã tu theo con đường đoạn trừ các hành. Thế nên nói tỷ trí là tận trí.

Thế nào tỷ trí là vô sinh trí? Nghĩa là tỷ trí nhận biết: Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã biết hành khổ, nên không còn biết nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã đoạn hành nhân, nên không còn đoạn nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã chứng hành diệt, nên không còn chứng nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã tu theo con đường đoạn trừ các hành, không còn tu nữa. Thế nên nói tỷ trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là tri tha tâm trí tức là tri tha tâm trí?

Đáp: Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp hiện tại của kẻ khác nơi cõi Dục, cõi Sắc và nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu. Thế nên nói tri tha tâm trí tức là tri tha tâm trí.

Thế nào tri tha tâm trí là pháp trí? Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết kẻ khác đã đạt được con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Dục cùng tâm, tâm pháp vô lậu. Thế nên nói tri tha tâm trí là pháp trí.

Thế nào tri tha tâm trí là tỷ trí? Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết kẻ khác đã đạt được con đường đoạn trừ các hành nơi cõi Sắc, Vô sắc cùng tâm, tâm pháp vô lậu. Thế nên nói tri tha tâm trí là tỷ trí.

Thế nào tri tha tâm trí là đẳng trí? Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp hữu lậu của kẻ khác. Thế nên nói tri tha tâm trí là đẳng trí.

Thế nào tri tha tâm trí là đạo trí? Nghĩa là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu của kẻ khác. Thế nên nói tri tha tâm trí là đạo trí.

Hỏi: Thế nào là đẳng trí tức là đẳng trí?

Đáp: Nghĩa là đẳng trí nhận biết về tính chất xảo tiện, không xảo tiện, không phải xảo tiện, không phải không xảo tiện của tất cả các pháp. Thế nên nói đẳng trí tức là đẳng trí.

Thế nào đẳng trí là tri tha tâm trí? Nghĩa là đẳng trí nhận biết về tâm, tâm pháp hữu lậu của kẻ khác. Thế nên nói đẳng trí là tri tha tâm trí.

Hỏi: Thế nào là khổ trí tức là khổ trí?

Đáp: Nghĩa là khổ trí nhận biết năm thọ ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói khổ trí tức là khổ trí.

Thế nào khổ trí là pháp trí? Nghĩa là khổ trí nhận biết năm thọ ấm thuộc cõi Dục là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói khổ trí là pháp trí.

Thế nào khổ trí là tỷ trí? Nghĩa là khổ trí nhận biết năm thọ ấm thuộc cõi Sắc, Vô sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thế nên nói khổ trí là tỷ trí.

Thế nào khổ trí là tận trí? Nghĩa là khổ trí nhận biết: Ta đã biết khổ v.v... Thế nên nói khổ trí là tận trí.

Thế nào khổ trí là vô sinh trí? Nghĩa là khổ trí nhận biết: Ta đã biết khổ, nên không còn biết nữa v.v... Thế nên nói khổ trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là tập trí tức là tập trí?

Đáp: Nghĩa là tập trí nhận biết về nhân hữu lậu, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói tập trí tức là tập trí.

Thế nào tập trí là pháp trí? Nghĩa là tập trí nhận biết về hành nhân nơi cõi Dục, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói tập trí là pháp trí.

Thế nào tập trí là tỷ trí? Nghĩa là tập trí nhận biết về hành nhân nơi cõi Sắc, Vô sắc, nhân nơi tập nên có duyên. Thế nên nói tập trí là tỷ trí.

Thế nào tập trí là tận trí? Nghĩa là tập trí nhận biết: Ta đã đoạn tập v.v... Thế nên nói tập trí là tận trí.

Thế nào tập trí là vô sinh trí? Nghĩa là tập trí nhận biết: Ta đã đoạn tập, nên không còn đoạn nữa v.v... Thế nên nói tập trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là diệt trí tức là diệt trí?

Đáp: Nghĩa là diệt trí nhận biết về diệt là sự dừng dứt, vắng lặng, sự xuất ly vi diệu. Thế nên nói diệt trí tức là diệt trí.

Thế nào diệt trí là pháp trí? Nghĩa là diệt trí nhận biết về hành diệt nơi cõi Dục là sự dừng dứt, xuất ly vi diệu. Thế nên nói diệt trí là pháp trí.

Thế nào diệt trí là tỷ trí? Nghĩa là diệt trí nhận biết về hành diệt nơi cõi Sắc, Vô sắc là sự dừng dứt, là sự xuất ly vi diệu. Thế nên nói diệt trí là tỷ trí

Thế nào diệt trí là tận trí? Nghĩa là diệt trí nhận biết: Ta đã chứng diệt v.v... Thế nên nói diệt trí là tận trí.

Thế nào diệt trí là vô sinh trí? Nghĩa là diệt trí nhận biết: Ta đã chứng diệt, nên không còn chứng nữa v.v... Thế nên nói diệt trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là đạo trí tức là đạo trí?

Đáp: Nghĩa là đạo trí nhận biết về đạo, biết đạo như dấu vết xe. Thế nên nói đạo trí tức là đạo trí.

Thế nào đạo trí là pháp trí? Nghĩa là đạo trí nhận biết về con đường đoạn trừ các hành trong cõi Dục, biết đạo như dấu vết xe. Thế nên nói đạo trí là pháp trí.

Thế nào đạo trí là tử trí? Nghĩa là đạo trí nhận biết về con đường đoạn trừ các hành trong cõi Sắc, Vô sắc, biết đạo như dấu vết xe. Thế nên nói đạo trí là tử trí.

Thế nào đạo trí là tri tha tâm trí? Nghĩa là đạo trí nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu của kẻ khác. Thế nên nói đạo trí là tri tha tâm trí.

Thế nào đạo trí là tận trí? Nghĩa là đạo trí nhận biết: Ta đã tu đạo v.v... Thế nên nói đạo trí là tận trí.

Thế nào đạo trí là vô sinh trí? Nghĩa là đạo trí nhận biết: Ta đã tu đạo, nên không còn tu nữa v.v... Thế nên nói đạo trí là vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là tận trí tức là tận trí?

Đáp: Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã biết khổ, ta đã đoạn tập, ta đã chứng diệt, ta đã tu đạo. Thế nên nói tận trí tức là tận trí.

Thế nào tận trí là pháp trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã nhận biết hành khổ thuộc cõi Dục, ta đã đoạn hành tập thuộc cõi Dục, ta đã chứng hành diệt thuộc cõi Dục, ta đã tu đạo đoạn trừ hành thuộc cõi Dục. Thế nên nói tận trí là pháp trí.

Thế nào tận trí là tử trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã biết hành khổ thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Ta đã đoạn hành tập thuộc cõi

Sắc, Vô sắc. Ta đã chứng hành diệt thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Ta đã tu đạo đoạn trừ hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Thế nên nói tận trí là tỷ trí.

Thế nào tận trí là khổ trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã biết khổ. Thế nên nói tận trí là khổ trí.

Thế nào tận trí là tập trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã đoạn tập. Thế nên nói tận trí là tập trí.

Thế nào tận trí là diệt trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã chứng diệt. Thế nên nói tận trí là diệt trí.

Thế nào tận trí là đạo trí? Nghĩa là tận trí nhận biết: Ta đã tu đạo. Thế nên nói tận trí là đạo trí.

Hỏi: Thế nào vô sinh trí tức là vô sinh trí?

Đáp: Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Ta đã biết khổ, nên không còn biết nữa. Ta đã đoạn tập, nên không còn đoạn nữa. Ta đã chứng diệt, nên không còn chứng nữa. Ta đã tu đạo, nên không còn tu nữa. Thế nên nói vô sinh trí tức là vô sinh trí.

Thế nào vô sinh trí là pháp trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Trong cõi Dục, ta đã biết hành khổ, nên không còn biết nữa. Trong cõi Dục, ta đã đoạn hành tập, nên không còn đoạn nữa. Trong cõi Dục, ta đã chứng hành diệt, nên không còn chứng nữa. Trong cõi Dục, ta đã tu đạo đoạn trừ hành, nên không còn tu nữa. Thế nên nói vô sinh trí là pháp trí.

Thế nào vô sinh trí là tỷ trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã biết hành khổ, nên không còn biết nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã đoạn hành tập, nên không còn đoạn nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã chứng hành diệt, nên không còn chứng nữa. Trong cõi Sắc, Vô sắc, ta đã tu đạo đoạn trừ hành, nên không còn tu nữa. Thế nên nói vô sinh trí là tỷ trí.

Thế nào vô sinh trí là khổ trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Ta đã biết khổ, nên không còn biết nữa. Thế nên nói vô sinh trí là khổ trí.

Thế nào vô sinh trí là tập trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Ta đã đoạn tập, nên không còn đoạn nữa. Thế nên nói vô sinh trí là tập trí.

Thế nào vô sinh trí là diệt trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Ta đã chứng diệt, nên không còn chứng nữa. Thế nên nói vô sinh trí là diệt trí.

Thế nào vô sinh trí là đạo trí? Nghĩa là vô sinh trí nhận biết: Ta đã tu đạo, nên không còn tu nữa. Thế nên nói vô sinh trí là đạo trí.

*

*** *Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?***

Đáp: Một trí hữu lậu, tám trí vô lậu, một trí cần phân biệt: Là tri tha tâm trí, hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu.

Thế nào là hữu lậu? Là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp hữu lậu của kẻ khác.

Thế nào là vô lậu? Là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu của kẻ khác.

Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ duyên hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên vô lậu?

Đáp: Hai trí duyên hữu lậu là khổ trí, tập trí. Hai trí duyên vô lậu là diệt trí, đạo trí. Sáu trí cần phân biệt:

Pháp trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là pháp trí duyên nơi khổ, duyên nơi tập. Thế nào là duyên vô lậu? Là pháp trí duyên nơi diệt, duyên nơi đạo.

Như pháp trí, tử trí, tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Tri tha tâm trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp hữu lậu của kẻ khác. Thế nào là duyên vô lậu? Là tri tha tâm trí nhận biết về tâm, tâm pháp vô lậu của kẻ khác.

Đẳng trí hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là đẳng trí duyên nơi khổ, duyên nơi tập. Thế nào là duyên vô lậu? Là đẳng trí duyên nơi diệt, duyên nơi đạo, cùng duyên nơi hư không, phi số diệt.

*

*** Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?**

Đáp: Hết thấy là hữu vi.

Hỏi: Mười trí này: Bao nhiêu thứ duyên hữu vi, bao nhiêu thứ duyên vô vi?

Đáp: Bốn trí duyên hữu vi là tri tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí. Một trí duyên vô vi là diệt trí. Năm trí cần phân biệt:

Pháp trí hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi. Thế nào là duyên hữu vi? Là pháp trí duyên nơi khổ, duyên nơi tập, duyên nơi đạo. Thế nào là duyên vô vi? Là pháp trí duyên nơi diệt.

Như pháp trí, tử trí, tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Đẳng trí hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi. Thế nào là duyên hữu vi? Là đẳng trí duyên nơi khổ, duyên nơi tập, duyên nơi đạo. Thế nào là duyên vô vi? Là đẳng trí duyên nơi diệt và hư không.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN CHỨNG SỰ PHÂN A TỶ ĐÀM

QUYỂN 2

Phẩm 3: PHÂN BIỆT VỀ CÁC NHẬP

Như Đức Thế Tôn giảng nói cho Bà-la-môn Xà Đế Du Lô Na: Hết thầy Bà-la-môn nên biết v.v...

Tất cả: Nghĩa là mười hai nhập. Đó là nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập, ý nhập, pháp nhập.

**

*** Hỏi: Mười hai nhập này:** Bao nhiêu thứ là sắc, bao nhiêu thứ là không phải sắc?

Đáp: Mười thứ là sắc, một thứ không phải sắc, một thứ cần phân biệt: Tức pháp nhập hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Thế nào là sắc? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu là sắc, ngoài ra là không phải sắc.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là có thể thấy, bao nhiêu thứ là không thể thấy?

Đáp: Một thứ có thể thấy, mười một thứ là không thể thấy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là hữu đối, bao nhiêu thứ là vô đối?

Đáp: Mười thứ là hữu đối, hai thứ là vô đối.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Mười thứ là hữu lậu, hai thứ cần phân biệt:

Ý nhập hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là ý hữu lậu hành tương ưng với ý nhập. Thế nào là vô lậu? Là ý vô lậu hành tương ưng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Thế nào là hữu lậu? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu hữu lậu, cùng thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm hữu lậu. Thế nào là vô lậu? Là nghiệp thân, khẩu vô lậu, cùng thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm vô lậu và pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp: Mười một thứ là hữu vi, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là hữu vi, hoặc là vô vi.

Thế nào là hữu vi? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu, cùng thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm.

Thế nào là vô vi? Là hư không số diệt, phi số diệt.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là hữu tránh, bao nhiêu thứ là vô tránh?

Đáp: Mười thứ là hữu tránh, hai thứ cần phân biệt: Hai thứ hoặc hữu lậu hữu tránh, hai thứ hoặc vô lậu vô tránh. Như hữu tránh, vô tránh cũng vậy.

Thế gian, xuất thế gian; có lỗi lầm, không lỗi lầm; dựa vào tại gia, dựa vào xuất gia; sử, không phải sử; thọ, không phải thọ; triền, không phải triền cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là hữu ký, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Tám thứ là vô ký, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là hữu ký, hoặc là vô ký.

Thế nào là hữu ký? Là sắc nhập thiện hay bất thiện.

Thế nào là vô ký? Là trừ sắc nhập thiện, bất thiện, các sắc nhập còn lại.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là ẩn giấu (hữu phú), bao nhiêu thứ là không ẩn giấu (vô phú)?

Đáp: Tám thứ là không ẩn giấu, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là ẩn giấu, hoặc là không ẩn giấu.

Thế nào là ẩn giấu? Là cấu nhiễm.

Thế nào là không ẩn giấu? Là không cấu nhiễm

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ nên tu, bao nhiêu thứ không nên tu?

Đáp: Tám thứ không nên tu, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là sắc nhập thiện. Thế nào là không nên tu? Là sắc nhập bất thiện, vô ký.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập cũng như vậy.

Pháp nhập hoặc nên tu, hoặc không nên tu. Thế nào là nên tu? Là pháp nhập hữu vi thiện. Thế nào là không nên tu? Là pháp nhập bất thiện, vô ký và số diệt.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là uế nhiễm, bao nhiêu thứ là không uế nhiễm?

Đáp: Tám thứ không ướ nhiễm, bốn thứ cần phân biệt:

Sắc nhập hoặc ướ nhiễm, hoặc không ướ nhiễm. Thế nào là ướ nhiễm? Là ẩn giấu. Thế nào là không ướ nhiễm? Là không ẩn giấu.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là có tội, bao nhiêu thứ là không tội?

Đáp: Tám thứ không tội, bốn thứ cần phân biệt:

Sắc nhập hoặc có tội, hoặc không tội. Thế nào là có tội? Là sắc nhập bất thiện và ẩn giấu vô ký. Thế nào là không tội? Là sắc nhập thiện và không ẩn giấu vô ký.

Như sắc nhập, thanh nhập, ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là có báo, bao nhiêu thứ là không có báo?

Đáp: Tám thứ không có báo, bốn thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc có báo, hoặc không có báo. Thế nào là có báo? Là sắc nhập thiện, bất thiện. Thế nào là không có báo? Là sắc nhập vô ký.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng như vậy.

Ý nhập hoặc có báo, hoặc không có báo. Thế nào là có báo? Là ý nhập thiện, bất thiện, hữu lậu. Thế nào là không có báo? Là ý nhập vô ký, vô lậu.

Như ý nhập, pháp nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là thấy (kiến), bao nhiêu thứ là không thấy?

Đáp: Một thứ là thấy, mười thứ là không thấy, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là thấy, hoặc là không thấy. Thế nào là thấy? Là tám thứ kiến, nên gọi là thấy. Tức là năm tà kiến, chánh kiến thế tục, kiến học, kiến vô học. Ngoài ra là không thấy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là nội, bao nhiêu thứ là ngoại?

Đáp: Là sáu nội, sáu ngoại.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là thọ, bao nhiêu thứ là không thọ?

Đáp: Ba thứ là không thọ, chín thứ cần phân biệt: Nhãn nhập hoặc thọ, hoặc không thọ. Thế nào là thọ? Là thọ nhận tự tánh. Thế nào là không thọ? Là không thọ nhận tự tánh.

Như nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, hương nhập, thiệt nhập, vị nhập, thân nhập, xúc nhập cũng như vậy.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là tâm, bao nhiêu thứ là không phải tâm?

Đáp: Một thứ là tâm, mười một thứ là không phải tâm.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ có duyên, bao nhiêu thứ không duyên?

Đáp: Một thứ là có duyên, mười một thứ là không duyên, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là có duyên, hoặc là không duyên. Thế nào là có duyên? Là tâm pháp. Thế nào là không duyên? Là không phải tâm pháp.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là tâm pháp, bao nhiêu thứ là không phải tâm pháp?

Đáp: Mười một thứ là không phải tâm pháp, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là tâm pháp, hoặc là không phải tâm pháp. Thế nào là tâm pháp? Là có duyên. Thế nào là không phải tâm pháp? Là không duyên.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là nghiệp, bao nhiêu thứ không phải là nghiệp?

Đáp: Chín thứ không phải là nghiệp, ba thứ cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là thân hành tác là nghiệp, ngoài ra không phải là nghiệp.

Thanh nhập hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là miệng hành tác là nghiệp, ngoài ra không phải là nghiệp.

Pháp nhập hoặc là nghiệp, hoặc không phải là nghiệp. Thế nào là nghiệp? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu và tư, là nghiệp, ngoài ra không phải là nghiệp.

*

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Tám thứ là vô ký, bốn thứ cần phân biệt:

Sắc nhập hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là thân hành tác thiện. Thế nào là bất thiện? Là thân hành tác bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ sắc do thân hành tác thiện, bất thiện, tức sắc do thân hành tác còn lại.

Thanh nhập hoặc thiện, hoặc bất thiện, vô ký. Thế nào là thiện? Là tiếng nói của miệng là thiện. Thế nào là bất thiện? Là tiếng nói của miệng là bất thiện. Thế nào là vô ký? Là trừ tiếng nói của miệng là thiện, bất thiện, tức những tiếng nói của miệng còn lại.

Ý nhập là thiện, hoặc bất thiện, vô ký. Thế nào là thiện? Là ý tư duy thiện tương ưng với ý nhập. Thế nào là bất thiện? Là ý tư duy bất thiện tương ưng với ý nhập. Thế nào là vô ký? Là ý tư duy vô ký tương ưng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc thiện, hoặc bất thiện, vô ký. Thế nào là thiện? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu thiện, cùng thọ âm, tưởng âm, hành âm thiện và số diệt. Thế nào là bất thiện? Là pháp nhập

gồm thân nghiệp thân, khẩu bất thiện, cùng thọ âm, tưởng âm, hành âm bất thiện. Thế nào là vô ký? Là pháp nhập gồm thân thọ âm, tưởng âm, hành âm vô ký và hư không, phi số diệt.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Mười thứ do tu đoạn, hai thứ cần phân biệt:

Ý nhập hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Như ý nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhãn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Tức là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với ý nhập. Thế nào là do tu đoạn? Như ý nhập nơi bậc tu học kiến tích đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với ý nhập, cùng ý nhập hữu lậu không uế nhiễm. Thế nào là không đoạn? Là ý nhập vô lậu.

Pháp nhập hoặc do kiến đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đoạn? Như pháp nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành, nhãn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Tức là kiến đạo đoạn trừ tám mươi tám sử tương ưng với pháp nhập. Kẻ ấy đã khởi tâm bất tương ưng hành. Thế nào là do tu đoạn? Như pháp nhập nơi bậc tu học kiến tích đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với pháp nhập. Kẻ ấy đã khởi nghiệp thân, khẩu, cùng khởi tâm bất tương ưng hành và pháp nhập hữu lậu không uế nhiễm. Thế nào là không đoạn? Là pháp nhập vô lậu.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Mười thứ là phi học phi vô học, hai thứ cần phân biệt:

Ý nhập hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là ý học tư duy tương ưng với ý nhập. Thế nào là vô

học? Là ý vô học tư duy tương ứng với ý nhập. Thế nào là phi học phi vô học? Là ý hữu lậu tư duy tương ứng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Là nghiệp thân, khẩu hữu học, thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm hữu học. Thế nào là vô học? Là nghiệp thân, khẩu vô học, thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Là pháp nhập gồm thân nghiệp thân, khẩu hữu lậu, cùng thọ ẩm, tưởng ẩm, hành ẩm hữu lậu và pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Hai thứ thuộc cõi Dục, mười thứ cần phân biệt:

Nhãn nhập hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là nhãn nhập thuộc cõi Dục do bốn đại tạo nên. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là nhãn nhập thuộc cõi Sắc do bốn đại tạo nên.

Như nhãn nhập, sắc nhập, nhĩ nhập, thanh nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập cũng như vậy.

Xúc nhập hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là xúc nhập thuộc cõi Dục do bốn đại tạo nên. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là xúc nhập thuộc cõi Sắc do bốn đại tạo nên.

Ý nhập hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là ý tư duy tương ứng với ý nhập thuộc cõi Dục. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là ý tư duy tương ứng với ý nhập thuộc cõi Sắc. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là ý tư duy tương ứng với ý nhập thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Là ý vô lậu tư duy tương ứng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là thuộc cõi Dục? Là pháp

nhập thuộc cõi Dục gồm thân nghiệp thân, khẩu, gồm thân thọ ẩm, tướng ẩm, hành ẩm. Thế nào là thuộc cõi Sắc? Là pháp nhập thuộc cõi Sắc gồm thân nghiệp thân, khẩu, gồm thân thọ ẩm, tướng ẩm, hành ẩm. Thế nào là thuộc cõi Vô sắc? Là pháp nhập thuộc cõi Vô sắc gồm thân thọ ẩm, tướng ẩm, hành ẩm. Thế nào là không hệ thuộc? Là vô lậu gồm thân nghiệp thân, khẩu, gồm thân thọ ẩm, tướng ẩm, hành ẩm và pháp vô vi.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ thuộc về quá khứ, bao nhiêu thứ thuộc về vị lai, bao nhiêu thứ thuộc về hiện tại?

Đáp: Mười một thứ thuộc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, một thứ cần phân biệt: Pháp nhập. Nếu là hữu vi thì hoặc thuộc quá khứ, hoặc thuộc vị lai, hoặc thuộc hiện tại. Nếu là vô vi thì không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại.

*

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ thuộc khổ đế, bao nhiêu thứ thuộc tập đế, bao nhiêu thứ thuộc diệt đế, bao nhiêu thứ thuộc đạo đế, bao nhiêu thứ không thuộc về đế?

Đáp: Mười thứ thuộc khổ đế, tập đế, hai thứ cần phân biệt: Ý nhập nếu là hữu lậu thì thuộc về khổ đế, tập đế. Nếu là vô lậu thì thuộc về đạo đế.

Pháp nhập nếu là hữu lậu thì thuộc về khổ đế, tập đế. Nếu là vô lậu thì thuộc về đạo đế hữu vi. Nếu là số diệt thì thuộc về diệt đế. Hư không, phi số diệt thì không thuộc về đế.

Hỏi: Mười hai nhập này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn, do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn? Bao nhiêu thứ do tu đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Mười thứ do tu đoạn, hai thứ cần phân biệt:

Ý nhập hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Là như ý nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu khổ nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến khổ đoạn hai mươi tám thứ sử tương ưng với ý nhập.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Là như ý nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu tập nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến tập đoạn mười chín thứ sử tương ưng với ý nhập.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Là như ý nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu diệt nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến diệt đoạn mười chín thứ sử tương ưng với ý nhập.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Là như ý nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu đạo nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến đạo đoạn hai mươi hai thứ sử tương ưng với ý nhập.

Thế nào là do tu đoạn? Là như ý nhập nơi bậc tu học kiến tích đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do tu đạo đoạn trừ mười thứ tương ưng với ý nhập cùng ý nhập hữu lậu không cấu nhiễm.

Thế nào là không đoạn? Là ý nhập vô lậu.

Pháp nhập hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Là như pháp nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu khổ nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến khổ đoạn hai mươi tám thứ sử tương ưng với pháp nhập. Người kia đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Là như pháp nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu tập nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến tập đoạn mười chín kiết sử tương ưng với pháp nhập. Người kia đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Là như pháp nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu diệt nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến diệt đoạn mười chín sử tương ưng với pháp nhập. Người kia đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Là như pháp nhập nơi người tùy tín hành, tùy pháp hành tu đạo nhẫn vô gián cùng đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do kiến đạo đoạn hai mươi hai sử tương ưng với pháp nhập. Người kia đã khởi tâm bất tương ưng hành.

Thế nào là do tu đoạn? Là như pháp nhập nơi bậc tu học kiến tích đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Là do tu đạo đoạn trừ mười sử tương ưng với pháp nhập. Người kia đã khởi nghiệp thân, khẩu, khởi tâm bất tương ưng hành, và pháp nhập hữu lậu không uế nhiễm.

Thế nào là không đoạn? Là pháp nhập vô lậu.

**

* **Hỏi: Năm ấm, mười hai nhập:** Là năm ấm gồm thân mười hai nhập hay là mười hai nhập gồm thân năm ấm?

Đáp: Mười hai nhập gồm thân năm ấm, không phải năm ấm gồm thân mười hai nhập. Pháp nào không gồm thân? Là pháp nhập vô vi.

Hỏi: Năm ấm, mười tám giới: Là năm ấm gồm thân mười tám giới hay là mười tám giới gồm thân năm ấm?

Đáp: Mười tám giới gồm thân năm ấm, không phải năm ấm gồm thân mười tám giới. Pháp nào không gồm thân? Là pháp giới vô vi.

Hỏi: Năm âm, hai mươi hai căn: Là năm âm gồm thâu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm thâu năm âm?

Đáp: Hai âm và phần ít của hai âm gồm thâu hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn cũng gồm thâu hai âm và phần ít của hai âm. Pháp nào không gồm thâu? Là một âm và phần ít của hai âm.

Hỏi: Năm âm, chín mươi tám sử: Là năm âm gồm thâu chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thâu năm âm?

Đáp: Phần ít của một âm gồm thâu chín mươi tám sử. Chín mươi tám sử cũng gồm thâu phần ít của một âm. Pháp nào không gồm thâu? Là bốn âm và phần ít của một âm.

*

Hỏi: Mười hai nhập, mười tám giới: Là mười hai nhập gồm thâu mười tám giới hay là mười tám giới gồm thâu mười hai nhập?

Đáp: Lần lượt cùng gồm thâu nhau theo chỗ ứng hợp của chúng.

Hỏi: Mười hai nhập, hai mươi hai căn: Là mười hai nhập gồm thâu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm thâu mười hai nhập?

Đáp: Sáu nội nhập và phần ít của một ngoại nhập gồm thâu hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn cũng gồm thâu sáu nội nhập và phần ít của một ngoại nhập. Pháp nào không gồm thâu? Là năm ngoại nhập và phần ít của một ngoại nhập.

Hỏi: Mười hai nhập, chín mươi tám sử: Là mười hai nhập gồm thâu chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thâu mười hai nhập?

Đáp: Phần ít của một ngoại nhập gồm thâu chín mươi tám sử. Chín mươi tám sử cũng gồm thâu phần ít của một ngoại nhập. Pháp nào không gồm thâu? Là mười một nhập và phần ít của một ngoại nhập.

*

Hỏi: Mười tám giới, hai mươi hai căn: Là mười tám giới gồm thâu hai mươi hai căn hay là hai mươi hai căn gồm thâu mười tám giới?

Đáp: Mười hai nội giới và phần ít của một ngoại giới gồm thâu hai mươi hai căn. Hai mươi hai căn cũng gồm thâu mười hai nội giới và phần ít của một ngoại giới. Pháp nào không gồm thâu? Là năm ngoại giới và phần ít của một ngoại giới.

Hỏi: Mười tám giới, chín mươi tám sử: Là mười tám giới gồm thâu chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thâu mười tám giới?

Đáp: Phần ít của một ngoại giới gồm thâu chín mươi tám sử. Chín mươi tám sử cũng gồm thâu phần ít của một ngoại giới. Pháp nào không gồm thâu? Là mười bảy giới và phần ít của một ngoại giới.

*

Hỏi: Hai mươi hai căn, chín mươi tám sử: Là hai mươi hai căn gồm thâu chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thâu hai mươi hai căn?

Đáp: Chúng lần lượt không gồm thâu nhau.

Phẩm 4: PHÂN BIỆT VỀ BẢY SỰ

* **Gồm có:** Mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, năm thanh ấm, sáu giới, mười pháp đại địa, mười pháp phiền não đại địa, mười pháp tiểu phiền não đại địa, năm phiền não, năm xúc, năm kiến, năm căn, năm pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân.

Hỏi: Thế nào là mười tám giới?

Đáp: Là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Hỏi: Thế nào là mười hai nhập?

Đáp: Là nhãn nhập, sắc nhập; nhĩ nhập, thanh nhập; tỷ nhập, hương nhập; thiệt nhập, vị nhập; thân nhập, xúc nhập; ý nhập, pháp nhập.

Hỏi: Thế nào là năm ấm?

Đáp: Là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Hỏi: Thế nào là năm thanh ấm?

Đáp: Là sắc thanh ấm, thọ thanh ấm, tưởng thanh ấm, hành thanh ấm, thức thanh ấm.

Hỏi: Thế nào là sáu giới?

Đáp: Là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, hư không giới, thức giới.

Hỏi: Những gì là mười pháp đại địa? Là thọ, tưởng, tư, xúc, ức, dục, giải thoát (thắng giải), niệm, định, tuệ.

Hỏi: Những gì là mười pháp phiền não đại địa?

Đáp: Là bất tín, giải đãi (lười biếng), vong niệm (quên niệm), loạn, vô minh, tà tuệ, tà ức, tà giải thoát, trạo, phóng dật.

Hỏi: Những gì là mười pháp tiêu phiền não đại địa?

Đáp: Là phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại.

Hỏi: Những gì là năm phiền não?

Đáp: Là dục tham, sắc tham, vô sắc tham, sân giận, nghi.

Hỏi: Những gì là năm xúc?

Đáp: Là đối xúc, tăng thượng ngữ xúc, minh xúc, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc.

Hỏi: Những gì là năm kiến?

Đáp: Là thân kiến, biên kiến, tà kiến, thủ kiến kiến, thủ giới kiến.

Hỏi: Những gì là năm căn?

Đáp: Là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Hỏi: Những gì là năm pháp?

Đáp: Là giác, quán, thức, vô tâm, vô quý.

Hỏi: Những gì là sáu thức thân?

Đáp: Là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Hỏi: Những gì là sáu xúc thân?

Đáp: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

Hỏi: Những gì là sáu thọ thân?

Đáp: Là thọ do nhãn xúc sinh, thọ do nhĩ xúc sinh, thọ do tỷ xúc sinh, thọ do thiệt xúc sinh, thọ do thân xúc sinh, thọ do ý xúc sinh.

Hỏi: Những gì là sáu tưởng thân?

Đáp: Là tưởng do nhãn xúc sinh, tưởng do nhĩ xúc sinh, tưởng do tỷ xúc sinh, tưởng do thiệt xúc sinh, tưởng do thân xúc sinh, tưởng do ý xúc sinh.

Hỏi: Những gì là sáu tư thân?

Đáp: Là tư do nhãn xúc sinh, tư do nhĩ xúc sinh, tư do tỷ xúc sinh, tư do thiệt xúc sinh, tư do thân xúc sinh, tư do ý xúc sinh.

Hỏi: Những gì là sáu ái thân?

Đáp: Là ái do nhãn xúc sinh, ái do nhĩ xúc sinh, ái do tỷ xúc sinh, ái do thiệt xúc sinh, ái do thân xúc sinh, ái do ý xúc sinh.

**

* **Thế nào là nhãn giới?** Là như mắt đối với sắc đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, tùy theo sắc kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là sắc giới? Là như sắc đối với mắt đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, tùy theo các thứ kia nên đều có phần.

Thế nào là nhãn thức giới? Là như mắt thấy sắc khởi nhãn thức. Mắt là yếu tố tăng thượng để thấy sắc. Hoặc nhãn thức đối với sắc, hoặc thức phân biệt để nhận biết sắc. Đó gọi là nhãn thức giới.

Thế nào là nhĩ giới? Là như tai đối với tiếng đã nghe, đang nghe, sẽ nghe, tùy theo âm thanh kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là thanh giới? Là như tiếng đối với tai đã nghe, đang nghe, sẽ nghe, tùy theo âm thanh kia nên đều có phần.

Thế nào là nhĩ thức giới? Là như tai nghe tiếng khởi nhĩ thức. Tai là yếu tố tăng thượng để nghe tiếng. Hoặc nhĩ thức đối với tiếng, hoặc thức phân biệt để nhận biết tiếng. Đó gọi là nhĩ thức giới.

Thế nào là tỷ giới? Là như mũi đối với hương đã biết, đang biết, sẽ biết, tùy theo hương kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là hương giới? Là như hương đối với mũi đã biết, đang biết, sẽ biết, tùy theo hương kia nên đều có phần.

Thế nào là tỷ thức giới? Là như mũi biết hương khởi tỷ thức. Mũi là yếu tố tăng thượng để nhận biết hương. Hoặc tỷ thức đối với hương, hoặc thức phân biệt để nhận biết hương. Đó gọi là tỷ thức giới.

Thế nào là thiệt giới? Là như lưỡi đối với vị đã nếm, đang nếm, sẽ nếm, tùy theo vị kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là vị giới? Là như vị đối với lưỡi đã nếm, đang nếm, sẽ nếm, tùy theo vị kia nên đều có phần.

Thế nào là thiết thức giới? Là như lưỡi nếm vị khởi thiết thức. Lưỡi là yếu tố tăng thượng để nếm vị. Hoặc thiết thức đối với vị, hoặc thức phân biệt để nhận biết vị. Đó gọi là thiết thức giới.

Thế nào là thân giới? Là như thân đối với xúc chạm đã xúc chạm, đang xúc chạm, sẽ xúc chạm, tùy theo xúc chạm kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là xúc giới? Là như xúc đối với thân đã biết rõ, đang biết rõ, sẽ biết rõ, tùy theo xúc chạm kia nên đều có phần.

Thế nào là thân thức giới? Là như thân xúc chạm khởi thân thức. Thân là yếu tố tăng thượng để nhận biết xúc. Hoặc thân thức đối với xúc, hoặc thức phân biệt để nhận biết xúc. Đó gọi là thân thức giới.

Thế nào là ý giới? Là như ý đối với pháp đã biết, đang biết, sẽ biết, tùy theo pháp kia nên mỗi mỗi đều có phần.

Thế nào là pháp giới? Là như pháp đối với ý đã biết, đang biết, sẽ biết, tùy theo pháp kia nên đều có phần.

Thế nào là ý thức giới? Là như ý duyên nơi pháp khởi ý thức. Ý là tăng thượng duyên nơi pháp. Hoặc ý thức đối với pháp, hoặc thức phân biệt để nhận biết pháp. Đó gọi là ý thức giới.

*

Nhãn nhập cho đến pháp nhập nói rộng cũng như vậy.

*

Thế nào là sắc ấm? Là mười thứ sắc nhập và sắc thuộc về pháp nhập.

Thế nào là thọ ấm? Là sáu thọ thân. Đó là thọ do nhãn xúc sinh cho đến thọ do ý xúc sinh.

Thế nào là tưởng ấm? Là sáu tưởng thân. Đó là tưởng do nhãn xúc sinh cho đến tưởng do ý xúc sinh.

Thế nào là hành âm? Nghĩa là hành âm có hai thứ: tâm tương ung, tâm không tương ung.

Thế nào là hành âm của tâm tương ung? Nghĩa là những tâm pháp: tư, xúc, ức, dục, giải thoát, niệm, định, tuệ, tín, tinh tấn, giác, quán, phóng dật, không phóng dật, căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, hết thấy kiết, phược, sử, phiền não, thượng phiền não, triền, hết thấy trí, hết thấy kiến, hết thấy vô gián v.v..., những pháp như thế đối chiếu tương ung với tâm. Đó gọi là hành âm của tâm tương ung.

Thế nào là hành âm của tâm không tương ung? Nghĩa là các thứ: đắc, chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận, Vô tướng thiên, mạng căn, thân, chủng loại, xứ đắc, sự đắc, nhập đắc, sinh, trụ, dị, diệt, danh thân, cú thân, vị thân, những pháp như thế đối chiếu không tương ung với tâm. Đó gọi là hành âm của tâm không tương ung.

Hai pháp kia gọi chung là thuộc về hành âm.

Thế nào là thức âm? Là sáu thức thân. Đó là nhãn thức thân cho đến ý thức thân.

*

Thế nào là sắc thanh âm? Là như sắc hữu lậu được thọ nhận nhiều. Sắc ấy hoặc đối với quá khứ, hiện tại, vị lai khởi dục, đã khởi, đang khởi, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, mỗi mỗi tâm số phiền não đó đã khởi, đang khởi, đó gọi là sắc thanh âm.

Thọ thanh âm, tưởng thanh âm, hành thanh âm cũng như vậy.

Thế nào là thức thanh âm? Là như thức hữu lậu được thọ nhận nhiều. Thức ấy hoặc đối với quá khứ, hiện tại, vị lai khởi dục, đã khởi, đang khởi, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, mỗi mỗi tâm số phiền não đã khởi, đang khởi, đó gọi là thức thanh âm.

*

Thế nào là địa giới? Là tướng cứng chắc, cho đến phong giới, như nơi phạm Năm Pháp đã nói.

Thế nào là hư không giới? Là không biên sắc.

Thế nào là thức giới? Là năm thức thân và ý thức thân hữu lậu.

*

Thế nào là thọ? Là thọ nhận, biết rõ về khổ, lạc, không khổ không lạc, như đau đớn v.v... nơi ba cảnh giới chuyển biến.

Thế nào là tưởng? Là tưởng, cùng tưởng, tưởng tăng thượng, đối với hình tượng tướng mạo chuyển biến.

Thế nào là tư? Là tư duy, cùng tư duy, tư duy tăng thượng, khởi tâm hành nơi nghiệp.

Thế nào là xúc? Là xúc chạm, cùng xúc chạm, xúc tăng thượng, dựa duyên vào tâm hòa hợp chuyển biến.

Thế nào là ức? Là tâm phát khởi tỏ ngộ, là nhớ nghĩ, tư duy về cảnh giới của tâm hành.

Thế nào là dục? Là ham muốn nơi duyên, kiên trì, tham chấp sâu xa để tạo ra dục lạc.

Thế nào là giải thoát? Là tâm giải thoát, ý đối với duyên đều rời bỏ.

Thế nào là niệm? Là nhớ nghĩ, thuận theo sự nhớ nghĩ không bỏ, đối với duyên không bỏ quên, rối loạn.

Thế nào là định? Là tâm cùng trụ, không động dờn trước cảnh, không tán, không loạn, gồm thâu vào một mối.

Thế nào là tuệ? Là tâm đối với pháp, đầy khởi sự lựa chọn, quyết đoán, biết rõ, soi sáng quan sát.

*

Thế nào là bất tín? Là tâm không tin nhận, không chánh tư duy, không tu gốc đức, không trồng hạnh thiện, không tạo nghiệp tốt, ý không thanh tịnh.

Thế nào là giải đãi? Là tâm yếu kém, không siêng năng dũng mãnh, ý không nhanh nhẹn.

Thế nào là vọng niệm? Là nhớ nghĩ hư vọng, hướng bên ngoài, ghi nhớ điều tà vạy.

Thế nào là loạn? Là tâm tán loạn, chuyển động dong ruổi, duyên không dừng dứt.

Thế nào là vô minh? Là ngu si nơi ba cõi, tối tăm không hiểu biết.

Thế nào là tà tuệ? Là không thuận theo chánh niệm, hiểu sai, quyết đoán sai lầm.

Thế nào là tà ức? Là ý hành tác cấu nhiễm, quanh co thọ nhận cảnh giới không chánh tư duy.

Thế nào là tà giải thoát? Là ý hành tác cấu nhiễm để cởi bỏ nơi duyên.

Thế nào là trạo? Là tâm vội vã, hấp tấp, không dựa nơi tịch tĩnh.

Thế nào là phóng dật? Là bỏ chính phương tiện, làm chuyện không nên làm, nơi các pháp thiện không siêng tu tập.

*

Thế nào là phần? Là đối với sự việc không đem lại lợi ích, tâm khởi giận nối tiếp giận dữ.

Thế nào là hận? Là nếu sự việc không thuận theo ý muốn tức khởi tâm giận dữ.

Thế nào là phú? Là che giấu tội mình tạo ra.

Thế nào là nảo? Là tâm nóng bức như bị thiêu đốt.

Thế nào là tật? Là đối với sự hiềm khích không muốn kẻ khác có lợi, khởi tâm đố kỵ.

Thế nào là xan? Là tâm thọ nhận, luôn chấp giữ kiên cố, không xả bỏ.

Thế nào là cuống? Là lừa dối kẻ khác.

Thế nào là siểm? Là khởi tâm hành quanh co.

Thế nào là kiêu? Là tâm say mê sự đề cao, tự cao.

Thế nào là hại? Là bực bội nơi các chúng sinh, khiến tâm gây bức bách.

*

Thế nào là dục tham? Là dục tham cùng tham, kết tụ thành nơi chôn tham, yêu thích chấp chặt.

Thế nào là sắc tham? Là sắc tham cùng tham, kết tụ thành nơi chôn tham, yêu thích chấp chặt.

Thế nào là vô sắc tham? Là vô sắc tham cùng tham, kết tụ thành nơi chôn tham, yêu thích chấp chặt.

Thế nào là sân giận? Là khởi tâm gây tổn hại đối với các chúng sinh, hủy báng bức bách.

Thế nào là nghi? Là mê lầm, không hiểu rõ về chân lý.

*

Thế nào là đối xúc? Là năm thức thân tương ưng với xúc.

Thế nào là tăng thượng ngữ xúc? Là ý thức thân tương ưng với xúc.

Thế nào là minh xúc? Là xúc vô lậu.

Thế nào là vô minh xúc? Là xúc cấu uế.

Thế nào là phi minh phi vô minh xúc? Là xúc hữu lậu không cầu uế.

*

Thế nào là thân kiến? Là đối với năm thanh âm, khởi kiến chấp về ngã, ngã sở. Đối với kiến chấp kia đã nhận lấy, yêu thích, tham vương.

Thế nào là biên kiến? Là đối với năm thanh âm hoặc chấp đoạn, hoặc chấp thường. Đối với kiến chấp kia đã nhận lấy, yêu thích, tham vương.

Thế nào là tà kiến? Là phi báng nhân quả, hủy hoại điều nên làm. Đối với kiến chấp kia đã nhận lấy, yêu thích, tham vương.

Thế nào là thủ kiến kiến? Là đối với năm thanh âm chấp cho là bậc nhất, là tối thượng, tối thắng. Đối với kiến chấp kia đã giữ lấy, yêu thích, vương mắc.

Thế nào là thủ giới kiến? Là đối với năm thanh âm khởi kiến chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất yếu. Đối với kiến chấp kia đã giữ lấy, yêu thích, tham vương.

*

Thế nào là lạc căn? Là như xúc của lạc thọ đã tiếp xúc, hoặc khởi thân ý vui thích, khởi tưởng nhận biết.

Thế nào là khổ căn? Là như xúc của khổ thọ đã tiếp xúc, hoặc khởi thân khổ cùng khổ, khởi tưởng nhận biết.

Thế nào là hỷ căn? Là như xúc của hỷ thọ đã tiếp xúc, hoặc khởi tâm vui mừng, sinh tưởng nhận biết, lãnh thọ.

Thế nào là ưu căn? Là như xúc của ưu thọ đã tiếp xúc, hoặc khởi tâm khổ sinh tưởng nhận biết, lãnh thọ.

Thế nào là xả căn? Là như xúc của thọ không khổ không lạc đã tiếp xúc, hoặc khởi sự nhận biết nơi thân tâm không lãnh thọ, không phải không lãnh thọ.

*

Thế nào là giác? Là như tâm nhận biết, nhận biết khắp, nhận biết về sắc, nhận biết về sắc tăng thượng, nhận biết về loại giác v.v..., tâm thô tư duy chuyển biến.

Thế nào là quán? Là như tâm hành, ít hành, theo chỗ vi tế mà hành, tâm chuyển thuận theo nẻo tinh tế.

Thế nào là thức? Là sáu thức thân, tức là nhãn thức cho đến ý thức.

Thế nào là vô tầm? Là như tâm không biết hổ, không chán sợ lỗi lầm, không hề chán lìa, không cung kính, không nhu hòa, không biết tự lo sợ, không tự thấy xấu hổ, tâm buông thả mặc tình.

Thế nào là vô quý? Là không thẹn đối với kẻ khác, không sợ hãi đối với tội lỗi, không thấy tội lỗi, nơi các lỗi lầm xấu ác không thấy hổ thẹn đối với kẻ khác.

*

Thế nào là nhãn thức? Là mắt duyên nơi sắc khởi nhãn thức. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc. Nhãn thức đối với sắc hoặc nhận biết, hoặc phân biệt về sắc. Đó gọi là nhãn thức.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức cũng như vậy.

*

Thế nào là nhãn xúc? Là mắt duyên nơi sắc khởi nhãn thức, ba thứ ấy (mắt, sắc, nhãn thức) hòa hợp sinh ra xúc. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc. Nhãn thức đối với sắc hoặc tiếp xúc, cùng tiếp xúc. Đó gọi là nhãn xúc.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc cũng như vậy.

Thế nào là ý xúc? Là ý duyên nơi pháp khởi ý thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc. Ý là yếu tố tăng thượng duyên nơi pháp. Ý thức đối với pháp hoặc tiếp xúc, cùng tiếp xúc. Đó gọi là ý xúc.

*

Thế nào là thọ do nhãn xúc sinh? Là mắt duyên nơi sắc khởi nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi thọ. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc để có nhãn xúc, nhãn nơi nhãn xúc, tích tập nhãn xúc, sinh nhãn xúc, có nhãn xúc, ý tư duy tương ưng. Nhãn thức đối với sắc hoặc nhận biết, thọ nhận cùng thọ nhận. Đó gọi là thọ do nhãn xúc sinh.

Thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc sinh ra cũng như vậy.

Thế nào là thọ do ý xúc sinh? Là ý duyên nơi pháp khởi ý thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi thọ. Ý là yếu tố tăng thượng duyên nơi pháp để có ý xúc, nhãn nơi ý xúc, tích tập ý xúc, sinh ý xúc, có ý xúc, ý tư duy tương ưng. Ý thức đối với pháp hoặc nhận biết, thọ nhận cùng thọ nhận. Đó gọi là thọ do ý xúc sinh.

*

Thế nào là tướng do nhãn xúc sinh? Là mắt duyên nơi sắc sinh ra nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi tướng. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc để có nhãn xúc, nhãn nơi nhãn xúc, tích tập nhãn xúc, sinh nhãn xúc, có nhãn xúc, ý tư duy tương ưng. Nhãn thức đối với sắc hoặc tướng, cùng tướng, tướng tăng thượng, tướng phân biệt. Đó gọi là tướng do nhãn xúc sinh.

Tướng do nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc sinh cũng như vậy.

Thế nào là tướng do ý xúc sinh? Là ý duyên nơi pháp khởi ý thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi tướng. Ý là yếu

tổ tăng thượng duyên nơi pháp để có ý xúc, nhân nơi ý xúc, tích tập ý xúc, sinh ý xúc, có ý xúc, ý tư duy tương ưng. Ý thức đối với pháp hoặc tướng, cùng tướng, tướng tăng thượng, tướng phân biệt. Đó gọi là tướng do ý xúc sinh.

*

Thế nào là tư do nhãn xúc sinh? Là mắt duyên nơi sắc khởi nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi tư. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc để có nhãn xúc, nhân nơi nhãn xúc, tích tập nhãn xúc, sinh nhãn xúc, có nhãn xúc, ý tư duy tương ưng. Nhãn thức đối với sắc hoặc tư duy, cùng tư duy, tư duy tăng thượng, tư duy chuyển tâm hành nơi nghiệp. Đó gọi là tư do nhãn xúc sinh.

Tư do nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc sinh cũng như vậy.

Thế nào là tư do ý xúc sinh? Là ý duyên nơi pháp khởi ý thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi tư. Ý là yếu tố tăng thượng duyên nơi pháp để có ý xúc, nhân nơi ý xúc, tích tập ý xúc, sinh ý xúc, có ý xúc, ý tư duy tương ưng. Ý thức đối với pháp hoặc tư duy, cùng tư duy, tư duy tăng thượng, tư duy chuyển tâm hành nơi nghiệp. Đó gọi là tư do ý xúc sinh.

*

Thế nào là ái do nhãn xúc sinh? Là mắt duyên nơi sắc khởi nhãn thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi ái. Mắt là yếu tố tăng thượng duyên nơi sắc. Nhãn thức đối với sắc hoặc tham, tích tụ tham, thành nơi chôn tham, chấp chặt, yêu thích. Đó gọi là ái do nhãn xúc sinh.

Ái do nhĩ, tỷ, thiệt, thân xúc sinh cũng như vậy.

Thế nào là ái do ý xúc sinh? Là ý duyên nơi pháp khởi ý thức, ba thứ ấy hòa hợp sinh ra xúc, xúc duyên nơi thọ, thọ duyên nơi ái.

Ý là yếu tố tăng thượng duyên nơi pháp. Ý thức đối với pháp hoặc tham, tích tụ tham, thành nơi chốn tham, chấp chặt, yêu thích. Đó gọi là ái do ý xúc sinh.

**

*** Hỏi: Nhãn giới gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?**

Nhãn giới thô tóm pháp, gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Nhãn giới không thô tóm pháp, gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Nhãn giới thô tóm, không thô tóm pháp, gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Trừ nhãn giới thô tóm pháp, pháp còn lại gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Trừ nhãn giới không thô tóm pháp, pháp còn lại gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Trừ nhãn giới thô tóm, không thô tóm pháp, pháp còn lại gồm thô bao nhiêu giới, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Như nhãn giới, cho đến ái do ý xúc sinh cũng như vậy.

Đáp: Nhãn giới gồm thô một giới, một nhập, một ấm; không gồm thô mười bảy giới, mười một nhập, năm ấm.

Như nhãn giới, nhãn giới thô tóm pháp cũng như vậy.

Nhãn giới không thô tóm pháp gồm thô mười bảy giới, mười một nhập, năm ấm; không gồm thô một giới, một nhập, một ấm.

Nhãn giới thô tóm, không thô tóm pháp gồm thô mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm.

Trừ nhãn giới thô tóm pháp, pháp còn lại gồm thô mười bảy giới, mười một nhập, năm âm; không gồm thô một giới, một nhập, một âm.

Trừ nhãn giới không thô tóm pháp, pháp còn lại gồm thô một giới, một nhập, một âm; không gồm thô mười bảy giới, mười một nhập, năm âm.

Trừ nhãn giới thô tóm pháp, pháp còn lại như nhãn giới, không gồm thô.

Trừ nhãn giới không thô tóm pháp, pháp còn lại như nhãn giới.

Trừ nhãn giới thô tóm, không thô tóm pháp, nếu hỏi pháp khác như hư không, không sự việc, không bản luận.

Như nhãn giới, chín sắc giới, mười sắc nhập cũng như vậy.

Nhãn thức giới gồm thô một giới, một nhập, một âm; không gồm thô mười bảy giới, mười hai nhập, năm âm.

Như nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, sáu thức thân cũng như vậy.

Ý giới gồm thô bảy giới, một nhập, một âm; không gồm thô mười một giới, mười một nhập, bốn âm.

Như ý giới, ý nhập, thức âm, thức pháp cũng như vậy.

Pháp giới gồm thô một giới, một nhập, bốn âm; không gồm thô mười bảy giới, mười một nhập, hai âm.

Như pháp giới, pháp nhập cũng như vậy.

Sắc âm gồm thô mười một giới, mười một nhập, một âm; không gồm thô tám giới, hai nhập, bốn âm.

Thọ âm gồm thô một giới, một nhập, một âm; không gồm thô mười tám giới, mười hai nhập, bốn âm.

Như thọ âm, tướng âm, hành âm, thọ đại địa, tướng đại địa cũng như vậy.

Sắc thanh âm gồm thâm mười một giới, mười một nhập, một âm; không gồm thâm tám giới, hai nhập, năm âm

Thọ thanh âm gồm thâm một giới, một nhập, một âm; không gồm thâm mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Như thọ thanh âm, tướng thanh âm, hành thanh âm, năm sắc giới, tám pháp đại địa, mười pháp phiền não đại địa, mười pháp tiểu phiền não đại địa, năm phiền não, năm xúc, năm kiến, năm căn, bốn pháp, năm, sáu cũng như vậy.

Thức thanh âm gồm thâm bảy giới, một nhập, một âm; không gồm thâm mười ba giới, mười hai nhập, năm âm.

Như thức thanh âm, thức giới cũng như vậy.

Nhãn thức giới tương ưng với một giới, một nhập, ba âm; không tương ưng với mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Như nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới, thức thanh âm, thức giới, sáu thức thân cũng như vậy.

Ý giới tương ưng với một giới, một nhập, ba âm; không tương ưng với mười tám giới, mười hai nhập, ba âm.

Như ý giới, ý nhập, thức âm, thức pháp cũng như vậy.

Pháp giới tương ưng với tám giới, hai nhập, bốn âm; không tương ưng với mười một giới, mười một nhập, hai âm.

Như pháp giới, pháp nhập, hành âm, tám pháp đại địa cũng như vậy.

Thọ âm tương ưng với tám giới, hai nhập, ba âm; không tương ưng với mười một giới, mười một nhập, ba âm.

Như thọ âm, tướng âm, thọ đại địa, tướng đại địa cũng như vậy.

Thọ thanh âm tương ứng với tám giới, hai nhập, ba âm; không tương ứng với mười ba giới, mười hai nhập, năm âm.

Như thọ thanh âm, tướng thanh âm cũng như vậy.

Hành thanh âm tương ứng với tám giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười ba giới, mười hai nhập, năm âm.

Như hành thanh âm, pháp giác, quán cũng như vậy.

Bất tín tương ứng với tám giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Như bất tín, các pháp phiền não đại địa khác cũng như vậy.

Dục tham, sân giận, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Phần tương ứng với ba giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Như phần, các pháp tiểu phiền não đại địa còn lại, vô sắc giới tham, nghi, minh xúc, năm kiến, sáu thọ thân cũng như vậy.

Sắc tham tương ứng với sáu giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Đôi xúc tương ứng với bảy giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười ba giới, mười hai nhập, năm âm.

Tăng thượng ngũ xúc tương ứng với ba giới, hai nhập, bốn âm; không tương ứng với mười bảy giới, mười hai nhập, năm âm.

Như tăng thượng ngũ xúc, sáu xúc thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Lạc căn tương ứng với tám giới, hai nhập, ba âm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm âm.

Như lạc căn, xả căn cũng như vậy.

Khô căn tương ứng với bảy giới, hai nhập, ba ấm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm.

Hỷ căn tương ứng ba giới, hai nhập, ba ấm; không tương ứng với mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm.

Như hỷ căn, ưu căn cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng với ba giới, hai nhập, ba ấm; không tương ứng với mười bảy giới, mười hai nhập, năm ấm.

Như thọ do nhãn xúc sinh ra, thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra, sáu tưởng thân cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN CHỨNG SỰ PHẢN A TỶ ĐÀM

QUYỀN 3

Phẩm 5: PHÂN BIỆT VỀ CÁC SỬ

** Hỏi: Chín mươi tám sử hệ thuộc bao nhiêu cõi?*

Đáp: Thuộc cả ba cõi, là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Chín mươi tám sử ấy: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục, bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc, bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Ba mươi sáu thứ thuộc cõi Dục, ba mươi một thứ thuộc cõi Sắc, ba mươi một thứ thuộc cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Tám mươi tám thứ do kiến đoạn, mười thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Ba mươi hai thứ do kiến đoạn, bốn thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ do kiến đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Hai mươi tám thứ do kiến đoạn, ba thứ do tu đoạn.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập đoạn, bao nhiêu thứ do kiến diệt đoạn, bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Hai mươi tám thứ do kiến khổ đoạn, mười chín thứ do kiến tập đoạn, mười chín thứ do kiến diệt đoạn, hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn, mười thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập đoạn, bao nhiêu thứ do kiến diệt đoạn, bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Mười thứ do kiến khổ đoạn, bảy thứ do kiến tập đoạn, bảy thứ do kiến diệt đoạn, tám thứ do kiến đạo đoạn, bốn thứ do tu đoạn.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập đoạn, bao nhiêu thứ do kiến diệt đoạn, bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đoạn?

Đáp: Chín thứ do kiến khổ đoạn, sáu thứ do kiến tập đoạn, sáu thứ do kiến diệt đoạn, bảy thứ do kiến đạo đoạn, ba thứ do tu đoạn.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

*** *Hỏi: Sử (Tùy miên) nghĩa là gì?***

Đáp: Sử nghĩa là vi tế, là sai khiến, là theo vào, là đuổi theo, nghĩa là sử kia không dứt, không biết hai việc sai khiến. Sử duyên nơi sử, tương ưng với sử. Sử tự tạo cảnh giới không phải nhờ cảnh giới khác.

*

Có mười hai sử: Sử dục tham, sử giận dữ, sử sắc tham, sử vô sắc tham, sử mạn, sử vô minh, sử thân kiến, sử biên kiến, sử tà kiến, sử kiến thủ, sử giới thủ, sử nghi.

Thế nào là sự sai khiến của sử dục tham? Là ái nhiễm, nhớ nghĩ, vương mắc, vui thích, vừa ý.

Thế nào là sự sai khiến của sử giận dữ? Là không yêu, không thích, không nhớ, không vui, không bằng lòng.

Thế nào là sự sai khiến của sử sắc tham? Là yêu thích nẻo tịnh, đáng vui thích, hợp ý.

Thế nào là sự sai khiến của sử vô sắc tham? Là yêu thích, vừa ý.

Thế nào là sự sai khiến của sử mạn? Là cao ngạo, tự đề cao.

Thế nào là sự sai khiến của sử vô minh? Là ngu tối, không chiếu sáng.

Thế nào là sự sai khiến của sử thân kiến? Là chấp ngã và ngã sở.

Thế nào là sự sai khiến của sử biên kiến? Là suy tính chấp thường hay đoạn.

Thế nào là sự sai khiến của sử tà kiến? Là chấp không tạo tác, không đạt được, khởi chấp phi báng nhân quả.

Thế nào là sự sai khiến của sử kiến thủ? Cho mình là tối thắng, là bậc nhất.

Thế nào là sự sai khiến của sử giới thủ? Cho là thanh tịnh, giải thoát, khởi chấp vào sự xuất yếu ấy.

Thế nào là sự sai khiến của sử nghi? Là nghi hoặc không biết rõ về chân lý.⁷

Từ ba xứ khởi sử dục ái. Sử dục ái này không dứt, không biết, dục ái trói buộc pháp của đối tượng bị trói buộc, ưa thích chấp trước nơi cảnh giới khiến ý tư duy theo hành ác, như vậy cho đến ba xứ

khởi sử nghi. Sử nghi này không dứt, không biết, nghi trói buộc pháp của đối tượng bị trói buộc, ưa thích chấp trước nơi cảnh giới khiến ý tư duy theo hành ác.

*

Hỏi: Bảy sử, mười hai sử: Bảy sử gồm thân mười hai sử hay là mười hai sử gồm thân bảy sử?

Đáp: Chúng lần lượt cùng gồm thân tùy theo sự việc.

Thế nào là tùy theo sự việc? Sử dục tham gồm thân sử dục tham. Sử giận dữ gồm thân sử giận dữ. Sử hữu tham gồm thân hai sử. Sử mạn gồm thân sử mạn. Sử vô minh gồm thân sử vô minh. Sử kiến gồm thân sử năm kiến. Sử nghi gồm thân sử nghi. Đó là bảy sử gồm thân mười hai sử, mười hai sử cũng gồm thân bảy sử. Thế nên nói chúng lần lượt cùng gồm thân tùy theo sự việc.

Hỏi: Bảy sử, chín mươi tám sử: Bảy sử gồm thân chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thân bảy sử?

Đáp: Chúng lần lượt cùng gồm thân tùy theo sự việc.

Thế nào là tùy theo sự việc? Sử dục tham gồm thân năm. Sử giận dữ gồm thân năm. Sử hữu tham gồm thân mười. Sử mạn gồm thân mười lăm. Sử vô minh gồm thân mười lăm. Sử kiến gồm thân ba mươi sáu. Sử nghi gồm thân mười hai. Đó là bảy sử gồm thân chín mươi tám sử, chín mươi tám sử cũng gồm thân bảy sử. Thế nên nói chúng lần lượt cùng gồm thân tùy theo sự việc.

Hỏi: Mười hai sử, chín mươi tám sử: Mười hai sử gồm thân chín mươi tám sử hay là chín mươi tám sử gồm thân mười hai sử?

Đáp: Chúng lần lượt cùng gồm thân tùy theo sự việc.

Thế nào là tùy theo sự việc? Sử dục tham gồm thân năm. Sử giận dữ gồm thân năm. Sử sắc tham gồm thân năm. Sử vô sắc tham

gồm thâu năm. Sử mạn gồm thâu mười lăm. Sử vô minh gồm thâu mười lăm. Sử thân kiến gồm thâu ba. Sử biên kiến gồm thâu ba. Sử tà kiến gồm thâu mười hai. Sử kiến thủ gồm thâu mười hai. Sử giới thủ gồm thâu sáu. Sử nghi gồm thâu mười hai. Đó là mười hai sử gồm thâu chín mươi tám sử, chín mươi tám sử cũng gồm thâu mười hai sử. Thế nên nói chúng lần lượt cùng gồm thâu tùy theo sự việc.

**

*** Hỏi: Chín mươi tám sử này:** Bao nhiêu thứ hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không hiện bày khắp?

Đáp: Hai mươi bảy thứ hiện bày khắp. Sáu mươi lăm thứ không hiện bày khắp. Sáu thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Tức do kiến khổ, kiến tập đoạn là sử không hiện bày khắp không tương ưng với vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Tức do kiến khổ, kiến tập đoạn là sử không hiện bày khắp tương ưng với vô minh.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không hiện bày khắp?

Đáp: Chín thứ hiện bày khắp. Hai mươi sáu thứ không hiện bày khắp. Hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục là sử không hiện bày khắp không tương ưng với vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục là sử không hiện bày khắp tương ưng với vô minh.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không hiện bày khắp?

Đáp: Chín thứ hiện bày khắp. Hai mươi thứ không hiện bày khắp. Hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Sắc hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Sắc là sử không hiện bày khắp không tương ưng với vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Sắc là sử không hiện bày khắp tương ưng với vô minh.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ do tu đoạn hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp?

Đáp: Ba mươi bảy thứ do tu đoạn hiện bày khắp, năm mươi lăm thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp. Sáu thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp không tương ưng với sử vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ do tu đoạn hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp?

Đáp: Mười ba thứ do tu đoạn hiện bày khắp, hai mươi một thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp, hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục là sử không hiện bày khắp không tương ưng với sử vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Dục là sử không hiện bày khắp tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ do tu đoạn hiện bày khắp, bao nhiêu thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp?

Đáp: Mười hai thứ do tu đoạn hiện bày khắp, mười bảy thứ không do tu đoạn không hiện bày khắp, hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến khổ, kiến tập đoạn hoặc hiện bày khắp, hoặc không hiện bày khắp. Thế nào là hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Sắc là sử không hiện bày khắp không tương ưng với sử vô minh. Thế nào là không hiện bày khắp? Là do kiến khổ, kiến tập đoạn thuộc cõi Sắc là sử không hiện bày khắp tương ưng với vô minh.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ duyên hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên vô lậu?

Đáp: Tám mươi thứ duyên hữu lậu, mười hai thứ duyên vô lậu, sáu thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt, kiến đạo đoạn hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn là sử duyên hữu lậu tương ưng với sử vô minh. Thế nào là duyên vô lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn là sử duyên hữu lậu không tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ duyên hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên vô lậu?

Đáp: Ba mươi thứ duyên hữu lậu, bốn thứ duyên vô lậu, hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Dục hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Dục là sử duyên hữu lậu tương ưng với sử vô minh. Thế nào là duyên vô lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Dục là sử duyên hữu lậu không tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ duyên hữu lậu, bao nhiêu thứ duyên vô lậu?

Đáp: Hai mươi lăm thứ duyên hữu lậu, bốn thứ duyên vô lậu, hai thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Sắc hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu. Thế nào là duyên hữu lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Sắc là sử duyên hữu lậu tương ưng với sử vô minh. Thế nào là duyên vô lậu? Là do kiến diệt, kiến đạo đoạn thuộc cõi Sắc là sử duyên vô lậu không tương ưng với sử vô minh.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ duyên hữu vi, bao nhiêu thứ duyên vô vi?

Đáp: Tám mươi chín thứ duyên hữu vi, sáu thứ duyên vô vi, ba thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt đoạn hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi. Thế nào là duyên hữu vi? Là do kiến diệt đoạn là sử duyên hữu vi tương ưng với sử vô minh. Thế nào là duyên vô vi? Là do kiến diệt đoạn là sử duyên hữu vi không tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ duyên hữu vi, bao nhiêu thứ duyên vô vi?

Đáp: Ba mươi ba thứ duyên hữu vi, hai thứ duyên vô vi, một thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt đoạn thuộc cõi Dục hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi. Thế nào là duyên hữu vi? Là do kiến diệt đoạn thuộc cõi Dục là sử duyên hữu vi tương ưng với vô minh. Thế nào là duyên vô vi? Là do kiến diệt đoạn thuộc cõi Dục là sử duyên hữu vi không tương ưng với sử vô minh.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ duyên hữu vi, bao nhiêu thứ duyên vô vi?

Đáp: Hai mươi tám thứ duyên hữu vi, hai thứ duyên vô vi, một thứ cần phân biệt: Sử vô minh do kiến diệt đoạn thuộc cõi Sắc hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi. Thế nào là duyên hữu vi? Là do kiến diệt đoạn thuộc cõi Sắc là sử duyên hữu vi tương ưng với sử vô minh. Thế nào là duyên vô vi? Là do kiến diệt đoạn thuộc cõi Sắc là sử duyên hữu vi không tương ưng với sử vô minh.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

*

Hỏi: Chín mươi tám sử này: Bao nhiêu thứ duyên nơi sử không tương ưng với sử? Bao nhiêu thứ tương ưng với sử không duyên nơi sử? Bao nhiêu thứ duyên nơi sử cũng tương ưng với sử? Bao nhiêu thứ không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử?

Đáp: Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là không có. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là sử duyên vô lậu. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là sử duyên hữu lậu. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục: Bao nhiêu thứ duyên nơi sử không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là sử duyên vô lậu thuộc cõi Dục. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là sử duyên hữu lậu thuộc cõi Dục. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Ba mươi một sử thuộc cõi Sắc: Bao nhiêu thứ duyên nơi sử không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là sử duyên vô lậu thuộc cõi Sắc. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với

sử: Là sử duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Như thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

**

* **Hai mươi pháp:** Pháp do kiến khổ đoạn, pháp do kiến tập đoạn, pháp do kiến diệt đoạn, pháp do kiến đạo đoạn, pháp do tu đoạn.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Pháp do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến khổ đoạn là hết thấy, do kiến tập đoạn là hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Pháp do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến tập đoạn là hết thấy, do kiến khổ đoạn là hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Pháp do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn là hết thấy và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Pháp do kiến đạo đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến đạo đoạn là hết thấy và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Pháp do tu đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do tu đoạn là hết thấy và hiện bày khắp tất cả.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Pháp do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là sử do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn tất cả. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả cùng hết thảy do kiến diệt, kiến đạo đoạn, do tu đoạn.

Hỏi: Pháp do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn hiện bày khắp hết. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thảy do kiến tập đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp và tất cả do kiến diệt, kiến đạo đoạn, do tu đoạn.

Hỏi: Pháp do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là sử duyên vô lậu do kiến diệt đoạn. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là sử duyên hữu lậu do kiến diệt đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết, cùng tất cả do kiến đạo đoạn, do tu đoạn.

Hỏi: Pháp do kiến đạo đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp tất cả. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là do kiến đạo đoạn sử duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng

tương ưng với sử: Là do kiến đạo đoạn sử duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả, là tất cả do kiến diệt đoạn và do tu đoạn.

Hỏi: Pháp do tu đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp tất cả. 2. Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do tu đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả và hết thấy do kiến diệt, kiến đạo đoạn.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

**

* **Hai mươi pháp này:** Là pháp do kiến khổ đoạn, là pháp do kiến tập đoạn, là pháp do kiến diệt đoạn, là pháp do kiến đạo đoạn, là pháp do tu đoạn.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Tức pháp do kiến khổ đoạn này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến khổ đoạn này không hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tức pháp do kiến tập đoạn này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến tập đoạn này không hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tức pháp do kiến diệt đoạn này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Là hết thảy do kiến diệt ấy đoạn.

Hỏi: Tức pháp do kiến đạo đoạn này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Tức hết thảy do kiến đạo ấy đoạn.

Hỏi: Tức pháp do tu đoạn này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Là hết thảy do tu đạo ấy đoạn.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Pháp do kiến khổ đoạn này có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp tất cả. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Pháp do kiến tập đoạn này có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Pháp do kiến diệt đoạn này có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn sử duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với

sử: Là do kiến diệt đoạn sử duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Pháp do kiến đạo đoạn này có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến đạo đoạn sử duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến đạo đoạn sử duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Hỏi: Pháp do tu đoạn này có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là không có. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do tu đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là không có.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

**

* **Hai mươi tâm:** Tâm do kiến khổ đoạn, tâm do kiến tập đoạn, tâm do kiến diệt đoạn, tâm do kiến đạo đoạn, tâm do tu đoạn.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Tâm do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến khổ đoạn có hết thấy, do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến khổ đoạn có hết

thấy, do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến khổ đoạn có hết thấy, do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy.

Hỏi: Tâm do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến tập đoạn có hết thấy, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến tập đoạn có hết thấy, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến tập đoạn có hết thấy, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp hết thấy.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn có hết thấy và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn có hết thấy và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do kiến đạo đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến đạo đoạn có hết thấy và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến đạo đoạn có hết thấy và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến đạo đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do tu đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do tu đoạn có hết thấy và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Do tu đoạn có hết thấy và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do tu đoạn có hết thấy và hiện bày khắp hết thấy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Tâm do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do kiến khổ đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, cùng hết thấy do kiến diệt, kiến đạo đoạn và do tu đoạn, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành, là hết thấy do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn hiện bày hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do kiến tập đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp tất cả và do kiến diệt, kiến đạo, do tu đoạn hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành, là hết thấy do kiến tập đoạn, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi

sử: Là do kiến diệt đoạn sử duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn sử duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả, do kiến đạo và do tu đoạn hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như tâm do kiến diệt đoạn, tâm do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Tâm do tu đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do tu đoạn. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy và hết thấy do kiến diệt, kiến đạo đoạn, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành, là hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp hết thấy. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

**

* **Bốn mươi tám tâm:** Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến, tâm do kiến diệt đoạn tương ưng nghi, tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến, nghi. Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến, tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng nghi, tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến, nghi.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng nghi có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến, nghi có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn còn lại là hết thấy và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn còn lại là tất cả và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng nghi có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Trừ do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến, nghi có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả, do kiến đạo và do tu đoạn là hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng nghi có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp tất cả, do kiến đạo và do tu đoạn là hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn tương ưng tà kiến, nghi có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy. Do kiến đạo và tu đoạn là hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả. Do kiến đạo và tu đoạn là tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng nghi có bao nhiêu sử duyên nơi sử, không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy. 2. Tương ưng với sử không duyên

nơi sử: Là trừ do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả. Do kiến đạo và tu đoạn là hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tâm do kiến diệt đoạn không tương ưng tà kiến, nghi có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp: 1. Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thảy. 2. Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. 3. Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu. 4. Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thảy. Do kiến đạo và tu đoạn là hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Bốn trường hợp như nói về tâm, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày hết thảy. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

* **Ba mươi sáu sử thuộc cõi Dục này:** Mười sử do kiến khổ đoạn, bảy sử do kiến tập đoạn, bảy sử do kiến diệt đoạn, tám sử do kiến đạo đoạn, bốn sử do tu đoạn.

Hỏi: Những gì là mười sử do kiến khổ đoạn?

Đáp: Là những: Thân kiến, biên kiến, tà kiến do kiến khổ đoạn, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Hỏi: Những gì là bảy sử do kiến tập đoạn?

Đáp: Là những: Tà kiến do kiến tập đoạn, kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Hỏi: Những gì là bảy sử do kiến diệt đoạn?

Đáp: Là những: Tà kiến do kiến diệt đoạn, kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Hỏi: Những gì là tám sử do kiến đạo đoạn?

Đáp: Là những: Tà kiến do kiến đạo đoạn, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh.

Hỏi: Những gì là bốn sử do tu đoạn?

Đáp: Là những: Tham do tu đoạn, sân, mạn, vô minh.

*

Hỏi: Thân kiến do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Hết thấy do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Hết thấy do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thấy do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả.

Như thân kiến, biên kiến, tà kiến do kiến khổ đoạn, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh cũng như vậy.

Hỏi: Tà kiến do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Hết thấy do kiến tập đoạn, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả, vì chúng tương ưng với pháp. Hết thấy do kiến tập đoạn, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thấy do kiến tập đoạn, do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả.

Như tà kiến do kiến tập đoạn, kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn, vô minh cũng như vậy.

Hỏi: Tà kiến do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Tà kiến do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Như tà kiến do kiến diệt đoạn, nghi cũng như vậy.

Hỏi: Kiến thủ do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Kiến thủ do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn kiến thủ tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Như kiến thủ do kiến diệt đoạn, tham, sân, mạn cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Vô minh do kiến diệt đoạn trừ duyên vô lậu, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả vì chúng tương ưng với

pháp. Hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Tham do tu đoạn có bao nhiêu sử sai khiếm?

Đáp: Hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp tất cả vì chúng tương ưng với pháp. Tức như nói về tham, chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành cũng nói như vậy.

Như tham, các thứ sân, mạn, vô minh cũng như thế.

*

Hỏi: Thân kiến do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ thân kiến tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến khổ đoạn và do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là thân kiến tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả. Hết thấy do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử, không tương ưng với sử: Là trừ thân kiến tương ưng với vô minh, còn lại là tất cả do kiến khổ đoạn cùng kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử, không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ứng với sử: Là thân kiến tương ứng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ứng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy. Tất cả do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn, vì chúng đã khởi tâm bất tương ứng hành. Hết thấy do kiến khổ đoạn, do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ứng với sử, còn lại là không duyên nơi sử cũng không tương ứng với sử.

Như thân kiến, các thứ biên kiến, tà kiến do kiến khổ đoạn, kiến thủ, giới thủ, nghi, tham, sân, mạn cũng như vậy

Hỏi: Vô minh do kiến khổ đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ứng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ứng với sử: Là vô minh do kiến khổ đoạn và do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ứng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ứng với sử: Là trừ vô minh do kiến khổ đoạn, còn lại hết thấy là do kiến khổ đoạn.

Không duyên nơi sử cũng không tương ứng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy. Hết thấy do kiến diệt, kiến đạo và do tu đoạn vì chúng tương ứng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ứng với sử: Là do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ứng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ứng với sử: Là hết thấy do kiến khổ đoạn.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn hết thảy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thảy do kiến khổ đoạn và do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tà kiến do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại hết thảy là do kiến tập đoạn và do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là tà kiến do kiến tập đoạn tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn hết thảy vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ tà kiến do kiến tập đoạn tương ưng với vô minh, còn lại hết thảy là do kiến tập đoạn và do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là tà kiến do kiến tập đoạn tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp tất cả, do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn hết thảy vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thảy do

kiến tập đoạn và do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như tà kiến do kiến tập đoạn, các thứ kiến thủ, nghi, tham, sân, mạn cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến tập đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là vô minh do kiến tập đoạn và do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là trừ vô minh do kiến tập đoạn, còn lại hết thảy do kiến tập đoạn.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn hết thảy vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến tập đoạn hiện bày khắp tất cả.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến diệt, kiến đạo và tu đoạn hết thảy vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thảy do kiến tập đoạn và do kiến khổ đoạn hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Tà kiến do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu cùng hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu và do kiến khổ, kiến tập đoạn hiện bày khắp hết thảy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp tất cả, do kiến đạo và tu đoạn hết thảy vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như tà kiến do kiến diệt đoạn, nghi cũng như vậy.

Hỏi: Kiến thủ do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ kiến thủ do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là kiến thủ do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn hết thấy vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ kiến thủ do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là kiến thủ do kiến diệt đoạn tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu cùng hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như kiến thủ do kiến diệt đoạn, các thứ tham, sân, mạn cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do kiến diệt đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là trừ vô minh do kiến diệt đoạn duyên vô lậu, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là trừ vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là vô minh do kiến diệt đoạn duyên vô lậu, do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như kiến diệt đoạn, kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Tham do tu đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ tham do tu đoạn tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do tu đoạn tham tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, cùng do kiến diệt, kiến đạo đoạn tất cả vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là trừ tham do tu đoạn tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp tất cả.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là tham do tu đoạn tương ưng với vô minh.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, cùng do kiến diệt, kiến đạo đoạn tất cả vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như tham, các thứ sân, mạn cũng như vậy.

Hỏi: Vô minh do tu đoạn có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là vô minh do tu đoạn hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là trừ vô minh do tu đoạn, còn lại là hết thấy do tu đoạn.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khô, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, và do kiến diệt, kiến đạo đoạn tất cả vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là hết thấy do tu đoạn.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến khô, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, và do kiến diệt, kiến đạo đoạn tất cả vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Hết thấy do tu đoạn và hiện bày khắp tất cả. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

**

* **Bốn mươi tám vô minh:** Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh. Do kiến diệt đoạn tà kiến không tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn nghi không tương ưng với vô minh, do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi không tương ưng với vô minh.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn tà kiến là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến

diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn nghi là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn nghi là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là hết thảy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn nghi không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn tà kiến là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do

kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy, vì chúng tương ưng với pháp. Trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là hết thấy do kiến diệt đoạn và hiện bày khắp tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

*

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn nghi.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ nghi do kiến diệt đoạn, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là không có.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến

diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy. Sự này duyên nơi sự nhưng không tương ưng với sự, ngoài ra là không duyên nơi sự cũng không tương ưng với sự.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sự duyên nơi sự nhưng không tương ưng với sự?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sự không tương ưng với sự: Là vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sự không duyên nơi sự: Là do kiến diệt đoạn nghi.

Duyên nơi sự cũng tương ưng với sự: Là trừ vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sự cũng không tương ưng với sự: Là trừ do kiến diệt đoạn nghi, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sự không tương ưng với sự: Là hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sự không duyên nơi sự: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu.

Duyên nơi sự cũng tương ưng với sự: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sự cũng không tương ưng với sự: Là do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và

hiện bày khắp hết thảy. Sở nầy duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn nghi không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là trừ vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập diệt đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thảy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn nghi tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thảy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thảy. Sở nầy duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Hỏi: Do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi không tương ưng với vô minh có bao nhiêu sử duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là không có.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là trừ vô minh do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng tương ưng với pháp.

Duyên nơi sử không tương ưng với sử: Là hiện bày khắp hết thấy.

Tương ưng với sử không duyên nơi sử: Là trừ do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh, còn lại là do kiến diệt đoạn duyên vô lậu.

Duyên nơi sử cũng tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu.

Không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử: Là do kiến diệt đoạn tà kiến, nghi tương ưng với vô minh. Do kiến khổ, kiến tập đoạn không hiện bày khắp hết thấy, do kiến đạo và tu đoạn tất cả, vì chúng đã khởi tâm bất tương ưng hành. Do kiến diệt đoạn duyên hữu lậu và hiện bày khắp hết thấy. Sử này duyên nơi sử nhưng không tương ưng với sử, ngoài ra là không duyên nơi sử cũng không tương ưng với sử.

Như do kiến diệt đoạn, do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Như không nhất định hệ thuộc, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc cũng như thế.

**

Hỏi: Nếu hữu lậu duyên nơi sử thì duyên nơi sử có tương ưng với sử chăng? Nếu duyên nơi sử tương ưng với sử thì hữu lậu duyên nơi sử chăng?

Đáp: Có. Nếu sử duyên nơi sử, tương ưng với sử thì nó là hữu lậu duyên nơi sử, hoặc sử duyên nơi hữu lậu, không phải hữu lậu duyên nơi sử, tương ưng với sử. Vì sao có? Nghĩa là sử biến hiện khắp nơi các cảnh giới khác. Tức sử thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Vô sắc, thuộc cõi Sắc duyên nơi thuộc cõi Vô sắc, thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu vô lậu duyên nơi sử là tương ưng với sử chăng? Nếu tương ưng với sử thì vô lậu duyên nơi sử chăng?

Đáp: Có. Nếu sử tương ưng với sử thì vô lậu duyên nơi sử, hoặc sử tương ưng với sử, không phải vô lậu duyên nơi sử. Vì sao có? Nghĩa là sử hiện hữu khắp nơi các cảnh giới khác. Tức sử thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Vô sắc, thuộc cõi Sắc duyên nơi thuộc cõi Vô sắc, thuộc cõi Dục duyên nơi thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN CHÚNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM

QUYỂN 4

Phẩm 6: PHÂN BIỆT VỀ THẬU TÓM, phần 1

* *Nói về hai pháp*: Pháp nhĩ diệm (Pháp cảnh giới). Pháp thức. Pháp thông nhĩ diệm. Pháp duyên. Pháp tăng thượng.

Pháp sắc, pháp không phải sắc. Pháp có thể thấy, pháp không thể thấy. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi.

Pháp có tranh, pháp không tranh. Pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp nhập, pháp bất nhập. Pháp nhiễm ô, pháp không nhiễm ô. Pháp dựa vào tại gia, pháp dựa vào nẻo xuất ly.

Pháp tâm, pháp không phải tâm. Pháp tâm pháp, pháp không phải tâm pháp. Pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng. Pháp tâm cộng hữu, pháp không phải tâm cộng hữu. Pháp tâm tùy chuyển, pháp không phải tâm tùy chuyển. Pháp tâm nhân, pháp không phải tâm nhân.

Pháp tâm thứ lớp, pháp không phải tâm thứ lớp. Pháp duyên tâm, pháp không duyên tâm. Pháp tâm tăng thượng, pháp không phải tâm tăng thượng. Pháp tâm quả, pháp không tâm quả. Pháp tâm báo, pháp không tâm báo.

Pháp nghiệp, pháp không phải nghiệp. Pháp nghiệp tương ưng, pháp không phải nghiệp tương ưng. Pháp nghiệp cộng hữu, pháp

không phải nghiệp cộng hữu. Pháp nghiệp tùy chuyển, pháp không phải nghiệp tùy chuyển.

Pháp nghiệp nhân, pháp không nghiệp nhân. Pháp nghiệp thứ đệ, pháp không phải nghiệp thứ đệ. Pháp duyên nghiệp, pháp không duyên nghiệp. Pháp nghiệp tăng thượng, pháp không phải nghiệp tăng thượng. Pháp nghiệp quả, pháp không nghiệp quả. Pháp nghiệp báo, pháp không nghiệp báo.

Pháp hữu, pháp không hữu. Pháp có tương ưng, pháp không có tương ưng. Pháp có cộng hữu, pháp không có cộng hữu.

Pháp có tùy chuyển có nhân, pháp không có tùy chuyển không có nhân. Pháp có thứ lớp, pháp không có thứ lớp. Pháp duyên hữu, pháp không duyên hữu. Pháp có tăng thượng, pháp không có tăng thượng.

Pháp có quả, pháp không có quả. Pháp có báo, pháp không có báo. Pháp đoạn tri. Pháp trí sở tri, pháp không phải trí sở tri. Pháp đoạn tri sở đoạn, pháp không phải đoạn tri sở đoạn.

Pháp tu, pháp không tu. Pháp chứng. Pháp trí chứng, pháp không phải trí chứng. Pháp đắc chứng, pháp không phải đắc chứng. Pháp tập, pháp không tập. Pháp có tội, pháp không tội. Pháp đen, pháp trắng. Pháp thoái, pháp không thoái. Pháp ẩn giấu, pháp không ẩn giấu. Pháp ký, pháp vô ký.

Pháp đã khởi, pháp không phải đã khởi. Pháp nay khởi, pháp không phải nay khởi. Pháp đã diệt, pháp không phải đã diệt. Pháp đang diệt, pháp không phải đang diệt. Pháp duyên khởi, pháp không phải duyên khởi. Pháp duyên sinh, pháp không phải duyên sinh.

Pháp nhân, pháp không nhân. Pháp có nhân, pháp không có nhân. Pháp nhân khởi, pháp không phải nhân khởi. Pháp nhân tương ưng, pháp không phải nhân tương ưng.

Pháp kiết, pháp không phải kiết. Pháp sinh kiết, pháp không phải sinh kiết. Pháp thủ, pháp không phải thủ. Pháp thọ, pháp không phải thọ. Pháp thủ sinh, pháp không phải thủ sinh.

Pháp phiền não, pháp không phiền não. Pháp cấu uế, pháp không cấu uế. Pháp có cấu uế, pháp không có cấu uế. Pháp triền, pháp không triền. Pháp triền trụ, pháp không phải triền trụ. Pháp triền sinh, pháp không phải triền sinh.

Pháp có duyên, pháp không phải duyên. Pháp có giác, pháp không có giác. Pháp có quán, pháp không có quán. Pháp đáng vui, pháp không đáng vui.

Pháp thọ dụng, pháp không thọ dụng. Pháp có sự có duyên, pháp không sự không duyên. Pháp hữu thượng, pháp vô thượng.

Pháp xa, pháp gần. Pháp hữu lượng, pháp vô lượng. Pháp kiến, pháp không phải kiến.

Pháp kiến xứ, pháp không kiến xứ. Pháp kiến tương ưng, pháp không phải kiến tương ưng. Pháp phạm phu, pháp không phải phạm phu. Pháp phạm phu cộng, pháp không phải phạm phu cộng.

Pháp định, pháp không định. Pháp não, pháp không não. Pháp căn, pháp không phải căn. Pháp thuộc Thánh đế, pháp không thuộc Thánh đế. Pháp cộng hữu, pháp không cộng hữu.

Pháp tương ưng, pháp không tương ưng. Pháp quả, pháp không quả. Pháp có quả, pháp không có quả. Pháp báo, pháp không báo. Pháp có báo, pháp không có báo.

Pháp nhân duyên, pháp không nhân duyên. Pháp có nhân duyên, pháp không có nhân duyên. Pháp xuất, pháp không xuất. Pháp có xuất, pháp không có xuất.

Pháp tương tục, pháp không tương tục. Pháp có tương tục, pháp không có tương tục.

(Đã nói hai pháp có hai trăm mười sáu thứ).

*

Nói về ba pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học.

Pháp do kiến đoạn, pháp do tu đoạn, pháp không đoạn. Pháp do kiến đoạn nhân, pháp do tu đoạn nhân, pháp không đoạn nhân.

Pháp có thể thấy có đối, pháp không thể thấy có đối, pháp không thể thấy không đối. Pháp báo, pháp không báo, pháp phi báo phi phi báo.

Pháp hạ, pháp trung, pháp thượng. Pháp nhỏ, pháp lớn, pháp vô lượng.

Pháp ý lạc, pháp không ý lạc, pháp phi ý lạc phi phi ý lạc. Pháp cùng hợp với lạc, pháp cùng hợp với khổ, pháp không khổ không lạc cùng hợp.

Pháp cùng khởi, pháp cùng trụ, pháp cùng diệt. Pháp không cùng khởi, pháp không cùng trụ, pháp không cùng diệt.

Pháp tâm cùng khởi, pháp tâm cùng trụ, pháp tâm cùng diệt. Pháp không phải tâm cùng khởi, pháp không phải tâm cùng trụ, pháp không phải tâm cùng diệt.

Ba giới: Giới dục, giới sân, giới hại. Lại có ba giới: Giới xuất yếu, giới không sân, giới không hại. Lại có ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Lại có ba giới: Giới sắc, giới vô sắc, giới diệt.

Ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Ba đời: Quá khứ, vị lai, hiện tại.

Ba sự nói: Nói sự việc quá khứ, nói sự việc vị lai, nói sự việc hiện tại.

Ba khổ: Khổ của khổ khổ, khổ của biến khổ, khổ của hành khổ.

Ba pháp: Pháp có giác có quán, pháp không giác có quán, pháp không giác không quán.

Ba địa: Địa có giác có quán, địa không giác có quán, địa không giác không quán.

Ba nghiệp: Nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý. Lại có ba nghiệp: Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Lại có ba nghiệp: Nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học phi vô học. Lại có ba nghiệp: Nghiệp do kiến đoạn, nghiệp do tu đoạn, nghiệp không đoạn. Lại có ba nghiệp: Nghiệp hiện pháp thọ, nghiệp sinh pháp thọ, nghiệp hậu pháp thọ. Lại có ba nghiệp: Nghiệp lạc thọ, nghiệp khổ thọ, nghiệp thọ không khổ không lạc.

(Đã nói ba pháp có chín mươi ba thứ).

*

Nói về bốn pháp: Bốn niệm xứ: 1. Thân niệm xứ. 2. Thọ niệm xứ. 3. Tâm niệm xứ. 4. Pháp niệm xứ.

Bốn chánh cần: 1. Pháp ác bất thiện đã khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng đoạn trừ. 2. Pháp ác bất thiện chưa khởi, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng không khởi. 3. Pháp thiện chưa sinh, dùng chánh cần làm phương tiện khiến chúng sinh. 4. Pháp thiện đã sinh, dùng chánh cần làm phương tiện tu tập khiến chúng an trụ, không quên mất, tu tập đầy đủ, trí chứng thêm rộng.

Bốn như ý túc: 1. Như ý túc dục định tịnh hành thành tựu. 2. Như ý túc tinh tấn định tịnh hành thành tựu. 3. Như ý túc tâm định tịnh hành thành tựu. 4. Như ý túc tuệ định tịnh hành thành tựu.

Bốn thiền: 1. Sơ thiền. 2. Nhị thiền. 3. Tam thiền. 4. Tứ thiền.

Bốn Thánh đế: 1. Khổ Thánh đế. 2. Khổ tập Thánh đế. 3. Khổ diệt Thánh đế. 4. Khổ diệt đạo Thánh đế.

Bốn vô lượng: 1. Từ. 2. Bi. 3. Hỷ. 4. Xả.

Bốn vô sắc: 1. Không nhập xứ. 2. Thức nhập xứ. 3. Vô sở hữu nhập xứ. 4. Phi tướng phi phi tướng nhập xứ.

Bốn Thánh chủng: 1. Thánh chủng biết đủ khi xin được y phục. 2. Thánh chủng biết đủ khi xin được thức ăn. 3. Thánh chủng biết đủ khi có được các thứ ngọa cụ, ngủ nghỉ. 4. Thánh chủng ưa thích nơi thanh vắng để tu tập.

Bốn quả Sa-môn: 1. Quả Sa-môn Tu-đà-hoàn. 2. Quả Sa-môn Tư-đà-hàm. 3. Quả Sa-môn A-na-hàm. 4. Quả Sa-môn A-la-hán vô thượng.

Bốn trí: 1. Pháp trí. 2. Tỷ trí. 3. Tri tha tâm trí. 4. Đẳng trí.

Lại có bốn trí: 1. Khổ trí. 2. Tập trí. 3. Diệt trí. 4. Đạo trí.

Bốn biện: 1. Nghĩa biện. 2. Pháp biện. 3. Từ biện. 4. Tùy ứng biện.

Bốn duyên: 1. Nhân duyên. 2. Thứ đệ duyên. 3. Duyên duyên. 4. Tăng thượng duyên.

Bốn thứ ăn: 1. Thô đoàn thực. 2. Tế xúc thực. 3. Ý tư thực. 4. Thức thực.

Bốn lưu (Bộc lưu): 1. Dục lưu. 2. Hữu lưu. 3. Kiến lưu. 4. Vô minh lưu.

Bốn ách: Ách dục, ách hữu, ách kiến, ách vô minh.

Bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

Bốn pháp: Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại có bốn pháp: Pháp thuộc cõi Dục, pháp thuộc cõi Sắc, pháp thuộc cõi Vô sắc, pháp không hệ thuộc.

Lại có bốn pháp: Pháp nhân thiện, pháp nhân bất thiện, pháp nhân vô ký, pháp không phải nhân thiện, không phải nhân bất thiện, không phải nhân vô ký.

Lại có bốn pháp: Pháp có duyên duyên, pháp không duyên duyên, pháp có duyên duyên không duyên duyên, pháp phi hữu duyên duyên phi vô duyên duyên.

(Đã nói bốn pháp có tám mươi bốn thứ).

*

Nói về năm pháp: Năm ấm: Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Năm thanh ấm: Sắc thanh ấm, thọ thanh ấm, tưởng thanh ấm, hành thanh ấm, thức thanh ấm.

Năm nẻo (thú): Nẻo địa ngục, nẻo ngạ quỷ, nẻo súc sinh, nẻo trời, nẻo người.

Năm thân phiền não: Thân phiền não do kiến khổ đoạn. 2. Thân phiền não do kiến tập đoạn. 3. Thân phiền não do kiến diệt đoạn. 4. Thân phiền não do kiến đạo đoạn. 5. Thân phiền não do tu đoạn.

Năm pháp: Sắc pháp, tâm pháp, pháp của tâm pháp, tâm bất tương ưng hành pháp, vô vi pháp.

(Đã nói năm pháp có hai mươi lăm thứ).

*

Nói về sáu pháp: Sáu giới: Đất, nước, gió, lửa, hư không, thức.

Sáu pháp: Pháp do kiến khổ đoạn, pháp do kiến tập đoạn, pháp do kiến diệt đoạn, pháp do kiến đạo đoạn, pháp do tu đoạn, pháp không đoạn.

(Đã nói sáu pháp có mười hai thứ).

*

Nói về bảy pháp: Bảy sử: Sử dục tham, sử giận dữ, sử hữu ái, sử mạn, sử vô minh, sử kiến, sử nghi.

Bảy thức trụ: 1. Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, đủ loại tướng, nghĩa là hàng người, trời. Đó gọi là xứ thức trụ thứ nhất. 2. Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, một thứ tướng, là nơi chốn chuyển đầu tiên của thân Phạm thiên. Đó gọi là xứ thức trụ thứ hai. 3. Chúng sinh có sắc, một thứ thân, đủ loại tướng, là cõi trời Quang âm. Đó gọi là xứ thức trụ thứ ba. 4. Chúng sinh có sắc, một thứ thân, một thứ tướng, là cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là xứ thức trụ thứ tư. 5. Chúng sinh không sắc, đã lià hết thấy tướng sắc, tướng chướng ngại, rốt ráo không còn thứ tướng nào, tư duy về vô lượng không xứ, nhập xứ vô lượng không nhập, là cõi trời Không nhập xứ. Đó gọi là xứ thức trụ thứ năm. 6. Chúng sinh không sắc, đã lià hết thấy xứ không nhập, nhập vô lượng thức, xứ vô lượng thức nhập, là cõi trời Thức nhập xứ. Đó gọi là xứ thức trụ thứ sáu. 7. Chúng sinh không sắc, đã lià hết thấy xứ thức nhập, nhập vô sở hữu, xứ vô sở hữu nhập, là cõi trời Vô sở hữu nhập xứ. Đó gọi là xứ thức trụ thứ bảy.

Bảy giác chi: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, ý giác chi (khinh an giác chi), định giác chi, xả giác chi.

(Đã nói bảy pháp có hai mươi một thứ).

*

Nói về tám pháp: Tám giải thoát xứ: 1. Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc, đó gọi là xứ giải thoát thứ nhất. 2. Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc, đó là xứ giải thoát thứ hai. 3. Thân tịnh chứng xứ giải thoát, đó gọi là xứ giải thoát thứ ba. 4. Đã lià hết thấy tướng sắc, tướng chướng ngại, rốt ráo không còn thứ tướng

nào, tư duy nơi xứ vô biên không, nhập xứ vô biên không nhập, đó gọi là xứ giải thoát thứ tư. 5. Lìa hết thấy xứ không nhập, nhập vô lượng thức, xứ vô lượng thức nhập, đó gọi là xứ giải thoát thứ năm. 6. Lìa hết thấy xứ thức nhập, nhập vô sở hữu, xứ vô sở hữu nhập, đó gọi là xứ giải thoát thứ sáu. 7. Lìa hết thấy xứ vô sở hữu nhập, nhập phi tướng phi phi tướng, xứ Phi tướng phi phi tướng nhập, đó gọi là xứ giải thoát thứ bảy. 8. Đã lìa hết thấy xứ Phi tướng phi phi tướng nhập, tướng thọ diệt, thân chứng trụ, đó gọi là xứ giải thoát thứ tám.

Tám thắng xứ: 1. Trong có tướng sắc, ngoài quán ít sắc, sắc tốt, sắc xấu, là từ sắc nơi thắng xứ kia sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ nhất. 2. Trong có tướng sắc, ngoài quán nhiều sắc, sắc tốt, sắc xấu, là từ sắc nơi thắng xứ kia sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ hai. 3. Trong không tướng sắc, ngoài quán ít sắc, sắc tốt, sắc xấu, là từ sắc nơi thắng xứ kia sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ ba. 4. Trong không tướng sắc, ngoài quán nhiều sắc, sắc tốt, sắc xấu, là từ sắc nơi thắng xứ kia sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ tư. 5. Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc xanh, màu xanh quán xanh ánh sáng xanh. Ví như màu hoa Cừ-mâu-ca đã thành màu xanh của áo xứ Ba-la-nại, màu xanh đó quán xanh ánh sáng xanh. Như vậy, Tỳ-kheo bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán màu xanh, màu xanh quán xanh ánh sáng xanh. Nghĩa là màu ấy ở nơi thắng xứ sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ năm. 6. Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc vàng, màu vàng quán vàng ánh sáng vàng. Ví như màu hoa Ca-lê-na đã thành màu vàng của áo xứ Ba-la-nại, màu vàng đó quán vàng ánh sáng vàng. Như vậy, Tỳ-kheo bên trong không tướng sắc, bên ngoài quán màu vàng, quán vàng ánh sáng vàng. Nghĩa là màu ấy ở nơi thắng xứ sinh quán tướng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ sáu. 7. Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc đỏ, quán đỏ ánh sáng đỏ. Ví như màu hoa Bàn-

đầu-thị-bà-ca đã thành màu đỏ của áo xứ Ba-la-nại, màu đỏ đó quán đỏ ánh sáng đỏ. Như vậy, Tỳ-kheo bên trong không tưởng sắc, bên ngoài quán màu đỏ, màu đỏ quán đỏ ánh sáng đỏ. Nghĩa là màu ấy ở nơi thắng xứ sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ bảy. 8. Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc trắng, quán trắng ánh sáng trắng. Ví như màu hoa Ưu-tu-đa-la đã thành màu trắng của áo xứ Ba-la-nại, màu trắng đó quán trắng ánh sáng trắng. Như vậy, Tỳ-kheo bên trong không tưởng sắc, bên ngoài quán màu trắng, màu trắng quán trắng ánh sáng trắng. Nghĩa là màu ấy ở nơi thắng xứ sinh quán tưởng. Đó gọi là nhập thắng xứ thứ tám.

Tám đạo chi: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

(Đã nói tám pháp có hai mươi bốn thứ).

*

Nói về chín pháp: Chín kiết: Kiết tham dục, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết tha thủ, kiết nghi, kiết tật, kiết xan.

Chín xứ cư trú của chúng sinh: 1. Chúng sinh có sắc, vô số thân, đủ loại tướng, là hàng trời người. Đó gọi là xứ cư trú thứ nhất của chúng sinh. 2. Chúng sinh có sắc, đủ loại thân, có một thứ tướng, là nơi chốn chuyển ban đầu của thân Phạm thiên. Đó gọi là xứ cư trú thứ hai của chúng sinh. 3. Chúng sinh có sắc, một thứ thân, đủ loại tướng, là cõi trời Quang âm. Đó gọi là xứ cư trú thứ ba của chúng sinh. 4. Chúng sinh có sắc, một thứ thân, một thứ tướng, là cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là xứ cư trú thứ tư của chúng sinh. 5. Chúng sinh có sắc, không có tướng, là chúng sinh nơi cõi trời Vô tướng. Đó gọi là xứ cư trú thứ năm của chúng sinh. 6. Chúng sinh không sắc, đã lìa hết thấy tướng sắc, tướng chướng ngại, hoàn toàn không có một thứ tướng nào, tư duy nơi xứ vô lượng không, nhập trụ vào xứ vô lượng không, là cõi trời Không xứ. Đó gọi là xứ cư

trú thứ sáu của chúng sinh. 7. Chúng sinh không sắc, đã lia hết thầy không xứ, nhập trụ vào xứ vô lượng thức, là cõi trời Thức xứ. Đó gọi là xứ cư trú thứ bảy của chúng sinh. 8. Chúng sinh không sắc, đã lia hết thầy thức xứ, nhập trụ vào xứ vô sở hữu, là cõi trời Vô sở hữu xứ. Đó gọi là xứ cư trú thứ tám của chúng sinh. 9. Chúng sinh không sắc, đã lia hết thầy xứ vô sở hữu, nhập trụ vào xứ phi tướng phi phi tướng, là cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó gọi là xứ cư trú thứ chín của chúng sinh.

(Đã nói chín pháp có mười tám thứ).

*

Nói về mười pháp: Mười nhất thiết nhập: Nhất thiết nhập của địa, một tướng sinh các phương trên, dưới, không hai, vô lượng. Đó gọi là xứ Nhất thiết nhập thứ nhất. Nhất thiết nhập của thủy, hỏa, phong, xứ nhất thiết nhập của xanh vàng đỏ trắng, không, xứ nhất thiết nhập của thức, một tướng sinh các phương trên, dưới, không hai, vô lượng. Đó gọi là mười xứ nhất thiết nhập.

Mười pháp vô học: Đó là chánh kiến vô học cho đến giải thoát vô học, giải thoát tri kiến vô học.

(Đã nói mười pháp có hai mươi thứ).

*

Nói về mười một pháp: Mười một pháp: Sắc hữu lậu, vô lậu, thọ tướng hành thức hữu lậu, vô lậu và pháp vô vi.

(Đã nói mười một pháp có mười một thứ).

*

Nói về mười hai pháp: Mười hai nhập: Là nhãn nhập - sắc nhập cho đến ý nhập - pháp nhập.

(Đã nói mười hai pháp có mười hai thứ).

*

Nói về mười tám pháp: Mười tám giới: Nói rộng như trước nơi phẩm Phân Biệt Về Bảy Sự.

(Đã nói mười tám pháp có mười tám thứ).

*

Nói về hai mươi hai pháp: Hai mươi hai căn: Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

(Đã nói hai mươi hai pháp có hai mươi hai thứ).

*

Nói về chín mươi tám pháp: Chín mươi tám sử: (Đã nói chín mươi tám pháp có chín mươi tám thứ).

* ***Thế nào là Pháp nhĩ diệm (Nhĩ diệm: Cảnh giới)?*** Là hết thấy pháp do trí nhĩ diệm (Trí cảnh) đã nhận biết, tùy chỗ ứng hợp. Thế nào là tùy chỗ ứng hợp? Là trí nhận biết khổ kia, trí nhận biết khổ tập, trí nhận biết tập diệt, trí nhận biết diệt đạo. Đạo và mọi điều thiện trí cũng nhận biết. Khổ, tập, diệt, đạo, hư không, số diệt, phi số diệt, hết thấy những pháp ấy trí nhĩ diệm đều nhận biết, tùy chỗ ứng hợp, đó gọi là pháp nhĩ diệm.

Thế nào là pháp thức? Là hết thấy pháp do thức nhận biết, phân biệt, tùy chỗ ứng hợp. Thế nào là tùy chỗ ứng hợp? Là như nhãn thức nhận biết sắc, nhĩ thức nhận biết tiếng, tỷ thức nhận biết mùi, thiệt thức nhận biết vị, thân thức nhận biết xúc, ý thức nhận biết pháp. Mắt, sắc cũng nhận biết cái biết của nhãn thức. Tai, tiếng cũng nhận

biết cái biết của nhĩ thức. Mũi, hương cũng nhận biết cái biết của tỷ thức. Lưỡi, vị cũng nhận biết cái biết của thiệt thức. Thân, xúc cũng nhận biết cái biết của thân thức. Ý, pháp cũng nhận biết cái biết của ý thức. Thức phân biệt hết thấy pháp này, tùy chỗ ứng hợp, đó gọi là pháp thức.

Thế nào là pháp thông nhĩ diệm? Pháp thông nhĩ diệm là tuệ nơi tất cả pháp kia đã thông tỏ về nhĩ diệm (cảnh giới) theo chỗ ứng hợp. Thế nào là tùy chỗ ứng hợp? Là khổ nhãn thì khổ trí thông khổ nhĩ diệm. Tập nhãn thì tập trí thông tập nhĩ diệm. Diệt nhãn thì diệt trí thông diệt nhĩ diệm. Đạo nhãn thì đạo trí thông đạo nhĩ diệm. Và tuệ hữu lậu thiện cũng thông khổ nhĩ diệm. Tập, diệt, đạo, hư không, số diệt, phi số diệt đều thông nhĩ diệm. Hết thấy các pháp ấy đều thông tỏ về nhĩ diệm, tùy chỗ ứng hợp, đó gọi là pháp thông nhĩ diệm.

Thế nào là pháp duyên? Là hết thấy pháp duyên, tức là tâm, tâm pháp, tùy chỗ ứng hợp. Thế nào là tùy chỗ ứng hợp? Nghĩa là nhãn thức thì nhãn thức tương ưng với pháp duyên nơi sắc. Nhĩ thức thì nhĩ thức tương ưng với pháp duyên nơi tiếng. Tỷ thức thì tỷ thức tương ưng với pháp duyên nơi hương. Thiệt thức thì thiệt thức tương ưng với pháp duyên nơi vị. Thân thức thì thân thức tương ưng với pháp duyên nơi xúc. Ý thức thì ý thức tương ưng với pháp duyên nơi pháp. Nhãn, sắc và nhãn thức duyên nhau. Nhĩ, thanh và nhĩ thức duyên nhau. Tỷ, hương và tỷ thức duyên nhau. Thân, xúc và thân thức duyên nhau. Ý, pháp và ý thức duyên nơi hết thấy pháp, tức là tâm, tâm pháp. Đó gọi là pháp duyên.

Thế nào là pháp tăng thượng? Là hết thấy pháp hữu vi lần lượt tăng thượng cùng pháp vô vi được các pháp hữu vi tăng thượng. Đó gọi là pháp tăng thượng.

Thế nào là pháp sắc? Là mười thứ sắc nhập và phần ít của một nhập.

Thế nào là pháp không phải sắc? Là một nhập và phần ít của một nhập.

*

Thế nào là pháp có thể thấy? Là một nhập.

Thế nào là pháp không thể thấy? Là mười một nhập.

*

Thế nào là pháp có đối? Là mười nhập.

Thế nào là pháp không đối? Là hai nhập.

*

Thế nào là pháp hữu lậu? Là mười nhập và phần ít của hai nhập.

Thế nào là pháp vô lậu? Là phần ít của hai nhập.

*

Thế nào là pháp hữu vi? Là mười một nhập và phần ít của một nhập

Thế nào là pháp vô vi? Là phần ít của một nhập.

*

Thế nào là pháp có tranh? Là mười nhập và phần ít của hai nhập.

Thế nào là pháp không tranh? Là phần ít của hai nhập.

*

Như pháp có tranh, pháp không tranh, các thứ pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nhập, pháp bất nhập, pháp nhiễm ô, pháp

không nhiễm ô, pháp dựa vào tại gia, pháp dựa vào nẻo xuất ly cũng như vậy.

*

Thế nào là pháp tâm? Là một nhập.

Thế nào là pháp không tâm? Là mười một nhập.

*

Thế nào là pháp tâm pháp? Là như pháp tâm tương ưng. Điều ấy là thế nào? Nghĩa là thọ ấm, tưởng ấm tương ưng với hành ấm.

Thế nào là pháp không phải tâm pháp? Là như pháp tâm không tương ưng. Điều ấy là thế nào? Là sắc, tâm, tâm bất tương ưng hành và vô vi.

*

Như pháp tâm pháp, pháp không phải tâm pháp, pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng cũng như vậy.

*

Thế nào là pháp tâm cộng hữu? Là như tâm cùng có phần ít của mười một nhập, trừ ý nhập.

Thế nào là pháp không phải tâm cộng hữu? Là ý nhập, như không phải tâm cùng có phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp tâm tùy chuyển? Là như pháp tâm cùng một khởi, một trụ, một diệt. Điều ấy là thế nào? Là hết thấy tâm cùng pháp, cùng đạo, cùng định, cùng giới. Tâm ấy và pháp ấy cùng sinh, cùng trụ, cùng dị, cùng diệt. Đó gọi là pháp tâm tùy chuyển.

Thế nào là pháp không phải tâm tùy chuyển? Là như pháp tâm không cùng một khởi, một trụ, một diệt. Điều ấy là thế nào? Là trừ tâm pháp, pháp và đạo cùng định cùng giới, như còn lại là sắc. Trừ tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành, như tâm còn lại là tâm bất tương ưng hành và vô vi. Đó gọi là pháp không phải tâm tùy chuyển.

*

Thế nào là pháp tâm nhân? Là như hội nhập vào chỗ vượt khỏi, lìa sinh nhân, trừ tâm vô lậu ban đầu, như tâm còn lại, cùng với các phàm phu khác quyết định hướng tới, siêu vượt lìa sinh. Ngoài tâm vô lậu ban đầu của đời vị lai, hoặc tâm khác, hoặc tâm nhân nơi phần ít của mười một nhập. Đó gọi là pháp tâm nhân.

Thế nào là pháp không phải tâm nhân? Là như vượt khỏi, lìa sinh nhân, tâm vô lậu ban đầu cùng với hàng phàm phu khác quyết định hướng tới, siêu vượt lìa sinh, là tâm vô lậu ban đầu của vị lai kia và phi tâm hoặc phi tâm nhân nơi phần ít của mười một nhập. Đó gọi là pháp không phải tâm nhân.

*

Thế nào là pháp tâm thứ lớp? Là như thứ lớp của tâm với các tâm, tâm pháp còn lại, đã sinh, sẽ sinh, hoặc định vô tướng, định diệt tận, đã khởi, sẽ khởi. Đó gọi là pháp tâm thứ lớp.

Thế nào là pháp không phải tâm thứ lớp? Tức trừ thứ lớp của tâm là tâm, tâm pháp, hoặc các tâm, tâm pháp còn lại, trừ thứ lớp của tâm, tâm bất tương ưng hành, hoặc tâm bất tương ưng hành khác, sắc và vô vi. Đó gọi là pháp không phải tâm thứ lớp.

*

Thế nào là pháp duyên tâm? Là như ý thức tương ưng với tâm duyên.

Thế nào là pháp không duyên tâm? Là trừ tâm duyên cùng ý thức tương ưng, ngoài ra không phải là tâm duyên tương ưng với ý thức cùng năm thức tương ưng với sắc và vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp tâm tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không phải tâm tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp tâm quả? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp không tâm quả? Là hư không, phi số diệt.

*

Thế nào là pháp tâm báo? Là như tâm báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp không tâm báo? Là thanh nhập, như không phải tâm báo được phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp nghiệp? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp, tư nghiệp.

Thế nào là pháp không phải nghiệp? Là trừ nghiệp thân, khẩu như sắc còn lại, trừ nghiệp tư như hành còn lại, trừ ba ấm còn lại như thọ v.v... và vô vi.

*

Thế nào là pháp nghiệp tương ưng? Là như pháp tư tương ưng. Việc này lại là thế nào? Là hết thấy tâm, tâm pháp, trừ tư. Đó gọi là pháp nghiệp tương ưng.

Thế nào là pháp không phải nghiệp tương ưng? Là như pháp không tương ưng với tư. Việc này lại là thế nào? Là sắc, tư, tâm bất tương ưng hành và vô vi. Đó gọi là pháp không nghiệp tương ưng.

*

Thế nào là pháp nghiệp cộng hữu (cùng có)? Là ý nhập. Như nghiệp cùng có phần ít của mười một nhập, trừ tư.

Thế nào là pháp không phải nghiệp cộng hữu? Là nghiệp tư, trừ ý nhập và phi nghiệp cùng có phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp nghiệp tùy chuyển? Là như pháp cùng với tư cùng một khởi, trụ, diệt. Việc này lại là thế nào? Là hết thấy tâm, tâm pháp, trừ tư. Như đạo cùng định cùng giới, hoặc nghiệp tư kia cùng pháp ấy sinh trụ dị diệt. Đó gọi là pháp nghiệp tùy chuyển.

Thế nào là pháp không phải nghiệp tùy chuyển? Là pháp không cùng với tư cùng một khởi, trụ, diệt. Việc này lại là thế nào? Là trừ tâm, tâm pháp và nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, khẩu. Như sắc còn lại, trừ nghiệp tùy chuyển nơi tâm bất tương ưng hành. Như tâm bất tương ưng hành còn lại với tư và vô vi. Đó gọi là pháp không phải nghiệp tùy chuyển.

*

Thế nào là pháp nghiệp nhân? Là như nhập vào chỗ vượt cao, lia sinh nhân, trừ nghiệp tư vô lậu ban đầu, như tư còn lại và các phàm phu khác quyết định hướng tới, siêu vượt, ly sinh, trừ nghiệp tư vô lậu ban đầu của đời vị lai, như tư còn lại và ý nhập, hoặc nghiệp nhân nơi phần ít của mười một nhập. Đó gọi là pháp nghiệp nhân.

Thế nào là pháp không phải nghiệp nhân? Là như nhập vào chỗ vượt cao lia sinh nhân, tư duy vô lậu ban đầu kia cùng chúng phàm

phu khác quyết định hướng tới, siêu vượt, ly sinh, là tư vô lậu ban đầu nơi đời vị lai hoặc không phải nghiệp nhân nơi phần ít của mười một nhập, trừ ý nhập. Đó gọi là pháp không phải nghiệp nhân.

*

Thế nào là pháp nghiệp thứ đệ? Là như pháp thứ lớp của tâm.

Thế nào là pháp không phải nghiệp thứ đệ? Là như pháp không phải là thứ lớp của tâm.

*

Thế nào là pháp duyên nghiệp? Là như mắt, tai, ý v.v... ba thức thân ấy tương ưng khi duyên nơi nghiệp. Đó gọi là pháp duyên nghiệp.

Thế nào là pháp không duyên nghiệp? Là như trừ mắt v.v... duyên nơi nghiệp, ba thức thân tương ưng. Như mắt v.v... những duyên khác không phải là nghiệp tương ưng với ba thức thân. Và ba thức thân như tỷ, thiệt, thân v.v... tương ưng với sắc và vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đó gọi là pháp không duyên nghiệp.

*

Thế nào là pháp nghiệp tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không phải nghiệp tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp nghiệp quả? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp không nghiệp quả? Là hư không, phi số diệt.

*

Thế nào là pháp nghiệp báo? Là như nghiệp báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp không nghiệp báo? Là thanh nhập, như phi nghiệp báo được phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp hữu? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không hữu? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp có tương ưng? Là tâm, tâm pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không có tương ưng? Là tâm, tâm pháp, sắc vô lậu và vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp có cộng hữu? Là pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu pháp hữu lậu cùng khởi.

Thế nào là pháp không có cộng hữu? Là trừ pháp hữu lậu và pháp vô lậu cùng có, như pháp vô lậu còn lại.

*

Thế nào là pháp có tùy chuyển có nhân? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không có tùy chuyển không có nhân? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp có thứ lớp? Là tâm, tâm pháp hữu lậu kia thứ lớp sinh tâm, tâm pháp khác, đã khởi, sẽ khởi và chánh thọ (định) vô tướng, chánh thọ diệt tận, đã khởi, sẽ khởi. Đó gọi là pháp có thứ lớp.

Thế nào là pháp không có thứ lớp? Là trừ thứ lớp hiện có nơi tâm, tâm pháp, hoặc tâm, tâm pháp còn lại, trừ thứ lớp hiện có nơi

tâm bất tương ưng hành, hoặc tâm bất tương ưng hành còn lại, sắc và vô vi. Đó gọi là pháp không có thứ lớp.

*

Thế nào là pháp duyên hữu? Là năm thức tương ưng cùng duyên hữu nơi ý thức tương ưng.

Thế nào là pháp không duyên hữu? Là trừ năm thức tương ưng và duyên hữu nơi ý thức tương ưng, như ý thức còn lại tương ưng với sắc và vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp có tăng thượng? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không có tăng thượng? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp có quả? Là pháp hữu lậu, như đạo thế tục đoạn hết kiết, chứng đắc.

Thế nào là pháp không có quả? Là trừ pháp hữu lậu và pháp vô lậu hữu quả, như pháp vô lậu còn lại.

*

Thế nào là pháp có báo? Là như có báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp không có báo? Là thanh nhập, như không phải có báo được phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp đoạn trí? Là hai trí, tức pháp trí, tỷ trí.

*

Thế nào là pháp trí sở tri? Là hết thấy pháp do trí nhận biết.

Thế nào là pháp không phải trí sở tri? Là hoặc cầu pháp như thế nhưng không thể đạt được.

*

Thế nào là pháp đoạn tri sở đoạn? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không phải đoạn tri sở đoạn? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp tu? Là pháp hữu vi thiện.

Thế nào là pháp không tu? Là pháp bất thiện, vô ký và số diệt.

*

Thế nào là pháp chứng? Là có hai pháp chứng, tức trí chứng, đắc chứng.

*

Thế nào là pháp trí chứng? Là hết thấy pháp do trí chứng đắc.

Thế nào là pháp không phải trí chứng? Là hoặc cầu pháp như vậy nhưng không thể thủ đắc.

*

Thế nào là pháp đắc chứng? Là pháp thiện nương vào chánh thọ (định) để chứng đắc như thiên nhãn, thiên nhĩ không ẩn giấu (vô phú) vô ký. Đó gọi là pháp đắc chứng.

Thế nào là pháp không phải đắc chứng? Là trừ thiên nhãn, thiên nhĩ vô phú vô ký, như pháp vô ký còn lại và pháp bất thiện. Đó gọi là pháp không đắc chứng.

*

Thế nào là pháp tập? Là pháp hữu vi thiện.

Thế nào là pháp không tập? Là pháp bất thiện, vô ký và số diệt.

*

Thế nào là pháp có tội? Là pháp bất thiện và ẩn mắt (hữu phú) vô ký.

Thế nào là pháp không tội? Là pháp thiện và không ẩn mắt (vô phú) vô ký.

*

Như pháp có tội, pháp không tội, các thứ pháp đen, pháp trắng, pháp thoái, pháp không thoái cũng như vậy.

*

Thế nào là pháp ẩn giấu? Là pháp cấu uế.

Thế nào là pháp không ẩn giấu? Là pháp không cấu uế

*

Thế nào là pháp ký? Là pháp thiện và pháp bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký? Là trừ pháp thiện, pháp bất thiện, tức là pháp còn lại.

*

Thế nào là pháp đã khởi? Là pháp quá khứ, hiện tại.

Thế nào là pháp không phải đã khởi? Là pháp không sinh ở vị lai và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp nay khởi? Là như pháp hiện tiền, vị lai tất khởi.

Thế nào là pháp không phải nay khởi? Là trừ pháp hiện tiền, vị lai tất khởi, pháp vị lai, pháp quá khứ, hiện tại và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp đã diệt? Là pháp quá khứ.

Thế nào là pháp không phải đã diệt? Là pháp hiện tại, vị lai và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp đang diệt? Là như pháp hiện tại diệt.

Thế nào là pháp không phải đang diệt? Là trừ pháp hiện tại hiện tiền diệt, như pháp hiện tại còn lại, pháp quá khứ, vị lai và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp duyên khởi? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không phải duyên khởi? Là pháp vô vi.

*

Như pháp duyên khởi, pháp không phải duyên khởi, các thứ pháp duyên sinh, pháp không phải duyên sinh, pháp nhân, pháp không nhân, pháp có nhân, pháp không có nhân, pháp nhân khởi, pháp không phải nhân khởi cũng như vậy.

*

Thế nào là pháp nhân tương ưng? Là hết thấy tâm, tâm pháp.

Thế nào là pháp không phải nhân tương ưng? Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp kiết? Là chín kiết.

Thế nào là pháp không phải kiết? Là trừ chín kiết, như các pháp còn lại.

*

Thế nào là pháp sinh kiết? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không phải sinh kiết? Là pháp vô lậu

*

Thế nào là pháp thủ? Là bốn pháp thủ.

Thế nào là pháp không phải thủ? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp thọ? Là như thuộc về tự tánh của pháp.

Thế nào là pháp không phải thọ? Là như không thuộc về tự tánh của pháp.

*

Thế nào là pháp thủ sinh? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không phải thủ sinh? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp phiền não? Là như pháp trói buộc đã dấy khởi.

Thế nào là pháp không phiền não? Là như pháp không trói buộc đã dấy khởi.

*

Thế nào là pháp cấu uế? Là pháp bất thiện và ẩn một (hữu phú) vô ký.

Thế nào là pháp không cấu uế? Là pháp thiện và không ản một (vô phú) vô ký.

*

Thế nào là pháp có cấu uế? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không có cấu uế? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp triền? Là các pháp không ền nã.

Thế nào là pháp không phải triền? Là pháp không phải các phiền nã.

*

Thế nào là pháp triền trụ? Là tâm, tâm pháp cấu uế.

Thế nào là pháp không phải triền trụ? Là tâm, tâm pháp, sắc không cấu uế và tâm bất tương ưng hành, vô vi.

*

Thế nào là pháp triền sinh? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không phải triền sinh? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp có duyên? Là hết thủy tâm, tâm pháp.

Thế nào là pháp không duyên? Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp có giác? Là như pháp tương ưng với giác.

Thế nào là pháp không có giác? Là như pháp không tương ưng với giác.

*

Thế nào là pháp có quán? Là như pháp tương ưng với quán.

Thế nào là pháp không có quán? Là như pháp không tương ưng với quán.

*

Thế nào là pháp đáng vui? Là như pháp tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là pháp không đáng vui? Là như pháp không tương ưng với hỷ căn.

*

Thế nào là pháp thọ dụng? Là như pháp tương ưng với ý tư duy.

Thế nào là pháp không thọ dụng? Là như pháp không tương ưng với ý tư duy.

*

Thế nào là pháp có sự có duyên? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không sự không duyên? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp hữu thượng? Là hết thấy pháp hữu vi và hư không, phi số diệt.

Thế nào là pháp vô thượng? Là pháp số diệt.

*

Thế nào là pháp xa? Là pháp quá khứ, vị lai.

Thế nào là pháp gần? Là pháp hiện tại và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp hữu lượng? Là như quả hữu lượng của pháp và số lượng của báo lường tính được.

Thế nào là pháp vô lượng? Là như quả vô lượng của pháp và số lượng của báo không lường tính được.

*

Thế nào là pháp kiến? Là như nhãn căn và năm tà kiến, chánh kiến thế tục, kiến học, kiến vô học.

Thế nào là pháp không phải kiến? Là trừ nhãn căn, như sắc còn lại, trừ tám kiến, còn lại là các pháp thuộc hành ẩm, ba ẩm như thọ v.v... và pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp kiến xứ? Là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp không kiến xứ? Là pháp vô lậu.

*

Thế nào là pháp kiến tương ưng? Là pháp tương ưng với tám kiến.

Thế nào là pháp không kiến tương ưng? Là pháp không tương ưng với tám kiến.

*

Thế nào là pháp phạm phu? Là chúng sinh nhập địa ngục, nhập súc sinh, nhập ngạ quỷ, nhập người nơi châu Uất-đơn-việt, nhập cõi trời Vô tướng, hoặc do nghiệp sinh nơi các cõi ấy. Đó gọi là pháp phạm phu.

Thế nào là pháp không phải phạm phu? Là bốn dấu đạo, bốn biện tài, bốn quả Sa-môn, nguyện trí vô tránh, đại bi, chánh thọ diệt tận, không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng, huân tu

thiền, các trí như vô gián v.v... nhập cõi trời Tịnh cư, do nghiệp nên sinh nơi các cõi ấy. Đó gọi là pháp không phải phạm phu.

*

Thế nào là pháp phạm phu cộng? Là như đạo cộng, định cộng, sinh đầu đều có xứ dung nạp phạm phu cùng Thánh nhân, như chánh thọ hoặc sinh. Đó gọi là pháp phạm phu cộng.

Thế nào là pháp không phải phạm phu cộng? Tức như không phải là pháp phạm phu. Đó gọi là pháp không phải phạm phu cộng.

*

Thế nào là pháp định? Là năm nghiệp vô gián, pháp học, pháp vô học.

Thế nào là pháp không định? Là trừ năm nghiệp vô gián và hai pháp học, các pháp hữu lậu còn lại và vô vi.

*

Thế nào là pháp não? Là pháp bất thiện, ẩn một (hữu phú) vô ký.

Thế nào là pháp không não? Là pháp thiện, không ẩn một (vô phú) vô ký.

*

Thế nào là pháp căn? Là sáu nội nhập và pháp thuộc về căn trong pháp nhập.

Thế nào là pháp không phải căn? Là năm ngoại nhập và pháp không thuộc về căn trong pháp nhập.

*

Thế nào là pháp Thánh để gồm thâu? Là hết thấy pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp không phải Thánh để gồm thâu? Là hư không, phi số diệt.

*

Thế nào là pháp cộng hữu? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không cộng hữu? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp tương ưng? Là hết thấy tâm, tâm pháp.

Thế nào là pháp không tương ưng? Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Thế nào là pháp quả? Là tất cả pháp hữu vi và số diệt.

Thế nào là pháp không quả? Là hư không, phi số diệt.

*

Thế nào là pháp có quả? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không có quả? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp báo? Là như báo được phần ít của mười một nhập, trừ thanh nhập.

Thế nào là pháp không báo? Là thanh nhập, như không phải báo được phần ít của mười một nhập.

*

Thế nào là pháp có báo? Là pháp hữu lậu thiện, bất thiện.

Thế nào là pháp không có báo? Là pháp vô lậu vô ký.

*

Thế nào là pháp nhân duyên? Là tất cả các pháp.

Thế nào là pháp không nhân duyên? Là pháp như thị, không thể thủ đắc.

*

Thế nào là pháp có nhân duyên? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không có nhân duyên? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp xuất? Là giới thiện thuộc cõi Dục, pháp học, pháp vô học, chánh thọ thiện, tịch tĩnh xuất yếu thuộc cõi Sắc, Vô sắc và số diệt. Đó gọi là pháp xuất.

Thế nào là pháp không xuất? Là trừ giới thiện thuộc cõi Dục, các pháp thuộc cõi Dục còn lại. Trừ chánh thọ thiện, tịch tĩnh xuất yếu thuộc cõi Sắc, Vô sắc, các pháp thuộc cõi Sắc, Vô sắc còn lại và hư không, phi số diệt. Đó gọi là pháp không xuất.

*

Thế nào là pháp có xuất? Là pháp hữu vi.

Thế nào là pháp không có xuất? Là pháp vô vi.

*

Thế nào là pháp tương tục? Là như phần đoạn của pháp kia đã khởi, sẽ khởi. Việc này lại là thế nào? Là pháp quá khứ, hiện tại, hoặc pháp vị lai, hiện tiền tất khởi, pháp sau cùng với pháp trước nối tiếp. Đó gọi là pháp tương tục.

Thế nào là pháp không tương tục? Là trừ pháp quá khứ, hiện tại và pháp vị lai hiện tiền tất khởi, như còn lại là pháp vị lai và pháp vô vi. Đó gọi là pháp không tương tục.

*

Thế nào là pháp có tương tục? Là như phần đoạn của pháp kia đã khởi. Việc này lại là thế nào? Nghĩa là trừ năm âm thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán trong quá khứ, hiện tại, còn lại là pháp quá khứ, hiện tại, pháp trước chiêu tập pháp sau nối tiếp. Đó gọi là pháp có tương tục.

Thế nào là pháp không có tương tục? Là năm âm thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán trong quá khứ, hiện tại, như pháp vị lai và pháp vô vi. Đó gọi là pháp không có tương tục.

(Đã nói xong hai pháp).

HẾT - QUYỂN 4

MỤC LỤC

SỐ 1536/20: LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC	5
Quyển 14.....	5
Phẩm 6: Năm Pháp, Phần 4.....	5
Quyển 15.....	19
Phẩm 7: Sáu Pháp, Phần 1	19
Quyển 16.....	38
Phẩm 7: Sáu Pháp, Phần 2	38
Phẩm 8: Bảy Pháp, Phần 1	48
Quyển 17.....	57
Phẩm 8: Bảy Pháp, Phần 2	57
Quyển 18.....	78
Phẩm 9: Tám Pháp, Phần 1	78
Quyển 19.....	98
Phẩm 9: Tám Pháp, Phần 2	98
Phẩm 10: Chín Pháp.....	101
Phẩm 11: Mười Pháp, Phần 1.....	106
Quyển 20.....	115
Phẩm 11: Mười Pháp, Phần 2.....	115
Phẩm 12: Khen, Khuyến.....	126
SỐ 1537/12: LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UÂN TÚC	128
Quyển 1.....	128
Phẩm 1: Học Xứ.....	129
Quyển 2.....	152
Phẩm 2: Chi Dự Lưu	152
Phẩm 3: Chứng Tịnh, Phần 1	160
Quyển 3.....	173
Phẩm 3: Chứng Tịnh, Phần 2	173
Phẩm 4: Quả Sa Môn	181
Phẩm 5: Thông Hành	183
Phẩm 6: Thánh Chứng	189
Phẩm 7: Chánh Thắng, Phần 1	196
Quyển 4.....	202
Phẩm 7: Chánh Thắng, Phần 2.....	202

Phẩm 8: Thần Túc, Phần 1	215
Quyển 5	224
Phẩm 8: Thần Túc, Phần 2	224
Phẩm 9: Niệm Trụ, Phần 1	233
Quyển 6	245
Phẩm 9: Niệm Trụ, Phần 2	245
Phẩm 10: Thánh Đế	250
Phẩm 11: Tĩnh Lự, Phần 1	262
Quyển 7	271
Phẩm 11: Tĩnh Lự, Phần 2	271
Phẩm 12: Vô Lượng	276
Quyển 8	292
Phẩm 13: Vô Sắc	292
Phẩm 14: Tu Định	296
Phẩm 15: Giác Chi, Phần 1	305
Quyển 9	316
Phẩm 15: Giác Chi, Phần 2	316
Phẩm 16: Tạp Sự	320
Quyển 10	339
Phẩm 17: Căn	339
Phẩm 18: Xứ	348
Phẩm 19: Uẩn	354
Phẩm 20: Nhiều Giới, Phần 1	358
Quyển 11	368
Phẩm 20: Nhiều Giới, Phần 2	368
Phẩm 21: Duyên Khởi, Phần 1	377
Quyển 12	393
Phẩm 21: Duyên Khởi, Phần 2	393
SỐ 1538/7: LUẬN THI THIẾT	416
Quyển 1	416
Quyển 2	430
Quyển 3	439
Quyển 4	450
Quyển 5	460
Quyển 6	470
Quyển 7	479
SỐ 1539/16: LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC	489
Quyển 1	489
Uẩn Thứ 1: Mục Kiền Liên, Phần 1	490
Uẩn Thứ 1: Mục Kiền Liên, Phần 2	495
Uẩn Thứ 1: Mục Kiền Liên, Phần 3	501

Uẩn Thứ 1: Mục Kiền Liên, Phần 4.....	512
Quyển 2.....	519
Uẩn Thứ 1: Mục Kiền Liên, Phần 5.....	519
Uẩn Thứ 2: Bồ Đặc Già La, Phần 1.....	524
Quyển 3.....	547
Uẩn Thứ 2: Bồ Đặc Già La, Phần 2.....	547
Uẩn Thứ 2: Bồ Đặc Già La, Phần 3.....	553
Uẩn Thứ 2: Bồ Đặc Già La, Phần 4.....	563
Quyển 4.....	573
Uẩn Thứ 3: Nhân Duyên, Phần 1.....	573
Quyển 5.....	603
Uẩn Thứ 3: Nhân Duyên, Phần 2.....	603
Quyển 6.....	632
Uẩn Thứ 4: Sở Duyên Duyên, Phần 1.....	632
Quyển 7.....	654
Uẩn Thứ 4: Sở Duyên Duyên, Phần 2.....	654
Quyển 8.....	674
Uẩn Thứ 4: Sở Duyên Duyên, Phần 3.....	674
Quyển 9.....	691
Uẩn Thứ 4: Sở Duyên Duyên, Phần 4.....	691
Quyển 10.....	709
Uẩn Thứ 4: Sở Duyên Duyên, Phần 5.....	709
Quyển 11.....	736
Uẩn Thứ 5: Tạp, Phần 1.....	736
Quyển 12.....	761
Uẩn Thứ 5: Tạp, Phần 2.....	761
Quyển 13.....	798
Uẩn Thứ 6: Thành Tựu, Phần 1.....	798
Quyển 14.....	825
Uẩn Thứ 6: Thành Tựu, Phần 2.....	825
Quyển 15.....	850
Uẩn Thứ 6: Thành Tựu, Phần 3.....	850
Quyển 16.....	877
Uẩn Thứ 6: Thành Tựu, Phần 4.....	877
SỐ 1540/3: LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TÚC.....	911
Quyển Thượng.....	911
Phẩm 1: Bản Sự.....	911
Phẩm 2: Phân Biệt.....	921
Quyển Trung.....	928
Phẩm 2: Phân Biệt.....	928
Quyển Hạ.....	947
Phẩm 2: Phân Biệt.....	947

SỐ 1541/12: LUẬN CHÚNG SỰ PHẦN A TỶ ĐÀM.....	965
Quyển 1.....	965
Phẩm 1: Năm Pháp.....	965
Phẩm 2: Phân Biệt Về Trí	975
Quyển 2.....	988
Phẩm 3: Phân Biệt Về Các Nhập	988
Phẩm 4: Phân Biệt Về Bảy Sự	1000
Quyển 3.....	1018
Phẩm 5: Phân Biệt Về Các Sử	1018
Quyển 4.....	1059
Phẩm 6: Phân Biệt Về Thâu Tóm, Phần 1	1059